

VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN
BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM, SỐ
208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG 11
NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

ĐINH THẾ HUYNH	Chủ tịch Hội đồng
VÕ VĂN THƯỜNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN VĂN NÊN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN XUÂN THẮNG	Ủy viên
HÀ BAN	"
BÙI VĂN NAM	"
NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
PHẠM VĂN LINH	"
LÊ QUANG VĨNH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
PHẠM CHÍ THÀNH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN NÊN	Trưởng ban
PHẠM CHÍ THÀNH	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG ANH TUẤN	"
NGUYỄN NGỌC HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 68

LƯU TRẦN LUÂN (Chủ biên)
VĂN THANH MAI
VÕ VĂN BÉ

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 68

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 68 với dung lượng gần 1.300 trang, gồm 182 tài liệu, trong đó có 173 tài liệu ở phần chính thức và 9 tài liệu xếp vào phần Phụ lục, gồm các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy định, thông báo công tác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phản ánh toàn diện hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về kinh tế, chính trị, xây dựng Đảng, an ninh - quốc phòng, đối ngoại, văn hóa - xã hội của đất nước.

Năm 2009 là năm bản lề giữa hai kỳ đại hội, vì vậy, theo chương trình làm việc toàn khóa, Ban Chấp hành Trung ương Đảng dành tới ba hội nghị để bàn và quyết định những vấn đề hệ trọng của đất nước.

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 5-1 đến ngày 13-1-2009 là hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đại hội X, sau 9 ngày làm việc đã thông qua: *Nghị quyết về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng; Kết luận nội bộ về Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang trong tình hình mới; Kết luận về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020; Báo cáo kết quả 2 năm*

thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Hội nghị cũng đã thảo luận, cho ý kiến về hoạt động của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương từ đầu nhiệm kỳ.

Tại Hội nghị giữa nhiệm kỳ quan trọng này, Ban Chấp hành Trung ương đã kiện toàn nhân sự cấp cao của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương và bầu bổ sung ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 29-6 đến ngày 4-7-2009, chủ yếu bàn về việc chuẩn bị Đại hội XI của Đảng. Sau một tuần làm việc, Hội nghị giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo việc nghiên cứu, biên tập đề cương chi tiết thành dự thảo *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991)* và dự thảo *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 - 2020* để trình Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương xem xét.

Hội nghị quyết định điều chỉnh Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương; quyết định bổ sung một số đồng chí trong Tiểu ban Chiến lược tham gia Tiểu ban Cương lĩnh (Tiểu ban này đồng thời thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị Báo cáo Chính trị); quyết định thành lập Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Tổng kết việc thực hiện *Điều lệ Đảng* và bổ sung, sửa đổi *Điều lệ Đảng*, Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội XI.

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 5 đến ngày 10-10-2009, sau khi xem xét các tờ trình, báo cáo của Bộ Chính trị và Ban Cán sự Đảng Chính phủ, đã quyết nghị: Cơ bản tán thành các văn kiện trình Đại hội XI; cơ bản tán thành Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2009

và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010; tán thành chủ trương đầu tư Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận và Dự án thủy điện Lai Châu...

Từ cuối năm 2007, nền kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng tài chính - tiền tệ nặng nề rồi lan rộng ra nhiều nước gây nên suy thoái kinh tế thế giới ảnh hưởng tiêu cực đến nước ta. Từ cuối năm 2007 và năm 2008, kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn, một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô mất cân đối, lạm phát cao, suy giảm kinh tế bắt đầu hiện hữu. Để khắc phục tình hình này, cùng với Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, ngày 6-1-2009, Bộ Chính trị đã họp đề ra “những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội”.

Theo chương trình toàn khóa, Bộ Chính trị, Ban Bí thư làm việc với nhiều tỉnh ủy, thành ủy và ra kết luận về tình hình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị đối với các tỉnh Kon Tum, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế...

Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều quyết định, quy chế phối hợp công tác của Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các cơ quan hữu quan, của Ủy ban Kiểm tra Trung ương với các ban Đảng Trung ương và các cơ quan nhà nước với các cơ quan trong hệ thống chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã cho ý kiến về hoạt động của các cơ quan sự nghiệp của Đảng, các cơ quan sự nghiệp Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hội đồng cấp trung ương; phương thức lãnh đạo của các thành ủy, tỉnh ủy với các đảng bộ và đảng đoàn trực thuộc.

Ở tập 68 này, Trung ương ban hành rất nhiều quyết định về nhân sự cho Tiểu ban Cương lĩnh và Tiểu ban Chiến lược và các tiểu ban

chuẩn bị Đại hội XI của Đảng, cũng như nhân sự của Hội đồng Lý luận Trung ương, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương.

Đặc biệt, để chuẩn bị Đại hội XI, Bộ Chính trị đã ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng và Chỉ thị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Ở phần Phụ lục có một số Tuyên bố chung giữa Việt Nam với Nhật Bản, Lào, Niu Dilân, Campuchia, Ôxtrâyliia và diễn văn của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội... trước các diễn đàn quan trọng.

Chỉ trong vòng một năm, với gần 200 tài liệu được công bố trong tập sách này phản ánh cường độ hoạt động rất khẩn trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư để lãnh đạo toàn diện đất nước, thể hiện năng lực cầm quyền của Đảng.

Xin trân trọng giới thiệu tập 68 *Văn kiện Đảng Toàn tập* cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2018

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Ngày 5 tháng 1 năm 2009*

Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị toàn thể lần thứ chín. Thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về dự Hội nghị, chúc toàn thể các đồng chí sang năm mới mạnh khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thắng lợi trên các cương vị công tác của mình.

Hội nghị lần này sẽ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008); kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về phòng, chống tham nhũng, lãng phí; 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược

* Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 5 đến ngày 13-1-2009. Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi sắp xếp tài liệu của Hội nghị theo cụm vấn đề (B.T).

cán bộ và Hội nghị cũng sẽ bàn, quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần này có ý nghĩa rất to lớn. Các báo cáo và đề án đã được gửi tới các đồng chí. Trước khi Hội nghị đi vào thảo luận và quyết định, tôi xin phát biểu một số ý kiến:

Thưa các đồng chí,

Đại hội X của Đảng ta đã xác định 5 năm 2006 - 2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu của thế kỷ XXI và đề ra mục tiêu, phương hướng tổng quát: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Theo mục tiêu, phương hướng đó, trong gần 3 năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đồng tâm, nhất trí, năng động, sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phấn đấu với quyết tâm cao, đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng một cách đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được quan tâm đẩy mạnh, tạo được một số chuyển biến tiến bộ. Sức mạnh của

khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố và phát huy. Sự nghiệp đổi mới tiếp tục được đẩy mạnh trên mọi lĩnh vực. Chính trị - xã hội ổn định; duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, cơ bản ổn định kinh tế vĩ mô, lĩnh vực an sinh xã hội được chăm lo nhiều hơn. Hoạt động đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy mạnh, uy tín nước ta trên trường quốc tế được nâng cao; quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Nhiều chỉ tiêu đã đạt hoặc gần đạt so với Nghị quyết Đại hội X đề ra.

Quyết tâm đó được thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng và phức tạp, khó lường, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính ở một số nền kinh tế lớn dẫn đến sự suy giảm kinh tế thế giới bắt đầu từ giữa năm 2007. Trong nước, bên cạnh những mặt thuận lợi rất cơ bản nhưng cũng gặp phải không ít khó khăn do sự yếu kém nội tại của nền kinh tế; những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân; sự chống phá của các thế lực thù địch; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức cơ sở đảng yếu, sự buông lỏng, yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều cấp, nhiều ngành, v.v.; và những tổn thất nặng nề do thiên tai, dịch bệnh gây ra.

Thư các đồng chí,

Những thành tựu và tiến bộ mà nhân dân ta đã đạt được trong bối cảnh đó là rất quan trọng, thật đáng quý, đáng tự hào. Vừa qua, các ngành, các cấp, các địa phương đã kiểm điểm, đánh giá kết quả đạt được trong nửa đầu

nhiệm kỳ, trên cơ sở đó đề ra phương hướng phấn đấu trong nửa nhiệm kỳ còn lại theo phạm vi chức trách, nhiệm vụ của mình. Đây là một cơ sở quan trọng góp phần vào việc kiểm điểm, đánh giá kết quả chung của cả nước. Tại Hội nghị này, với vai trò của cấp chiến lược, nơi trực tiếp đề ra đường lối, nghị quyết và chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, chúng ta phải xem xét, nhìn nhận vấn đề ở tầm chiến lược; quán triệt quan điểm biện chứng, khách quan, nhìn thẳng vào sự thật, phản ánh đúng thực tiễn để đánh giá đúng tình hình đất nước và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ vừa qua, phân tích ưu điểm, khuyết điểm, tìm đúng nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích, trên cơ sở đó đề ra những mục tiêu, giải pháp quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Những nội dung thảo luận trong Hội nghị lần này sẽ trực tiếp góp phần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, trước hết là năng lực nắm quy luật và vận dụng quy luật vào hoạt động thực tiễn để tạo ra bước phát triển mới cho sự nghiệp cách mạng.

Bác Hồ kính yêu đã dạy: “Dĩ bất biến ứng vạn biến”. Những năm qua, chúng ta đã giữ vững nguyên tắc, ứng phó linh hoạt như thế nào và kết quả đến đâu? Đây cũng là lúc mà chúng ta cần đi sâu nghiên cứu để góp phần giải đáp những vấn đề đặt ra từ thực tiễn, như: Quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển, giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững, giữa tăng trưởng kinh tế và an sinh, công bằng xã hội; quan hệ giữa đổi mới kinh tế và

đổi mới hệ thống chính trị, giữa đổi mới và ổn định; quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; về xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, v.v.. Nói tổng quát hơn, tuy chúng ta kiểm điểm giữa nhiệm kỳ nhưng những nội dung thảo luận và những bài học rút ra được từ thực tiễn vừa qua không chỉ có ý nghĩa đối với nửa nhiệm kỳ còn lại, mà còn thiết thực góp phần định hướng cho chặng đường đổi mới và phát triển của đất nước trong giai đoạn tiếp theo.

Thưa các đồng chí,

Đảng ta là đảng cầm quyền. Đảng có nhiệm vụ lãnh đạo mọi mặt phát triển của đất nước và chịu trách nhiệm trước toàn xã hội. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang hướng về Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trách nhiệm của chúng ta thật nặng nề nhưng rất cao cả. Tôi đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí dự Hội nghị đề cao trách nhiệm, tập trung trí tuệ, phát huy tinh thần dân chủ, sáng tạo, tự phê bình và phê bình nghiêm túc, đóng góp nhiều ý kiến thiết thực để Hội nghị thành công tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.5-10.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 143/TLHN, ngày 25 tháng 12 năm 2008

**Kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội X
của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008)**

(Trình Hội nghị lần thứ chín

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)

Đại hội X của Đảng đã tổng kết 20 năm đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, đề ra đường lối phát triển đất nước trong nhiệm kỳ 2006 - 2010 với chủ đề lớn là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”. Sau khi Đại hội kết thúc thắng lợi, Nghị quyết Đại hội đã được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nghiêm túc và tích cực quán triệt và triển khai thực hiện đạt nhiều thành tựu, đưa sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tiếp tục phát triển; nhưng bên cạnh đó cũng còn một số mặt hạn chế, yếu kém. Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X), Bộ Chính trị xin trình Ban Chấp hành Trung ương “Báo cáo kiểm điểm thực hiện

Nghị quyết Đại hội X trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008)” với các nội dung chính sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG TRONG NỬA ĐẦU NHIỆM KỲ

I- BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TỪ SAU ĐẠI HỘI X

1. Bối cảnh quốc tế

Trong gần 3 năm qua, tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Trong năm đầu nhiệm kỳ, kinh tế thế giới phát triển thuận lợi, nhưng từ giữa năm 2007, nhất là từ giữa năm 2008 đến nay, nền kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng tài chính nặng nề nhất kể từ sau cuộc khủng hoảng 1929 - 1933 và đang lan rộng ra nhiều nước, cuộc khủng hoảng còn diễn biến phức tạp, khó lường trước, có thể kéo dài trong một vài năm, gây ra suy giảm, suy thoái kinh tế thế giới. Toàn cầu hóa kinh tế; cách mạng khoa học - công nghệ; hòa bình, hợp tác phát triển vẫn là xu thế lớn trên thế giới, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp. Sự hình thành các liên kết khu vực, ký kết các hiệp ước hợp tác kinh tế song phương, đa phương tăng lên, nhưng đồng thời cũng diễn ra xu hướng bảo hộ mậu dịch của nhiều nước. Quan hệ giữa các nước lớn vẫn

vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt và kiềm chế lẫn nhau. Sự suy yếu của Mỹ và sự trỗi dậy của một số nước (Trung Quốc, Nga, Ấn Độ...) làm cho xu thế hình thành thế giới đa cực ngày càng rõ hơn. Khu vực Đông Nam Á cơ bản ổn định, song bất ổn chính trị - xã hội xảy ra ở một số nước; tranh chấp chiến lược giữa các nước lớn đối với khu vực, tranh chấp giữa các nước trong và ngoài khu vực trên biển Đông diễn ra rất phức tạp, ảnh hưởng đến giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ lợi ích của nước ta. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành những vấn đề nghiêm trọng trên quy mô toàn cầu. Yêu cầu tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, phát triển bền vững đặt ra với mọi quốc gia trên thế giới.

2. Bối cảnh trong nước

Đại hội X và cuộc bầu cử Quốc hội khóa XII thành công tốt đẹp, các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp được sắp xếp lại, thay đổi nhân sự nhiều chức danh chủ chốt sau Đại hội. Đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và có thêm nhiều bài học kinh nghiệm sau hơn 20 năm đổi mới; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị - xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, có sức hấp dẫn, động viên các nguồn lực trong nước và thu hút các nguồn lực đầu tư nước ngoài; tổ chức thành công tuần lễ cấp cao APEC 2006, trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009; đã tăng

thêm thế và lực, uy tín của nước ta trên thế giới, tạo cho nước ta nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển.

Tuy nhiên, quy mô nền kinh tế vẫn còn rất nhỏ bé, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp; từ cuối năm 2007 đến nay, một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô có những biểu hiện xấu, lạm phát tăng cao, nhập siêu lớn, cán cân thanh toán căng thẳng..., thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra. Ở một số địa phương, đình công của công nhân ở các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khiếu kiện của nông dân về đất đai gia tăng. Tham nhũng, lãng phí và suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhân dân chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Các thế lực thù địch tiếp tục can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta dưới các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo”, kích động bạo loạn, lật đổ, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy nội bộ ta “tự diễn biến”.

II- VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Những mặt đạt được

1. *Nền kinh tế cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối cao, quy mô tổng sản phẩm trong nước tiếp tục tăng lên.* Trong 2 năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt mức cao hơn so với mục tiêu đề ra (năm 2006 là 8,23%, năm 2007 là 8,48%). Năm 2008, do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, tăng trưởng kinh tế chỉ đạt khoảng 6,23%, bình quân 3 năm (2006 - 2008)

đạt 7,6%/năm (mục tiêu Đại hội đề ra là 7,5 - 8%, phấn đấu đạt trên 8%/năm). Giá trị tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng từ 53 tỉ USD (năm 2005) lên 88,7 tỉ USD (năm 2008).

Sản xuất nông nghiệp đã vượt qua nhiều khó khăn (thiên tai, dịch bệnh...), có tốc độ tăng khá cao, bình quân 3 năm đạt 4,83%/năm, vượt mục tiêu Đại hội đề ra, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; nhiều sản phẩm xuất khẩu có khối lượng lớn, chiếm vị trí cao trong nhóm các nước xuất khẩu thế giới (gạo, cà phê, cao su, thủy hải sản...). Giá trị sản xuất công nghiệp các năm đều tăng cao, bình quân 3 năm đạt 16,53%/năm, cao hơn so với kế hoạch; một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao được xây dựng (hóa dầu, đóng tàu, điện tử). Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định, cao hơn mức tăng GDP của nền kinh tế, sản phẩm dịch vụ đa dạng, phong phú hơn.

Thu ngân sách nhà nước đạt mức cao hơn so với mục tiêu Đại hội đề ra¹. Tổng kim ngạch xuất khẩu 3 năm bình quân tăng 26%/năm (cao hơn chỉ tiêu Đại hội); kim ngạch xuất khẩu tính theo đầu người đã đạt xấp xỉ mục tiêu kế hoạch 5 năm. Cán cân thanh toán quốc tế tổng thể có thặng dư, dự trữ ngoại tệ của Nhà nước tăng. Nợ của Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia nằm trong giới hạn an toàn. Trước tình hình lạm phát, nhập siêu tăng cao từ cuối năm 2007, đầu năm 2008, Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo thực hiện nhiều chính sách, giải pháp đồng bộ, bước đầu đạt được kết quả

1. Thu ngân sách nhà nước bình quân 3 năm đạt 27,7%/năm (so với chỉ tiêu Đại hội là bình quân 21 - 22%/năm).

quan trọng, kiềm chế được lạm phát, giảm dần nhập siêu, về cơ bản giữ được ổn định kinh tế.

2. Huy động được lượng vốn lớn từ nhiều nguồn cho đầu tư phát triển, nhất là từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Tỷ lệ huy động vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP bình quân 3 năm đạt 42,0%, cao hơn mục tiêu Đại hội đề ra, nội lực được phát huy¹. Nhiều chương trình, dự án được đầu tư xây dựng, năng lực sản xuất mới của các ngành kinh tế, dịch vụ xã hội tăng lên², đang và sẽ phát huy hiệu quả. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ được bố trí ưu tiên cho các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quan trọng, đã góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm mới, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân. Đầu tư của khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI) và gián tiếp (FII), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tiếp tục tăng (tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện đã đạt tới 92% mục tiêu của 5 năm) thể hiện sự tin tưởng của nhà đầu tư vào triển vọng kinh tế trung và dài hạn của nước ta và đóng góp tích cực vào phát triển kinh

1. Vốn trong nước (ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ, tín dụng nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, của doanh nghiệp tư nhân và dân cư) chiếm 73,3% tổng vốn đầu tư (vốn ngoài nước chiếm 26,7%).

2. Năng lực sản xuất tăng thêm trong 3 năm qua: điện 3.617MW; thép 215 triệu tấn; phân đạm 800.000 tấn; bột giấy 500.000 tấn; 153.586km đường bộ; thủy lợi tưới, tiêu, ngăn mặn 525.000ha, trồng mới 580.000ha rừng, xây dựng 2.150.000m² trường, lớp học, lọc dầu 6 triệu tấn;...

tế đất nước, góp phần cải thiện cán cân vốn trong tình hình nhập siêu tăng rất cao vừa qua.

3. Các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển. Doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đổi mới, sắp xếp lại và cổ phần hóa, thực hiện ngày càng nhiều hơn nguyên tắc thị trường. Hầu hết doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa hoặc chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn đều hoạt động có hiệu quả và phát triển nhanh hơn. Việc kiện toàn tổ chức các tổng công ty, công ty nhà nước quy mô lớn và thí điểm xây dựng một số tập đoàn kinh tế nhà nước¹ bước đầu tạo ra mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Quy mô vốn và năng lực sản xuất của doanh nghiệp nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế then chốt tăng lên, củng cố một bước vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên một số lĩnh vực. Vừa qua, các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các doanh nghiệp lớn, đã góp phần quan trọng trong điều hành của Nhà nước, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Các tổ hợp tác phát triển nhanh trong nhiều lĩnh vực (nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng, thương mại, dịch vụ), nhiều hợp tác xã mới được thành lập, hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế hộ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

1. Đến cuối năm 2007, cả nước có 120 doanh nghiệp là tập đoàn, tổng công ty và công ty nhà nước độc lập có quy mô lớn, tổ chức và hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Năm 2007, tổng vốn tăng 49% (khoảng 348,6 nghìn tỉ đồng), tổng doanh thu tăng 24% (đạt 577,7 nghìn tỉ đồng), nộp ngân sách tăng 10% (đạt 108,7 nghìn tỉ đồng), lợi nhuận trước thuế tăng 78% (đạt 149,1 nghìn tỉ đồng), tỷ suất lợi nhuận trên vốn sở hữu tăng 20%.

Kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển nhanh¹, hiện nay đã chiếm 46% GDP; các doanh nghiệp vừa và nhỏ thu hút ngày càng nhiều lao động, đóng góp tích cực vào giải quyết việc làm và phát triển kinh tế. Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh (cả về số dự án, vốn đăng ký, vốn thực hiện); một số dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, có giá trị xuất khẩu lớn đã được triển khai thực hiện, góp phần tích cực vào phát triển nền kinh tế và tăng kim ngạch xuất khẩu.

4. *Thế chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được triển khai xây dựng và từng bước hoàn thiện dân.* Nhiều luật pháp, cơ chế, chính sách về kinh tế được rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới. Công tác chuẩn bị các văn bản hướng dẫn thi hành được chú trọng hơn, tạo môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho đầu tư, kinh doanh², tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống các thị trường cơ bản (thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường khoa học - công nghệ, thị trường sức lao động) dần được hình thành, từng bước mở rộng, phát triển thống nhất trong cả nước, liên kết với khu vực và quốc tế. Cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút đầu tư

1. Trong 3 năm 2006 - 2008, có 173.314 doanh nghiệp tư nhân mới được thành lập với tổng số vốn đăng ký 1.186.387 tỉ đồng, đưa tổng số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế lên 381.621 doanh nghiệp (chỉ tiêu Đại hội đến năm 2010 là 500.000 doanh nghiệp).

2. Trong 3 năm 2006 - 2008, đã ban hành khoảng 26 luật, xây dựng khoảng trên 3.000 văn bản quy phạm pháp luật và gần 500 điều ước quốc tế.

nước ngoài và vốn ODA do việc trở thành thành viên WTO trong điều kiện kinh tế thế giới diễn biến thuận lợi đã có kết quả tốt cho nền kinh tế nước ta.

Những hạn chế, yếu kém

1. *Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, chậm được cải thiện; các cân đối kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, tăng trưởng kinh tế chậm lại, nguy cơ tụt hậu xa hơn các nước trong khu vực chậm khắc phục.* Trong 2 năm (2006 - 2007), tốc độ tăng GDP đều đạt trên 8%/năm, cao hơn mục tiêu kế hoạch đề ra. Nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2008 đã chậm lại, nhất là khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng, chỉ đạt khoảng 6,5%. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu do tăng đầu tư. Chi phí sản xuất tăng, giá trị gia tăng của nhiều ngành, nhiều sản phẩm giảm. Năng suất lao động còn thấp, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế chuyển biến chậm và còn rất thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Những yếu kém lâu nay của nền kinh tế cùng với tác động của việc tăng giá xăng dầu và các mặt hàng nguyên liệu, vật tư trên thế giới làm lạm phát trong nước tăng cao (năm 2007 là 12,60%, năm 2008 khoảng 20%, cao hơn 2 - 3 lần so với các nước trong khu vực¹). Lạm phát tuy có xu hướng giảm trong những tháng cuối năm 2008 nhưng vẫn là mức cao nhất từ năm 1992 trở lại đây, đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất và

1. Lạm phát năm 2006, 2007, 2008 ở Việt Nam là 6,6%, 12,6% và 20%, trong khi của Trung Quốc 4,2% và 3,0%, Thái Lan 3,5% và 2,3%; Philippin 4,3% và 4,1%, Hàn Quốc 2,1% và 3%, Đài Loan 0,7% và 1,7%...

đời sống nhân dân. Thị trường chứng khoán hoạt động không ổn định, quy mô giảm; quản lý dòng vốn nước ngoài (FII) chưa có kinh nghiệm, nhất là trong thời gian đầu. Nhập siêu tăng cao, bình quân 3 năm bằng khoảng 24% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó, 2 năm 2007 - 2008 là gần 30%/năm. Thị trường trong nước chưa được quan tâm đúng mức. Việc thực hiện các chính sách tài chính, tiền tệ thắt chặt để chống lạm phát là cần thiết nhưng cũng gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thu ngân sách nhà nước chủ yếu mới đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên; phần tích lũy cho đầu tư phát triển chủ yếu dựa vào nguồn vốn vay; ngân sách nhà nước không vững chắc, thu từ dầu thô, đất đai và thuế xuất nhập khẩu chiếm tới gần 55% tổng số thu ngân sách nhà nước.

2. *Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm¹, khó đạt được mục tiêu Đại hội đề ra, tỷ trọng các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trong nền kinh tế ít thay đổi; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn cao.* Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành chưa được quan tâm đúng mức. Công nghiệp cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, công nghiệp phụ trợ chậm phát triển, nhiều sản phẩm quan trọng tỷ lệ nội địa hóa thấp; nhiều vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị quan trọng phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông

1. Cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ năm 2006 là 20,4 - 41,54 - 38,06; năm 2008 là 21,7 - 40,0 - 38,3. Chỉ tiêu Đại hội X tới năm 2010, cơ cấu này là nông nghiệp 15 - 16, công nghiệp 43 - 44, dịch vụ 40 - 41. Lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2006 là 55,37%, năm 2007 là 53,9%, năm 2008 là 53,25% (mục tiêu đến năm 2010 phải dưới 50%).

nghiệp vẫn chủ yếu phải nhập khẩu; trong công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, tỷ trọng chế biến thô còn lớn, chưa gắn kết hài hòa về quy hoạch và lợi ích với các vùng nguyên liệu. Các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu, như dệt may, giấy da... chủ yếu là gia công cho nước ngoài, giá trị gia tăng thấp. Do đó, trong cơ cấu hàng hoá xuất khẩu, hàng gia công, sản phẩm nông - lâm - thủy sản chế biến thô, tài nguyên, khoáng sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Trong nông nghiệp, trồng trọt vẫn là ngành sản xuất chủ yếu, chăn nuôi, ngành nghề phát triển chậm¹. Đổi mới công nghệ trong các ngành kinh tế còn chậm. Những lĩnh vực, những sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao tăng chậm và còn ít; lĩnh vực công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên liệu, năng lượng, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm thấp còn chiếm tỷ trọng lớn trong khu vực công nghiệp.

Liên kết phát triển kinh tế vùng yếu. Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao làm đầu tàu lôi kéo, hỗ trợ phát triển các vùng kinh tế khác. Chính sách hỗ trợ và nguồn lực đầu tư cho các vùng kém phát triển, nhất là Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ theo các nghị quyết của Bộ Chính trị chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự liên kết, phối hợp giữa các địa phương trong vùng trên nhiều lĩnh vực chưa chặt chẽ. Trình độ phát triển và mức sống của nhân

1. Các năm 2006, 2007 và ước năm 2008, tỷ trọng trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp là 73,7 - 24,5 - 1,8; 73,7 - 24,4 - 1,9; 72 đến 73 - 25 đến 26 - 1,9 (%).

dân các vùng còn có sự khác biệt khá lớn và có xu hướng ngày càng mở rộng.

3. *Huy động và sử dụng các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, hiệu quả còn thấp.* Mặc dù vốn đầu tư toàn xã hội đã đạt tỷ lệ khá cao so với GDP nhưng hiệu quả sử dụng còn thấp và vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu phát triển đất nước; cơ cấu đầu tư dàn trải chậm khắc phục; chất lượng quy hoạch còn thấp; đầu tư công kém hiệu quả, còn nhiều lãng phí, thất thoát; đầu tư tư nhân manh mún; vốn FDI đầu tư chủ yếu là ở những vùng thuận lợi, ít đầu tư vào công nghiệp chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, gần đây có xu hướng đầu tư nhiều hơn vào kinh doanh bất động sản, khai thác tài nguyên. Sự yếu kém của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, điện, của chất lượng nguồn nhân lực kéo dài đã trở thành điểm nghẽn cản trở sự phát triển. Phân cấp quyết định đầu tư là cần thiết nhưng do chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch thấp, lại chưa gắn việc phân cấp với thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát nên đã làm tăng thêm tình trạng đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp; trong đó có cả những quyết định sai về chủ trương đầu tư. Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng chậm, khó khăn kéo dài, ở một số dự án chi phí đền bù quá cao; thủ tục lập, đấu thầu, phê duyệt, giải ngân, thanh quyết toán chậm trễ, kéo dài làm phần lớn các dự án đều chậm hoàn thành, chậm đưa vào khai thác, sử dụng và vẫn không khắc phục được những kẽ hở gây tham nhũng, lãng phí. Chỉ số ICOR ngày càng cao, cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực ở vào thời

điểm có trình độ phát triển như ta¹. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện thấp hơn nhiều so với vốn đăng ký.

4. *Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế, chưa củng cố, tăng cường được vị trí chủ đạo và vai trò nền tảng của các thành phần này trong nền kinh tế.*

Việc tổ chức lại các doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty cổ phần chậm; còn nhiều vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Tốc độ tăng trưởng, tỷ trọng của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế giảm dần; chi phí sản xuất, tiêu tốn nguyên vật liệu gia tăng nhưng chậm cải thiện, làm hạn chế vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước². Việc xác định giá trị tài sản doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa, bán, khoán, cho thuê còn có sơ hở (chưa tính đúng, đủ giá trị quyền sử dụng đất, lợi thế kinh doanh), một số trường hợp đã gây thất thoát tài sản của Nhà nước, tạo nên bức xúc trong xã hội³. Chính sách bán

1. ICOR các năm 2005, 2006, 2007 của Việt Nam là 4,85, 5,04, 5,38; còn của Philippin là 2,92, 2,69, 2,13; của Malaixia là 4,0, 3,57, 3,48; của Trung Quốc là 4,16, 4,0, 3,71.

2. Chỉ số phát triển của doanh nghiệp nhà nước năm 2006 là 6,17%, năm 2007 là 6,02%, tỷ trọng doanh nghiệp nhà nước trong GDP giảm xuống, năm 2006 là 37,39%, năm 2007 là 36,43%.

3. Trong 3 năm 2006 - 2008, đã cổ phần hóa 520 doanh nghiệp nhà nước, mà chủ yếu là trong 2 năm 2006, 2007 theo Nghị định 187 của Chính phủ, chưa tính giá trị đất và lợi thế doanh nghiệp vào giá trị tài sản doanh nghiệp. Từ năm 2008, việc cổ phần hóa thực hiện theo Nghị định 109 của Chính phủ, có tính giá trị đất và lợi thế kinh doanh vào giá trị doanh nghiệp thì việc cổ phần hóa diễn ra rất chậm, hầu như chưa thực hiện được.

cổ phần ưu đãi cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp để tạo được sự gắn kết người lao động với doanh nghiệp khi cổ phần hoá còn nhiều lúng túng. Ở nhiều nơi đã diễn ra việc mua gom, tập trung cổ phần vào một số người (nhất là diện doanh nghiệp mà Nhà nước không nắm cổ phần chi phối) làm cho cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở những doanh nghiệp này trở thành tư nhân hóa. Các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa, nhất là doanh nghiệp nhà nước không nắm cổ phần chi phối, hoạt động của tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên gặp khó khăn nhiều hơn trước, vai trò bị mờ nhạt dần. Nhiều tập đoàn, tổng công ty chưa phát huy tốt lợi thế và thế mạnh của các doanh nghiệp quy mô lớn, tốc độ tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh chưa tương xứng với sự đầu tư và những ưu đãi về nhiều mặt của Nhà nước cho doanh nghiệp; vẫn chưa tách bạch và còn lẫn lộn giữa độc quyền nhà nước với độc quyền doanh nghiệp, làm hạn chế các thành phần kinh tế khác phát triển; trong một số lĩnh vực bao cấp qua giá kéo dài, chưa tính đúng, tính đủ chi phí trong hạch toán kinh doanh gây thiệt hại lớn cho Nhà nước, xã hội và cả doanh nghiệp; một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chưa tập trung đầu tư vào những lĩnh vực kinh doanh chính tạo thành những “cú đấm” quan trọng và cần thiết của nền kinh tế, lại đầu tư ra các lĩnh vực khác gây phân tán nguồn lực, giảm hiệu quả đầu tư, tăng thêm nhiều rủi ro trong cơ chế thị trường (như đầu tư kinh doanh chứng khoán, bất động sản, kinh doanh tín dụng), góp phần gây ra tình trạng lạm phát vừa qua. Năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước còn thấp. Quản lý doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa lúng túng, sơ hở; còn rất nhiều doanh nghiệp vẫn chưa rõ tổ chức nào là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chịu trách

nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn, các hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp; đã có sơ hở trong quản lý đầu tư, kinh doanh và cơ chế tiền lương, tiền thưởng ở doanh nghiệp; mặt khác các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp nhà nước nắm cổ phần chi phối vẫn chưa được quyền tự chủ trên một số mặt, hạn chế sự năng động của doanh nghiệp. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh của nhiều nông, lâm trường thấp, kéo dài, nhưng việc sắp xếp, đổi mới cơ chế, chính sách còn chậm.

Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế, khó khăn nhất là khu vực nông nghiệp; tốc độ tăng trưởng, tỷ trọng kinh tế tập thể trong nền kinh tế giảm dần. Hầu hết các tổ hợp tác, hợp tác xã nhỏ, vốn, quỹ ít, phạm vi hoạt động hẹp, chỉ làm được một số khâu hỗ trợ kinh tế hộ. Nhiều tổ hợp tác tổ chức và hoạt động thiếu ổn định; một bộ phận hợp tác xã yếu kém kéo dài nhiều năm, nhất là hợp tác xã nông nghiệp cũ chuyển đổi, trong đó, nhiều hợp tác xã tồn tại trên danh nghĩa.

(5) Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Chưa xác định rõ và tạo được sự thống nhất cao về những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ, thiếu ổn định, chồng chéo. Tiến độ xây dựng các văn bản pháp luật, đề án, chính sách vừa chậm vừa thiếu đồng bộ so với kế hoạch. Chức năng điều tiết của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều nội dung

chưa được xác định rõ. Bao cấp qua giá, lãi suất vẫn còn. Chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch phát triển các ngành, các vùng còn thấp. Hệ thống phân phối yếu, chậm được củng cố trước yêu cầu hội nhập, có nguy cơ các tập đoàn phân phối lớn của nước ngoài chiếm lĩnh thị trường bán lẻ trong nước. Quản lý thị trường nội địa bị buông lỏng; việc ngăn chặn buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng đạt kết quả thấp. Quản lý đất đai, nhất là đất sản xuất nông nghiệp, đất đô thị lỏng lẻo, sử dụng đất lãng phí. Chính sách đất đai (nhất là chính sách tài chính) chậm đổi mới gây khó khăn cho việc chuyển đất đai thành nguồn lực phát triển kinh tế, cho tích tụ, tập trung đất phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn và cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng để phát triển công nghiệp, kết cấu hạ tầng và đô thị. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều bất cập, một bộ phận không nhỏ trình độ yếu, quan liêu, tham nhũng, gây cản trở sự phát triển đất nước. Điều hết sức đáng quan tâm là những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế chưa được tăng cường, còn nhiều hạn chế, yếu kém: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể tăng trưởng chậm hơn nhiều so với các thành phần kinh tế khác, hiệu quả thấp, chiếm tỷ trọng ngày càng giảm đi trong tổng sản phẩm nội địa (GDP)¹. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên nhiều mặt còn thấp. Việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trên nhiều lĩnh vực đạt kết quả thấp so với yêu cầu, tạo nên bức

1. Tỷ trọng kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể năm 2006 chiếm 43,92% GDP, năm 2007 còn 42,62% GDP (đầu nhiệm kỳ Đại hội IX của Đảng, 2 thành phần này chiếm 48% GDP).

xúc xã hội ở một số lĩnh vực (giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp xã hội, giữa các vùng, miền; tội phạm, tệ nạn xã hội gia tăng...).

III- VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, CÁC VẤN ĐỀ Y TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

Những mặt đạt được

1. *Giáo dục - đào tạo đạt được một số tiến bộ*, đã triển khai thực hiện có kết quả các chính sách phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đại học và đào tạo nghề. 46/63 tỉnh, thành phố đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục - đào tạo ở các cấp học, ngành học tiếp tục đổi mới; hoàn thành việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông từ lớp 1 đến lớp 12. Cơ sở vật chất cho giáo dục, đào tạo tăng đáng kể. Một số biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, đào tạo nghề và đại học đã bước đầu được thực hiện. Xã hội hóa giáo dục và đào tạo đạt được một số kết quả; số lượng cơ sở và số lượng học sinh, sinh viên đào tạo ở các cơ sở ngoài công lập ngày càng tăng¹. Các hoạt động khuyến học và mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng phát triển mạnh. Giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh

1. Số trường mầm non ngoài công lập đến nay là 5.942 trường, chiếm 51% tổng số các trường mầm non; số trường đại học, cao đẳng ngoài công lập đạt khoảng 16,8%.

tế - xã hội khó khăn được quan tâm phát triển hơn. Thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ học sinh nghèo, trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Một số tiêu cực trong nhà trường được quan tâm khắc phục.

Tỷ lệ nhập học đúng độ tuổi khối mầm non, tiểu học, trung học đều tăng. Số sinh viên đại học, cao đẳng năm 2008 đạt 191/1 vạn dân. Chất lượng học sinh tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học, dạy nghề từng bước đáp ứng yêu cầu thị trường lao động (khoảng 70% học sinh tìm được việc làm trong vòng 1 năm sau khi ra trường); tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng, năm 2008 đạt 37%.

2. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ có đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về khoa học và công nghệ đã được xây dựng, ban hành và đi vào cuộc sống¹, tạo lập được môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho hoạt động khoa học và công nghệ. Cơ chế quản lý khoa học bước đầu được đổi mới, nâng cao hơn tính tự chủ cho các cơ quan nghiên cứu khoa học; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các phát minh, sáng chế, sáng tạo trên các lĩnh vực. Nghiên cứu lý luận chính trị, khoa học xã hội nhân văn đã đóng góp vào đổi mới và phát triển nhận thức, hoàn thiện quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Việc tiếp thu, ứng dụng,

1. Luật sở hữu trí tuệ, Luật chuyển giao công nghệ; Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Luật năng lượng nguyên tử; Luật công nghệ cao.

làm chủ tiến bộ khoa học - công nghệ trên một số lĩnh vực có tiến bộ. Số lượng các sáng chế được đăng ký bảo hộ tăng 30%¹, công bố quốc tế tăng 30,4%² so với giai đoạn 2003 - 2005.

Đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với chuẩn mực quốc tế, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trên một số lĩnh vực được đẩy mạnh, giúp nhiều doanh nghiệp nâng cao hiệu quả đầu tư, giảm chi phí và giá thành, tăng năng suất, chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Thị trường công nghệ tiếp tục được mở rộng và phát triển. Số lượng các giao dịch mua bán công nghệ tăng 46% so với giai đoạn 2003 - 2005³.

3. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm. Đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo, quy hoạch phát triển mạng lưới y tế và một số chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nhà nước đã tăng cường đầu tư nâng cấp các cơ sở y tế, mạng lưới khám chữa bệnh từ trung ương đến địa phương, tỉnh, huyện, xã. Việc thực hiện có kết quả các chương trình y tế tại cộng đồng và khám chữa bệnh ban đầu cho người bệnh

1. Số lượng sáng chế (bao gồm cả giải pháp hữu ích) đăng ký bảo hộ của người Việt Nam giai đoạn 2006 - tháng 9-2008 là 943; giai đoạn 2003 - 2005 là 722.

2. Số lượng công bố quốc tế của người Việt Nam giai đoạn 2006 - tháng 9-2008 là 2.179; giai đoạn 2003 - 2005 là 1.671.

3. Số lượng các giao dịch mua bán công nghệ tại các chợ công nghệ và thiết bị giai đoạn 2006 - tháng 9-2008 là 3.395; giai đoạn 2003 - 2005 là 2.319.

có thể bảo hiểm y tế, người nghèo tại xã đã góp phần tạo điều kiện để người dân tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng hơn. Y tế dự phòng, công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường; đã kịp thời khống chế, ngăn chặn không để dịch tiêu chảy cấp lan rộng, kéo dài; phòng chống có hiệu quả các bệnh sốt xuất huyết, chân tay miệng...

Công tác xã hội hóa y tế bước đầu được thực hiện; các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân phát triển, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư trang bị những phương tiện kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán và điều trị. Mức độ hưởng thụ các dịch vụ y tế của người dân tăng lên.

4. *Văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao được quan tâm phát triển.* Tăng cường xây dựng, củng cố các thiết chế văn hóa; tiếp tục thực hiện các chương trình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc, trong đó chú trọng khuyến khích, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số. Hoạt động văn hóa ở cơ sở và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, các hoạt động thể dục, thể thao có bước phát triển. Báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình phát triển nhanh, phong phú, đa dạng, có nhiều đóng góp tích cực. Công tác chỉ đạo, quản lý báo chí, xuất bản được tăng cường, bước đầu khắc phục được một số biểu hiện lệch lạc trong hoạt động báo chí, xuất bản. Công tác chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long được thực hiện tích cực. Giao lưu văn hóa, thể thao với các nước trong khu vực, trên thế giới được mở rộng.

5. *Giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách đối với người có công và các chính sách an sinh xã*

hội có nhiều cố gắng, đạt kết quả tốt. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động được đẩy mạnh, giảm bớt tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp của người dân ở thành thị và nông thôn (trong 3 năm đã giải quyết việc làm mới cho khoảng gần 5 triệu lượt lao động; số lao động và chuyên gia đi lao động ở các nước đạt gần 250 nghìn người, nâng tổng số lao động và chuyên gia Việt Nam làm việc ở nước ngoài lên trên 470 nghìn người, hàng năm gửi về nước trên 1,7 tỉ USD).

Công tác xóa đói, giảm nghèo tiếp tục được quan tâm, đạt kết quả tích cực. Chuẩn nghèo được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm ở tất cả các vùng, tỉnh, thành phố¹. Trước tình hình lạm phát, giá cả tăng cao, nhiều chính sách an sinh xã hội mới đã được thực hiện để hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, người có thu nhập thấp, người có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ gia đình chính sách, đồng bào vùng bị thiên tai, bão, lũ lụt được đẩy mạnh. Các chính sách bình đẳng giới, phát triển thanh niên, bảo vệ, chăm sóc

1. Trong 2 năm 2006 - 2007, hộ nghèo tiếp tục giảm bình quân trên 300 nghìn hộ/năm, năm 2006 tỷ lệ hộ nghèo còn 15,5%, năm 2007 còn 14,8% (giảm được 7,2% so với cuối năm 2005). Trong đó, Tây Bắc còn 32,4%, Đông Bắc 23,4%, đồng bằng sông Hồng 10%, Bắc Trung Bộ 23,4%, duyên hải miền Trung 16,2%, Tây Nguyên 21,3%, Đông Nam Bộ 5,1%, đồng bằng sông Cửu Long 12,9%. Một số địa phương đã cơ bản xóa hết số hộ nghèo theo chuẩn quốc gia (như Đà Nẵng, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh) và áp dụng chuẩn nghèo mới của địa phương cao hơn từ 1,5 - 2 lần so với chuẩn nghèo quốc gia.

trẻ em được chú trọng. Đấu tranh phòng, chống tội phạm, các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông đạt được một số kết quả.

Những hạn chế, yếu kém

1. *Giáo dục và đào tạo còn nhiều hạn chế, yếu kém kéo dài, gây bức xúc trong xã hội nhưng chưa được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết.* Trong sự nghiệp giáo dục toàn diện, dạy làm người, dạy nghề là yếu kém nhất¹; giáo dục về lý tưởng sống, phẩm chất đạo đức yếu, học sinh thiếu hiểu biết về truyền thống văn hóa, lịch sử của dân tộc, của Đảng, về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, ngoại ngữ, tin học, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, kỹ năng thực hành, kỹ năng giao tiếp... yếu. Cơ cấu hệ thống giáo dục không hợp lý giữa các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo; thành lập quá nhiều trường đại học trong một thời gian ngắn trong khi đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý, cơ sở vật chất chưa được chuẩn bị kỹ; lĩnh vực đào tạo nghề chưa được quan tâm đúng mức, phát triển quá chậm trong khi thực tiễn đòi hỏi rất cao. Chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học còn lạc hậu, chưa gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và yêu cầu sử dụng lao động của xã hội. Quy mô giáo dục, số lượng học sinh, sinh viên tăng nhanh nhưng chất lượng giáo dục có mặt bị buông lỏng, giảm sút, nhất là giáo dục đạo đức, lối sống. Đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên có nhiều biểu hiện rất đáng

1. Tỷ lệ người được hỏi cho rằng, nền giáo dục đã đạt được các mục tiêu dưới đây: dạy chữ 82%, dạy nghề 22%, dạy làm người 20%, khó trả lời 5% (nguồn: Ban Tuyên giáo Trung ương); sau 5 năm, giáo dục Việt Nam tụt 9 bậc, đứng vị trí 79/129 quốc gia được phân loại (nguồn: UNESCO).

lo ngại, những hiện tượng tiêu cực trong giáo dục - đào tạo còn nhiều, khắc phục còn chậm. Chủ trương xã hội hóa, đổi mới quản lý, tăng tính tự chủ cho các trường, chính sách học phí... triển khai chậm, lúng túng và nhận thức rất khác nhau. Định hướng liên kết đào tạo với nước ngoài chưa được xác định rõ phương châm chỉ đạo để xây dựng một nền giáo dục tiên tiến trên nền dân tộc, tự chủ và xã hội chủ nghĩa, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, nên còn rất lúng túng; quản lý sinh viên Việt Nam ở nước ngoài còn rất lỏng lẻo.

2. *Chưa nhận thức đầy đủ khoa học - công nghệ là lực lượng sản xuất trực tiếp, phát triển khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, cơ chế, chính sách quản lý và phát triển khoa học - công nghệ đổi mới còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, đầu tư toàn xã hội cho khoa học - công nghệ còn thấp.* Xã hội hóa để huy động nguồn lực cho phát triển khoa học - công nghệ và phát huy quyền tự chủ của đơn vị khoa học - công nghệ chậm, quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học chậm ban hành. Cơ chế phản biện xã hội thực sự là cần thiết trên một số lĩnh vực nhưng chưa được thực thi đầy đủ để tránh những quyết định chủ quan, không phù hợp thực tiễn với cuộc sống. Còn thiếu những cơ sở nghiên cứu khoa học được trang bị hiện đại, những cán bộ nghiên cứu đầu ngành có trình độ cao. Nhiều đề tài nghiên cứu chưa gắn với thực tiễn, với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học nói chung

chưa cao. Thị trường khoa học - công nghệ bước đầu hình thành nên tác động còn nhiều hạn chế. Trình độ công nghệ của nhiều ngành sản xuất, nhiều doanh nghiệp thấp, lạc hậu, đổi mới công nghệ chậm.

3. Chính sách tiền lương, thu nhập chưa hợp lý; chất lượng cuộc sống của một bộ phận nhân dân bị giảm sút, có nhiều khó khăn. Một số vấn đề xã hội bức xúc cũ và phát sinh mới chậm được giải quyết. Lương công chức, viên chức nhà nước thấp, điều chỉnh chậm trước những biến động của giá cả trên thị trường, không thu hút và giữ được lao động có chất lượng cao làm việc trong khu vực hành chính nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, các cơ sở dịch vụ công. Hiện tượng cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn cao bỏ cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sang làm cho doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang có xu hướng tăng lên. Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội còn trong phạm vi hẹp, chủ yếu là cán bộ, viên chức, công chức, công nhân trong doanh nghiệp nhà nước, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm của toàn xã hội còn thấp; còn nhiều doanh nghiệp chưa đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của Luật lao động, Luật doanh nghiệp.

Lạm phát tăng cao, thiên tai, lũ lụt, bệnh dịch liên tiếp xảy ra đã làm đời sống của nhân dân, nhất là vùng bị thiên tai, người nghèo, người ăn lương có thu nhập thấp khó khăn, chất lượng cuộc sống bị giảm sút. Chuẩn nghèo chưa phản ánh chính xác tình trạng hộ nghèo trong điều kiện lạm phát cao như hiện nay. Tốc độ giảm nghèo có xu hướng chậm lại, chưa

vững chắc, tỷ lệ hộ tái nghèo còn cao. Sự chênh lệch về thu nhập, sự phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng chưa được thu hẹp, còn có xu hướng tăng lên¹. Số huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao còn nhiều (còn 61 huyện có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%). Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn, tỷ lệ thất nghiệp thành thị còn cao. Quản lý xuất khẩu lao động lỏng lẻo, còn nhiều sơ hở gây thiệt hại cho người lao động. Tiền lương thấp, điều kiện làm việc, ăn ở, sinh hoạt của công nhân ở các khu công nghiệp tập trung còn rất khó khăn, thiếu thốn, gây nhiều bức xúc. Tình trạng đình công của công nhân, khiếu kiện của nông dân, đặc biệt, các vụ khiếu kiện đông người và có tổ chức tiếp tục diễn ra phức tạp. Tai nạn giao thông, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp còn cao. Tệ nạn ma túy vẫn phát triển, tái nghiện cao, đặc biệt trong thanh niên; tệ nạn mại dâm, tội phạm hình sự, nhiều loại hình tội phạm mới vẫn diễn biến phức tạp.

4. Chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân còn thấp. Năng lực chuyên môn của cán bộ và cơ sở vật chất của y tế cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu dẫn đến tình trạng quá tải ở các tuyến trên. Điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; vẫn còn sự khác biệt lớn về chỉ số sức khỏe giữa

1. Ước đến cuối năm 2008, tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là ở vùng Tây Bắc là 31,5% và ở Đông Nam Bộ, vùng có tỷ lệ nghèo thấp nhất là 3,2%, chênh nhau hơn 9,8 lần. Chênh lệch thu nhập giữa 20% hộ giàu nhất với 20% hộ nghèo nhất năm 2004 là 8,34 lần, năm 2006 là 8,37 lần và năm 2008 ước là 8,4 lần (nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

các vùng. Quản lý hoạt động khám chữa bệnh tư nhân, quản lý thuốc chữa bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, giám sát dịch tễ chưa chặt chẽ, phát sinh nhiều tiêu cực. Giá thuốc cao, thuốc giả, kém chất lượng, ngộ độc thực phẩm còn nhiều. Xã hội hóa, huy động các nguồn lực phát triển y tế còn chậm. Tiêu cực trong khám chữa bệnh, thiếu trách nhiệm và giám sát y đức trong một bộ phận cán bộ y tế gây bức xúc trong xã hội. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình bị buông lỏng, không đạt kế hoạch về mức giảm tỷ lệ sinh. Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trong tổng số phụ nữ sinh con hằng năm vẫn xấp xỉ 20%. Mất cân đối giữa nam và nữ trong cơ cấu dân số là vấn đề rất đáng quan tâm. Chất lượng dân số giảm sút¹.

5. *Sự phát triển và chất lượng các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao còn nhiều mặt yếu kém.* Đầu tư cho văn hóa thấp. Việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống mặc dù có nhiều cố gắng nhưng làm được còn ít, nhiều di tích văn hóa còn bị xuống cấp, xâm hại. Quản lý lễ hội chưa chặt chẽ, chưa phân loại và hướng dẫn tổ chức phù hợp với từng loại lễ hội. Các thiết chế văn hóa còn thiếu, khai thác, sử dụng chưa hiệu quả. Mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân còn thấp, chênh lệch lớn giữa các vùng, các tầng lớp dân cư. Chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” còn hạn chế; danh hiệu gia đình văn hóa, khu phố, thôn, bản văn hóa ở nhiều nơi chưa đúng thực

1. Tuổi thọ 71,3 tuổi; tuổi thọ khỏe mạnh 58,2 tuổi; trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 22,1%; 5% dân số bị tàn tật (do chiến tranh để lại, tai nạn giao thông, tai nạn lao động...) (nguồn: Tổng cục Thống kê - 2007).

chất, nặng về hình thức. Công tác quản lý các hoạt động văn hóa (tổ chức biểu diễn, sản xuất băng, đĩa hình, karaoke, vũ trường...), quản lý báo chí (cả báo viết, phát thanh, truyền hình, internet, blog), xuất bản còn nhiều mặt buông lỏng, để nảy sinh tiêu cực và khuynh hướng không lành mạnh, rất bất lợi về công tác chính trị, tư tưởng. Việc chỉ đạo xử lý, chấn chỉnh có kết quả bước đầu nhưng chưa cơ bản. Đạo đức thể thao bị vi phạm, bạo lực trong thể thao chưa được ngăn chặn, gây bức xúc trong dư luận.

IV- VỀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Những mặt đạt được

- Luật pháp, cơ chế, chính sách tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để giải quyết những yếu kém, bất cập và những vấn đề mới phát sinh trong công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường. Đầu tư của Nhà nước cho hoạt động bảo vệ tài nguyên, môi trường đã được chú trọng; thực hiện nhiều chính sách khuyến khích thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác cho công tác bảo vệ môi trường.

- Nhận thức về bảo vệ môi trường trong các cấp, các ngành và các tầng lớp xã hội được nâng lên một bước; các hoạt động phòng ngừa, kiểm soát và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được tăng cường. Độ che phủ của rừng và các thảm thực vật có tăng lên, xu hướng suy giảm đa dạng sinh học được hạn chế một bước. Công tác quy hoạch, quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên đất, nước, khoáng sản; công tác điều tra cơ bản về tài nguyên và môi

trường được quan tâm hơn; đã xây dựng kế hoạch, chương trình quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X), đã bắt đầu xây dựng một số chính sách, luật pháp về quản lý tài nguyên, môi trường biển; tiến hành điều tra cơ bản, tổng hợp tài nguyên, môi trường biển phục vụ hoạch định chiến lược, chính sách, phân vùng và quy hoạch khai thác, sử dụng biển và hải đảo hợp lý và bền vững.

Những hạn chế, yếu kém

- Hệ thống chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường vẫn còn nhiều bất cập, thiếu tính thống nhất và đồng bộ; một số quy định mâu thuẫn, chồng chéo, tính khả thi thấp. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường chưa cao; các biện pháp, chế tài xử phạt còn thiếu, chưa đủ mạnh để đủ răn đe. Đầu tư cho bảo vệ môi trường còn thấp so với nhu cầu, dàn trải, chưa hiệu quả.

Sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi luật pháp, chính sách về môi trường còn chưa tích cực và hiệu quả; vẫn còn tư tưởng coi nhẹ vấn đề môi trường khi ban hành chính sách phát triển kinh tế; việc rà soát, lồng ghép vấn đề môi trường trong các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ chưa được thực hiện có hiệu quả.

- Tình trạng vi phạm pháp luật, khai thác tài nguyên bừa bãi gây ô nhiễm môi trường; các cơ sở sản xuất, kinh doanh xả chất thải làm ô nhiễm môi trường không qua xử lý diễn ra phổ biến, nhiều trường hợp kéo dài, gây hậu quả nghiêm trọng; quản lý chất thải rắn còn nhiều bất cập; tình trạng lợi

dụng nhập khẩu phế liệu để đưa chất thải, trong đó có chất thải nguy hại vào nước ta còn nhiều, gây bức xúc trong xã hội. Ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường phát triển chậm, không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

- Quy hoạch, kế hoạch và quản lý sử dụng đất, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản chất lượng thấp, chưa thật sự phù hợp với thực tiễn, thường xuyên bị vi phạm; việc chuyển mục đích sử dụng đất, khai thác khoáng sản không theo quy hoạch vẫn chưa được khắc phục; công tác định giá đất, đền bù, giải phóng mặt bằng vẫn còn nhiều hạn chế dẫn đến tình trạng khiếu kiện của nhân dân kéo dài; thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở còn chưa thống nhất, gây phiền hà cho người dân.

- Việc đánh giá, điều tra cơ bản, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường biển thực hiện còn chậm, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu, chưa đáp ứng kịp đòi hỏi của công tác quản lý biển, đảo và đối phó với thiên tai trong những năm tới.

V- VỀ TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

Những kết quả đạt được

1. Về quốc phòng

Nền quốc phòng toàn dân, toàn diện được triển khai xây dựng rộng khắp, có bước phát triển mới cả về tiềm lực và thể trận. Việc xây dựng “thế trận lòng dân”, xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố

quốc phòng và an ninh được triển khai ở các cấp, các ngành, các địa bàn, đặc biệt trên các địa bàn chiến lược, biển, đảo. Các khu kinh tế - quốc phòng, quốc phòng - kinh tế được xây dựng, nhất là trên địa bàn biên giới, ở vùng sâu, vùng xa đã tạo thế trận và sức mạnh bảo vệ Tổ quốc tại chỗ, trên các địa bàn, các hướng chiến lược quan trọng. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được kết hợp chặt chẽ với nhau trên phạm vi cả nước và từng địa phương. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng được tăng cường, ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của các tầng lớp nhân dân được nâng cao một bước. Phong trào toàn dân tham gia củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội được đẩy mạnh, có hiệu quả.

Sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng được giữ vững và tăng cường; đã bổ sung và xây dựng một số văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách có liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng; cơ chế cấp uỷ đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, điều hành, các cơ quan ban, ngành, đoàn thể (nòng cốt là cơ quan quân sự) làm tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng từng bước được bổ sung, hoàn thiện.

Sự nghiệp xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại được đẩy mạnh. Đã quan tâm xây dựng, nâng cao chất lượng tổng hợp của quân đội, trước hết là xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị; chú trọng đổi mới nội dung huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; từng bước bổ sung vũ khí trang bị hiện đại; quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của quân đội; làm cho chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của quân đội được nâng lên. Việc

thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính uỷ, chính trị viên trong quân đội đạt được kết quả quan trọng; chất lượng, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội được nâng lên. Quân đội đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống, hoàn cảnh; làm tốt vai trò tham mưu cho Đảng, Nhà nước và phối hợp tốt với các ngành, các lực lượng chủ động phòng ngừa, tích cực tấn công làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, kế hoạch chống phá, gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch; góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; tham gia tích cực và có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa mới, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; là lực lượng nòng cốt trong cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; giữ vững và phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong điều kiện mới.

2. Về an ninh

Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân ở các cấp, các ngành, các địa phương về quan điểm, đường lối của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, về ý thức trách nhiệm công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội được tăng cường với nhiều hình thức phong phú. Đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn dân, với lực lượng công an nhân dân là nòng cốt trong sự nghiệp

bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Tình hình an ninh chính trị cơ bản ổn định, thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn cả nước, nhất là ở những vùng xung yếu, trọng điểm được củng cố, tăng cường.

Lực lượng công an nhân dân đã phát huy vai trò nòng cốt, xung kích trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, nắm và kiểm soát được tình hình, không để bị động, bất ngờ; kịp thời đề xuất với Đảng, Chính phủ nhiều vấn đề cơ bản có tính chiến lược về quan điểm, chủ trương, chính sách lớn và giải pháp xử lý các tình huống, các vấn đề mới phát sinh trong quá trình hội nhập và phát triển đất nước; phối hợp chặt chẽ với các ngành, các lực lượng khác phát hiện, chủ động tấn công, đấu tranh ngăn chặn, vô hiệu hóa làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Công tác bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng - văn hóa, giữ gìn trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội trên các địa bàn được chú trọng và đạt được kết quả tích cực, đảm bảo an ninh trên các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, bảo vệ an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng của đất nước. Công tác bảo vệ an ninh nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước, giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân được tăng cường một bước. Công tác phòng, chống tội phạm, nhất là các loại tội phạm nguy hiểm, tội phạm có tổ chức, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm ma túy, tội phạm môi trường được quan tâm chỉ đạo và đẩy mạnh. Tăng cường đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội (cờ bạc, ma túy, mại dâm), bảo vệ bản sắc văn hóa, đạo đức của dân tộc... Đã phát hiện, xử lý nghiêm minh nhiều tội phạm kinh tế, như tham nhũng,

gian lận thương mại, lừa đảo, cố ý làm trái pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng.

Công tác xây dựng lực lượng công an nhân dân tiếp tục được tăng cường. Cuộc vận động “Công an nhân dân học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh - Vì nước quên thân, vì dân phục vụ” được đẩy mạnh và đạt kết quả tích cực. Lực lượng công an nhân dân luôn tỏ rõ sự vững vàng về bản lĩnh chính trị trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế.

3. Về đối ngoại

Quan hệ quốc tế của Nhà nước ta tiếp tục được chủ động mở rộng và tăng cường, ngày càng đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững hơn, nhất là quan hệ với các nước láng giềng và trong khu vực, các nước lớn và các trung tâm lớn của thế giới, các nước bạn bè truyền thống và các nước đối tác quan trọng. Sự tham gia có trách nhiệm và hoạt động tích cực của Việt Nam tại Hội đồng Bảo an và các tổ chức thuộc Liên hợp quốc, trong ASEAN, Phong trào Không liên kết, APEC, ASEM, WTO, AIPA, AIPO... và các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực đã góp phần nâng cao vị thế nước ta ở khu vực và trên thế giới. Đã cơ bản hoàn thành phân giới, đẩy mạnh cắm mốc toàn tuyến biên giới trên đất liền với Trung Quốc; tôn dày cột mốc biên giới với Lào; triển khai tích cực công tác phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền với Campuchia. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, đấu tranh, ngăn chặn những hành động xâm phạm chủ quyền của ta ở Biển Đông. Đã tiến hành nhiều hoạt động đối thoại cởi mở, thẳng thắn về nhân quyền, tự

do tín ngưỡng trên nhiều kênh, với nhiều đối tác và ở nhiều địa bàn.

Công tác đối ngoại của Đảng tiếp tục được mở rộng và phát triển, nhất là quan hệ với các đảng cộng sản cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, đảng cánh tả, phong trào cách mạng và tiến bộ có nhiều ảnh hưởng ở từng khu vực và trên thế giới, các đảng cầm quyền, đảng tham chính ở các nước trong khu vực và các nước đối tác quan trọng với nước ta; tăng cường mối quan hệ trực tiếp giữa lãnh đạo cấp cao của ta với các chính khách hàng đầu của các nước, làm cho chính giới các nước hiểu đúng hơn về Việt Nam, tạo nhận thức chung và sự đồng thuận về quan hệ giữa nước ta và các nước; thúc đẩy các nước có chính sách hợp tác, thân thiện, ổn định, lâu dài với Việt Nam, đồng thuận với lập trường của Việt Nam về các vấn đề khu vực và quốc tế...

Công tác đối ngoại nhân dân tiếp tục được đổi mới theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả"; lực lượng tham gia ngày càng đông đảo; địa bàn hoạt động và đối tác quan hệ ngày càng mở rộng... Các tổ chức nhân dân ta tích cực tham gia xây dựng hình ảnh tốt đẹp về Việt Nam trong lòng bạn bè quốc tế; tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và thắt chặt tình cảm đoàn kết, hữu nghị và hợp tác thân thiện giữa nhân dân ta với nhân dân các nước; tích cực tham gia đối thoại và đấu tranh dư luận về các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "tôn giáo"...; đẩy mạnh vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài; tham gia và đóng góp tích cực cho phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội...

Văn hóa đối ngoại, thông tin đối ngoại được đẩy mạnh, góp phần tạo dựng trên thế giới hình ảnh về Việt Nam đổi mới, phát triển năng động, hữu nghị với các nước, các dân tộc, vì hòa bình, độc lập và phát triển. Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài đạt một số kết quả, một số chủ trương, chính sách mới đã ban hành có tác dụng tích cực, thúc đẩy bà con gắn bó với quê hương, đóng góp ngày càng nhiều hơn trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

Sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại được tăng cường. Sự phối hợp giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân, giữa đối ngoại với quốc phòng và an ninh, giữa chính trị, kinh tế và văn hóa đối ngoại, giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước ngày càng chặt chẽ...

Những hạn chế, yếu kém

1. Về quốc phòng

Ý thức quốc phòng, ý thức bảo vệ Tổ quốc của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới. Nhận thức về bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam còn có những mặt hạn chế. Việc chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở một số địa phương, cơ quan có lúc hiệu quả chưa cao. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế

ngày càng sâu rộng, có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ, phối hợp không đồng bộ. Sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại tuy đã tích cực đẩy mạnh nhưng do tác động của tình hình và chưa đủ các điều kiện bảo đảm nên triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn.

2. Về an ninh

Công tác nắm tình hình, tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh ở địa bàn có nơi, có lúc còn chưa nhạy bén, kịp thời, bị động, lúng túng khi xử lý các tình huống phức tạp nảy sinh. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân có biểu hiện mơ hồ trong nhận thức về “diễn biến hòa bình”, về “tự diễn biến” trong nội bộ ta, về đối tác, đối tượng, về bảo vệ bí mật nhà nước; công tác quản lý nhà nước về an ninh quốc gia trên một số lĩnh vực, nhất là kinh tế đối ngoại, quản lý xuất nhập cảnh, quản lý người nước ngoài, quản lý biên giới, quản lý chất cháy nổ, vũ khí chưa thật chặt chẽ, đúng quy trình, quy chế. Công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh nông thôn, nhất là an ninh trên lĩnh vực tôn giáo, dân tộc, an ninh tư tưởng văn hóa, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước còn có những sơ hở. Tình hình an ninh trên những lĩnh vực này còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Tình trạng lộ, lọt bí mật quốc gia còn xảy ra khá nghiêm trọng ở một số ngành, đơn vị, địa phương chưa được ngăn chặn, khắc phục. Sự phối hợp giữa các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng, đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội có lúc, có việc chưa chặt chẽ,

nhất là trên các địa bàn chiến lược, khu vực biên giới, biển, đảo và trên lĩnh vực tuyên truyền đối ngoại.

3. Về công tác đối ngoại

Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại có mặt còn hạn chế; sự phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu, tham mưu về đối ngoại chưa thường xuyên. Có trường hợp còn lúng túng trong việc xử lý, hóa giải sức ép từ phía các nước lớn. Sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên trách về đối ngoại ở Trung ương, giữa hoạt động đối ngoại trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh... có lúc, có nơi chưa thật chặt chẽ... Việc triển khai các thỏa thuận giữa lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước ta với các nước nhìn chung còn chậm và chưa được chỉ đạo tập trung. Việc chấp hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại có lúc, có nơi chưa nghiêm; một số đoàn đi công tác nước ngoài chưa thực sự hiệu quả, còn trùng lặp về nội dung và địa bàn, kết quả công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài còn một số mặt hạn chế.

VI- VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ PHÁT HUY DÂN CHỦ

1. Về công tác xây dựng Đảng

Những kết quả đạt được

1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị được tăng cường.
Việc cụ thể hóa để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X

của Đảng về cơ bản đã được hoàn thành trong nửa nhiệm kỳ qua, trong đó tập trung vào công tác xây dựng Đảng và phát triển kinh tế. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ra nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận về những vấn đề lớn trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, giải quyết kịp thời các vấn đề lớn của Đảng, của đất nước; chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phát triển, hoàn thiện hơn đường lối đổi mới đất nước, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Việc học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết được đổi mới một bước. Đề cao hơn vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy trong giới thiệu, quán triệt nghị quyết tại địa phương, cơ quan, đơn vị; coi trọng hơn việc thảo luận, đối thoại và xây dựng chương trình hành động của cấp ủy để thực hiện nghị quyết. Bộ Chính trị, Ban Bí thư bước đầu coi trọng việc chỉ đạo việc cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết Trung ương thành các đề án cụ thể, giao các cơ quan có liên quan chuẩn bị, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cơ quan nhà nước ban hành để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Việc tổ chức học tập, nghiên cứu chuyên đề đối với các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư bước đầu được thực hiện, có kết quả tốt.

Công tác đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng được coi trọng hơn.

(2) Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng tiếp tục được tăng cường và đổi mới. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về “Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới” và Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, các kết luận số 41-TB/TW, 68-TB/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí đã tác động tích cực đối với các lĩnh vực này. Công tác nghiên cứu lý luận, tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước được đẩy mạnh. Việc đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong hệ thống các trường chính trị, các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp trong cả nước được quan tâm. Báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản tiếp tục phát triển nhanh, có nhiều đóng góp tích cực. Các sinh hoạt văn hóa, văn học, nghệ thuật phát triển phong phú, đa dạng. Đã bước đầu có tiến bộ trong việc khắc phục những biểu hiện lệch lạc, xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém, vì lợi ích vật chất trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ. Đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, vu cáo, chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch được quan tâm chỉ đạo nhiều hơn. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được triển khai thực hiện sâu rộng trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc hơn về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tạo được những chuyển biến về nhận thức

và ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đã có sự chuyển biến bước đầu về việc “làm theo”.

Đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển tốt đẹp của đất nước. Lòng yêu nước, ý thức tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, tính năng động, chủ động, sáng tạo của con người Việt Nam được phát huy. Tư tưởng tích cực được mở rộng là xu hướng chủ đạo, tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của dân tộc ta trong thời kỳ mới.

3. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ được triển khai tương đối đồng bộ, mang lại kết quả tích cực trên một số mặt. Các cơ quan tham mưu của Đảng, các đảng ủy khối Trung ương được tổ chức, sắp xếp lại, bổ sung, hoàn chỉnh chức năng, nhiệm vụ theo hướng thu hẹp đầu mối tổ chức, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Công tác cán bộ tiếp tục có đổi mới, quy hoạch cán bộ được thực hiện đồng đều hơn ở các cấp, các ngành, chất lượng nguồn cán bộ đưa vào quy hoạch được nâng lên. Việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý theo Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị tiếp tục được thực hiện kết hợp với chủ trương tăng thêm chức danh lãnh đạo cấp ủy và chính quyền ở một số tỉnh, thành phố. Các loại hình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong nước được mở rộng, đề án bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước bước đầu được triển khai; chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn được bổ sung, sửa đổi. Giữ vững nguyên tắc Đảng

thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phân cấp quản lý cán bộ rộng hơn, đề cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu tổ chức; Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được tổng kết gắn với việc bổ sung, sửa đổi và ban hành một số quy định, quy chế về công tác cán bộ. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở được các cấp ủy đảng quan tâm và bước đầu tạo được một số chuyển biến tích cực. Công tác bồi dưỡng, tạo nguồn và kết nạp đảng viên được các cấp ủy, tổ chức đảng coi trọng hơn về chất lượng, bảo đảm về nguyên tắc và cơ cấu.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ vừa tiếp tục giải quyết vấn đề lịch sử chính trị, vừa nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay của cán bộ, đảng viên được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) đạt được một số kết quả bước đầu. Nhiều quy chế, quy định được xây dựng, từng bước cụ thể hóa các quan điểm của Cương lĩnh và Đại hội X về phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy tốt hơn vai trò của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Dân chủ trong Đảng và trong xã hội có tiến bộ.

4. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng được tăng cường, chất lượng, hiệu quả được nâng lên, có tác dụng cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, góp phần giữ gìn đoàn kết, thống nhất, ổn định nội bộ trong Đảng, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị ở từng địa phương, đơn vị¹. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TW “Về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng”, Bộ Chính trị ban hành 19 quy chế, quy trình công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Các cấp ủy đã quan tâm hơn tới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện cho ủy ban kiểm tra cấp mình thực hiện tốt hơn nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng. Cấp ủy đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã thực hiện khá toàn diện các nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo quy định của Điều lệ Đảng, có trọng tâm, trọng điểm. Công tác giám sát là nhiệm vụ mới, bước đầu thực hiện đạt được một số kết quả. Ủy ban kiểm tra các cấp đã thực hiện tốt hơn nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, giúp cấp ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, hướng dẫn của cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật trong Đảng; xây dựng được một số

1. Trong nửa nhiệm kỳ, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra 14.901 cấp ủy viên (từ chỉ ủy tới tỉnh ủy và tương đương), có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra 8.783 tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm; giám sát 42.156 đảng viên và 11.425 tổ chức đảng; giải quyết tố cáo 12.166 đảng viên và 458 tổ chức đảng; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 1.144 đảng viên; kiểm tra tài chính 1.947 tổ chức đảng.

quy định, quy chế phối hợp công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng đối với tổ chức đảng và cơ quan có liên quan; sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng. Việc thi hành kỷ luật trong Đảng nhìn chung được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục quy định.

Những hạn chế, yếu kém

1. Trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các vấn đề văn hóa, giáo dục, đào tạo chưa được quan tâm đúng mức. Các lĩnh vực này có nhiều mặt yếu kém, nhiều vấn đề gây bức xúc xã hội kéo dài nhưng chưa được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết. Ban Chấp hành Trung ương ra nhiều nghị quyết mặc dù thực hiện đúng theo chương trình toàn khóa nhưng cũng gây khó khăn cho việc nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện ở các cấp ủy cấp dưới. Một số chủ trương đúng, nhưng quy trình, cách làm có mặt chưa hợp lý nên khi quyết định chưa tạo được sự thống nhất cao trong Đảng và trong xã hội. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương của nhiều cấp ủy còn hình thức, chất lượng thấp. Việc cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết mặc dù đã quan tâm nhưng thực hiện còn chậm; chỉ đạo, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các cơ quan trung ương cho địa phương, cơ sở chậm, gây khó khăn cho tổ chức thực hiện, làm Nghị quyết chậm đi vào cuộc sống.

Một số cấp ủy, chính quyền chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng chưa nghiêm, dễ xảy ra nhiều sai phạm. Công tác tổ chức thực hiện, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết vẫn là khâu yếu.

2. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng công tác lý luận chưa khắc phục được một số mặt lạc hậu, chưa giải quyết có căn cứ khoa học, thuyết phục được nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra, làm chậm việc hoàn thiện đường lối đổi mới, ảnh hưởng tới sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, trong xã hội. Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, thiếu sức thuyết phục, tính chiến đấu còn hạn chế, thiếu linh hoạt, chưa sát thực tế; chưa làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái. Việc nắm bắt dư luận xã hội, dự báo, định hướng tư tưởng còn chậm; chưa chủ động giải quyết những bức xúc trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; còn thiếu chủ động, kịp thời và sắc bén trong đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, chống tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch; công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống còn hạn chế, hiệu quả thấp; chất lượng sinh hoạt tư tưởng trong tổ chức đảng thấp. Trong chỉ đạo, quản lý cũng như hoạt động của báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật còn nhiều yếu kém, khuyết điểm; việc khắc phục còn chậm và kéo dài.

Kết quả đạt được của Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” chưa đều khắp ở các cấp, các ngành và địa phương, những chuyển biến trong việc “làm theo” còn nhiều hạn chế.

Tác động tích cực của công tác tư tưởng chưa đủ mạnh nên một số mặt tiêu cực về tư tưởng đang có biểu hiện phức tạp và nghiêm trọng hơn, tiếp tục tiềm ẩn các nguy cơ trực tiếp gây mất ổn định chính trị - xã hội. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận

không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được khắc phục có hiệu quả; đạo đức xã hội bị suy giảm; tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu chưa được đẩy lùi; sự phân hóa giàu, nghèo ngày càng tăng trong xã hội và ngay trong nội bộ Đảng; sự buông lỏng, yếu kém trong quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành, trên nhiều lĩnh vực... làm tăng thêm bức xúc trong nhân dân, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tình trạng trong Đảng đã xuất hiện những ý kiến khác nhau về một số vấn đề cơ bản liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng tới sự thống nhất tư tưởng và hành động; trong cán bộ, đảng viên, công nhân, nông dân, trí thức, kể cả trong những lực lượng nòng cốt gắn bó với Đảng, với chế độ, đã phát sinh một số vấn đề tư tưởng, tâm trạng bức xúc đáng lo ngại, ảnh hưởng tới sự đồng thuận xã hội, chưa được khắc phục.

3. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy vừa qua tuy có giảm được đầu mối trực thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ nhưng biên chế chưa giảm, vẫn còn nhiều cấp phó, nhiều đầu mối trực thuộc bộ, ban, ngành, chưa đạt mục tiêu tinh gọn, hiệu quả. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy một số bộ chậm được ban hành. Chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của các ban cán sự đảng, đảng đoàn chưa rõ, hoạt động còn lúng túng. Mối quan hệ về trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu chưa cụ thể. Phối hợp giữa các ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan trung ương với cấp ủy địa phương còn chưa chặt chẽ.

Nhiều hạn chế, yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục; chậm đổi mới phương pháp và quy trình đánh giá

cán bộ, đánh giá cán bộ vẫn còn là khâu yếu. Chất lượng công tác quy hoạch cán bộ hạn chế, sau Đại hội đã phải rút nhiều Ủy viên Trung ương Đảng từ địa phương về các cơ quan trung ương. Luân chuyển cán bộ chưa được làm thường xuyên, nên nấp trong các cấp, các ngành, trong cả hệ thống chính trị; một số trường hợp thực hiện luân chuyển còn có tính hình thức; nhiều nội dung trong Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ còn chưa được thực hiện (luân chuyển trong nội bộ cơ quan, giữa các địa phương, giữa các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước...), chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không cao. Chưa đào tạo, bồi dưỡng được cho cán bộ lãnh đạo, quản lý theo chức danh... Quy trình bổ nhiệm cán bộ kéo dài nhưng vẫn có sơ hở. Cơ chế, chính sách để phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng người có đức, có tài còn hạn chế. Cơ chế, chính sách để thay thế những cán bộ phẩm chất, năng lực yếu, uy tín thấp, không hoàn thành nhiệm vụ còn chưa phù hợp với thực tiễn nên còn rất trì trệ; chậm khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín, hẫng hụt cán bộ ở các địa phương, ngành.

Nhận thức về công tác bảo vệ chính trị nội bộ của một số cấp ủy chưa đầy đủ; việc nắm vấn đề chính trị hiện nay, nhất là nắm về tư tưởng và quan hệ xã hội của cán bộ, đảng viên không chặt chẽ. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở còn nhiều mặt yếu kém, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, tính chiến đấu, phê bình và tự phê bình yếu, quản lý đảng viên lỏng lẻo; đánh giá, phân loại tổ chức đảng, đảng viên vẫn chưa đúng thực chất, còn hình thức. Tình trạng thiếu thống nhất trong nội bộ cấp ủy, nhất là giữa các đồng chí chủ chốt còn diễn ra ở một số nơi. Nhiều

tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể, các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân, lúng túng về phương thức hoạt động, nội dung sinh hoạt đảng nghèo nàn, vai trò mờ nhạt, thậm chí một số tổ chức cơ sở đảng mất sức chiến đấu, không thể hiện được vai trò lãnh đạo.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng chưa theo kịp yêu cầu của thời kỳ mới. Việc cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) “Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị”, Nghị quyết Trung ương 6 về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên” thành những quy chế, quy định cụ thể ban hành còn chậm. Tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, nhất là bao biện, làm thay, chưa phát huy tốt vai trò của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội vẫn còn diễn ra ở một số cấp ủy, tổ chức đảng.

4. Công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật trong Đảng trên một số mặt còn hạn chế, thiếu sót. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát, chưa gắn chức năng lãnh đạo với chức năng kiểm tra, giám sát của Đảng. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ở một số cơ quan, đơn vị vẫn còn yếu, kể cả ở một số cơ quan trung ương. Một số cấp ủy đảng, tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở, thực hiện công tác giám sát còn lúng túng, chất lượng chưa cao; giám sát cán bộ sau bầu cử, bổ nhiệm còn hạn chế. Nhìn chung, các ban cán sự đảng, đảng đoàn thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, chưa có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả thấp. Công tác tham mưu của ủy ban

kiểm tra giúp cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi còn chưa kịp thời.

Tình hình chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước của nhiều tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, nhiều cán bộ, đảng viên còn chưa nghiêm, vi phạm còn nhiều; hầu hết các tổ chức, cá nhân được kiểm tra đều có vi phạm ở mức độ khác nhau¹. Việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, như nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình ở nhiều tổ chức đảng còn yếu; nể nang, né tránh, ngại va chạm, dân chủ hình thức diễn ra ở nhiều cấp. Một số trường hợp xử lý kỷ luật đảng sau kiểm tra chưa kịp thời, kiên quyết, chưa đồng bộ giữa kỷ luật đảng và kỷ luật chính quyền, làm hạn chế tác dụng răn đe, phòng ngừa vi phạm.

2. Về tiếp tục kiện toàn, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; cải cách nền hành chính quốc gia, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương xã hội

Những kết quả đạt được

1. Tiếp tục kiện toàn, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Tổ chức và hoạt động của Quốc hội tiếp tục được đổi mới, đạt được những kết quả quan trọng. Các cơ quan của Quốc

1. Trong nửa đầu nhiệm kỳ, có 44.045 đảng viên, 1.009 tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật đảng, xử lý bằng pháp luật 1.891 người, tăng 73% so với nửa đầu nhiệm kỳ khóa IX.

hội được kiện toàn và bổ sung; tăng số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách. Quốc hội ngày càng thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Hoạt động lập pháp được đẩy mạnh và có tiến bộ. Việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân, các ngành, các cấp về các dự án luật tiếp tục được chú trọng. Hoạt động giám sát của Quốc hội tiếp tục được đẩy mạnh, chất lượng, hiệu lực được nâng lên. Nội dung giám sát đã tập trung vào nhiều vấn đề bức xúc trong cuộc sống. Cách thức tổ chức giám sát từng bước được cải tiến. Chất lượng chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp Quốc hội ngày càng được nâng lên, góp phần thúc đẩy các cơ quan nhà nước khắc phục những thiếu sót, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước đã được tăng cường và thực chất hơn, đặc biệt là việc quyết định phân bổ ngân sách trung ương, quyết định chủ trương đầu tư các dự án, công trình quan trọng quốc gia và phê chuẩn các hiệp định, hiệp ước quốc tế.

Tổ chức và hoạt động của Chính phủ tiếp tục được đổi mới theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành chính thống nhất, thông suốt, hiện đại. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ được điều chỉnh giảm đầu mối theo hướng tổ chức các bộ, cơ quan quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Công tác quản lý, chỉ đạo của Chính phủ đối với các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao, báo chí đã được thực hiện toàn diện hơn. Điều hành của Chính phủ đã tập trung nhiều hơn vào quản lý vĩ mô, xây dựng, ban hành thể chế, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện. Đã có sự phân định rõ ràng, cụ thể hơn

về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm giữa Chính phủ với Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ.

Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp tiếp tục đổi mới. Hệ thống thủ tục tố tụng ngày càng rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ hơn. Đã thực hiện việc tăng thẩm quyền xét xử cho tòa án cấp huyện. Chất lượng thực hành quyền công tố, chất lượng tranh tụng tại phiên tòa được nâng cao hơn, hạn chế tình trạng truy tố oan, sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Kiểm sát các hoạt động tư pháp được nâng cao hơn về chất lượng và hiệu quả. Đội ngũ cán bộ tư pháp từng bước được tăng cường, phát triển cả về số lượng và chất lượng, trình độ, năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức, lập trường tư tưởng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được coi trọng.

Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp ở nhiều địa phương đã thực hiện tốt hơn nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Chủ trương kéo dài nhiệm kỳ hội đồng nhân dân các cấp và chủ trương thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân cấp quận, huyện, phường đã được Quốc hội thể chế hóa thành nghị quyết để triển khai thực hiện.

2. Cải cách hành chính

Cải cách hành chính tiếp tục được thực hiện trên cả 4 nội dung: cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công. Hệ thống thể chế luật pháp tiếp tục được bổ sung. Một số hoạt động dịch vụ, nhất là những công việc không cần thiết phải do cơ quan hành chính nhà nước trực tiếp thực hiện, đã từng bước được xã hội hóa. Thủ tục hành

chính tiếp tục được rà soát, sửa đổi, việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông ở các cơ quan hành chính đạt được một số kết quả. Cơ chế quản lý tài chính công và ngân sách đã có đổi mới... Tiếp tục triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý nhà nước trên từng lĩnh vực cho các địa phương phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, tạo điều kiện để các cấp chính quyền phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao trách nhiệm trong điều hành, quản lý kinh tế - xã hội.

3. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Ngay từ đầu khóa, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) đã ra Nghị quyết “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”, thể hiện quyết tâm của Đảng đối với công tác quan trọng này. Các cấp ủy và tổ chức đảng đã tích cực triển khai các mặt công tác về phòng, chống tham nhũng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương. Công tác tuyên truyền về cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tăng cường, gắn với Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Công tác xây dựng các văn bản pháp luật, quy định, quy chế về phòng, chống tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh.

Việc triển khai thực hiện các quy định, quy chế, các văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí như công khai, minh bạch tài sản, thu nhập; trả lương qua tài khoản; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng... đạt được một số kết quả. Các vụ tham nhũng phát hiện trong 2 - 3 năm vừa qua ít nghiêm trọng

hơn. Nhiều vụ do chi bộ, tổ chức đảng phát hiện. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng được phát huy; đã có sự phối hợp gắn bó hơn giữa công tác kiểm tra của Đảng với công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát của các cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội và các cơ quan chức năng trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Về phát huy dân chủ ở cơ sở

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể nhận thức về phát huy dân chủ trong tình hình mới đầy đủ hơn; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện các quy định, Quy chế dân chủ phù hợp với từng loại hình cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, góp ý xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương. Thông qua việc thực hiện Luật khiếu nại, tố cáo, quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đã được thực hiện tốt hơn.

Những hạn chế, yếu kém

1. Về xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Tổ chức bộ máy và hoạt động của Quốc hội trên một số mặt chưa tương xứng với nhiệm vụ và quyền hạn mà Hiến pháp và luật đã quy định. Chương trình xây dựng luật, pháp

lệnh còn có mặt chưa sát thực tế, tính khả thi chưa cao¹. Nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội còn chưa có văn bản pháp luật điều chỉnh; một số luật, pháp lệnh mới được ban hành nhưng chưa cụ thể, phải chờ văn bản hướng dẫn nên chậm đi vào cuộc sống; quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ. Một số quy định không còn phù hợp với thực tiễn, gây bức xúc trong xã hội nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung. Hoạt động giám sát của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội chưa đạt hiệu quả; kiến nghị các biện pháp, chế tài của cơ quan giám sát chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn và nguyện vọng của nhân dân.

Cơ cấu tổ chức của Chính phủ tuy có giảm về số bộ, cơ quan ngang bộ, nhưng biên chế không giảm, lại tăng thêm các đầu mối trực thuộc bộ. Một số bộ có phạm vi quản lý quá rộng, ảnh hưởng tới chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, điều hành. Việc ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh còn chậm; nhiều hạn chế, yếu kém trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực như công tác dự báo, xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, các vùng, các sản phẩm quan trọng, quản lý đất đai, đầu tư các công trình, dự án, hoạt động khoa học - công nghệ, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, xã hội... kéo dài, chậm được khắc phục.

Số lượng cán bộ, thẩm phán tòa án tuy được tăng cường nhưng vẫn còn thiếu so với yêu cầu hoạt động xét xử. Trình độ, năng lực chuyên môn của một bộ phận thẩm phán còn

1. Có 10/36 (28%) dự án luật thuộc Chương trình năm 2008 được Chính phủ và các cơ quan trình đề nghị rút khỏi Chương trình và nhiều dự án được đề nghị bổ sung vào Chương trình.

yếu, nhất là trong một số lĩnh vực xét xử liên quan đến sở hữu trí tuệ, tranh chấp thương mại quốc tế... Tình trạng án tồn đọng, án bị hủy, bị cải sửa vẫn còn nhiều. Trợ giúp pháp lý cho doanh nghiệp và người dân, sự tham gia của các cơ quan hỗ trợ tư pháp vào hoạt động xét xử còn hạn chế. Việc thực hiện tranh tụng công khai, dân chủ tại phiên tòa chưa triệt để. Tổ chức và hoạt động của hệ thống viện kiểm sát nhân dân đã được đổi mới nhưng có mặt còn chậm. Tình trạng oan, sai trong truy tố vẫn còn. Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp có nơi, có lúc chưa cao. Việc đổi mới, kiện toàn tổ chức của cơ quan điều tra còn chậm. Tiêu cực trong lĩnh vực điều tra, lĩnh vực tư pháp còn nhiều. Việc phê chuẩn, khởi tố, bắt giam, đình chỉ điều tra có một số trường hợp chưa chính xác. Nhiều quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động tư pháp (Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự...) không còn phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và đấu tranh phòng, chống vi phạm, tội phạm trong giai đoạn hiện nay chậm được sửa đổi, bổ sung.

Hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp trên một số lĩnh vực còn mang tính hình thức. Mô hình tổ chức bộ máy ủy ban nhân dân thiếu ổn định, thay đổi quá nhanh (8 năm 3 lần thay đổi tổ chức). Năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ cơ sở hạn chế. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch nguồn cán bộ ở địa phương chưa được quan tâm đúng mức.

2. Kết quả cải cách hành chính đạt được còn rất hạn chế.
Nền hành chính nhà nước vẫn còn nhiều yếu kém, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện cho tham nhũng, những nhiễu phát triển, cản trở sự phát

triển đất nước, gây bức xúc xã hội. Nhiều cơ chế, chính sách lạc hậu, không phù hợp chậm được rà soát, sửa đổi, bổ sung. Chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước chưa rõ, chồng chéo. Thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc trên một số lĩnh vực, nhất là lĩnh vực liên quan đến đất đai, nhà ở, đầu tư xây dựng còn rất phức tạp, “một cửa” nhưng “nhiều khóa”. Phân cấp, phân định trách nhiệm giải quyết công việc trên từng lĩnh vực giữa các cấp, các ngành chưa rõ. Mối quan hệ giữa các cơ quan, tổ chức trong bộ máy hành chính còn thiếu chặt chẽ; một bộ phận cán bộ, công chức ý thức trách nhiệm thấp, không làm hết trách nhiệm, đùn đẩy công việc; thể chế, luật pháp về tài chính công tuy có nhiều đổi mới nhưng còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

3. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng đạt được thấp, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Một số giải pháp (như kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập, trách nhiệm người đứng đầu...) thực hiện không triệt để, hướng dẫn thiếu cụ thể, khó thực hiện. Sự phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát của các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương với nhau và với các địa phương còn yếu. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát nhiều nhưng tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn thấp, ít hiệu quả; vẫn còn tiêu cực trong công tác thanh tra, kiểm toán. Việc phát hiện, xem xét, xử lý vi phạm ở một số địa phương, đơn vị chưa kịp thời, chưa nghiêm, nhiều vụ án trọng điểm chậm được xét xử hoặc đã xét xử nhưng để lại dư luận không thuận trong xã hội; chưa ngăn chặn, đẩy lùi được tham nhũng, lãng phí. Tình hình tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực chưa giảm, vẫn là vấn đề gây bức xúc xã hội.

4. *Một bộ phận cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể ở nhiều cấp, nhất là một số cán bộ chủ chốt chưa nhận thức và thực hiện đầy đủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng về phát huy dân chủ.* Việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở một số nơi chưa nghiêm túc, đầy đủ. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực sự là công bộc của dân kết quả đạt thấp. Không ít trường hợp việc phát huy dân chủ còn mang tính hình thức. Việc tổ chức để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền chưa thường xuyên, chưa trở thành nền nếp và còn thiếu quy chế, quy định. Còn có những hiện tượng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây cản trở đến hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước.

3. Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và tiếp tục đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội

Những kết quả đạt được

1. *Chính sách xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được triển khai rộng rãi, có kết quả.* Trung ương và các địa phương tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về “Đại đoàn kết toàn dân tộc”, về “Công tác dân tộc”, “Công tác tôn giáo” để đánh giá, rút kinh nghiệm, thực hiện tốt hơn. Đảng, Nhà nước có nhiều chính sách mới đem lại lợi ích cho các tầng lớp nhân dân, công nhân, nông dân, trí thức, đồng bào

các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài; có nhiều chương trình dành cho đồng bào các dân tộc thiểu số, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn; chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật. Các ngành, các địa phương đã quán triệt và thực hiện có kết quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; nhiều vấn đề phức tạp về dân tộc và tôn giáo, vấn đề dân sinh bức xúc được giải quyết. Công tác vận động người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, vận động chức sắc, tín đồ các tôn giáo được coi trọng.

2. *Công tác dân vận tiếp tục được quan tâm.* Sau Đại hội X, Trung ương đã có các nghị quyết về vận động quần chúng (về phụ nữ, thanh niên, công nhân, trí thức, về nông nghiệp, nông dân và nông thôn). Cấp ủy, chính quyền các địa phương, các ngành đều có nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác vận động quần chúng. Các lực lượng của hệ thống chính trị đã tăng cường phối hợp làm công tác dân vận, nhất là xử lý các vấn đề nhạy cảm trên các lĩnh vực tôn giáo, dân tộc ở các địa bàn trọng điểm, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

3. *Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được củng cố về tổ chức,* phát triển đoàn viên, hội viên¹; từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, chú trọng hướng về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; phối hợp với các ngành, các địa

1. Số tổ chức cơ sở đoàn, hội, số đoàn viên, hội viên của các tổ chức chính trị - xã hội năm 2008 đều tăng hơn so với năm 2006.

phương tổ chức được nhiều phong trào thi đua yêu nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, động viên các tầng lớp nhân dân phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng Đảng và chính quyền; mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa nhân dân ta với bạn bè quốc tế.

Những hạn chế, yếu kém

1. *Nhiều nội dung trong các chính sách xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được thực hiện đầy đủ.* Việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành cơ chế, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân tộc, tôn giáo, các chính sách đối với trí thức, công nhân, nông dân... trên một số mặt vẫn còn chậm, thiếu đồng bộ; kết quả tổ chức thực hiện một số chính sách còn hạn chế. Xử lý một số trường hợp cụ thể về tôn giáo, dân tộc, giải quyết khiếu kiện của nông dân, đình công của công nhân... còn thiếu chủ động, lúng túng, chưa triệt để và kéo dài. Không ít nơi, quyền làm chủ của nhân dân bị vi phạm. Tâm trạng của một bộ phận nhân dân, cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, trí thức, đồng bào các dân tộc... chưa phấn khởi, có nhiều tâm tư, băn khoăn, lo lắng trước những khó khăn trong đời sống, những tiêu cực, bức xúc trong xã hội.

2. *Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là của đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, các đối tượng chính sách xã hội còn nhiều khó khăn.* Tỷ lệ đói nghèo và tái đói nghèo ở vùng sâu, miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số còn cao; khoảng cách giàu nghèo giữa miền núi và đồng bằng, thành thị và nông thôn ngày càng tăng, ảnh hưởng tới xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. *Công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội* đổi mới chậm, vẫn còn có biểu hiện hành chính hóa và hình thức. Việc sâu sát cơ sở, nắm bắt tư tưởng, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo còn hạn chế. Mặt khác, khi phát hiện và phản ánh thì các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước giải quyết không kịp thời. Công tác dân vận của chính quyền ở nhiều nơi còn yếu. Trong khu vực doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức các đoàn thể (công đoàn, thanh niên, phụ nữ) còn mỏng và yếu. Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, điều kiện, phương tiện làm việc và cơ chế, chính sách cho công tác vận động quần chúng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng hiện nay.

VII- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT, NGUYÊN NHÂN CỦA TÌNH HÌNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ RÚT RA SAU NỬA ĐẦU NHIỆM KỲ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

1. Đánh giá tổng quát

Trong nửa đầu nhiệm kỳ vừa qua, Nghị quyết Đại hội X đã được triển khai thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được quan tâm đẩy mạnh, tạo được một số chuyển biến tiến bộ. Sức mạnh của khối đại đoàn kết

toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, phát huy. Sự nghiệp đổi mới tiếp tục được đẩy mạnh trên mọi lĩnh vực. Chính trị - xã hội ổn định, cơ bản ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, lĩnh vực an sinh xã hội được chăm lo nhiều hơn. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, nâng cao uy tín quốc tế của đất nước; quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Nhiều chỉ tiêu Đại hội đã đạt hoặc gần đạt so với Nghị quyết Đại hội đề ra.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được còn thấp so với khả năng, tiềm năng của đất nước. Kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, còn tiềm ẩn các yếu tố bất ổn. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, chậm cải thiện; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại. Chưa thu hẹp được khoảng cách phát triển so với các nước trong khu vực¹. Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chưa được tăng cường; những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, văn hóa, xã hội chậm được khắc phục. Kết quả cải cách hành chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn

1. Theo xếp hạng của WB, vị trí nước ta về chỉ tiêu GDP đầu người theo giá hiện hành giảm từ vị trí 117 (năm 2005) xuống vị trí 134 (năm 2007) (nếu theo giá tương đương (PPP) thì vị trí nước ta từ 107 (năm 2005) tụt xuống vị trí 116 (năm 2007), trong khi vị trí Thái Lan tăng 2 bậc (từ 71 lên 69), Malaixia tăng 5 bậc (theo sức mua tương đương từ 53 lên 48) và 2 bậc (theo giá hiện hành từ 56 lên 54)...

nhieu hạn chế. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng còn yếu. Tình hình tư tưởng, an ninh nội bộ có biểu hiện phức tạp, tiềm ẩn những nguy cơ mất ổn định chính trị - xã hội. Một số chỉ tiêu quan trọng của Đại hội đạt được còn thấp.

2. Nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế, khuyết điểm

2.1. Nguyên nhân của những thành tựu

a) *Về khách quan:* Tình hình thế giới cơ bản ổn định, kinh tế thế giới trong đầu nhiệm kỳ phát triển tương đối thuận lợi, tác động tích cực đến nền kinh tế các nước trên thế giới, trong đó có nước ta.

b) Về chủ quan

- Sự đúng đắn của đường lối đổi mới, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và những bài học kinh nghiệm thu được qua hơn 20 năm đổi mới, sự đúng đắn của Nghị quyết Đại hội X là tiền đề, điều kiện quan trọng để triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X, đưa đất nước ta tiếp tục phát triển trong nửa đầu nhiệm kỳ vừa qua.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của các cấp ủy đảng trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X, giải quyết kịp thời và đúng đắn các vấn đề lớn phát sinh của đất nước, của Đảng; việc đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, hội đồng nhân dân; sự năng động trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành, chính quyền các cấp và những đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Sự nỗ lực phấn đấu bên bỉ, làm việc tận tụy, sáng tạo của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, doanh nhân, của các tầng lớp nhân dân ở mọi miền của Tổ quốc.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

a) *Về khách quan*: Những biến động phức tạp của tình hình chính trị, kinh tế, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế trên thế giới từ cuối năm 2007 đến nay đã ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến nước ta; thiên tai, dịch bệnh xảy ra gây thiệt hại lớn về tính mạng và tài sản của nhân dân; những hạn chế, yếu kém vốn có của nền kinh tế; sự chống phá của các thế lực thù địch.

b) Về chủ quan

- Công tác nghiên cứu lý luận của Đảng chưa ngang tầm sự phát triển của thực tiễn, chưa giải đáp có căn cứ khoa học, thuyết phục về nhiều vấn đề quan trọng do thực tiễn đặt ra. Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới, chưa đáp ứng được đòi hỏi của sự phát triển đất nước. Nhiều vấn đề mới đặt ra chưa mạnh dạn làm thí điểm, rút kinh nghiệm; tổng kết thực tiễn còn nhiều hạn chế. Một số vấn đề lớn, quan trọng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa tập trung, kiên quyết lãnh đạo, chỉ đạo nên những yếu kém kéo dài, chậm được khắc phục.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và quản lý, điều hành của Nhà nước trong xử lý mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường còn hạn chế, công tác dự báo chưa tốt, chưa phân tích sâu sắc, đầy đủ

những khó khăn khi đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008. Cuối năm 2007, lạm phát và nhập siêu của ta đã tăng cao nhưng vẫn chủ trương đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, chưa chú ý đúng mức tới yêu cầu ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển bền vững. Cùng với những yếu kém của nền kinh tế, chính sách tài chính, tiền tệ nổi lỏng nhiều năm, lượng cung tiền, số dư tín dụng tăng cao, trong đó có một lượng lớn đầu tư vào kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán, kể cả của các tổng công ty, tập đoàn kinh tế lớn; bội chi ngân sách ở mức 5% GDP liên tục nhiều năm (trong khi quy mô nền kinh tế không ngừng tăng lên) để đầu tư phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng nhưng đầu tư còn dàn trải, nhiều dự án dở dang, kéo dài, gây ra nhiều lãng phí, hiệu quả thấp; quản lý nhập khẩu lỏng lẻo gây hậu quả xấu cho cán cân thương mại và ổn định tỉ giá... là nguyên nhân chủ yếu, trực tiếp của lạm phát và nhập siêu cao vừa qua.

- Việc cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết còn chậm, tổ chức thực hiện nghị quyết của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương vẫn là khâu yếu. Chậm khắc phục những hạn chế, yếu kém trong tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, yếu kém về phẩm chất, năng lực, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức các cấp; một số quy chế, quy định mở rộng dân chủ trong Đảng, trong xã hội chậm được ban hành, kỷ luật, kỷ cương không nghiêm; tự phê bình, phê bình và tính nêu gương kém ở nhiều cấp; công tác đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán hiệu quả thấp.

3. Những vấn đề rút ra sau 2 năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng

3.1. Về ý nghĩa quan trọng của công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch. Thực tế của nước ta trong hơn 20 năm đổi mới, nhất là trong những năm đầu nhiệm kỳ khóa X vừa qua cho thấy, trong bối cảnh tình hình chính trị và kinh tế thế giới diễn biến hết sức phức tạp, đất nước ta phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế thì công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng. Chất lượng công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước. Nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại thời gian qua có nguyên nhân quan trọng từ sự hạn chế, yếu kém của công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch. Yêu cầu phát triển ổn định, vững chắc của đất nước trong những năm tới đòi hỏi phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao hơn chất lượng của công tác này.

3.2. Về phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Thực tế nửa đầu nhiệm kỳ qua cho thấy, trong tình hình chính trị, kinh tế thế giới biến động phức tạp, để tận dụng được thời cơ, vượt qua thách thức do hội nhập quốc tế tạo ra, cần phải giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phát huy cao nội lực với phương châm “nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng”, xây dựng được nền kinh

tế độc lập, tự chủ, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, phấn đấu không ngừng để các cân đối lớn của nền kinh tế ngày càng phải vững chắc hơn. Điều này đặt ra hàng loạt vấn đề về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và phải coi trọng đúng mức chất lượng phát triển của nền kinh tế trong thời gian tới đúng như tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã xác định.

3.3. Về kết hợp giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Sự phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước đòi hỏi cùng với nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế cần phải phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, chăm lo đời sống, cải thiện điều kiện ăn, ở, làm việc, sinh hoạt văn hóa, tinh thần của người lao động; từng bước thu hẹp dần khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng, trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của mỗi vùng; bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái...

3.4. Về yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Cuộc khủng hoảng và khắc phục khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới hiện nay cho thấy vai trò hết sức quan trọng của quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường. Nước ta phát triển nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa càng đòi hỏi phải phát huy có hiệu quả cao nhất vai trò quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường và mọi mặt của đời sống xã hội. Sự tích cực, năng động, sáng tạo của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp là một trong những nguyên nhân quan trọng để đạt được các thành tựu, nhưng những hạn chế, yếu kém của quản lý nhà nước ở các cấp, các ngành cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém, những vấn đề gây bức xúc xã hội những năm qua. Sự ổn định và phát triển đất nước đòi hỏi phải đổi mới, nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các cấp, các ngành.

3.5. Về vai trò then chốt của công tác xây dựng Đảng. Thực tiễn nửa đầu nhiệm kỳ qua càng khẳng định việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, mở rộng và phát huy dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng tự phê bình, phê bình, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ chủ chốt các cấp, đấu tranh trong sinh hoạt đảng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các loại hình cơ sở đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín với nội bộ và với nhân dân, đáp ứng được đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới đất nước là yếu tố quyết định nhất đối với sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa cho dù có những khó khăn, phức tạp thế nào.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI XI CỦA ĐẢNG

I- DỰ BÁO BỐI CẢNH TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI XI

1. Bối cảnh thế giới

Từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội X, tình hình thế giới và khu vực còn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Khủng hoảng tài chính đang lan rộng ra nhiều nước làm cho kinh tế thế giới bị suy thoái. Mặc dù chính phủ nhiều nước trên thế giới đã có những can thiệp tích cực nhưng khủng hoảng, suy thoái kinh tế thế giới có thể kéo dài trong một vài năm tới. Vai trò của Mỹ suy giảm, sự nổi lên của một số nước làm gia tăng cạnh tranh quốc tế trên các lĩnh vực, xu hướng hình thành thế giới đa cực ngày càng rõ. Điều này sẽ có tác động và ảnh hưởng lớn tới tình hình chính trị và kinh tế thế giới trong những năm tới. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm, cùng với tăng cường hợp tác trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu, như khắc phục khủng hoảng tài chính, đối phó với thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu..., xu thế cạnh tranh giữa các nước nhằm tìm kiếm các nguồn nguyên liệu, năng lượng, thu hút vốn đầu tư, thị trường tiêu thụ... sẽ càng gay gắt hơn. Cạnh tranh giữa các nước lớn trên các địa bàn chiến lược, tranh chấp trên biển Đông cũng sẽ gay gắt, phức tạp hơn. Tình hình đó sẽ tác động nhiều mặt đối với nước ta cả mặt tích cực và tiêu cực.

2. Bối cảnh trong nước

Tình hình chính trị, xã hội đất nước ổn định, uy tín quốc tế ngày càng tăng. Lạm phát bước đầu được kiềm chế, kinh tế vĩ mô dần ổn định đang củng cố lòng tin của nhân dân, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Những khó khăn của kinh tế thế giới tác động vào nước ta làm bộc lộ những hạn chế, yếu kém của nền kinh tế, của công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp, các ngành. Đây vừa là thách thức nhưng cũng vừa là cơ hội để chấn chỉnh, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, đổi mới cơ chế, chính sách, hướng tới sự phát triển bền vững. Hơn nữa, nếu xử lý tốt những yếu kém, có thể giảm thiểu ảnh hưởng xấu và có thể tranh thủ thời cơ để đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường nội địa, nhập khẩu được thiết bị công nghệ tiên tiến với giá rẻ...

Tuy nhiên, dự báo tình hình năm 2009 và vài năm tới sẽ còn khó khăn hơn năm 2008 do nước ta đã hội nhập sâu vào kinh tế thế giới, suy thoái kinh tế thế giới tác động tới nước ta sẽ nhanh, mạnh, trực tiếp hơn, xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài (cả vốn FDI, FII, ODA), thu hút khách du lịch sẽ rất khó khăn; chúng ta vừa phải xử lý tình hình lạm phát và nhập siêu cao, đồng thời có giải pháp ngay để triển khai ngăn chặn suy giảm kinh tế đang diễn ra. Giá cả các vật tư, nguyên liệu biến động thất thường, lãi suất cho vay vẫn còn ở mức cao, nhưng tiêu thụ sản phẩm khó khăn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, một bộ phận doanh nghiệp vừa và nhỏ rơi vào tình trạng đình đốn sản xuất, phá sản, tăng thêm số

người thất nghiệp. Thiên tai, dịch bệnh lớn vẫn có khả năng xảy ra, ảnh hưởng của biến động khí hậu toàn cầu. Tình hình này tác động mạnh tới việc làm, thu nhập của các tầng lớp nhân dân. Đời sống của một bộ phận nhân dân sẽ khó khăn hơn, làm tăng thêm các bức xúc trong xã hội. Các vấn đề an ninh chính trị, an ninh nội bộ, an ninh tư tưởng sẽ phức tạp hơn nếu ta không có giải pháp phù hợp, kịp thời. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước sẽ lợi dụng để tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước ta.

II- MỤC TIÊU TỪ NAY ĐẾN HẾT NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI X

Nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu Đại hội X của Đảng đề ra cho cả nhiệm kỳ, cụ thể là: Chủ động kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; kịp thời ngăn chặn suy giảm kinh tế, nâng cao chất lượng toàn diện nền kinh tế và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững; bảo đảm an sinh xã hội, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế một cách chủ động, có hiệu quả. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Tạo chuyển biến rõ rệt trong xây dựng Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết, nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, đội ngũ cán bộ,

đảng viên có phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Tiếp tục phấn đấu “*nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng*”, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; đẩy mạnh thi đua yêu nước, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III- NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP LỚN CÂN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

Để hoàn thành thắng lợi mục tiêu Đại hội đề ra, cần thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội X, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 22-KL/TW, Kết luận số 25-KL/TW của Bộ Chính trị... Trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp dưới đây:

A- Trong lĩnh vực kinh tế

1. Chủ động xây dựng biện pháp đồng bộ nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, ngăn chặn đà suy giảm, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý

1. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường

công tác nghiên cứu, dự báo để tham mưu cho các cơ quan hoạch định chính sách của Đảng, Nhà nước về những vấn đề kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô nhằm tận dụng được cơ hội, chủ động, kịp thời ngăn ngừa, đối phó những thách thức, không để bị động, bất ngờ, gây tổn thất lớn. Các bộ, ngành, các doanh nghiệp lớn của Nhà nước cần có bộ phận nghiên cứu, dự báo về lĩnh vực của mình. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, các vùng, các sản phẩm lớn của nền kinh tế.

(2) *Về chính sách tiền tệ và tín dụng*: Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ. Sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường nhiều hơn và áp dụng các biện pháp thích hợp để định hướng và điều chỉnh tỉ giá, lãi suất với mức hợp lý, đảm bảo ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam; kiểm soát khối lượng tiền cung ứng, các luồng tiền tệ trong nền kinh tế, nâng cao chất lượng tín dụng; khi tình hình kinh tế vĩ mô dần ổn định, giá cả được kiểm soát, từng bước nới lỏng chính sách tiền tệ, hạ lãi suất để đáp ứng có hiệu quả các nhu cầu vốn của nền kinh tế, nhất là đối với những lĩnh vực ưu tiên, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh. Quản lý chặt chẽ việc thành lập mới, mở chi nhánh ngân hàng và tăng cường kiểm soát, giám sát hoạt động của các ngân hàng thương mại; kiểm soát chặt chẽ việc cho vay đúng mục tiêu, hợp lý và có hiệu quả trong kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán của các ngân hàng thương mại và các tổ chức kinh doanh tiền tệ khác, giảm và chủ động xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Nâng cao chất lượng thanh tra ngân hàng. Chấn chỉnh, củng cố công tác kiểm soát nội

bộ tại các tổ chức tín dụng. Đẩy mạnh các biện pháp bảo đảm an ninh tiền tệ, đảm bảo an toàn cho hệ thống tài chính - ngân hàng.

3. *Về chính sách tài khóa.* Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung *Luật ngân sách nhà nước* phù hợp với tình hình mới, tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, giảm dần mức bội chi ngân sách. Tiếp tục điều hành chính sách tài khóa theo hướng tiết kiệm chi thường xuyên chặt chẽ hơn và cắt giảm các khoản chi cho các nhiệm vụ không thật cấp bách; rà soát, loại bỏ các dự án treo, các dự án đầu tư dàn trải, trùng lặp, kém hiệu quả. Tập trung các nguồn vốn và điều chỉnh kịp thời giá đầu vào để bảo đảm hoàn thành các công trình trọng điểm quốc gia đúng tiến độ, không để kéo dài; dẫn tiến độ đầu tư các công trình cần nhập khẩu nhiều máy móc thiết bị, vật tư nhưng chưa thật sự cần thiết; tăng cường các dự án đầu tư cần thiết, có hiệu quả, sử dụng được nhiều vật tư trong nước. Phấn đấu bố trí đủ nguồn vốn đầu tư cho các chương trình, dự án cần thiết, cấp bách được xác định trong các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị (về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; chiến lược biển; phát triển các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ...). Tăng vốn đầu tư kích cầu trong nước vào những lĩnh vực và dự án cần thiết, có hiệu quả, tạo công ăn việc làm, nâng thu nhập nhân dân để ngăn chặn suy giảm kinh tế, như đầu tư vào kết cấu hạ tầng (giao thông, thủy lợi, trường học, y tế, nhà ở cho người thu nhập thấp ở các khu công nghiệp, các công trình phòng, chống thiên tai), đổi mới công nghệ doanh nghiệp, đầu tư cho nông nghiệp và

những vùng nông thôn có tỷ lệ dân nghèo cao..., hỗ trợ cho sản xuất trong giai đoạn khó khăn, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa thu hút nhiều lao động. Nghiên cứu thực hiện chính sách nâng cao mức hỗ trợ, cung cấp gạo cho đồng bào các tỉnh miền núi để đồng bào tập trung vào trồng rừng, bảo vệ rừng. Khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao rõ rệt hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước. Xem xét, điều chỉnh chính sách thuế (giảm thuế, chậm nộp thuế...) để hỗ trợ doanh nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát trong hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực của cán bộ quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ vay nợ nước ngoài, bảo đảm cân cân thanh toán quốc gia.

4. *Về chính sách giá cả, quản lý thị trường.* Tiếp tục thực hiện chủ trương xóa bao cấp qua giá. Tôn trọng quyền định giá và cạnh tranh về giá cả của doanh nghiệp theo quan hệ cung cầu trên thị trường. Xây dựng, thực hiện lộ trình cụ thể cho việc điều chỉnh giá các mặt hàng thiết yếu, như: điện, nước, than, thép, xi măng, giấy, phân bón, thuốc chữa bệnh, giá bưu chính, cước vận chuyển đường không, đường sắt... Tăng cường công tác quản lý thị trường, giá cả, bảo đảm cung ứng đầy đủ các mặt hàng quan trọng, thiết yếu cho sản xuất, như xăng dầu, sắt, thép, xi măng, phân bón và cho đời sống nhân dân, như lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, sách giáo khoa..., chống buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ, nâng giá.

5. *Tạo mọi điều kiện để khuyến khích xuất khẩu, quản lý chặt chẽ nhập khẩu, kiểm chế nhập siêu, phát triển thị trường trong nước.* Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến

thương mại ở các cấp, các ngành; có các chính sách hỗ trợ, khuyến khích xuất khẩu (thuế, lãi suất, tỉ giá...) để phát triển, mở rộng thị trường, bao gồm các thị trường truyền thống và các thị trường mới có nhiều tiềm năng và đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu. Thực hiện các chính sách để cơ cấu lại mặt hàng xuất khẩu theo hướng giảm dần xuất khẩu tài nguyên khoáng sản và sản phẩm nguyên liệu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao. Đồng thời, có nhiều giải pháp (cơ chế, chính sách, xây dựng hệ thống hạ tầng thương mại...) để kích cầu, mở rộng, phát triển đầy đủ thị trường trong nước; tổ chức lại mạng lưới phân phối nội địa gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quản lý chặt chẽ, có hiệu quả các hoạt động nhập khẩu. Sử dụng các biện pháp không trái với các quy định của WTO để hạn chế nhập khẩu các mặt hàng không thiết yếu, không khuyến khích tiêu dùng quá mức chịu đựng của nền kinh tế, những mặt hàng chưa thật sự cần thiết hiện nay, giảm tối đa việc nhập siêu trong tình hình các nguồn vốn nước ngoài vào nước ta sẽ giảm nhiều so với năm 2008, đảm bảo vững chắc cán cân vốn của nền kinh tế.

2. Cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển các thành phần kinh tế

Trong điều kiện kinh tế thế giới suy giảm, để giữ vững ổn định và phát triển kinh tế, cần có cơ chế, chính sách phát huy mạnh mẽ nội lực của đất nước. Trước hết, phải có sự tiến bộ rõ rệt trong ban hành các văn bản pháp luật, khắc phục được chồng chéo, mất quá nhiều công đoạn, thời gian, đang cản trở lớn cho phát triển đất nước. Tiếp tục thực hiện nhất

quán các chính sách tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và phát triển mạnh mẽ các loại hình doanh nghiệp. Sửa đổi, bổ sung, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành *Luật doanh nghiệp*, *Luật đầu tư* và các luật có liên quan. Tiếp tục rà soát, đơn giản hơn nữa các thủ tục hành chính trong việc cấp giấy phép hoạt động, đăng ký kinh doanh, nộp thuế... Bãi bỏ các loại giấy phép trái với các quy định hiện hành, gây cản trở cho sự phát triển của các hoạt động đầu tư, kinh doanh. Thực hiện công khai hóa các quy trình, thủ tục hành chính, giải quyết kịp thời vướng mắc của các doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng quy hoạch các ngành, các vùng, các sản phẩm quan trọng; minh bạch hóa danh mục các lĩnh vực, địa bàn thuộc diện cấm kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện. Nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi *Luật đấu thầu*, bảo đảm quản lý chặt chẽ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp trong nước trong thực hiện các chương trình, dự án. Nâng cao năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức của các cán bộ quản lý nhà nước về doanh nghiệp. Nghiêm khắc xử lý những người thiếu trách nhiệm, chậm trễ trong việc cấp phép đăng ký kinh doanh, các thủ tục tài chính, thuế và các thủ tục hành chính khác.

Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để điều chỉnh cơ cấu đầu tư của các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư trực tiếp nước ngoài; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khuyến khích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đầu tư vào các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, giá trị gia tăng cao; vào phát triển các ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp phụ

trợ, vào các vùng khó khăn; bảo vệ đất trồng lúa, giữ vững an ninh lương thực quốc gia về lâu dài; chuyển dần nền kinh tế mang nặng tính gia công lắp ráp, khai thác tài nguyên, sang sản xuất, chế biến; giảm chỉ số ICOR xuống dần, phấn đấu bằng các nước có trình độ phát triển tương tự như nước ta trong vài năm tới. Có cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới tổ chức quản lý, đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động để giảm tiêu hao vật chất¹, giảm chi phí sản xuất, tăng hàm lượng chất xám trong sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm của doanh nghiệp, của nền kinh tế. Có giải pháp giải quyết những khó khăn, trở ngại lâu nay không để kéo dài trong việc đền bù, thu hồi đất để phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ, hạ tầng kinh tế - xã hội.

Có các chính sách phù hợp, tạo điều kiện cho tất cả các vùng trong cả nước phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy tốt nhất tiềm năng, thế mạnh của mỗi vùng. Các vùng kinh tế động lực cần phát huy lợi thế, đi nhanh vào các ngành có công nghệ hiện đại, có giá trị gia tăng cao. Tăng thêm vốn, ngân sách, tập trung đầu tư cho các vùng khó khăn theo các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị. Thực hiện tốt hơn liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng, phát huy vai trò của các vùng kinh tế động lực, đồng thời

1. Tiêu hao điện năng trên một đơn vị sản phẩm công nghiệp của Việt Nam bằng 2 lần so với Thái Lan, 4 lần so với các nước phát triển (nguồn: Báo cáo của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam).

tăng cường hỗ trợ các vùng khó khăn, từng bước giảm bớt sự mở rộng chênh lệch phát triển giữa các vùng.

Đối với các thành phần kinh tế, tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp để khắc phục những yếu kém, cùng phát triển, cạnh tranh bình đẳng, trong đó không ngừng củng cố xây dựng kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân:

1. *Đối với khu vực kinh tế nhà nước*: Tiếp tục việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tổng công ty và tập đoàn kinh tế lớn theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX), Nghị quyết Đại hội X và các kết luận của Bộ Chính trị (khóa X), làm cho doanh nghiệp nhà nước có tốc độ tăng trưởng, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cao hơn; các loại tài nguyên khoáng sản, đất đai, rừng, biển, nước, các quỹ nhà nước, ngân sách nhà nước được sử dụng có hiệu quả cao hơn. Sơ kết việc thí điểm xây dựng các tập đoàn kinh tế, hình thành những tập đoàn kinh tế và tổng công ty mạnh của Nhà nước trong những lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế, đủ sức cạnh tranh và mở đường cho các thành phần kinh tế khác phát triển tại thị trường trong nước, từng bước vươn ra cạnh tranh tại thị trường nước ngoài. Cần xác định rõ cơ quan nhà nước nào chịu trách nhiệm quản lý toàn diện doanh nghiệp nhà nước, bao gồm cả vốn, tài sản và nhân sự, cả doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có phần vốn nhà nước; xác định rõ quyền và nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân quản lý vốn nhà nước trong kinh doanh, ban hành Luật đầu tư kinh doanh vốn nhà nước; khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý doanh nghiệp sau cổ phần hóa, thất thoát vốn nhà nước qua cổ phần hóa, doanh nghiệp bị tự

nhân hóa qua cổ phần hóa; vai trò tổ chức đảng, công đoàn bị mờ nhạt sau cổ phần hóa. Xóa bỏ nhanh tình trạng biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp; xóa bỏ bao cấp qua giá; sớm hoàn thành việc chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Nhà nước; tính đúng, tính đủ giá trị tài sản tại doanh nghiệp; sớm sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để doanh nghiệp nhà nước được tự chủ hơn nữa trong cơ chế thị trường, khắc phục được những thua kém so với các thành phần kinh tế khác. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới cơ chế, chính sách, khắc phục tình trạng kém hiệu quả kéo dài của các nông - lâm trường, nhất là các lâm trường.

2. Đối với khu vực kinh tế tập thể: Cần tổng kết các mô hình kinh tế tập thể kiểu mới, bao gồm tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; sửa đổi, bổ sung Luật hợp tác xã năm 2003, các chính sách để khuyến khích, thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể với các hình thức hợp tác đa dạng, phù hợp với trình độ phát triển các ngành, các địa bàn. Coi trọng việc đào tạo cán bộ cho hợp tác xã và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước để kinh tế tập thể khắc phục được những yếu kém hiện nay, có tốc độ tăng trưởng cao hơn, cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Đối với kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển dưới nhiều hình thức thông qua các chính sách hoàn thiện môi trường kinh doanh, bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo pháp luật, bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, bảo vệ tài sản hợp pháp của

công dân và doanh nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến đầu tư, thương mại, tiếp cận thông tin thị trường, giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư và các vấn đề vướng mắc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhất là của các tập đoàn kinh tế lớn; khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao và triển khai thực hiện nhanh các dự án đầu tư đã cam kết. Có giải pháp quản lý chặt chẽ vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII), khuyến khích loại đầu tư dài hạn, không để biến động xảy ra.

3. Huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư các thành phần kinh tế, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Tăng cường công tác vận động xúc tiến đầu tư cả trong và ngoài nước, tập trung vào các địa bàn trọng điểm, các đối tác lớn, các tập đoàn xuyên quốc gia. Đổi mới cơ chế tài chính lĩnh vực dịch vụ công theo hướng xã hội hóa để huy động nhiều nguồn lực phát triển nhanh, nâng cao chất lượng hoạt động của lĩnh vực này. Tập trung vốn đầu tư nhà nước cho xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư cho các chương trình, dự án phát triển các ngành, các vùng được xác định trong các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị. Tiếp tục tháo gỡ những ách tắc lớn về thủ tục đầu tư xây dựng, chính sách thu hồi đất, giải phóng mặt

bằng hiện nay đối với sự phát triển đất nước; nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển các ngành, các vùng; hoàn thiện cơ chế, chính sách, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các chương trình, dự án (lập, thẩm định, đấu thầu, phê duyệt, giải ngân, thanh quyết toán) đầu tư từ các nguồn vốn nhà nước; tăng cường hướng dẫn, quản lý, giám sát đầu tư của các địa phương, các ngành, doanh nghiệp nhà nước, khắc phục bằng được tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí, kém hiệu quả, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư nhà nước.

Giám sát chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Tăng cường trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Rà soát, chấn chỉnh hoạt động đầu tư của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn; có quy định chặt chẽ việc các tập đoàn đầu tư sang những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh không thuộc chức năng chính của mình. Thực hiện nghiêm túc việc kiểm toán bắt buộc đối với các tập đoàn, tổng công ty, công ty nhà nước; các tập đoàn và tổng công ty công bố công khai kết quả kiểm toán, báo cáo tài chính hàng năm. Tổ chức kiểm tra, giám sát và kiểm toán việc sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước ở các đơn vị sử dụng ngân sách. Công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kết quả xử lý của từng cấp, từng đơn vị; chấp hành chế độ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước, các quỹ tài chính ở địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

Tăng cường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên của Nhà nước, đặc biệt là nguồn tài nguyên đất,

khoáng sản, rừng, đảm bảo phát triển bền vững nền kinh tế đất nước, bảo vệ môi trường sinh thái.

Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới luật pháp, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực kinh tế, tập trung vào những lĩnh vực quan trọng, còn nhiều vướng mắc cản trở sự phát triển và có kẽ hở tạo điều kiện cho tham nhũng, lãng phí; đặc biệt quan tâm tới củng cố, tăng cường những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường; thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về những chủ trương, chính sách lớn khi Việt Nam trở thành thành viên WTO để hội nhập thắng lợi. Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành, các địa phương. Không ngừng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là đội ngũ xây dựng thể chế có đủ phẩm chất, năng lực, có chính sách đãi ngộ phù hợp.

B- Phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực y tế, văn hóa, xã hội

1. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo toàn diện, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Tiến hành cải cách giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X). Tiếp tục đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục, khắc phục tình trạng mất cân đối trong giáo dục, đào tạo. Cùng với phát triển về số lượng, chú trọng nâng cao chất

lượng giáo dục toàn diện, coi trọng cả 3 mặt: dạy chữ, dạy nghề, dạy làm người; đặc biệt, cần coi trọng giáo dục lý tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống, lịch sử, truyền thống văn hóa của dân tộc, của Đảng, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giao tiếp cho học sinh, sinh viên; đào tạo nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, quản lý kinh tế - xã hội; đẩy mạnh đào tạo nghề, tạo bước chuyển mạnh để đáp ứng yêu cầu cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quan tâm nhiều hơn việc dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là những người không còn đất sản xuất, dạy nghề để xuất khẩu lao động. Tăng đầu tư nhà nước cho giáo dục - đào tạo, đồng thời đổi mới cơ chế tài chính trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, có chính sách học phí phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo thực hiện công bằng xã hội, đồng thời huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục - đào tạo. Tăng cường và khuyến khích các hoạt động khuyến học rộng khắp trong các cộng đồng dân cư, các địa phương, hướng tới xây dựng xã hội học tập. Đấu tranh khắc phục, đẩy lùi các tiêu cực kéo dài trong giáo dục - đào tạo, giảm bức xúc xã hội trong lĩnh vực này. Định hướng chặt chẽ hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, xây dựng một nền giáo dục tiên tiến, dân tộc, độc lập, tự chủ, xây dựng một lớp người vừa “hồng” vừa “chuyên”, đủ bản lĩnh và năng lực thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

2. Phát triển khoa học - công nghệ

Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý và chính sách phát triển khoa học - công nghệ; tập trung nghiên cứu, xây dựng, bổ

sung, hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và của các ngành, các sản phẩm quan trọng đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Xây dựng chiến lược, chương trình đổi mới công nghệ quốc gia với các chính sách về nhập công nghệ, giải mã, làm chủ và sáng tạo công nghệ. Đẩy mạnh công tác xác lập quyền sở hữu trí tuệ và nâng cao hiệu quả việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đổi mới cơ chế tài chính theo hướng Nhà nước tài trợ nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, doanh nghiệp, đơn vị đặt hàng các đề tài nghiên cứu ứng dụng có hiệu quả, thay cơ chế “xin - cho” để mọi tổ chức, cá nhân phấn đấu thực hiện bình đẳng. Nâng cao tính tự chủ của các cơ quan nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, gắn kết quả nghiên cứu với sản xuất, kinh doanh; sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu khoa học, chuyển một số viện nghiên cứu vào trường đại học, đơn vị sản xuất, kinh doanh có nhu cầu. Ban hành quy chế phát huy dân chủ trong nghiên cứu khoa học, danh mục, lĩnh vực cần phải được phản biện của các cơ quan nghiên cứu khoa học trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện. Có chính sách, chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc tốt cho cán bộ nghiên cứu khoa học, nhất là cán bộ đầu ngành, có trình độ cao, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Thực hiện tốt nhiệm vụ tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

Tăng cường đầu tư của Nhà nước, nhất là lĩnh vực tạo ra nhiều việc làm; thực hiện đồng bộ các chính sách

giải quyết việc làm, mở rộng các hình thức đào tạo nghề, giới thiệu việc làm; khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động; có chính sách đào tạo, tích cực giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất, không còn đất sản xuất, không để bị bần cùng hóa; mở rộng tín dụng và hỗ trợ lãi suất cho vay học nghề, dạy nghề, tạo việc làm; có chính sách hỗ trợ, khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu lao động; tổ chức đưa lao động nông nghiệp sang một số nước có nhu cầu, điều kiện, có quan hệ tốt với ta thuê đất sản xuất nông nghiệp (như ở châu Phi, Mỹ Latinh). Tiếp tục cải cách tiền lương gắn với tinh giản biên chế, mở rộng thực hiện khoán kinh phí hành chính và biên chế đối với cơ quan quản lý nhà nước.

Tiếp tục thực hiện các chính sách, các chương trình xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội. Nâng cao chuẩn nghèo cho phù hợp với tình hình mới. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, ngư dân và người dân các vùng khó khăn, vùng bị thiên tai. Tập trung sự quan tâm giúp đỡ của toàn xã hội để xóa đói, giảm nghèo ở các địa phương (huyện, xã) có tỷ lệ hộ nghèo cao. Phấn đấu đạt được yêu cầu giảm nghèo nhanh, vững chắc như Đại hội X đề ra.

Triển khai thí điểm việc thực hiện thỏa ước lao động ngành; thực hiện đồng bộ các giải pháp xây dựng quan hệ lao động lành mạnh, bền vững trong các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nhà nước có chính sách thu hút các nguồn đầu tư và khuyến khích doanh nghiệp hỗ trợ cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, nhất là ở các khu công nghiệp tập trung (về nhà ở, điện, nước, sinh hoạt văn hóa,

tinh thần). Tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn thực hiện đúng đắn các quy định của pháp luật về lao động cho người lao động. Ngăn ngừa và giải quyết kịp thời các cuộc đình công của công nhân.

4. Phát triển và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tăng cường đầu tư của Nhà nước xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực, đổi mới cơ chế, chính sách quản lý để nâng cao chất lượng hoạt động khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân từ tuyến cơ sở đến các bệnh viện lớn ở trung ương. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, tăng cường y tế dự phòng. Nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ của cán bộ y tế; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những tiêu cực trong khám, chữa bệnh. Đổi mới cơ chế tài chính, xã hội hóa một cách phù hợp, huy động các nguồn lực của xã hội vào phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đổi mới chế độ bảo hiểm y tế, hoàn thiện chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, người hưởng chính sách xã hội. Xây dựng quy hoạch, chính sách phát triển sản xuất thuốc chữa bệnh và thiết bị y tế. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khám chữa bệnh ở các cơ sở tư nhân và thị trường thuốc chữa bệnh; làm tốt công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh phát sinh, lây lan trên diện rộng. Củng cố tổ chức, cán bộ, thực hiện tốt các chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu đạt chỉ tiêu Đại hội X đề ra cho lĩnh vực này.

5. Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thông tin

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện chiến lược văn hóa, thông tin. Tăng đầu tư của Nhà nước cho văn hóa; đổi mới cơ chế tài chính, xã hội hóa, huy động các nguồn nhân lực cho phát triển các hoạt động văn hóa. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng với phát triển văn hóa, làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Làm tốt công tác bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa dân tộc, nhất là các di sản văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số. Tăng cường đầu tư cho các thiết chế văn hóa; quản lý, sử dụng các thiết chế văn hóa có hiệu quả. Quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí, các lễ hội; nâng cao chất lượng, ý nghĩa của các hoạt động này. Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; đánh giá chặt chẽ, đúng thực chất các danh hiệu gia đình văn hóa, thôn, bản, khu dân cư văn hóa. Xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa lành mạnh trong các cơ quan, đơn vị, trường học, các cộng đồng dân cư. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Khuyến khích sáng tạo các tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao; chuẩn bị về mọi mặt để tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong các năm tới, nhất là Lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản, văn học, nghệ thuật; khắc phục căn bản những lệch lạc, nhất là xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém, lợi ích vật chất cục

bộ trong các lĩnh vực hoạt động này. Từng bước thu hẹp khoảng cách về mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các tầng lớp dân cư. Đẩy mạnh thông tin đối ngoại, giao lưu văn hóa với các nước khu vực và thế giới, chống lại sự xâm nhập của các loại văn hóa phẩm độc hại, lai căng...

C- Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về tài nguyên và môi trường phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế; đưa vấn đề bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và vùng, các chương trình, dự án đầu tư; không phê duyệt các chương trình, dự án gây ô nhiễm môi trường lớn. Có các chế tài đủ mạnh bảo đảm ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường, về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên đất, nước, khoáng sản. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Sớm triển khai mô hình huy động sự tham gia của khu vực tư nhân trong thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải đô thị, nông thôn. Xây dựng ngành công nghiệp môi trường.

2. Tăng cường công tác điều tra cơ bản, dự báo về tài nguyên và môi trường, nhất là tài nguyên và môi trường biển; có chính sách bảo vệ các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả cao, phục vụ đắc lực cho công cuộc phát triển bền vững của đất nước.

3. Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về bảo vệ môi trường; tập trung nguồn lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu về môi trường được xác định trong Nghị quyết Đại hội X, như về độ che phủ rừng, cung cấp nước sạch

cho nhân dân thành thị và nông thôn...; giải quyết triệt để các vấn đề bức xúc, các “điểm nóng” về môi trường, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng...; xây dựng lực lượng chuyên trách làm nòng cốt trong xử lý ô nhiễm nguồn nước, xử lý chất thải, chất độc điôxin, rà phá bom mìn, tràn dầu, thảm họa thiên nhiên, cải thiện môi trường khu vực ven biển và trên các hải đảo; chủ động nghiên cứu để ứng phó có hiệu quả với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu toàn cầu; ngăn chặn và đẩy lùi tác hại của ô nhiễm từ nước ngoài.

D- Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại

1. Về quốc phòng

Nhận thức đầy đủ hơn về mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới. Quan tâm đến vấn đề bảo vệ Tổ quốc trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước. Chú trọng xây dựng “thế trận lòng dân” làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong điều kiện Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước, của cả hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tăng cường sức mạnh quốc phòng cả về tiềm lực và thế trận. Củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc, chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng căn cứ cách mạng, vùng có nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số; xây dựng sự đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần dân tộc, ý thức xây dựng và bảo vệ

quê hương, đất nước của mỗi người Việt Nam, cả người Việt Nam ở nước ngoài. Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục quốc phòng theo tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, hình thức, biện pháp giáo dục nhằm đem lại hiệu quả thiết thực. Thực hiện tốt việc xây dựng lực lượng quốc phòng trong các doanh nghiệp, đặc biệt là trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tiếp tục chú trọng xây dựng thế trận trên các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu và triển khai thực hiện phương hướng xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đáp ứng các yêu cầu tác chiến trong chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao, sẵn sàng chiến đấu cao, đối phó kịp thời, thắng lợi các tình huống xảy ra.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong điều kiện mới. Tiếp tục thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quốc phòng, quân sự; triển khai thực hiện các luật, pháp lệnh đã ban hành như: Luật Quốc phòng, Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng...

2. Về an ninh

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức về những thách thức lớn đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở nước ta trong điều kiện mới,

như vấn đề an ninh phi truyền thống, hoạt động của các loại tội phạm mới, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia ngày càng gia tăng, tinh vi, phức tạp, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch...

Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trong đó lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt, xung kích. Chủ động phát hiện từ xa, từ sớm, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; tập trung phòng chống, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, nhất là các tội phạm có tổ chức, tội phạm về kinh tế, tội phạm về ma túy, về môi trường, tội phạm công nghệ cao. Tiếp tục thực hiện có kết quả các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ. Tăng cường công tác bảo vệ Đảng và bảo vệ an ninh chính trị nội bộ trong điều kiện mới. Chủ động phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn không để kẻ địch móc nối thâm nhập nội bộ. Nâng cao ý thức tự bảo vệ, tự đề kháng của cơ quan, đơn vị, cá nhân cán bộ, đảng viên trước các thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, mua chuộc của kẻ thù; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chế, chính sách quản lý cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, chống nguy cơ “tự diễn biến”.

Tiếp tục xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đẩy nhanh việc kiện toàn, điều chỉnh, sắp xếp hợp lý bộ máy tổ chức của lực lượng công an nhân dân. Chăm lo xây dựng lực

lượng công an nhân dân về chính trị, tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, gắn bó máu thịt với nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và từng bước hoàn thiện chính sách, chiến lược an ninh quốc gia theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X và Luật an ninh quốc gia.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy chế phối hợp giữa công an và quân đội trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, nhất là ở những địa bàn xung yếu, biên giới, biển, đảo; công tác trao đổi thông tin, phân tích, dự báo, xử lý thông tin có liên quan đến an ninh quốc gia giữa công an, quân đội và ngoại giao...

3. Về đối ngoại

Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, đưa các mối quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Đặc biệt coi trọng quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các nước bạn bè truyền thống và đối tác quan trọng, các tổ chức quốc tế và khu vực mà ta là thành viên. Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân trên thế giới, các đảng cầm quyền, đảng tham chính, các đoàn thể và tổ chức nhân dân chủ chốt ở các nước trong khu vực, các nước đối tác quan trọng của nước ta. Thực hiện có kết quả các thỏa thuận cấp cao trong quan hệ với các nước liên quan. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền,

toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước. Tiếp tục góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tiếp tục tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Đẩy mạnh công tác ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng và đa dạng hóa thị trường cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra bên ngoài. Chủ động và tích cực hợp tác với các nước trong các cuộc đàm phán đa phương về một trật tự kinh tế quốc tế mới, công bằng hơn.

Tiếp tục triển khai các chính sách, phát huy vai trò người Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước; làm cầu nối tích cực giữa nước ta với cộng đồng quốc tế, nhất là với những nước và những tổ chức có người Việt Nam sinh sống và làm việc.

Khẳng định và bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; phấn đấu hoàn thành việc phân giới, cắm mốc biên giới trên bộ với Trung Quốc; đẩy nhanh tiến độ phân giới, cắm mốc biên giới với Campuchia; hoàn thành việc tôn dầy cột mốc biên giới với Lào. Làm tốt công tác quản lý biên giới, xây dựng biên giới với Trung Quốc, Lào và Campuchia thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. Sớm hoàn thành việc xác định ranh giới thêm lục địa với các nước có liên quan; tích cực vận động sự công nhận quốc tế đối với đường cơ sở, thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Giải quyết ổn thỏa các vấn đề đặt ra, xác lập vững chắc chủ quyền và các quyền chủ

quyền của Việt Nam trên các vùng biển... Chủ động đối thoại và tiếp tục đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực thù địch dùng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” để gây sức ép, can thiệp vào công việc nội bộ ta, kích động bạo loạn, lật đổ và thực hiện “diễn biến hòa bình” chống Việt Nam.

Tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các thỏa thuận hợp tác, nhất là các thỏa thuận cấp cao. Sửa đổi, hoàn thiện Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại; có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan đến đối ngoại, giữa các lĩnh vực chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại, văn hóa đối ngoại...

E- Trong lĩnh vực công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát huy dân chủ xã hội

1. Làm tốt công tác tổ chức, cán bộ và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của cả hệ thống chính trị, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức, bảo đảm bộ máy tinh gọn, năng động, có hiệu lực, hiệu quả. Theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X), nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số vấn đề về tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước liên quan đến Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi) và các luật tổ chức các cơ quan nhà nước. Sắp xếp, củng cố tổ chức cơ sở đảng phù hợp với mô hình sản xuất, kinh doanh mới ở các loại hình doanh nghiệp, nhất là các tổng công ty, tập đoàn kinh tế; bảo đảm hiệu quả lãnh đạo của tổ chức đảng.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ Đại hội X, chuẩn bị Đại hội XI của Đảng và đại hội đảng bộ các cấp. Tiếp tục đổi mới đồng bộ các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, quản lý và thực hiện chính sách cán bộ. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ, nhất là quy hoạch đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp của hệ thống chính trị. Đổi mới phương pháp đánh giá để đánh giá đúng cán bộ. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cả về chương trình, nội dung và phương pháp; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh, phù hợp với yêu cầu của các vị trí công tác. Tiếp tục thực hiện đầy đủ, có chất lượng các nội dung Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị (khóa IX) về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, ngành. Tiếp tục cải tiến quy trình bổ nhiệm cán bộ nói chung, đối với cán bộ các cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp) nói riêng, để vừa bảo đảm thực hiện sự lãnh đạo của Đảng (Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp), vừa bảo đảm phát huy được vai trò của các cơ quan và người đứng đầu các cơ quan này theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu các quy định cụ thể để dễ dàng, nhanh chóng thay thế, miễn nhiệm đối với cán bộ năng lực, phẩm chất yếu, có sai phạm, không hoàn thành nhiệm vụ, mất uy tín và đề bạt, bổ nhiệm được cán bộ trẻ có đức, có tài vào các vị trí phù hợp. Xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp đẩy mạnh dân chủ hóa, công khai hóa trong cán bộ, như hoàn thiện chế độ bầu cử, bầu cử có số dư ở mọi vị trí, mở rộng quyền tiến cử, giới thiệu và tự ứng cử,

chuẩn bị nhiều phương án nhân sự khi bổ nhiệm cán bộ... Có cơ chế quản lý, giám sát có hiệu quả cán bộ sau bầu cử, bổ nhiệm. Thực hiện tốt cơ chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc, của nhân dân với cán bộ và công tác cán bộ. Bổ sung và thực hiện tốt chính sách tiền lương, chính sách nhà ở, chính sách thi đua, khen thưởng đối với cán bộ, công chức. Tổ chức thực hiện tốt Quy định số 57-QĐ/TW của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nhất là các biện pháp phát hiện, chính sách xử lý, sử dụng cán bộ có vấn đề về lịch sử chính trị và chính trị hiện hành.

Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bổ sung, sửa đổi và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; tiêu chuẩn hóa cán bộ, công chức cơ sở. Tăng cường công tác phát triển đảng, khắc phục tình trạng một số cơ sở, địa bàn chưa có đảng viên, tổ chức đảng. Kiên quyết đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng. Đổi mới cách phân loại đảng viên, xác định lại tiêu chí, tránh phân loại có tính hình thức, không có tác dụng giáo dục.

Tiếp tục nghiên cứu về phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò các tổ chức trong cả hệ thống chính trị; cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động

của hệ thống chính trị; sớm xây dựng đồng bộ các quy chế, quy định xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ lãnh đạo và quan hệ công tác giữa các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cấp, các ngành, giữa các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn với các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở các cấp, các ngành. Triển khai thí điểm việc người đứng đầu cấp ủy đồng thời là người đứng đầu cơ quan nhà nước cùng cấp ở các địa phương không có hội đồng nhân dân. Thực hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình ở các cấp, cấp trên luôn phải làm gương cho cấp dưới noi theo.

2. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng; đẩy mạnh Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”

Chủ động, sáng tạo, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, sắc bén và tính thuyết phục của công tác tư tưởng, giữ vững vai trò định hướng của Đảng trong lĩnh vực tư tưởng, thông tin, tuyên truyền, dư luận xã hội một cách thường xuyên. Đẩy nhanh việc xây dựng và thực hiện chiến lược công tác tư tưởng trong tình hình mới. Tiếp tục đổi mới tư duy, tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, giải đáp có căn cứ khoa học, thuyết phục những vấn đề lớn thực tiễn phát triển đất nước đang đặt ra; tập trung vào tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991 và chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội XI với chất lượng cao.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tăng cường tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu nhân dân, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giáo dục phẩm chất đạo đức cách mạng trong Đảng, trong nhân dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ, tạo chuyển biến căn bản trong việc ngăn chặn, từng bước đẩy lùi sự suy thoái đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân. Chăm lo củng cố sự đoàn kết, thống nhất và tình đồng chí trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Nâng cao chất lượng tư tưởng trong sinh hoạt đảng các cấp, nhất là ở chi bộ; phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình, cấp trên làm gương cho cấp dưới trong tự phê bình và phê bình. Đề cao trách nhiệm của cấp ủy, bí thư cấp ủy đối với công tác tư tưởng. Bám sát thực tiễn, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng để giải đáp kịp thời những vướng mắc về tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; đấu tranh khắc phục những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, cơ hội, chạy theo lợi ích cá nhân; chủ động và kiên quyết phê phán những quan điểm sai trái, bác bỏ những luận điệu phản động, làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng.

Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu những thành tựu và tinh hoa văn hóa của nhân loại, hình thành hệ thống giá trị của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước ở các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị. Kiện toàn tổ chức, nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận, nhất là cán bộ chủ chốt, từng bước hiện đại hóa điều kiện, phương tiện công tác tư tưởng - văn hóa.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, vận động, khơi dậy và phát huy tính tự giác rèn luyện của mỗi người; xây dựng các quy định về tiêu chuẩn đạo đức của cán bộ, đảng viên ở từng vị trí công tác và về quản lý, giám sát của cấp ủy, của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên để tạo chuyển biến thực sự trong thực hiện Cuộc vận động, mà trọng tâm là “làm theo” tấm gương đạo đức của Bác. Tăng cường việc đôn đốc, kiểm tra, sơ kết việc chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm; phát hiện, tuyên truyền, cổ vũ, nhân rộng các điển hình tiên tiến tập thể và cá nhân học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác.

3. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra, trước hết là người đứng đầu cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. *Đối với cấp ủy đảng và tổ chức đảng các cấp:* Căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng cần cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm cho phù hợp; tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tập trung kiểm tra, giám sát những lĩnh vực

thường xảy ra sai phạm, như quản lý, sử dụng đất đai, chi tiêu ngân sách, mua sắm tài sản, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản...; kiểm tra, giám sát người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp về năng lực lãnh đạo, quản lý, về đạo đức, lối sống, về phong cách và tính tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ. *Đối với ủy ban kiểm tra các cấp:* Thực hiện toàn diện các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ cấp ủy giao, trọng tâm là kiểm tra, giám sát đảng viên là cấp ủy viên, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm; tập trung kiểm tra các lĩnh vực kinh tế, tài chính, cải cách hành chính, tư pháp để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những nơi có biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ và các quy định có tính nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, mất đoàn kết nội bộ. Cấp ủy đảng các cấp phải tăng cường sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng ở cấp mình.

Nâng cao chất lượng tham mưu của ủy ban kiểm tra các cấp trong xây dựng và hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thông qua kiểm tra, giám sát, ủy ban kiểm tra các cấp kiến nghị, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, chỉ đạo các cơ quan đảng và nhà nước ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung những quy định, cơ chế, chính sách, pháp luật không còn phù hợp.

Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra, tăng cường cán bộ kiểm tra các cấp. Xây dựng và thực hiện có hiệu

quả Đề án về tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp. Bố trí cán bộ kiểm tra chuyên trách cho ủy ban kiểm tra đảng ủy xã, phường, thị trấn và những tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, doanh nghiệp có từ 300 đảng viên trở lên. Xây dựng các quy định về tiêu chuẩn, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ kiểm tra đảng; về đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ kiểm tra. Có chính sách thỏa đáng về phụ cấp nghề, thu hút cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực, tâm huyết, bản lĩnh về làm công tác kiểm tra. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc cho ủy ban kiểm tra các cấp.

Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Xây dựng chiến lược công tác kiểm tra giai đoạn năm 2015 và định hướng đến năm 2025. Tăng cường nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội với các tổ chức đảng, tổ chức nhà nước ở một số nước trên thế giới.

4. Đổi mới, kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quốc hội; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Chính phủ; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cải cách tư pháp

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội trong các lĩnh vực lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề lớn của đất nước. Tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng các kỳ họp của Quốc hội, các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nâng cao ý thức trách nhiệm của

các đại biểu Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội. Tăng cường trách nhiệm và chất lượng thẩm định, giám sát của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội tại các kỳ họp; có cơ chế, chế tài giám sát việc thực hiện các cam kết của các thành viên Chính phủ trước Quốc hội...

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành, chính quyền các cấp trên tất cả các lĩnh vực của đất nước, nhất là những lĩnh vực còn hạn chế, yếu kém. Tổ chức tốt hơn việc phối hợp hoạt động giữa các bộ, ngành và giữa bộ, ngành với các địa phương. Tiếp tục xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Xác định cụ thể hơn thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện phân cấp mạnh hơn cho các cơ quan hành chính cấp dưới đi đôi với việc tăng cường kiểm tra, giám sát. Tiếp tục sắp xếp bộ máy cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương theo hướng giảm số lượng, tăng chất lượng. Tiến hành thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, kịp thời rút kinh nghiệm để nhân rộng trong nhiệm kỳ mới (2011 - 2016). Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính. Đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Hiện đại hóa nền hành chính quốc gia. Thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Xây dựng và ban hành cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức, chính sách tài chính công. Đẩy mạnh việc

ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử, hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.

Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tiếp tục đổi mới tổ chức hệ thống tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của tòa án nhân dân các cấp, bảo đảm cải cách hoạt động xét xử là trọng tâm của cải cách hoạt động tư pháp. Bảo đảm các điều kiện cho viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra. Xác định rõ tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối; phân biệt rõ hoạt động quản lý hành chính và hoạt động tố tụng. Đổi mới và kiện toàn tổ chức, hoạt động của cơ quan thi hành án, các tổ chức hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định...). Kiện toàn một bước và tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, bảo đảm đúng người, đúng tội, khắc phục tình trạng án tồn đọng, xét xử oan sai gây bức xúc xã hội.

Kiên quyết tinh giản biên chế trong cả hệ thống chính trị; không tăng thêm biên chế trong những năm tới để có điều kiện cải cách chính sách tiền lương.

5. Tạo chuyển biến mạnh trong thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”; tăng cường kiểm

tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết của các cấp, các ngành. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là người đứng đầu và cán bộ, đảng viên, công chức về phòng, chống tham nhũng, lãng phí để biến quyết tâm thành hành động thực tế. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của cấp ủy các cấp đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung những lĩnh vực, địa bàn dễ phát sinh vi phạm. Tiếp tục ban hành các quy định, các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) ở các cấp, các ngành, địa phương. Thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch các cơ chế, chính sách, quy định để giúp việc giám sát, kiểm tra thực hiện; chủ động phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm về tham nhũng, lãng phí. Nghiên cứu kết hợp cơ quan thanh tra của Nhà nước với cơ quan kiểm tra của Đảng để tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Nghiên cứu, xem xét việc sửa đổi quy định các đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố làm trưởng ban chỉ đạo chống tham nhũng ở địa phương. Kiện toàn các cơ quan, đơn vị chuyên trách và các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, lãng phí đủ mạnh (tổ chức bộ máy, cán bộ, nguồn lực) đủ sức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh công tác phát hiện, kiên quyết xử lý nghiêm minh kỷ luật về đảng, kỷ luật hành chính và xử lý bằng pháp luật các trường hợp tham nhũng

bất cứ ở cấp nào, giữ cương vị nào, dù đang công tác hay đã nghỉ công tác; tịch thu tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng. Phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; có cơ chế bảo vệ và chính sách tôn vinh người dũng cảm đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm các trường hợp vu cáo, phản ánh sai sự thật, bao che cho các hành vi tham nhũng, lãng phí. Chú trọng sơ kết, tổng kết thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đề ra biện pháp thực hiện có kết quả. Kịp thời ban hành các văn bản mới hoặc sửa đổi những cơ chế, chính sách về phòng, chống tham nhũng, lãng phí không còn phù hợp.

Tất cả những hoạt động nói trên nhằm đạt bằng được mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) đã đề ra: “Ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí đến hết năm 2010”.

6. Phát huy dân chủ, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát huy dân chủ trong cán bộ, đảng viên, nhân dân. củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở từ Trung ương đến địa phương; tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, quan hệ phối hợp thường xuyên giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các

đoàn thể chính trị - xã hội trong việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Gắn việc thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Nâng cao nhận thức, quan điểm, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội về công tác dân vận. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng, công tác dân vận của các cơ quan và các tổ chức của hệ thống chính trị; phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng làm công tác dân vận. Gắn công tác dân vận với kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, chính sách dân tộc, tôn giáo, công tác cán bộ. Các cấp, các ngành quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết của Trung ương khóa X về thanh niên, công nhân, trí thức, các nghị quyết của Bộ Chính trị về phụ nữ, về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài để tập hợp, động viên được mọi tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng tập trung cho cơ sở, đa dạng hóa hình thức tập hợp quần chúng, tổ chức, động viên quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân, của đoàn viên, hội viên trong tổ chức mình, tham gia tích cực vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Tập trung xây dựng hệ thống chính trị cơ sở

trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, thực sự là hạt nhân lãnh đạo tổ chức thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giải quyết tốt các vấn đề phát sinh từ cơ sở. Đồng thời, các cơ quan đảng và nhà nước cũng cần phải giải quyết kịp thời các phản ánh của Mặt trận và các đoàn thể về những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Triển khai thực hiện bước đầu việc giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ. Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tham gia thực hiện tốt việc giám sát, phản biện xã hội.

IV- MỘT SỐ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG CẦN TẬP TRUNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI XI

Trong những nhiệm vụ nêu ở phần III, có một số nhiệm vụ quan trọng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện từ nay đến Đại hội XI của Đảng là:

1. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bổ sung, phát triển Cương lĩnh; tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 - 2010, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; tổng kết

5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X, chuẩn bị các văn kiện Đại hội XI của Đảng.

2. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiềm chế lạm phát, đồng thời tháo gỡ những yếu tố cản trở phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn suy giảm kinh tế: Điều hành chính sách tiền tệ, tài chính chủ động, linh hoạt, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nhất là lĩnh vực liên quan đến công tác dự báo, xây dựng và quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, xây dựng. Đổi mới các chính sách liên quan đến đất đai, cơ chế tài chính, xã hội hóa các lĩnh vực dịch vụ công. Tổng kết Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) về đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, khắc phục những yếu kém trong cổ phần hóa và trong quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước; hoàn thiện cơ chế quản lý vốn đầu tư kinh doanh của Nhà nước ta; ban hành Luật đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước. Thực hiện các chính sách phát huy nội lực, kích cầu thị trường trong nước; tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi, trường học, y tế, nhà ở cho người thu nhập thấp ở các khu công nghiệp, các công trình phòng, chống thiên tai), đổi mới công nghệ, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, kinh tế biển, doanh nghiệp vừa và nhỏ thu hút nhiều lao động. Triển khai cải cách giáo dục - đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X), đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực cho sự phát triển đất nước.

3. Tăng cường củng cố, phát triển những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường: Đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, nâng cao hơn vai trò của khu vực này trong điều kiện vận hành của cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tăng cường các chính sách an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, các điều kiện học tập, nhà ở, khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt đối với công nhân, nông dân, trí thức, các lực lượng vũ trang, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đồng bào các dân tộc thiểu số...

4. Tăng cường quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh quan hệ đối ngoại, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

5. Tập trung làm tốt một số nhiệm vụ có tác động lớn tới tư tưởng, tạo niềm tin cho nhân dân: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tăng cường công tác quản lý, chấn chỉnh các vi phạm của báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản và các phương tiện tuyên truyền khác.

6. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị (trong đó chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với Quốc hội, Chính phủ để vừa giữ vững, tăng cường được sự lãnh đạo của Đảng, vừa thật sự phát huy được vai trò của Quốc hội, Chính phủ theo quy định của pháp luật).

7. Đổi mới một bước công tác cán bộ, chuẩn bị tốt nhân sự cho đại hội đảng các cấp, nhân sự Đại hội XI của Đảng.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.11-141.

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 168/TLHN, ngày 13 tháng 1 năm 2009

Tiếp thu ý kiến Trung ương Về Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008)

Ngày 5 và ngày 6-1-2009, Trung ương thảo luận ở tổ và hội trường về Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008). Có 171 lượt ý kiến phát biểu (ở tổ 165 ý kiến và ở hội trường 6 ý kiến).

Đại đa số ý kiến đồng tình với các nội dung của Tờ trình và Báo cáo, cho rằng Báo cáo được chuẩn bị công phu, nghiêm túc, đã khảo sát, lấy ý kiến góp ý rộng rãi nhiều đối tượng. Báo cáo bám sát nội dung Nghị quyết Đại hội X, đánh giá toàn diện, đúng với tình hình thực tế, có tính tự phê bình và tính chiến đấu cao. Đồng thời, có một số ý kiến chưa tán thành với một số đánh giá và nhiều ý kiến góp ý bổ sung, nhấn mạnh, làm rõ thêm nhiều nội dung của Báo cáo. Bộ Chính trị xin tiếp thu những ý kiến xác đáng, hợp lý của

Trung ương để bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo và dự thảo Nghị quyết trước khi ban hành.

Sau đây, Bộ Chính trị xin giải trình một số ý kiến Trung ương nêu ra trong thảo luận (*những vấn đề về quốc phòng, an ninh, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và về công tác cán bộ sẽ được giải trình trong các báo cáo chuyên đề trình Trung ương*).

1. Về những vấn đề chung

1. Một số ý kiến cho rằng, tiêu đề của Báo cáo thiếu hẳn một nội dung quan trọng là nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2010. Cần bổ sung thêm nội dung này vào tiêu đề và sửa lại tên Báo cáo thành: “Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008) và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2010”; kết cấu lại mục VI “Về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát huy dân chủ”, tách riêng các đánh giá về xây dựng nhà nước pháp quyền và về xây dựng Đảng.

Về những vấn đề này, Bộ Chính trị xin được báo cáo Trung ương như sau:

Mục tiêu và nhiệm vụ của Báo cáo được Trung ương xác định trong Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) thông qua đầu nhiệm kỳ là kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ. Trên cơ sở đánh giá, kiểm điểm đó, Báo cáo có nêu mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo từ nay đến Đại hội XI của Đảng, nhưng đây chỉ là những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm

vụ, giải pháp đã được nêu trong Nghị quyết Đại hội X, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các Kết luận số 22-KL/TW, Kết luận số 25-KL/TW của Bộ Chính trị..., mà không nêu đầy đủ, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong các văn kiện này. Vì vậy, đề nghị Trung ương cho giữ tên Báo cáo như Bộ Chính trị đã trình Trung ương.

Mục VI của Báo cáo “Về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát huy dân chủ” có 3 nội dung lớn: 1. Về công tác xây dựng Đảng. 2. Tiếp tục kiện toàn, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương. 3. Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và tiếp tục đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội. Đây là những vấn đề về xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, giữa chúng có quan hệ mật thiết với nhau, do vậy trong phạm vi Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ, các nội dung này có thể để cùng trong một mục lớn. Còn sau này, trong Báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội X trong cả nhiệm kỳ trình Đại hội XI của Đảng, có thể tách mỗi vấn đề thành một mục riêng để đánh giá sâu hơn, chi tiết hơn. Vì vậy, đề nghị Trung ương cho giữ kết cấu Báo cáo như Bộ Chính trị đã trình Trung ương.

2. Một số ý kiến cho rằng, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội X trong nửa đầu nhiệm kỳ có phần hơi bi quan, trong khi quốc tế đánh giá cao kết quả đạt được của Việt Nam; đề nghị cần đánh giá kết quả đạt được đúng hơn,

khẳng định những kết quả đạt được để động viên, khích lệ tinh thần thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới. Tuy nhiên, một số ý kiến khác lại cho rằng Báo cáo chưa sát, có phần hơi lạc quan; đây là Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ nên cần tập trung nêu rõ những hạn chế, yếu kém để rút kinh nghiệm, có biện pháp sửa chữa.

Bộ Chính trị xin trình bày với Trung ương về vấn đề này như sau: Quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị khi xây dựng Báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ là phải thẳng thắn, khách quan, đánh giá đúng thực tế; khẳng định đúng những thành tựu, kết quả đạt được để tiếp tục phát huy, đồng thời chỉ rõ những hạn chế, yếu kém để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục, sửa chữa trong thời gian tới. Trong Báo cáo, việc kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trên tất cả các lĩnh vực đều cố gắng thực hiện theo quan điểm này. Qua thảo luận của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị cho tiếp thu những ý kiến cụ thể, hợp lý khi đánh giá về kết quả đạt được và những hạn chế, yếu kém trong từng lĩnh vực để tu chỉnh dự thảo Nghị quyết, trình xin ý kiến Trung ương trước khi ban hành (như tiếp thu bổ sung đánh giá kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục phát triển nhưng cũng chưa đạt mục tiêu về thu hút công nghệ tiên tiến, nhiều doanh nghiệp còn là gia công, lắp ráp; bỏ ý đánh giá đầu tư phân tán ra ngoài lĩnh vực chính của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước là một yếu tố gây ra tình trạng lạm phát vừa qua...).

2. Về lĩnh vực kinh tế

3. Nhiều ý kiến đề nghị cần phân tích sâu hơn những khuyết điểm, yếu kém kéo dài trong nền kinh tế nước ta về

chất lượng và hiệu quả tăng trưởng thấp, kinh tế tăng trưởng không bền vững, hệ số ICOR cao đến mức nguy hiểm, nhập siêu quá lớn... Ngược lại, một số ý kiến không đồng tình với đánh giá về chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế trong Báo cáo và cho rằng hệ số ICOR cao, nhập siêu lớn là do đặc thù phát triển của nước ta đang trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa nên không đáng ngại.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày với Trung ương như sau: Như trong Báo cáo đã nêu: Trong 3 năm đầu nhiệm kỳ khóa X vừa qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2006 là 8,2%, năm 2007 là 8,5%, năm 2008 trong tình hình khó khăn do tác động của suy thoái kinh tế thế giới nhưng vẫn đạt 6,23%, bình quân 3 năm đạt tốc độ tăng trưởng 7,6%/năm. Đây là tốc độ tăng trưởng khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế những năm qua vẫn chủ yếu là do tăng đầu tư; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm, tỷ trọng các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trong nền kinh tế ít thay đổi (tương ứng là 20,4% - 41,54% - 38,6% năm 2006 và 21,7% - 40,0% - 38,3% năm 2008); các ngành cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, công nghiệp phụ trợ chậm phát triển, nhiều sản phẩm quan trọng tỷ lệ nội địa hóa thấp, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản chủ yếu là chế biến thô, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu chủ yếu là gia công, lắp ráp; lĩnh vực công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên liệu, năng lượng, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng thấp vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế. Điều đó cho thấy chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp và chuyển biến chậm. Hệ số ICOR cao một phần có

nguyên nhân do đầu tư vào các công trình lớn, quan trọng, cần thiết đối với sự phát triển đất nước, đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội; nhưng cũng có nguyên nhân là do có những quyết định đầu tư chưa đúng, nhiều dự án đầu tư, thi công kéo dài, có tiêu cực, thất thoát lớn, làm tăng vốn đầu tư, công trình đưa vào sử dụng hiệu quả thấp. ICOR cao, nhập siêu lớn cũng là những biểu hiện của chất lượng tăng trưởng, hiệu quả của nền kinh tế thấp, đồng thời lại có ảnh hưởng xấu đến các cân đối kinh tế vĩ mô (cán cân thanh toán, thu chi ngân sách...).

4. Nhiều ý kiến cho rằng, thời gian qua, các doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước) còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, phát triển không tương xứng với sự đầu tư của Nhà nước, hiệu quả thấp, chưa làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế; phát triển doanh nghiệp nhà nước với cái giá phải trả như vừa qua là quá đắt. Ngược lại, nhiều ý kiến khác khẳng định doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển đất nước, có đóng góp lớn trong bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội trong nửa đầu nhiệm kỳ qua, nhất là khi xảy ra lạm phát cao.

Bộ Chính trị đề nghị việc đánh giá hoạt động của doanh nghiệp nhà nước cần nhìn nhận khách quan về cả hai mặt:

- Trong Báo cáo của Bộ Chính trị trình Trung ương đã nêu: Trong nửa đầu nhiệm kỳ qua, doanh nghiệp nhà nước đã tiếp tục được đổi mới, sắp xếp lại, mà trọng tâm là cổ phần hóa... Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa

hoặc chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn đều hoạt động có hiệu quả và phát triển nhanh hơn. Việc phát triển các tổng công ty và thí điểm xây dựng một số tập đoàn kinh tế nhà nước đã bước đầu tập trung được sức mạnh của doanh nghiệp nhà nước và tạo ra mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường và yêu cầu hội nhập. Quy mô vốn và năng lực sản xuất của doanh nghiệp nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế then chốt của đất nước (dầu khí, điện lực, bưu chính - viễn thông, xăng dầu, xi măng, ngân hàng, bảo hiểm...) đã tăng lên, củng cố một bước vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên một số lĩnh vực. Do đó, vừa qua, khi lạm phát và nhập siêu tăng cao, các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước đã là những công cụ, lực lượng quan trọng để Nhà nước can thiệp, điều hành nền kinh tế, góp phần quan trọng vào kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Thực hiện đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và qua thực tiễn đòi hỏi, chúng ta cần tiếp tục xây dựng, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước nói chung, các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước nói riêng để kinh tế nhà nước làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần.

- Khẳng định những mặt tích cực trên đây, đồng thời Báo cáo cũng thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế, yếu kém của doanh nghiệp nhà nước, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trong những năm qua, như tiêu hao vật tư, nguyên liệu, năng lượng, chi phí sản xuất cao; năng suất, chất lượng, hiệu quả và tốc độ tăng trưởng thấp, làm hạn chế vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Nhiều tập đoàn, tổng công ty nhà nước

chưa phát huy tốt lợi thế của các doanh nghiệp quy mô lớn; tốc độ tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh chưa tương xứng với đầu tư của Nhà nước cho doanh nghiệp; vẫn chưa tách bạch, còn lẫn lộn giữa độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp; một số tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước chưa tập trung vào những lĩnh vực kinh doanh chính, tạo thành những “cú đấm” quan trọng và cần thiết của nền kinh tế, lại đầu tư vào các lĩnh vực khác gây phân tán nguồn lực, giảm hiệu quả đầu tư..

Đánh giá cả hai mặt như vậy là phù hợp với thực trạng tình hình và vai trò của doanh nghiệp nhà nước, các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước những năm vừa qua.

5. Một số ý kiến không đồng ý với nhận định của Báo cáo và cho rằng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước vừa qua được nhiều hơn mất nhưng lại chưa được làm quyết liệt; đánh giá cổ phần hóa làm thất thoát tài sản nhà nước cũng chưa chính xác; một bộ phận doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần nắm cổ phần chi phối thì có thể tư nhân hóa cũng là bình thường. Ngược lại, một số ý kiến khác cho rằng tiến trình cổ phần hóa vừa qua mất nhiều hơn được, thực chất là tư nhân hóa tài sản nhà nước, đây là vấn đề rất đáng lo ngại.

Bộ Chính trị xin được giải trình với Trung ương về vấn đề này như sau: Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) và Trung ương 9 (khóa IX) về sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và phát triển doanh nghiệp nhà nước, trong đó cổ phần hóa là giải pháp cơ bản, trong nhiều năm qua việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã được thực hiện qua nhiều giai đoạn, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, nhiều lần sửa đổi, bổ

sung cơ chế, chính sách, do đó, việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước từng bước được thực hiện nhanh hơn, phù hợp hơn với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giảm bớt thất thoát tài sản nhà nước. Hầu hết doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa đều hoạt động có hiệu quả và phát triển nhanh hơn. Về cơ bản, việc cổ phần hóa đã thực hiện được các yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) và Trung ương 9 (khóa IX) đề ra là tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động được nhiều nguồn lực xã hội vào phát triển sản xuất kinh doanh, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, có hiệu quả cho doanh nghiệp, phát huy vai trò làm chủ của cổ đông và tăng cường sự giám sát xã hội đối với doanh nghiệp; trên cơ sở đó đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và nền kinh tế.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng việc xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa còn có sơ hở, chưa tính đúng, tính đủ giá trị quyền sử dụng đất, lợi thế kinh doanh, thương hiệu sản phẩm vào giá trị doanh nghiệp, gây thất thoát tài sản nhà nước, làm lợi cho một số người, một số trường hợp gây nên bức xúc xã hội. Chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp còn lúng túng, chưa được thực hiện tốt, chưa tạo được sự gắn kết người lao động với doanh nghiệp khi cổ phần hóa như yêu cầu đề ra. Ở một số doanh nghiệp nhà nước sau khi cổ phần hóa sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đã diễn ra việc mua gom, tập trung cổ phần vào một số người và tỷ lệ vốn nhà nước trong doanh nghiệp ngày càng giảm xuống khi doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn kinh doanh. Mặt khác, các doanh

ng nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa, nhất là ở các doanh nghiệp mà Nhà nước không nắm cổ phần chi phối, hoạt động của tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên gặp nhiều khó khăn hơn trước, vai trò bị mờ nhạt dần; quản lý doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa còn có sơ hở, lúng túng...

Trong nửa đầu nhiệm kỳ khóa X vừa qua, khi cổ phần hóa một số doanh nghiệp lớn của Nhà nước, việc tổ chức bán đấu giá công khai đã khắc phục được sơ hở trong xác định giá trị doanh nghiệp gây thất thoát tài sản nhà nước, nhưng nhìn chung việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa khắc phục được cơ bản những hạn chế, yếu kém như đã nêu trên. Đây là vấn đề lớn, hết sức quan trọng; trong chương trình làm việc năm 2009, Bộ Chính trị sẽ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X về sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước để chỉ đạo khắc phục những hạn chế, yếu kém trên.

6. Một số ý kiến cho rằng, trong nền kinh tế thị trường nước ta, tính định hướng xã hội chủ nghĩa quá mờ nhạt, chỉ mang tính khẩu hiệu. Một số ý kiến khác đề nghị xem lại nhận định “Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế chưa được tăng cường, còn nhiều hạn chế, yếu kém”, vì thực tế thời gian qua ta đã làm được nhiều việc về vấn đề này.

Bộ Chính trị xin báo cáo với Trung ương như sau: Thực hiện đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa khi phát triển kinh tế thị trường, thể hiện trong việc

xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể; quan tâm đến việc phát triển các lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, người có thu nhập thấp, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng thiên tai, bão lũ...

Tuy còn cần phải tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để làm rõ hơn về nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường, nhưng căn cứ vào những nội dung về định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường được nêu trong Văn kiện Đại hội X của Đảng thì những kết quả đạt được còn rất hạn chế. Doanh nghiệp nhà nước mặc dù được đổi mới, sắp xếp lại, nhưng hiệu quả hoạt động còn thấp. Kinh tế tập thể yếu kém kéo dài, các tổ hợp tác, hợp tác xã nhỏ bé, nhiều hợp tác xã chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp nhà nước, tổ hợp tác, hợp tác xã thấp và giảm dần. Chất lượng giáo dục - đào tạo, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, chuyển biến chậm. Kết quả xóa đói, giảm nghèo chưa vững chắc; số huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao còn nhiều. Chênh lệch về thu nhập, phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng chưa được thu hẹp, còn có xu hướng tăng lên. Quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực, như công tác dự báo, xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, các vùng, các sản phẩm quan trọng, quản lý đất đai, y tế, văn hóa, xã hội còn nhiều hạn chế, yếu kém kéo dài, chậm

được khắc phục. Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ đánh giá như Báo cáo đã nêu: “Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chưa được tăng cường”.

3. Về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, các vấn đề y tế, văn hóa, xã hội

7. Nhiều ý kiến nêu giáo dục nước ta mặc dù có nhiều đổi mới, nhưng còn rất nhiều hạn chế, yếu kém, không cân đối giữa dạy nghề và đại học; chưa chú ý đến phát triển nhân lực, nhân tài; chưa chú ý giáo dục nhân cách; nội dung giáo dục còn nhiều bất cập, không hợp lý, không xuất phát từ đòi hỏi thực tế; còn buông lỏng quản lý lưu học sinh ở nước ngoài, liên kết đào tạo với nước ngoài lúng túng cả về chính sách và chiến lược; có biểu hiện nôn nóng khi cho mở quá nhiều trường đại học...

Bộ Chính trị xin báo cáo với Trung ương về vấn đề này như sau: Nhận thức rõ vai trò của giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ đối với sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững của đất nước trong điều kiện hiện nay, Đảng ta đã có nghị quyết xác định phát triển giáo dục - đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu. Thực hiện Nghị quyết của Đảng, trong nửa đầu nhiệm kỳ qua, lĩnh vực giáo dục - đào tạo đã đạt được một số tiến bộ như đã nêu trong Báo cáo.

Tuy nhiên, lĩnh vực giáo dục - đào tạo vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém kéo dài, gây bức xúc xã hội nhưng chậm được khắc phục đúng như nhiều ý kiến Trung ương đã nhấn mạnh. Quy mô giáo dục tăng nhanh nhưng chất lượng giáo

dục còn thấp, có mặt giảm sút, nhất là giáo dục đạo đức lối sống, giáo dục nhân cách; cơ cấu hệ thống giáo dục không hợp lý giữa các cấp, ngành học, giữa đại học và dạy nghề; những hiện tượng tiêu cực trong giáo dục - đào tạo còn nhiều... Đồng thời, gần đây, việc thành lập quá nhiều trường đại học ở các địa phương trong một thời gian ngắn chưa được cân nhắc kỹ, trong khi đội ngũ cán bộ giảng dạy, quản lý, cơ sở vật chất chưa được chuẩn bị tương ứng... Tiếp thu ý kiến Trung ương, trong quý I-2009 Bộ Chính trị sẽ nghe báo cáo và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhiều hơn lĩnh vực hết sức quan trọng này, chỉ đạo thực hiện cải cách giáo dục như đã nêu trong Báo cáo.

4. Về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát huy dân chủ

8. Nhiều ý kiến cho rằng vừa qua một số báo chí đưa tin không chính xác, sai sự thật, nhưng các cơ quan quản lý từ Trung ương đến địa phương xử lý chưa nghiêm, nếu cứ để tình trạng này kéo dài sẽ gây hậu quả không lường trước được về tư tưởng.

Về cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, một số ý kiến cho rằng cần có nhận định, đánh giá sát hơn, vừa qua mới chú ý đến chiều rộng, chưa chú ý đến chiều sâu. Ý kiến khác cho rằng kết quả đạt được vừa qua là đáng khích lệ, có chuyển biến tốt, ai cũng có ý thức rèn luyện theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Về những vấn đề này, Bộ Chính trị xin báo cáo với Trung ương như sau: Trong thời gian từ đầu nhiệm kỳ khóa X đến nay, Đảng, Nhà nước đã rất quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo,

chấn chỉnh những sai phạm trong lĩnh vực hoạt động báo chí. Ban Chấp hành Trung ương có Nghị quyết “về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới”; Bộ Chính trị có các Thông báo kết luận số 44, 168 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với báo chí; Ban Bí thư có Kế hoạch 03 và tổ chức hội nghị toàn quốc để triển khai thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức kiểm tra hoạt động của nhiều cơ quan báo chí, phát hiện và kiên quyết xử lý các sai phạm, kể cả việc thay thế tổng biên tập của một số tờ báo có nhiều sai phạm trong một thời gian dài; đồng thời, đã ban hành nhiều quy định về quản lý báo chí, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, trách nhiệm của tổ chức đảng trong các cơ quan báo chí, chỉ đạo sửa đổi Luật báo chí... Sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết đó bước đầu tạo được chuyển biến tích cực, hạn chế những sai phạm của báo chí; tuy nhiên cũng còn một số trường hợp xử lý chậm, việc cung cấp thông tin chưa kịp thời. Tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị sẽ tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động báo chí, nhất là việc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và phóng viên vừa hồng vừa chuyên, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các sai phạm để tạo được chuyển biến căn bản trong lĩnh vực quan trọng này.

Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” là một cuộc vận động lớn của Đảng, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xây dựng nền tảng đạo đức tinh thần của xã hội ta, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhân dân và các tiêu cực xã hội khác. Trong 2 năm qua,

Cuộc vận động đã được triển khai trong cả hệ thống chính trị với rất nhiều hình thức phong phú, sinh động, thu hút được sự quan tâm, tham gia của toàn Đảng, toàn dân, các tầng lớp xã hội, bước đầu tạo được chuyển biến về nhận thức, tư tưởng và hành động của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ở nhiều ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị đã xuất hiện những điển hình tập thể và cá nhân học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác. Tuy nhiên, kết quả đạt được của Cuộc vận động còn chưa đều ở các cấp, các ngành, các địa phương, các đối tượng, tầng lớp xã hội, giữa học và hành, nhận thức và hành động, những kết quả đạt được trong “làm theo” tấm gương đạo đức của Bác còn hạn chế. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, còn phải thực hiện lâu dài. Tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng cuộc vận động để đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra.

9. Một số ý kiến đề nghị cần phân tích, đánh giá rõ hơn việc sắp xếp tổ chức bộ máy vừa qua, tuy giảm được đầu mối trực thuộc Trung ương Đảng, Chính phủ, nhưng biên chế lại tăng; cục, vụ trong một số bộ ở Trung ương và phòng, ban trong một số sở, ngành ở địa phương lại phình ra; nhìn tổng thể thì tổ chức bộ máy vẫn còn cồng kềnh, hiệu lực, hiệu quả thấp.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày với Trung ương như sau: Việc sắp xếp tổ chức lại bộ máy các ban của Đảng, các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương, các bộ, ngành của Chính phủ và tổ chức bộ máy ở địa phương để tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động là vấn đề đã được

đề ra từ nhiều nhiệm kỳ Đại hội của Đảng. Trước yêu cầu của thực tiễn, tại Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) đã thảo luận, cân nhắc nhiều mặt, quyết định sắp xếp lại các ban đảng, các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương và định hướng tổ chức các bộ để Chính phủ trình Quốc hội khóa XII xem xét, quyết định. Thời gian hoạt động của bộ máy mới còn ngắn (chưa được 2 năm), Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương về vấn đề này, kịp thời xử lý những vướng mắc, chưa hợp lý, cụ thể để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy, quản lý chặt chẽ biên chế, đồng thời tổng kết, báo cáo lại Trung ương sau này.

5. Về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội X

10. Có ý kiến cho rằng Báo cáo không nên có phần mục tiêu vì mục tiêu được xác định tại Văn kiện Đại hội X của Đảng đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Có ý kiến đề nghị cần cân nhắc lại thứ tự ưu tiên trong các mục tiêu kinh tế và cho rằng trong tình hình khó khăn hiện nay, một số mục tiêu về kinh tế - xã hội Đại hội X đặt ra khó có khả năng đạt được, vì vậy cần xem xét cân nhắc việc điều chỉnh lại các mục tiêu này.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin báo cáo như sau: Mục tiêu tổng quát, xuyên suốt từ nay đến hết nhiệm kỳ là phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã đề ra. Tuy nhiên, do diễn biến nhanh chóng, phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế nên cần phải xác định, cân nhắc, điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể để định hướng cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Theo tinh thần đó và xuất phát từ tình hình thế giới và đất nước trong thời gian vừa qua, Báo cáo đã nêu mục tiêu từ nay đến hết Đại hội X là *chủ động kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; kịp thời ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội, v.v..* Nhưng do tình hình hiện nay đã có nhiều thay đổi, tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị xác định mục tiêu ưu tiên phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong nửa cuối nhiệm kỳ là *chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.*

Trong tình hình kinh tế thế giới suy thoái hiện nay, dự báo kinh tế nước ta năm 2009 và có thể một vài năm tiếp theo còn rất khó khăn, một số chỉ tiêu Đại hội X đặt ra khó có thể thực hiện được. Trong năm 2008, căn cứ tình hình thực tế, Ban Chấp hành Trung ương và Quốc hội đã điều chỉnh một số chỉ tiêu cụ thể. Tuy nhiên, về nguyên tắc, Ban Chấp hành Trung ương không đủ thẩm quyền điều chỉnh các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra cho cả nhiệm kỳ. Mặt khác, bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn, nếu biết tận dụng, nước ta cũng có điều kiện để phát triển (như cơ cấu lại nền kinh tế, nhập khẩu máy móc, thiết bị công nghệ cao với giá rẻ, phát triển thị trường trong nước, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng...). Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương không đặt vấn đề điều chỉnh các chỉ tiêu Đại hội X đã đề ra tại Hội nghị Trung ương này.

*

* *

Trên đây là một số ý kiến giải trình, tiếp thu của Bộ Chính trị đối với các ý kiến của Trung ương về Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ.

Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.142-162.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
Số 31-NQ/TW, ngày 2 tháng 2 năm 2009
VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP LỚN NHẪM TIẾP TỤC
THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC
LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

I- TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X TRONG NỬA ĐẦU
NHIỆM KỲ (2006 - 2008)

Từ sau Đại hội X của Đảng, tình hình thế giới và khu vực thay đổi nhanh chóng, diễn biến phức tạp. Cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ; hòa bình, hợp tác phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố quốc tế, bất ổn chính trị - xã hội, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ giữa một số nước tiếp tục diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trở thành những vấn đề nghiêm trọng trên quy mô toàn cầu.

Từ cuối năm 2007, nền kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng tài chính nặng nề, lan rộng ra nhiều nước, gây ra suy thoái kinh tế thế giới. Ở trong nước, sau 2 năm 2006, 2007 phát triển thuận lợi, từ cuối năm 2007 và năm 2008 kinh tế gặp nhiều khó khăn, một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô mất cân đối, đầu năm lạm phát cao, cuối năm suy giảm kinh tế; thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra; các thế lực thù địch tiếp tục chống phá và can thiệp vào công việc nội bộ nước ta, kích động bạo loạn, lật đổ và đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến” trong nội bộ ta. Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã đoàn kết, tích cực quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội X đạt được những thành tựu quan trọng.

1. Kinh tế cơ bản ổn định và duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối cao; năng lực sản xuất và quy mô tổng sản phẩm trong nước tăng lên, kết cấu hạ tầng tiếp tục được cải thiện. Huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, nhất là từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt cao. Các thành phần kinh tế đều có bước phát triển. Doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa, kiện toàn các tổng công ty, thí điểm thành lập một số tập đoàn kinh tế nhà nước ở các lĩnh vực then chốt, từng bước nâng cao hiệu quả, là công cụ quan trọng của Nhà nước điều tiết nền kinh tế, củng cố một bước vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện. Giáo dục - đào tạo được quan tâm nhiều hơn và đạt được một số tiến bộ. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ có đóng góp

ngày càng tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, mức độ hưởng thụ các dịch vụ y tế của người dân tăng lên. Văn hóa, thông tin, thể thao tiếp tục phát triển. Giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách đối với người có công với nước và các chính sách an sinh xã hội đạt kết quả tích cực. Công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường được chú trọng nhiều hơn, bước đầu đạt được một số kết quả.

Độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội được phát huy; thế trận lòng dân được củng cố; hoàn thành phân giới, cắm mốc biên giới trên bộ với Trung Quốc. Xây dựng lực lượng vũ trang được đẩy mạnh và đạt được kết quả tích cực. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển; vị thế, uy tín nước ta trên thế giới được nâng cao.

Công tác xây dựng Đảng được tập trung chỉ đạo, đạt được những chuyển biến tích cực. Việc quán triệt, cụ thể hóa, thể chế hóa, triển khai thực hiện nghị quyết có đổi mới. Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí, hoạt động văn hóa, văn nghệ tiếp tục được đẩy mạnh, đạt được một số kết quả. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” tạo được những chuyển biến quan trọng về nhận thức, ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống và bước đầu “làm theo” trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Lòng tin của đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và triển vọng phát triển đất nước

được giữ vững, tư tưởng tích cực vẫn là xu hướng chủ đạo trong đời sống xã hội. Công tác tổ chức, cán bộ được triển khai tương đối đồng bộ, mang lại một số kết quả tích cực. Các cơ quan của Đảng, Nhà nước được sắp xếp lại, thu gọn đầu mối; công tác cán bộ có đổi mới trên một số mặt, đã thể chế hóa, cụ thể hóa nhiều chủ trương, giải pháp về cán bộ và công tác cán bộ; quy hoạch và luân chuyển cán bộ được tăng cường. Việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị được coi trọng, đạt được một số kết quả. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng được tăng cường, chất lượng, hiệu quả được nâng lên, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của các tổ chức đảng, đảng viên, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh; tổ chức bộ máy và hoạt động của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan tư pháp tiếp tục đổi mới, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Cải cách hành chính tiếp tục được thực hiện trên các lĩnh vực. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tích cực triển khai thực hiện, đạt được một số kết quả bước đầu. Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở được đẩy mạnh, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được bảo đảm tốt hơn. Các chính sách xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được triển khai rộng rãi, có kết quả. Công tác dân vận được coi trọng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, chú trọng hướng về

cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; tổ chức được nhiều phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả.

Nhìn một cách tổng quát, trong nửa đầu nhiệm kỳ vừa qua, Nghị quyết Đại hội X đã được triển khai thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được đẩy mạnh, có chuyển biến tích cực. Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, phát huy. Sự nghiệp đổi mới tiếp tục được đẩy mạnh trên mọi lĩnh vực; nền kinh tế cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối cao, an sinh xã hội được chăm lo nhiều hơn. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên. Độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, ổn định chính trị - xã hội được giữ vững. Quốc phòng, an ninh được tăng cường. Đã đạt hoặc gần đạt được nhiều chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

2. Tuy nhiên, những kết quả đạt được còn thấp so với khả năng, tiềm lực của đất nước. Ổn định kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, còn tiềm ẩn các yếu tố mất ổn định. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, chậm cải thiện; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Huy động và sử dụng các nguồn nội lực và ngoại lực vào phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, hiệu quả còn thấp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2008 chậm lại. Chưa thu hẹp được khoảng cách phát triển so với các nước trong khu vực. Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhưng cơ cấu đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu, còn ít các

dự án có công nghệ tiên tiến. Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chậm được tăng cường. Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý, điều hành nền kinh tế có lúc còn lúng túng, bị động.

Giáo dục - đào tạo còn nhiều hạn chế, có mặt yếu kém kéo dài, gây bức xúc xã hội nhưng chậm được khắc phục. Đầu tư cho khoa học - công nghệ còn thấp, đổi mới cơ chế, chính sách quản lý và phát triển khoa học - công nghệ còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu phát triển đất nước. Chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là ở cơ sở còn thấp; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm còn bị coi nhẹ. Sự phát triển và chất lượng các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao còn nhiều mặt yếu kém kéo dài. Chính sách tiền lương, thu nhập chưa hợp lý, chậm được sửa đổi; quản lý nhà nước về lao động còn lỏng lẻo; chấp hành luật pháp về lao động của một số chủ doanh nghiệp chưa nghiêm; cuộc sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, mức sống của một bộ phận nhân dân bị giảm sút. Một số vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết. Quản lý tài nguyên, môi trường lỏng lẻo; tình trạng khai thác tài nguyên và cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường diễn ra phổ biến, một số trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng.

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới còn hạn chế. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng và an ninh có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Công tác bảo vệ an ninh trên một số lĩnh vực còn sơ hở,

tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại còn hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự phối hợp hoạt động đối ngoại trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh có lúc, có nơi chưa nhịp nhàng, đồng bộ.

Trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X, các vấn đề văn hóa, giáo dục - đào tạo chưa được quan tâm đúng mức. Việc cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết trên một số lĩnh vực còn chậm, nên một số nghị quyết chậm đi vào cuộc sống. Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, thiếu sức thuyết phục, chưa nắm chắc tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là những việc mới phát sinh để kịp thời xử lý. Chỉ đạo, quản lý và hoạt động của báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ còn nhiều hạn chế, yếu kém, việc khắc phục còn chậm. Một số mặt tiêu cực về tư tưởng có biểu hiện phức tạp và nghiêm trọng hơn, tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định chính trị - xã hội. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu chưa được ngăn chặn, đẩy lùi; sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng trong xã hội; sự yếu kém, làm chưa hết trách nhiệm trong quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành, trên nhiều lĩnh vực... làm tăng thêm bức xúc trong nhân dân, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy vừa qua giảm được đầu mối nhưng chưa đạt mục tiêu tinh gọn, hiệu quả. Nhiều hạn chế, yếu kém trong công tác cán bộ, chính sách cán bộ chậm được khắc phục. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở còn nhiều mặt yếu, thậm chí một số

tổ chức cơ sở đảng mất sức chiến đấu, không thể hiện được vai trò lãnh đạo. Đối mới phương thức lãnh đạo của Đảng chưa theo kịp yêu cầu của thời kỳ mới. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng trên một số mặt còn hạn chế, thiếu sót. Tình hình vi phạm Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước còn diễn ra ở nhiều nơi. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mặt còn lúng túng. Kết quả cải cách hành chính, cải cách tư pháp đạt được còn hạn chế. Nhiều nội dung trong chính sách xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được thực hiện đầy đủ. Công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đổi mới chậm. Một số chỉ tiêu quan trọng của Đại hội đạt được còn thấp, đòi hỏi trong thời gian tới phải có sự nỗ lực phấn đấu rất cao mới có thể hoàn thành được.

Nguyên nhân của những mặt hạn chế, yếu kém nói trên có phần do tác động khách quan của cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế trên thế giới, tình hình thiên tai, dịch bệnh... Đồng thời do công tác nghiên cứu lý luận chưa giải đáp có căn cứ khoa học về nhiều vấn đề quan trọng do thực tiễn đặt ra; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành một số lĩnh vực chưa tập trung, kiên quyết, dự báo chưa tốt; việc tổ chức thực hiện nghị quyết của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương vẫn là khâu yếu, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm; những yếu kém về phẩm chất, năng lực, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên chậm được khắc phục...

3. Từ thực tiễn thực hiện Nghị quyết Đại hội X trong nửa đầu nhiệm kỳ đã mang lại nhiều kinh nghiệm. Trong bối cảnh

tình hình chính trị và kinh tế thế giới diễn biến hết sức phức tạp, để đất nước phát triển ổn định, bền vững, đòi hỏi phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao chất lượng công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; phải phát huy cao nội lực có ý nghĩa quyết định, đồng thời tranh thủ ngoại lực có ý nghĩa quan trọng, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, quan tâm bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội; phải tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Phát huy những thành tựu và kinh nghiệm, khắc phục những yếu kém và khuyết điểm trên đây có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, tạo đà phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong những năm tiếp theo.

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI XI CỦA ĐẢNG

Từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội X, tình hình khu vực và thế giới còn diễn biến phức tạp, khó lường. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế ở nhiều nước trên thế giới thời gian tới còn diễn biến phức tạp; sự suy giảm vai trò của Mỹ và xu hướng hình thành thế giới đa cực ngày càng rõ sẽ tác động, ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị và kinh tế

thế giới trong những năm tới. Cùng với tăng cường hợp tác trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu, thỏa hiệp trong việc giải quyết những vấn đề liên quan đến lợi ích của các nước lớn, xu thế cạnh tranh giữa các nước để mở rộng phạm vi ảnh hưởng, tìm kiếm các nguồn nguyên liệu, năng lượng, thu hút vốn đầu tư, thị trường tiêu thụ sẽ gay gắt hơn. Cạnh tranh giữa các nước lớn trên các địa bàn chiến lược sẽ phức tạp hơn. Tình hình đó sẽ tác động nhiều mặt tới nước ta.

Ở trong nước, bên cạnh mặt thuận lợi là tình hình chính trị - xã hội ổn định, lạm phát bước đầu được kiềm chế, kinh tế vĩ mô dần ổn định, an sinh xã hội được quan tâm giải quyết, củng cố lòng tin của nhân dân, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, dự báo tình hình năm 2009 và một vài năm tới có thể sẽ còn khó khăn hơn năm 2008; những khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư, du lịch sẽ ảnh hưởng xấu tới sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thu ngân sách nhà nước, việc làm và đời sống của nhân dân. Thiên tai, dịch bệnh, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá Đảng, Nhà nước, sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta quyết liệt hơn. Sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những hạn chế, yếu kém trên một số lĩnh vực kinh tế, xã hội... gây khó khăn cho sự ổn định và phát triển đất nước.

Để thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, hoàn thành kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, tạo thuận lợi cho bước phát triển nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo, trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội X, toàn Đảng, toàn dân ta phải có quyết tâm chính trị

cao để thực hiện thật tốt *những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu* sau:

Mục tiêu

Nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội X đã đề ra cho cả nhiệm kỳ, cụ thể là: Chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế đạt hiệu quả ngày càng cao. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Tạo chuyển biến rõ rệt hơn nữa trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết, thống nhất, gắn bó mật thiết với nhân dân, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, phương thức lãnh đạo khoa học, đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; đẩy mạnh thi đua yêu nước, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nhiệm vụ và giải pháp

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp lớn đã được Nghị quyết Đại hội X của Đảng, các nghị quyết Trung ương, kết luận của Bộ Chính trị (khóa X) đề ra, trong đó, tập trung thực hiện tốt các *nhiệm vụ và giải pháp* chủ yếu sau đây:

1. Trong lĩnh vực kinh tế

Triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, chính sách lãi suất và tỉ giá hợp lý, để vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, phòng ngừa lạm phát, vừa đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế phát triển, nhất là những lĩnh vực ưu tiên, sản xuất kinh doanh có thị trường, có hiệu quả; chủ động xử lý nợ xấu và ngăn ngừa nợ xấu phát sinh trong hệ thống ngân hàng thương mại, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng và cân cân thanh toán quốc tế. Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên chặt chẽ hơn; rà soát, loại bỏ các dự án đầu tư kém hiệu quả, dẫn tiến độ dự án không cấp bách, tập trung vốn hoàn thành các công trình trọng điểm quốc gia; bố trí đủ vốn cho các chương trình, dự án cần thiết được xác định trong các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội. Bố trí và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư kích cầu trong nước vào những lĩnh vực có hiệu quả, chủ

động ngăn chặn suy giảm kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, điều hành linh hoạt chính sách thuế để hỗ trợ doanh nghiệp và kiểm soát nhập siêu; kiểm soát chặt chẽ việc vay và trả nợ nước ngoài. Tiếp tục thực hiện chủ trương xóa bao cấp qua giá với lộ trình hợp lý. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả, đáp ứng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh xuất khẩu, quản lý chặt chẽ nhập khẩu, hạn chế tối đa nhập siêu, coi trọng đúng mức thị trường trong nước.

Cải thiện môi trường đầu tư và sản xuất, kinh doanh, phát triển các thành phần kinh tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Thực hiện nhất quán chính sách tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật đấu thầu và các luật có liên quan; đơn giản hơn nữa các thủ tục hành chính, công khai mọi quy trình, thủ tục cấp phép hoạt động, đăng ký kinh doanh, đầu tư, nộp thuế... Điều chỉnh, bổ sung, nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển các ngành, vùng, các sản phẩm lớn, quan trọng và công khai hóa quy hoạch, chính sách để mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khuyến khích đầu tư vào kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nông nghiệp, nông thôn, các ngành có hàm lượng khoa học - công nghệ cao; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, sức cạnh tranh của sản phẩm. Ban hành chính sách phù hợp để giải quyết vướng mắc kéo dài trong thu hồi đất, bồi thường, giải

phóng mặt bằng và tái định cư. Có chính sách để các vùng của đất nước đều phát huy tốt nhất lợi thế của mỗi vùng, cùng phát triển nhanh hơn; phát huy tốt vai trò các vùng kinh tế động lực với việc quan tâm đầu tư phát triển các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế đi đôi với tăng cường đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể để làm tốt vai trò chủ đạo và nền tảng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư. Tập trung vốn đầu tư nhà nước vào những lĩnh vực ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án phát triển các ngành, các vùng trọng điểm, các vùng đặc biệt khó khăn. Đổi mới cơ chế tài chính theo hướng khuyến khích xã hội hóa, huy động nhiều nguồn lực phát triển các lĩnh vực dịch vụ công. Quản lý chặt chẽ vốn đầu tư từ ngân sách và việc sử dụng vốn của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Tăng cường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng, biển, bảo vệ môi trường sinh thái. Sửa đổi, bổ sung Luật đất đai, cơ chế đăng ký, chuyển dịch quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, phát triển thị trường đất đai, bất động sản, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực này cho phát triển đất nước. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về những chủ trương,

chính sách lớn khi Việt Nam trở thành thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Nghị quyết Trung ương 7 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tăng cường, củng cố những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

2. Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và văn hóa, y tế, xã hội

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo toàn diện, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiến hành cải cách giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X). Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục và công tác quản lý giáo dục; khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu giáo dục - đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng cả nâng cao dân trí, phát triển nhân lực, đào tạo nhân tài, cả dạy chữ, dạy nghề, dạy làm người, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, nhân cách, phẩm chất đạo đức, lối sống. Tăng cường đầu tư của Nhà nước, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa việc huy động các nguồn lực cho phát triển giáo dục - đào tạo; đấu tranh khắc phục, đẩy lùi các tiêu cực kéo dài trong giáo dục - đào tạo. Đẩy mạnh đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Định hướng, quản lý chặt chẽ việc hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo; xây dựng nền giáo dục tiên tiến, dân tộc, độc lập, xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý và chính sách phát triển khoa học - công nghệ; nghiên cứu xây dựng, bổ

sung, hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ quốc gia và các ngành, các sản phẩm quan trọng. Đổi mới cơ chế tài chính, nâng cao tính tự chủ cho các cơ quan nghiên cứu khoa học. Tiếp tục phát huy dân chủ trong nghiên cứu khoa học. Phát triển thị trường khoa học - công nghệ. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất kinh doanh, giáo dục - đào tạo. Có chính sách, chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc tốt hơn cho cán bộ nghiên cứu khoa học, nhất là cán bộ đầu ngành, có trình độ cao.

Thực hiện tốt nhiệm vụ tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Thực hiện các chính sách khuyến khích tạo việc làm; mở rộng các hình thức dạy nghề, hỗ trợ cho vay dạy nghề, học nghề, nhất là với người bị thu hồi đất, không còn đất sản xuất, lao động dôi dư do suy giảm kinh tế. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Xây dựng quan hệ lao động lành mạnh, bảo đảm vệ sinh, an toàn lao động trong các loại hình doanh nghiệp; Nhà nước đầu tư và có chính sách khuyến khích doanh nghiệp xây dựng nhà ở, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, cho người lao động có thu nhập thấp. Tiếp tục thực hiện các chính sách, chương trình xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách, người lao động mất việc làm, người dân vùng khó khăn, vùng bị thiên tai, đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung xóa đói, giảm nghèo ở các địa phương có tỉ lệ hộ nghèo cao.

Phát triển và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách quản lý, nâng

cao chất lượng khám, chữa bệnh từ tuyến cơ sở đến trung ương. Tăng cường đầu tư của Nhà nước, đồng thời xã hội hóa một cách phù hợp để huy động các nguồn lực xã hội vào phát triển y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Đào tạo đủ về số lượng và nâng cao y đức, trình độ cán bộ y tế, đấu tranh đẩy lùi các tiêu cực trong khám, chữa bệnh. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khám, chữa bệnh tư nhân, thị trường thuốc chữa bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống dịch bệnh, nghiện ma tuý, nhiễm HIV... Đổi mới, hoàn thiện chế độ bảo hiểm y tế. Thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm sinh và ngăn ngừa mất cân bằng giới tính.

Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện chiến lược văn hóa, thông tin; phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Tăng đầu tư của Nhà nước cho văn hóa; xã hội hóa ở các lĩnh vực phù hợp để huy động các nguồn lực cho phát triển văn hóa. Quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí, lễ hội. Phát triển mạnh mẽ thể dục, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Làm tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc. Khuyến khích sáng tạo các tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao. Tăng cường lãnh đạo, quản lý, nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, uốn nắn, xử lý kịp thời các lệch lạc, sai phạm. Đẩy mạnh thông tin đối ngoại, chống sự xâm nhập các sản

phẩm độc hại, phản văn hóa, phản động, gây phương hại tư tưởng, đạo đức xã hội.

3. Trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên, môi trường

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường, có các chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các chương trình, dự án đầu tư. Tăng cường công tác điều tra cơ bản, bao gồm cả tài nguyên và môi trường biển; sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên, đảm bảo nền kinh tế phát triển bền vững. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về bảo vệ môi trường, chương trình phòng chống ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu; giải quyết triệt để các “điểm đen”, “điểm nóng” về môi trường; chủ động triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu; có biện pháp tích cực hạn chế thiệt hại ở những vùng thường xảy ra thiên tai.

4. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Về quốc phòng: Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Chăm lo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong các chiến lược, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng với kinh tế, an ninh, đối ngoại. Tiếp tục làm tốt nhiệm vụ xây dựng

nền quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ theo Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X), tăng cường tiềm lực quốc phòng, củng cố “thế trận lòng dân”; xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, sẵn sàng chiến đấu cao, đối phó kịp thời, thắng lợi mọi tình huống, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Về an ninh: Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức của toàn Đảng, toàn dân về những thách thức lớn đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Chủ động phát hiện, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ. Tăng cường công tác bảo vệ Đảng và bảo vệ an ninh chính trị nội bộ; chống âm mưu và hành động “diễn biến hòa bình” và “tự diễn biến”, củng cố phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục thực hiện có kết quả các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, tận tụy phục vụ nhân dân.

Về đối ngoại: Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, đưa các mối quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác, phù hợp yêu cầu và lợi ích đất nước ta. Hoàn thành các hiệp định phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Đẩy nhanh tiến độ phân giới, cắm mốc với Lào,

Campuchia theo thời gian đã thỏa thuận và xác định ranh giới thêm lục địa với các nước có liên quan phù hợp Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; kiên quyết đấu tranh góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại. Thực hiện tốt chính sách với người Việt Nam ở nước ngoài. Góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

5. Trong lĩnh vực công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát huy dân chủ xã hội

Chăm lo công tác tổ chức xây dựng Đảng. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của cả hệ thống chính trị; đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, tăng cường dân chủ, nâng cao chất lượng công tác cán bộ; xây dựng các quy chế, quy định cụ thể để quản lý cán bộ và thuận lợi cho việc kịp thời thay thế, miễn nhiệm cán bộ năng lực, phẩm chất kém, không hoàn thành nhiệm vụ, mất uy tín, có sai phạm và phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đề bạt được cán bộ có đức, có tài, trẻ, cán bộ nữ vào các vị trí phù hợp. Thực hiện tốt Quy định số 57-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; Kết luận của Hội nghị Trung ương 9 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ; tiếp tục cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X)

về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, giải đáp có căn cứ khoa học những vấn đề lớn thực tiễn đất nước đang đặt ra; tập trung vào tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh 1991 và chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội XI với chất lượng cao. Nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, sắc bén, có sức thuyết phục cao của công tác tư tưởng. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, biện pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước, bồi dưỡng lòng yêu nước, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, hình thành hệ thống giá trị của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tạo chuyển biến căn bản trong việc ngăn chặn, từng bước đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chủ động phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bác bỏ các luận điệu tuyên truyền phản động, làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng.

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên, tập trung kiểm tra, giám sát những lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm,

kiểm tra, giám sát người đứng đầu các cấp, các ngành về năng lực lãnh đạo, quản lý, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phong cách làm việc, tính tiên phong, gương mẫu để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí. Ủy ban kiểm tra các cấp nâng cao chất lượng tham mưu cho cấp ủy, thực hiện toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng quy định và các nhiệm vụ do cấp ủy giao, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng vi phạm. Xây dựng chiến lược công tác kiểm tra, giám sát giai đoạn 2015 và định hướng đến năm 2025.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đổi mới, kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quốc hội; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Chính phủ; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cải cách tư pháp. Tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng các kỳ họp Quốc hội, các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội. Nâng cao chất lượng công tác lập pháp và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Tăng cường trách nhiệm giám sát, nâng cao chất lượng hoạt động chất vấn của Quốc hội; giám sát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, các cam kết của các thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trước Quốc hội và các kết luận giám sát của Quốc hội đối với các ngành, địa phương, đơn vị. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền các cấp. Tiếp tục xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Thực hiện phân cấp mạnh hơn cho các cơ quan hành chính cấp dưới đi đôi với nâng cao năng lực cán bộ, chất lượng công tác quy hoạch,

quản lý quy hoạch, tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp trên. Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện và có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính, trước hết là những lĩnh vực đang gây bức xúc xã hội kéo dài. Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Cải tiến tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động cơ quan điều tra. Tiếp tục đổi mới tổ chức hệ thống tòa án nhân dân và nâng cao chất lượng xét xử; đổi mới tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nhân dân để thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; đổi mới, kiện toàn tổ chức, hoạt động của cơ quan thi hành án, các tổ chức hỗ trợ tư pháp.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tập trung rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách; thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát; phối hợp thật tốt giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát, nhất là khi giải quyết các trường hợp có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí. Kiên quyết xử lý nghiêm kỷ luật về Đảng, kỷ luật hành chính và xử lý bằng pháp luật các vụ việc tham nhũng, tịch thu tài sản tham nhũng. Kiện toàn hệ thống các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng. Phát huy vai trò của nhân dân, các đoàn thể chính trị - xã hội, của báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; có

chính sách bảo vệ người dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí...

Phát huy dân chủ, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát huy dân chủ; tiếp tục cụ thể hóa bằng pháp luật các quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp quy định; nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tăng cường, nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng tập trung cho cơ sở, đa dạng hóa hình thức tập hợp và phát huy tối đa mọi năng lực các tầng lớp nhân dân, bao gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nhất là ở cơ sở.

III- MỘT SỐ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG CẦN TẬP TRUNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI XI CỦA ĐẢNG

1. Chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.

2. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bổ sung,

phát triển Cương lĩnh; tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 - 2010, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X, chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng.

3. Tăng cường củng cố, phát triển những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

4. Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

5. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác quản lý, chấn chỉnh các vi phạm của báo chí, xuất bản.

6. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị; Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng cán bộ, đảng viên.

7. Đổi mới công tác cán bộ, chuẩn bị tốt nhân sự cho đại hội đảng các cấp, nhân sự Đại hội XI của Đảng.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên, nhân dân và xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết một

cách cụ thể, thiết thực, phù hợp với cấp mình, bảo đảm Nghị quyết đi nhanh vào cuộc sống.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới những văn bản pháp luật có liên quan. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo các bộ, ngành khẩn trương triển khai thực hiện.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, tổ chức tốt việc phổ biến, quán triệt và vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết.

- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Trung ương Đảng thường xuyên theo dõi, kiểm tra và định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện
Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2009, tr.163-193.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 145/TLHN, ngày 25 tháng 12 năm 2008

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết

Trung ương 3 (khóa VIII)

**Về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

(Trình Hội nghị lần thứ chín

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)

Tháng 6-1997, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã ra Nghị quyết về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xác định phương hướng cơ bản, các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp lớn xây dựng đội ngũ cán bộ đến năm 2020. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã quyết định tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược cán bộ.

Do các kỳ Đại hội Đảng cũng như các nghị quyết chuyên đề của Trung ương đều đã có đánh giá về cán bộ, công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, Bộ Chính trị xin trình Ban Chấp hành Trung ương Báo cáo tổng kết với nội dung chính là *tập trung kiểm điểm việc thực hiện những vấn đề có tính*

chiến lược trong công tác cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) và đề xuất việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược từ nay đến năm 2020.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÁN BỘ

Hơn 10 năm qua, công cuộc đổi mới đất nước đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm và ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997; tốc độ tăng trưởng hàng năm liên tục đạt 7 - 8%. Văn hóa, xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt, nhất là trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo; đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác lập; việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Công tác đối ngoại thu được nhiều thành tựu quan trọng đã khẳng định vị thế của nước ta trên trường quốc tế¹.

1. Việc nước ta gia nhập WTO, chủ trì Hội nghị Thượng đỉnh ASEM 5, APEC 13; trở thành thành viên không chính thức của Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; tham gia vào các tổ chức và định chế tài chính lớn của thế giới; thu hút đầu tư nước ngoài ngày một tăng lên... đã khẳng định đường lối hội nhập kinh tế quốc tế đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.

Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy. Công tác xây dựng Đảng đạt được một số kết quả quan trọng... Có được những thành công đó là do đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng cũng như sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; trong đó có sự đóng góp quan trọng, xứng đáng của đội ngũ cán bộ, công chức nước ta.

Tuy vậy, những khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế nước ta còn ở trình độ thấp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt... cùng với thiên tai, dịch bệnh xảy ra liên miên ở nhiều nơi; tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường... đã và đang đặt ra những thử thách to lớn cho đội ngũ cán bộ nước ta trong chặng đường đã qua và cả những năm sắp tới.

Bám sát *mục tiêu* đề ra trong chiến lược cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng đã từng bước cụ thể hóa và xác định những nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện. Việc triển khai tương đối đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ; thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí với những kết quả nhất định đạt được, đã góp phần giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ về bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực. Qua hơn 10 năm thực hiện chiến lược cán bộ, một số chỉ tiêu cơ bản đã thực hiện được, như bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục giữa các thế hệ cán bộ; mỗi nhiệm kỳ đổi mới khoảng 30 - 35% số cán bộ lãnh

đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể các cấp, lãnh đạo lực lượng vũ trang; số người có trình độ đại học, cao đẳng trở lên đã đạt gần 3% dân số cả nước¹...

I- VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ²

1. Đánh giá tổng quát

Mặt mạnh và ưu điểm:

- Đa số cán bộ phấn khởi và tin tưởng vào thành công của công cuộc đổi mới; kiên định mục tiêu, con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn; tham gia tích cực vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Năng lực, trình độ lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội có tiến bộ rõ; có khả năng tiếp cận và tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong điều kiện mới (kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; hội nhập kinh tế quốc tế); năng động, sáng tạo trong thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đóng góp xứng đáng vào thành tựu rất quan trọng của chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội (2000 - 2010) và công cuộc đổi mới đất nước.

1. Mục tiêu đề ra của Chiến lược cán bộ là mỗi nhiệm kỳ đổi mới từ 30 - 40% số cán bộ lãnh đạo các cấp và đến năm 2020, số người có trình độ đại học, cao đẳng trở lên chiếm khoảng 4% dân số cả nước.

2. Trong Báo cáo này, khái niệm “cán bộ” được hiểu một cách tổng thể, theo nghĩa rộng là cán bộ, công chức, viên chức; không phân biệt cán bộ và công chức theo Luật cán bộ, công chức.

- Đội ngũ cán bộ được tăng cường về số lượng¹, trình độ các mặt (lãnh đạo, quản lý; chuyên môn, nghiệp vụ; lý luận chính trị) được nâng lên². Cơ cấu đội ngũ cán bộ ngày càng hợp lý hơn; tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ ở một số ngành, một số lĩnh vực tăng khá³. Đội ngũ cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, có kiến thức, trình độ, năng lực, có khả năng hội nhập kinh tế quốc tế, đang vươn lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới.

- Về cơ bản đã khắc phục được những biểu hiện mơ hồ, dao động về lý tưởng của một bộ phận cán bộ do tác động của

1. Năm 1997 có 1.351.900 cán bộ, công chức; năm 2007 có 1.976.976 cán bộ, công chức (tăng gần 1,5 lần, trong đó có sự tăng lên do bổ sung cán bộ cấp cơ sở là 216.247 người, chiếm 10,9%).

2. Theo thống kê, đến nay số người có trình độ đại học, cao đẳng đạt khoảng 75% mục tiêu đề ra của Chiến lược cán bộ: có trên 2.600.000 người có trình độ đại học, cao đẳng trở lên chiếm gần 3% dân số; trong đó có: 18.000 thạc sĩ, tiến sĩ; 6.000 giáo sư, phó giáo sư. 96,3% cán bộ cấp thứ trưởng và tương đương trở lên có trình độ đại học và trên đại học, trong đó có 43,3% trên đại học, 93% có trình độ cử nhân và cao cấp lý luận chính trị; 100% cán bộ cấp vụ và tương đương ở các cơ quan trung ương có trình độ đại học và trên đại học; có 80% trong tổng số gần 64.000 cán bộ cấp trưởng phòng và tương đương ở các tỉnh, thành phố có trình độ đại học trở lên...

3. Tỷ lệ cán bộ trẻ cấp trưởng phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi ở cấp tỉnh đạt khoảng 14%. Tỷ lệ cán bộ nữ cấp trưởng phòng và tương đương trở lên ở cấp tỉnh đạt 18%, ở 5 thành phố trực thuộc Trung ương đạt 21%, cấp huyện đạt 16%; trong các doanh nghiệp nhà nước đạt gần 15%, trong đó cán bộ nữ là ủy viên thường vụ đảng ủy chiếm trên 20%.

sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu trong những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX và sự chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Số đông cán bộ vẫn giữ được phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị, gần bó, gần gũi với nhân dân.

Mặt yếu kém, khuyết điểm:

- *Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống*, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, thoái hóa biến chất, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm, thiếu tự giác rèn luyện, phấn đấu, thiếu tinh thần đồng chí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ diễn ra nghiêm trọng, kéo dài nhưng chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn và kịp thời xử lý. Một số ít cán bộ có biểu hiện bất mãn, suy giảm niềm tin, nói và làm trái quan điểm, đường lối của Đảng, vi phạm nguyên tắc, vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng rất xấu trong xã hội. Tình trạng cán bộ, công chức bỏ việc, chuyển sang làm kinh tế hoặc những nơi có thu nhập cao hơn đang có chiều hướng gia tăng¹; tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy bằng cấp” không giảm. Những biểu hiện tiêu cực nêu trên chưa được ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả, thậm chí có mặt còn nghiêm trọng hơn đã làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ.

1. Theo thống kê, trong 5 năm từ 2003 đến 2007 có 16.314 cán bộ, công chức thôi việc, tập trung chủ yếu ở lĩnh vực y tế, giáo dục ở các địa phương (chiếm 88,7%). Có 310 người giữ chức vụ lãnh đạo thôi việc, chiếm 1,9%.

- *Chất lượng đội ngũ cán bộ* còn nhiều yếu kém, bất cập, chưa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới trong lĩnh vực xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ nhận thức đến lãnh đạo, tổ chức thực hiện mô hình phát triển cũng như bản lĩnh hội nhập và xử lý những tình huống phát sinh còn nhiều lúng túng.

- *Cơ cấu đội ngũ cán bộ* vẫn mất cân đối, thiếu đồng bộ, chưa hợp lý. Cơ cấu theo ngành nghề, địa bàn, lĩnh vực; tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân chưa đạt yêu cầu mục tiêu chiến lược nhưng chậm có giải pháp khắc phục. Việc chuyển tiếp giữa các thế hệ cán bộ lãnh đạo chưa được chuẩn bị chu đáo; thiếu cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, cán bộ đầu ngành, cán bộ có trình độ cao, có khả năng dự báo, xử lý tốt những vấn đề phức tạp nảy sinh, nhất là ở lĩnh vực quản lý tài chính - tiền tệ, văn hóa - thông tin, tôn giáo; phát triển các ngành nghề, sản phẩm, công trình công nghệ cao; mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế, quy hoạch phát triển... Phân bố cán bộ không đều và chưa phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ngành nghề, lao động; tình trạng vừa thừa vừa thiếu cán bộ vẫn phổ biến¹.

1. Hiện nay ở nước ta, nguồn cán bộ quản lý bậc cao chỉ đáp ứng khoảng 30 - 40% nhu cầu của các công ty. Kỹ sư nông nghiệp thừa ở thành phố, thiếu ở nông thôn, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long. Trong ngành xây dựng, tỷ lệ cán bộ có trình độ kỹ sư - trung cấp chuyên nghiệp - công nhân học nghề là: 1 - 1, 3 - 3; trong khi đó, với các nước trên thế giới, tỷ lệ này là: 1 - 4 - 10... Trong cán bộ diện Trung ương quản lý, tỷ lệ cán bộ nữ chiếm 5,3%; cán bộ trẻ dưới 40 tuổi chiếm 0,7%.

Nhiều cán bộ thích làm việc trong các cơ quan chính quyền, ở các bộ, ngành kinh tế, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, ở các đô thị, thành phố lớn; ngại làm việc trong lĩnh vực công tác đảng, đoàn thể, ở địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn.

2. Đánh giá cụ thể đối với 4 đối tượng cán bộ

- *Cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể:* Đa số có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng; có tư duy đổi mới, năng động trong lãnh đạo, điều hành công việc, tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị; một bộ phận vươn lên đáp ứng với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, trình độ, năng lực, kiến thức về kinh tế thị trường, luật pháp, ngoại ngữ, khả năng quản lý nhà nước, quản lý xã hội của không ít cán bộ vẫn còn bất cập; khả năng dự báo và định hướng sự phát triển vẫn còn yếu, chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra của chiến lược. Cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu địa phương, đơn vị đa phần đã lớn tuổi, khả năng thích ứng với cơ chế kinh tế thị trường, hội nhập còn hạn chế; thiếu hụt cán bộ trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, xây dựng pháp luật, hoạch định chính sách phát triển, quy hoạch, đàm phán và hội nhập quốc tế. Cán bộ khối tư pháp còn thiếu và chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới, cải cách tư pháp. Cán bộ cơ sở mặc dù có nhiều cố gắng nhưng nhìn chung vẫn còn bất cập và chưa đạt yêu cầu. Một bộ phận cán bộ chủ quan, tự mãn, bảo thủ, trì trệ, mắc bệnh thành tích; số khác thiếu tâm huyết với công việc,

thiếu gương mẫu, nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm; ý thức tự phê bình và phê bình và tính chiến đấu kém; lợi dụng chức quyền để vun vén lợi ích cá nhân, làm việc theo kiểu “quan cách mạng”.

- *Cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang:* Vẫn giữ vững bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có ý thức cảnh giác cách mạng, tinh thần phấn đấu vượt mọi khó khăn, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; kiến thức, năng lực lãnh đạo, chỉ huy có nhiều tiến bộ.

Tuy nhiên, cán bộ chủ trì cấp chiến lược, chiến dịch có độ tuổi bình quân cao, nguồn cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị còn thiếu. Cơ cấu cán bộ theo địa bàn, ngành nghề, lĩnh vực công tác chưa cân đối; lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật trong quân đội, công an mỏng, thiếu đồng bộ. Một bộ phận cán bộ thiếu yên tâm công tác, thiếu gương mẫu rèn luyện, phấn đấu, vi phạm kỷ luật, vi phạm chế độ công tác; thậm chí thoái hóa, biến chất, thông đồng, tiếp tay cho tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

- *Cán bộ khoa học, chuyên gia:* nói chung vẫn giữ được phẩm chất đạo đức, gần gũi, gắn bó với nhân dân và người lao động; có tư duy sáng tạo, có tinh thần vươn lên; đã và đang hình thành đội ngũ cán bộ khoa học, chuyên gia trẻ năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Mặt yếu kém là số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học, chuyên gia chưa đáp ứng được yêu cầu về cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, uy tín nghề nghiệp, giới tính, độ tuổi; hụt hẫng các nhà khoa học, chuyên gia giỏi có

uy tín ở trong nước, khu vực và quốc tế; thiếu nghiêm trọng chuyên gia đầu đàn trên nhiều lĩnh vực, nhất là về kinh tế, khoa học - công nghệ, sản xuất kinh doanh và đối ngoại. Một số cán bộ khoa học có biểu hiện thực dụng, chạy theo bằng cấp, thiếu trung thực, thiếu tinh thần hợp tác trong nghiên cứu khoa học, giảng dạy, sản xuất kinh doanh.

- *Cán bộ quản lý kinh doanh*, cán bộ lãnh đạo của doanh nghiệp nhà nước nhìn chung vẫn giữ được phẩm chất đạo đức, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có ý thức chấp hành pháp luật, có tinh thần khắc phục khó khăn, đổi mới để vươn lên; tôn trọng và chăm lo lợi ích chính đáng của người lao động. Trình độ, năng lực và cơ cấu của đội ngũ cán bộ có nhiều tiến bộ¹. Nhiều doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, đóng góp quan trọng vào ngân sách nhà nước, từng bước tạo được uy tín, thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, cán bộ lãnh đạo các tập đoàn, tổng công ty lớn của Nhà nước có tuổi đời bình quân cao; trình độ ngoại ngữ, tin học, luật pháp quốc tế, tầm nhìn và khả năng hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh còn hạn chế, chậm thích ứng với hội nhập kinh tế quốc tế. Một số chưa thực sự tâm huyết với công việc, một số chuyển ra lập công

1. Đại học và cao đẳng trở lên chiếm 75,6%, trong đó tiến sĩ, thạc sĩ chiếm 19%; lý luận chính trị cử nhân, cao cấp chiếm 43%. Trên 90% chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc và trên 95% cán bộ cấp trưởng phòng ban và tương đương của các tập đoàn, tổng công ty đặc biệt quan trọng của Nhà nước được bố trí đúng chuyên ngành đào tạo.

ty riêng hoặc làm việc cho các liên doanh nước ngoài; tình trạng “chảy máu chất xám” trong doanh nghiệp nhà nước đang có chiều hướng gia tăng. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp ít quan tâm đến công tác chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng, chưa coi trọng lợi ích quốc gia; nội bộ lãnh đạo một số tập đoàn, tổng công ty có biểu hiện mất đoàn kết, ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp; một số gia trưởng, độc đoán, thiếu gương mẫu trong cuộc sống và công việc, thậm chí thoái hóa, biến chất, tham nhũng, vi phạm pháp luật...

Nhìn một cách tổng quát, thời gian qua trong thực hiện chiến lược cán bộ, *chúng ta mới chỉ tập trung nhiều vào đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý, chưa chú ý đúng mức, toàn diện đến các đối tượng cán bộ khác*; dẫn đến sự không đồng bộ giữa cán bộ các cấp, các ngành, các lĩnh vực; giữa cán bộ lãnh đạo, quản lý với cán bộ tham mưu, cán bộ khoa học và chuyên gia; giữa cán bộ Đảng, đoàn thể với cán bộ công tác trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang; giữa cán bộ có quá trình công tác với cán bộ trẻ; tạo ra tâm lý khép kín trong từng ngành, địa phương, lệch lạc trong xu hướng phát triển của cán bộ. Cán bộ trong các cơ quan tư pháp, cán bộ làm công tác ngoại giao, đối ngoại... chưa được quan tâm đúng mức.

Những yếu kém, khuyết điểm đó có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là do công tác giáo dục, bồi dưỡng về nhận thức, lý tưởng cho cán bộ, đảng viên còn hạn chế; bản thân cán bộ thiếu tự giác học tập, rèn luyện, tu dưỡng; công tác quản lý, kiểm tra, bố trí, sử dụng và thực

hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ còn nhiều bất cập, yếu kém; kỷ luật cán bộ không nghiêm. Chưa có chính sách thu hút và tạo nguồn phát triển cán bộ trong nhiều lĩnh vực; chưa phát huy hết năng lực, trách nhiệm của cán bộ; chưa sàng lọc, bảo vệ và chăm lo tốt cho đội ngũ cán bộ.

Mặt khác, nền kinh tế nước ta còn lạc hậu; trình độ khoa học, công nghệ thấp, chưa tiếp cận được với sự phát triển của kinh tế tri thức; hệ thống giáo dục còn bất cập, chậm đổi mới, thiếu đồng bộ; thiếu cơ chế phát hiện, tuyển chọn, đào tạo và sử dụng người có đức, có tài, cán bộ khoa học, chuyên gia giỏi. Nhiều cơ chế, chính sách chậm đổi mới, còn cào bằng, thậm chí lạc hậu, thiếu động lực, kìm hãm sự phát triển, làm nản lòng cán bộ, làm thui chột tài năng; tình trạng phân hóa giàu nghèo trong xã hội gia tăng và việc giàu lên nhanh chóng của một bộ phận cán bộ gây tâm lý băn khoăn, lo lắng, làm giảm niềm tin, sự phấn đấu của đội ngũ cán bộ.

II- VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

1. Đánh giá chung

Thành tựu:

- Đảng và Nhà nước đã thể chế hóa, cụ thể hóa được một bước nhiều chủ trương, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ đề ra trong chiến lược.

Từ sau khi có chiến lược cán bộ, Bộ Chính trị các khóa VIII, IX, X đã ban hành và chỉ đạo thực hiện nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định về cán bộ và công tác

cán bộ¹; các cấp ủy, tổ chức đảng đã thể chế hóa thành các quy chế, quy định, quy trình công tác cán bộ của địa phương, ngành, đơn vị để thực hiện. Quốc hội đã thông qua Luật Cán bộ, công chức; Chính phủ đã ban hành nhiều quyết định, quy định về chế độ, chính sách quản lý, tuyển dụng, bổ nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức. Nhờ đó, công tác cán bộ đã dần đi vào nền nếp, tạo sự thống nhất trong thực hiện và góp phần mang lại hiệu quả chung trong công tác cán bộ.

- Công tác cán bộ đã bám sát nhiệm vụ chính trị và yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới; đã triển khai tương đối đồng bộ các khâu: quản lý, đánh giá, tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng, bảo vệ chính trị nội bộ và thực hiện chính sách cán bộ; trong đó công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ có những chuyển biến tích cực.

- Nội dung, phương pháp, cách làm có đổi mới, tiến bộ; dân chủ, công khai trong công tác cán bộ được mở rộng trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời đề cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Việc quy định cán bộ, đảng viên đang công tác ở các cơ quan, đơn vị thường xuyên giữ mối liên hệ với cấp ủy nơi cư trú; thực hiện bầu cử có số dư; lấy phiếu tín nhiệm của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong việc giới thiệu bầu cử đại biểu Quốc hội, hội

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành 20 quy định, quy chế. Ban Tổ chức Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã ban hành 32 văn bản hướng dẫn về công tác cán bộ.

đồng nhân dân các cấp... là những cách làm mới thể hiện tính dân chủ, công khai trong công tác cán bộ.

Việc phân cấp quản lý cán bộ được thực hiện hợp lý hơn; công tác kiểm tra, giám sát trong công tác cán bộ được tăng cường; công tác bảo vệ chính trị nội bộ tiếp tục được quan tâm và đang chuyển hướng sang xem xét, giải quyết những vấn đề chính trị hiện nay... đã góp phần từng bước đổi mới công tác cán bộ. Việc quyết định gắn nhiệm kỳ Đại hội Đảng với nhiệm kỳ Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm đã làm rõ hơn yêu cầu, mục tiêu thực hiện chiến lược cán bộ trong từng giai đoạn cụ thể.

Hạn chế, yếu kém:

- *Việc quán triệt, triển khai Nghị quyết về chiến lược cán bộ chưa đồng đều, sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn chậm và lúng túng. Nhiều khuyết điểm, yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục.* Tuy đã cố gắng thể chế hóa, cụ thể hóa nhiều chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác cán bộ nhưng còn chậm đổi mới cơ chế, phương pháp và quy trình đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ. Thiếu cơ chế có hiệu lực để phát huy dân chủ, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém, trì trệ; quy trình bổ nhiệm cán bộ kéo dài nhưng vẫn có sơ hở. Việc tạo nguồn và đào tạo cán bộ trẻ từ học sinh, sinh viên xuất sắc trong và ngoài nước không thành công; chưa có chính sách đủ hiệu lực khơi dậy tài năng và thu hút nhân tài vào các lĩnh vực quan trọng của đất nước, vào công tác trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Công tác cán bộ chưa góp phần đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực; chưa thể hiện rõ vai trò của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng cũng như trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ.

- *Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chưa quán triệt đầy đủ quan điểm công tác cán bộ là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng, dẫn đến thiếu kiên trì, thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ, thiếu tầm chiến lược, tư duy theo nhiệm kỳ. Việc bố trí, sử dụng cán bộ mới chỉ chú ý đến yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ trước mắt, ít quan tâm đến việc đào tạo cán bộ cho lâu dài; trong nhiều trường hợp còn nặng về chuyển dịch theo thứ tự, thâm niên, chưa phù hợp với sở trường công tác, ngành nghề đào tạo; chậm khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín, hẫng hụt cán bộ ở nhiều địa phương, ngành. Việc giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở vừa qua chưa trúng, chưa thành công¹. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu địa phương, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức; ít quan tâm chú ý sử dụng và phát huy khả năng đóng góp của người ngoài Đảng trong các lĩnh vực quản lý và phát triển đất nước (ngay cả thi nâng ngạch chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp cũng phải là đảng viên). Hầu hết các chức vụ lãnh đạo, quản lý đều do đảng viên, cấp ủy viên đảm nhận, dẫn đến quan niệm máy móc cho rằng đã là bộ trưởng, giám đốc sở... phải là Ủy viên Trung ương Đảng, tỉnh ủy viên..., đã là cấp ủy viên thì làm việc gì cũng được.*

1. Trong tổng số 192.438 cán bộ chuyên trách và công chức cơ sở xã, phường, thị trấn (tính đến ngày 30-6-2007), còn 0,13% chưa biết chữ quốc ngữ; 48,74% chưa qua đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; 34,85% chưa qua đào tạo về lý luận chính trị. Xu hướng "hành chính hóa" với đòi hỏi tiếp tục tăng thêm diện cán bộ cơ sở được hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước đang trở thành gánh nặng cho ngân sách, cho việc tiếp tục cải cách chế độ, chính sách tiền lương.

- *Môi trường làm việc của cán bộ chưa tạo được động lực để khuyến khích, thu hút, phát huy năng lực, sự cống hiến của cán bộ; chưa cổ vũ ý chí phấn đấu vươn lên, sự gắn bó mật thiết của cán bộ đối với công việc, với cơ quan, với hệ thống chính trị. Đầu vào, đầu ra trong công tác cán bộ không thông thoáng, khó phát hiện được người tài; nặng về quá trình, thâm niên. Không quan tâm đúng mức đến đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động; còn cào bằng trong thưởng, phạt, khen, chê... Nhận thức và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không đầy đủ, không rõ trách nhiệm cá nhân; tự phê bình và phê bình trong nhiều cấp ủy, tổ chức đảng còn xuê xoa, hình thức hoặc bị lợi dụng để “ca tụng nhau” hay hãm hại nhau. Mặt khác, sự tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường cùng với chủ nghĩa cá nhân ở một bộ phận cán bộ dẫn đến nạn “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy chỗ” tinh vi hơn, nguy hiểm hơn. Tâm lý chỉ có “thăng quan, tiến chức” mới là tiến bộ; hoặc chức quyền đi liền với bổng lộc đang gây ra những bức xúc trong đội ngũ cán bộ, trong nhân dân, làm giảm hiệu quả công tác, làm suy yếu Đảng.*

Nhìn chung, việc đổi mới công tác cán bộ chưa toàn diện và còn chậm so với đổi mới kinh tế - xã hội.

2. Đánh giá cụ thể từng khâu của công tác cán bộ

2.1. Đánh giá cán bộ

Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Quy chế số 50-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 về đánh giá cán bộ. Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành danh mục chức danh gốc và tiêu chuẩn chung một số chức danh cán bộ công chức cơ quan Đảng,

đoàn thể (Quyết định số 450, ngày 22-12-1998). Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã cụ thể hóa tiêu chuẩn đối với từng loại cán bộ, một số nơi đã xây dựng được tiêu chuẩn chức danh cán bộ cho ngành, địa phương, đơn vị để làm cơ sở đánh giá cán bộ. Việc đánh giá cán bộ đã được thực hiện theo quy trình, quy chế, công khai theo nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Diện lấy thông tin về cán bộ được mở rộng hơn, một số nơi có cơ chế để nhân dân tham gia nhận xét, đánh giá cán bộ; từng bước khắc phục tình trạng nể nang, né tránh trong tự phê bình và phê bình. Một số cấp ủy đảng đã có đổi mới trong phương pháp và quy trình nên việc đánh giá cán bộ hiệu quả hơn, thực chất hơn.

Tuy nhiên, đánh giá cán bộ được coi là khâu tiền đề quan trọng nhất nhưng vẫn là khâu khó và yếu nhất, khó nhất là đánh giá cái “tâm”, cái “tầm” và bản lĩnh chính trị của cán bộ; đánh giá cán bộ vẫn còn hình thức, chưa phản ánh đúng được thực chất cán bộ¹; chưa lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu trong đánh giá cán bộ; còn cảm tính, hình thức, xuê xoa, chiếu lệ; thiếu tính chiến đấu, thiếu tinh thần xây dựng trong đánh giá cán bộ. Mặt khác, nhiều cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ chưa thực sự chú trọng, thiếu biện pháp cụ thể quản lý cán

1. Theo tổng hợp kết quả đánh giá cán bộ trong 4 năm gần đây cho thấy: trên 90% cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý và trên 85% cán bộ thuộc diện ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong khi đó tình hình công tác xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội ở nhiều địa phương, đơn vị vẫn còn nhiều khó khăn, yếu kém, bất cập.

bộ, hiểu và nắm sâu về tư tưởng, lập trường, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, uy tín cá nhân, quan hệ xã hội của bản thân và gia đình cán bộ; có trường hợp còn không biết mặt cán bộ, dẫn đến việc nhận xét, đánh giá cán bộ chưa thực chất, chưa khách quan, chưa sát.

Những yếu kém trên có *nguyên nhân* từ việc chậm đổi mới, thiếu cơ chế, phương pháp, cách làm mang lại hiệu quả trong việc đánh giá cán bộ; *chưa xây dựng được tiêu chuẩn cụ thể về từng mặt phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, kiến thức của từng loại cán bộ ở từng lĩnh vực, từng cấp, từng chức danh; tiêu chí đánh giá cụ thể đối với từng loại cán bộ trong từng cơ quan, đơn vị; chưa quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ*. Nhưng nguyên nhân chủ yếu là từ nhận thức; từ việc quản lý cán bộ chưa chắc, chưa sâu; tinh thần tự phê bình và phê bình, tính chiến đấu chưa cao; chưa vượt qua được tâm lý nể nang, né tránh, ngại va chạm, xuê xoa, hình thức; chưa gắn việc đánh giá cán bộ với kết quả hoàn thành nhiệm vụ công tác được giao. Một số nơi còn có biểu hiện lệch lạc, thiếu công tâm, khách quan trong đánh giá cán bộ; nội bộ mất đoàn kết, cục bộ, gia trưởng, xen động cơ cá nhân trong đánh giá cán bộ.

2.2. Quy hoạch cán bộ

Bộ Chính trị khóa IX đã ra Nghị quyết chuyên đề về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý (số 42-NQ/TW, ngày 30-11-2004); các cấp ủy, tổ chức đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương đã cụ thể hóa thành nghị quyết, chương trình hành động của địa phương, đơn vị để lãnh đạo, tổ chức thực hiện, góp phần từng bước khắc phục

sự hẫng hụt, bị động trong công tác cán bộ. Quy hoạch cán bộ đã gắn với nhiệm vụ chính trị; lấy quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên, thực hiện quy hoạch “mở” và “động”; xây dựng quy hoạch cấp ủy làm cơ sở quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, thực hiện quy hoạch đồng bộ ở cả ba cấp; số lượng cán bộ được quy hoạch vào từng chức danh lãnh đạo, quản lý bình quân đạt từ 1,5 - 2 lần so với số lượng cần bầu cử, bổ nhiệm¹. Công tác quy hoạch cán bộ thời gian qua được thực hiện tương đối tốt và đang dần đi vào nền nếp.

Mặt yếu kém trong công tác quy hoạch cán bộ là thực hiện chưa đồng đều, khối địa phương thực hiện tốt hơn, nghiêm túc hơn khối bộ, ngành, cơ quan trung ương. Còn phổ biến tình trạng khép kín trong từng ngành, từng địa phương; chưa thực hiện được quy hoạch đồng bộ từ trên xuống dưới; chưa bảo đảm sự liên thông, gắn kết giữa quy hoạch của cấp dưới với quy hoạch của cấp trên, giữa trung ương với địa phương, giữa các bộ, ban, ngành, giữa cán bộ lãnh đạo Đảng, đoàn thể với cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà nước...; chưa bảo đảm được cơ cấu ba độ tuổi trong quy hoạch cán bộ. Chưa xây

1. Trên 6.500 đồng chí được quy hoạch vào cấp ủy tỉnh, trong đó: trên 1.200 đồng chí quy hoạch ủy viên ban thường vụ, trên 500 đồng chí được quy hoạch chức danh bí thư, phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy nhiệm kỳ 2010 - 2015; trên 400 đồng chí được quy hoạch chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Trên 450 đồng chí được quy hoạch chức danh thứ trưởng và tương đương; trên 100 đồng chí được quy hoạch chức danh bộ trưởng, trưởng ban và tương đương.

dựng được quy hoạch tổng thể đội ngũ cán bộ của cả hệ thống chính trị; Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa chưa xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương và các chức danh lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Việc quy hoạch cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở còn lúng túng.

Do chưa có quy định chung thống nhất, nên nhiều bộ, ngành, địa phương mới tập trung xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, chưa chú ý đúng mức đến quy hoạch cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh, cán bộ khoa học, chuyên gia, cán bộ trong các cơ quan tư pháp, cán bộ đối ngoại... Nhìn chung, chất lượng quy hoạch cán bộ chưa đồng đều; một số nơi, trình độ của cán bộ đưa vào quy hoạch không cao¹; tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân chưa đạt yêu cầu. Quy hoạch cán bộ ở một số địa phương, bộ, ngành còn chung chung, dàn trải, thiếu tính khả thi, chưa gắn với những lĩnh vực công tác, ngành nghề, độ tuổi để chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị²; chưa

1. Một số địa phương có tỷ lệ cán bộ học chuyên tu, tại chức chiếm 50 - 65%. Tỷ lệ cán bộ trẻ ít, số dưới 45 tuổi đưa vào quy hoạch lãnh đạo chủ chốt tỉnh, thành phố dưới 5%; lãnh đạo bộ, ngành dưới 15%.

2. Có địa phương, đa số cán bộ đương chức và cả cán bộ được quy hoạch đều có trình độ đại học theo cùng một nhóm ngành như: sư phạm, nông nghiệp, luật, tài chính kế toán... do có trường đại học ở đó, hoặc đã mở một số lớp đại học chuyên ngành cho cán bộ lãnh đạo của địa phương...; dẫn đến mất cân đối nghiêm trọng về cán bộ giữa các lĩnh vực, ngành nghề không đáp ứng được yêu cầu phát triển của địa phương.

gắn với công tác đào tạo, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ. Một số nơi vẫn hẫng hụt cán bộ, bị động, lúng túng về cán bộ, nhất là khi bầu cử hoặc khi cần thay thế. Do quy hoạch còn hình thức, có nơi vừa mới quy hoạch xong nhưng khi chuyển sang làm công tác nhân sự cụ thể vẫn khó khăn, lúng túng, không chọn được cán bộ. Nguyên nhân chính là do cấp ủy, người đứng đầu và cán bộ, đảng viên nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác quy hoạch cán bộ, do vậy chưa quyết tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc; còn nhầm lẫn giữa công tác quy hoạch với công tác nhân sự. Mặt khác, việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận quy hoạch của cấp trên còn thiếu đồng bộ, cụ thể.

2.3. Luân chuyển cán bộ

Bộ Chính trị khóa IX đã ra Nghị quyết số 11-NQ/TW về luân chuyển cán bộ; Bộ Chính trị khóa X đã có Kết luận về đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý¹ và cho chủ trương tăng thêm chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền đối với một số tỉnh, thành phố và một số đơn vị cấp huyện để vừa tăng cường cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, vừa để đào tạo, rèn luyện cán bộ trong thực tiễn. Căn cứ vào đó, hầu hết các cấp ủy, tổ chức đảng đã có nghị quyết, chỉ thị về công tác luân chuyển cán bộ của địa phương, đơn vị mình; đồng thời xây dựng kế hoạch và thực hiện luân chuyển, đào tạo, rèn luyện cán bộ

1. Thông báo số 127-TB/TW, ngày 2-1-2008.

theo quy hoạch¹. Việc thí điểm bố trí 6 chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở tỉnh Hà Tây không phải là người địa phương cũng như nhiều tỉnh, thành phố đã luân chuyển, bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện không phải là người địa phương cho kết quả tốt, vừa khắc phục được tình trạng cục bộ, khép kín, vừa phát huy được sự sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ².

Nhìn chung, cán bộ được luân chuyển đều có sự trưởng thành, tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, có quan điểm, phương pháp công tác toàn diện hơn, sát thực tế hơn. Việc bổ sung thêm chức danh phó bí thư phụ trách công tác

1. Trên 80% cán bộ chủ chốt hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, nhiệm kỳ 2004 - 2011 và trên 95% ủy viên thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã qua luân chuyển làm chủ chốt ở cấp dưới; trên 50% cán bộ được quy hoạch hoặc được bổ nhiệm giữ chức thứ trưởng và tương đương ở các ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương đã được luân chuyển giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý một số vụ, đơn vị trong ngành, trong đó một số đồng chí được luân chuyển làm lãnh đạo ở tỉnh, thành phố. Khóa IX, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã luân chuyển 23 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý từ Trung ương về địa phương, từ địa phương này sang địa phương khác; đồng thời đã quyết định thí điểm luân chuyển 6 chức danh cán bộ đối với tỉnh Hà Tây (cũ). Từ đầu khóa X đến nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã luân chuyển 35 cán bộ làm bí thư, phó bí thư tỉnh, thành ủy, chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Trước đây, trong giai đoạn trước đổi mới, chúng ta cũng đã thực hiện tương đối tốt và đây cũng là yêu cầu bắt buộc đối với đa số các vị trí lãnh đạo địa phương của nhiều nước trên thế giới.

xây dựng tổ chức cơ sở đảng và một số mặt công tác khác kết hợp với luân chuyển cán bộ đã đáp ứng yêu cầu củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; việc luân chuyển cán bộ từ cơ quan, đơn vị, địa phương này sang cơ quan, đơn vị, địa phương khác tuy chưa nhiều nhưng đã góp phần từng bước khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín trong từng ngành, từng địa phương.

Tuy nhiên, nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa đầy đủ; việc tổ chức thực hiện còn chậm, còn nặng nề, chưa đồng đều giữa các cấp, các ngành, số lượng cán bộ luân chuyển còn ít và chưa thành nề nếp thường xuyên, nhất là luân chuyển từ cấp dưới lên cấp trên, luân chuyển trong nội bộ cơ quan, đoàn thể, từ cơ quan này sang cơ quan khác. Có trường hợp thời gian luân chuyển quá ngắn, hoặc luân chuyển quá nhiều vị trí trong một thời gian ngắn. Một số bộ, ngành, đoàn thể chưa xây dựng xong quy hoạch và thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ. Có nơi luân chuyển cán bộ chưa dựa trên cơ sở đánh giá, quy hoạch cán bộ; còn nhầm lẫn việc luân chuyển để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch với việc điều động, bố trí cán bộ theo yêu cầu; một số trường hợp luân chuyển chưa rõ ý định, hướng bố trí sử dụng cán bộ sau luân chuyển. Một số trường hợp chưa nắm chắc năng lực, sở trường của cán bộ và điều kiện cụ thể của địa phương đã làm hạn chế hiệu quả luân chuyển. Mặt khác, vẫn thiếu chính sách tổng thể (chính sách về nhà ở, phụ cấp, chế độ đi lại, việc bố trí công tác của vợ, chồng, việc học hành của con...) để bảo đảm việc luân chuyển cán bộ. Một số nơi, một số ít cán bộ có biểu

hiện lệch lạc, lợi dụng việc luân chuyển để “dán tem” hoặc đẩy cán bộ “không ăn cánh với mình” đi nơi khác. Một số ít cán bộ luân chuyển chậm tiếp cận được với thực tiễn, mức độ đóng góp cho địa phương, đơn vị còn hạn chế, còn có biểu hiện “giữ mình”, ngại va chạm, hoặc nhận thức chưa đúng về luân chuyển và cho rằng sau luân chuyển là sẽ được bố trí, bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn, luân chuyển cốt để có đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm...

2.4. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Từ sau khi có Chiến lược cán bộ, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều quyết định, chỉ thị, kết luận nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong tình hình mới; quy định chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở trong nước và nước ngoài; quyết định thành lập trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện; kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công tác nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh...

Các cấp ủy địa phương đã tập trung chỉ đạo xây dựng trường chính trị cấp tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước và kiến thức quốc phòng - an ninh; phối hợp với các trường đại học trong và ngoài nước mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành về quản lý kinh

tế, quản lý xã hội, ngoại ngữ, tin học...; thực hiện luân chuyển cán bộ để đào tạo, rèn luyện trong thực tiễn.

Hình thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có được cải tiến và đa dạng hơn. Nội dung đào tạo từng bước được đổi mới, bước đầu đã kết hợp học lý luận với thực tập, thực tế, xử lý tình huống, nâng cao kỹ năng thực hành. Đội ngũ cán bộ làm công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm kiện toàn; cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang, thiết bị dạy học của các cơ sở đào tạo đã được đầu tư tốt hơn; chất lượng tuyển sinh đầu vào được quy định chặt chẽ hơn; đã điều chỉnh và cân đối hơn giữa đào tạo lý luận chính trị tập trung với đào tạo tại chức¹.

Tuy nhiên, việc quán triệt ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các cấp, các ngành *chưa thật sự sâu sắc*, việc tổ chức thực hiện *chưa đạt yêu cầu*. Công tác nghiên cứu, dự báo nhu cầu đào tạo cán bộ gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong cả hệ thống và đối với từng lĩnh vực, từng bộ, ngành, địa phương còn bất cập, thiếu tầm nhìn chiến lược. Hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đồng bộ, vừa công kênh, nặng nề, vừa phân tán; công tác quản lý đào tạo thiếu thống nhất, thiếu sự liên thông, gắn kết giữa hệ thống giáo dục, đào tạo chung với hệ thống

1. Đến nay, 98% cán bộ chủ chốt cấp huyện và sở, ngành cấp tỉnh có trình độ lý luận chính trị cao cấp và 96,5% có trình độ đại học, cao đẳng; 100% cán bộ được quy hoạch vào cấp ủy tỉnh có trình độ đại học, cao đẳng trở lên, trong đó 95% có trình độ lý luận cao cấp.

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nặng về đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, nhẹ về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước; ngay cả trong đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cũng thiếu cân đối, lệch giữa các lĩnh vực, ngành nghề. Hình thức, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chậm được đổi mới, *thời gian học tập còn dài, nặng về trang bị những bài học lý luận, thiếu thực tiễn, chưa chú trọng bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới, khả năng thực hành, xử lý tình huống và yếu về đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh*. Chất lượng giảng viên các trường chính trị tăng không tương xứng với việc tăng lên về số lượng, nhất là về kiến thức thực tiễn. Việc học tập, khảo sát, nghiên cứu ở nước ngoài chưa thiết thực, hiệu quả thấp, nặng về tham quan, thực hiện chính sách, gây tốn kém, lãng phí. Chưa mở rộng việc đào tạo lý luận chính trị cho các đối tượng ngoài Đảng.

Việc mở các lớp đào tạo tại chức, đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, phong học hàm, học vị tràn lan, không thực chất chậm được chấn chỉnh. Nhiều người đi học nặng về bằng cấp, nhẹ về kiến thức; học chỉ để thực hiện “chuẩn hóa cán bộ” mà không thiết thực phục vụ cho công việc đang làm, dẫn đến mâu thuẫn giữa bằng cấp với trình độ, năng lực thực tế. Có tình trạng xảy ra trong nhiều cơ quan, đơn vị là người làm được việc thì không được hoặc không có thời gian đi học, người “nhàn” thì học hết lớp này đến lớp khác, dẫn đến tình trạng người làm việc được thì ít bằng cấp, người làm việc kém hiệu quả lại có đủ các văn bằng, khi không được bố trí tương xứng với “văn bằng” thì nảy sinh tâm tư, thắc mắc.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên chủ yếu là do nhận thức lệch lạc của không ít cấp ủy, cơ quan, tổ chức và của cán bộ, đảng viên về mục đích học tập¹. Trong đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ vẫn còn tình trạng nặng về xem xét tiêu chuẩn bằng cấp, ít chú ý đến chất lượng, kết quả thực thi nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, do duy trì quá lâu cơ chế bao cấp trong công tác đào tạo, chưa chú ý đến nhu cầu, nguyện vọng của người học, nhu cầu của xã hội, đào tạo chưa gắn với sử dụng, nên trách nhiệm về sản phẩm của các cơ sở đào tạo không được chỉ rõ.

2.5. Quản lý, bố trí và sử dụng cán bộ

Việc thực hiện quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy chế bổ nhiệm cán bộ² đã được các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện tương đối nghiêm túc theo hướng công khai, minh bạch trong đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ; từng bước khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, thiếu khách quan khi xem xét, quyết định công tác cán bộ; hạn chế những sai phạm về tư tưởng, chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống và

1. Học cốt để đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu “chuẩn hóa” cán bộ, công chức theo quy định của Chính phủ, theo Quy định 54 của Bộ Chính trị về chế độ học tập trong Đảng, Nghị quyết 42 về quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý... dẫn đến việc mở lớp và học tập tràn lan.

2. Quy định số 49-QĐ/TW và số 51-QĐ/TW, ngày 5-3-1999 của Bộ Chính trị khóa IX và số 67-QĐ/TW, số 68-QĐ/TW, ngày 4-7-2007 của Bộ Chính trị khóa X.

các biểu hiện tiêu cực, quan liêu, xa rời quần chúng của đội ngũ cán bộ¹.

Tuy nhiên, việc phân cấp quản lý cán bộ vẫn còn chồng chéo, nhất là đối với các chức danh cán bộ quản lý theo ngành dọc của các bộ, ngành. Việc bố trí, sử dụng cán bộ có nơi chưa thực hiện theo quy hoạch cán bộ; một số trường hợp bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chưa đúng người, đúng việc, còn có biểu hiện cục bộ, nặng về thứ tự, thâm niên, gò ép về cơ cấu, chưa bảo đảm chất lượng. Một số cán bộ mới vào cấp ủy đã vi phạm, bị xử lý kỷ luật, trong đó có cả Ủy viên Trung ương Đảng; một số mới được đề bạt, bổ nhiệm đã bộc lộ yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; có người mắc khuyết điểm nhưng vẫn được phong danh hiệu Anh hùng, cơ cấu vào Trung ương mà cả đơn vị đề nghị và cấp xét duyệt không nắm được. Có nơi nội bộ lãnh đạo mất đoàn kết kéo dài nhưng chậm bố trí, sắp xếp lại... Phương châm bố trí cán bộ “có lên, có xuống, có vào, có ra” ít được thực hiện; vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh, nhẹ trên, nặng dưới trong xử lý cán bộ sai phạm.

Cơ chế phát hiện, tuyển chọn, đào tạo và trọng dụng người có đức, có tài chậm được nghiên cứu xây dựng và ban

1. Trên 70% cán bộ các cấp được bố trí, sử dụng đúng chuyên ngành đào tạo; 85% cán bộ được bổ nhiệm, bố trí vào các vị trí lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên hoàn thành được nhiệm vụ. Cán bộ diện Trung ương quản lý có 45% cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ; 35 - 40% cán bộ hoàn thành nhiệm vụ và khoảng 15 - 20% cán bộ chưa hoàn thành nhiệm vụ.

hành; chưa thu hút được nhiều cán bộ có chất lượng cao vào làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

Việc quản lý cán bộ chưa chắc, chưa sâu; việc kiểm tra, xác minh các thông tin liên quan đến cán bộ còn bị xem nhẹ nên có những trường hợp bổ nhiệm cán bộ chưa trúng, chưa lựa chọn được cán bộ giỏi. Việc phân công và chấp hành phân công công tác chưa nghiêm. Một số nơi chưa phân định rõ trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân trong đánh giá, bổ nhiệm cán bộ; thiếu nhất quán khi giải quyết mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu trong bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử, có khi quá phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người đứng đầu, nhưng có khi lại chủ yếu dựa vào phiếu tín nhiệm, coi phiếu tín nhiệm như phiếu bầu, thiếu chính kiến của cơ quan, tổ chức và người đứng đầu có thẩm quyền. Tình trạng nể nang, né tránh, ngại đấu tranh, phê bình, ngại nói thẳng, nói thật và xuôi chiều trong đánh giá, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vẫn khá phổ biến. Phong, thăng quân hàm trong lực lượng vũ trang ở một số trường hợp thiếu chặt chẽ, dễ dãi, chưa bảo đảm sự công bằng, tương quan chung giữa các thế hệ cán bộ.

2.6. Bảo vệ chính trị nội bộ

Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Quy định 75-QĐ/TW về một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ Đảng, và để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Bộ Chính trị khóa X đã bổ sung, sửa đổi và ban hành Quy định 57-QĐ/TW thay thế Quy định 75-QĐ/TW nhằm tiếp tục giải quyết những vấn đề về lịch sử chính trị, chú trọng xem xét, giải quyết những vấn đề chính trị hiện nay. Ban Bí thư cũng đã ban hành Quy chế 69-QĐ/TW

về việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ giữa Ban Tổ chức Trung ương với các cơ quan có liên quan. Đến nay, việc rà soát về chính trị theo quy định mới; khai thác, quản lý hồ sơ, thẩm tra, xác minh, thẩm định tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác phát triển đảng viên, công tác cán bộ... đang đi vào nề nếp.

Tuy nhiên, một số cấp ủy, thủ trưởng đơn vị chưa nhận thức đúng, thiếu quan tâm đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ; có biểu hiện chủ quan, không chấp hành đúng các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ; còn để xảy ra một số trường hợp oan sai khi xem xét, kết luận; trong thực hiện vẫn nặng về lịch sử chính trị, lúng túng, bị động trong việc nắm bắt tình hình, xem xét, đánh giá và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay. Công tác bảo vệ bí mật, nắm diễn biến tư tưởng còn nhiều hạn chế. Việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ chưa tốt; chưa có sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc quản lý cán bộ, công chức đi học tập, công tác ở nước ngoài. Tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ còn mỏng, chậm được củng cố, chất lượng tham mưu còn hạn chế.

2.7. Về chính sách cán bộ

Sau khi có Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ, Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (khóa VIII) đã ra Nghị quyết “Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước”; Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX) và Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) đã có các kết luận về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có

công. Bộ Chính trị khóa IX, khóa X, Quốc hội và Chính phủ khóa XI, XII đã ban hành luật, pháp lệnh, chỉ thị, nghị định, quy định về chế độ chính sách cán bộ, chính sách tiền lương, chính sách ưu đãi đối với người có công... đã có tác động tích cực đối với đội ngũ cán bộ và toàn xã hội. Các cấp ủy, tổ chức đảng đã căn cứ vào tình hình của từng địa phương, đơn vị để ban hành chính sách cụ thể đối với từng đối tượng cán bộ... Nhìn chung, công tác chính sách cán bộ trong những năm qua đã được triển khai tương đối đồng bộ, có một số đổi mới về nội dung, phương pháp, cách làm, góp phần khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ phấn đấu, đóng góp sức lực vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy vậy, chính sách cán bộ đến nay vẫn chưa theo kịp yêu cầu xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới; còn bất cập, chưa đồng bộ, thống nhất giữa các cấp, các ngành, các đối tượng cán bộ; chưa gắn chặt với các khâu khác trong công tác cán bộ; chưa góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong công tác cán bộ. Chế độ, chính sách không khuyến khích được người tài, người năng động, sáng tạo, người làm việc có chất lượng, hiệu quả; còn bình quân chủ nghĩa, cào bằng, thậm chí nâng đỡ người yếu kém, làm nản lòng cán bộ... *Sau 10 năm (1998 - 2008), biên chế cán bộ không tinh giản được như chiến lược đã đề ra mà còn tăng cao: biên chế khu vực hành chính nhà nước và Đảng, đoàn thể tăng 22,3%; khối xã, phường, thị trấn tăng 196% (hơn 63,2 vạn người). Chính sách tiền lương tuy có cải tiến nhưng vẫn lạc hậu, chưa đủ bù đắp giá trị sức lao động của cán bộ, công chức, chưa bảo đảm cho cán bộ có đời sống ổn định, chuyên tâm vào công việc; chưa tiền tệ hóa được tiền lương*

và các chế độ theo lương; thang bậc lương không có tác dụng khuyến khích sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, công chức. Chế độ nhà ở, nhà công vụ tuy đã được nghiên cứu xây dựng nhưng chậm ban hành. Khoảng cách thu nhập giữa các đối tượng cán bộ cũng rất khác nhau, chênh lệch khá lớn là một trong những nguyên nhân dẫn đến “chảy máu chất xám” hiện nay. Việc bổ nhiệm, thi nâng ngạch, nâng bậc chuyên viên lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp nặng về thực hiện chính sách theo thời gian công tác, chưa phản ánh đúng chất lượng cán bộ và yêu cầu công việc. Công tác thi đua, khen thưởng chậm đổi mới, còn mang nặng “bệnh thành tích”; khen thưởng tràn lan, không thực chất, ít có tác dụng, thậm chí có trường hợp gây phản tác dụng; chưa trở thành động lực khuyến khích sự phấn đấu vươn lên của đội ngũ cán bộ. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách cán bộ chưa được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

3. Về tổ chức bộ máy làm công tác cán bộ

Từ sau khi có Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) đến nay, việc kiện toàn bộ máy tham mưu, giúp việc về công tác tổ chức và cán bộ được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tổ chức các cấp; quy chế, quy định về tổ chức và hoạt động; quy chế phối hợp về công tác cán bộ có đổi mới, hiệu quả hơn, thực chất hơn. Việc tiếp tục phân cấp quản lý cán bộ đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác cán bộ. Thẩm quyền, trách nhiệm của ban cán sự đảng, đảng đoàn trong công tác cán bộ được tăng cường. Đội ngũ làm công tác cán bộ đã có bước trưởng thành.

Tuy nhiên, việc đổi mới, chỉnh đốn tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác tổ chức, cán bộ vẫn chưa theo kịp yêu cầu đổi mới công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Tổ chức, bộ máy làm công tác tổ chức và cán bộ tuy đã có bước đổi mới nhưng chưa thực sự mạnh và đồng bộ. Việc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ ở các ban tham mưu của Đảng ở Trung ương nói chung và đội ngũ trực tiếp làm công tác tổ chức, cán bộ nói riêng chưa được chú trọng đúng mức. Công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và chất lượng nghiên cứu, tham mưu của đội ngũ làm công tác tổ chức, cán bộ còn hạn chế. Một bộ phận làm công tác cán bộ chậm đổi mới tư duy, chậm nắm bắt thực tiễn, thiếu năng động, sáng tạo trong công việc; nắm, hiểu biết về cán bộ không kỹ... Công tác cán bộ còn phân tán, không rõ trách nhiệm.

4. Nguyên nhân của ưu điểm, khuyết điểm và một số kinh nghiệm

4.1. Nguyên nhân của những ưu điểm

- Những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp lớn của công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ đề ra trong Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) là đúng đắn và kịp thời, phù hợp với yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm qua, phù hợp với nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy, tổ chức đảng đã ban hành nhiều chủ trương, biện

pháp, kế hoạch để thực hiện; nhất là việc ban hành một số nghị quyết chuyên đề, quy chế, quy định về công tác cán bộ đã tạo sự chuyển động tích cực, tiến bộ trong công tác cán bộ cũng như xây dựng đội ngũ cán bộ.

- Quá trình thực hiện chiến lược cán bộ được tiến hành đồng thời với quá trình đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng và các cơ quan nhà nước ở các cấp, đã tạo ra sự chuyển biến đồng bộ cả về tổ chức và cán bộ.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng và đông đảo cán bộ, đảng viên đã có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của chiến lược cán bộ và tính cấp thiết của việc xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới.

4.2. Nguyên nhân của những khuyết điểm, yếu kém

- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chậm đổi mới; vẫn còn tình trạng vừa bao biện làm thay, vừa buông lỏng, chồng chéo, sự vụ; vừa không rõ trách nhiệm của các cấp ủy, vừa làm hạn chế vai trò, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân người đứng đầu... tạo ra tình trạng thụ động, chờ đợi, lúng túng của không ít cơ quan, đơn vị trong quản lý, điều hành các hoạt động. Tình hình đó tác động đến toàn bộ công tác cán bộ và yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa dành nhiều công sức, chưa kiên trì, quyết liệt chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo các cấp quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết cũng như việc triển khai chiến lược cán bộ trong toàn

Đảng; chưa chủ động quy hoạch đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Mặt khác, một số tồn tại đã được nhìn thấy nhưng thiếu những giải pháp mạnh, có tính đột phá để khắc phục; chỉ đạo thiếu kiên quyết, thiếu dứt điểm, ít triển khai làm thí điểm để tổng kết. Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm; các cấp ủy, tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở chưa bám sát nội dung, yêu cầu của Nghị quyết; chỉ đạo chưa tập trung, toàn diện, chưa lấy kết quả thực hiện Nghị quyết để đánh giá công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của cấp mình và cấp dưới. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban tham mưu của Trung ương chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và nghiêm khắc phê bình, uốn nắn những nơi triển khai chậm, chất lượng chưa đạt yêu cầu.

- Việc triển khai quán triệt Nghị quyết ở một số địa phương, đơn vị chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu, dẫn đến kết quả thực hiện có mức độ khác nhau. Chậm và thiếu đồng bộ trong việc ban hành các quy định, quy chế để cụ thể hóa Nghị quyết.

- Chưa gắn chặt việc thực hiện chiến lược cán bộ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, với yêu cầu, nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Chậm đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan của hệ thống chính trị. Các mối quan hệ giữa dân chủ với tập trung, kỷ cương, kỷ luật; giữa thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu với chế độ tập thể chưa rõ ràng. Những thiếu sót trong giải quyết mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, giữa

số lượng và chất lượng; giữa bằng cấp với trình độ, năng lực thực tế; giữa thuyên chuyển cán bộ với ổn định chuyên sâu; giữa bố trí, sử dụng với thực hiện chính sách, giữa cán bộ đương chức với cán bộ nghỉ hưu... chưa được nghiên cứu, xử lý kịp thời, phù hợp.

- Công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về công tác tổ chức, cán bộ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế; về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực quan trọng này chưa tốt, hiệu quả thấp, chưa góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cán bộ. Việc chỉnh đốn và xây dựng hệ thống cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ chưa thường xuyên, quyết liệt và chưa sâu. Hệ thống tổ chức, bộ máy làm công tác tổ chức cán bộ cả ở trung ương và địa phương chậm được củng cố cả về số lượng và chất lượng.

Những khuyết điểm, yếu kém trong thực hiện chiến lược cán bộ 10 năm qua có trách nhiệm và nguyên nhân từ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4.3. Một số kinh nghiệm

Một là, phải có tầm nhìn chiến lược trong xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy và nhận thức, bảo đảm quán triệt, vận dụng đúng đắn, sáng tạo, linh hoạt các quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu đã được xác định trong chiến lược cán bộ; khắc phục nhận thức giản đơn, giáo điều, chủ quan duy ý chí về cán bộ và

công tác cán bộ. Phải thường xuyên quán triệt quan điểm coi cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; Đảng phải kiên trì lãnh đạo và thường xuyên chăm lo nâng cao chất lượng sự nghiệp giáo dục và đào tạo (cả giáo dục quốc dân và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức) để chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, công tác cán bộ phải kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phục vụ mục tiêu nâng cao vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; đổi mới công tác vận động quần chúng, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân; đáp ứng yêu cầu, mục tiêu phát triển đất nước trong từng giai đoạn.

Ba là, kiên trì việc thực hiện chiến lược cán bộ; giữ vững nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

Bốn là, đổi mới công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ phải được tiến hành thường xuyên liên tục, thực hiện đồng bộ trong toàn bộ hệ thống chính trị; bảo đảm công tác cán bộ vừa có tầm nhìn xa, vừa có chương trình, kế hoạch, lộ trình cụ thể, thích hợp và chọn khâu đột phá để tập trung giải quyết. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải bám sát nội dung, nhiệm vụ của chiến lược cán bộ để chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện; chủ động tổ chức sơ kết, tổng kết

rút kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị giải quyết những vấn đề vướng mắc.

Năm là, chiến lược cán bộ phải được cụ thể hóa, thể chế hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, quy chế, quy trình, chế độ, chính sách; tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thực hiện đồng bộ các khâu của công tác cán bộ. Có cơ chế cụ thể để cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực tham gia vào công tác cán bộ và giám sát cán bộ.

Phần thứ hai

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÁN BỘ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020

Trong những năm tới, *tình hình quốc tế* sẽ có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường¹. Sau hơn 20 năm đổi mới, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc bước vào thời kỳ phát triển mới với nhiều thuận lợi và cơ hội nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức; nhất là cuộc khủng hoảng kinh tế đang diễn ra nghiêm trọng và lan rộng trên phạm vi toàn thế giới, đang tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của nước ta. Cùng với quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

1. Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ đã phân tích kỹ về bối cảnh quốc tế và trong nước trong những năm sắp tới. Báo cáo này chỉ nhấn mạnh những khía cạnh của bối cảnh chung tác động nhiều đến cán bộ và công tác cán bộ.

sâu hơn, sự tác động của toàn cầu hóa đối với đất nước ta nói chung, đối với đội ngũ cán bộ nói riêng sẽ mạnh mẽ, đa dạng và phức tạp hơn, nhất là trong các lĩnh vực tài chính - tiền tệ, năng lượng, văn hóa - thông tin, môi trường, khí hậu, lương thực, vệ sinh an toàn thực phẩm, chuyển dịch lao động, dịch bệnh, tội phạm. Sự phát triển của kinh tế tri thức trên nền tảng bùng nổ về khoa học - công nghệ; sự cạnh tranh giữa các nước nhằm tìm kiếm thị trường, nguyên liệu, năng lượng; thu hút đầu tư, nguồn lực trí tuệ và nhân lực... đặt ra những thử thách cho mọi quốc gia, dân tộc, nhất là đối với các nước chậm phát triển. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá ta quyết liệt, lôi kéo, mua chuộc làm biến chất cán bộ bằng những biện pháp thâm hiểm, tinh vi hơn.

Ở trong nước, yêu cầu cao hơn của nhân dân về phát huy dân chủ, về đổi mới và phát triển, về giải quyết thỏa đáng những vấn đề phát sinh trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa; nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế và tri thức đang và sẽ đặt ra cho đội ngũ cán bộ (lớp cán bộ trưởng thành sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước) và cho Đảng ta - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc - những thách thức và nhiệm vụ mới.

Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta phải tiếp tục thực hiện chiến lược cán bộ với quyết tâm và yêu cầu mới cao hơn, đạt kết quả tốt hơn trên cơ sở bổ sung, hoàn thiện các quan điểm, xác định rõ hơn các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp.

I- QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

1. Quan điểm

Cần quán triệt sâu sắc các quan điểm sau đây về xây dựng đội ngũ cán bộ¹:

Một là, cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Phải thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đổi mới công tác cán bộ gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Hai là, phải xuất phát từ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, từ yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ba là, quán triệt quan điểm giai cấp công nhân của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, truyền thống yêu nước, đại đoàn kết và gắn bó mật thiết với nhân dân; tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng nhân tài, không phân biệt đảng viên hay người ngoài Đảng, dân tộc, tôn giáo, người ở trong nước hay người Việt Nam định cư ở nước ngoài; không định kiến với những người có sai lầm trong quá khứ, nay đã sửa chữa và có tâm huyết xây dựng đất nước.

1. Quan điểm thứ nhất và những đoạn in nghiêng trong các quan điểm là những ý được bổ sung so với Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII).

Bốn là, gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức và đổi mới cơ chế, chính sách, với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Năm là, thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân, nâng cao trình độ dân trí, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để tuyển chọn, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ. Phải dựa vào nhân dân để phát hiện, kiểm tra và giám sát cán bộ.

Sáu là, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị.

2. Mục tiêu

Trên cơ sở tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chiến lược cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) với những bổ sung, phát triển mới, *xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất và năng lực tốt, có cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.* Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, những tài năng và chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ.

3. Về tiêu chuẩn cán bộ

- Khẩn trương cụ thể hóa tiêu chuẩn cán bộ trong thời kỳ mới để từ đó có chế độ, chính sách thích hợp, tạo môi trường phát triển cho từng đối tượng cán bộ; ngoài tiêu chuẩn đã được xác định trong chiến lược cán bộ, cần bổ sung, cụ thể hóa tiêu chuẩn đối với từng đối tượng, từng chức danh cán bộ trong từng loại hình cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Về tiêu chuẩn chung, ngoài yêu cầu “Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao” đã được xác định trong chiến lược cán bộ, cần bổ sung tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ, luật pháp, tin học; khả năng tiếp cận, nắm bắt và xử lý những vấn đề mới; về khả năng đoàn kết, quy tụ, hội nhập; phong cách làm việc khoa học, dân chủ, sâu sát, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm... phù hợp với cán bộ ở từng cấp, từng ngành, từng lĩnh vực.

- Đối với cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân, cần cụ thể hóa tiêu chuẩn đối với cán bộ cấp chiến lược; cán bộ chủ chốt của các bộ, ngành, địa phương, đơn vị; cán bộ cấp vụ, cấp huyện và cán bộ cấp cơ sở...

Phải cụ thể hóa tiêu chuẩn phù hợp với cán bộ trong các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; cán bộ tham mưu; cán bộ ngoại giao, đối ngoại; cán bộ làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ...

- Đối với cán bộ lãnh đạo trong lực lượng vũ trang, phải cụ thể hóa tiêu chuẩn đối với cán bộ cấp chiến lược, chiến

dịch; cán bộ chính trị, cán bộ tham mưu; cán bộ chỉ huy chiến đấu; cán bộ theo dõi địa bàn; cán bộ làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ...

- Đối với cán bộ khoa học, chuyên gia, phải xác định cụ thể hơn tiêu chuẩn của cán bộ khoa học, chuyên gia đầu ngành; tiêu chuẩn cán bộ khoa học, chuyên gia làm việc trong các trung tâm, viện nghiên cứu quốc gia, cán bộ làm việc trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp và trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể.

- Tiêu chuẩn cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh cũng cần được cụ thể hóa phù hợp với đối tượng cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nước ngoài, doanh nghiệp dân doanh để tạo sự liên thông trong đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực trong lĩnh vực này phục vụ cho sự phát triển chung của đất nước.

II- MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP LỚN CỦA CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020

1. Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức

Phải làm cho mọi cán bộ, đảng viên nhận biết rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện chiến lược cán bộ trong thời kỳ mới; quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp lớn của Đảng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ và đổi mới công tác cán bộ đáp ứng được yêu cầu thời kỳ đầy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế.

2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ

Tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức thành viên khác trong hệ thống chính trị; sự lãnh đạo và lễ lối làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương; từ đó hoàn thiện các quy chế, quy định về sự lãnh đạo của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy đối với các cơ quan tương ứng của hệ thống chính trị. Bổ sung, hoàn thiện quy định về sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; tiếp tục nghiên cứu cải tiến quy trình công tác nhân sự của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục có kết quả những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ. Cải thiện môi trường làm việc để tạo động lực cống hiến, phấn đấu vươn lên của cán bộ

Khắc phục có kết quả những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ. Nâng cao chất lượng công tác đánh giá, quản lý cán bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cán

bộ. Hoàn thiện cơ chế, chính sách cán bộ; các văn bản pháp quy về cán bộ theo hướng mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong công tác cán bộ. Tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ; hoàn thiện chế độ bầu cử; cơ chế tuyển chọn cán bộ, công chức; cơ chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm và từ chức của cán bộ; cải tiến cách thức lấy phiếu tín nhiệm; cơ chế sàng lọc, thay thế những người kém phẩm chất và năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ; cơ chế đảng viên và nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ. Mở rộng quyền đề cử, tự ứng cử và giới thiệu nhiều phương án nhân sự để lựa chọn.

- Về đánh giá cán bộ, phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, trung thực, toàn diện và công tâm; lấy chất lượng, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chính để đánh giá cán bộ. Coi trọng và phát huy trách nhiệm đánh giá của thủ trưởng, người đứng đầu, người trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ có thẩm quyền theo tiêu chuẩn chức danh và tiêu chí đánh giá cụ thể đối với từng loại cán bộ. Sớm sửa đổi, bổ sung Quy chế đánh giá cán bộ; xây dựng mới tiêu chuẩn chức danh cán bộ và tiêu chí đánh giá cán bộ.

- Về cơ chế, chính sách, xây dựng cơ chế, chính sách phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng người có đức, có tài và cơ chế tiến cử cán bộ; tạo bước chuyển căn bản trong việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài và đội ngũ cán bộ khoa học, chuyên gia giỏi; xây dựng *Chiến lược quốc gia về nhân tài*; coi đó là giải pháp rất quan trọng trong thực hiện

chiến lược cán bộ. Thực hiện tinh giản 15 - 20% biên chế cùng với việc mở rộng thực hiện cơ chế khoán chi phí hành chính, khoán quỹ lương để tiết kiệm và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức; ban hành chính sách về nhà ở, nhà công vụ đối với cán bộ, công chức.

- Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, tiền tệ hóa tiền lương và các chế độ theo lương, bảo đảm sự hợp lý, công bằng giữa các lĩnh vực, địa bàn, đối tượng cán bộ; phấn đấu để tiền lương là nguồn thu nhập cơ bản, bảo đảm cho cán bộ có đời sống ổn định, chuyên tâm vào công việc; tạo động lực, kích thích sự phấn đấu vươn lên và góp phần thu hút người có đức, có tài vào bộ máy lãnh đạo, quản lý các cấp.

- Cải cách hệ thống chính sách, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong thực hiện chính sách cán bộ giữa các cấp, các ngành, các địa phương, các đối tượng cán bộ; gắn chính sách cán bộ trong từng khâu của công tác cán bộ, gắn trách nhiệm, nghĩa vụ với quyền lợi; khuyến khích cán bộ công tác ở địa bàn khó khăn, ở cơ sở; tôn vinh những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục thực hiện chính sách nghỉ công tác, nghỉ hưu trước tuổi để sắp xếp, bố trí cán bộ sau các kỳ đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm đổi mới cán bộ, khắc phục sự trì trệ, bảo thủ của một bộ phận cán bộ.

- Cải cách công tác thi đua, khen thưởng để tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước một cách thực chất, khắc phục “bệnh thành tích”, hình thức, lãng phí. Tạo dựng phong trào thi đua xây dựng *môi trường làm việc tốt* trong từng cơ quan, đơn vị với điều kiện tốt về cơ sở vật chất, về tinh thần, về nền nếp làm việc và quan hệ tốt giữa các thành

viên để phát huy tốt nhất khả năng cống hiến và phát triển của cán bộ.

- *Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ*, bảo đảm sự chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài; lấy nhiệm vụ chính trị, kết quả hoàn thành nhiệm vụ và triển vọng, khả năng phát triển của cán bộ làm căn cứ để xây dựng quy hoạch cán bộ; thực hiện kế hoạch đào tạo, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ theo quy hoạch. Thực hiện việc xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở trung ương; gắn quy hoạch cán bộ của Trung ương với quy hoạch của các ban, bộ, ngành, địa phương. Kết hợp xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý với quy hoạch cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh, cán bộ lãnh đạo trong lực lượng vũ trang, cán bộ nghiên cứu khoa học, đội ngũ chuyên gia đầu ngành; bảo đảm sự đồng bộ, liên thông, gắn kết giữa quy hoạch của cấp trên với cấp dưới, giữa trung ương với địa phương, giữa các địa phương, bộ, ban, ngành với nhau, giữa cán bộ đảng, đoàn thể với cán bộ nhà nước. Trong bố trí, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, cần kết hợp giữa cán bộ đã được quy hoạch với cán bộ được lựa chọn thông qua thi tuyển. Mở rộng hình thức thí điểm thi tuyển cán bộ vào các chức danh lãnh đạo cấp phòng, cấp vụ ở các tỉnh, thành phố, các bộ, ngành ở trung ương.

Mở rộng dân chủ, đổi mới quy trình giới thiệu nguồn cán bộ đưa vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là đối với cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số để bảo đảm yêu cầu về cơ cấu hợp lý trong quy hoạch cán bộ lãnh đạo,

quản lý các cấp, các ngành. Cấp trên chỉ xác nhận quy hoạch đối với cấp dưới khi bảo đảm cơ cấu hợp lý ba độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định.

- *Tiếp tục thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ*, đưa công tác này trở thành nền nếp thường xuyên trong công tác cán bộ. Kết hợp việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý từ trung ương về địa phương, từ địa phương lên trung ương với luân chuyển từ địa phương này sang địa phương khác, từ công tác Đảng, đoàn thể sang công tác ở các cơ quan nhà nước và ngược lại. Xây dựng cơ chế và thực hiện theo lộ trình chủ trương bố trí bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân, chánh án tòa án nhân dân, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ lãnh đạo các ngành công an, tài chính, thuế, hải quan... không phải là người địa phương. Từ nay đến hết nhiệm kỳ khóa X và trong nhiệm kỳ khóa XI cơ bản bố trí bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện và trên 50% bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố không phải là người địa phương. *Kết hợp thực hiện cơ chế thực tập, tập sự lãnh đạo, quản lý với luân chuyển cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.*

4. Tạo chuyển biến sâu sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng nâng cao chất lượng, bảo đảm sự đồng bộ, kế thừa và phát triển

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch, theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ, *coi đây là giải pháp quan trọng hàng đầu trong thực hiện chiến lược cán bộ trong giai đoạn mới.* Củng cố, nâng cao

chất lượng về mọi mặt của các học viện, trường, trung tâm chính trị, hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên các trường đại học trong cả nước và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị. Phân định rõ giữa đào tạo với bồi dưỡng kiến thức; giữa đào tạo đạt chuẩn và đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân tài để từ đó xác định nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp. Huy động mọi nguồn lực và tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho việc đào tạo và đào tạo lại cán bộ cả trong và ngoài nước, trong và ngoài Đảng, trong và ngoài khu vực nhà nước. Mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế - tài chính, quy hoạch phát triển, quản lý hành chính, quản lý và phát triển đô thị, quản trị doanh nghiệp; luật pháp quốc tế, ngoại ngữ... trước hết là đối với cán bộ, công chức ở các cơ quan trung ương, các thành phố và các trung tâm tỉnh lỵ. Nghiên cứu xây dựng *chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế.*

- Căn cứ vào Cương lĩnh, chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2010 - 2020 để dự báo, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và có biện pháp cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu *tăng cường chất lượng* (cả về phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả công tác); *ting giản biên chế hành chính*, giảm tối đa biên chế phục vụ (chuyển sang hợp đồng lao động). Bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các thành phần cán bộ, tăng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, con gia đình có công với cách mạng; giữa các độ tuổi, giữa các lĩnh vực công tác (cán bộ cơ

quan Đảng, cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp), đoàn thể, lực lượng vũ trang, cán bộ quản lý doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế, cán bộ khoa học, chuyên gia; cán bộ ngoại giao và đối ngoại...). Khắc phục tình trạng vừa thừa vừa thiếu cán bộ trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị.

- Cơ cấu hợp lý các chức danh lãnh đạo, quản lý, các ngạch bậc công chức; phân định rõ hơn các loại cán bộ, công chức, viên chức để định rõ yêu cầu về tiêu chuẩn, nhiệm vụ thường xuyên và có chính sách phù hợp, bảo đảm các ngạch, bậc phù hợp với trách nhiệm công việc; không để tình trạng cán bộ lãnh đạo nhiều hơn người thừa hành, không bố trí được công việc này lại đưa sang công việc khác để vẫn giữ “ghế lãnh đạo” gây khó khăn cho công việc, gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Có cơ chế bảo đảm việc từ chức của cán bộ, thực hiện “có lên, có xuống, có vào, có ra” thành việc bình thường trong bố trí, sử dụng cán bộ.

5. Tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Công tác giáo dục và quản lý cán bộ phải gắn liền với công tác kiểm tra, giám sát cán bộ về chất lượng, hiệu quả công việc, về tư tưởng, lập trường, mối quan hệ xã hội của bản thân và gia đình cán bộ. Hoàn chỉnh các quy định về quyền hạn, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu các cấp trong giáo dục, quản lý cán bộ; gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đổi mới công tác cán bộ với thực hiện tốt Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, với phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, tiêu cực.

Tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy cấp trên đối với cấp dưới trong việc giáo dục, quản lý đảng viên và thực hiện công tác cán bộ; kịp thời kiểm tra, kết luận các vụ việc có liên quan đến cán bộ, về cán bộ có vấn đề lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay để đánh giá và sử dụng đúng cán bộ; kỷ luật, xử lý nghiêm những tập thể và cá nhân có sai phạm trong quản lý, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ.

6. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng bộ máy và con người làm công tác tổ chức, cán bộ

Xây dựng chương trình, kế hoạch và lộ trình thực hiện việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về khoa học tổ chức và cán bộ phù hợp với đặc điểm của nước ta trong tình hình mới; kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy và con người làm công tác tổ chức cán bộ. Xây dựng Học viện Xây dựng Đảng thành một trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo có chất lượng cao về xây dựng Đảng, trong đó có khoa học về tổ chức và cán bộ.

Các cấp ủy, tổ chức đảng thường xuyên lãnh đạo, chăm lo kiện toàn bộ máy và đội ngũ cán bộ làm tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ; tăng cường giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức làm công tác tổ chức, cán bộ; chống quan liêu, thiếu trung thực, khách quan và các biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ.

III- NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC CÁN BỘ TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI XI CỦA ĐẢNG

1. Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ; thực hiện việc xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương và đội ngũ

cán bộ cấp chiến lược. Bổ sung, sửa đổi Quy chế bầu cử trong Đảng. Chuẩn bị tốt công tác nhân sự phục vụ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; phấn đấu đổi mới từ 30 - 40% số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể các cấp, cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang.

2. Hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách sau: Quy chế đánh giá cán bộ (sửa đổi, bổ sung thay thế Quy định 50-QĐ/TW, ngày 3-5-1999); quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ; trách nhiệm và xử lý trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ, để cơ quan, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, mất đoàn kết; quy chế miễn nhiệm và từ chức của cán bộ; đổi mới việc lấy phiếu tín nhiệm cán bộ; chính sách xử lý, sử dụng và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị; chính sách nhà ở cho cán bộ, công chức.

3. Xây dựng và thực hiện một số đề án thí điểm

- Thí điểm thực hiện chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở trực tiếp bầu ban thường vụ và bí thư, phó bí thư.

- Thí điểm hợp nhất một số tổ chức: để một cơ quan làm công tác thanh tra và kiểm tra, một cơ quan tham mưu về công tác cán bộ cho cấp ủy và chính quyền ở cấp tỉnh và cấp huyện.

- Thí điểm thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở một số tỉnh, thành phố và huyện, quận, thị xã cùng với việc tiếp tục thực hiện mô hình bí thư đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp xã và cấp không tổ chức hội đồng nhân dân.

- Thí điểm thực hiện thi tuyển cán bộ cấp vụ và cấp phòng; thực hiện chế độ thực tập và tập sự lãnh đạo.

4. Nghiên cứu xây dựng

- Chiến lược quốc gia về nhân tài và Chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Cơ chế đảng viên và nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ; cải cách, đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

- Đề án tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với việc mở rộng thực hiện chủ trương khoán chi phí hành chính, khoán quỹ lương trong các cơ quan hành chính; thực hiện một cơ quan thống nhất quản lý về biên chế.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ và xây dựng tổ chức có quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại với nhau; công tác cán bộ gắn liền với công tác tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, đề nghị Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục quan tâm lãnh đạo việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ; làm rõ hơn mối quan hệ giữa các loại hình tổ chức và cán bộ trong điều kiện Đảng ta là đảng duy nhất cầm quyền, thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và ngày càng hội nhập quốc tế sâu hơn. Xây dựng quy chế, quy định, quy trình thực hiện việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng

đối với cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Cho thí điểm thực hiện một số chủ trương, đề án như nêu ở *Phần thứ hai*, mục III.3. Đổi mới mạnh mẽ tổ chức và cán bộ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

2. Ban Chấp hành Trung ương ban hành *Kết luận về việc đẩy mạnh thực hiện chiến lược cán bộ đến năm 2020* trên cơ sở bổ sung, phát triển các quan điểm, mục tiêu của chiến lược cán bộ; khắc phục có kết quả những mặt hạn chế, yếu kém; bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, quy trình, cơ chế, chính sách và xác định rõ lộ trình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn tới.

3. Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị tổ chức nghiên cứu, soạn thảo Chiến lược quốc gia về nhân tài và Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để trình Ban Chấp hành Trung ương hoặc Đại hội XI lãnh đạo việc thực hiện, coi đây là giải pháp quan trọng mang tính đòn bẩy, tạo ra bước chuyển căn bản trong việc thực hiện chiến lược cán bộ. Tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa vai trò, quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ. Hoàn thiện cơ chế bầu cử, lấy phiếu tín nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, thay thế cán bộ yếu kém về phẩm chất và năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ. Cải cách, hoàn thiện hệ thống chính sách cán bộ, nhất là chính sách tiền lương, nhà ở.

4. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành Luật Cán bộ, công chức; thể chế hóa về mặt nhà nước các quy định, quy chế về công tác cán bộ, công

chức (tuyển dụng, thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, thi tuyển công chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; việc sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, cơ cấu lại hệ thống ngạch, bậc lương; chế độ, chính sách về tiền lương, nhà ở, thu hút, đãi ngộ cán bộ; chế độ nhà công vụ, nghỉ công tác, nghỉ hưu...). Nghiên cứu chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ học sinh, sinh viên xuất sắc, các nhà khoa học trẻ tuổi để bổ sung cán bộ cho các lĩnh vực công tác.

5. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tổ chức, cán bộ các cấp, trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện chiến lược cán bộ và quán triệt, triển khai Kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ chín mà bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình, tập trung chỉ đạo tạo chuyển biến mới trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, tích cực chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2010 - 2015.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*
Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Nxb. Chính trị quốc gia,
 Hà Nội, 2009, tr.194-257.

BÁO CÁO

GIẢI TRÌNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 171/TLHN, ngày 13 tháng 1 năm 2009

Tiếp thu ý kiến Trung ương về Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Trong các ngày 7, 8, 9 tháng 1 năm 2009, có trên 80 ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương thảo luận Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đa số ý kiến đồng tình với nội dung của Báo cáo tổng kết và Tờ trình của Bộ Chính trị, cho rằng Báo cáo được chuẩn bị công phu, cơ bản sát với thực tiễn; đã thẳng thắn và mạnh dạn chỉ ra những khuyết điểm, yếu kém của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, thể hiện tinh thần nghiêm túc tự phê bình và phê bình; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp mới về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ khá toàn diện để đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong tình hình mới. Trung ương cũng nhất trí ban hành Kết luận về tiếp tục đẩy mạnh

thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020 trên cơ sở bổ sung, hoàn thiện các quan điểm, xác định rõ hơn các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho phù hợp với thời kỳ mới. Nhiều ý kiến phát biểu sâu sắc, tâm huyết, phân tích làm nổi bật hơn những ưu điểm, những tồn tại, yếu kém cũng như những giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới. Một số ý kiến đề nghị giải trình rõ hơn về một số nội dung, chủ trương nêu trong Báo cáo.

Bộ Chính trị xin tiếp thu những ý kiến hợp lý của Trung ương để hoàn thiện Báo cáo cũng như Kết luận về tiếp tục thực hiện chiến lược cán bộ. Sau đây, Bộ Chính trị xin trình bày thêm một số vấn đề.

I- VỀ ĐÁNH GIÁ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

Có ý kiến đề nghị làm rõ “tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, thoái hóa, biến chất, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm, thiếu tự giác rèn luyện, phấn đấu, thiếu tình đồng chí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ diễn ra nghiêm trọng, kéo dài; hiện tượng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy bằng cấp”...” không giảm xảy ra ở cấp nào? Lĩnh vực nào? Bộ Chính trị thấy rằng, tình trạng nêu trên xảy ra ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với mức độ khác nhau. Tinh thần của nhận định này cũng đã được nêu trong Văn kiện Đại hội X của Đảng, trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới. Vừa qua, tổng hợp báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược cán bộ của các cấp, các ngành, các cấp ủy, tổ

chức đảng cũng đã nghiêm túc kiểm điểm về những yếu kém này. Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ tập trung chỉ đạo và yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở liên hệ để kiểm điểm và đề ra các biện pháp khắc phục.

II- VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

- Về đánh giá cán bộ, một số ý kiến phân tích làm rõ thêm những nguyên nhân dẫn đến việc đánh giá cán bộ vừa qua còn khó khăn, lúng túng; nhấn mạnh nguyên nhân do thiếu những quy định cụ thể về tiêu chuẩn của từng chức danh cán bộ và tiêu chí đánh giá đối với từng đối tượng cán bộ. Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin tiếp thu để chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn các chức danh cán bộ và tiêu chí đánh giá đối với từng đối tượng cán bộ. Bộ Chính trị đã chỉ đạo xây dựng mới Quy chế đánh giá cán bộ thay thế quy chế cũ và sẽ lấy ý kiến của các cấp ủy, tổ chức đảng trước khi ban hành trong nửa đầu năm 2009.

- Về quy hoạch cán bộ, nhiều ý kiến phân tích, nhấn mạnh những mặt còn yếu, những khó khăn, vướng mắc trong công tác quy hoạch cán bộ, nhất là quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân và việc chưa có quy hoạch tổng thể đội ngũ cán bộ của cả hệ thống chính trị, trong đó có quy hoạch cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược. Tiếp thu những ý kiến này, Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị từ năm 2009 đến Đại hội XI của Đảng chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng khắc phục những mặt yếu, rà soát, bổ sung quy

hoạch cán bộ phục vụ cho công tác nhân sự đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XI của Đảng theo tinh thần Nghị quyết 42-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về công tác quy hoạch cán bộ; đồng thời tiến hành xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

- Về luân chuyển cán bộ, một số ý kiến đề nghị cần đánh giá rõ hơn hiệu quả của công tác này thời gian qua, kể cả việc thí điểm bố trí 6 chức danh lãnh đạo chủ chốt không phải là người địa phương ở tỉnh Hà Tây (cũ).

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin báo cáo như sau: Luân chuyển cán bộ là một chủ trương rất quan trọng trong công tác cán bộ nhằm 3 mục tiêu như Nghị quyết 11-NQ/TW, ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) đã chỉ rõ, đó là:

+ Tạo điều kiện để rèn luyện, bồi dưỡng, thử thách cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, có triển vọng, giúp cán bộ trưởng thành *nhANH HƠN và toàn diện, vững vàng hơn*, đáp ứng yêu cầu cán bộ trước mắt và lâu dài của toàn bộ hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành, của lực lượng vũ trang.

+ Tăng cường cán bộ cho những nơi có nhu cầu cấp bách, nhất là cho cơ sở, địa bàn có nhiều khó khăn.

+ Góp phần phá bỏ những quan điểm, thói quen lạc hậu và khuynh hướng cục bộ, khép kín trong từng ngành, từng địa phương, đơn vị; tạo ra bước đột phá góp phần đổi mới sâu sắc công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Nghị quyết 11-NQ/TW cũng xác định: nói chung chỉ luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, không luân chuyển cán bộ làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ (trừ trường hợp nhằm mục đích tăng cường cán bộ cho cơ sở, cho lĩnh vực hoặc địa bàn cần thiết). Cần làm cho việc luân chuyển

cán bộ dần trở thành việc làm bình thường, thành nền nếp thường xuyên.

Từ sau khi có Nghị quyết 11-NQ/TW, qua sơ kết việc thực hiện Nghị quyết này cho thấy, công tác luân chuyển cán bộ có chuyển biến tốt; các cấp ủy, tổ chức đảng đều khẳng định đây là chủ trương đúng đắn cần phải tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện. Hiện nay, trên 80% cán bộ chủ chốt hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2004 - 2011 và trên 95% ủy viên ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã qua luân chuyển làm cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp dưới; trên 50% cán bộ được quy hoạch hoặc bổ nhiệm giữ chức thứ trưởng và tương đương đã được luân chuyển giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở một số vụ, đơn vị trong ngành hoặc ở địa phương. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Tỉnh ủy Hà Tây (cũ) đã đánh giá việc thí điểm bố trí 6 chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt không phải là người địa phương. Mặc dù công tác luân chuyển cán bộ còn những mặt yếu như đã nêu trong Báo cáo trình Trung ương, nhưng nhìn chung việc luân chuyển cán bộ vừa qua cơ bản đạt được 3 mục tiêu nêu trên. Hầu hết cán bộ qua luân chuyển đều trưởng thành, đóng góp tích cực cho địa phương, đơn vị nơi luân chuyển đến, tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, có quan điểm, cách nhìn nhận và phương pháp lãnh đạo, quản lý toàn diện hơn, sát thực tế hơn. Kinh nghiệm lịch sử cũng như thực tế cho thấy, việc luân chuyển, bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, cấp tỉnh không phải là người địa phương (là quê quán hoặc nơi trưởng thành và trú quán lâu) góp phần khắc phục tính cục bộ, khép kín, ngăn chặn việc lợi dụng quan hệ thân tộc, để thao túng bộ máy công quyền phục vụ lợi ích gia đình, địa phương; tạo cơ

sở để phát huy tính khách quan, công tâm trong công tác của người cán bộ.

Nghiên cứu tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị trong thời gian tới, cần đẩy mạnh thực hiện luân chuyển cán bộ. Trên cơ sở tình hình và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể, việc bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các tỉnh, các huyện không phải là người địa phương cần được tiếp tục mở rộng nhưng không quy định quá cứng, máy móc về tỷ lệ, cần kết hợp hài hòa giữa người địa phương và người nơi khác đến. Tăng cường việc luân chuyển cán bộ từ địa phương về Trung ương, luân chuyển trong từng ngành, từng cơ quan, kể cả việc luân chuyển cán bộ ở miền núi về thành thị, vùng công nghiệp để tiếp cận nhanh hơn với công nghiệp hóa, đô thị hóa như ý kiến của Trung ương; đồng thời xây dựng chính sách để thực hiện việc luân chuyển. Cần phân biệt giữa *luân chuyển* và *điều động* như Luật cán bộ, công chức đã xác định.

Xuất phát từ nhu cầu cần có một cán bộ chuyên lo xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời kết hợp với nhu cầu luân chuyển cán bộ, từ khóa IX Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có chủ trương tăng thêm 1 phó bí thư phụ trách công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở *một số tỉnh, huyện, xã* có nhiều khó khăn. Ngoài nhiệm vụ cùng bí thư, các phó bí thư cấp ủy chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc của thường trực cấp ủy, đồng chí phó bí thư này chịu trách nhiệm chính trong lĩnh vực *công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng*, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; đồng thời được phân công đảm nhận *một số lĩnh vực, nhiệm vụ khác theo chuyên ngành, năng lực và sở trường công tác*. Được sự ủy quyền của Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương đã có Hướng dẫn số 29-HD/BTCTW, ngày 8-6-2004 về nhiệm vụ,

quyền hạn của phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy phụ trách xây dựng tổ chức cơ sở đảng. Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Ban Tổ chức Trung ương trong quý I-2009 ban hành hướng dẫn mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phó bí thư phụ trách cơ sở đảng thay cho hướng dẫn cũ; hướng dẫn về tiêu chí đánh giá cán bộ trước và sau luân chuyển.

- Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, ngoài những nội dung đã đề cập trong Báo cáo, một số ý kiến đề nghị phải có chương trình, kế hoạch thường xuyên bồi dưỡng cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp như vừa qua đã thực hiện đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Cần sớm xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia về nhân tài và Chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; chăm lo tốt hơn công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ cho miền núi, vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến của Trung ương.

- Về chính sách cán bộ, các ý kiến phát biểu đều nhấn mạnh tầm quan trọng của chính sách cán bộ, tán thành với nội dung trong Báo cáo và phân tích, đánh giá sâu thêm về chính sách tiền lương, những bất hợp lý của tiền lương và chính sách nhà ở cho cán bộ. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương và sẽ chỉ đạo việc thực hiện cải cách tiền lương, khắc phục những bất hợp lý về tiền lương hiện nay; Bộ Chính trị hiện đang chỉ đạo xây dựng chính sách nhà ở, nhà công vụ và sẽ sớm ban hành chính sách này (phấn đấu ban hành trong năm 2009).

Có ý kiến cho rằng việc đề ra chỉ tiêu tinh giản 10 - 15% biên chế là chưa có cơ sở, khó thực hiện; ý kiến khác lại cho

rằng phải thực hiện mạnh mẽ hơn việc tinh giản biên chế hành chính, thậm chí phải tinh giản khoảng 1/3, kết hợp thực hiện cơ chế khoán chi phí hành chính, khoán quỹ lương để làm tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng, tạo môi trường tốt hơn cho đội ngũ cán bộ và góp phần cải cách tiền lương, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức. Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, giao Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ cụ thể hóa để chỉ đạo thực hiện cho phù hợp với từng giai đoạn, trong Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương không nêu tỷ lệ cụ thể về chỉ tiêu tinh giản biên chế.

Ngoài ra, một số ý kiến cho rằng việc phân cấp quản lý cán bộ thời gian qua cũng chưa triệt để; một số quy trình, thủ tục trong công tác cán bộ còn phức tạp, kéo dài; thể chế hóa nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách chưa đủ rõ; việc lấy phiếu tín nhiệm trong bổ nhiệm cán bộ chậm đổi mới; cơ chế bảo vệ và khuyến khích cán bộ trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa cụ thể; sự phối hợp giữa các ban đảng ở Trung ương với các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc nắm công tác cán bộ chưa đồng bộ; việc lập quá nhiều các hội ở trung ương và địa phương chậm được chấn chỉnh... Bộ Chính trị xin tiếp thu và sẽ chỉ đạo để khắc phục.

III- VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP LỚN CỦA CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020

- Đa số ý kiến nhất trí cao với các quan điểm, mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ và những nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Báo cáo; đồng thời nhấn mạnh cần chọn ra một số

khâu trọng yếu để tập trung chỉ đạo. Phải có giải pháp cụ thể để cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, bảo đảm cơ cấu hợp lý đội ngũ cán bộ theo ngành nghề, địa bàn, lĩnh vực và giữa các đối tượng cán bộ, tăng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, con gia đình có công với cách mạng. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến này để chỉ đạo việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ.

- Có ý kiến còn băn khoăn nhưng đa số ý kiến thống nhất cần nghiên cứu việc thực hiện thí điểm một số chủ trương được nêu trong Báo cáo và cần có đề án cụ thể đối với từng chủ trương thí điểm. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo xây dựng và xem xét kỹ các đề án trước khi quyết định thí điểm.

Với tinh thần đó, đề nghị Trung ương giao Bộ Chính trị nghiên cứu ý kiến của Trung ương để hoàn chỉnh dự thảo và sớm ban hành Kết luận của Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020 nhằm tạo ra sự chuyển biến rõ rệt trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện
Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2009, tr.258-268.

KẾT LUẬN CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X Số 37-KL/TW, ngày 2 tháng 2 năm 2009 Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) đã tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18-6-1997 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ban Chấp hành Trung ương Đảng tán thành những nội dung cơ bản trong Báo cáo tổng kết của Bộ Chính trị trình Trung ương, đồng thời nhấn mạnh một số điểm sau đây:

I- Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết, đội ngũ cán bộ nước ta có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; là lực lượng nòng cốt cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân làm nên những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Số đông cán bộ giữ vững

được bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, gắn bó với nhân dân.

Công tác cán bộ đã bám sát nhiệm vụ chính trị, thể chế hóa, cụ thể hóa được nhiều chủ trương, quan điểm, giải pháp lớn đề ra trong Chiến lược cán bộ. Nội dung, phương pháp, cách làm có đổi mới, tiến bộ; dân chủ, công khai trong công tác cán bộ được mở rộng; nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ được giữ vững.

Tuy nhiên, nhiều khuyết điểm, yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục; việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa quán triệt đầy đủ và sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Chính sách, môi trường làm việc của cán bộ chưa tạo động lực để khuyến khích, thu hút, phát huy năng lực, sự cống hiến của cán bộ. Nhìn chung, việc đổi mới công tác cán bộ chưa toàn diện và còn chậm so với đổi mới kinh tế - xã hội.

Chất lượng đội ngũ cán bộ còn những mặt yếu; cơ cấu đội ngũ cán bộ vẫn mất cân đối, thiếu đồng bộ, chưa hợp lý; thiếu cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, cán bộ đầu ngành, cán bộ có trình độ cao, có khả năng dự báo, xử lý tốt những vấn đề phức tạp nảy sinh... Thời gian qua, việc thực hiện Chiến lược cán bộ mới tập trung nhiều vào đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý, chưa chú ý đúng mức, toàn diện đến các đối tượng cán bộ khác.

Tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, quan liêu,

tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm, thiếu tự giác rèn luyện, phấn đấu, thiếu tinh thần đồng chí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ diễn ra nghiêm trọng, kéo dài nhưng chậm có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn và kịp thời xử lý, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ.

II- Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cán bộ. Từ nay đến năm 2020, tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ và giải pháp lớn sau đây:

1. Quán triệt sâu sắc các quan điểm và mục tiêu về xây dựng đội ngũ cán bộ

Một là, cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Phải thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đổi mới công tác cán bộ gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Hai là, phải xuất phát từ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, từ yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ba là, quán triệt quan điểm giai cấp công nhân của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, truyền thống yêu nước, đại đoàn kết và gắn bó mật thiết với nhân dân; tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng nhân tài, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, người ở trong nước hay người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Bốn là, gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức và đổi mới cơ chế, chính sách, với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Năm là, thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân, nâng cao trình độ dân trí, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để tuyển chọn, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ. Phải dựa vào nhân dân để phát hiện, kiểm tra và giám sát cán bộ.

Sáu là, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Mục tiêu cần đạt được là xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất và năng lực tốt, có cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ

Tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức thành viên khác trong hệ thống chính trị; tiếp tục cải tiến quy trình công tác nhân sự của Đảng, Nhà nước, Mặt

trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Mở rộng và phát huy dân chủ trong công tác cán bộ.

3. Đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục có kết quả những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ

- Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, xây dựng mới tiêu chuẩn chức danh cán bộ và tiêu chí đánh giá cụ thể đối với từng chức danh, từng đối tượng cán bộ; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, toàn diện, công tâm; lấy chất lượng, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chính; coi trọng và phát huy trách nhiệm của người đứng đầu, người trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ.

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ, bảo đảm sự chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ ở tất cả các cấp, nhất là cấp chiến lược; kết hợp xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý với quy hoạch cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh, cán bộ lãnh đạo trong lực lượng vũ trang, cán bộ nghiên cứu khoa học, đội ngũ chuyên gia đầu ngành; đổi mới quy trình giới thiệu cán bộ vào nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, nhất là đối với cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Mở rộng việc thí điểm đổi mới cách tuyển chọn cán bộ vào các chức danh lãnh đạo cấp phòng ở tỉnh, thành phố và cấp vụ ở các bộ, ngành Trung ương, xem xét đưa vào quy hoạch và thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng theo quy hoạch.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ, đưa công tác này trở thành nền nếp thường xuyên trong công tác cán bộ. Mở rộng việc bố trí bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban

nhân dân, chánh án tòa án nhân dân, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân, chánh thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ lãnh đạo cấp trưởng các ngành công an, tài chính, thuế, hải quan... không phải là người địa phương. Kết hợp thực hiện cơ chế thực tập, tập sự lãnh đạo, quản lý với luân chuyển cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Tạo chuyển biến sâu sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch, theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ, chú trọng bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, coi đây là giải pháp quan trọng hàng đầu trong thực hiện Chiến lược cán bộ trong giai đoạn mới. Cùng cố, nâng cao chất lượng về mọi mặt của hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Huy động mọi nguồn lực và tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cả trong và ngoài nước, trong và ngoài Đảng, trong và ngoài khu vực nhà nước. Xây dựng chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến lược quốc gia về nhân tài đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế.

- Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu tăng cường chất lượng, tinh giản biên chế hành chính, đáp ứng yêu cầu thực hiện Cương lĩnh, Chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2010 - 2020, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các chức danh lãnh đạo, quản lý, các ngạch, bậc công chức, viên chức; giữa các độ tuổi, địa bàn, lĩnh vực công tác; tăng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, con gia đình có công với cách mạng; khắc phục tình trạng vừa thừa vừa thiếu cán bộ.

- Cải cách hệ thống chính sách, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, công bằng trong thực hiện chính sách cán bộ giữa các cấp, các ngành, các địa phương, các đối tượng cán bộ; gắn chính sách cán bộ trong từng khâu của công tác cán bộ, gắn trách nhiệm, nghĩa vụ với quyền lợi; khuyến khích cán bộ công tác ở địa bàn khó khăn, ở cơ sở; cải cách cơ bản chế độ tiền lương, tiền tệ hóa tiền lương và các chế độ theo lương; ban hành chính sách về nhà ở, nhà công vụ đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang. Cải cách công tác thi đua, khen thưởng để tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước một cách thực chất, khắc phục "bệnh thành tích", hình thức, lãng phí. Tổ chức phong trào thi đua xây dựng môi trường làm việc tốt để phát huy tốt nhất khả năng cống hiến và phát triển của cán bộ.

- Đổi mới công tác tuyển chọn, bố trí, sử dụng cán bộ. Hoàn thiện chế độ bầu cử; cải tiến cách thức tuyển chọn, lấy phiếu tín nhiệm, bổ nhiệm cán bộ để chọn đúng người, bố trí đúng việc. Mở rộng quyền đề cử, tự ứng cử và giới thiệu nhiều phương án nhân sự để lựa chọn. Xây dựng và thực hiện tốt chế độ miễn nhiệm, từ chức, cho thôi việc, thay thế cán bộ kém phẩm chất và năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ đề phương châm "có lên, có xuống, có vào, có ra" được thực hiện bình thường trong bố trí, sử dụng cán bộ. Xây dựng cơ chế đảng viên và nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ.

4. Tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ; gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đổi mới công tác cán bộ với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, với phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên

đối với cấp dưới trong việc giáo dục, quản lý và thực hiện công tác cán bộ.

5. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng tổ chức và con người làm công tác tổ chức, cán bộ. Xây dựng chương trình, kế hoạch và lộ trình thực hiện việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về tổ chức và cán bộ phù hợp với đặc điểm của nước ta trong tình hình mới; xây dựng Học viện Xây dựng Đảng thành một trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo có chất lượng cao về xây dựng Đảng, trong đó có khoa học về tổ chức và cán bộ. Tăng cường giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực và phẩm chất, đạo đức của đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức, cán bộ; phòng, chống tiêu cực trong công tác cán bộ.

III- Từ nay đến Đại hội XI của Đảng cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp; thực hiện việc xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Chuẩn bị tốt công tác nhân sự phục vụ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

2. Hoàn thiện, ban hành và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách về: Quy chế bầu cử trong Đảng; quy chế đánh giá cán bộ (sửa đổi, bổ sung); quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ; quy chế miễn nhiệm và từ chức của cán bộ; cải tiến việc lấy phiếu tín nhiệm cán bộ; chính sách xử lý, sử dụng và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị; chính sách nhà ở của cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang; chính sách

đối với cán bộ xã, phường, thị trấn; chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, các nhà khoa học trẻ để bổ sung cán bộ cho các lĩnh vực công tác.

3. Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện thí điểm một số đề án

- Đề án thực hiện chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở trực tiếp bầu ban thường vụ và bí thư, phó bí thư.

- Đề án nhất thể hóa một số tổ chức và chức danh lãnh đạo Đảng, chính quyền ở cấp xã, huyện, tỉnh.

- Đề án đổi mới cách tuyển chọn cán bộ lãnh đạo cấp vụ và cấp phòng; thực hiện chế độ thực tập và tập sự lãnh đạo.

Giao Bộ Chính trị chỉ đạo xây dựng và xem xét kỹ các đề án trước khi quyết định thí điểm.

4. Triển khai xây dựng các đề án về:

- Chiến lược quốc gia về nhân tài và Chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Cơ chế đảng viên và nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ; đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với việc mở rộng thực hiện chủ trương khoán chi phí hành chính, khoán quỹ lương trong các cơ quan hành chính; thực hiện một cơ quan thống nhất quản lý về biên chế. Tiếp tục thực hiện chính sách nghỉ công tác, nghỉ hưu trước tuổi đối với một số trường hợp để sắp xếp, bố trí cán bộ sau các kỳ đại hội Đảng.

*

* *

Căn cứ Kết luận này, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Các cấp ủy, tổ chức đảng, Ban Tổ chức

Trung ương xây dựng kế hoạch, chương trình đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến Đại hội XI của Đảng và đến năm 2020 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của địa phương, cơ quan, tổ chức, phấn đấu tạo bằng được những chuyển biến, tiến bộ mới trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*
Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2009, tr.269-280.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X
Số 30-NQ/TW, ngày 13 tháng 1 năm 2009

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 5-1 đến ngày 13-1-2009 tại Hà Nội, sau khi nghiên cứu và thảo luận các tờ trình, đề án và các báo cáo của Bộ Chính trị, Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

QUYẾT NGHỊ:

1. Nhất trí thông qua nội dung các văn kiện sau đây của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X:

- Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008) và dự thảo Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng.

- Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang trong tình hình mới và dự thảo Kết luận (nội bộ) của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang trong tình hình mới.

- Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và dự thảo Kết luận của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020.

Giao Bộ Chính trị căn cứ các Báo cáo giải trình và ý kiến thảo luận, đóng góp của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, hoàn chỉnh các văn kiện nói trên để ban hành và tổ chức thực hiện.

2. Nhất trí thông qua Báo cáo kết quả 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Giao Bộ Chính trị căn cứ Báo cáo giải trình và ý kiến thảo luận, đóng góp của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương để tiếp thu, hoàn chỉnh Báo cáo và chỉ đạo việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo những chủ trương, giải pháp nêu trong Báo cáo và ý kiến giải trình của Bộ Chính trị.

3. Ban Chấp hành Trung ương đã nghiên cứu, thảo luận và góp ý kiến vào các báo cáo sau đây của Bộ Chính trị và Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng.

- Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư trong nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng.

- Báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng.

- Báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ Hội nghị Trung ương 7 đến Hội nghị Trung ương 9 (khóa X).

- Báo cáo công tác tài chính, ngân sách đảng năm 2008.

- Báo cáo kết quả công tác trong nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội X của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Giao Bộ Chính trị căn cứ các báo cáo và tiếp thu ý kiến đóng góp của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương để nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong năm 2009 và các năm tiếp theo trong nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng; đồng thời báo cáo việc tiếp thu ý kiến đóng góp của Trung ương cho tập thể và cá nhân các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại kỳ họp tới của Ban Chấp hành Trung ương.

4. Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định:

- Bổ sung đồng chí Tô Huy Rúa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương vào Bộ Chính trị.

- Bổ sung đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng và đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương vào Ban Bí thư.

- Chuyển đồng chí Phạm Bình Minh, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao thành Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Bổ sung đồng chí Mai Thế Dương, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Kạn; đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Hà Tĩnh và đồng chí Mai Trục, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tăng cường đoàn kết, ra sức thi đua yêu nước, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội X của Đảng đề ra.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Ngày 13 tháng 1 năm 2009

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,*

Sau hơn một tuần làm việc khẩn trương, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã hoàn thành chương trình đề ra. Hội nghị đã tập trung trí tuệ, thảo luận sôi nổi, dân chủ với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp nhiều ý kiến xác đáng và sâu sắc; đánh giá cao công tác chuẩn bị các đề án; hoan nghênh các ý kiến đóng góp tâm huyết của các tổ chức và cá nhân trong quá trình chuẩn bị đề án trình Hội nghị. Hội nghị biểu thị sự đồng tình cao với các nội dung tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị, nhất trí thông qua Nghị quyết về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Hội nghị cũng cho ý kiến về “Báo cáo tổng kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự

lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”; “Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, quyết định một số vấn đề về công tác cán bộ và một số vấn đề quan trọng khác.

Những nội dung thảo luận và quyết nghị tại Hội nghị Trung ương lần này là hết sức quan trọng, đáp ứng những đòi hỏi của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong việc tiếp tục phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thư các đồng chí,

Từ sau Đại hội X của Đảng đến nay, tình hình thế giới, khu vực có nhiều thay đổi, diễn biến phức tạp. Nhất là từ cuối năm 2007 đến nay, đất nước ta phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức do những tác động tiêu cực của kinh tế thế giới, những khó khăn nội tại của kinh tế trong nước, sự chống phá của các thế lực thù địch, cộng thêm những tác hại nặng nề của thiên tai, dịch bệnh liên tiếp trên quy mô lớn. Song, bằng bản lĩnh, trí tuệ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta đã nỗ lực phấn đấu tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua khó khăn thách thức, đạt được những thắng lợi quan trọng.

Nền kinh tế nước ta cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối cao, năng lực sản xuất và quy mô tổng sản phẩm trong nước tiếp tục tăng lên, kết cấu hạ tầng được cải thiện đáng kể. Các nguồn vốn cho đầu tư phát triển đều

tăng. Các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang từng bước được hoàn thiện. Các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thông tin, bảo vệ tài nguyên môi trường đều có những tiến bộ. Các chính sách an sinh xã hội được quan tâm và đạt kết quả tích cực, nhất là việc xóa đói, giảm nghèo và giải quyết chính sách đối với người có công.

Quốc phòng, an ninh được tăng cường, ổn định chính trị - xã hội được giữ vững; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Công tác xây dựng các lực lượng vũ trang được đẩy mạnh và đạt kết quả tích cực. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế tiếp tục được mở rộng, vị thế và uy tín của nước ta trên thế giới không ngừng nâng cao.

Công tác xây dựng Đảng đạt nhiều kết quả tích cực. Việc quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghị quyết đã có đổi mới. Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí, hoạt động văn hóa, văn nghệ tiếp tục được đẩy mạnh. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” triển khai sâu rộng và đã thu được kết quả thiết thực bước đầu. Lòng tin của đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự nghiệp đổi mới và triển vọng phát triển đất nước được giữ vững, tư tưởng tích cực vẫn là xu hướng chủ đạo trong đời sống xã hội. Công tác tổ chức, cán bộ được triển khai tương đối đồng bộ, có kết quả tốt trên một số mặt. Các cơ quan của Đảng và Nhà nước được sắp xếp lại, thu gọn đầu mối; công tác cán bộ đã dần đi vào nền nếp, chất lượng nguồn cán bộ quy hoạch được nâng lên; việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động

của hệ thống chính trị đạt được một số kết quả. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng được tăng cường, chất lượng, hiệu quả được nâng lên, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của các tổ chức đảng, đảng viên, giữ gìn sự thống nhất trong Đảng, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được đẩy mạnh; tổ chức bộ máy và hoạt động của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan tư pháp tiếp tục đổi mới, chất lượng được nâng cao hơn. Cải cách hành chính tiếp tục được thực hiện trên các lĩnh vực. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã đạt được một số kết quả bước đầu. Việc phát huy dân chủ ở cơ sở được chú trọng, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được bảo đảm tốt hơn. Chính sách xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được triển khai rộng rãi, có kết quả. Công tác dân vận được quan tâm hơn, nhận thức về vai trò, vị trí, trách nhiệm đối với công tác vận động quần chúng được tăng cường. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được củng cố về tổ chức và phát triển về hội viên; từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, chú trọng hướng về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; tổ chức được nhiều phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả.

Tổng quát lại, trong nửa đầu nhiệm kỳ vừa qua, Nghị quyết Đại hội X đã được triển khai thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được đẩy mạnh, có chuyển biến tiến bộ. Sức mạnh của khối đại đoàn

kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, phát huy. Sự nghiệp đổi mới tiếp tục được đẩy mạnh trên mọi lĩnh vực; chính trị - xã hội ổn định; cơ bản ổn định được kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao, an sinh xã hội được chăm lo nhiều hơn. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, nâng cao uy tín quốc tế của đất nước. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc được giữ vững. Chúng ta đã đạt hoặc gần đạt được nhiều chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta còn không ít thiếu sót, khuyết điểm. Hội nghị đã phân tích nhiều, tôi chỉ nhấn mạnh một số điểm: Về phát triển kinh tế - xã hội, so với khả năng và tiềm lực của đất nước thì những kết quả đạt được còn thấp; ổn định kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, còn tiềm ẩn các yếu tố bất ổn. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chưa được tăng cường đúng mức. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu. Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, văn hóa, xã hội chậm được khắc phục, cuộc sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, ở một bộ phận bị giảm sút. Kết quả cải cách hành chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn rất hạn chế. Trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị,

khuyết điểm nổi lên là năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng còn yếu. Công tác tư tưởng thiếu sắc bén, sức thuyết phục chưa cao; yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục; công tác kiểm tra, giám sát còn một số mặt hạn chế. Phương thức lãnh đạo của Đảng chưa theo kịp yêu cầu của thời kỳ mới. Nhiều nội dung trong chính sách xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được thực hiện đầy đủ. Công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội chậm được đổi mới. Một số chỉ tiêu quan trọng của Đại hội X chưa đạt.

Từ tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội X trong nửa đầu nhiệm kỳ, chúng ta có thể rút ra nhiều bài học quý báu: Trong bối cảnh tình hình chính trị và kinh tế thế giới diễn biến hết sức phức tạp, yêu cầu phát triển ổn định, vững chắc của đất nước đòi hỏi phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Phải dựa vào nội lực, phát huy nội lực là chủ yếu, đồng thời tranh thủ ngoại lực, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực kinh tế và xã hội. Phải quan tâm làm tốt công tác xây dựng Đảng đúng với vai trò then chốt của công tác này.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội X, tình hình khu vực và trên thế giới còn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế ở nhiều nước trên thế giới có thể còn kéo dài, sẽ tác động, ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị và kinh tế thế giới trong những năm tới. Ở trong nước, bên cạnh mặt thuận lợi, như tình hình chính trị - xã hội ổn định, lạm phát bước đầu được kiềm chế, kinh tế vĩ mô dần ổn định đang củng cố lòng tin của nhân dân và các nhà đầu tư nước ngoài, tình hình năm 2009 và một vài năm tới được dự báo là sẽ còn khó khăn hơn.

Để thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, hoàn thành mục tiêu kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, tạo thuận lợi cho bước phát triển nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo, trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội X, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải quyết tâm cao thực hiện tốt mục tiêu là:

Nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu Nghị quyết Đại hội X đề ra cho cả nhiệm kỳ là ngăn chặn suy giảm kinh tế, chủ động phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế hợp lý, nâng cao chất lượng toàn diện nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế đạt hiệu quả ngày càng cao. Giữ vững

ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Tạo chuyển biến rõ rệt hơn nữa trong xây dựng Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học; đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tiếp tục phấn đấu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quan liêu; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; đẩy mạnh thi đua yêu nước, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp lớn đã được Nghị quyết Đại hội X của Đảng, các nghị quyết Trung ương, kết luận của Bộ Chính trị (khóa X) đề ra, trong đó tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

Về kinh tế, phải xây dựng và thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, chủ động phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, duy trì tăng trưởng kinh tế hợp lý. Cải thiện môi trường kinh tế, đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng

trưởng của nền kinh tế. Huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và văn hóa, y tế, xã hội, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiến hành cải cách giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X), coi trọng cả ba mặt dạy chữ, dạy nghề và dạy làm người, đặc biệt là coi trọng giáo dục nhân cách, phẩm chất đạo đức, lối sống. Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý và chính sách phát triển khoa học - công nghệ; gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất, kinh doanh, giáo dục - đào tạo, phát triển thị trường khoa học - công nghệ, phát huy dân chủ trong nghiên cứu khoa học. Thực hiện tốt nhiệm vụ tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Chú ý cải thiện đời sống cho công nhân ở các khu công nghiệp, hỗ trợ gia đình chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và những người gặp hoàn cảnh khó khăn. Phát triển và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách quản lý, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh từ cơ sở đến trung ương. Tích cực phòng bệnh, phòng dịch, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình. Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thông tin; phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Tăng cường lãnh đạo, quản lý, nâng cao chất

lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; chống sự xâm nhập các sản phẩm độc hại, phản văn hóa, phản động, gây phương hại tư tưởng, đạo đức xã hội.

Về bảo vệ tài nguyên, môi trường, tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường, có các chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý các vi phạm. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các chương trình, dự án đầu tư. Tăng cường công tác điều tra cơ bản, bao gồm cả tài nguyên và môi trường biển; sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao các nguồn tài nguyên, bảo đảm nền kinh tế phát triển bền vững cả cho trước mắt và lâu dài...; chủ động triển khai các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu; có biện pháp tích cực hạn chế thiệt hại ở những vùng thường xảy ra thiên tai.

Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, phải tiếp tục nâng cao nhận thức trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Chăm lo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong các chiến lược, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng với kinh tế, an ninh, đối ngoại. Làm tốt nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho nhân dân một cách phù hợp, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, củng cố “thế trận lòng dân”, xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, sẵn sàng chiến đấu cao, đối phó kịp thời, thắng lợi trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức của toàn Đảng, toàn dân về những thách thức đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Chủ động

phát hiện từ xa, từ sớm và kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ. Tăng cường công tác bảo vệ Đảng và bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, kết hợp với chống âm mưu “diễn biến hòa bình” và xử lý biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tiếp tục xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa, tận tụy phục vụ nhân dân.

Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, đưa các mối quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác, phù hợp yêu cầu và lợi ích đất nước ta. Tiếp tục thực hiện các chủ trương, biện pháp tích cực để xác định đường biên giới trên bộ, trên không, trên biển, thêm lục địa, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước. Thực hiện tốt chính sách với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát huy dân chủ xã hội, phải tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của cả hệ thống chính trị; đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, tăng cường dân chủ, nâng cao chất lượng công tác cán bộ... Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; Kết luận của Hội nghị

Trung ương 9 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ; tiếp tục cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, giải đáp có căn cứ khoa học những vấn đề lớn thực tiễn đất nước đang đặt ra; tập trung vào tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh 1991 và chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội XI với chất lượng cao; nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, sắc bén, sức thuyết phục của công tác tư tưởng. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tạo chuyển biến căn bản trong việc ngăn chặn, từng bước đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chủ động đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bác bỏ các luận điệu tuyên truyền phản động, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Xây dựng chiến lược công tác kiểm tra, giám sát từ nay đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025. Đổi mới, kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quốc hội; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Chính phủ; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cải cách tư pháp.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về phòng,

chống tham nhũng, lãng phí... Phát huy dân chủ, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến Đại hội XI của Đảng, chúng ta cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số việc quan trọng sau đây:

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bổ sung, phát triển Cương lĩnh; tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010), xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020); tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội X, chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo ngăn chặn suy giảm kinh tế, chủ động phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội. Tăng cường củng cố, phát triển những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

Tập trung làm tốt một số nhiệm vụ có tác động lớn tới tư tưởng, tạo niềm tin cho nhân dân như đẩy mạnh, nâng cao

chất lượng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, nhất là việc “làm theo”; nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác quản lý, chấn chỉnh các vi phạm của báo chí, xuất bản.

Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Đổi mới một bước công tác cán bộ, chuẩn bị tốt nhân sự cho đại hội đảng các cấp và nhân sự Đại hội lần thứ XI của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng. Nhưng điều có ý nghĩa quan trọng hơn là chúng ta phải tổ chức quán triệt và thực hiện có hiệu quả các quyết định của Trung ương. Tôi đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy các cấp, mọi cán bộ và đảng viên cần lãnh đạo và tổ chức tốt việc quán triệt và thực hiện các nghị quyết, sớm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống với những kết quả thiết thực.

Hội nghị Trung ương lần này kết thúc vào dịp chuẩn bị kỷ niệm 79 năm thành lập Đảng và cả nước đón xuân mới Kỷ Sửu 2009, tôi kêu gọi mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cơ quan, doanh nghiệp và mọi người, xuất phát từ chức năng và nhiệm vụ của mình, nêu cao bản lĩnh chính trị, phát huy lòng yêu nước, tiếp tục phấn đấu vươn lên tháo gỡ khó khăn, vượt qua thách thức, thi đua lập thành tích cao nhất chào mừng ngày thành lập Đảng, gắng sức hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, kế hoạch năm 2009, đoàn kết một lòng

đưa đất nước tiến lên. Trước mắt, tôi đề nghị mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương, mỗi cán bộ, đảng viên nêu cao ý thức trách nhiệm, chăm lo thật tốt tết cho nhân dân, để nhà nhà đều có tết, người người đều có tết vui tươi, lành mạnh, an toàn; cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện những quy định của Đảng và Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống xa hoa, lãng phí.

Nhân dịp này, tôi xin gửi tới toàn thể các đồng chí tham dự Hội nghị, đến đồng chí, đồng bào và chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất. Chúc mọi người mạnh khỏe, hạnh phúc, an khang, năm mới tiến bộ mới, thắng lợi mới.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện
Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành
Trung ương khóa X, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2009, tr.281-297.

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Thực hiện chương trình làm việc toàn khóa, từ ngày 5 đến ngày 13-1-2009, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã họp Hội nghị lần thứ chín để kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008); 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; kết quả 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và quyết định một số vấn đề quan trọng khác. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

1. Đại hội X của Đảng đã tổng kết 20 năm đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, đề ra đường lối phát triển đất nước trong nhiệm kỳ 2006 - 2010 với chủ đề lớn là: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”*. Nghị quyết Đại hội X đã được toàn Đảng, toàn dân,

toàn quân quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, tích cực. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới bắt đầu từ giữa năm 2007 ảnh hưởng lớn đến nước ta, sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta tiếp tục được đẩy mạnh trên mọi lĩnh vực, đạt được nhiều thành tựu. Chính trị - xã hội ổn định; kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, quy mô tổng sản phẩm trong nước tiếp tục tăng, các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển, huy động được lượng vốn lớn cho đầu tư phát triển, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng; giáo dục - đào tạo, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao được quan tâm phát triển, đạt được một số tiến bộ; giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội được chăm lo nhiều hơn. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm, bước đầu đạt một số kết quả. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, nâng cao uy tín quốc tế của đất nước; quốc phòng, an ninh được tăng cường, độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được quan tâm đẩy mạnh, đạt kết quả tích cực. Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, phát huy. Nhiều chỉ tiêu Đại hội đã đạt và gần đạt so với Nghị quyết Đại hội đề ra.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được còn thấp so với khả năng, tiềm lực của đất nước. Ổn định kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chậm cải thiện; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chậm. Huy động và sử dụng các nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, hiệu quả thấp; việc đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể và xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu của cuộc đổi mới. Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chậm được tăng cường; nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân chưa được khắc phục; cuộc sống của nhân dân còn nhiều khó khăn; một số vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết. Ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi còn nghiêm trọng. Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, tình hình tư tưởng, an ninh nội bộ còn có biểu hiện phức tạp, tiềm ẩn những nguy cơ mất ổn định chính trị - xã hội. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở còn yếu. Kết quả cải cách hành chính, đấu tranh chống tệ quan liêu, phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn hạn chế. Một số chỉ tiêu quan trọng của cả nhiệm kỳ Đại hội X đạt được còn thấp.

Trên cơ sở dự báo cuộc suy thoái kinh tế thế giới còn diễn biến phức tạp, tình hình kinh tế nước ta năm 2009 và một vài năm tới còn rất khó khăn, để thực hiện thắng lợi mục tiêu Đại hội X, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, đề ra mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp lớn từ nay cho đến hết

nhiệm kỳ là: Chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết Đại hội X, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, kết luận của Bộ Chính trị (khóa X), Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra nhiều nhiệm vụ và giải pháp cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế; phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa - xã hội; bảo vệ tài nguyên, môi trường; củng cố quốc phòng - an ninh, phát triển quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát huy dân chủ xã hội. Trong đó, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng là: Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X, chuẩn bị các văn kiện Đại hội XI của Đảng; ngăn chặn suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường củng cố, phát triển những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế; củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, giữ vững ổn định chính

trị - xã hội, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho phát triển đất nước; tập trung làm tốt một số nhiệm vụ có tác động lớn đến tư tưởng, tạo niềm tin cho nhân dân, như nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị; đổi mới công tác cán bộ, chuẩn bị tốt nhân sự cho đại hội đảng các cấp và nhân sự Đại hội XI của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương đã ra Nghị quyết “Về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng”.

2. Hơn mười năm qua, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” đã được các cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể hóa, triển khai thực hiện tương đối đồng bộ. Công tác cán bộ đã bám sát nhiệm vụ chính trị và yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới; nội dung, phương pháp, cách làm có đổi mới, tiến bộ; dân chủ, công khai trong công tác cán bộ được mở rộng. Đa số cán bộ phấn khởi và tin tưởng vào thành công của công cuộc đổi mới; kiên định mục tiêu, con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn; tham gia tích cực vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đội ngũ cán bộ được tăng cường về số lượng; năng lực, trình độ lãnh đạo, quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ được nâng lên, cơ cấu đội ngũ cán bộ ngày càng hợp lý hơn. Số đông cán bộ vẫn kiên định, giữ được phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, gần gũi với nhân dân. Tuy nhiên, quan điểm công tác

cán bộ là then chốt trong công tác xây dựng Đảng chưa được quán triệt thực hiện đầy đủ. Nhiều khuyết điểm, yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ vẫn diễn ra nghiêm trọng, kéo dài, chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn và xử lý kịp thời. Chất lượng đội ngũ cán bộ còn nhiều yếu kém, bất cập; cơ cấu đội ngũ cán bộ vẫn mất cân đối, thiếu đồng bộ, chưa hợp lý.

Trước tình hình quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường và yêu cầu ngày càng cao của đất nước, Ban Chấp hành Trung ương đề ra mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất và năng lực tốt, có cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng của các thế hệ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới và 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp lớn là: Quán triệt sâu sắc các quan điểm và mục tiêu về xây dựng đội ngũ cán bộ; đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ; đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục có kết quả những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ; tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng bộ máy và con người làm công tác tổ chức, cán bộ. Ban Chấp hành Trung ương đã ra Kết luận về việc tiếp tục thực hiện “Chiến lược công tác cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

3. Với quyết tâm cao của Đảng và Nhà nước, sự cố gắng, nỗ lực của các cấp ủy đảng, các cấp, các ngành, qua 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “Tăng cường

sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí” đã đạt được những kết quả tích cực. Phần lớn các cấp ủy đảng triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết với nhiều hình thức phù hợp; có chương trình hành động sát với tình hình thực tiễn, tăng cường kiểm tra, đôn đốc trong quá trình thực hiện. Nhận thức về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí của cán bộ, đảng viên và nhân dân có nhiều chuyển biến, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao của toàn xã hội. Việc hoàn thiện thể chế đạt được những kết quả quan trọng, tạo cơ sở và hành lang pháp lý cho phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Hệ thống các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, lãng phí từ trung ương tới địa phương được thành lập và đi vào hoạt động; công tác phát hiện, xử lý tham nhũng được tăng cường có tác dụng răn đe, phòng ngừa tham nhũng. Các cơ quan báo chí và truyền thông có nhiều nội dung và phương thức hoạt động phù hợp, góp phần tích cực trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Do đó, trên một số lĩnh vực, tham nhũng, lãng phí từng bước được kiềm chế. Tuy nhiên, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém; việc chuyển biến từ nhận thức thành hành động trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn hạn chế; một số cơ chế, chính sách chậm sửa đổi; tính khả thi của một số quy định phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa cao; tổ chức thực hiện các quy định của Đảng và Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đồng đều, chưa sâu, nhiều nơi còn yếu; tính tiên phong, gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là những cán bộ có chức vụ, quyền hạn còn yếu kém; công tác

kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở nhiều nơi còn thiếu chủ động, chưa thường xuyên, có hiện tượng né tránh trong xử lý; nhiều vụ án tham nhũng còn xử lý chậm. Hoạt động của Ban Chỉ đạo và bộ phận giúp việc ở nhiều địa phương còn lúng túng; sự chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra. Tình hình tham nhũng vẫn còn nghiêm trọng, diễn biến phức tạp; tình trạng nhũng nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức gây bức xúc trong nhân dân.

Để phấn đấu đạt được mục tiêu của Nghị quyết là “ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí...”, Ban Chấp hành Trung ương xác định trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các chủ trương, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 3, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, học tập Nghị quyết, Luật phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; tiếp tục hoàn thiện thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, kỷ cương, liêm chính; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc tham nhũng, lãng phí. Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của các ban chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng và các đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng; đẩy mạnh và tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng. Các cấp ủy, chính quyền tiếp tục xác định công tác phòng,

chống tham nhũng, lãng phí là một trong những trọng tâm công tác lớn; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Để kiện toàn Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo tinh thần kỳ họp thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương (khóa X), tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương đã bầu đồng chí Tô Huy Rúa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương vào Bộ Chính trị; bầu các đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương vào Ban Bí thư; chuyển đồng chí Phạm Bình Minh, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao thành Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng và bầu các đồng chí Mai Thế Dương, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Kạn; đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Hà Tĩnh; đồng chí Mai Trục, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh hòa làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy những thành tựu đã đạt được trong nửa nhiệm kỳ của khóa X, tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Nghị quyết các hội nghị Trung ương, đưa sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ

Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vững bước tiến lên. Trước mắt, tổ chức đón Tết, vui Xuân Kỷ Sửu lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; chăm lo cho các gia đình có công với cách mạng, các đối tượng chính sách, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 ngay từ tháng đầu, quý đầu; lập thành tích chào mừng 79 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành

Trung ương khóa X, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 2009, tr.298-309.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 214-TB/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2009

Về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội

Tại phiên họp ngày 3-1-2009, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo về “những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội”, ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội, Văn phòng Trung ương Đảng và các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận, kết luận như sau:

1. Trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế mang tính toàn cầu đã và đang tác động tiêu cực đến nền kinh tế nước ta, gây nhiều khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư, ảnh hưởng tới việc làm và đời sống của nhiều tầng lớp nhân dân..., việc Ban Cán sự đảng Chính phủ trình xin ý kiến Bộ Chính trị về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội... là rất cần thiết và kịp thời.

2. Về cơ bản, Bộ Chính trị tán thành các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, kích cầu đầu tư, các chính sách tài chính, tiền tệ, bảo đảm an sinh xã hội nêu trong Báo cáo của Ban Cán sự đảng Chính phủ. Đồng thời, Bộ Chính trị lưu ý và nhấn mạnh thêm một số vấn đề sau:

- Đây là những giải pháp cấp bách để ngăn chặn suy giảm kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội trong điều kiện kinh tế suy giảm nên cần phải được thực hiện nhanh, mạnh, kịp thời để đạt được các yêu cầu, mục tiêu đề ra. Đồng thời, những mục tiêu và giải pháp này cần được đặt trong tổng thể và gắn với các mục tiêu, giải pháp cơ bản đã nêu trong các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và của Quốc hội về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009. Đặc biệt, cần gắn với việc bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, đẩy mạnh cải cách hành chính, v.v..

- Việc sử dụng nguồn vốn đầu tư và vốn tín dụng được Nhà nước hỗ trợ lãi suất để kích cầu, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu và bảo đảm an sinh xã hội cần được cân nhắc kỹ, đúng lĩnh vực, đúng đối tượng cần hỗ trợ để đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất; việc hỗ trợ sản xuất trong nước phải chú ý tới khả năng tiêu thụ sản phẩm, tới hiệu quả sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp tranh thủ điều kiện thuận lợi hiện nay để đổi mới công nghệ, cơ cấu lại sản xuất, đổi mới, nâng cao chất lượng, tính cạnh tranh của sản phẩm, qua đó cơ cấu lại và nâng cao chất lượng tăng trưởng, sự phát triển bền vững của

nên kinh tế về lâu dài; đồng thời cần có cơ chế quản lý chặt chẽ, không để nảy sinh các tiêu cực trong việc sử dụng các nguồn vốn này.

3. Về các vấn đề Ban Cán sự đảng Chính phủ trình xin ý kiến Bộ Chính trị:

- Tán thành việc sử dụng 1 tỉ USD từ nguồn dự trữ ngoại hối của Nhà nước để hỗ trợ lãi suất, tạo nguồn vốn có lãi suất thấp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, doanh nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm có trình độ công nghệ cao... vay để phát triển sản xuất, kinh doanh. Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội phối hợp chỉ đạo giải quyết việc sử dụng nguồn vốn này phù hợp quy định của pháp luật để có thể thực hiện được trong thời gian sớm nhất.

- Đối với việc thực hiện *Luật thuế thu nhập cá nhân*: Bộ Chính trị đồng ý với phương án triển khai thi hành luật đúng thời hạn như quy định, tạm giãn thời gian nộp thuế cho tất cả các đối tượng nộp thuế và áp dụng đối với tất cả các khoản thu nhập. Đến kỳ họp thứ năm của Quốc hội (tháng 5-2009), Chính phủ sẽ trình Quốc hội xem xét, quyết định thời gian cụ thể việc giãn nộp thuế, việc miễn, giảm hoặc xóa nợ thuế.

- Về phát hành thêm trái phiếu chính phủ: Bộ Chính trị tán thành chủ trương phát hành thêm trái phiếu chính phủ (ngoài số đã được Quốc hội quyết định) trên tinh thần vốn trái phiếu phải được sử dụng có hiệu quả, nhu cầu cần thiết đến đâu thì phát hành đến đó và phải bảo đảm nợ Chính phủ

trong giới hạn an toàn, không ảnh hưởng tới mục tiêu chống lạm phát và đúng quy định của *Luật ngân sách Nhà nước*.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 215-TB/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2009

Về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh Kon Tum

Thực hiện Chương trình công tác năm 2008 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ngày 27-12-2008, tại Hà Nội, đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Ban Bí thư đã làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh Kon Tum. Cùng dự buổi làm việc có đại diện lãnh đạo các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Chỉ đạo Tây Nguyên.

Sau khi nghe Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum báo cáo, ý kiến phát biểu của đồng chí Trương Vĩnh Trọng và ý kiến của các bộ, ban, ngành Trung ương, đồng chí Thường trực Ban Bí thư kết luận:

1. Trong ba năm qua, tình hình trong nước và thế giới có nhiều yếu tố không thuận, nhưng với sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Kon Tum đã có bước phát triển khá nhanh và toàn diện trên nhiều lĩnh vực:

Kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao (bình quân 3 năm 2006 - 2008 đạt gần 15%/năm), cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; đã hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh cây công nghiệp có diện tích khá lớn (cao su, cà phê). Tỷ lệ che phủ rừng cao (67,8%); huy động các nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tăng cao hơn trước.

Chú trọng đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch sinh thái Măng Đen và khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

- Sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội có tiến bộ. Các chương trình xóa đói, giảm nghèo; xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân; giải quyết các chính sách xã hội, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số... đạt kết quả tốt. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước được cải thiện (năm 2008, tỷ lệ hộ nghèo còn 21%; 70% xã, phường đạt phổ cập trung học cơ sở; 92,5% giáo viên đạt chuẩn; 94% số hộ được dùng điện).

- Quốc phòng, an ninh gắn với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, nhất là trên những địa bàn trọng yếu, khu vực biên giới của tỉnh được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và sự ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn được giữ vững; không để xảy ra biểu tình, bạo loạn; hạn chế tình trạng vượt biên trái phép. Triển khai công tác phân giới cắm mốc Việt Nam - Campuchia, dự án tôn tạo, tăng dài mốc Việt Nam - Lào đạt kết quả tốt.

- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có chuyển biến tích cực, đã có một số kinh nghiệm, mô hình mới có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ ngày càng tăng; phát triển đảng viên mới được chú trọng; công tác vận động quần chúng có đổi mới; phòng, chống tham nhũng, lãng phí và cải cách hành chính có chuyển biến và bước đầu đạt được một số kết quả.

Tuy vậy, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết XII Đảng bộ tỉnh Kon Tum cũng còn một số hạn chế, yếu kém. Đáng chú ý là:

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và thiếu bền vững. Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nông dân chưa có chuyển biến rõ nét, chưa có lĩnh vực đột phá. Công nghiệp còn nhỏ bé, trình độ công nghệ thấp, quy mô sản xuất nhỏ, sức cạnh tranh của sản phẩm thấp. Tăng trưởng của ngành du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Chưa tạo được nguồn hàng xuất khẩu có giá trị cao và ổn định. Nguồn thu ngân sách tăng nhưng vẫn còn ở mức thấp. Một số chỉ tiêu đạt thấp so với Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh và bình quân của cả nước. Kon Tum vẫn còn là một tỉnh nghèo, có nhiều khó khăn.

Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều hạn chế, nhất là quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai còn nhiều bất cập; công tác đổi mới, sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước triển khai chậm.

- Nguồn nhân lực của tỉnh còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số chậm được nâng lên, tỷ lệ học sinh bỏ học còn cao. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. Chưa chú trọng phát huy và khai thác có hiệu quả các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc.

- Tình hình an ninh chính trị, an ninh nông thôn còn tiềm ẩn một số nhân tố dễ gây mất ổn định; quản lý, cô lập, vô hiệu hóa âm mưu hoạt động phá hoại của các đối tượng cầm đầu cốt cán Fulrô còn có mặt hạn chế, hiệu quả chưa cao. Tình hình khiếu kiện, tranh chấp đất đai phức tạp, có chiều hướng gia tăng. Quản lý nhà nước về tôn giáo còn một số mặt yếu kém.

- Chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ ở nhiều nơi còn yếu kém, bất cập, chưa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở cơ sở. Công tác phòng, chống tham nhũng và cải cách hành chính còn lúng túng, chưa có hiệu quả rõ rệt; tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn lực của Nhà nước trong một bộ phận cán bộ, nhân dân vẫn còn nặng nề.

2. Về một số nhiệm vụ từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh và chuẩn bị cho nhiệm kỳ tới

Ban Bí thư cơ bản tán thành với những nội dung Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định nhằm phấn đấu thực hiện thắng

lợi các mục tiêu do Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh đề ra và nhấn mạnh thêm một số nội dung sau:

a) Kon Tum có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; quan hệ chặt chẽ với các tỉnh, thành phố miền Trung, Tây Nguyên và các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia; có tiềm năng phát triển cây công nghiệp, thủy điện, phát triển rừng, chế biến nông sản, du lịch... Để khai thác, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế đó, tỉnh cần rà soát chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh; xác định giải pháp để quyết tâm thực hiện tốt các mục tiêu do Đại hội đề ra, nhất là chỉ tiêu về tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xuất khẩu, thu ngân sách và huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển... Chú ý nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch; phát triển thương mại, dịch vụ phục vụ nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng công tác quản lý và bảo vệ rừng; đẩy mạnh đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phát huy hiệu quả các vùng kinh tế, các khu du lịch (Khu du lịch Măng Đen, cửa khẩu quốc tế Bờ Y). Mở rộng hợp tác toàn diện với các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia.

b) Quan tâm, tích cực giải quyết các vấn đề xã hội: nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo, quan tâm tới học sinh dân tộc thiểu số, hạn chế học sinh bỏ học; thực hiện tốt hơn công tác y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo; phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo.

c) Củng cố quốc phòng, an ninh, kiên quyết không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, phục hồi tổ chức phản động Fulrô; chủ

động phát hiện, ngăn chặn tình trạng người dân tộc thiểu số vượt biên trái phép. Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các tỉnh Rattanakiri (Campuchia), Attôpư, Sêkông (Lào) trong công tác bảo đảm an ninh biên giới, chống xâm nhập, chống vượt biên; hoàn thành kế hoạch công tác phân giới, cắm mốc trên tuyến biên giới của tỉnh giáp với Campuchia; đảm bảo an ninh nông thôn; rà soát và xử lý dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai... Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giảm thiểu tai nạn giao thông.

d) Chú trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nhất là chăm lo củng cố tổ chức đảng, chính quyền cơ sở. Tăng cường công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên ở những nơi còn “trắng” đảng viên, phấn đấu các thôn, bản đều có đảng viên, hầu hết các thôn, bản đều có chi bộ. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tăng cường kỷ cương, kỷ luật của cán bộ, công chức nhà nước. Chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ các cấp cho các nhiệm kỳ tiếp theo. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể.

3. Về một số kiến nghị của tỉnh

Ban Bí thư cơ bản tán thành các kiến nghị của tỉnh, giao các bộ, ban, ngành chức năng ở Trung ương giải quyết cụ thể:

- Về việc phân định địa giới hành chính giữa tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum (theo Nghị quyết Kỳ họp thứ chín Quốc hội khóa VIII về chia tách tỉnh Gia Lai - Kon Tum thì diện tích

tự nhiên của tỉnh Kon Tum là trên 13.000km² nhưng hiện tỉnh chỉ quản lý khoảng 10.000km²), đề nghị Chính phủ sớm chỉ đạo giải quyết hoặc kiến nghị với Quốc hội xem xét, quyết định.

- Về cơ chế, chính sách: Tích cực triển khai thực hiện Quyết định số 25/2008/QĐ-TTg, ngày 5-2-2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2010. Kon Tum tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt đã được Chính phủ ban hành đối với khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y. Đồng thời, ưu tiên bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ đầu tư kết cấu hạ tầng của khu kinh tế này, trở thành điểm nhấn, vùng động lực trong khu vực tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia. Trước mắt chưa thu hồi số kinh phí mà Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y đã ứng trước để triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng trong những năm qua.

- Về một số vấn đề cụ thể, Ban Bí thư đồng ý với kiến nghị của tỉnh, đề nghị Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương phối hợp với địa phương: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án lớn trên địa bàn tỉnh (nhất là các tuyến giao thông đã được Chính phủ cho chủ trương đầu tư, như đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 24 từ Kon Tum đi Quảng Ngãi, quốc lộ 14C...); xem xét, bổ sung Khu du lịch sinh thái Măng Đen vào quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của cả nước; lập dự án đầu tư xây dựng làng văn hóa - du lịch các dân tộc bắc Tây Nguyên tại Kon Tum; xem xét, bổ sung thị xã Kon Tum vào danh mục các đô thị ưu tiên đưa vào dự án nâng cấp đô thị

Việt Nam loại 2; giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, phát sinh, tái định cư, ổn định đời sống cho đồng bào liên quan đến công trình thủy điện Ya Ly, Plei Krông; xây dựng hệ thống truyền tải để phát huy hiệu quả các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; giải quyết dứt điểm vấn đề mặt bằng dự kiến xây dựng nhà máy bột giấy và việc chuyển nhượng 17.000ha rừng vùng nguyên liệu giấy...

- Về tổ chức quán triệt, thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức các cấp (bao gồm tăng thêm một số chức danh công chức xã như tỉnh đề nghị). Giao Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với các bộ, ban, ngành nghiên cứu, đề xuất trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Ban Bí thư, tỉnh Kon Tum cần khẩn trương xây dựng các nội dung, đề án, kế hoạch cụ thể, thống nhất với bộ, ngành liên quan, trình Chính phủ quyết định.

Ban Bí thư tin tưởng rằng, phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Kon Tum sẽ tranh thủ thuận lợi, thời cơ, vượt qua khó khăn, thử thách, giành được nhiều thành tựu to lớn hơn trong nửa nhiệm kỳ còn lại và những năm tiếp theo.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 216-TB/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2009

Về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Chương trình công tác năm 2008 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ngày 27-12-2008, tại Hà Nội, đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Ban Bí thư đã làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn. Cùng dự buổi làm việc có đại diện lãnh đạo các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Quốc phòng, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng.

Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo, ý kiến phát biểu của đồng chí Trương Vĩnh Trọng và ý kiến của các bộ, ban, ngành Trung ương, đồng chí Thường trực Ban Bí thư kết luận:

1. Bắc Kạn là một tỉnh miền núi có nhiều thuận lợi cơ bản: có bề dày truyền thống lịch sử cách mạng, có tiềm năng lớn về đất rừng và rừng, có hồ Ba Bể là thế mạnh để phát triển dịch vụ du lịch và có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng. Tuy vậy, Bắc Kạn có nhiều khó khăn: địa hình chia cắt, hạ tầng kinh tế - xã hội yếu; dân trí thấp, nhiều hộ nghèo, nằm trong vùng đặc biệt khó khăn; trình độ đội ngũ cán bộ cơ sở thiếu và yếu; điểm xuất phát kinh tế thấp.

Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Bắc Kạn đã nỗ lực, cố gắng thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ tỉnh, đã đạt được một số kết quả:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao (bình quân 3 năm 2006 - 2008 đạt 10,57%/năm). Lương thực bình quân đầu người đạt 490,4kg, tăng 15,7% so với năm 2005, an ninh lương thực được bảo đảm; rừng phát triển khá, độ che phủ rừng đạt 55,2%; bước đầu đã hình thành vùng chuyên canh trồng cây ăn quả, cây chè theo hướng sản xuất hàng hóa; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt thị xã Bắc Kạn, thị trấn, thị tứ và nông thôn có nhiều khởi sắc, đổi thay; thu ngân sách hàng năm tăng, vượt mục tiêu đề ra.

- Lĩnh vực xã hội có nhiều chuyển biến tích cực: Đã có 26 trường đạt chuẩn quốc gia, 116 xã, phường, thị trấn (95%) và 8 huyện, thị xã (100%) đạt phổ cập trung học cơ sở. Hệ thống y tế từ tỉnh đến xã, bản được củng cố, phát

triển; số hộ nghèo giảm mạnh (năm 2008 tỷ lệ hộ nghèo còn 28%, giảm 22,87% so với năm 2005). Đời sống nhân dân từng bước được nâng lên.

- An ninh, quốc phòng được giữ vững; tổ chức tốt diễn tập phòng thủ khu vực tỉnh, huyện.

- Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến: công tác phát triển đảng được tăng cường, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, cơ bản xóa thôn “trắng” đảng viên; công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng, bước đầu thực hiện luân chuyển cán bộ.

Tuy vậy, Bắc Kạn cũng còn những hạn chế, thiếu sót:

- Kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa thật sự bền vững (tăng trưởng bình quân 3 năm 2006 - 2008 thấp hơn bình quân 5 năm 2001 - 2005); chưa lựa chọn, xác định được lĩnh vực, ngành kinh tế, cơ cấu sản phẩm đột phá và lối ra cho kinh tế của tỉnh; cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm, chưa đạt mục tiêu; còn một số chỉ tiêu đạt thấp so với Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ tỉnh đề ra; một số kết quả đạt thiếu vững chắc (cơ cấu kinh tế, phổ cập giáo dục, xóa đói, giảm nghèo,...).

Quy mô kinh tế còn nhỏ; công nghiệp - xây dựng tăng trưởng thấp, nhất là công nghiệp khai thác, chế biến; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém; chất lượng nguồn nhân lực yếu. Bắc Kạn còn là tỉnh nghèo, đặc biệt khó khăn.

- Năng lực lãnh đạo, triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết của một số cấp ủy còn yếu, năng lực của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở có nhiều hạn chế; công tác cải cách hành chính chậm; quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, rừng còn thiếu chặt chẽ.

2. Về một số nhiệm vụ từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội IX Đảng bộ tỉnh và chuẩn bị cho nhiệm kỳ tới

Ban Bí thư cơ bản tán thành với những nội dung Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định nhằm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu do Đại hội IX Đảng bộ tỉnh đề ra:

a) Tập trung đánh giá sâu hơn quá trình tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội IX Đảng bộ tỉnh; phân tích làm rõ nguyên nhân của các mục tiêu, chỉ tiêu đạt thấp và chưa đạt (vì sao tăng trưởng chưa bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm); xác định giải pháp với bước đi phù hợp cho từng nhiệm vụ, chỉ tiêu để quyết tâm thực hiện bằng được các mục tiêu do Đại hội đề ra, sớm đưa Bắc Kạn ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

b) Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Khẳng định những việc đã làm được, làm rõ những thiếu sót, khuyết điểm; đồng thời lựa chọn giải pháp phát triển hiệu quả, bền vững.

c) Đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, chú ý hạ tầng giao thông, giáo dục, y tế.

Làm tốt công tác quản lý, trồng và bảo vệ rừng gắn với phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng sản xuất hàng hóa. Phát triển rừng kinh tế gắn với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông - lâm sản.

Điều tra, thăm dò, đánh giá, khai thác tiềm năng nguồn tài nguyên khoáng sản. Xây dựng quy hoạch sản phẩm, quy hoạch ngành gắn với quy hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ. Rà soát, lựa chọn, điều chỉnh, bổ sung, nâng cao chất lượng, hiệu quả các dự án đầu

tư công nghiệp, có phương án chuyển đổi, xử lý thích hợp đối với các dự án không hiệu quả. Lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực tài chính, kinh nghiệm, có công nghệ, thiết bị tiên tiến để đầu tư có hiệu quả và phát triển bền vững. Trong khai thác, chế biến sâu, phải coi trọng bảo vệ môi trường sinh thái, đặc biệt môi trường sống (nguồn nước), đảm bảo cuộc sống trước mắt và lâu dài của nhân dân.

d) Giải quyết tích cực các vấn đề xã hội: nâng cao chất lượng giáo dục; mở rộng đào tạo nghề cho đồng bào, chú ý địa bàn đặc biệt khó khăn; tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân, đẩy lùi tệ nạn ma túy.

Giữ vững công tác quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

e) Xây dựng hệ thống chính trị các cấp, đặc biệt là chăm lo củng cố cơ sở đảng thôn, bản; chăm lo, bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới và phấn đấu các bản đều có đảng viên, hầu hết các bản đều có chi bộ; tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy các cấp, chú trọng cấp ủy cơ sở. Đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Coi trọng nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ các cấp cho nhiệm kỳ tiếp theo.

3. Về một số kiến nghị của tỉnh

Ban Bí thư cơ bản tán thành các kiến nghị của tỉnh. Giao các bộ, ban, ngành chức năng ở Trung ương giải quyết cụ thể.

- Về cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục:

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương phối hợp với địa phương: nghiên cứu đầu tư xây dựng

kéo dài đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến huyện Chợ Mới (Bắc Kạn); đẩy nhanh tiến độ nâng cấp quốc lộ 3B, đường 254, đường 257; nghiên cứu quy hoạch tuyến đường sắt Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn) trên cơ sở nhu cầu khối lượng vận chuyển hàng hóa, hành khách.

Về dự án xây dựng hồ Nặm Cát và dự án du lịch hồ Ba Bể: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu dự án theo hướng sử dụng đa mục đích (thủy lợi gắn với thủy điện, với việc bảo vệ, khôi phục, tái sinh rừng và du lịch sinh thái...).

Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với tỉnh nghiên cứu, có phương án về quy mô và lộ trình xây dựng bệnh viện đa khoa, trường trung học y tế tỉnh; phương án và lộ trình nâng cấp trường trung cấp nghề thành trường cao đẳng nghề; nâng cấp trường cao đẳng sư phạm lên thành trường cao đẳng cộng đồng đa ngành; dự án xây dựng sân vận động tỉnh.

- Về việc chuyển sân bay Bắc Kạn và khu C (thuộc An toàn khu): Bộ Quốc phòng phối hợp cùng với tỉnh nghiên cứu có đề án trình Bộ Chính trị.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp cùng các bộ có liên quan nghiên cứu trình Chính phủ giải quyết những vướng mắc khi triển khai thực hiện Nghị định số 54/2006/NĐ-CP, ngày 26-5-2006 của Chính phủ về chế độ ưu đãi đối với các đối tượng là người hoạt động kháng chiến và con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

- Về cơ chế, chính sách đặc thù:

Tích cực triển khai thực hiện Quyết định số 27/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010. Tiếp tục lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia; Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, có chính sách hỗ trợ kinh phí để tiến hành thăm dò khoáng sản, hỗ trợ cho khu công nghiệp Thanh Bình; nghiên cứu bổ sung sản phẩm công nghiệp của tỉnh vào quy hoạch của vùng; thành lập quỹ hỗ trợ đầu tư của tỉnh; có cơ chế, chính sách đặc thù phát triển khu du lịch Ba Bể, bao gồm việc sớm có giải pháp chống bồi lấp hồ Ba Bể.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư, tỉnh Bắc Kạn cần khẩn trương xây dựng các nội dung, đề án, kế hoạch cụ thể, thống nhất với các bộ, ban, ngành Trung ương liên quan, trình Chính phủ quyết định; có giải pháp triển khai thực hiện thắng lợi các công việc, nhiệm vụ mà Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ giao.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 217-TB/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2009

**Về việc ban hành chỉ thị về tổ chức kỷ niệm
các ngày lễ lớn trong 2 năm 2009 - 2010**

Ngày 17-11-2008, Ban Tuyên giáo Trung ương trình xin ý kiến Bộ Chính trị về việc ban hành chỉ thị (hoặc nghị quyết) về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2009 - 2010 (Tờ trình số 80-TTr/BTGTW), sau khi lấy ý kiến Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Đồng ý ban hành chỉ thị của Bộ Chính trị về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2009 - 2010. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, hoàn thiện dự thảo chỉ thị, trình Thường trực Ban Bí thư duyệt, ký ban hành.

- Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp đề xuất các biện pháp giảm bớt tính hình thức, tốn kém thời gian, tiền của của Nhà nước và nhân dân trong việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm

các sự kiện lịch sử, đón nhận huân chương, huy chương, gặp mặt truyền thống... ở các cấp, các ngành, các địa phương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 29-CT/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2009

Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện

Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX)

**“Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”**

Ngày 15-11-2004, Bộ Chính trị (khóa IX) đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW “Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Sau hơn 4 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, công tác bảo vệ môi trường đã đạt được một số kết quả nhất định. *Luật bảo vệ môi trường* (năm 2005) và *Luật đa dạng sinh học* (năm 2008) đã được Quốc hội thông qua, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về môi trường tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và bước đầu đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Nhận thức, ý thức về công tác bảo vệ môi trường của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, của các tầng lớp nhân dân được nâng lên một bước. Lần đầu tiên, nhóm chỉ tiêu về môi trường đã được xây dựng đưa vào các chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và hình thành

mục chi ngân sách cho sự nghiệp môi trường với mức chi hàng năm không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước. Hệ thống các cơ quan quản lý môi trường từ Trung ương đến cơ sở được tăng cường, lực lượng cảnh sát môi trường đã được thành lập và đi vào hoạt động. Những vấn đề bức xúc và các điểm nóng về môi trường đang từng bước được giải quyết.

Tuy nhiên, việc thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết số 41-NQ/TW đã đề ra còn nhiều thiếu sót, công tác bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế, yếu kém. Nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của nhiều cấp ủy, lãnh đạo các cấp, các ngành, doanh nghiệp và nhân dân chưa đầy đủ; ý thức bảo vệ môi trường nhìn chung còn thấp. Việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn chậm, không đồng bộ. Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trình độ khoa học - công nghệ bảo vệ môi trường, xử lý, giải quyết ô nhiễm môi trường còn thấp. Nguồn vốn đầu tư và chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhiều địa phương còn sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cho các mục đích khác hoặc sử dụng không hiệu quả. Trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường còn thiếu và lạc hậu. Nhiều nơi trong chỉ đạo, điều hành chỉ quan tâm tới các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, coi nhẹ các yêu cầu bảo vệ môi trường; có biểu hiện buông lỏng công tác quản lý nhà nước, thiếu kiên quyết trong việc xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; chưa giải quyết dứt điểm các điểm nóng, bức xúc về ô nhiễm môi trường. Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

diễn ra khá phổ biến. Nhiều vi phạm có tổ chức, tinh vi, một số hành vi có dấu hiệu tội phạm. Ô nhiễm môi trường tiếp tục gia tăng với tính chất và mức độ ngày càng nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn về kinh tế và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, đời sống của nhân dân. Những hạn chế, yếu kém nói trên cùng với tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu và hội nhập quốc tế đặt ra cho công tác bảo vệ môi trường nhiều thách thức lớn cả trước mắt và lâu dài.

Trước tình hình trên, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện triệt để các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 41-NQ/TW nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Tổ chức kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị; xác định rõ những ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân; đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Nghị quyết 41 và Chỉ thị này; đưa nội dung kiểm điểm công tác bảo vệ môi trường vào báo cáo tổng kết, đánh giá định kỳ của cơ quan, đơn vị.

2. Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về trách nhiệm, ý thức bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong tuyên truyền về bảo vệ môi trường; đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền, làm cho nhân

dân hiểu rõ hậu quả trước mắt cũng như lâu dài của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu đối với sức khỏe con người, đời sống xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước; những bài học và kinh nghiệm về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu của các nước trong khu vực và trên thế giới; công bố công khai những tổ chức, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và hình thức xử lý. Đưa nội dung giáo dục môi trường vào chương trình sách giáo khoa của hệ thống giáo dục quốc dân. Coi trọng việc phát động phong trào bảo vệ môi trường trong các tầng lớp nhân dân. Xây dựng tiêu chí về môi trường vào đánh giá hoạt động của từng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, gia đình, làng, bản, khu phố, tập thể, cá nhân, đảng viên, đoàn viên, hội viên. Phát hiện, nhân rộng và tuyên truyền các mô hình, điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường. Duy trì và phát triển giải thưởng môi trường hằng năm.

3. Tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hóa và hướng dẫn đầy đủ *Luật bảo vệ môi trường*, *Luật đa dạng sinh học*; sửa đổi, bổ sung các quy định về tội phạm môi trường trong *Bộ luật hình sự*. Quy định các chế tài xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng và ban hành quy định bồi thường thiệt hại về môi trường. Kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước về môi trường từ Trung ương đến cơ sở; bảo đảm ở cấp huyện có bộ phận quản lý môi trường, cấp xã có cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường. Làm rõ chức năng, nhiệm vụ, phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giữa các cấp, các ngành.

Không phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư tiềm ẩn nguy cơ cao đối với môi trường. Không đưa vào vận hành, sử dụng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu đô thị, công trình, cơ sở y tế, cơ sở sản xuất mới không đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Quản lý chặt chẽ chất thải, nhất là các chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, dịch vụ, y tế, nghiên cứu khoa học; chấm dứt nạn đổ phế liệu, xả nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường vào các sông, kênh, rạch, hồ ao. Thu gom và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp bằng các biện pháp thích hợp; ưu tiên việc tái chế, tái sử dụng, hạn chế tối đa việc chôn lấp. Xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng. Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm môi trường ở các khu dân cư do chất thải của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các làng nghề, các khu vực bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh. Kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc buộc di dời những cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng trong khu dân cư nhưng không có biện pháp khắc phục có hiệu quả. Thực hiện kế hoạch phục hồi và cải thiện môi trường tại các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái nặng. Thực hiện việc đánh giá công nghệ sản xuất của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, bảo đảm không đưa vào nước ta công nghệ cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng nhập khẩu phế liệu, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để đưa chất thải vào nước ta. Kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, thức ăn và thuốc phòng trừ dịch bệnh

trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm mọi sai phạm, nhất là những sai phạm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, có cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức, cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường. Xây dựng và phát triển lực lượng tình nguyện viên bảo vệ môi trường. Tăng cường sự giám sát của cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Phát triển các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác bảo vệ môi trường với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế. Hình thành các loại hình tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định, chứng nhận về bảo vệ môi trường; thành lập doanh nghiệp dịch vụ môi trường đủ mạnh để giải quyết các vấn đề môi trường lớn, phức tạp của đất nước.

5. Tăng đầu tư và sử dụng đúng mục đích, hiệu quả nguồn chi thường xuyên từ ngân sách cho sự nghiệp môi trường, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư bảo vệ môi trường; tăng tỷ lệ đầu tư cho môi trường trong nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Từng bước thực hiện việc thu phí, ký quỹ bảo vệ môi trường, buộc bồi thường thiệt hại về môi trường. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ về vốn, khuyến khích về thuế trợ giá đối với hoạt động môi trường. Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường; chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời gian tới, dự báo kịp thời các diễn biến của biến đổi khí hậu, lồng ghép các biện pháp ứng phó

với biến đổi khí hậu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về môi trường.

6. Nghiên cứu xây dựng các luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, dự báo, cảnh báo về tài nguyên, môi trường; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, sự cố môi trường và biến đổi khí hậu. Hình thành và phát triển ngành công nghiệp môi trường. Tăng cường sản xuất và sử dụng nhiên liệu sinh học, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các sản phẩm thân thiện với môi trường. Nâng cao năng lực của các cơ quan nghiên cứu, hiện đại hóa trang thiết bị, kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, đánh giá về môi trường. Tăng cường công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, bảo vệ rừng và môi trường biển.

7. Hợp tác chặt chẽ với các nước láng giềng và các nước trong khu vực để giải quyết các vấn đề môi trường liên quốc gia. Tham gia tích cực vào các hoạt động quốc tế và khu vực vì môi trường; thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, chương trình, dự án song phương và đa phương về bảo vệ môi trường phù hợp với lợi ích quốc gia. Nâng cao vị thế của nước ta trên các diễn đàn khu vực và toàn cầu về môi trường. Tranh thủ tối đa nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các nước, các tổ chức quốc tế và cá nhân cho công tác bảo vệ môi trường.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực

thuộc Trung ương quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị theo phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình.

Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Trung ương Đảng, các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện, thường xuyên kiểm tra, định kỳ báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 218-TB/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2009

Về tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của Đảng năm 2008

Ngày 24 – 25-12-2008, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của Đảng năm 2008. Sau khi nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2008 và phương hướng nhiệm vụ năm 2009 của ủy ban kiểm tra các cấp, báo cáo kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Chương trình kiểm tra số 67-CTr/TW, ngày 3-1-2008 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008, phổ biến triển khai chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009 và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại Hội nghị, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

I- KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG NĂM 2008

Năm 2008, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã chủ động,

tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong toàn Đảng cũng như trong từng địa phương, đơn vị. Ngành kiểm tra đã giải quyết một khối lượng công việc lớn hơn so với năm trước và nhiều hơn so với những năm đầu nhiệm kỳ khóa IX.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã có nhiều cố gắng để làm tốt vai trò tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội X và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, hình thành một hệ thống văn bản quy định quan trọng của Đảng làm cơ sở tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, phục vụ cho công tác xây dựng Đảng. Đây là nét mới trong nhiệm kỳ này. Ủy ban kiểm tra các cấp vừa làm tham mưu, vừa thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, phối hợp chặt chẽ hơn với các cơ quan chức năng để thực hiện nhiệm vụ do cấp ủy giao.

- Nhìn tổng quát, công tác kiểm tra, giám sát có những chuyển biến rõ nét cả trong nhận thức và hành động; chất lượng công tác kiểm tra được nâng lên; đã tập trung vào những lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm và những lĩnh vực lâu nay ít được kiểm tra. Đã phát hiện, cảnh báo các sai phạm, đồng thời xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm, xử lý đồng bộ hơn giữa kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và xử lý theo pháp luật, có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn, hạn chế sai phạm trong cán bộ, đảng viên; số đảng viên vi phạm kỷ luật đã giảm và ít nghiêm trọng hơn; công tác giám sát là một chức năng, nhiệm vụ mới, nhưng các cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp đã coi trọng thực hiện, đạt

kết quả bước đầu. Qua đó đã đóng góp tích cực vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Nguyên nhân của những ưu điểm trên là do:

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác này, đã ban hành được hệ thống văn bản quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát; sớm ban hành chương trình kiểm tra trong năm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lựa chọn những nội dung kiểm tra là những lĩnh vực bức xúc, nổi cộm để uốn nắn, chấn chỉnh, xử lý; tăng thẩm quyền xử lý vi phạm của Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo quy định của Điều lệ Đảng; tăng biên chế tổ chức cho cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; bước đầu đã giải quyết một số chế độ, chính sách cho cán bộ làm công tác kiểm tra...

- Cấp ủy và tổ chức đảng các cấp quan tâm nhiều hơn đến công tác kiểm tra, giám sát, có nhiều cố gắng trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác này tại ngành, địa phương, đơn vị mình.

- Vai trò tham mưu của ủy ban kiểm tra các cấp không ngừng được phát huy, giúp cấp ủy ban hành kịp thời nhiều quy chế, quy định, quy trình về công tác kiểm tra, giám sát để đưa công tác này đi vào nền nếp; sự phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức có liên quan, với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được tăng cường, hoạt động có hiệu quả hơn.

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong năm 2008 cũng còn những khuyết điểm, hạn chế:

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt nhiệm vụ này.

- Công tác xây dựng Đảng nói chung, kiểm tra, giám sát nói riêng ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm chuyển biến. Xử lý kỷ luật còn có trường hợp chưa nghiêm, chưa kịp thời, chưa đủ răn đe để giáo dục, phòng ngừa sai phạm; công tác tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế, kể cả thông tin công khai những người có vi phạm và những kinh nghiệm tốt trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tình hình chấp hành nghị quyết, Điều lệ Đảng còn có nơi chưa nghiêm; tham nhũng, lãng phí, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn nghiêm trọng, còn là một thách thức lớn đối với công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Nguyên nhân của những khuyết điểm là do:

- Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của công tác kiểm tra, giám sát chưa đầy đủ nên ảnh hưởng đến kết quả thực hiện công tác này. Nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng còn có nơi chưa được tôn trọng và vi phạm (nguyên tắc tập trung dân chủ; đoàn kết, thống nhất; phê bình, tự phê bình), vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên ở một số nơi chưa tốt; tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm; dân chủ hình thức, xử lý kỷ luật không nghiêm... còn xảy ra ở một số địa phương, đơn vị.

- Cơ chế, chính sách của Nhà nước có lĩnh vực còn bất cập, chậm sửa đổi; việc cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng thành các quy định cụ thể để thực hiện còn thiếu và chậm, trong đó có phần trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra của cấp ủy chưa quan tâm đúng mức công tác kiểm tra, giám sát

để thực hiện tốt Điều 30 và Điều 32 Điều lệ Đảng; những đảng viên có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, uy tín giảm sút dù cơ quan chức năng chưa kết luận nhưng chậm bố trí lại công tác cho phù hợp.

- Phương pháp công tác, trình độ của một số cán bộ kiểm tra còn bất cập, chưa ngang tầm và theo kịp yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Công tác xây dựng ngành kiểm tra còn những hạn chế như: Mô hình tổ chức và biên chế cơ quan kiểm tra các cấp (trừ cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương) chậm ban hành; công tác đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế; chậm ban hành chính sách như thang bậc lương, phụ cấp công vụ, hiện mới ban hành phụ cấp nghề nhưng vẫn còn có điểm chưa phù hợp.

II- VỀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG NĂM 2009

Năm 2009 là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, thời gian còn lại thực hiện Nghị quyết Đại hội X không nhiều, trong khi đó Đại hội X đã xác định: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng” là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu phải phấn đấu thực hiện trong nhiệm kỳ này; đồng thời phải tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí nhằm ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tệ nạn này, tạo lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước như Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) đã đề ra.

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) đã chỉ rõ mục tiêu, nhiệm vụ cần đạt được là: “*Công tác kiểm tra, giám sát trong thời gian tới phải góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, tăng cường sự đoàn kết thống nhất và bảo đảm thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật đảng, phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của đảng cầm quyền, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*”.

Phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong thời gian qua, năm 2009 cần tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Cần phải quán triệt các quan điểm: *Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng, là chức năng lãnh đạo, nhiệm vụ thường xuyên của Đảng, trước hết là nhiệm vụ của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, do cấp ủy trực tiếp tiến hành, không thể thiếu được của một tổ chức đảng, của mỗi một cấp ủy; đề cao việc phòng ngừa vi phạm; đi đôi với xử lý vi phạm phải phát hiện nhân tố mới để nhân rộng và phát huy; kết hợp giữa xây và chống, lấy xây là chính, xử lý phải kịp thời, nghiêm minh để răn đe, giáo dục khi phát hiện có vi phạm.*

Để tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát năm 2009, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm làm tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên nâng

cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; đề cao tinh thần chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị và các quy định của Đảng nhằm khắc phục các khuyết điểm, yếu kém vừa qua. Qua đó, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về công tác này.

2. Cần tập trung hơn nữa để xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước đang còn thiếu hoặc không còn phù hợp; hoàn thiện hệ thống văn bản, quy chế, quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị đã ban hành làm cơ sở để cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện thuận lợi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

3. Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo Điều 30 và Điều 32 Điều lệ Đảng, bao gồm: Đổi mới nội dung, phương pháp kiểm tra, giám sát, thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và công tác giám sát, giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm, gắn việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát với việc thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo hướng chuyển trọng tâm từ “học tập” sang “làm theo”. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009. Qua kiểm tra, góp phần chuẩn bị phục vụ tốt đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

4. Đề cao nguyên tắc tự kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp; mọi nguyên tắc của Đảng phải được tôn trọng triệt để ở các cấp ủy, các tổ chức đảng. Chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, giám sát trong Đảng

với thanh tra, kiểm toán, giám sát của các tổ chức trong hệ thống chính trị và nhân dân; phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí và nhân dân tham gia giám sát tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên để phục vụ tốt công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng. Qua kiểm tra, phải kiên quyết xử lý và chỉ đạo xử lý nghiêm minh các sai phạm. Kiến nghị các cơ quan liên quan ở Trung ương, địa phương sửa đổi, bổ sung, ban hành những chủ trương, chính sách cho phù hợp với thực tiễn.

5. Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp, tăng thêm biên chế; quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, luân chuyển đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra; không ngừng nâng cao trình độ để làm tốt chức năng tham mưu và chức năng trực tiếp kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp; ban hành chính sách, chế độ đãi ngộ đặc thù; ban hành chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm sát với thực tiễn tình hình của các bộ, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương; phối hợp tốt hơn nữa với các cơ quan chức năng có liên quan trên cơ sở quy chế đã và sẽ ban hành.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ thông báo kết luận này của Ban Bí thư, cụ thể hóa thành chương trình kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến tích cực trong thời gian tới.

- Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan hữu quan theo

dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thông báo này, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 207-QĐ/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2009

Thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình thí điểm xây dựng “nông thôn mới” trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 205-QĐ/TW, ngày 30-12-2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình thí điểm xây dựng “nông thôn mới” trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Chương trình thí điểm xây dựng “nông thôn mới” trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng chí Nguyễn Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng thay đồng chí Nguyễn Văn Liên, Thứ trưởng Bộ Xây dựng (đã nghỉ hưu) là Ủy viên Ban Chỉ đạo.

- Đồng chí Huỳnh Vĩnh Ái, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thay đồng chí Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đã được Bộ phân công phụ trách công tác khác) là Ủy viên Ban Chỉ đạo.

- Đồng chí Nguyễn Công Nghiệp, Thứ trưởng Bộ Tài chính thay đồng chí Đỗ Hoàng Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Tài chính (được Bộ phân công phụ trách công tác khác) là Ủy viên Ban Chỉ đạo.

Điều 2. Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình thí điểm xây dựng “nông thôn mới” phân công trách nhiệm cụ thể đối với các đồng chí có tên trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình thí điểm xây dựng “nông thôn mới”, Ban Cán sự đảng Bộ Xây dựng, Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 219-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 2009

VỀ MỘT SỐ ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về văn học, nghệ thuật

Tại phiên họp ngày 4-2-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về xây dựng một số đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” (Công văn số 3053-CV/BTGTW, ngày 8-12-2008); ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì vậy, cần phải được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả tốt.

2. Cơ bản đồng ý những đề án do Ban Tuyên giáo Trung ương đề xuất; giao cho các cơ quan tiến hành xây dựng các đề án sau:

- Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam và các hội văn học, nghệ thuật Trung ương nghiên cứu, đưa vấn đề tổ chức và hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật vào thành một phần (một chương) của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng nghị định riêng về các hội văn học, nghệ thuật với những nội dung theo đúng tinh thần Nghị quyết 23-NQ/TW, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hoàn thành trong quý II-2009.

- Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam và các hội văn học, nghệ thuật Trung ương rà soát, đề xuất xây dựng các chính sách đối với hoạt động văn học, nghệ thuật và văn nghệ sĩ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bao gồm các nhóm chính sách:

+ Chế độ tài trợ, đặt hàng đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật. Chính sách khuyến khích sáng tạo trong các hoạt động văn học, nghệ thuật và thành lập Quỹ sáng tác.

Thời gian hoàn thành trong quý II-2009.

+ Chính sách thẩm định, quảng bá, thuế ưu đãi... đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật trong nước; văn hóa phẩm

của Việt Nam đưa ra nước ngoài và giới thiệu tinh hoa văn học, nghệ thuật của thế giới vào Việt Nam; chính sách bảo tồn, quảng bá, phát huy di sản văn học, nghệ thuật dân tộc, nghiên cứu, sưu tầm, chỉnh lý vốn văn học, nghệ thuật truyền thống, xây dựng và phát huy văn học, nghệ thuật quần chúng; chính sách xuất bản, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật đến với công chúng qua các ấn phẩm văn hóa, các phương tiện thông tin đại chúng.

Thời gian hoàn thành trong quý III-2009.

+ Trên cơ sở quy hoạch và rà soát, đánh giá lại các công trình hiện có, xây dựng kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm) từ năm 2010 - 2020.

Thời gian hoàn thành trong quý IV-2009.

- Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng thông tư hướng dẫn thực hiện Luật sở hữu trí tuệ đối với hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Thời gian hoàn thành trong quý IV-2009.

- Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường văn hóa, nghệ thuật”.

Trình Ban Bí thư trong quý III-2009.

- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Đề án “Xây dựng chương trình, nội dung đào

tạo về văn học, nghệ thuật trong hệ thống các trường chính trị - hành chính”.

Trình Ban Bí thư trong quý II-2009.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam và các hội văn học, nghệ thuật Trung ương xây dựng Đề án “Tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”.

Trình Ban Bí thư trong quý II-2009.

- Đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, giúp Ban Bí thư hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc quá trình triển khai thực hiện các nội dung nêu trên. Phân công đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị làm Trưởng Ban Chỉ đạo, một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Phó Trưởng ban, thành viên gồm đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành có liên quan.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 220-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 2009

**Về Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường,
thị trấn và sách dành cho cán bộ lãnh đạo**

Tại phiên họp ngày 4-2-2009, sau khi nghe Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật báo cáo Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn và sách dành cho cán bộ lãnh đạo (Tờ trình số 102-TTr/NXBCTQG, ngày 15-8-2008); ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

Đồng ý thực hiện thí điểm trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn. Ban Tuyên giáo Trung ương thành lập Hội đồng nghiên cứu, hoàn thiện đề án, đề xuất nội dung, số lượng sách trang bị cho cơ sở phù hợp với đối tượng, tiết kiệm, thiết thực; lựa chọn địa bàn thí điểm, chỉ đạo việc thực hiện, đánh giá kết quả thí điểm, báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 221-TB/TW, ngày 12 tháng 2 năm 2009

**Về việc tiếp tục nâng cao vị trí, vai trò, chất lượng
và hiệu quả hoạt động của các cấp
Hội Nhà báo Việt Nam**

Tại phiên họp ngày 16-12-2008, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam báo cáo về Đề án nâng cao vị trí, vai trò, trách nhiệm, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cấp Hội Nhà báo Việt Nam và ý kiến của các bộ, ban, ngành có liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Những năm qua, Hội Nhà báo Việt Nam đã có đóng góp quan trọng trong việc tổ chức, tập hợp, động viên các nhà báo - hội viên thực hiện tốt nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao; góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của báo chí và đội ngũ những người làm báo Việt Nam.

Thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW, ngày 18-3-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX), nhìn chung các cấp hội đã triển khai thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ đề ra nhằm “nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong thời kỳ mới”; vai trò, vị trí của Hội Nhà báo Việt Nam

được nâng lên; tổ chức hội được củng cố, hoạt động bước đầu được đổi mới; Hội đã chủ động tham gia vào công tác chỉ đạo và quản lý báo chí; chất lượng hội viên và những người làm báo được nâng lên.

Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn; chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội chưa cao, việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động chưa theo kịp sự phát triển của báo chí và đội ngũ những người làm báo; sức cuốn hút và tập hợp của Hội chưa cao, ý thức xây dựng Hội của nhiều hội viên còn hạn chế; còn một số nhà báo - hội viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Một số cấp ủy, chính quyền, bộ, ban, ngành ở Trung ương và địa phương chưa thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác báo chí và hoạt động của Hội Nhà báo; thiếu sự quan tâm, tạo điều kiện và chỉ đạo chặt chẽ, sâu sát để Hội hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Ban Bí thư cơ bản tán thành với nội dung Đề án nâng cao vị trí, vai trò, trách nhiệm, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cấp Hội Nhà báo Việt Nam; Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư để hoàn chỉnh Đề án. Đồng thời, nhấn mạnh một số nội dung sau:

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cấp hội nhà báo, các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, các cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước

yêu cầu mới và Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX) về tiếp tục nâng cao vị trí, chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, trách nhiệm của Hội Nhà báo Việt Nam trong hệ thống chính trị và đối với sự phát triển của báo chí cách mạng Việt Nam. Hội Nhà báo Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của những người làm báo Việt Nam, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng và trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước; tính chất nghề nghiệp của Hội không tách rời tính chất chính trị - xã hội; nhiệm vụ hàng đầu của báo chí, của những người làm báo Việt Nam và của Hội là phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

- Hội Nhà báo Việt Nam và các cấp hội cần đổi mới tổ chức, hoạt động; nội dung và phương thức công tác; tăng cường quản lý, giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và nghiệp vụ báo chí cho hội viên; củng cố tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ cả về chất lượng và số lượng; chủ động và tích cực tham gia chỉ đạo, quản lý báo chí; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về báo chí; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, góp phần thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác báo chí, tổ chức và hoạt động của các cấp hội nhà báo, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng đối với các cấp hội nhà báo; xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách về cán bộ, tài chính và các điều kiện khác để Hội Nhà báo Việt Nam và các cấp hội làm tốt chức năng,

nhiệm vụ của mình trong giai đoạn mới, thúc đẩy sự nghiệp báo chí cách mạng phát triển.

3. Để thực hiện tốt những nội dung trên, Ban Bí thư yêu cầu:

- Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam cùng với Ban Chấp hành Trung ương Hội chỉ đạo các cấp hội nhà báo xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, tổ chức thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ nêu trong Đề án.

- Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn các cấp ủy sơ kết, đánh giá và đề ra chương trình, kế hoạch tiếp tục thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX), Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) và nội dung Thông báo này, nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với các cấp hội nhà báo, bố trí cán bộ có năng lực lãnh đạo công tác hội và tạo điều kiện để Hội hoạt động và phát triển.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính phối hợp với Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách về tổ chức, biên chế, kinh phí và điều kiện hoạt động của các cấp hội nhà báo và chế độ đối với cán bộ hội; có lưu ý tới những đặc thù trong tổ chức và hoạt động của Hội; xây dựng cơ chế để Hội có thêm nguồn thu bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan liên quan nghiên cứu, xem xét, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung *Luật báo chí, Luật thi đua - khen thưởng* và các luật có liên quan theo hướng xác định rõ hơn vị trí, vai trò, chức năng của Hội Nhà báo Việt Nam trong hệ thống chính trị và trong hoạt

động báo chí, đồng thời có hình thức tôn vinh các nhà báo ưu tú.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 208-QĐ/TW, ngày 19 tháng 2 năm 2009

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai
một số đề án thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW
của Bộ Chính trị (khóa X) về văn học, nghệ thuật**

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 219-TB/TW, ngày 10-2-2009 về một số đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về văn học, nghệ thuật;
- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai một số đề án thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về văn học, nghệ thuật (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH**Ban Chỉ đạo triển khai một số đề án****thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW****của Bộ Chính trị về văn học, nghệ thuật**

*(Kèm theo Quyết định số 208-QĐ/TW, ngày 19-2-2009
của Ban Bí thư)*

1. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Trưởng ban;
2. Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng ban;
3. Giáo sư, Tiến sĩ Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Trưởng Ban Thường trực;
4. 1 Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên;
5. 1 Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên;
6. 1 Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên;
7. 1 Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên;
8. Nghệ sĩ nhân dân Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên;
9. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Đào Duy Quát, chuyên gia cao cấp, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, Ủy viên (Thường trực);
10. Nhà văn Đỗ Kim Cương, Vụ trưởng Vụ Văn hóa - Văn nghệ, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên (Thường trực);

11. Phó Giáo sư, Họa sĩ Vũ Giáng Hương, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên;
12. Nhà thơ Hữu Thịnh, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Ủy viên;
13. Họa sĩ Trần Khánh Chương, Chủ tịch Hội Mỹ thuật Việt Nam, Ủy viên;
14. Nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Trọng Khôi, Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Ủy viên;
15. Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Ủy viên;
16. Kiến trúc sư Nguyễn Tấn Vạn, Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Ủy viên;
17. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Luân Kim, Chủ tịch Hội Điện ảnh Việt Nam, Ủy viên;
18. Nghệ sĩ nhiếp ảnh Chu Chí Thành, Chủ tịch Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, Ủy viên;
19. Nghệ sĩ nhân dân Chu Thúy Quỳnh, Chủ tịch Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam, Ủy viên;
20. Giáo sư, Tiến sĩ Tô Ngọc Thanh, Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Ủy viên;
21. Nhạc sĩ Nông Quốc Bình, Chủ tịch Hội Văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ủy viên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 222-TB/TW, ngày 20 tháng 2 năm 2009

Về việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, tổ chức thực hiện Nghị quyết và các kết luận của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X

Ngày 17-2-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương trình bày nội dung hướng dẫn triển khai nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, tổ chức thực hiện Nghị quyết và các kết luận của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X (Tờ trình số 95-TTr/BTGTW, ngày 11-2-2009) và ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Việc nghiên cứu, quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết và các kết luận của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, gắn liền với thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng nội dung của Hội nghị Trung ương lần này; thấy rõ những

thành tựu đã đạt được trong nửa đầu nhiệm kỳ qua, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; đề ra chương trình hành động và các giải pháp thực hiện của mỗi địa phương, đơn vị trong thời gian tới, trước mắt là năm 2009, qua đó tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong Đảng và toàn xã hội, tạo ra quyết tâm lớn vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội X của Đảng đã đề ra.

2. Đợt sinh hoạt chính trị lần này cần tập trung nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Những kết luận của Hội nghị Trung ương đã được triển khai trong các hội nghị chuyên đề (về công tác tổ chức; về phòng, chống tham nhũng, lãng phí...) cần tổ chức cho phù hợp để tránh trùng lặp về nội dung, thành phần tham dự, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3. Quan tâm làm tốt việc tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên; báo cáo viên cấp trên có trách nhiệm hỗ trợ cấp dưới trong việc truyền đạt Nghị quyết. Đồng chí bí thư cấp ủy có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ này và giải đáp, kết luận trong đợt sinh hoạt chính trị.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan biên soạn, chuẩn bị tốt các tài liệu nghiên cứu, học tập, kể cả những nội dung dự kiến cần phải giải đáp cho cán bộ, đảng viên về những vấn đề nổi lên được đảng viên và nhân dân quan tâm; tổ chức chu đáo việc tập huấn cho hệ thống tuyên giáo và đội ngũ báo cáo viên; đồng thời hướng dẫn các tổ chức đảng tổ chức tốt đợt nghiên cứu, quán

triệt, tuyên truyền, thực hiện Nghị quyết và các kết luận của Hội nghị Trung ương 9 (khóa X). Thời gian hoàn thành đợt sinh hoạt chính trị này trước ngày 30-4-2009.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 209-QĐ/TW, ngày 20 tháng 2 năm 2009

**Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra
của Ban Bí thư năm 2009**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009 (số 97-CTr/TW, ngày 23-12-2008);
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư năm 2009 về kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với một số địa phương, đơn vị gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng ban.

2. Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Phó Trưởng ban.

3. Đồng chí Trịnh Long Biên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

4. Đồng chí Nguyễn Đình Phách, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

5. Đồng chí Mai Thế Dương, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

6. Đồng chí Nguyễn Minh Quang, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

7. Đồng chí Lê Hồng Liêm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

8. Đồng chí Phạm Thị Hoè, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

9. Đồng chí Mai Trực, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

10. Đồng chí Dương Thành Bắc, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.

11. Đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

12. Đồng chí Lê Văn Giảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

13. Đồng chí Bùi Văn Thế, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

14. Đồng chí Nguyễn Văn Đảm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

15. Đồng chí Sa Như Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

16. Đồng chí Nguyễn Công Học, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo kiểm tra có nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra của Ban Bí thư theo Chương trình kiểm tra số 97-CTr/TW, ngày 23-12-2008 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ban Chỉ đạo kiểm tra có văn phòng giúp việc đặt tại Ủy ban Kiểm tra Trung ương và sử dụng con dấu của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Ban Chỉ đạo kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 223-TB/TW, ngày 24 tháng 2 năm 2009

**Về việc thực hiện thí điểm chủ trương
đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch
ủy ban nhân dân ở cấp xã và địa phương
không tổ chức hội đồng nhân dân**

Tại phiên họp ngày 5-2-2009, xem xét Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương “về thực hiện thí điểm đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp xã và các cấp không tổ chức hội đồng nhân dân” (Tờ trình số 283-TTr/BTCTW, ngày 30-12-2008), Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

- Đồng ý thực hiện thí điểm chủ trương đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp xã và địa phương không tổ chức hội đồng nhân dân để rút kinh nghiệm, nếu phù hợp thì nhân ra diện rộng.

- Về phạm vi, số lượng cơ sở và thời gian tiến hành thí điểm:

+ Đối với những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường (theo Nghị quyết số 26/2008/QH12 của Quốc hội),

thực hiện thí điểm từ 20 - 30% tại số huyện, quận, phường thực hiện thí điểm. Thời gian được tiến hành ngay sau khi kết thúc nhiệm kỳ 2004 - 2009 của hội đồng nhân dân vào ngày 25-4-2009.

+ Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn và chỉ đạo thực hiện thí điểm từ 2 - 3% số xã, thị trấn ở địa phương. Thời gian thực hiện thí điểm trong năm 2009.

- Những địa phương được chọn làm thí điểm cần đảm bảo tính đại diện, đặc trưng cho các vùng, miền, đủ điều kiện để triển khai và tổng kết việc thí điểm.

Cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp có trách nhiệm quán triệt chủ trương trên để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

- Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan ở Trung ương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện và tiến hành tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 224-TB/TW, ngày 27 tháng 2 năm 2009

Về kết quả kiểm tra công tác báo chí theo Chương trình kiểm tra số 67-CTr/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008

Ngày 17-2-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo kết quả kiểm tra công tác lãnh đạo, quản lý các cơ quan báo chí theo Chương trình kiểm tra số 67-CTr/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008 (Báo cáo số 155-BC/BTGTW, ngày 1-2-2009); ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Việc kiểm tra quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan báo chí trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về hoạt động báo chí là việc làm thường xuyên, qua đó phát hiện những điển hình, nhân tố mới để biểu dương, nhân rộng, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những sai phạm trong hoạt động của các cơ quan báo chí, đưa hoạt động báo chí phát triển, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Ban Bí thư cơ bản nhất trí với nội dung nêu trong Báo cáo; kết quả kiểm tra đã bám sát nội dung chỉ đạo

trong Chương trình kiểm tra số 67-CTr/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Để tiếp tục thực hiện tốt nội dung, kế hoạch kiểm tra đã đề ra, đoàn kiểm tra cần tiếp tục kiểm tra, làm rõ những ưu, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của các cơ quan chỉ đạo, quản lý, cơ quan chủ quản báo chí, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn ở Trung ương và cấp ủy tỉnh, thành phố..., sau đó thông báo kết quả kiểm tra tới các đơn vị đã kiểm tra về những ưu điểm, hạn chế để có biện pháp khắc phục sai phạm của từng cơ quan báo chí trong thời gian tới.

3. Nhất trí với những nội dung đề xuất, kiến nghị nêu trong Báo cáo; căn cứ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác này, Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông tham mưu đề xuất các biện pháp xử lý, trình Ban Bí thư trong quý II-2009.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 225-TB/TW, ngày 3 tháng 3 năm 2009

Về cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình tuyên truyền

Ngày 17-2-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương trình bày nội dung Đề án cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình tuyên truyền, đặc biệt là công tác tuyên truyền miệng (Tờ trình số 93-TTr/BTGTW, ngày 6-2-2009); ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Những năm qua, công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hệ thống báo cáo viên được xây dựng và quản lý thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, với lực lượng đông đảo, hoạt động chủ yếu tại tổ chức cơ sở đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội;

các phương tiện thông tin đại chúng tiếp tục khẳng định là bộ phận có vai trò quan trọng trong công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng và Nhà nước, cùng với hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan đã góp phần cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân thi đua thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; hoạt động văn hóa, văn nghệ đã có nhiều cố gắng, tìm tòi đổi mới để thực hiện mục đích, nội dung tuyên truyền.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền chủ yếu tập trung vào những vấn đề thời sự, chưa thực sự chú trọng những vấn đề cơ bản, chiến lược, chưa lý giải thấu đáo một số tâm trạng xã hội, cũng như những khuynh hướng tư tưởng mới nảy sinh; hoạt động tuyên truyền chưa rộng khắp trong các tầng lớp nhân dân, một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân chưa được tiếp nhận đầy đủ thông tin, định hướng trực tiếp của công tác tuyên truyền.

Việc đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch còn thụ động, chưa đủ sức thuyết phục, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống công tác tư tưởng, lý luận, nghiên cứu khoa học. Chất lượng, nội dung tuyên truyền miệng chưa đáp ứng nhu cầu và trình độ ngày càng cao của nhân dân; chủ yếu tuyên truyền một chiều từ trên xuống, thiếu chủ động lắng nghe, đối thoại; tính định hướng, thuyết phục chưa cao, còn có biểu hiện né tránh những vấn đề bức xúc mà dư luận quan tâm. Khuynh hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, thương mại hóa của một số cơ quan báo chí đã được cảnh báo và uốn nắn nhưng chậm xử lý, khắc phục, thậm chí có lúc, có nơi còn vi phạm nghiêm trọng hơn. Hoạt động tuyên truyền chưa có sự kết hợp tốt với hoạt động

văn học, nghệ thuật nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp, sự hấp dẫn với quần chúng.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém nêu trên là do công tác quản lý xã hội, quản lý kinh tế, công tác xây dựng Đảng còn yếu kém, khuyết điểm; một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; xử lý một số vụ việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng còn kéo dài, làm cho công tác tuyên truyền gặp khó khăn, tính thuyết phục kém. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực sự quan tâm, coi trọng công tác tuyên truyền, có nơi còn xem nhẹ hoặc khoán trắng cho cơ quan tuyên giáo. Nội dung, phương pháp tuyên truyền chậm đổi mới. Sự chống phá của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, gây khó khăn cho công tác tuyên truyền. Đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, nhất là ở địa phương, cơ sở vừa thiếu vừa hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ; công tác đào tạo, xây dựng và phát triển đội ngũ ở các cấp chưa được quan tâm đúng mức; chế độ, chính sách còn nhiều bất cập, chưa tạo được động lực trong công tác này.

2. Trong thời gian tới, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân cần tập trung thực hiện tốt một số mục tiêu, giải pháp sau:

a) Mục tiêu

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình tuyên truyền, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ công tác tư tưởng của Đảng trước yêu cầu mới, góp phần nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh;

thực hiện tốt Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, khắc phục tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

b) Giải pháp chủ yếu

- Thực hiện thường xuyên, thành nề nếp phương châm thông tin hai chiều; hoạt động tuyên truyền phải làm tốt việc truyền đạt nội dung đến người nghe, đồng thời chủ động tiếp nhận thông tin, đối thoại, trao đổi, giải quyết những vấn đề đặt ra để tạo sự nhất trí cao. Hoạt động tuyên truyền phải phù hợp với từng đối tượng, chú trọng đối tượng có tính đặc thù; phấn đấu đến năm 2011 xây dựng được đội ngũ báo cáo viên cho từng đối tượng.

- Tiếp tục đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng theo hướng xác định phương pháp, cách thức tuyên truyền, học tập, lựa chọn nội dung cơ bản, thiết thực, sát hợp với từng đối tượng. Đổi mới công tác tuyên truyền các sự kiện chính trị, xã hội, các ngày lễ lớn; tập trung chỉ đạo các đợt tuyên truyền những sự kiện lớn, những vấn đề hệ trọng của đất nước. Tổ chức lại lực lượng tham gia đấu tranh chống các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, đa dạng hóa hình thức đấu tranh.

- Tăng cường công tác thông tin nội bộ, trên cơ sở cải tiến nội dung và hình thức, bảo đảm tính định hướng, nhanh nhạy và hiệu quả. củng cố và phát triển trung tâm thông tin công tác tuyên giáo các cấp theo tinh thần Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 15-10-2007 của Ban Bí thư (khóa X), từng bước hình thành chức năng đối thoại của trung tâm.

- Ban hành quy chế cung cấp thông tin, người phát ngôn của Đảng; mở rộng hình thức giao ban trực tuyến của các cơ quan Trung ương; thực hiện nghiêm quy định về người phát ngôn của các bộ, ban, ngành Trung ương. Quy định chế độ các bộ, ban, ngành Trung ương cung cấp thông tin cho Ban Tuyên giáo Trung ương để phục vụ công tác chỉ đạo, định hướng thông tin, tuyên truyền; quy định quyền và trách nhiệm của báo cáo viên chuyên trách được dự một số cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, được tiếp cận một số tài liệu của các cấp ủy có liên quan và cần thiết cho công tác tuyên truyền miệng. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Trung ương với các bộ, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội trong việc chỉ đạo hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở.

- Các cấp ủy rà soát lại đội ngũ báo cáo viên, xây dựng hệ thống báo cáo viên chuyên trách và báo cáo viên kiêm nhiệm; chú trọng chất lượng chính trị, chuyên môn khi tuyển chọn và công nhận báo cáo viên; phấn đấu đến năm 2011, tất cả báo cáo viên do cấp ủy quản lý được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên truyền miệng.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho phóng viên báo chí, chú trọng giáo dục phẩm chất chính trị gắn chặt với chuyên môn, nghiệp vụ; quy định chế độ bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ hằng năm đối với cán bộ làm công tác quản lý thuộc các cơ quan báo chí do hội nhà báo tỉnh, thành phố, chi hội nhà báo trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện.

- Phát huy thế mạnh của văn học, nghệ thuật; vai trò của các văn nghệ sĩ trong sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật

phục vụ cho công tác tuyên truyền của Đảng, Nhà nước. Đổi mới, hoàn thiện chương trình, nội dung đào tạo trong các trường văn hóa, nghệ thuật; kịp thời cung cấp thông tin, định hướng cho văn nghệ sĩ để thực hiện tốt nhiệm vụ này.

- Xây dựng quy định về chức danh, tiêu chuẩn mã ngạch, phụ cấp trách nhiệm, chế độ thù lao đối với báo cáo viên chuyên trách; rà soát, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng phóng viên, văn nghệ sĩ, đáp ứng yêu cầu đào tạo đặc thù của lĩnh vực này.

3. Tổ chức thực hiện

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng quy chế cung cấp thông tin, người phát ngôn của Đảng, trình Bộ Chính trị trong quý II-2009; phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng quy định về cung cấp thông tin, cơ chế phối hợp trong công tác tuyên truyền.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ xây dựng quy định về chức danh, tiêu chuẩn, mã ngạch đối với báo cáo viên chuyên trách; phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền.

- Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng quy định về phụ cấp trách nhiệm, chế độ thù lao đối với báo cáo viên chuyên trách; hướng dẫn chỉ đạo đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, kinh phí hoạt động cho trung tâm thông tin công tác tuyên giáo các cấp.

- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan xây dựng nội dung, chương trình bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ đối với từng chức danh cán bộ làm công tác tuyên truyền.

- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Kết luận này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 226-TB/TW, ngày 3 tháng 3 năm 2009

**Về tăng cường tuyên truyền, phổ biến
công tác kiểm tra, giám sát của Đảng**

Ngày 17-2-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương trình bày nội dung Đề án tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) (Tờ trình số 94-TTr/BTGTW, ngày 6-2-2009); ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Thời gian qua, hoạt động tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã góp phần nâng cao nhận thức của các tổ chức đảng, các ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên. Các phương tiện thông tin đại chúng, công tác tuyên truyền miệng, hoạt động văn hóa, văn nghệ đã có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, góp phần tuyên truyền, định

hướng dư luận cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Tuy nhiên, hoạt động tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng chưa được quan tâm tổ chức tốt; nội dung tuyên truyền, phổ biến chủ yếu là giới thiệu các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát. Chưa có cơ chế phối hợp và cung cấp thông tin giữa cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp với cơ quan tuyên truyền, báo chí. Một số cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra không muốn hoặc ngại cung cấp thông tin về hoạt động kiểm tra, giám sát, kết quả xử lý sau kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Phần lớn đội ngũ làm công tác tuyên truyền chưa hiểu biết nhiều về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, khả năng tác nghiệp hạn chế, hiệu quả thấp.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do một số cấp ủy, tổ chức đảng, bí thư cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, chưa thực sự quan tâm, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến công tác này. Chưa có quy định cụ thể về nội dung, kết quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng được phép công bố, cũng như hình thức công bố, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ủy ban kiểm tra các cấp chưa chủ động phối hợp với cơ quan tuyên truyền, báo chí để tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát. Tư tưởng dè dặt, e ngại không muốn cung cấp thông tin cho báo chí của cán bộ ngành kiểm tra đảng còn khá phổ biến. Tính tự giác của cán bộ, đảng viên trong thực hiện tự phê bình và phê bình chưa cao; còn

né tránh cung cấp thông tin cho việc tuyên truyền những yếu kém, khuyết điểm của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng chủ yếu tập trung ở các báo, tạp chí của Đảng, các hình thức tuyên truyền khác chưa được quan tâm đầu tư, sử dụng.

2. Nhằm tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, cơ quan tuyên truyền, báo chí, đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên về vị trí, vai trò và sự cần thiết phải đổi mới và tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới; bảo đảm quyền của cán bộ, đảng viên và nhân dân được thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp, kết quả kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; quyền được trình bày ý kiến của đảng viên đối với tổ chức đảng và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra trong việc tiếp nhận, xử lý thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; từng bước đổi mới hoạt động tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, hoạt động này phải đảm bảo yêu cầu sau:

- Bám sát đường lối, quan điểm, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng nói riêng. Tuân thủ sự chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong toàn Đảng ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Tạo sự đoàn kết, thống nhất, tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, sự đồng thuận trong xã hội; tạo sức mạnh

tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

3. Một số nội dung, giải pháp chủ yếu

a) Nội dung tuyên truyền công tác kiểm tra, giám sát của Đảng cần tập trung vào việc giới thiệu, tuyên truyền các văn bản của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát; kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng; giới thiệu những cá nhân, tập thể điển hình trong kiểm tra, giám sát, kinh nghiệm về công tác này của trong và ngoài nước.

b) Về chế độ cung cấp thông tin

- Xây dựng cơ chế cung cấp, trao đổi và xử lý thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng giữa các cơ quan chức năng, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng tư tưởng chính trị của các cấp lãnh đạo và triển khai hoạt động tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp lập bộ phận tuyên truyền làm đầu mối phối hợp với cơ quan tuyên truyền, báo chí tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Ban hành quy định về thời hạn giải mã các thông tin “mật” về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng để bảo đảm việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản, tài liệu, vụ việc đúng quy định về bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước.

c) Đổi mới phương thức hoạt động tuyên truyền, phổ biến

- Thực hiện cơ chế phối hợp tuyên truyền, phổ biến giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, xét xử; với hoạt động giám sát của Quốc hội và

hội đồng nhân dân các cấp, hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Tổ chức tuyên truyền về kết quả các cuộc kiểm tra, giám sát trọng điểm có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, được dư luận xã hội quan tâm. Tổ chức các diễn đàn đối thoại, tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học; mở chuyên trang, chuyên mục trên báo chí; tăng cường xuất bản, phát hành sách, báo, tài liệu; tổ chức những cuộc thi tìm hiểu, sáng tác, biểu diễn tác phẩm văn học, nghệ thuật; tổ chức các hoạt động văn hóa - thông tin ở cơ sở để tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

d) Tổ chức đội ngũ làm công tác tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng (báo cáo viên, tuyên truyền viên, phóng viên, cộng tác viên...), định kỳ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng cho đội ngũ này. Xây dựng, hoàn thiện chương trình giảng dạy, bồi dưỡng kiến thức về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng tại các cơ sở đào tạo của Đảng, các trường, khoa đào tạo báo chí toàn quốc.

e) Tăng cường đầu tư kinh phí, phương tiện cho các báo, tạp chí chuyên ngành kiểm tra; hàng năm có nguồn kinh phí thường xuyên phục vụ công tác tuyên truyền của ủy ban kiểm tra các cấp. Ủy ban Kiểm tra Trung ương lập trang thông tin điện tử về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; Tạp chí *Kiểm tra* là tài liệu phổ biến, hướng dẫn nghiệp vụ để các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên nghiên cứu, học tập.

4. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành Quy chế về

người phát ngôn của cơ quan và Quy chế cung cấp thông tin về hoạt động kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan xây dựng Quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với cơ quan tuyên truyền, báo chí trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng cho đội ngũ làm công tác tuyên truyền.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan tuyên truyền, báo chí xây dựng kế hoạch tuyên truyền; định kỳ sơ kết, tổng kết các hoạt động tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam hướng dẫn tổ chức các hoạt động sáng tác, biểu diễn các tác phẩm văn học, nghệ thuật; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức các hoạt động văn hóa - thông tin ở cơ sở để tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan liên quan sưu tầm, biên dịch tài liệu của các đảng bạn về công tác kiểm tra, giám sát; biên soạn, xuất bản, phát hành sách, tài liệu về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, chỉ đạo, xây dựng kế

hoạch đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho ủy ban kiểm tra các cấp, các báo, tạp chí của Đảng trực tiếp phục vụ hoạt động tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện kết luận này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 40-KL/TW, ngày 6 tháng 3 năm 2009

**VỀ VIỆC SỬA ĐỔI NHỮNG BẤT HỢP LÝ VỀ TIỀN LƯƠNG,
PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
TRONG CƠ QUAN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, MẶT TRẬN,
CÁC ĐOÀN THỂ VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG**

Ngày 5-2-2009, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo về Đề án sửa đổi những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan đảng, nhà nước, mặt trận, các đoàn thể và lực lượng vũ trang (Tờ trình số 255/TTr-BCS, ngày 1-12-2008 của Ban Cán sự đảng Chính phủ) và ý kiến của các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Bổ sung các mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh mới có sau ngày 1-10-2004 chưa được quy định trong chế độ tiền lương hiện hành theo Tờ trình của Ban Cán sự đảng Chính phủ.

2. Từ ngày 1-1-2009, thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ, công chức của các ngành: tòa án, kiểm sát, kiểm toán, kiểm tra Đảng, thanh tra, thi hành án dân sự, kiểm lâm. Nghiên cứu áp dụng chế độ phụ cấp thâm niên

nghề đối với tất cả cán bộ, công chức nhà nước theo lộ trình cải cách tiền lương đã được Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) thông qua. Đồng thời, để bảo đảm tương quan tiền lương hợp lý giữa các ngành, chế độ phụ cấp thâm niên nghề chỉ được tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội khi chế độ này được áp dụng trong toàn hệ thống chính trị (trừ quân đội, công an, hải quan, cơ yếu).

3. Nâng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với chức danh bí thư tỉnh ủy, thành ủy (trừ Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) từ 1,30 hiện nay lên 1,40. Khi luân chuyển, điều động cán bộ, tùy theo quá trình công tác, cống hiến, nhiệm kỳ giữ chức vụ bí thư tỉnh ủy, thành ủy, Ban Tổ chức Trung ương trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cụ thể.

4. Trong khi chưa thay đổi phụ cấp các chức danh phó trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, từ nay được hưởng chế độ công vụ (xe ô tô, phụ cấp phục vụ, điện thoại, đi máy bay...) như thứ trưởng.

5. Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương tiếp tục nghiên cứu những bất hợp lý bức xúc còn lại để báo cáo Bộ Chính trị trong quý II-2009; các vấn đề còn lại của Đề án để sửa đổi tổng thể vào năm 2011, khi tiến hành mở rộng quan hệ tiền lương (tối thiểu - trung bình - tối đa).

Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm theo dõi, nắm tình hình và báo cáo Bộ Chính trị việc triển khai thực hiện Kết luận này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH

CỦA BAN BÍ THƯ

Số 210-QĐ/TW, ngày 6 tháng 3 năm 2009

VỀ PHÒNG LƯU TRỮ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Quyết định số 20-QĐ/TW, ngày 23-9-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Căn cứ Pháp lệnh lưu trữ quốc gia số 34/2001/PL-UBTVQH10, ngày 4-4-2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
 - Theo đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Bí thư quy định về Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam là toàn bộ tài liệu lưu trữ được hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức tiên thân của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; tài liệu về thân thế, sự nghiệp và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh,

của các nhân vật lịch sử, tiêu biểu của Đảng, đồng thời là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước, của các tổ chức chính trị - xã hội.

Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận quan trọng trong Phòng Lưu trữ quốc gia Việt Nam, là di sản vô cùng quý báu của Đảng và của dân tộc.

Điều 2. Tài liệu lưu trữ của Đảng và của các tổ chức chính trị - xã hội là tài liệu có giá trị về chính trị, khoa học và thực tiễn; là bản chính, bản gốc của tài liệu, được ghi trên giấy, phim, ảnh, băng hình, đĩa hình, băng âm thanh, đĩa âm thanh hoặc các vật mang tin khác; trường hợp không còn bản gốc, bản chính thì được thay thế bằng các bản sao hợp pháp.

Điều 3. Thành phần tài liệu Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm:

- Tài liệu của các tổ chức tiên thân của Đảng, các tổ chức tiên thân của các tổ chức chính trị - xã hội.
- Tài liệu của đại hội Đảng toàn quốc và đại hội đảng bộ các cấp; tài liệu của các cấp ủy đảng, các cơ quan, tổ chức đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn của Đảng Cộng sản Việt Nam (trước kia là Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Lao động Việt Nam).
- Tài liệu của các tổ chức chính trị - xã hội.
- Tài liệu về thân thế, sự nghiệp và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các lãnh tụ tiền bối của Đảng, các nhân vật lịch sử, tiêu biểu của Đảng, đồng thời là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước, của các tổ chức chính trị - xã hội.
- Tài liệu về hoạt động của các đảng cộng sản và công nhân, của các tổ chức và phong trào quốc tế, của các chiến sĩ cộng sản và nhân vật lịch sử quốc tế có liên quan đến Đảng ta.

- Tài liệu của các chế độ phong kiến, thực dân, đế quốc xâm lược và các chính quyền tay sai phản động có liên quan trực tiếp đến hoạt động của Đảng ta và của các tổ chức, đoàn thể cách mạng.

Điều 4. Tài liệu Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam phải được tập trung thống nhất, quản lý chặt chẽ, chỉnh lý hoàn chỉnh, hệ thống hóa khoa học và được tổ chức khai thác, phục vụ việc nghiên cứu lịch sử, khoa học và hoạt động thực tiễn.

Điều 5. Mọi tổ chức, cán bộ, đảng viên, công dân đều có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ và thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước, các chế độ, quy định về lưu trữ tài liệu của Đảng, của các tổ chức chính trị - xã hội. Không một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được giữ tài liệu thuộc Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam làm của riêng, tự ý sao chép, công bố, mua bán, trao đổi, sửa chữa, tiêu hủy trái phép hoặc sử dụng vào các mục đích trái với lợi ích của Đảng, của Nhà nước và của dân tộc.

Các cơ quan nghiên cứu, các viện bảo tàng... chỉ được lưu giữ hoặc trưng bày những tài liệu phục chế, những bản sao để phục vụ cho yêu cầu công tác của cơ quan mình; những tài liệu lưu trữ là bản gốc và bản chính thuộc Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam phải giao lại cho các cơ quan lưu trữ của Đảng quản lý.

Điều 6. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho công tác lưu trữ của cơ quan, tổ chức.

II- TỔ CHỨC LƯU TRỮ CỦA ĐẢNG

Điều 7. Tài liệu Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam được quản lý thống nhất và phân cấp bảo quản trong các kho lưu trữ của Đảng ở các cấp từ Trung ương đến địa phương. Hệ thống các cơ quan lưu trữ của Đảng gồm:

1- Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng có chức năng giúp Chánh Văn phòng Trung ương Đảng tham mưu cho Trung ương Đảng quản lý Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam; nghiên cứu, soạn thảo các văn bản chỉ đạo của Trung ương Đảng về công tác văn thư và lưu trữ; kiểm tra việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương; trực tiếp quản lý Kho Lưu trữ Trung ương Đảng; chỉ đạo, hướng dẫn thống nhất khoa học nghiệp vụ văn thư và lưu trữ đối với các cơ quan, tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

2- Phòng lưu trữ tỉnh ủy, thành ủy (sau đây gọi chung là tỉnh ủy) đặt trong văn phòng tỉnh ủy, có chức năng giúp chánh văn phòng tỉnh ủy tham mưu cho tỉnh ủy chỉ đạo công tác văn thư và lưu trữ; trực tiếp quản lý kho lưu trữ tỉnh ủy; chỉ đạo, hướng dẫn khoa học nghiệp vụ công tác văn thư và lưu trữ đối với các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh và các huyện, quận, thị, thành ủy trực thuộc tỉnh.

3- Kho lưu trữ huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy (sau đây gọi chung là huyện ủy) đặt trong văn phòng huyện ủy, do chánh văn phòng huyện ủy giúp huyện ủy trực tiếp chỉ đạo về công tác văn thư và lưu trữ; quản lý kho lưu trữ huyện ủy; hướng dẫn nghiệp vụ văn thư, lưu trữ đối với các cơ quan, tổ chức đảng và tổ chức chính trị - xã hội trong huyện.

Điều 8. Các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội phải tổ chức lưu trữ hiện hành. Lưu trữ hiện hành có nhiệm vụ hướng dẫn công tác văn thư và thu thập tài liệu lưu trữ của các đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1, Điều 12; chỉnh lý, bảo quản và phục vụ khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ; định kỳ giao nộp tài liệu vào lưu trữ cấp ủy các cấp theo khoản 2, Điều 12 của Quy định này.

Điều 9. Giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng quy định biên chế cán bộ văn thư, lưu trữ của hệ thống các cơ quan, tổ chức của Đảng và của các tổ chức chính trị - xã hội.

III- THU THẬP, QUẢN LÝ VÀ BẢO QUẢN TÀI LIỆU LƯU TRỮ

Điều 10. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản và sử dụng tài liệu văn thư phải lập hồ sơ và bảo quản an toàn.

Tài liệu văn thư có giá trị lưu trữ của cơ quan, tổ chức nào phải được giao nộp vào lưu trữ hiện hành của cơ quan, tổ chức đó theo thời hạn quy định tại khoản 1, Điều 12 của Quy định này.

Điều 11. Thẩm quyền thu thập và quản lý tài liệu lưu trữ

1. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng có thẩm quyền thu thập và quản lý tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp Trung ương; tài liệu của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đảng viên tiêu biểu của Đảng, tài liệu của các nhân vật lịch

sử, tiêu biểu của Đảng đồng thời là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước, của các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Phòng lưu trữ tỉnh ủy có thẩm quyền thu thập và quản lý tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; tài liệu của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và các đảng viên tiêu biểu của tỉnh.

3. Kho lưu trữ huyện ủy có thẩm quyền thu thập và quản lý tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong huyện, quận, thị, thành.

Điều 12. Tài liệu lưu trữ được hình thành trong quá trình hoạt động của Đảng và của các tổ chức chính trị - xã hội đều phải giao nộp vào kho lưu trữ của cấp ủy đảng cùng cấp để quản lý. Thời hạn giao nộp tài liệu lưu trữ như sau:

1. Sau một năm kể từ năm công việc có liên quan đến tài liệu văn thư kết thúc thì tài liệu có giá trị lưu trữ được giao nộp vào lưu trữ hiện hành.

2. Thời hạn giao nộp tài liệu từ lưu trữ hiện hành của cơ quan, tổ chức vào lưu trữ lịch sử:

2.1- Sau mười năm kể từ năm tài liệu được giao nộp vào lưu trữ hiện hành của các cơ quan, tổ chức đảng và tổ chức chính trị - xã hội ở cấp Trung ương.

2.2- Sau ba mươi năm kể từ năm tài liệu được giao nộp vào lưu trữ hiện hành của Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương.

2.3- Sau năm năm kể từ năm tài liệu được giao nộp vào lưu trữ hiện hành của các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

2.4- Sau mười năm kể từ năm tài liệu được giao nộp

vào lưu trữ hiện hành của đảng ủy quân sự, đảng ủy công an, đảng ủy bộ đội biên phòng ở cấp địa phương.

2.5- Hồ sơ, lý lịch của cán bộ, đảng viên thuộc cơ quan, cấp ủy nào quản lý được giao nộp vào kho lưu trữ của cấp ủy đó sau khi cán bộ, đảng viên qua đời.

Điều 13. Việc quản lý tài liệu của các cơ quan, tổ chức giải thể, chia tách, sáp nhập thực hiện theo hướng dẫn của Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 14. Việc xác định giá trị tài liệu Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam phải do các hội đồng xác định giá trị tài liệu lưu trữ của Đảng ở các cấp tiến hành.

Thành phần hội đồng xác định giá trị tài liệu ở Kho Lưu trữ Trung ương Đảng do Ban Bí thư ủy quyền Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quy định; ở các kho lưu trữ cấp ủy do thường trực cấp ủy quy định; ở các cơ quan, tổ chức đảng và tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương do người đứng đầu cơ quan, tổ chức quy định.

Tài liệu Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ được loại, hủy sau khi được hội đồng xác định giá trị tài liệu lưu trữ xem xét và quyết định. Không được loại, hủy tài liệu thuộc Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1954 trở về trước và tài liệu từ năm 1975 trở về trước của các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở các tỉnh phía Nam (từ Quảng Trị trở vào); tài liệu về thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của các lãnh tụ, đảng viên tiêu biểu của Đảng.

Điều 15. Bảo vệ, bảo quản tài liệu lưu trữ

1. Tài liệu lưu trữ hiện hành của các cơ quan, tổ chức

đảng, tổ chức chính trị - xã hội phải được bảo quản an toàn trong các kho lưu trữ của cơ quan, tổ chức.

2. Tài liệu lưu trữ lịch sử thuộc Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam phải được bảo quản trong các kho lưu trữ chuyên dụng của các cấp ủy.

3. Tài liệu lưu trữ đặc biệt quý hiếm thuộc Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam phải thực hiện chế độ bảo hiểm tài liệu.

Văn phòng Trung ương Đảng quy định tiêu chuẩn các loại kho lưu trữ và chế độ bảo quản tài liệu.

Điều 16. Việc giải mật tài liệu Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam được thực hiện theo quy định của Ban Bí thư.

IV- KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ

Điều 17. Tài liệu lưu trữ thuộc Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam được khai thác, sử dụng phục vụ yêu cầu nghiên cứu của các cơ quan, tổ chức, của cán bộ, đảng viên, nhân dân, trừ tài liệu thuộc danh mục bí mật của Đảng và Nhà nước, tài liệu lưu trữ đặc biệt quý hiếm.

Điều 18. Thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài liệu Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam như sau:

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội quy định việc khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ đang được bảo quản tại cơ quan, tổ chức.

2. Ban Bí thư ủy quyền Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quy định việc khai thác, sử dụng tài liệu trong Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

3. Thường trực tỉnh ủy, huyện ủy quy định việc khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ đang được bảo quản trong kho lưu trữ do cấp mình quản lý.

Điều 19. Thẩm quyền công bố tài liệu thuộc Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Ban Bí thư ủy quyền Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quy định việc công bố tài liệu đang được quản lý tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

2. Thường trực tỉnh ủy, huyện ủy quy định việc công bố tài liệu đang được quản lý tại kho lưu trữ do mình quản lý.

Điều 20. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được mang tài liệu đặc biệt quý hiếm, tài liệu mật thuộc Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, trong trường hợp đặc biệt được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì chỉ được mang bản sao.

Việc phục vụ khai thác tài liệu Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam đối với người nước ngoài có quy định riêng.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở có trách nhiệm thực hiện quy định này.

Điều 22. Giao Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy định trong hệ thống cơ quan, tổ chức đảng và hệ thống tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 23. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các điều trong các văn bản đã ban hành trước đây trái với nội dung Quy định này đều bãi bỏ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 228-TB/TW, ngày 6 tháng 3 năm 2009

VỀ VIỆC TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LUẬT SƯ TOÀN QUỐC LẦN THỨ NHẤT VÀ DỰ THẢO CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ

Tại phiên họp ngày 3-3-2009, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về tình hình, kết quả chuẩn bị tổ chức Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ nhất và dự thảo Chỉ thị của Ban Bí thư về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Về việc tổ chức Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ nhất

Cơ bản nhất trí với báo cáo, đề xuất của Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp về việc chuẩn bị tổ chức Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ nhất (Báo cáo 11/BC-BCS, ngày 6-2-2009 và Báo cáo 21/BC-BCS, ngày 27-2-2009).

Trong thời gian qua, Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp và Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ nhất đã chỉ đạo các đoàn luật sư trong cả nước tổ chức Đại hội; đồng thời đã chủ động, tích cực chuẩn bị tốt các nội dung và nhân sự của Đại hội.

Việc tổ chức Đại hội cần thực hiện trong quý II-2009. Tiêu chuẩn và cách thức bầu cử các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn thực hiện theo phương án đề xuất của Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp. Đồng ý giới thiệu ông Lê Thúc Anh, nguyên Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, luật sư Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Chủ tịch Hội đồng lâm thời Luật sư toàn quốc để bầu làm Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Việc tiến hành Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc, thành lập Liên đoàn Luật sư Việt Nam là thực hiện *Luật luật sư năm 2006* về việc thành lập tổ chức xã hội - nghề nghiệp toàn quốc của luật sư, do vậy, cần tiến hành khẩn trương. Từ nay đến khi tổ chức Đại hội, cần tiếp tục giải quyết tốt những vấn đề có liên quan đến nhân sự chủ chốt và hoàn chỉnh các văn kiện Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức và hoạt động của luật sư.

Lưu ý:

- Hoàn thiện dự thảo Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam theo hướng: khẳng định sự lãnh đạo của Đảng đối với Liên đoàn Luật sư Việt Nam ở Lời nói đầu, không nhất thiết quy định thêm ở Điều 3; thu gọn các nhiệm vụ của Liên đoàn phù hợp với chuyên môn, nghề nghiệp luật sư; cân nhắc kỹ nhiệm vụ tổ chức xuất bản và phát hành sách, ấn phẩm...

Trong nội dung Điều lệ, cần thể hiện mối quan hệ giữa Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Hội Luật gia Việt Nam, bảo đảm sự đoàn kết, vì mục tiêu chung, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

- Báo cáo chính trị cần xác định định hướng chính trị cho tổ chức và hoạt động luật sư trong suốt nhiệm kỳ đầu tiên và cho tầm nhìn lâu dài hơn. Báo cáo chính trị cần đánh giá đúng vị trí, vai trò của luật sư và những đóng góp của đội ngũ luật sư trong việc bảo vệ công lý, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nêu rõ những mặt còn hạn chế, yếu kém cần khắc phục để Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến.

- Tiếp tục theo dõi chặt chẽ các diễn biến trong quá trình chuẩn bị nhân sự Đại hội, chủ động có phương án xử lý các tình huống. Cần làm tốt công tác tư tưởng kết hợp với vận động, thuyết phục. Nên có cơ cấu nữ trong Ban Thường vụ Liên đoàn; sau này, phấn đấu có cơ cấu nữ trong Thường trực Liên đoàn.

- Cần nhắc kỹ việc mời đại biểu nước ngoài phù hợp tham dự Đại hội. Nếu xét thấy cần thiết, chỉ mời dự phiên khai mạc Đại hội.

- Quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện về trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

2. Về dự thảo Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư

Cần sớm ban hành Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư.

Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan hữu quan biên tập lại Chỉ thị theo hướng:

- Xác định rõ Chỉ thị của Ban Bí thư về luật sư không phải chỉ là văn bản chỉ đạo Đại hội và đề cập tới những vấn đề cụ thể trước mắt mà chính là những chủ trương ở tầm vĩ mô, trong thời gian dài về phát triển tổ chức và đội ngũ luật sư trong tình hình mới.

- Nêu rõ mục đích, yêu cầu của việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư cũng như trách nhiệm của các tổ chức đảng trong công tác này. Đề cập tới các quan điểm, định hướng lớn. Thể hiện vai trò lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư. Bổ sung vai trò, trách nhiệm của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ trong Chỉ thị.

- Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Chỉ thị sau khi được ban hành cần giao cho Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp chủ trì.

- Xây dựng, củng cố, kiện toàn các tổ chức đảng trong các đoàn luật sư địa phương, các tổ chức hành nghề luật sư và Liên đoàn Luật sư toàn quốc. Việc thành lập Đảng đoàn tại Liên đoàn Luật sư toàn quốc, giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 30-CT/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2009

VỀ ĐẠI HỘI CÁC HỘI VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG VÀ ỦY BAN TOÀN QUỐC LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

Trong hai năm 2009 - 2010, các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam sẽ tiến hành đại hội nhiệm kỳ. Đại hội lần này được tiến hành trong bối cảnh toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang nỗ lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại với nhiều thuận lợi và những thách thức, khó khăn to lớn. Bối cảnh đó tạo ra những điều kiện và yêu cầu mới cho sự phát triển văn học, nghệ thuật.

Mười năm qua, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) cùng với các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách của Nhà nước về văn hóa, văn nghệ đã bước đầu đi vào cuộc sống. Văn học, nghệ thuật nước ta tiếp tục phát triển,

tiếp nối được dòng mạch chính là chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, gắn bó với dân tộc; nỗ lực phản ánh chân thật cuộc sống đấu tranh cách mạng và lao động, sáng tạo của nhân dân; góp phần xây dựng nên tăng tinh thần xã hội, bồi dưỡng, giáo dục con người, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các hội văn học, nghệ thuật với chức năng và nhiệm vụ là một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã thực hiện tốt nhiệm vụ tập hợp, hướng dẫn và động viên đội ngũ văn nghệ sĩ đi vào thực tiễn công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong giai đoạn mới; tạo điều kiện cho đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tác, quảng bá, biểu diễn tác phẩm; đẩy mạnh công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ, tích cực góp phần thúc đẩy sự phát triển của văn học, nghệ thuật. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, ở hầu hết các loại hình văn học, nghệ thuật vẫn thiếu những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có ý nghĩa lâu bền, chưa phản ánh sâu sắc hiện thực cuộc sống của nhân dân, đất nước trong những giai đoạn lịch sử hào hùng, nhất là thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật và Đại hội Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam lần này cần phấn đấu đạt được những mục đích, yêu cầu sau:

1. Đại hội phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị và nghề nghiệp quan trọng của đội ngũ văn nghệ sĩ nhằm đánh giá đúng tình hình văn học, nghệ thuật và hoạt động của các cấp hội. Đại hội cần phân tích sâu sắc, đánh giá đúng tình hình sáng tác, lý luận, phê bình, quảng bá tác phẩm, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ trong các hội văn học, nghệ

thuật hiện nay; khẳng định những khuynh hướng sáng tác lành mạnh, chủ đạo, khuyến khích tìm tòi sáng tạo trong văn học, nghệ thuật hướng tới giá trị chân - thiện - mỹ; phê phán những biểu hiện, những khuynh hướng sáng tác và hoạt động không lành mạnh; đánh giá ưu, khuyết điểm trong hoạt động của Hội; tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội của Hội trong nhiệm kỳ qua.

Trên cơ sở đánh giá hoạt động nhiệm kỳ qua, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, các hội xây dựng phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới với nhiệm vụ trung tâm là tiếp tục phấn đấu tạo ra nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, tiếp thu truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đóng góp tích cực vào xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam mới và thực hiện tốt phương châm lấy tác phẩm tốt, hoạt động văn hóa, văn nghệ lành mạnh, đẩy lùi những hoạt động văn hóa, văn nghệ tiêu cực, đồi trụy, phi nhân tính, phi dân tộc.

Các đại hội cần phát huy trí tuệ tập thể hội viên, xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp để đẩy mạnh các hoạt động sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu lý luận, phê bình, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật tới công chúng, đưa sự nghiệp văn học, nghệ thuật phát triển mạnh mẽ.

2. Với tinh thần *đoàn kết, dân chủ, xây dựng và sáng tạo*, đại hội các hội văn học, nghệ thuật cần xây dựng được ban

chấp hành mới đủ tiêu chuẩn, phẩm chất, năng lực, có khả năng đoàn kết, tập hợp văn nghệ sĩ hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của hội trong nhiệm kỳ mới. Ban chấp hành các hội văn học, nghệ thuật nhiệm kỳ mới cần đảm bảo chất lượng chính trị, chuyên môn, có uy tín trong hội viên; có số lượng thích hợp, đáp ứng với nhiệm vụ của hội trong những năm tới.

Để đại hội các hội văn học, nghệ thuật đạt được mục đích, yêu cầu trên, ban chấp hành các hội cần chuẩn bị tốt báo cáo của ban chấp hành, báo cáo sửa đổi Điều lệ, báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành; làm tốt công tác nhân sự ban chấp hành mới theo hướng lấy tiêu chuẩn làm chính, kết hợp với có cơ cấu phù hợp, thực hiện tốt việc chuyển giao thế hệ lãnh đạo ở các hội.

Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật nhiệm kỳ này là một sự kiện chính trị quan trọng. Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội Trung ương để trực tiếp chỉ đạo Đại hội. Ban Chỉ đạo Đại hội Trung ương chỉ đạo Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, ban chấp hành các hội làm tốt các công tác chuẩn bị Đại hội, quyết định cụ thể về số lượng đại biểu dự Đại hội phù hợp với tình hình thực tế, chỉ đạo chặt chẽ việc bầu chọn, chỉ định đại biểu dự Đại hội, xứng đáng là những người tiêu biểu cho các thế hệ, các giới, các vùng, miền, các dân tộc, lứa tuổi; chuẩn bị phương án nhân sự Chủ tịch Hội và những nội dung quan trọng, trình Ban Bí thư xem xét.

Căn cứ kế hoạch tổ chức Đại hội, các hội lập dự toán tài chính trình Chính phủ phê duyệt.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có liên quan căn cứ tinh thần Chỉ thị này chỉ đạo các hội văn học, nghệ thuật địa phương, các chi hội chuyên ngành trung ương tại địa phương bầu đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc và tạo điều kiện thuận lợi để các đại biểu tham dự Đại hội.

*

* * *

Ban Bí thư giao Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương căn cứ nội dung Chỉ thị này ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 211-QĐ/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2009

VỀ VIỆC THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO ĐẠI HỘI CÁC HỘI VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG NĂM 2009 - 2010

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 9-3-2009 của Ban Bí thư (khóa X) về Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật Trung ương và Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam;
- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật Trung ương năm 2009 - 2010 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan có

liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH

Ban Chỉ đạo Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật Trung ương năm 2009 - 2010

*(Kèm theo Quyết định số 211-QĐ/TW, ngày 9-3-2009
của Ban Bí thư)*

1. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Trưởng ban.
2. Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng ban.
3. Giáo sư, Tiến sĩ Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Trưởng Ban Thường trực.
4. 1 Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.
5. 1 Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên.
6. 1 Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.
7. Nghệ sĩ nhân dân Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên.
8. Phó Giáo sư, Học sĩ Vũ Giáng Hương, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên.
9. Nhà thơ Hữu Thỉnh, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Ủy viên.
10. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Đào Duy Quát, chuyên gia cao cấp, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, Ủy viên.

11. Nhà văn Đỗ Kim Cương, Vụ trưởng Vụ Văn hóa - Văn nghệ, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 31-CT/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2009

Về lãnh đạo thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã thông qua chủ trương “Thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường” nhằm đảm bảo tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa XII đã ban hành Nghị quyết về thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường.

Thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường là vấn đề hệ trọng, nhạy cảm, liên quan đến tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, cần được tiến hành thận trọng, có bước đi thích hợp. Để thực hiện tốt mục tiêu thí

điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương thực hiện tốt các yêu cầu sau đây:

1. Cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp nơi thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tổ chức quán triệt đầy đủ, sâu sắc chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết của Quốc hội tới cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, các văn bản của các cơ quan có thẩm quyền cấp trên quy định, hướng dẫn việc thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường ngay từ khi chuẩn bị đến khi tiến hành thực hiện thí điểm, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Hết sức coi trọng việc lựa chọn và giới thiệu nhân sự thực sự tiêu biểu, có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ để cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước xem xét, bổ nhiệm các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch và thành viên ủy ban nhân dân huyện, quận, phường. Thực hiện chính sách phù hợp đối với đội ngũ cán bộ tại các đơn vị thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường.

Trong quá trình thực hiện thí điểm, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo và định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm sau từng giai đoạn triển khai.

2. Ban Chỉ đạo Trung ương chỉ đạo quá trình thực hiện thí điểm và tổng kết việc thực hiện thí điểm; các cơ quan chức năng chủ động nghiên cứu, xây dựng các văn bản hướng dẫn chi tiết, kịp thời để các địa phương triển khai thực hiện

việc thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường theo Nghị quyết của Quốc hội. Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố có thực hiện thí điểm lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị chủ động triển khai trên địa bàn; kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương giải quyết những vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh.

3. Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo thực hiện việc điều chỉnh, phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy chính quyền địa phương; quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy phù hợp đối với ủy ban nhân dân huyện, quận, phường theo hướng tổ chức hợp lý ủy ban nhân dân các cấp khi không tổ chức hội đồng nhân dân để quản lý và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của chính quyền cấp trên.

Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chủ tịch ủy ban nhân dân, các phó chủ tịch ủy ban nhân dân và các thành viên khác của ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức hội đồng nhân dân theo hướng cấp trên thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức trên cơ sở xem xét nhân sự do cấp ủy huyện, quận, phường giới thiệu và được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đồng ý.

4. Các ban Trung ương Đảng, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền địa phương những nơi tiến hành thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện,

quận, phường lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng để tạo sự đồng thuận cao trong đảng viên, cán bộ, công chức, các cấp chính quyền địa phương và trong nhân dân khi thực hiện chủ trương này, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc xây dựng bộ máy chính quyền địa phương; đồng thời, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 212-QĐ/TW, ngày 16 tháng 3 năm 2009

**Giải mật tài liệu của các cơ quan, tổ chức
trước khi nộp lưu vào Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng và tài liệu của Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa X);
 - Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước số 30/2000/PL-UBTVQH10, ngày 28-12-2000; Pháp lệnh lưu trữ quốc gia số 34/2001/PL-UBTVQH10, ngày 4-4-2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - Căn cứ Quy định số 210-QĐ/TW, ngày 6-3-2009 của Ban Bí thư về Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Bí thư quy định về giải mật tài liệu của các cơ quan, tổ chức trước khi nộp lưu vào Kho Lưu trữ Trung ương Đảng và tài liệu lưu trữ của Kho Lưu trữ Trung ương Đảng như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này xác định các nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm tổ chức việc giải mật tài liệu của các cơ quan, tổ chức trước khi nộp lưu vào Kho Lưu trữ Trung ương Đảng và các tài liệu đang được bảo quản trong Kho Lưu trữ Trung ương Đảng, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và sử dụng rộng rãi tài liệu lưu trữ của Đảng phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và lãnh đạo các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; phục vụ công tác nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục của các cơ quan, tổ chức, của cán bộ, đảng viên và nhân dân; đồng thời nhằm bảo vệ chặt chẽ bí mật của Đảng, của Nhà nước trong quá trình quản lý và sử dụng tài liệu lưu trữ của Đảng.

Điều 2. Giải thích một số từ ngữ trong Quy định

- *Tài liệu mật* là những tài liệu có nội dung quan trọng thuộc các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học và các lĩnh vực khác mà Đảng và Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Đảng, cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tài liệu mật có ba cấp độ: mật, tối mật, tuyệt mật; bao gồm cả tài liệu được đóng dấu mật và tài liệu không được đóng dấu mật nhưng có nội dung mật.

- *Giải mật* là xóa bỏ độ mật đã được xác định của tài liệu.

- *Giảm độ mật* là hạ cấp độ mật đã được xác định của tài liệu.

- *Gia hạn độ mật* là kéo dài thời gian giữ độ mật của tài

liệu kể cả khi thời gian tối đa quy định cho việc xóa bỏ mọi cấp độ mật đã hết.

- *Tự động giải mật* là tự động xóa bỏ độ mật của tài liệu mà không cần phải đưa tài liệu ra xem xét, làm các thủ tục giải mật.

- *Tổ chức việc giải mật* là hoạt động xem xét, đánh giá, quyết định việc *giải mật, giảm độ mật* và *gia hạn độ mật* của tài liệu.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh của Quy định gồm:

- Tài liệu mật của các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp Trung ương thuộc diện nộp lưu tài liệu (dưới đây gọi tắt là cơ quan thuộc diện nộp lưu tài liệu) vào Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

- Tài liệu mật được bảo quản trong Kho Lưu trữ Trung ương Đảng, bao gồm:

+ Tài liệu của các cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

+ Tài liệu liên quan đến thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đảng viên tiêu biểu của Đảng (dưới đây gọi tắt là tài liệu cá nhân).

2. Đối tượng áp dụng của Quy định này là các cơ quan thuộc diện nộp lưu tài liệu vào Kho Lưu trữ Trung ương Đảng và Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 4. Việc giải mật tài liệu phải bảo đảm nguyên tắc bảo vệ lợi ích và an ninh của quốc gia, của Đảng; thực hiện

theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; căn cứ vào Danh mục bí mật nhà nước để tiến hành giải mật tài liệu.

II- QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Quy định thời hạn tài liệu mật trong Kho Lưu trữ Trung ương Đảng được tự động giải mật như sau:

1. Tài liệu của các cơ quan, tổ chức.

- 40 năm kể từ khi hình thành tài liệu.

- 60 năm kể từ khi hình thành tài liệu đối với những tài liệu liên quan đến an ninh quốc gia, quốc phòng, đối ngoại có độ tuyệt mật.

2. Tài liệu cá nhân: 40 năm kể từ ngày cá nhân đó qua đời.

Đối với những tài liệu đến thời hạn quy định tự động giải mật nhưng vẫn còn tính chất mật, cần tiếp tục giữ bí mật, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng lập danh mục tài liệu cần gia hạn độ mật để Chánh Văn phòng Trung ương Đảng xem xét, quyết định trước khi đến thời hạn tài liệu tự động giải mật một năm. Trường hợp cần thiết, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng xin ý kiến đồng chí Thường trực Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 6. Tài liệu mật được coi là đã giải mật ngay sau khi tài liệu đó được cấp có thẩm quyền cho phép công bố toàn văn hoặc toàn bộ các thông tin chứa trong các tài liệu đó trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Các thông tin bí mật nhà nước trong một tài liệu đã được phép của cơ quan có thẩm quyền công bố trên các phương

tiện thông tin đại chúng thì thông tin đó trong các tài liệu khác cũng được coi là đã giải mật.

Điều 7. Trách nhiệm và thẩm quyền giải mật

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm và thẩm quyền tổ chức giải mật tài liệu thuộc phạm vi cơ quan, tổ chức mình.

2. Chánh Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm và thẩm quyền tổ chức việc giải mật tài liệu của Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

Điều 8. Định kỳ vào quý I hàng năm, các cơ quan, tổ chức phải tiến hành giải mật những tài liệu của năm trước đó nếu xét thấy không còn bí mật.

Các cơ quan, tổ chức phải tiến hành việc giải mật tài liệu lưu trữ trước khi nộp lưu vào Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

Điều 9. Tổ chức việc giải mật tài liệu trong Kho Lưu trữ Trung ương Đảng

1. Tài liệu mật trong Kho Lưu trữ Trung ương Đảng được tiến hành giải mật mỗi năm một lần.

2. Chánh Văn phòng Trung ương Đảng lập Hội đồng Giải mật tài liệu Kho Lưu trữ Trung ương Đảng để giúp Chánh Văn phòng thẩm định, kết luận giải mật, giảm độ mật, gia hạn độ mật đối với danh mục tài liệu do Cục trưởng Cục Lưu trữ đề xuất, bảo đảm đúng pháp luật của Nhà nước và quy định của Đảng về bảo vệ bí mật Nhà nước và giải mật tài liệu lưu trữ của Đảng.

3. Trường hợp cần thiết giải mật ngay một hay một số ít tài liệu lưu trữ thì Chánh Văn phòng Trung ương Đảng xem xét, quyết định, không cần lập hội đồng.

4. Đối với những tài liệu tuyệt mật liên quan đến an ninh quốc gia, quốc phòng, đối ngoại, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng xin ý kiến đồng chí Thường trực Ban Bí thư xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết, đồng chí Thường trực Ban Bí thư xin ý kiến Ban Bí thư hoặc Bộ Chính trị.

Điều 10. Kết quả thẩm định, kết luận của Hội đồng Giải mật và quyết định của thủ trưởng cơ quan, của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng về giải mật tài liệu đều được ghi thành biên bản. Toàn bộ tài liệu liên quan đến quá trình giải mật phải được lập hồ sơ đầy đủ và quản lý theo chế độ quản lý tài liệu lưu trữ có thời hạn bảo quản vĩnh viễn.

Điều 11. Toàn bộ tài liệu được giải mật, giảm độ mật, gia hạn độ mật phải được đóng dấu xác nhận theo hình thức đã được quyết định.

Văn phòng Trung ương Đảng nghiên cứu mẫu dấu và quy định sử dụng con dấu giải mật.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện, kiểm tra kết quả thực hiện việc giải mật tài liệu của các cơ quan thuộc diện nộp lưu tài liệu vào Kho Lưu trữ Trung ương Đảng; định kỳ báo cáo Ban Bí thư và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kết quả thực hiện Quy định này.

Điều 13. Các cơ quan, tổ chức đảng và tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy định này.

Điều 14. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 229-TB/TW, ngày 20 tháng 3 năm 2009

**Về dự thảo Quy chế quan hệ công tác giữa Đảng
đoàn Quốc hội với Ủy ban Thường vụ Quốc hội,
Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội,
tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội, các ban
Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
đảng ủy và các tỉnh ủy, thành ủy
trực thuộc Trung ương**

Tại phiên họp ngày 19-3-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự thảo Quy chế quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội, các ban Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Cơ bản đồng ý với dự thảo Quy chế do Đảng đoàn Quốc hội trình Bộ Chính trị (kèm theo Tờ trình số 02/TTr-ĐĐQH, ngày 7-1-2009).

Dự thảo Quy chế đã được chuẩn bị nghiêm túc; đã xác định rõ quan hệ lãnh đạo của Đảng đoàn Quốc hội với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội và quan hệ phối hợp công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với các ban Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương. Nội dung các quy định về quan hệ công tác (cả quan hệ lãnh đạo và quan hệ phối hợp) giữa Đảng đoàn Quốc hội với các cơ quan, tổ chức nêu trên cơ bản phù hợp với các quy định chung của Đảng và chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, tổ chức; đáp ứng được các mục đích, yêu cầu của việc xây dựng Quy chế.

Lưu ý:

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không có chức năng đại diện cho đảng đoàn của các tổ chức chính trị - xã hội, do vậy, cần nghiên cứu, bổ sung vào Quy chế nội dung quan hệ phối hợp giữa Đảng đoàn Quốc hội với đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội.

- Bổ sung nội dung quan hệ phối hợp giữa Đảng đoàn Quốc hội với Ban Dân vận Trung ương.

- Bổ sung cụm từ “và lãnh đạo thực hiện” vào sau từ “quán triệt” ở đầu khoản 1, Điều 5; bổ sung cụm từ “và các cơ quan tư pháp” vào sau cụm từ “của Quốc hội” ở cuối khoản 4, Điều 14 của dự thảo Quy chế.

- Rà soát lại nội dung và kết cấu của Quy chế bảo đảm sự phù hợp về nội dung và thể thức văn bản theo đúng các quy định hiện hành.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, chỉnh lý hoàn thiện văn bản, trình duyệt phát hành.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 32-CT/TW, ngày 20 tháng 3 năm 2009

**Về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn
trong hai năm 2009 - 2010**

Trong hai năm 2009 - 2010, đất nước ta có những ngày kỷ niệm lớn: 55 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954 - 7-5-2009); 65 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 - 22-12-2009) và 20 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22-12-1989 - 22-12-2009); 80 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 3-2-2010); ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 3 âm lịch - 2010); 35 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975 - 30-4-2010); 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2010); 65 năm Cách mạng Tháng Tám (19-8-1945 - 19-8-2010) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-1945 - 2-9-2010); 1000 năm Thăng Long - Hà Nội (1010 - 2010); 80 năm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18-11-1930 - 18-11-2010). Ngoài ra, còn có những ngày kỷ

niệm khác của các ban, ngành, đoàn thể, các tỉnh, thành phố, ngày sinh các lãnh tụ cách mạng trong nước và quốc tế.

Nhằm bồi dưỡng và phát huy hơn nữa lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần đoàn kết, niềm tự hào, ý chí tự cường dân tộc; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, tạo không khí phấn khởi, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X và tiến tới Đại hội XI của Đảng, Bộ Chính trị quyết định tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2009 - 2010 với những nội dung trọng tâm sau:

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, lòng yêu nước, lý tưởng và đạo đức cách mạng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân

- Nâng cao nhận thức về Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đấu tranh, bác bỏ những luận điệu sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Khẳng định những thành tựu vĩ đại của dân tộc ta đã đạt được trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới đất nước. Chỉ rõ những thời cơ, thách thức, chủ trương, giải pháp để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế; động viên các tầng lớp nhân dân nêu cao ý chí quyết tâm đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, bảo

đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc, lý tưởng và đạo đức cách mạng, lối sống con người Việt Nam, nhất là trong thanh thiếu nhi, học sinh, sinh viên.

- Tiếp tục triển khai sâu rộng, có hiệu quả Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân, trước hết là cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện chuẩn mực đạo đức Hồ Chí Minh; biểu dương những tập thể, cá nhân điển hình trong cuộc vận động, phê phán chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, lối sống thực dụng.

- Đẩy mạnh thông tin đối ngoại, giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước, những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước đến bạn bè quốc tế và đồng bào ta ở nước ngoài.

2. Các hoạt động kỷ niệm

- Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội: Thực hiện theo nội dung Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 4-5-1998 của Bộ Chính trị. Chuẩn bị tốt đại lễ hội tổ chức vào tháng 10-2010.

- Giỗ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 3 âm lịch - 2010): Tổ chức lễ hội cấp quốc gia tại Đền Hùng.

- Kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 65 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 35 năm Ngày giải

phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Tổ chức mít tinh cấp quốc gia tại Thủ đô Hà Nội.

- Kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2010), 20 năm Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận Hồ Chí Minh là “Nhà văn hóa kiệt xuất - Anh hùng giải phóng dân tộc” (1990 - 2010), 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2-9-1969 - 2-9-2009): Cùng với mít tinh cấp quốc gia tại Thủ đô Hà Nội, tổ chức cầu truyền hình đặc biệt tại một số địa danh lịch sử gắn bó sâu sắc với cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mời các điển hình tiên tiến trong Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và nhân dân dự.

- Kỷ niệm 55 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954 - 7-5-2009): Thực hiện theo Thông báo kết luận số 158-TB/TW, ngày 23-5-2008 của Ban Bí thư, với tinh thần “Lễ kỷ niệm 55 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ tại Điện Biên được tổ chức theo cấp quốc gia vào dịp ngày 7-5-2009, với quy mô thích hợp, trang trọng (quy mô tương tự như lễ kỷ niệm 45 năm)”.

- Kỷ niệm 80 năm Xôviết Nghệ - Tĩnh (12-9-1930 - 12-9-2010); 80 năm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18-11-1930 - 18-11-2010); 70 năm Ngày Nam Kỳ khởi nghĩa (23-11-1940 - 23-11-2010), 55 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10-10-1954 - 10-10-2009); 65 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 - 22-12-2009) và 20 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22-12-1989 - 22-12-2009); 65 năm Ngày thành lập Công an nhân dân (19-8-1945 - 19-8-2010) và 5 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ

an ninh Tổ quốc (19-8-2005 - 19-8-2010); kỷ niệm năm tròn, năm chẵn thành lập các ngành, đoàn thể; ngày giải phóng hoặc thành lập tỉnh, thành phố: Các địa phương, ban, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức mít tinh hoặc hội thảo khoa học, mời đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước dự.

- Kỷ niệm 105 năm Ngày sinh đồng chí Trần Phú (1-5-1904 - 1-5-2009); 95 năm Ngày sinh đồng chí Nguyễn Văn Linh (1-7-1915 - 1-7-2010): Các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức mít tinh hoặc phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức hội thảo khoa học.

Kỷ niệm 190 năm Ngày sinh Ph. Ăngghen (28-11-1820 - 28-11-2010), 140 năm Ngày sinh V.I. Lênin (22-4-1870 - 22-4-2010): Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức hội thảo khoa học.

- Trong dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học góp phần làm sáng tỏ những giá trị lý luận và thực tiễn về cách mạng Việt Nam, Đảng, Bác Hồ, các sự kiện, nhân vật lịch sử và công cuộc đổi mới đất nước; biên soạn và xuất bản một số sách lý luận, chính trị, sách về danh nhân, lịch sử, văn hóa, Thăng Long - Hà Nội...

- Kết hợp các hoạt động kỷ niệm với tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tại những địa danh lịch sử cách mạng, huy động sự hưởng ứng, tham gia của các tầng lớp nhân dân, người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao về đề tài cách mạng và công cuộc đổi mới đất nước, các điển hình, nhân tố mới.

- Bảo tồn, tôn tạo các khu di tích lịch sử cách mạng; củng cố, nâng cấp hệ thống bảo tàng, nhà tưởng niệm, đồng thời tích cực tổ chức và đổi mới các hình thức tuyên truyền, giáo dục truyền thống thông qua các di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng...

3. Tổ chức thực hiện

- Chính phủ căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung nêu trên:

+ Xây dựng đề án triển khai thực hiện, bố trí kinh phí cho các hoạt động kỷ niệm.

+ Xem xét, bổ sung, hoàn chỉnh chính sách đối với người có công với cách mạng; chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tổ chức nước ngoài có công giúp đỡ Việt Nam trong các giai đoạn cách mạng.

+ Thành lập Ban tổ chức kỷ niệm cấp nhà nước do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban để giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm, các thành viên là đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành phố Hà Nội và một số ban, bộ, ngành, địa phương có liên quan. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực giúp việc Ban tổ chức kỷ niệm cấp nhà nước.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục về các ngày lễ lớn theo các nội dung nêu trên; chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan hướng dẫn và biên soạn tài liệu tuyên truyền từng ngày lễ kỷ niệm.

- Các tỉnh, thành phố, bộ, ban, ngành, đoàn thể phát động phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn; kết hợp tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước với các sự kiện và hoạt động lớn của địa phương, đơn vị; xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2009 - 2010.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp, các ngành tổ chức các hoạt động kỷ niệm có trọng tâm, trọng điểm, trang trọng, sáng tạo, an toàn, tiết kiệm và có ý nghĩa giáo dục sâu sắc; tổ chức các hoạt động thiết thực chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng và các đối tượng chính sách.

Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 230-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2009

**Về sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW,
ngày 2-6-2005 của Bộ Chính trị
về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020**

Tại phiên họp ngày 6-3-2009, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW, ngày 2-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và ý kiến của các cơ quan hữu quan, Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với nội dung Báo cáo của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp (Báo cáo số 01-BC/CCTP, ngày 18-2-2009) và kết luận như sau:

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 49-NQ/TW

1. Kết quả

Nghị quyết 49-NQ/TW tuy mới triển khai thực hiện được hơn 3 năm nhưng đã đạt được những kết quả bước đầu tích

cực; việc triển khai thực hiện đã được tiến hành nghiêm túc ở cả Trung ương và địa phương; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc được quan tâm thực hiện, tạo sự chuyển biến nhất định trong nhận thức và hành động của cấp ủy, lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương cũng như đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp. Công tác xây dựng thể chế trong lĩnh vực tư pháp tiếp tục được đẩy mạnh. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp được xác định rõ hơn và từng bước củng cố, kiện toàn. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có chuyển biến tốt, bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Tỷ lệ bắt, giam, giữ, đưa ra truy tố đạt cao; công tác xét xử được xem xét thận trọng, đúng pháp luật và tình trạng tồn đọng án phúc thẩm đã cơ bản được khắc phục. Tỷ lệ khám phá án, điều tra, truy tố, xét xử đạt cao và năm sau đều đạt cao hơn năm trước. Chủ trương “nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa” được chỉ đạo triển khai, tạo không khí dân chủ trong các phiên tòa; vai trò của luật sư được nhìn nhận tích cực hơn. Công tác thi hành án dân sự và hình sự có tiến bộ hơn trước. Chủ trương xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ tư pháp được triển khai có kết quả. Công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ tư pháp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bước đầu chú trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ theo yêu cầu hội nhập quốc tế. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc từng bước được quan tâm hơn, nhất là ở cấp huyện. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp được đẩy mạnh. Sự lãnh đạo của Đảng, giám sát của cơ quan dân cử đối với các cơ quan tư pháp, hoạt động tư pháp tiếp tục được tăng cường.

2. Hạn chế và nguyên nhân

Một số quan điểm, chủ trương của Nghị quyết chưa được quán triệt đầy đủ nên lúng túng trong triển khai thực hiện. Công tác nghiên cứu lý luận về tư pháp chưa được quan tâm đúng mức, thiếu sự gắn kết với tổng kết thực tiễn. Sự phối hợp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đề án cải cách tư pháp chưa chặt chẽ. Nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chậm được ban hành. Tuy tỷ lệ án tạm đình chỉ điều tra năm sau đều giảm so với năm trước nhưng số lượng vẫn còn khá nhiều; chất lượng thực hành quyền công tố còn một số hạn chế, nhất là trong việc tranh tụng tại phiên tòa; chưa có biện pháp hữu hiệu để tăng cường trách nhiệm của kiểm sát đối với hoạt động điều tra. Tiến độ giải quyết các vụ việc còn chậm, chất lượng xét xử các vụ án dân sự còn thấp, số lượng đơn giám đốc thẩm, tái thẩm, nhất là trong lĩnh vực dân sự tăng đáng kể. Chủ trương “nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa” chưa đi vào chiều sâu và thực sự phát huy hiệu quả. Công tác giám định tư pháp còn nhiều khó khăn nhưng chưa được quan tâm đúng mức, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết các vụ việc. Số lượng án dân sự có khả năng thi hành vẫn còn tồn đọng nhiều và có xu hướng gia tăng. Công tác thi hành án hình sự vẫn còn một số bất cập, hạn chế. Tình trạng khiếu kiện về tư pháp ở một số địa phương vẫn diễn ra khá phức tạp, cá biệt có nơi gay gắt. Cơ chế tuyển chọn, đào tạo cán bộ chậm được đổi mới; chế độ, chính sách đối với cán bộ tư pháp còn nhiều bất cập nhưng chưa kịp thời khắc phục. Thiếu cơ chế linh hoạt để huy động vốn đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp. Phương thức lãnh đạo

của Đảng và giám sát của cơ quan dân cử đối với cơ quan tư pháp có nơi, có lúc lúng túng.

Những hạn chế, thiếu sót trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là nhận thức chung của các ngành, các cấp về công tác tư pháp và nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chưa đầy đủ. Đội ngũ cán bộ, chế độ, chính sách, cơ sở vật chất của các cơ quan tư pháp còn bất cập, chưa có sự quan tâm đúng mức, phù hợp với tính đặc thù của hoạt động tư pháp; chưa có cơ chế giám sát, kiểm sát có hiệu quả việc giải quyết các vụ án dân sự. Các cơ quan tư pháp còn thiếu chủ động trong việc thực hiện một số nhiệm vụ cải cách tư pháp; sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp và giữa các cơ quan tư pháp với cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong một số trường hợp thiếu chặt chẽ.

II- PHƯƠNG HƯỚNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 49-NQ/TW

Bộ Chính trị cơ bản tán thành với bảy nhóm nhiệm vụ cần tiếp tục thực hiện từ nay đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và những kiến nghị của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp; đồng thời nhấn mạnh một số công việc sau:

1. Cần quyết tâm và đẩy nhanh hơn nữa việc thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW; tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, sự quan tâm của Nhà nước đối với công tác tư pháp và nhiệm vụ cải cách tư pháp. Các cơ quan tư pháp cần phối hợp chặt chẽ trong hoạt động nhằm nâng cao chất lượng công tác điều tra,

truy tố, xét xử, thi hành án, hạn chế tình trạng oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

2. Việc tiến hành các nhiệm vụ cải cách tư pháp phải bám chắc vào những nội dung của Nghị quyết 49-NQ/TW, trong đó xác định rõ những công việc trọng tâm, cần ưu tiên với lộ trình phù hợp nhằm xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, công lý, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc, trên cơ sở quán triệt đầy đủ năm nguyên tắc đã được nêu trong Nghị quyết. Đối với những vấn đề đã rõ thì thực hiện ngay; đối với các vấn đề chưa rõ, ý kiến còn khác nhau thì cần nghiên cứu, trao đổi để thống nhất thực hiện, không né tránh, cục bộ, bản vị, khắc phục chậm trễ trong việc triển khai công việc.

3. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về lĩnh vực tư pháp; tập trung nghiên cứu, hoàn thiện thủ tục tố tụng tư pháp; xác định rõ, rành mạch chức năng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tiến hành tố tụng; phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán. Quan tâm tạo điều kiện hơn nữa đối với các chế định bổ trợ tư pháp. Đặc biệt khẩn trương xây dựng và hoàn thiện chế định giám định tư pháp để phục vụ tốt hơn cho hoạt động tư pháp nói chung, hoạt động xét xử nói riêng. Đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực tư pháp, thủ tục tố tụng tư pháp. Đẩy mạnh việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp. Khẩn trương hoàn thiện các đề án về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp theo đúng tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ tư pháp, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia với tầm nhìn dài hạn, phục vụ kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế. Chủ động, khẩn trương nghiên cứu, đề xuất việc đổi mới cơ chế đào tạo, tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ có chức danh tư pháp trên cơ sở khẳng định cán bộ tư pháp là một nghề đặc thù. Có chính sách để thu hút những người có trình độ, đạo đức, giỏi chuyên môn nghiệp vụ, vững vàng về chính trị vào làm trong các cơ quan tư pháp, đặc biệt là cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa. Có cơ chế phù hợp để thực hiện được chủ trương điều động, luân chuyển đội ngũ cán bộ tư pháp.

5. Khẩn trương hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan tư pháp; rà soát, nghiên cứu xây dựng cơ chế linh hoạt theo hướng ưu tiên hơn nữa và thu hút các nguồn vốn trong xã hội để đầu tư cho các cơ quan tư pháp; cho phép các địa phương hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ quan tư pháp từ khoản vượt thu ngân sách địa phương; việc xây dựng trụ sở cho các cơ quan tư pháp cần được đầu tư bằng nguồn ngân sách trung ương. Xây dựng mới chế độ, chính sách, chế độ lương, phụ cấp đặc thù cho cán bộ tư pháp để sớm quyết định.

6. Thực hiện tốt chủ trương cơ cấu đồng chí viện trưởng viện kiểm sát nhân dân, chánh án tòa án nhân dân địa phương tham gia cấp ủy. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cấp ủy địa phương nghiên cứu, đề xuất, có sự chỉ đạo tập trung để lựa chọn, quy

hoạch, đào tạo người có phẩm chất, năng lực, đủ tiêu chuẩn làm viện trưởng viện kiểm sát, chánh án tòa án các cấp, đồng thời cơ cấu tham gia cấp ủy địa phương trong nhiệm kỳ tới theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW.

7. Trước mắt, tiếp tục thực hiện công tác quản lý thi hành án như hiện hành. Việc giao Bộ Tư pháp thống nhất quản lý công tác thi hành án cả về hình sự và dân sự là vấn đề lớn, cần được tiếp tục nghiên cứu, chuẩn bị kỹ, thận trọng. Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Công an Trung ương và các cơ quan hữu quan tiếp tục triển khai nghiên cứu xây dựng Đề án về mô hình tổ chức cơ quan thi hành án dân sự và hình sự, trong đó nêu rõ những vướng mắc, chủ động đề xuất các phương án khắc phục, trình xin ý kiến Bộ Chính trị.

8. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và giám sát của cơ quan dân cử đối với công tác tư pháp trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất, khắc phục tình trạng cấp ủy buông lỏng lãnh đạo hay can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp, đồng thời phát huy vai trò chủ động thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm trước pháp luật của các cơ quan, cán bộ tư pháp.

9. Gắn thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp với Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tư tưởng và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên lĩnh vực tư pháp rất phong phú và sâu sắc. Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp cần nghiên cứu, tổng hợp để vận dụng và thực hiện tốt trong quá trình tiến hành cải cách tư pháp và hoạt động tư pháp.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng các luật, pháp lệnh, nhất là *Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự* và các luật, pháp lệnh liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp và công tác cải cách tư pháp.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc rà soát và ban hành, bổ sung những cơ chế, chính sách đặc thù đối với cán bộ tư pháp, về thu hút các nguồn vốn đầu tư cho các cơ quan tư pháp.

- Các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương căn cứ nội dung kết luận của Bộ Chính trị để cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch công tác và triển khai thực hiện.

- Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 215-QĐ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2009

Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ các Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy các đơn vị sự nghiệp Trung ương đã kết thúc hoạt động của ban cán sự đảng gồm: Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam (sau đây gọi chung là đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương) như sau:

I- VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí

Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương đặt trực thuộc

Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng; chịu sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng chính trị, những nội dung công tác quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị và chịu sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương theo Quyết định số 98-QĐ/TW, ngày 22-10-2007 của Bộ Chính trị.

Điều 2. Chức năng

Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương có chức năng lãnh đạo toàn diện việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị và công tác quần chúng của đơn vị; tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương những chủ trương, nội dung công tác quan trọng của đơn vị theo phân công, phân cấp quản lý; lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc phát huy vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng chính quyền và các đoàn thể trong đơn vị vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 3. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đảng trực thuộc và cán bộ, đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của cấp ủy cấp trên.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả phương hướng, nhiệm vụ chính trị của đơn vị và nhiệm vụ được cấp trên giao theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên trong đơn vị.

3. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đơn vị; lãnh đạo giữ gìn bí mật theo quy định của Đảng và Nhà nước.

4. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở đơn vị.

5. Tham mưu, đề xuất với cấp ủy cấp trên những vấn đề cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị và các nội dung công tác có liên quan.

Điều 4. Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng

1. Lãnh đạo thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; việc tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tổ chức phổ biến, quán triệt kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của đơn vị để cán bộ, đảng viên nắm vững và thực hiện có hiệu quả.

2. Lãnh đạo thực hiện việc bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống, học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên trong đơn vị.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu, tính kỷ luật, đề cao cảnh giác, chủ động phát hiện và đấu tranh với các quan điểm sai trái, biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống,

các hành vi vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước; đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Điều 5. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Lãnh đạo thực hiện chủ trương, giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ của đơn vị; quyết định về công tác nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ, giới thiệu ứng cử, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ trong đơn vị theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Tham mưu, đề xuất với cấp ủy cấp trên xem xét, quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ, đảng viên trong đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy cấp trên.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Lãnh đạo thực hiện chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng và cấp ủy trực thuộc thực hiện Điều lệ Đảng, chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên, xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt; làm tốt công tác quản lý đảng viên, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong đảng bộ.

3. Thường xuyên quan tâm và thực hiện việc bồi dưỡng quần chúng ưu tú để kết nạp đảng viên mới; làm tốt công tác phát triển đảng viên.

4. Xây dựng cấp ủy có uy tín, năng lực, phẩm chất, hoạt động hiệu quả, tiêu biểu cho trí tuệ của đảng bộ, chi bộ.

5. Lãnh đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; bảo đảm cho các tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên.

6. Lãnh đạo và thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Điều 7. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

1. Lãnh đạo xây dựng các đoàn thể trong đơn vị hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của từng tổ chức, tích cực tham gia công tác xây dựng Đảng; đẩy mạnh các phong trào thi đua thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao và xây dựng đoàn thể vững mạnh.

2. Lãnh đạo các đoàn thể chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cơ quan, làm tốt công tác quản lý, giáo dục đoàn viên, hội viên.

3. Phân công cấp ủy viên phụ trách công tác đoàn thể. Định kỳ 6 tháng hoặc khi cần thiết, đảng ủy nghe các đoàn thể báo cáo tình hình hoạt động và có chủ trương, định hướng lãnh đạo hoạt động của từng đoàn thể.

III- TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 8. Số lượng và cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ, thường trực và ủy ban kiểm tra cấp ủy ở các đơn vị sự nghiệp Trung ương

Ban chấp hành đảng bộ có số lượng từ 19 đến 27 ủy viên;

cơ cấu cấp ủy gồm: đại diện ban giám đốc, lãnh đạo các ban xây dựng Đảng, bí thư một số đảng bộ, chi bộ trực thuộc, lãnh đạo một số đoàn thể chính trị - xã hội trong đơn vị; ban thường vụ có từ 5 đến 9 ủy viên; thường trực đảng ủy gồm bí thư, 1 đến 2 phó bí thư, nói chung cần bố trí đồng chí bí thư đảng ủy là thủ trưởng đơn vị; ủy ban kiểm tra từ 5 đến 7 ủy viên.

Điều 9. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy

Đảng ủy được thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy gồm: văn phòng, ban tuyên giáo, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra đảng ủy.

Cán bộ công tác đảng của đảng ủy chủ yếu là kiêm nhiệm; một số cán bộ chuyên trách công tác đảng thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và phù hợp với tình hình của từng đảng bộ.

Đảng ủy đơn vị sự nghiệp có con dấu và tài khoản riêng. Ủy ban kiểm tra đảng ủy có con dấu để phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

IV- QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 10. Với Bộ Chính trị, Ban Bí thư

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo trực tiếp về định hướng chính trị, những nội dung công tác quan trọng đối với các đơn vị sự nghiệp ở Trung ương (thực hiện theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư) thông qua đảng ủy và tập thể lãnh đạo đơn vị.

2. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư gửi các đảng ủy đơn vị sự nghiệp được thực hiện như đối với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan Trung ương và đảng ủy trực thuộc Trung ương. Đại diện đảng ủy (hoặc đại diện lãnh đạo đơn vị) được mời dự các cuộc họp do Bộ Chính trị, Ban Bí thư triệu tập bàn về các nội dung có liên quan.

3. Đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo quy định.

Điều 11. Với Ban Cán sự đảng Chính phủ

1. Đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương lãnh đạo triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Cán sự đảng Chính phủ về nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ và những vấn đề có liên quan của đơn vị. Định kỳ báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ những nội dung có liên quan để làm tốt nhiệm vụ lãnh đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc Chính phủ.

2. Các văn bản của Ban Cán sự đảng Chính phủ gửi ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thì đồng gửi các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương.

Điều 12. Với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương

1. Đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương chịu sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương theo Quyết định số 98-QĐ/TW, ngày 22-10-2007 của Bộ Chính trị; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng của các cơ quan

tham mưu, giúp việc Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương theo Điều lệ Đảng và các quy định, quyết định, hướng dẫn của Trung ương.

2. Đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương theo quy định.

Điều 13. Với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan Trung ương và đảng ủy trực thuộc Trung ương

1. Các ban đảng Trung ương hướng dẫn, kiểm tra đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương những nội dung công tác theo phân công, phân cấp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan Trung ương và đảng ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương trong công tác xây dựng Đảng, công tác quản lý cán bộ, đảng viên, công tác xây dựng cơ quan, đoàn thể và chế độ thông tin... để hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Điều 14. Với tập thể lãnh đạo và thủ trưởng đơn vị

1. Đảng ủy lãnh đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng và cấp ủy cấp trên; quyết định phương hướng nhiệm vụ chính trị của đơn vị; quyết định về công tác tổ chức, cán bộ theo phân công, phân cấp.

2. Thủ trưởng đơn vị và tập thể lãnh đạo đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chấp hành, tổ chức

triển khai thực hiện những vấn đề đảng ủy quyết nghị; lãnh đạo cán bộ, đảng viên thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của đơn vị.

Thủ trưởng đơn vị định kỳ báo cáo công tác với đảng ủy theo quy chế làm việc của đảng ủy.

Điều 15. Với cấp ủy địa phương nơi có tổ chức đảng trực thuộc đóng trên địa bàn

1. Đảng ủy chủ động xây dựng và duy trì mối quan hệ với cấp ủy địa phương nơi có tổ chức đảng trực thuộc đóng trên địa bàn để phối hợp giúp đỡ lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; trong quán triệt, phổ biến nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng quần chúng ưu tú, đảng viên mới, công tác quản lý cán bộ, đảng viên và thực hiện quy định của Bộ Chính trị về đảng viên thường xuyên giữ mối liên hệ với cấp ủy địa phương, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

2. Định kỳ hoặc khi có yêu cầu, các bên chủ động thông báo cho nhau về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, công tác quản lý cán bộ, đảng viên và các nội dung công tác có liên quan để phối hợp thực hiện.

V- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương căn cứ Quy định này và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, xây dựng và ban hành quy chế làm việc phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng đảng bộ.

2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương. Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, được phổ biến đến các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan và đến chi bộ trong các đơn vị sự nghiệp Trung ương để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 214-QĐ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2009

**Kết thúc hoạt động của ban cán sự đảng
các đơn vị sự nghiệp Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc hoạt động của ban cán sự đảng các đơn vị sự nghiệp Trung ương: Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Điều 2. Chuyển nhiệm vụ lãnh đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ của ban cán sự đảng cho đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn ban cán sự đảng các đơn vị sự nghiệp Trung ương kết thúc hoạt động bàn giao tài liệu, hồ sơ lưu trữ, con dấu theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 231-TB/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2009

**Về cuộc vận động viết hồi ký nhớ lại và suy nghĩ,
sưu tầm, nghiên cứu và sáng tác về đề tài
chiến tranh cách mạng**

Tại phiên họp ngày 17-3-2009, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo về việc tổ chức cuộc vận động viết hồi ký nhớ lại và suy nghĩ, sưu tầm, nghiên cứu và sáng tác về đề tài chiến tranh cách mạng (Công văn số 3761/BTTTT-XB, ngày 18-11-2008) và ý kiến của các ban, ngành có liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Ban Bí thư hoan nghênh sáng kiến tổ chức cuộc vận động của Bộ Thông tin và Truyền thông; đây là việc làm có ý nghĩa nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống cách mạng của dân tộc, góp phần giáo dục các thế hệ mai sau. Tuy nhiên, đây là một chủ trương lớn, cần có sự chuẩn bị đầy đủ, chu đáo hơn và cần nhắc kỹ về nội dung cuộc vận động, tập trung vào sưu tầm các tư liệu, hiện vật của những người (tập thể và cá nhân) trực tiếp tham gia vào các cuộc kháng chiến và sáng

tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật về đề tài chiến tranh cách mạng của nhân dân ta.

- Giao Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam và các cơ quan có liên quan khác xây dựng đề án về cuộc vận động, trình Ban Bí thư, sau khi có Chỉ thị của Bộ Chính trị về tổ chức các ngày lễ kỷ niệm trong hai năm 2009, 2010. Việc phát động cuộc vận động sẽ tiến hành vào dịp kỷ niệm 35 năm Ngày giải phóng miền Nam 30-4-2010.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 33-CT/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2009

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư

Trong những năm qua, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư ở nước ta đã được Đảng và Nhà nước quan tâm xây dựng, lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện hoạt động. Số lượng luật sư đã tăng lên đáng kể; chất lượng hoạt động từng bước được nâng lên. Hoạt động nghề nghiệp của luật sư không những góp phần tích cực trong việc bảo vệ công lý, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, mà còn là yếu tố góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội ngày càng được đề cao.

Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của luật sư ở nước ta còn bộc lộ nhiều hạn chế và yếu kém; đội ngũ luật sư còn thiếu nhiều, một bộ phận còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức rèn luyện, tuân thủ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp; một số ít luật sư còn có biểu hiện lệch lạc về tư

tưởng, nhận thức. Vai trò tự quản của một số đoàn luật sư chưa được thực hiện tốt, chưa chú trọng và quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng hành nghề, đạo đức và ứng xử nghề nghiệp, tư tưởng chính trị cho luật sư; chưa có biện pháp uốn nắn, chấn chỉnh kịp thời đối với những luật sư có biểu hiện tiêu cực, lệch lạc về ý thức chính trị. Một số ít địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng, củng cố, kiện toàn về tổ chức và hoạt động hành nghề luật sư. Công tác quản lý nhà nước về luật sư chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư còn có mặt hạn chế; vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở các đoàn luật sư chưa thực sự được phát huy; nhiều đoàn luật sư chưa thành lập được tổ chức đảng; một số ít đảng viên là luật sư chưa thực sự gương mẫu trong hoạt động nghề nghiệp và trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên, Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tăng cường lãnh đạo đối với tổ chức và hoạt động của luật sư, thực hiện tốt những chủ trương, giải pháp chính sau đây:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong đảng viên và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, đánh giá đúng vị trí, vai trò của luật sư và hành nghề luật sư trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Tăng cường trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong việc kiện toàn tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư và nhân sự chủ chốt của các đoàn luật sư; sớm thành lập đoàn luật sư ở một số tỉnh chưa có đoàn luật sư; tạo điều kiện hỗ trợ ban đầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động cho các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

3. Xây dựng và phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, vững vàng về bản lĩnh chính trị, trong sáng về đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và nhu cầu của xã hội, bảo đảm ngày càng có nhiều luật sư am hiểu pháp luật và tập quán thương mại quốc tế, thông thạo ngoại ngữ, giỏi kỹ năng hành nghề luật sư, có trình độ ngang tầm với các luật sư trong khu vực và quốc tế.

4. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư; xây dựng cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo đúng quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng tranh tụng của luật sư tại phiên tòa; có chính sách thúc đẩy hoạt động tư vấn pháp luật của luật sư, trong đó quan tâm thích đáng đến hoạt động tư vấn pháp luật phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế; khuyến khích luật sư tham gia công tác trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng chính sách và các công tác xã hội khác.

5. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của luật sư; chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra để bảo đảm hoạt động của luật sư được thực hiện theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư. Đồng thời phát huy vai trò tự quản của

tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư trong việc phát triển đội ngũ luật sư và nâng cao chất lượng của tổ chức và hoạt động luật sư.

6. Đổi mới, hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức hành nghề của luật sư. củng cố, kiện toàn tổ chức đảng trong các đoàn luật sư, sớm thành lập tổ chức đảng của Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Tăng cường công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên, đặc biệt đối với các luật sư trẻ; chú trọng công tác bồi dưỡng, giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ luật sư; phát huy tinh thần gương mẫu của luật sư là đảng viên trong hoạt động nghề nghiệp và trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

7. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý đối với hoạt động hợp tác quốc tế của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, tạo điều kiện để tổ chức luật sư và luật sư Việt Nam hội nhập, giao lưu quốc tế trên cơ sở bảo đảm tuân thủ đúng đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

8. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tăng cường giám sát việc thi hành pháp luật liên quan đến luật sư và hành nghề luật sư.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến luật sư và hành nghề luật sư; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của luật sư trong tình hình mới.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất việc thành lập tổ chức đảng của Liên đoàn Luật sư Việt Nam; hướng dẫn thống nhất việc thành lập tổ chức đảng trong các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp chủ trì theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 41-KL/TW, ngày 31 tháng 3 năm 2009

**Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW
của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX)
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với
lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị
động viên trong tình hình mới**

Ngày 5-11-2008, tại Hà Nội, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị tổng kết 6 năm thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW, ngày 5-10-2002 của Ban Bí thư Trung ương (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới và tổng kết tổ chức, hoạt động của chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn. Ban Bí thư nhận định:

1. Sau khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị, Đảng ủy Quân sự Trung ương đã xây dựng Hướng dẫn số 01-HD/ĐUQSTW, ngày 3-1-2003 về thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp đã làm tốt việc quán triệt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng lực lượng dân

quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới, đề ra nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sát với tình hình địa phương, cơ sở. Cơ quan quân sự địa phương các cấp đã có bước đổi mới trong công tác tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động của dân quân tự vệ và dự bị động viên; chất lượng tổng hợp của lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đã được nâng lên rõ rệt, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở địa phương, cơ sở; đồng thời góp phần tích cực trong thực hiện giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia; trong phòng, chống bão lụt, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai và trong vận động quần chúng ở cơ sở, được cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và nhân dân đánh giá cao.

2. Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác dân quân tự vệ và dự bị động viên cũng còn một số hạn chế, khuyết điểm sau:

- Nhận thức về vai trò, vị trí chiến lược và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên của một số cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị ở cả Trung ương và địa phương còn hạn chế; chưa quan tâm đúng mức về tuyên truyền, giáo dục nâng cao trình độ, kiến thức quốc phòng, quân sự địa phương và quản lý nhà nước về quốc phòng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; chưa thường xuyên làm tốt việc kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh trong công tác của mỗi cấp, mỗi ngành và địa phương, đơn vị.

- Một số cơ quan quân sự địa phương chưa làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác này hoặc

còn thiếu chủ động, nhạy bén trong tổ chức thực hiện. Việc đăng ký, quản lý dân quân tự vệ và dự bị động viên còn nhiều khó khăn, vướng mắc, nhất là số công dân phải đi làm ăn xa. Năng lực xử lý tình huống tại chỗ của lực lượng này ở một số địa phương, đơn vị còn hạn chế.

- Chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn chưa được hướng dẫn tổ chức hoạt động thống nhất; phát triển đảng viên trong dân quân tự vệ và dự bị động viên chưa được quan tâm đúng mức, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số.

- Một số văn bản luật pháp còn thiếu, chưa đồng bộ; chế độ, chính sách chưa đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên, nhất là trong một số loại hình doanh nghiệp.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát chưa thường xuyên nên ảnh hưởng nhất định đến chất lượng việc thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư.

Để tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 16-CT/TW, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc hơn nữa về vị trí, vai trò của lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới. Nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên, thực sự là lực lượng trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Cấp ủy đảng các cấp có chủ trương, nghị quyết lãnh đạo chuyên đề về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên. Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ, nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ lên trên 18%, đơn vị dự bị động viên đủ đảng viên để tổ chức chi bộ, chi ủy ở cấp đại đội, đảng ủy ở cấp tiểu đoàn.

3. Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh đề án và tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ theo hướng tổ chức lực lượng hợp lý, chất lượng tốt, lấy xây dựng về chất lượng chính trị là chính; tổ chức, biên chế tinh gọn, chặt chẽ; trang bị vũ khí phù hợp; được giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự toàn diện, thiết thực; nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Chú trọng xây dựng nâng cao chất lượng dân quân tự vệ ở vùng trọng điểm quốc phòng, an ninh và những địa bàn phức tạp. Bảo đảm chế độ, chính sách thỏa đáng đối với lực lượng này theo giá trị ngày công lao động thực tế và phù hợp với khả năng của địa phương.

4. Xây dựng lực lượng dự bị động viên đủ về số lượng và chất lượng toàn diện. Bảo đảm tính hợp lý, đồng bộ, cân đối giữa lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên. Quy mô tổ chức phù hợp với quyết tâm tác chiến chiến lược theo khu vực phòng thủ, từng hướng chiến lược và khả năng tạo nguồn của từng địa phương. Vũ khí, trang bị kỹ thuật, vật chất bảo đảm đúng quy định, có dự phòng thích hợp. Các đơn vị dự bị động viên phải được quản lý, huấn luyện chặt chẽ, có

trình độ sẵn sàng chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu huy động, mở rộng lực lượng thường trực của quân đội trong mọi tình huống.

5. Thường xuyên kiện toàn ban chỉ huy quân sự các cấp đủ về số lượng, chất lượng ngày càng cao; đối với ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, chỉ huy trưởng phải là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; chính trị viên là bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy kiêm nhiệm; ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn, chỉ huy trưởng là thành viên ủy ban nhân dân; chính trị viên là bí thư đảng ủy (chi bộ) xã, phường, thị trấn; chính trị viên phó là bí thư đoàn (chi đoàn) xã kiêm nhiệm. Hàng năm, từ cán bộ ban chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức đến cán bộ phân đội dân quân tự vệ và dự bị động viên phải được bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức cần thiết về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh làm cơ sở triển khai công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự tại đơn vị.

6. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng ủy Quân sự Trung ương tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, tổng kết hoạt động của chi bộ, tổ đảng quân sự xã, phường, thị trấn và công tác phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang quần chúng, để báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định; trước mắt những nơi đã có chi bộ quân sự cấp xã thì tiếp tục duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng, những nơi chưa có thì tiến hành làm thí điểm, rút kinh nghiệm để có chủ trương tiếp theo; đồng thời tiến hành nghiên cứu để ban hành thống nhất về chức năng,

nhiệm vụ và các mối quan hệ của chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn.

7. Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng nâng Pháp lệnh dân quân tự vệ lên thành luật và ban hành đồng bộ những văn bản quy phạm pháp luật kèm theo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; coi trọng việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong các loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh, dân quân tự vệ hoạt động trên biển, đảo. Bộ Quốc phòng phối hợp với các bộ, ngành Trung ương ban hành các văn bản nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân quân tự vệ, dự bị động viên và chế độ, chính sách đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

8. Ban Cán sự đảng Chính phủ nghiên cứu chỉ đạo ban hành quy định phân bổ ngân sách quốc phòng cho những địa phương kinh tế chậm phát triển ở vùng biên giới, hải đảo, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của dân quân tự vệ, dự bị động viên trong tình hình mới.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các bộ, ngành Trung ương bố trí ngân sách thích đáng và bảo đảm chế độ, chính sách cho công tác đăng ký, quản lý, tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, trang bị đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên; đồng thời chỉ đạo các doanh nghiệp chấp hành quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, có trách nhiệm đóng góp, bảo đảm kinh phí chi cho công tác quốc phòng, quân sự nói chung, thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân

tự vệ và lực lượng dự bị động viên nói riêng để huấn luyện và hoạt động đạt chất lượng, hiệu quả.

9. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan chỉ đạo các cơ quan chức năng thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục trong Đảng và nhân dân về nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; các nhà trường trong quân đội, trung tâm giáo dục quốc phòng làm tốt công tác bồi dưỡng chính trị, kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ các cấp, giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh, sinh viên về nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

10. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX) và Kết luận này; hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ban Bí thư (qua Đảng ủy Quân sự Trung ương).

Giao Đảng ủy Quân sự Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, báo cáo Ban Bí thư.

Kết luận này phổ biến đến chi bộ để triển khai thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 232-TB/TW, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Về việc nghiên cứu Đề tài khoa học
Tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo
đấu tranh trong các trại giam thời kỳ chống Mỹ,
cứu nước (1954 - 1975)

Tại phiên họp ngày 30-12-2008, sau khi nghe Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh báo cáo “về việc nghiên cứu Đề tài khoa học Tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các trại giam tù binh thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)” (Tờ trình số 30/HVCT-HCQG, ngày 24-9-2008) và Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các ban, ngành có liên quan, Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo như sau:

- Ban Bí thư tán thành chủ trương nghiên cứu Đề tài khoa học Tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các trại giam thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). Đây vừa là khoa học lịch sử, vừa là khoa học xây dựng Đảng, có ý nghĩa quan trọng và cũng hết sức nhạy cảm, cần phải được tiến hành một cách hết sức chặt chẽ, chính xác.

- Đề tài cần mở rộng thành tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các trại giam của địch thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) (không chỉ là các trại giam tù binh), cần nắm lại đầy đủ các trại giam của chính quyền Mỹ - ngụy từ vĩ tuyến 17 trở vào (không chỉ là 6 trại giam như trong Tờ trình). Về nội dung nghiên cứu, việc xác minh và lập danh sách cán bộ, chiến sĩ bị địch giam cầm trong các trại giam với những thông tin cần thiết cần phải được tiến hành một cách hết sức cẩn trọng. Sản phẩm của Đề tài và việc chia nhánh cần phải được xem xét, điều chỉnh lại cho hợp lý, khoa học hơn.

- Giao Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Cán sự đảng Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan có liên quan tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh đề cương nghiên cứu, báo cáo Thường trực Ban Bí thư.

- Trong quá trình nghiên cứu, đối với những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, cần phải được chuyển cho các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định và việc công bố kết quả, sản phẩm nghiên cứu phải báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư. Văn phòng Trung ương Đảng thẩm định cấp kinh phí cho việc nghiên cứu.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 233-TB/TW, ngày 31 tháng 3 năm 2009

**Về Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp
với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc
triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân**

Tại phiên họp ngày 17-3-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về Đề án “Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân” (Tờ trình số 79-TTr/BTGTW, ngày 12-11-2008) và Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp ý kiến của các ban, ngành có liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

- Việc ban hành Quy chế phối hợp là cần thiết để thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị nhằm phối hợp tốt hơn giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc triển khai kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân.

- Dự thảo Quy chế được chuẩn bị công phu, tuy nhiên, Ban Tuyên giáo Trung ương cần nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến đóng góp của các ban, ngành và các ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư tại phiên họp này. Nội dung Quy chế cần được hoàn thiện lại theo hướng gọn, rõ ràng, cụ thể hơn; xác định rõ trách nhiệm và phương thức phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với ban cán sự đảng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, tập trung vào những vấn đề quan trọng, nhạy cảm; những gì đã được quy định trong chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thì không đưa vào Quy chế. Công tác phối hợp được thực hiện ở cả bốn cấp; ở cấp xã, việc phối hợp do cấp ủy thực hiện. Về kinh phí, không quy định khoản kinh phí riêng cho công tác này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 42-KL/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2009

Về đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính (trong đó có tiền lương và giá dịch vụ y tế) đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập

Tại phiên họp ngày 5-2-2009, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Y tế trình bày Đề án đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính (trong đó có tiền lương và giá dịch vụ y tế) đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập (Tờ trình số 251/TTr-BCS, ngày 12-11-2008) và ý kiến của đại diện lãnh đạo các bộ, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

I- VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CỦA NGÀNH Y TẾ GIAI ĐOẠN 2001 - 2008

1. Bộ Chính trị thống nhất với những đánh giá về kết quả hoạt động của ngành y tế trong thời gian qua, hệ thống y tế ngày càng được củng cố và phát triển, mạng lưới bệnh viện, các cơ sở y tế dự phòng và y tế cơ sở từng bước được mở

rộng; công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế đã có nhiều tiến bộ; đặc biệt, y tế cơ sở đã được củng cố và từng bước hoàn thiện; công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người nghèo, người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, bà mẹ, trẻ em được chú trọng thích đáng. Nhìn chung, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đã đạt được một số thành tựu quan trọng: tuổi thọ trung bình của người dân, công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, đặc biệt là trẻ sơ sinh, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ lệ chết của trẻ em dưới 1 tuổi trong 1.000 trẻ đẻ ra sống, tỷ lệ mẹ chết... được cải thiện rõ rệt, một số mục tiêu đã đạt và vượt so với mục tiêu thiên niên kỷ đề ra trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân Việt Nam.

2. Tuy nhiên, sau hơn 20 năm đổi mới, thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ngành y tế còn chậm đổi mới và còn lúng túng cả về nhận thức và xây dựng cơ chế hoạt động, đặc biệt là cơ chế tài chính, nên chưa phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị y tế cũng như của cán bộ y tế; chưa huy động đầy đủ nguồn lực xã hội để vừa thực hiện mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, công bằng trong chăm sóc sức khỏe, vừa bảo đảm yêu cầu phát triển hệ thống y tế trong nền kinh tế thị trường.

II- VỀ QUAN ĐIỂM

Bộ Chính trị tán thành các quan điểm, mục tiêu nêu trong Đề án, đồng thời nhấn mạnh:

1. Hệ thống y tế công lập phải giữ vai trò chủ đạo, đặc biệt trong việc giữ vững định hướng công bằng, hiệu quả,

phát triển và đảm bảo an sinh xã hội. Vì vậy, hệ thống y tế công lập phải tiếp tục được mở rộng và phát triển. Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư, phát triển bệnh viện công, đổi mới cơ chế hoạt động của các bệnh viện công để hoạt động ngày càng năng động, hiệu quả. Không cổ phần hóa bệnh viện công lập hiện có; khuyến khích xã hội hóa, xây dựng và thành lập mới bệnh viện cổ phần, bệnh viện liên doanh, cơ sở khám, chữa bệnh, bệnh viện tư nhằm tăng thêm số lượng cơ sở cung ứng dịch vụ và cơ sở dịch vụ y tế chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao và đa dạng của nhân dân, tăng khả năng lựa chọn của người dân đối với các dịch vụ y tế; vừa bảo đảm có đủ cơ sở cho người nghèo và các đối tượng chính sách được tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ y tế có chất lượng ngay từ tuyến ban đầu.

2. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt hơn Nghị quyết 46-NQ/TW, ngày 23-2-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về “Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” và Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH12, ngày 3-6-2008 của kỳ họp thứ ba, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa XII) về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật xã hội hóa để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, trong đó bảo đảm tăng tỷ trọng chi ngân sách nhà nước hàng năm cho sự nghiệp y tế với tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách nhà nước; đồng thời cơ cấu lại phân bổ ngân sách theo hướng ưu tiên bảo đảm cho vùng núi, vùng khó khăn, y tế dự phòng, y tế cơ sở, thông tin - truyền thông - giáo dục sức khỏe, dân số - kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm, ưu tiên chi đầu tư phát triển để nâng cấp và

hoàn thiện hệ thống y tế công lập và bảo đảm an sinh xã hội trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

3. Đổi mới cơ chế tài chính trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập gắn với việc thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân, đồng thời theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ y tế. Nguồn tài chính công, gồm ngân sách nhà nước và bảo hiểm y tế, phải là nguồn chính, chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong tổng chi xã hội cho y tế, giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm hoạt động của các cơ sở khám và chữa bệnh tại các bệnh viện công lập; thông qua hình thức bảo hiểm y tế, Nhà nước đảm bảo kinh phí khám, chữa bệnh cho người có công với cách mạng, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi... và hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người cận nghèo.

III- VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỔI MỚI CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, BỘ CHÍNH TRỊ CÓ Ý KIẾN NHƯ SAU:

1. Trước mắt, Chính phủ ưu tiên chi từ ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ, nguồn vốn ODA để đầu tư nâng cấp và phát triển hệ thống y tế công lập. Bảo đảm đủ ngân sách thực hiện khám, chữa bệnh cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng chính sách xã hội, người có công với cách mạng, trẻ em dưới 6 tuổi; hỗ trợ mệnh giá bảo hiểm y tế cho người cận nghèo. Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho hoạt động y tế dự phòng và các cơ sở khám, chữa bệnh lao, bệnh phong và bệnh tâm thần, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Đồng thời, cần tạo điều kiện cho các cơ sở y tế công lập thu hút các nguồn vốn đầu tư khác dưới hình

thức vay vốn để nâng cấp trang thiết bị và hạ tầng cơ sở. Cần tổng kết và có kết luận về việc đầu tư dưới dạng góp vốn với mọi hình thức trong các cơ sở y tế công lập.

2. Đồng ý dựa trên cơ sở kết quả thực hiện việc tự chủ sẽ tiến hành phân loại các bệnh viện và các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc phân loại các nhóm bệnh viện cho phù hợp. Trong quá trình tiến hành phân loại bệnh viện, cần kịp thời phát hiện và khắc phục các khuyết hướng biến bệnh viện công thành bệnh viện tư dưới mọi hình thức, khắc phục những hạn chế do việc thực hiện cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính trong ngành y tế. Việc áp dụng phân loại nhóm bệnh viện cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, nhất là trong các đơn vị y tế thuộc các ngành công an, quân đội.

3. Đồng ý về nguyên tắc xây dựng khung giá và giá dịch vụ y tế theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ, bảo đảm rành mạch giữa hỗ trợ của Nhà nước và phần đóng góp của người dân trong giá dịch vụ, phù hợp với khả năng chi trả của người bệnh ở các vùng có mức thu nhập khác nhau, bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe, song cần có cơ chế, chính sách quản lý, giám sát chặt chẽ để tránh sự lạm dụng kỹ thuật, dịch vụ y tế, thuốc men đối với người bệnh. Cần có những giải pháp cụ thể để khuyến khích các chuyên gia, thầy thuốc giỏi, đặc biệt là các cán bộ y tế giỏi đang công tác tại các vùng khó khăn, miền núi, y tế cơ sở...

4. Cho phép thực hiện chế độ phụ cấp hợp lý đối với cán bộ y tế theo nghề (trước mắt áp dụng tương đương như với người thầy giáo), theo vùng, miền, theo các chuyên ngành độc hại, nguy hiểm đối với sức khỏe cán bộ y tế. Chính phủ căn

cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế để quyết định mức cơ cấu chi phí công lao động vào giá dịch vụ y tế của các nhóm bệnh viện cho phù hợp với khả năng chi trả của người dân và cân đối quỹ bảo hiểm y tế.

5. Việc thực hiện chính sách luân phiên cán bộ và thực hiện nghĩa vụ xã hội của cán bộ y tế đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn và vùng khó khăn là cần thiết, góp phần bảo đảm công bằng xã hội. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, tiến tới luật hóa nghĩa vụ, trách nhiệm của cán bộ y tế đối với vùng kinh tế - xã hội khó khăn của đất nước; sớm thực hiện việc cấp chứng chỉ hành nghề cho cán bộ y tế nhằm nâng cao chất lượng quản lý nhà nước.

6. Đối với y tế địa phương, Nghị quyết 46-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: “Các đơn vị chuyên môn về y tế ở địa phương được quản lý theo ngành”. Để thực hiện điều này, Chính phủ cần nghiên cứu tổ chức thí điểm, tổng kết để trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật ngân sách Nhà nước, Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp theo hướng giao cho sở y tế tỉnh, thành phố thống nhất quản lý về chuyên môn, nhân lực và tài chính y tế, bảo đảm cho việc điều động, điều tiết nguồn lực (gồm cán bộ y tế, cơ sở, trang thiết bị, tài chính) tại địa phương phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm và các mục tiêu ưu tiên, đặc biệt huy động và phối hợp được các lực lượng trong trường hợp phòng, chống dịch bệnh, khắc phục thảm họa, thiên tai và bảo đảm sự điều hành có hiệu quả các nguồn tài chính, nhân lực đầu tư cho y tế, đi đôi với việc tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp y tế.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Chính phủ và các cơ quan chức năng xây dựng và trình Quốc hội ban hành các văn bản pháp luật cần thiết và ban hành các văn bản pháp luật theo thẩm quyền để triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị.

2. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính (trong đó có tiền lương và giá dịch vụ y tế) đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

3. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc thể chế hóa những nội dung trong Kết luận này của Bộ Chính trị.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Y tế theo dõi, đôn đốc thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính (trong đó có tiền lương và giá dịch vụ y tế) đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và định kỳ báo cáo với Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 43-KL/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2009

**Về 3 năm thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW,
ngày 23-2-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX)
về “Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao
sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”
và 5 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW,
ngày 22-1-2002 của Ban Bí thư (khóa IX)
về “Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở”**

Tại phiên họp ngày 6-3-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Cán sự đảng Bộ Y tế báo cáo về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW, ngày 23-2-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về “Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” (sau đây gọi là Nghị quyết số 46-NQ/TW) và 5 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 22-1-2002 của Ban Bí thư (khóa IX) về “Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở” (sau đây gọi là Chỉ thị số 06-CT/TW), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với Báo cáo của Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Cán sự đảng Bộ Y tế về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW, 5 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, đồng thời lưu ý và nhấn mạnh một số điểm sau:

- Việc học tập Nghị quyết số 46-NQ/TW và Chỉ thị số 06-CT/TW được các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương triển khai nghiêm túc, nên đã tạo ra bước chuyển biến mới trong nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là vai trò và trách nhiệm lãnh đạo của các cấp ủy đảng về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, do đó, đã đạt nhiều kết quả khả quan, một số kết quả đạt được tốt so với mục tiêu đề ra. Nhiều dịch bệnh được khống chế và đẩy lùi. Hệ thống y tế ngày càng được củng cố; hành lang pháp luật ngày càng được hoàn thiện; công tác xã hội hóa chăm sóc sức khỏe nhân dân đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Quy mô và năng lực cung ứng dịch vụ của hệ thống y tế được nâng cao. Nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao đã được thực hiện làm cho trình độ kỹ thuật y tế của Việt Nam đang dần tiến bộ kịp với các nước tiên tiến trong khu vực. Người dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế ngày càng dễ dàng hơn. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho y tế ngày càng tăng và mức tăng hàng năm cao hơn mức tăng chung của tổng chi ngân sách. Bước đầu thực hiện đổi mới cơ cấu và cơ chế phân bổ ngân sách y tế.

- Tuy nhiên, trong những năm qua, việc thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW và Chỉ thị số 06-CT/TW vẫn còn

những khuyết điểm, yếu kém; những bất cập, yếu kém nêu trong Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị chậm được khắc phục, có mặt còn trầm trọng hơn: *Một là*, việc triển khai tổ chức thực hiện chỉ thị, nghị quyết đối với các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương và một số tỉnh ủy, thành ủy còn chậm và chưa quyết liệt; việc thể chế hóa thành các chính sách, đề án, dự án cụ thể diễn ra muộn và tiến độ thực hiện chậm. *Hai là*, nhận thức về các quan điểm và một số giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 46-NQ/TW chưa đầy đủ và sâu sắc. *Đặc biệt*, quan điểm thứ năm của Nghị quyết số 46-NQ/TW “*Nghề y là một nghề đặc biệt, cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt*” chưa được triển khai thành một nhóm chính sách tổng thể mang tính hệ thống. *Ba là*, mô hình tổ chức hệ thống y tế còn chưa phù hợp và không ổn định, nhất là hệ thống y tế cơ sở và y tế dự phòng. *Bốn là*, chưa có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ, nhân viên y tế. *Đội ngũ cán bộ y tế hiện nay đang rất thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, cơ cấu và phân bổ chưa hợp lý giữa các lĩnh vực, các vùng, miền; biểu hiện xuống cấp về đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận cán bộ, nhân viên ngành y tế vẫn chưa được ngăn chặn và khắc phục triệt để. Năm là*, kiểm tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm còn yếu; quản lý cơ sở y tế ngoài công lập, quản lý thuốc chưa thật chặt chẽ. Tổng đầu tư cho y tế còn thấp so với nhu cầu đặt ra trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân (chỉ chiếm bình quân/năm là 2,4% so với GDP); diện bao phủ bảo hiểm y tế vẫn còn ở mức thấp, khả năng cân bằng quỹ bảo hiểm y tế yếu; tỷ trọng ngân sách y tế từ nguồn người dân chi trả trực

tiếp khi sử dụng các dịch vụ y tế so với tổng ngân sách chi tiêu y tế vẫn ở mức cao (trên 60%). Sáu là, xã hội hóa y tế chưa đáp ứng được nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Bảy là, công tác thông tin, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi sức khỏe đã có đổi mới bước đầu, song chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực y tế dự phòng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Có những nguyên nhân chủ quan và khách quan của các khuyết điểm, yếu kém trên, song nguyên nhân cơ bản là do một số cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; một số cán bộ, đảng viên chưa nhận thức một cách đầy đủ 5 quan điểm của Đảng về công tác chăm sóc sức khỏe, chưa hiểu biết một cách đầy đủ những đặc điểm về quản lý y tế. Một số cấp ủy đảng, chính quyền và một bộ phận nhân dân còn trông chờ và ỷ lại vào bao cấp của Nhà nước. Ngành y tế chậm đổi mới cải cách hành chính, cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy để nâng cao hiệu quả của nguồn lực.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 46-NQ/TW và Chỉ thị số 06-CT/TW, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội và toàn xã hội tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện đầy đủ và tích cực hơn nữa năm quan điểm của Đảng về công tác y tế, các mục tiêu và bảy nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã được đề ra trong Nghị quyết số 46-NQ/TW. Trước mắt, cần tập trung vào một số điểm sau:

- Tổ chức sắp xếp hệ thống y tế công, đặc biệt là y tế cơ sở, tạo ra mô hình hợp lý và ổn định dựa trên quản lý theo ngành đối với y tế địa phương (từ tuyến tỉnh trở xuống). Ngoài ra, trước mắt cần cho phép vận dụng làm thí điểm mô hình y tế cơ sở theo Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BYT-BNV ngày 25-4-2008 của liên bộ Nội vụ và Y tế. Sau đó tiến hành tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm để có kiến nghị, điều chỉnh cho phù hợp. Đổi mới cơ chế hoạt động, quản lý về tài chính, nhân lực của các cơ sở y tế công, từng bước áp dụng các công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng và bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm khuyến khích phát triển và mở rộng các cơ sở y tế tư nhân.

- Tích cực chỉ đạo và thực hiện nghiêm các chính sách đối với người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người già, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách xã hội; vận động và hỗ trợ người cận nghèo mua thẻ bảo hiểm y tế; quan tâm đến sức khỏe người lao động, đặc biệt là công nhân tại các khu công nghiệp; y tế trường học.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước về y tế; cải cách mạnh mẽ thủ tục khám bệnh, chữa bệnh nhằm giảm phiền hà cho nhân dân; tăng cường quản lý nhà nước đối với bảo hiểm y tế; tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về quản lý giá thuốc, quản lý hành nghề y dược tư nhân; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao ý thức và trách nhiệm của cán bộ y tế, xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật về y tế.

- Cơ cấu lại nguồn tài chính cho y tế để tiến đến nguồn tài chính công (ngân sách nhà nước và bảo hiểm y tế) chiếm

một tỷ trọng cao (ít nhất là trên 50%) trong tổng ngân sách chi tiêu y tế từ tất cả các nguồn; ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, đầu tư cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế, đặc biệt là các vùng khó khăn; tiếp tục chuyển việc đầu tư trực tiếp ngân sách nhà nước cho các cơ sở dịch vụ công sang đầu tư trực tiếp cho người hưởng dịch vụ bằng cách mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người có công với cách mạng, người tàn tật và rủi ro về sức khỏe, hỗ trợ việc mua thẻ bảo hiểm y tế cho người cận nghèo; đẩy nhanh tiến độ thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, từng bước tiến đến bảo hiểm y tế bắt buộc toàn dân, nâng cao chất lượng và hiệu quả khám, chữa bệnh cho các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; đổi mới chính sách viện phí trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí phục vụ người bệnh. Ban hành các chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác y tế, đồng thời không ngừng đổi mới cơ chế tiền lương cho cán bộ y tế theo hướng được hưởng như giáo viên.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác thông tin, giáo dục, truyền thông, thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, chính sách, pháp luật, các chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tăng cường sự chỉ đạo của ban tuyên giáo các cấp trong việc phối hợp các ban, ngành, đoàn thể trong công tác thông tin, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn.

- Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, cùng Ban Cán sự đảng Bộ Y tế, Ban Cán sự đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng Chỉ thị của Ban Bí thư về “*Tăng cường sự lãnh đạo*

của Đảng đối với công tác bảo hiểm y tế trong tình hình mới”, trình Ban Bí thư ban hành trong quý II-2009.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 44-KL/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2009

**Về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết
số 47-NQ/TW, ngày 22-3-2005 của Bộ Chính trị
(khóa IX) về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện
chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình”**

Tại phiên họp ngày 6-3-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Cán sự đảng Bộ Y tế báo cáo về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW, ngày 22-3-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình” (sau đây gọi là Nghị quyết số 47-NQ/TW), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với Báo cáo của Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Cán sự đảng Bộ Y tế về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW, đồng thời nhấn mạnh một số điểm sau:

Sau ba năm thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã đạt được một số thành tựu quan trọng. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã

trở thành một trong những nội dung quan trọng trong chương trình hoạt động của các cấp ủy đảng và chính quyền, các đoàn thể và tổ chức xã hội; từng bước tạo được sự cam kết của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự ủng hộ rộng rãi của xã hội trong việc thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Đã có sự chuyển biến về hôn nhân và sinh đẻ của người dân, ngày càng có nhiều người kết hôn, sinh con phù hợp hơn với lứa tuổi, sức khỏe, hoàn cảnh kinh tế và số lần sinh ít hơn (tổng tỷ suất sinh đã giảm từ 2,11 năm 2005 xuống còn 2,07 năm 2007); chất lượng dân số từng bước được nâng lên. Những thành tựu của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là đóng góp vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo của nhân dân.

Tuy nhiên, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình vẫn còn những khuyết điểm và yếu kém: Mức sinh giảm chậm, chưa vững chắc, có sự khác biệt giữa các vùng, miền, còn tiềm ẩn nguy cơ tăng trở lại; khu vực nông thôn chưa đạt mức sinh thay thế và mức giảm sinh rất chậm; tình trạng mất cân bằng giới tính của trẻ sơ sinh đã đến mức báo động. Thụ hưởng chỉ số phát triển con người (HDI) tuy có tăng nhưng chưa đáng kể. Mặc dù tuổi thọ bình quân tương đối cao nhưng chất lượng tuổi thọ khá thấp. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sức khỏe bà mẹ, trẻ em và chỉ số suy dinh dưỡng cải thiện chậm. Tỷ lệ dân số bị thể lực kém, trí tuệ giảm có xu hướng gia tăng. Nhiều vấn đề trong chăm sóc sức khỏe đang đặt ra những bất cập và lo

ngại. Việc quản lý dân số còn thiếu thống nhất, phân tán, gây khó khăn, phiền phức cho người dân trong các giao dịch dân sự, không đáp ứng nhu cầu quản lý xã hội và hoạch định chính sách, lồng ghép chính sách dân số với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Nguyên nhân của những khuyết điểm, yếu kém trên là do:

- Một số cấp ủy đảng và chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng, ý nghĩa chiến lược của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, không quan tâm đúng mức đến công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt khi có biến động về tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Trong chỉ đạo còn có biểu hiện thiếu tập trung, thiếu quyết liệt, thiếu những giải pháp thiết thực, chưa phát huy tốt vai trò của cơ quan tham mưu... Một bộ phận cán bộ, đảng viên không gương mẫu nhưng chưa bị xử lý nghiêm các vi phạm.

- Chậm sửa đổi Pháp lệnh dân số và các chính sách, quy định không còn phù hợp với mục tiêu mỗi cặp vợ chồng chỉ có một đến hai con.

- Hệ thống tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình thiếu ổn định, nhất là chậm tiến hành việc sáp nhập ủy ban dân số, gia đình và trẻ em vào ngành y tế, tạo nên nhận thức không đúng của cả cán bộ và nhân dân về chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Đến nay, sau nhiều nỗ lực, tổ chức bộ máy mới bước đầu được củng cố, nhưng vẫn chưa ổn định.

- Nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu, cơ chế quản lý kinh phí chưa phù hợp với tính chất đặc thù của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Tâm lý, tập quán của người dân trong xã hội nông nghiệp, lại chịu ảnh hưởng sâu rộng của tư tưởng phong kiến về việc sinh con, muốn có đông con và phải có con trai để nối dõi tông đường còn rất nặng nề.

Để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 47-NQ/TW, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội và toàn xã hội tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết số 47-NQ/TW đã đề ra. Những trọng tâm cần tập trung chú ý là:

- Kiên trì thực hiện mục tiêu gia đình ít con để nuôi dạy cho tốt, mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con để duy trì vững chắc mức sinh thay thế và quy mô dân số nước ta không quá 100 triệu người vào năm 2020, tạo cơ sở vững chắc để ổn định quy mô dân số ở mức 115 - 120 triệu người vào giữa thế kỷ XXI. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tập trung nguồn lực, thực hiện mạnh mẽ các giải pháp, mở rộng chính sách khuyến khích để tiếp tục giảm sinh ở vùng nông thôn, vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa. Có chính sách và biện pháp cụ thể để ổn định mức sinh, bảo đảm sự bền vững của chính sách dân số.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược tổng thể nâng cao toàn diện các thành tố của chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần; từng bước nâng cao chỉ số phát triển con người của nước ta lên mức tương đương với các nước công nghiệp có trình độ phát triển trung bình trên thế giới. Tăng cường sức khỏe, giảm tỷ lệ bệnh tật; tăng tuổi thọ và số năm trung bình sống khỏe mạnh; tiến

hành các giải pháp can thiệp về kỹ thuật và xã hội nhằm giảm thiểu các yếu tố gây ảnh hưởng, làm suy thoái chất lượng giống nòi. Nâng cao trình độ dân trí, trình độ nghề nghiệp, chuyên môn. Phát huy tiềm năng, tính năng động và phát triển toàn diện con người trong môi trường gia đình và cộng đồng an toàn, lành mạnh.

- Chủ động kiểm soát và giải quyết các nguyên nhân sâu xa làm mất cân bằng giới tính của trẻ sơ sinh; xử lý nghiêm các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi. Phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh chương trình việc làm và đào tạo nghề nhằm tăng tỷ lệ việc làm, tận dụng cơ hội của thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” để phát huy nguồn lao động dồi dào, tạo công ăn việc làm, xuất khẩu lao động, đào tạo nghề... trong giai đoạn 2007 - 2022. Phát triển các dịch vụ xã hội thích ứng với giai đoạn cơ cấu dân số già ở nước ta từ năm 2015; từng bước hoàn thiện chế độ an sinh tuổi già; tăng cường giáo dục, truy cứu trách nhiệm người vi phạm chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng ông bà, cha mẹ theo quy định của pháp luật.

- Cải tiến quản lý dân số theo phương thức quản lý dịch vụ công, ứng dụng công nghệ hiện đại xây dựng hệ cơ sở dữ liệu dân số - kế hoạch hóa gia đình thống nhất trong phạm vi toàn quốc, đáp ứng nhu cầu sử dụng chung của các bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức trong toàn xã hội và đảm bảo sự thuận tiện đối với người dân và yêu cầu cải cách nền hành chính quốc gia.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo sớm xây dựng và ban hành Luật dân số.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Chiến lược dân số, Chiến lược sức khỏe sinh sản giai

đoạn 2001 - 2010, xây dựng Chiến lược dân số - sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011 - 2020 làm cơ sở cho việc hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư đủ kinh phí, trang thiết bị, cơ sở vật chất và những điều kiện đảm bảo thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án, dự án đã được phê duyệt về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình giai đoạn đến năm 2010 và sau năm 2010.

- Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp sớm ổn định và kiện toàn cơ quan chuyên trách làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; thành lập ban chỉ đạo công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh, huyện; tiếp tục duy trì ban dân số - kế hoạch hóa gia đình tuyến xã, nâng cao năng lực hoạt động, vai trò phối hợp liên ngành. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn thực hiện tốt chính sách dân số.

- Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Y tế thường xuyên, chủ động hơn nữa trong việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị tại các địa phương, ban, ngành, đoàn thể và báo cáo định kỳ cho Ban Bí thư.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 234-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2009

Về Báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về khoa học và công nghệ và nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020

Tại phiên họp ngày 19-2-2009, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về khoa học - công nghệ (Tờ trình số 96-TTr/BTGTW, ngày 12-2-2009) và ý kiến đại diện lãnh đạo các bộ, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Bộ Chính trị cơ bản tán thành các nội dung đã được trình bày trong Báo cáo “Kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về khoa học và công nghệ và nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020”, đồng thời nhấn mạnh một số điểm sau:

1. Những thành tựu của khoa học và công nghệ sau 12 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII)

Khoa học xã hội và nhân văn có những đóng góp quan

trọng trong việc tiếp tục khẳng định, vận dụng, bổ sung và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay; khẳng định xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; con đường và bước đi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nền tảng là liên minh công nhân - nông dân - trí thức; nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân với lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nền ngoại giao độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa với tinh thần Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, không ngừng mở rộng các quan hệ đối ngoại, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế... Những lý luận đó đã góp phần quan trọng vào việc lý giải ngày càng sáng tỏ hơn các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong khoa học tự nhiên, nghiên cứu cơ bản đã được tập trung chủ yếu vào các ngành toán học, vật lý, cơ học, hóa học, tin học, sinh học, khoa học về trái đất, đặc biệt là các chuyên ngành như: vật lý chất rắn, quang học, vật lý laser, vật lý hạt nhân; cơ học các kết cấu công trình, cơ học các vật liệu

mới, động lực học, thủy khí động học; hóa hữu cơ, hấp thụ và xúc tác, hóa phân tích; công nghệ thông tin, điều khiển học; sinh vật học nhiệt đới, kỹ thuật tế bào, công nghệ gen, sinh học phân tử; địa chất, vật lý địa cầu, nghiên cứu địa lý, biến đổi khí hậu, dự báo các quá trình tai biến thiên nhiên Việt Nam, nghiên cứu biển, thêm lục địa...

Một số công trình khoa học cơ bản đã xây dựng cơ sở khoa học cho đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ. Những kết quả nổi bật trong lĩnh vực toán học, vật lý, tin học, cơ học, hóa học, khoa học về sự sống, khoa học trái đất... đã tạo tiền đề cho việc tiếp thu công nghệ hiện đại, định hướng cho việc bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống tác hại của thiên tai...

Nhờ đó, khoa học và công nghệ đã góp phần tạo ra những chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Những đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là sản xuất cơ khí chế tạo kết cấu thép chuyên dụng, đóng tàu, viễn thông, điện lực, dầu khí, khai thác tài nguyên khoáng sản... đã góp phần làm cho sản xuất công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế tăng trưởng cao liên tục những năm qua.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, khoa học và công nghệ đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Từ một nước thiếu lương thực, nước ta đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới. Ngoài ra, Việt Nam còn là một trong những nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu nhiều nông sản có giá trị khác như: thủy sản, cà phê, cao su, chè, hạt điều, lạc nhân, hồ tiêu, đồ gỗ chế biến... Các nhà khoa học đã tạo ra

142 giống cây trồng mới có năng suất và chất lượng cao trong 5 năm gần đây. Chương trình giống đã mang lại hiệu quả lớn trên 90% diện tích lúa, 80% diện tích ngô, 60% diện tích mía, 100% diện tích điều.

Công tác đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ ngày càng được tăng cường và bước đầu phát huy tác dụng. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ, như: *Luật khoa học và công nghệ, Luật sở hữu trí tuệ, Luật chuyển giao công nghệ, Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật chất lượng sản phẩm, Luật công nghệ thông tin, Luật năng lượng nguyên tử, Luật công nghệ cao...* đã được ban hành, trở thành một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ, tạo môi trường pháp lý phù hợp, điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ; khuyến khích, động viên các lực lượng khoa học trong toàn xã hội tham gia tích cực và cống hiến cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, khoa học và công nghệ nước ta chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, đội ngũ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chưa trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và khắc phục được tình trạng tụt hậu so với một số nước trong khu vực. Chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ nhìn chung còn thấp, thiếu những cán bộ, chuyên gia giỏi đầu đàn trong nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ, đủ sức đảm nhiệm các nhiệm vụ nghiên cứu có tầm cỡ quốc tế, có đóng góp đột phá đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước. Chính sách đãi ngộ, sử dụng chưa thu hút được nhiều và sử dụng tốt cán bộ trẻ đã được đào tạo có trình độ

cao về làm việc tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực. Kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ còn dàn trải, chưa tập trung vào giải quyết những vấn đề công nghệ trọng điểm, có ý nghĩa quyết định tạo ra nhiều ngành nghề mới. Chưa xây dựng đồng bộ các chính sách, cơ chế thúc đẩy nhu cầu đầu tư khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; tạo sự năng động và hiệu quả trong hoạt động khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân; sự gắn kết giữa nghiên cứu, đào tạo với sản xuất, kinh doanh. Thiếu cơ chế có hiệu quả để hỗ trợ các sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ trở thành sản phẩm hàng hóa, đáp ứng được nhu cầu của các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Quá trình đầu tư phát triển và làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến còn chậm nên chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, chậm được cải thiện.

2. Hoạt động khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020 cần tập trung những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

a) Chú trọng tổng kết thực tiễn để bổ sung và phát triển lý luận trong sự nghiệp đổi mới; dự báo kịp thời tình hình và xu thế phát triển của thế giới, khu vực và trong nước; lý giải những vấn đề thực tiễn đặt ra và cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

b) Nhanh chóng nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, làm nền tảng vững chắc và động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội; rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Tạo sự phát triển vượt bậc

về tiềm lực khoa học và công nghệ, đủ sức làm chủ và vận dụng sáng tạo tri thức mới nhất của thời đại trong một số ngành khoa học và công nghệ. Đổi mới tổ chức và hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các chuẩn mực quốc tế, có chất lượng và tính hiệu quả cao.

c) Kết hợp chặt chẽ nghiên cứu và phát triển trong nước với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, đẩy nhanh tốc độ đầu tư đổi mới công nghệ trong tất cả các ngành, tạo nhiều ngành nghề mới có hiệu quả và sức cạnh tranh cao, nhiều việc làm mới có năng suất cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm nhanh chóng nâng cao mức sống nhân dân. Phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ dựa trên công nghệ cao, dịch chuyển nhanh cơ cấu kinh tế sang các ngành dựa nhiều vào công nghệ và tri thức, đưa nền kinh tế đất nước vượt qua khó khăn trong tình hình kinh tế thế giới suy giảm hiện nay và vươn lên vị trí cao hơn trong mạng lưới sản xuất quốc tế và trong quá trình hội nhập quốc tế. Tập trung phát triển và tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, đẩy nhanh quá trình xây dựng công nghiệp cơ bản, công nghiệp phụ trợ; phát triển một số sản phẩm công nghiệp chủ lực và các sản phẩm nông nghiệp chế biến có giá trị, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trên thị trường thế giới.

d) Đến năm 2020, xây dựng được một nền khoa học và công nghệ có trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực; về cơ bản có khả năng tự chủ những công nghệ tiên tiến then chốt trong các lĩnh vực chính của nền kinh tế, với chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh cao; trở

thành động lực trực tiếp, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

3. Để thực hiện các nhiệm vụ trên, cần tập trung vào những giải pháp sau:

a) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và trình độ lãnh đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền đối với khoa học và công nghệ.

- Các cấp ủy đảng từ trung ương đến địa phương và cơ sở phải thực sự coi phát triển khoa học và công nghệ là một trong những nội dung lãnh đạo chủ yếu của mình, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị then chốt của tất cả các cấp ủy đảng và chính quyền; phân công cán bộ phụ trách và chịu trách nhiệm chỉ đạo tìm ra những biện pháp thực hiện có hiệu quả để phát triển nền khoa học Việt Nam, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong từng lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân; đưa nhanh, đưa mạnh các tiến bộ khoa học và công nghệ vào phục vụ thiết thực và hiệu quả cho sản xuất, đời sống, quốc phòng và an ninh.

- Nhà nước tập trung thực hiện nhiệm vụ quản lý, đầu tư nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia, khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực quốc phòng và an ninh.

b) Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý, đẩy mạnh đổi mới tổ chức và quản lý khoa học và công nghệ.

- Hoàn thiện, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo hướng tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực để các

thành phần kinh tế đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong sản xuất, kinh doanh.

- Đổi mới cơ chế tài chính của hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng thay cơ chế tài chính hành chính hiện nay bằng cơ chế tài chính sự nghiệp để tạo động lực cho các tổ chức sự nghiệp khoa học và công nghệ hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Nhà nước tập trung xác định, xây dựng và đặt hàng triển khai thực hiện những nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia thông qua Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, Chương trình phát triển công nghệ cao quốc gia; xây dựng cơ chế thúc đẩy hình thành tổ chức khoa học và công nghệ theo nhiệm vụ trên cơ sở liên kết các tổ chức khoa học và công nghệ để tập hợp một cách linh hoạt những cán bộ giỏi về nghiên cứu, triển khai và quản lý nhằm tập trung lực lượng để giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho việc hình thành các sản phẩm trọng điểm quốc gia trong giai đoạn tới. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp và tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ.

- Tăng cường chức năng nghiên cứu cơ bản tại các trường đại học. Nghiên cứu thành lập hệ thống đổi mới khoa học và công nghệ quốc gia để tạo sự gắn kết và liên thông giữa nghiên cứu, đào tạo, sản xuất và kinh doanh, giữa hoạt động khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

- Nghiên cứu sửa đổi *Luật ngân sách* nhằm tăng cường đầu tư, tập trung quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong đầu tư phát triển các ngành khoa học, các nhiệm vụ trọng điểm quốc

gia, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính liên vùng, liên lĩnh vực, có ảnh hưởng đột phá đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

c) **Đẩy mạnh phát triển và hoàn thiện thị trường khoa học và công nghệ.**

- Nhà nước có chính sách tập trung hỗ trợ, tài trợ để khuyến khích liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ với trường đại học trong việc đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới...

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm túc pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Phát triển nhanh và hiệu quả hệ thống Quỹ khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia.

- Có cơ chế khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp chủ động đầu tư nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước phải đóng vai trò là lực lượng chủ lực và tiên phong trong việc đầu tư cho đào tạo, nghiên cứu và làm chủ những công nghệ chiến lược then chốt và công nghệ mũi nhọn để đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ và tri thức cao theo định hướng xuất khẩu.

d) **Thể chế hóa những nội dung liên quan đến việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức về khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, nhất là những vấn đề sau:**

- Chính sách phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng trí thức.
- Hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức.

- Chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức.
- Đề cao trách nhiệm của trí thức, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các hội của trí thức.

- Nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo của Đảng đối với trí thức.

4. Tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy, tổ chức đảng từ trung ương đến địa phương phải coi việc đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020 là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và thường xuyên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; nghiêm túc tổ chức quán triệt và có kế hoạch cụ thể thực hiện tốt Kết luận này.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, tạo điều kiện pháp lý thuận lợi nhất cho việc phát triển nền khoa học và công nghệ Việt Nam.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc thể chế hóa các nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Kết luận này; xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020.

- Ban cán sự đảng các bộ, ngành; đảng đoàn của các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp tổ chức quán triệt và tiếp tục triển khai thực hiện tốt các nội

dung Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và Kết luận này, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì cùng với Ban Cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ giúp Bộ Chính trị làm đầu mối thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết báo cáo tình hình nhằm thực hiện thành công Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và Kết luận này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 235-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2009

**Về việc xây dựng hướng dẫn công nhận
người hoạt động cách mạng trước Cách mạng
Tháng Tám năm 1945 đã hy sinh, từ trần**

Tại phiên họp ngày 31-3-2009, xem xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương về việc hướng dẫn công nhận người hoạt động cách mạng trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã hy sinh, từ trần (Báo cáo số 165-BC/BTCTW, ngày 17-3-2009), sau khi thảo luận, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng hướng dẫn việc xét, công nhận người hoạt động cách mạng trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã hy sinh, từ trần, đảm bảo đúng với các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 237-TB/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2009

Về giám sát và phản biện xã hội
của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức
chính trị - xã hội và nhân dân

Trong phiên họp Bộ Chính trị ngày 19-3-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo Đề án “Về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân”; ý kiến của các cơ quan, ban đảng, đoàn thể ở Trung ương; Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng có liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội đối với các tổ chức đảng về việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

2. Hằng năm, trong chương trình làm việc liên tịch giữa Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Chính phủ, cần xác định nội dung, chương trình giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội đối với hoạt động của Quốc hội, Chính phủ. Trên cơ sở đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức thực hiện.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị tiến hành tổng kết 10 năm thi hành *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*. Qua đó, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời kỳ mới, trong đó có nội dung về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 236-TB/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2009

**Về Báo cáo tổng kết Chương trình viết tiểu sử
10 đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng
và Nhà nước và Tờ trình về Chương trình sưu tầm
tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối
của Đảng và cách mạng Việt Nam**

Sau khi xem xét dự thảo Báo cáo tổng kết Chương trình viết tiểu sử 10 đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước và Tờ trình số 01-TTr/HVCT-HCQG, ngày 2-1-2008 về Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, bản Tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Ban Bí thư cơ bản đồng ý với dự thảo Báo cáo tổng kết Chương trình viết tiểu sử 10 đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước và Tờ trình về Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và

cách mạng Việt Nam của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan hữu quan (bản Tổng hợp ý kiến kèm theo), hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết, hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án về Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam; tập trung hoàn thành trong nhiệm kỳ Đại hội X việc viết tiểu sử 10 đồng chí nêu trong danh sách đề nghị nghiên cứu lần này (mục II Báo cáo), kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình, trình Thường trực Ban Bí thư (lưu ý thành phần Ban Chỉ đạo Chương trình là những đồng chí đương chức; các đồng chí đã nghỉ hưu có thể tham khảo ý kiến bằng hình thức khác).

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 238-TB/TW, ngày 7 tháng 4 năm 2009

**Về Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm
mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa”**

Tại phiên họp ngày 31-3-2009, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Chương trình báo cáo Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận: Cơ bản tán thành các nội dung về mục tiêu, phạm vi, quan điểm, các nhiệm vụ nêu trong Tờ trình và Đề án mà Ban Chỉ đạo Chương trình báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư, đồng thời lưu ý thêm một số vấn đề sau:

- Đồng ý chọn 10 xã thuộc 10 tỉnh, thành phố đại diện cho các vùng kinh tế - văn hóa khác nhau để chỉ đạo điểm như nêu trong Đề án. Cần bổ sung thêm một xã ngoại thành Hà Nội để cùng với một xã ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng mô hình thí điểm cho các xã ven đô thị của các thành phố, thị xã. Cùng với các xã được chọn chỉ đạo điểm của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng mô hình nông

thôn mới của Trung ương, các tỉnh, thành phố khác cũng cần lựa chọn một số xã của mỗi địa phương để chỉ đạo điểm, chuẩn bị tích cực cho việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới khi được triển khai rộng rãi sau này.

- Về các tiêu chí xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới, trên cơ sở các tiêu chí do Chính phủ ban hành, các tỉnh, thành phố thuộc diện chỉ đạo điểm từ thực tiễn có thể bổ sung cho phù hợp.

- Về cách làm, điều hết sức quan trọng là phải phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân, thu hút sự tham gia tích cực, sáng tạo của nhân dân ở các xã thí điểm với sự hỗ trợ của Nhà nước, rút ra những kinh nghiệm để có thể nhân rộng khi triển khai đại trà sau này.

- Đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo chương trình ở Trung ương, cấp tỉnh và ban quản lý chương trình ở cấp xã để thực hiện chương trình thí điểm. Các bộ, ngành chức năng có liên quan nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng, cấp vốn, quản lý và thanh quyết toán vốn trong thực hiện chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới ở các xã chỉ đạo điểm.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 239-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 2009

Về tình hình kinh tế - xã hội quý I-2009 và các nhiệm vụ, giải pháp từ nay đến cuối năm 2009

Tại phiên họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 3-4-2009, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính được sự Ủy quyền của Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước quý I-2009 và các nhiệm vụ, giải pháp từ nay đến cuối năm 2009 (số 303-BC/BCSD-TH, ngày 31-3-2009 của Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và số 23-BC/BCSD, ngày 1-4-2009 của Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính), ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng và các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận, kết luận như sau:

1. Về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội quý I-2009

Do chịu tác động của suy thoái kinh tế thế giới, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, đầu tư, thu ngân sách... trong quý I gặp nhiều khó khăn và đều bị giảm sút; hầu hết các chỉ tiêu đều đạt thấp so với cùng kỳ nhiều năm trước.

Nhờ sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực, quyết tâm cao của các cấp, các ngành, của doanh nghiệp và của toàn dân, nền kinh tế nước ta tuy gặp nhiều khó khăn nhưng đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện rõ trong một số ngành, lĩnh vực. Những khó khăn về sản xuất, việc làm, đời sống của nhân dân đang được tháo gỡ. Nhóm giải pháp tài chính và giải pháp kích cầu được đưa ra kịp thời, bước đầu đã có tác dụng tích cực đối với sản xuất và đời sống.

2. Về mục tiêu, nhiệm vụ từ nay đến cuối năm 2009

Tình hình kinh tế thế giới đang còn diễn biến phức tạp, tiếp tục tác động tiêu cực đến nền kinh tế nước ta. Do đó, cần xác định mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến cuối năm là: *Tập trung cao độ mọi nỗ lực ngăn chặn suy giảm kinh tế, phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, chủ động phòng ngừa lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội*; trong đó mục tiêu hàng đầu là ngăn chặn suy giảm kinh tế.

Để phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ nói trên, Bộ Chính trị đồng ý với đề nghị của Ban Cán sự đảng Chính phủ về việc điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế (GDP) ở mức khoảng 5% và mức bội chi ngân sách dưới 8% năm 2009; giao Ban Cán sự đảng Chính phủ tiếp tục theo dõi diễn biến tình hình, chỉ đạo xây dựng phương án cụ thể để trình Quốc hội (khóa XII) quyết định trong kỳ họp thứ năm sắp tới.

3. Về các giải pháp

Trên cơ sở thực hiện tốt các chủ trương, giải pháp đã được

xác định trong Nghị quyết Trung ương 9 (khóa X), các kết luận của Bộ Chính trị, nghị quyết, quyết định của Quốc hội và Chính phủ, cần lưu ý một số vấn đề sau đây:

- Nền kinh tế nước ta có nhiều lĩnh vực còn có thể tăng trưởng tốt khi triển khai các giải pháp kích cầu, nhất là trong lĩnh vực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển nông nghiệp, nông thôn. Vì vậy, cần phải có các giải pháp tình thế, kiên quyết, kịp thời và tập trung cho các lĩnh vực này, đồng thời phải tăng cường thanh tra, kiểm tra để chủ trương kích cầu được thực hiện đúng mục đích, đối tượng và đạt hiệu quả cao.

Để có nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ này, Bộ Chính trị tán thành phương án bổ sung mức phát hành trái phiếu chính phủ lên 20.000 tỉ đồng và vay Ngân hàng Nhà nước 20.000 tỉ đồng theo đúng quy định của pháp luật.

- Mở rộng diện cho vay hỗ trợ lãi suất theo chương trình kích cầu của Chính phủ với thời gian dài hơn (2 năm) để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất trong những lĩnh vực có thị trường, có hiệu quả; nghiên cứu việc tiếp tục giảm lãi suất tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng chính sách xã hội phù hợp tình hình mới. Tăng cường hỗ trợ nông dân thông qua việc cấp các khoản tín dụng ưu đãi để mua sắm máy móc, thiết bị cho sản xuất (chú ý đẩy mạnh phát triển cơ khí trong nước để trang bị cho nông nghiệp).

- Nghiên cứu điều chỉnh lãi suất thích hợp để khuyến khích đầu tư sản xuất; điều hành tỷ giá linh hoạt để hạn chế biến động lớn của thị trường ngoại tệ, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

- Triển khai các giải pháp để tiếp tục làm lành mạnh hệ thống tài chính, ngân hàng; chủ động cơ cấu lại các loại nợ của các ngân hàng. Trong điều kiện hiện nay, nguy cơ mất giá đồng USD rất lớn, cần nghiên cứu biện pháp để bảo toàn giá trị ngoại tệ dự trữ một cách có hiệu quả nhất.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong việc hội họp, đi nước ngoài, tổ chức lễ hội, mua sắm, trong đầu tư xây dựng...

- Thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, tập trung triển khai thực hiện chủ trương xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên từ nguồn vốn trái phiếu chính phủ; các đề án phát triển kinh tế - xã hội đối với các huyện nghèo. Nghiên cứu lập quỹ mua nhà trả góp để hỗ trợ đối tượng thu nhập thấp có khó khăn về nhà ở. Có chính sách hỗ trợ để đảm bảo đời sống đối với những người bị mất việc làm trong các doanh nghiệp; triển khai các biện pháp khuyến khích tiêu dùng nội địa, đưa hàng về nông thôn... Thực hiện tiến trình cải cách tiền lương theo tiến độ.

- Đi đôi với việc giải quyết những khó khăn trước mắt, phải có các giải pháp dài hạn, căn cơ trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo được chuyển biến về chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế trong những năm tiếp theo, nhất là về mục tiêu, định hướng phát triển và cơ cấu kinh tế... theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 (khóa X).

- Ngoài ra, cần có những biện pháp tích cực để tiếp tục cải thiện dần các cân đối kinh tế vĩ mô, tăng cường công tác dự báo, cảnh báo để chủ động phòng ngừa tái lạm phát cao trở lại; lưu ý chủ động phòng, chống thiên tai trong mùa mưa, lũ.

4. Về tổ chức thực hiện

Trong điều kiện rất khó khăn hiện nay, việc nỗ lực ngăn chặn suy giảm kinh tế, phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, bền vững, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, chủ động phòng ngừa lạm phát cao trở lại, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, cần có sự tham gia đồng bộ, với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và của toàn dân. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến địa phương cần làm tốt công tác tuyên truyền, thống nhất cao về tư tưởng, nhận thức và có chương trình hành động cụ thể, chỉ đạo thực hiện thật tốt các chủ trương, chính sách, giải pháp của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Ban Cán sự đảng Chính phủ căn cứ vào kết luận của Bộ Chính trị để chuẩn bị báo cáo trình kỳ họp thứ năm Quốc hội khóa XII; đồng thời chủ động chỉ đạo triển khai các biện pháp thực hiện theo thẩm quyền.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 45-KL/TW, ngày 10 tháng 4 năm 2009

**Về việc thí điểm mô hình tập đoàn kinh tế
và cơ chế, chính sách ngăn ngừa thất thoát tài sản
nhà nước; cơ chế, chính sách bán cổ phần cho
người lao động tại doanh nghiệp cổ phần hóa và
đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp
có vốn nhà nước sau cổ phần hóa**

Tại phiên họp ngày 20-3-2009, sau khi nghe hai báo cáo của Ban Cán sự đảng Chính phủ về “Việc thí điểm mô hình tập đoàn kinh tế” và “Cơ chế, chính sách ngăn ngừa thất thoát tài sản nhà nước; cơ chế, chính sách bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp cổ phần hóa và đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước sau cổ phần hóa”, ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng và các ban, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

I- VỀ VIỆC THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN KINH TẾ

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX

và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX), Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng thí điểm mô hình tập đoàn kinh tế từ đầu năm 2005. Hoạt động của các tập đoàn kinh tế trong thời gian qua đã khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và quyết tâm của Chính phủ trong điều hành để hình thành những doanh nghiệp nhà nước lớn trong các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, qua đó góp phần bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Các tập đoàn kinh tế đã đạt được một số mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) là:

- Đã tăng nhanh năng lực sản xuất, kinh doanh, đóng góp lớn cho việc bảo đảm cung ứng một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho nền kinh tế; tạo nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế; cùng với các tổng công ty nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế; góp phần bảo đảm điều tiết vĩ mô của Nhà nước; tham gia tích cực vào việc bảo đảm an sinh xã hội.

- Một số tập đoàn kinh tế đã đầu tư mở rộng tầm hoạt động, phát triển ngành nghề phụ trợ, không chỉ tập trung đầu tư trong nước mà bước đầu vươn ra đầu tư ở nước ngoài, tạo dựng được hình ảnh của Việt Nam trong một số lĩnh vực đối với khu vực và trên thế giới.

- Quy mô vốn sở hữu của các tập đoàn kinh tế tăng lên đáng kể. Các tập đoàn đã huy động được một lượng vốn khá lớn từ các thành phần kinh tế khác thông qua việc cổ phần hóa các công ty thành viên của tập đoàn và thành lập mới các công ty cổ phần. Qua cổ phần hóa các doanh nghiệp thành

viên và một phần do tích tụ vốn ở mỗi tập đoàn nên quy mô vốn sở hữu của các tập đoàn kinh tế đã tăng lên, cải thiện một bước năng lực tài chính.

- Bước đầu thực hiện được sự gắn kết giữa nghiên cứu, triển khai, ứng dụng khoa học - công nghệ, đào tạo và sản xuất, kinh doanh.

- Hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể trong tập đoàn kinh tế từng bước được củng cố, năng lực và sức chiến đấu của tổ chức đảng được tăng cường.

2. Bên cạnh những kết quả đạt được, mô hình tập đoàn kinh tế vẫn còn những bất cập, còn cần phải tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện dần trong điều kiện nền kinh tế của Việt Nam

- Khuôn khổ pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của các tập đoàn chưa đầy đủ. Chưa có quy định cụ thể cho việc thành lập, tổ chức, hoạt động tập đoàn theo *Luật doanh nghiệp* (năm 2005).

- Hiệu quả hoạt động của một số tập đoàn kinh tế còn chưa tương xứng với nguồn lực hiện có. Nhiều mục tiêu đặt ra cho các tập đoàn kinh tế chưa đạt được. Hoạt động của các tập đoàn kinh tế chưa nổi bật về chất lượng và hiệu quả so với khi còn là tổng công ty nhà nước. Thiếu sự phối hợp, liên kết, gắn bó, hỗ trợ giữa các tập đoàn kinh tế, làm hạn chế việc phát huy thế mạnh chuyên ngành riêng của từng tập đoàn.

- Một số tập đoàn còn thiếu năng động, nhay bén trong sản xuất, kinh doanh; chưa chủ động trong hội nhập, thiếu sức cạnh tranh, thậm chí còn có tư tưởng “chờ đợi” bao cấp từ

Nhà nước. Vẫn còn tư tưởng, tâm lý muốn nắm giữ độc quyền doanh nghiệp ở một vài tập đoàn trong ngành, lĩnh vực mà mình hoạt động.

- Sự tham gia của các thành phần kinh tế vào tập đoàn còn hạn chế. Quy mô vốn sở hữu của các tập đoàn còn nhỏ so với những tập đoàn trong khu vực kinh doanh cùng ngành nghề.

- Mục tiêu phát triển đa ngành, đa lĩnh vực của các tập đoàn chưa được thực hiện tốt. Một số loại hình kinh doanh đa ngành của các tập đoàn kinh tế trùng lặp, có lúc gây cản trở hoạt động của các tập đoàn kinh tế khác. Một số tập đoàn có lúc lại quan tâm đầu tư vào các lĩnh vực có nhiều rủi ro và chuyên ngành đặc thù không liên quan đến lĩnh vực chính với tỷ lệ vốn cao trong tổng số vốn đầu tư ra bên ngoài của công ty mẹ, làm hạn chế hiệu quả hoạt động chung và kém an toàn về tài chính của tập đoàn.

- Mô hình tổ chức quản lý của Nhà nước đối với các tập đoàn kinh tế và tổ chức quản lý nội bộ tập đoàn chưa được định hình rõ. Còn để tình trạng trùng lặp về tên gọi của công ty mẹ với tên gọi của tập đoàn. Mô hình tập đoàn thay đổi không nhiều so với tổng công ty hoạt động theo mô hình “công ty mẹ - công ty con”. Chưa có sự phân định rõ chức năng đại diện chủ sở hữu với chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành. Phương thức điều hành giữa công ty mẹ với công ty con và vai trò điều tiết, chi phối của tập đoàn thông qua công ty mẹ còn hạn chế.

3. Phương hướng, giải pháp tiếp tục hoàn thiện mô hình tập đoàn kinh tế

Bộ Chính trị giao Ban Cán sự đảng Chính phủ tiến hành

tổng kết đầy đủ hơn về mô hình tập đoàn kinh tế và lưu ý một số vấn đề sau:

- Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho tổ chức và hoạt động của tập đoàn phù hợp với đặc điểm ngành kinh tế và thực tiễn Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Trong đó, cần làm rõ tiêu chí về mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước.

- Cần rà soát và phân tích kỹ hiệu quả hoạt động của các tập đoàn kinh tế, có hướng điều chỉnh mô hình tổ chức và hoạt động của từng tập đoàn theo yêu cầu thực tiễn đặt ra.

- Hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước đối với các tập đoàn kinh tế. Phân định rõ chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước của các tập đoàn. Nghiên cứu đề án để sớm thực hiện việc tách chức năng đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của các tập đoàn, tổng công ty với chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan. Trước mắt, củng cố tổ chức, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các tập đoàn; chưa thực hiện việc giao phần vốn nhà nước tại các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty về Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức quản lý trong nội bộ tập đoàn.

- Xác định rõ nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh chính của các tập đoàn, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của tập đoàn ngày càng mạnh hơn. Nghiên cứu xác định cơ cấu ngành kinh doanh của các tập đoàn. Cần quy định mức khống chế tỷ lệ vốn đầu tư ra ngoài lĩnh vực chính đối với các tập đoàn kinh tế của Nhà nước. Quy định mức khống chế tỷ lệ vốn nhà nước đối với những doanh nghiệp nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối. Quy định rõ tỷ lệ vốn huy động (vốn vay) trên vốn sở hữu của các tập đoàn để

tránh rủi ro, bảo đảm an toàn tài chính của tập đoàn. Trước mắt, cần rà soát lại, rút kinh nghiệm và chấn chỉnh việc đầu tư vào lĩnh vực ngân hàng thương mại, chứng khoán, bất động sản đối với những tập đoàn không phải kinh doanh chính ở các lĩnh vực này.

- Xác định rõ lĩnh vực nào cần phải tổ chức tập đoàn; tiêu chí là tập đoàn đa sở hữu có vốn nhà nước chi phối. Đồng thời, có kế hoạch dài hạn 5 năm, 10 năm triển khai mô hình tập đoàn kinh tế trong những lĩnh vực cần thiết. Trước mắt, tập trung tiếp tục chỉ đạo thí điểm các tập đoàn đã thành lập và nghiên cứu cho thí điểm thành lập thêm 3 - 4 tập đoàn mới ở những lĩnh vực cần thiết khi có đủ điều kiện. Lưu ý việc thành lập mới các tập đoàn không được làm suy yếu năng lực và sức cạnh tranh của các thành phần kinh tế; không làm tăng cửa quyền, độc quyền doanh nghiệp trong các lĩnh vực kinh doanh ấy. Tăng cường trách nhiệm của lãnh đạo tập đoàn tương xứng với quyền hạn được giao.

- Khẩn trương tiến hành đánh giá lại giá trị tài sản nhà nước tại các tập đoàn và tổng công ty. Có chế tài xử lý các cá nhân sai phạm, gây thất thoát tài sản nhà nước trong quá trình cổ phần hóa. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của từng tập đoàn để có cơ chế phát triển phần vốn nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời bảo đảm điều kiện kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

Cuối năm 2010, Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị kết quả tiếp tục chỉ đạo thí điểm xây dựng các tập đoàn kinh tế.

II- VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH NGĂN NGỪA THẤT THOÁT TÀI SẢN NHÀ NƯỚC; CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH BÁN CỔ PHẦN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA VÀ ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC SAU CỔ PHẦN HÓA

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với Báo cáo của Ban Cán sự đảng Chính phủ về ba vấn đề quan trọng của cổ phần hóa là cơ chế, chính sách ngăn ngừa thất thoát tài sản nhà nước, bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp cổ phần hóa và đổi mới quản lý doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

1. Về đánh giá tình hình

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản, vẫn còn có một số điểm hạn chế cần lưu ý giải quyết sớm như:

- Tuy chính sách cổ phần hóa từng bước được hoàn thiện, ngày càng chặt chẽ hơn, minh bạch hơn nhưng cần được hoàn thiện để tránh sơ hở và bị một số đối tượng lợi dụng trục lợi. Tình trạng xử lý các khoản nợ và tài sản tồn đọng còn lúng túng, chậm thu hồi tài sản nhà nước; việc xác định trách nhiệm và xử lý cá nhân vi phạm còn hạn chế.

- Chính sách bán cổ phần cho người lao động nhằm khuyến khích họ gắn bó lâu dài với doanh nghiệp còn nhiều lúng túng.

- Hoạt động của các định chế tài chính trong định giá doanh nghiệp theo cơ chế thị trường còn yếu, chưa định giá được giá trị thương hiệu vào giá trị doanh nghiệp, quyền thuê đất chưa được tính thỏa đáng vào giá trị doanh nghiệp.

- Hoạt động quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp sau cổ phần hóa, kể cả việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sau cổ phần hóa chưa chặt chẽ, nhất là đối với doanh nghiệp mà vốn nhà nước không còn chi phối. Còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu, kiện toàn về người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

- Hoạt động của các tổ chức đảng và đoàn thể trong các doanh nghiệp sau cổ phần hóa bị ảnh hưởng, đặc biệt là ở những doanh nghiệp nhà nước không giữ cổ phần chi phối gặp khó khăn, vai trò của tổ chức đảng và các tổ chức, đoàn thể yếu đi. Đời sống của người lao động ở một số doanh nghiệp sau cổ phần hóa chưa được cải thiện, khoảng cách giàu nghèo tăng lên, tài sản nhà nước bị thu hẹp dần.

2. Về những giải pháp

Bộ Chính trị nhất trí với các giải pháp nêu trong Báo cáo của Ban Cán sự đảng Chính phủ, đồng thời nhấn mạnh một số phương hướng và giải pháp sau:

- *Nâng cao chất lượng công tác xác định giá trị của doanh nghiệp theo hướng phù hợp với giá thị trường.*

Hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường năng lực của các tổ chức tài chính trung gian bảo đảm việc xác định giá trị doanh nghiệp sát đúng giá thị trường.

Nghiên cứu áp dụng kiểm toán giá trị doanh nghiệp sau khi đơn vị tư vấn định giá.

Thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong việc đưa giá trị đất vào giá trị tài sản của doanh nghiệp theo cơ chế thị trường trước khi cổ phần hóa. Trước mắt,

trong khi chưa sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về đất đai, khi xác định giá trị doanh nghiệp phải tính giá trị lợi thế doanh nghiệp (bao gồm cả lợi thế vị trí đất đai cho sản xuất, kinh doanh), giá trị thương hiệu của doanh nghiệp; đồng thời, việc xác định giá trị doanh nghiệp có tính giá trị quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và mục đích đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Chấn chỉnh các trường hợp vi phạm, thay đổi mục đích sử dụng đất khi không được chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

- *Đổi mới chính sách bán cổ phần cho người lao động.*

Đổi mới chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động thông qua nhiều phương thức để tạo sự gắn bó chặt chẽ, lâu dài giữa người lao động với doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X; nghiên cứu sớm việc bán cổ phần ưu đãi theo hướng thu hút được lao động giỏi, có thời gian gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Có chính sách ưu đãi và áp dụng phương thức bán cổ phần cho cổ đông chiến lược để thu hút được các cổ đông chiến lược, đặc biệt cổ đông chiến lược nước ngoài đáp ứng các tiêu chí về tài chính, công nghệ, thị trường, đào tạo... đủ khả năng hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sau cổ phần hóa; đồng thời xử lý hài hòa để không làm phương hại đến quyền lợi của chủ sở hữu là Nhà nước.

- *Tăng cường công tác quản lý các doanh nghiệp sau cổ phần hóa.*

Sớm ban hành chính sách, pháp luật liên quan đến quản lý đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước làm căn cứ để sử dụng và kinh doanh vốn nhà nước đạt hiệu quả.

Hoàn thiện tổ chức quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau cổ phần hóa theo hướng khắc phục những hạn

chế trong thời gian qua. Trước mắt, kiện toàn tổ chức Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

Tiếp tục thực hiện chủ trương tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp nhà nước để hình thành những tập đoàn, tổng công ty nhà nước đủ mạnh chi phối nền kinh tế và có vai trò, vị trí ngày càng lớn, có đủ sức cạnh tranh với các tập đoàn, tổng công ty cùng ngành kinh doanh trong khu vực.

- Về tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp.

Trong giai đoạn hiện nay, kinh tế trong nước và thế giới đang suy giảm. Cần dẫn tiến độ cổ phần hóa ra cho phù hợp, không nhất thiết phải tập trung hoàn thành trong 2 năm 2009 - 2010.

- Tăng cường xây dựng tổ chức đảng và đoàn thể trong các doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu mô hình tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể trong các tập đoàn kinh tế và các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa để có hướng dẫn thực hiện thống nhất.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 218-QĐ/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2009

**VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI
MỘT SỐ ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ KHÓA X**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Quyết định số 07-QĐ/TW, ngày 1-8-2006 của Bộ Chính trị về việc phân công Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phân công nhiệm vụ đối với một số Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X:

1. Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng,

chống tham nhũng, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Bắc, thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo sự phối hợp các tổ chức trong hệ thống chính trị về chủ trương xử lý một số vụ án rất nghiêm trọng, nghiêm trọng có liên quan đến an ninh chính trị, đối ngoại.

2. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, phụ trách khối công tác tư tưởng, khoa giáo, báo chí, xuất bản, phụ trách lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học kỹ thuật (trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam).

3. Đồng chí Tông Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, thôi phụ trách công tác dân tộc, tôn giáo, thôi làm Chủ tịch Hội đồng Công tác quần chúng Trung ương và đại diện của Đảng tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để tập trung thực hiện chức trách, nhiệm vụ công tác tại Quốc hội.

4. Đồng chí Hà Thị Khiết, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, phụ trách công tác dân tộc, tôn giáo, Chủ tịch Hội đồng Công tác quần chúng Trung ương và đại diện của Đảng tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5. Đồng chí Ngô Văn Dụ, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, phụ trách công tác tài chính, kinh tế đảng (trước đây do đồng chí Thường trực Ban Bí thư phụ trách) và việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng.

Điều 2. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 242-TB/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2009

Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020

Tại phiên họp ngày 5-3-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục và đào tạo (Tờ trình số 97-TTr/BTGTW, ngày 3-3-2009) và ý kiến của các bộ, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) được toàn Đảng, toàn dân hoan nghênh và tích cực hưởng ứng, mau chóng đi vào cuộc sống. Sau 12 năm thực hiện, sự nghiệp giáo dục và đào tạo nước ta đã có những chuyển biến tích cực, đạt được những kết quả quan trọng, về cơ bản đã thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX).

Giáo dục và đào tạo đã giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong nội dung, chương trình và các chính sách giáo dục. Đã phát huy được những ảnh hưởng tích cực, hạn chế

được tiêu cực của cơ chế thị trường, khuynh hướng thương mại hóa trong giáo dục. Công bằng xã hội trong giáo dục được cải thiện, đặc biệt đối với trẻ em gái, người dân tộc thiểu số và con em các gia đình nghèo, các đối tượng bị thiệt thòi trong xã hội ngày càng được chú trọng. Giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa tiếp tục phát triển. Các trường công lập đã giữ được vai trò nòng cốt trong phổ cập giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, các trường ngoài công lập phát triển nhanh về số lượng. Việc phát triển giáo dục và đào tạo gắn với phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ có bước tiến bộ.

Hệ thống giáo dục quốc dân được hoàn thiện hơn với các cấp, bậc học, trình độ đào tạo, các loại hình và phương thức giáo dục. Quy mô giáo dục tăng nhanh, nhất là ở bậc đại học và đào tạo nghề. Mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng đến hầu hết các xã, phường, thị trấn trong toàn quốc. Cả nước đã hoàn thành công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000. Đến tháng 12-2008, đã có 43/63 tỉnh, thành phố hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 46/63 tỉnh, thành phố hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, một số nơi đang thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông.

Việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, giáo trình ở phổ thông, dạy nghề và đại học đang được tích cực thực hiện, góp phần làm cho chất lượng giáo dục trên một số mặt chuyển biến theo hướng tốt dần. Kiến thức và kỹ năng của học sinh, sinh viên có tiến bộ, tiếp cận với phương pháp học tập mới. Chất lượng đào tạo sau đại học, đại học, đào tạo nghề ở một số ngành đã được nâng lên.

Ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục tăng nhanh, đạt chỉ tiêu đề ra. Việc huy động nguồn lực trong xã hội đầu tư cho giáo dục thông qua chủ trương xã hội hóa đạt hiệu quả khá. Các nguồn đầu tư cho giáo dục ngày càng được kiểm soát và tăng dần hiệu quả sử dụng.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng, đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp giáo dục.

Có được những kết quả trên trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn là do sự nỗ lực không ngừng của toàn Đảng, toàn dân ta, sự đóng góp to lớn của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của Nghị quyết và yêu cầu phát triển của đất nước, vẫn còn nhiều nội dung chưa đạt được. Giáo dục và đào tạo chưa thực sự là quốc sách hàng đầu. Mặc dù được tăng đầu tư tài chính nhưng hiệu quả sử dụng chưa cao; công tác tổ chức, cán bộ, chế độ, chính sách chậm đổi mới. Chất lượng giáo dục còn thấp và không đồng đều giữa các vùng, miền; quan tâm đến phát triển số lượng nhiều hơn chất lượng. Năm năm gần đây, việc cho phép thành lập mới các trường cao đẳng, đại học có phần dễ dãi, trong khi các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật và đội ngũ giảng viên không đảm bảo, dẫn đến chất lượng đào tạo thấp, nhất là các trường ngoài công lập và các trường của địa phương. Hệ thống giáo dục thiếu đồng bộ, chưa liên thông, mất cân đối giữa các cấp học, ngành học, cơ cấu, trình độ, ngành nghề, vùng, miền. Việc giáo dục tư tưởng đạo đức, lối sống, về truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc, về Đảng, về quyền lợi và nghĩa vụ công dân cho học sinh, sinh viên chưa

được chú ý đúng mức cả về nội dung và phương pháp; giáo dục phổ thông mới chỉ quan tâm nhiều đến “dạy chữ”, chưa quan tâm đúng mức đến “dạy người”, kỹ năng sống và “dạy nghề” cho thanh thiếu niên.

Chương trình, giáo trình, phương pháp giáo dục chậm đổi mới, chậm hiện đại hóa; nhà trường chưa gắn chặt với đời sống xã hội và lao động nghề nghiệp, chưa chú trọng phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên; thi cử còn nặng nề, tốn kém. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở nhiều nơi chưa vững chắc.

Công tác quản lý giáo dục còn nhiều yếu kém và là nguyên nhân chủ yếu của nhiều yếu kém khác. Cơ chế quản lý giáo dục chậm đổi mới, chưa theo kịp sự đổi mới trên các lĩnh vực của đất nước. Đạo đức và năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý giáo dục còn thấp. Công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo chưa đáp ứng yêu cầu.

Chất lượng nghiên cứu khoa học giáo dục còn bất cập, chưa đề ra được những giải pháp kịp thời, có hiệu quả để khắc phục hạn chế, yếu kém.

Định hướng liên kết đào tạo với nước ngoài để xây dựng một nền giáo dục tiên tiến, dân tộc, xã hội chủ nghĩa còn nhiều lúng túng trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế; quản lý sinh viên Việt Nam đang theo học ở nước ngoài còn rất lỏng lẻo.

Một số ngành, địa phương chưa nhận thức đầy đủ và đúng đắn về công tác xã hội hóa giáo dục, làm hạn chế khả năng thu hút các nguồn lực để chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo và giải quyết những khó khăn đang đặt ra đối với một bộ phận nhân dân.

Những hạn chế, khuyết điểm như trên là do quán triệt không đầy đủ, thiếu sự chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên trong quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2. Các cơ quan chức năng chậm cụ thể hóa những quan điểm của Đảng thành cơ chế, chính sách của Nhà nước; thiếu nhạy bén trong việc tham mưu với Đảng về những vấn đề phức tạp mới nảy sinh; thiếu những quyết sách đồng bộ, hợp lý ở tầm vĩ mô để thúc đẩy phát triển giáo dục; một số chính sách về giáo dục còn chủ quan, duy ý chí, xa thực tế, thiếu sự đồng thuận của xã hội.

Tư duy giáo dục chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới, phát triển đất nước, trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Những tác động mặt trái của cơ chế thị trường và những khó khăn của đất nước đã ảnh hưởng nhiều đến sự nghiệp phát triển giáo dục. Tâm lý khoa cử, bằng cấp vẫn chi phối nặng nề việc học và thi cử. Đầu tư cho giáo dục còn thấp, trong khi nhu cầu học tập của nhân dân ngày càng cao nhưng chậm đổi mới cơ chế, chính sách tài chính giáo dục để động viên hợp lý các nguồn lực xã hội phát triển giáo dục.

2. Trước tình hình mới, Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp cần tiếp tục quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), phấn đấu đến năm 2020 nước ta có một nền giáo dục tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Cần thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục đến năm 2020 là:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, mở rộng quy mô giáo dục hợp lý.

Cần coi trọng cả ba mặt giáo dục: dạy làm người, dạy chữ, dạy nghề; đặc biệt chú ý giáo dục lý tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống, lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc, giáo dục về Đảng. Ngăn chặn xu hướng coi nhẹ giáo dục chính trị, tư tưởng, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động giáo dục. Quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục nhân cách, kỹ năng và phương pháp làm việc; nâng cao trình độ về ngoại ngữ, tin học cho học sinh, sinh viên; phát triển năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm cho thế hệ trẻ có đủ khả năng và bản lĩnh thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thế giới. Bồi dưỡng cho thanh thiếu niên lòng yêu nước nồng nàn, tự hào, tự tôn dân tộc và khát vọng mãnh liệt về xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Phát triển quy mô hợp lý cả giáo dục đại trà và mũi nhọn, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có thể học tập suốt đời. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, kể cả những nghề thuộc lĩnh vực công nghệ cao. Mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề, phát triển trung tâm dạy nghề quận, huyện. Triển khai tích cực các chương trình đào tạo nghề cho học sinh dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Kết hợp chặt chẽ việc đào tạo nghề với việc bồi dưỡng, phổ biến kiến thức kỹ thuật cho nông dân. Sớm điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý về trình độ đào tạo, ngành nghề, dân tộc, vùng, miền.

Đẩy mạnh phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, thực hiện phổ cập trung học cơ sở một cách bền vững; củng cố kết

quả xóa mù chữ, ngăn chặn tình trạng tái mù chữ. Làm tốt việc phân luồng, giáo dục hướng nghiệp. Phấn đấu giảm tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học.

Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho bậc học mầm non, bảo đảm hầu hết trẻ em trong độ tuổi được đi học mẫu giáo.

Rà soát và bổ sung cơ chế, chính sách, tổ chức phát hiện, bồi dưỡng nhân tài ngay từ bậc học phổ thông, đặc biệt ở bậc đại học. Khuyến khích phát triển, nâng cao chất lượng các trường trung học phổ thông năng khiếu, các lớp đào tạo cử nhân khoa học tài năng. Chú trọng xây dựng một số trường, chuyên ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Tăng nhanh quy mô đào tạo công nhân và cán bộ kỹ thuật lành nghề ở những lĩnh vực công nghệ cao, tiếp cận trình độ tiên tiến thế giới.

Thứ hai, đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp, vai trò của ngành giáo dục và đào tạo để phát triển sự nghiệp giáo dục.

Đổi mới căn bản chính sách sử dụng cán bộ theo hướng coi trọng phẩm chất và năng lực thực tế. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý, chú trọng quản lý chất lượng giáo dục. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng và giám sát các hoạt động giáo dục.

Chấn chỉnh, sắp xếp lại hệ thống các trường đại học, cao đẳng; khắc phục tình trạng thành lập mới ở những nơi,

những lĩnh vực không đủ điều kiện về đội ngũ cán bộ giảng dạy, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đầu vào của sinh viên; không duy trì các trường đào tạo có chất lượng kém. Thực hiện phân cấp, tạo động lực và tính chủ động của các cơ sở giáo dục. Tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường đi đôi với việc hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, bảo đảm sự giám sát của các cơ quan nhà nước, đoàn thể và xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong quản lý giáo dục ở các cấp.

Thực sự coi trọng vai trò của khoa học giáo dục. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục, giải quyết tốt những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình đổi mới giáo dục.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

Đổi mới mạnh mẽ phương pháp và nội dung đào tạo của các trường và khoa sư phạm. Xây dựng một số trường sư phạm thực sự trở thành trường trọng điểm đủ sức làm đầu tàu cho cả hệ thống các cơ sở đào tạo giáo viên. Tăng đầu tư cơ sở vật chất nâng cấp các trường, các khoa sư phạm. Không ngừng nâng cao chất lượng, bảo đảm đủ số lượng giáo viên cho cả hệ thống giáo dục.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

Chuẩn hóa trong đào tạo, tuyển chọn, sử dụng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục về vật chất và tinh thần để thu hút những người giỏi làm công tác giáo dục.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới chương trình, tạo chuyển biến mạnh mẽ về phương pháp giáo dục.

Rà soát lại toàn bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông, sớm khắc phục tình trạng quá tải, nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa khuyến khích đúng mức tính sáng tạo của người học; chuẩn bị kỹ việc xây dựng và triển khai thực hiện bộ chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng hiện đại, phù hợp và có hiệu quả. Đổi mới, hiện đại hóa chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, chuyển mạnh mẽ từ đào tạo theo khả năng sang đào tạo theo nhu cầu xã hội. Thực hiện tốt đào tạo theo chế độ tín chỉ trong hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình các môn khoa học xã hội, nhân văn, nhất là các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Bãi bỏ tình trạng độc quyền xuất bản và phát hành sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục.

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, khắc phục cơ bản lối truyền thụ một chiều. Phát huy phương pháp dạy học tích cực, sáng tạo, hợp tác; giảm thời gian giảng lý thuyết, tăng thời gian tự học, tự tìm hiểu cho học sinh, sinh viên; gắn bó chặt chẽ giữa học lý thuyết và thực hành, đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học, sản xuất và đời sống.

Thứ năm, tăng cường nguồn lực cho giáo dục.

Tăng đầu tư Nhà nước cho giáo dục và đào tạo; ưu tiên các chương trình mục tiêu quốc gia, khắc phục tình trạng bình quân, dàn trải.

Không ngừng đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục. Thực hiện tốt chủ trương xây dựng ký túc xá sinh viên và nhà công vụ cho giáo viên ở vùng khó khăn.

Hoàn thiện và bổ sung cơ chế, chính sách đối với trường ngoài công lập.

Đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa giáo dục; Nhà nước có chính sách huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục và đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tích cực tham gia các hoạt động phát triển giáo dục. Xây dựng cơ chế quản lý, giám sát mọi nguồn đầu tư của xã hội cho giáo dục.

Đổi mới cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo nhằm góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô và đảm bảo công bằng trong giáo dục; thực hiện chế độ học bổng, học phí và hỗ trợ học tập theo hướng học phí ở giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư và hoàn cảnh hộ gia đình; học phí ở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thực hiện theo nguyên tắc chia sẻ chi phí đào tạo giữa Nhà nước và người học. Miễn học phí cho học sinh, sinh viên gia đình chính sách, các hộ nghèo; giảm học phí cho học sinh, sinh viên các hộ cận nghèo và hỗ trợ cho học sinh, sinh viên các hộ có thu nhập rất thấp. Thực hiện tốt chủ trương cho học sinh học nghề, sinh viên các gia đình có hoàn cảnh khó khăn được vay tiền ngân hàng để học.

Thứ sáu, đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục.

Nhà nước tập trung đầu tư cho các vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước giảm sự chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng, miền. Thực hiện tốt chính sách cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ với việc bổ túc nâng cao trình độ cho đối tượng cử tuyển. Quan tâm đào tạo

cán bộ vùng dân tộc (cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở). Tiếp tục phát triển hệ thống trường nội trú, bán trú, thực hiện tốt các chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho học sinh dân tộc thiểu số. Đặc biệt chú ý đến con thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và học sinh khuyết tật thông qua phát triển các loại quỹ khuyến học, khuyến tài trong các tổ chức xã hội, trong các cộng đồng dân cư.

Thứ bảy, tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo.

Giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế càng cần phải bảo đảm phát triển bền vững, không ngừng nâng cao chất lượng, phát huy tối đa nội lực, giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước tiếp cận nền giáo dục tiên tiến thế giới. Mở rộng hợp tác đào tạo đa phương gắn với việc tăng cường công tác quản lý nhà nước.

Có cơ chế, chính sách thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài cho giáo dục, nhất là lĩnh vực đào tạo đại học, sau đại học và dạy nghề; thu hút các nhà giáo, nhà khoa học giỏi người nước ngoài tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục đại học, sau đại học.

Thực hiện tốt việc đưa cán bộ, học sinh, sinh viên có đạo đức và triển vọng đi đào tạo ở nước ngoài, chú trọng các ngành mà đất nước có nhu cầu bức thiết; đồng thời tăng cường quản lý, giúp đỡ việc học tập, sinh hoạt lưu học sinh ở nước ngoài.

3. *Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo nước ta phải đổi mới căn bản, toàn diện, mạnh mẽ.* Bộ Chính trị giao Ban Cán sự đảng

Chính phủ thực hiện chủ trương về cải cách giáo dục trong các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư, bảy và chín (khóa X), xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 (phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI) và hoàn chỉnh Đề án đổi mới cơ chế tài chính giáo dục, trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, cùng với Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư làm đầu mối theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và kết luận này của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 34-CT/TW, ngày 17 tháng 4 năm 2009

Về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Từ Đại hội X của Đảng đến nay, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp lật đổ, ly khai, khủng bố, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển, đảo và các tài nguyên thiên nhiên vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới với tính chất ngày càng phức tạp. Ở nước ta, trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, các thế lực thù địch ráo riết đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và “xâm lăng văn hóa” nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa và bản sắc văn hóa Việt Nam. Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cấp, các ngành, các địa phương đã có nhiều biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch,

đồng thời có biện pháp đấu tranh ngăn chặn, từng bước đẩy lùi các hành động chống phá của chúng. Trong bối cảnh đó, đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân vẫn vững vàng, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển tốt đẹp của đất nước ta.

Tuy nhiên, vẫn còn không ít cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đúng tính chất nguy hiểm của âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, đặc biệt chưa nhận thức rõ tác hại của “tự diễn biến” trong nội bộ đang có xu hướng tăng lên trong xã hội, tiềm ẩn nguy cơ trực tiếp gây mất ổn định chính trị. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được khắc phục có hiệu quả, làm giảm sức chiến đấu của Đảng và lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Đó chính là cơ hội để các thế lực thù địch, cơ hội đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ ta, từng bước lái đất nước ta đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa.

Để góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cần tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động, nâng cao chất lượng, hiệu quả của cuộc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa trong thời kỳ mới.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Tạo chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cấp ủy

đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể từ Trung ương đến địa phương về âm mưu, thủ đoạn mới trong chiến lược “diễn biến hòa bình” và coi đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, cần được tiến hành thường xuyên, lâu dài. Trên cơ sở thấy rõ những âm mưu, thủ đoạn ngày càng nham hiểm, tinh vi của các thế lực thù địch, xây dựng những đối sách phù hợp, kịp thời, hiệu quả.

- Gắn kết chặt chẽ giữa “xây” và “chống” trong các giải pháp đấu tranh, tạo ra sức tự đề kháng trước những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch; nêu cao ý thức chủ động tiến công làm thất bại các hoạt động gây bạo loạn, lật đổ.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể; giữa Trung ương và địa phương nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp các lực lượng trên mặt trận tư tưởng, văn hóa trong cuộc đấu tranh chống các hoạt động “diễn biến hòa bình”.

2. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, để làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa trong tình hình mới, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các cấp, các ngành, các địa phương cần tập trung sức thực hiện tốt những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

- Coi trọng, tăng cường hơn nữa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi đắp ý chí kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng

thuận trong xã hội đối với Cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tiếp tục làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ. Từng ban, ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị phải chủ động phát hiện, giải quyết những vấn đề chính trị nội bộ. Chấp hành nghiêm túc các quy định về bảo vệ bí mật quốc gia, quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin, tài liệu “mật”.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” để xây dựng nền tảng đạo đức trong Đảng; bồi dưỡng lòng thương yêu con người, lối sống trung thực, giản dị, cần, kiệm, liêm, chính; giữ gìn bản sắc dân tộc, nhân rộng các tấm gương “sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Có biện pháp kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và trong xã hội. Đề cao ý thức gần dân, học dân, trọng dân, có trách nhiệm với dân trong cán bộ, công chức các cấp, nhất là đảng viên.

- Mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc hoạch định chủ trương, đường lối; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước, làm thất bại âm mưu lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động quần chúng chống đối lại chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

- Tăng cường công tác lãnh đạo và quản lý báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, cổ vũ, khuyến khích những tác phẩm có nội dung và nghệ thuật tốt, ngăn chặn những tác

phẩm có quan điểm lệch lạc, sai trái. Bảo đảm an ninh thông tin, nhất là trên mạng internet... Chủ động, kịp thời cung cấp, định hướng thông tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sớm phát hiện và giải quyết khẩn trương các vấn đề bức xúc, các điểm “nóng” về khiếu kiện, đình công..., giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

- Phản bác kịp thời, có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh chống các luận điệu phủ định, bóp méo chủ nghĩa Mác - Lênin, xuyên tạc đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vạch trần thủ đoạn thổi phồng những sơ hở, yếu kém của Đảng, Nhà nước ta nhằm kích động tâm lý bất mãn, chống đối, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đề cao tinh thần cảnh giác, chủ động phòng, chống nguy cơ “tự diễn biến” trong cán bộ, đảng viên ở cả Trung ương, các ngành, các cấp, các địa phương. Kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế, giao lưu văn hóa, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc văn hóa dân tộc.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động thông tin đối ngoại giúp cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế có nhận thức đúng đắn về đường lối đối mới, hội nhập; về tiềm năng hợp tác của ta với quốc tế; về lịch sử, văn hóa, con người Việt Nam, nhằm tranh thủ rộng rãi sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

- Mở rộng hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục gắn liền với việc nâng cao ý thức cảnh giác, đối phó kịp thời với âm mưu,

thủ đoạn lợi dụng sự hợp tác này để thâm nhập, chuyển hóa chế độ ta.

- Coi trọng việc đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, từng bước hiện đại hóa các phương tiện phục vụ cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban tuyên giáo các cấp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, rà soát, kiểm tra chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tư tưởng, lý luận, báo chí; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin và truyền thông, văn hóa, thể thao và du lịch và các cơ quan liên quan tiếp tục đổi mới, tăng cường hiệu lực lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ.

- Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Chỉ đạo Nhân quyền của Chính phủ phối hợp với các cơ quan có liên quan đấu tranh có hiệu quả với những thủ đoạn lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc để chống phá ta; lồng ghép các biện pháp vận động, đấu tranh trong hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, các diễn đàn song phương và đa phương...

- Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với các cơ quan và các trường đại học khoa học xã hội và nhân văn xây dựng hệ thống lý luận phản bác các quan điểm xuyên tạc, vu cáo, chống phá Đảng, Nhà nước ta của các thế lực phản động, thù địch, cơ hội chính trị. Ban Chỉ đạo Trung ương 94 kịp thời nắm tình hình tư tưởng

các giai cấp, giai tầng xã hội, có chế độ thông tin định hướng kịp thời, chỉ đạo nhóm chuyên gia tăng cường các bài viết chống quan điểm sai trái, thù địch.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động để vận động, tập hợp quần chúng tham gia cuộc đấu tranh; tăng cường quản lý, giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, ý thức trách nhiệm của mỗi đoàn viên, hội viên và nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo ra sự đồng thuận xã hội ngày càng cao.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an phối hợp với các bộ, ngành, địa phương sớm rà soát các chương trình hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế trong giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhất là chương trình đưa và quản lý học sinh, sinh viên đi du học ở nước ngoài.

- Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại sớm hoàn thiện trình Ban Bí thư “Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại đến năm 2020”; chỉ đạo, phối hợp với Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan liên quan xây dựng biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin đối ngoại... để quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam, những thành tựu đổi mới, hội nhập của nước ta...

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan liên quan xây dựng đối sách xử lý các vấn đề nhạy cảm, phức tạp, nhất là về dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, Biển Đông..., không để

xảy ra các tình huống phức tạp ảnh hưởng đến ổn định chính trị - xã hội đất nước. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam có biện pháp phát huy hơn nữa sức mạnh hệ thống đối ngoại nhân dân; cùng các cơ quan chức năng nắm vững hoạt động của các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ mặt tích cực, hạn chế tối đa mặt tiêu cực của các tổ chức này.

Để thực hiện có kết quả những nhiệm vụ nêu trên, Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức, đoàn thể tổ chức quán triệt sâu sắc, xây dựng kế hoạch hành động hàng năm thực hiện Chỉ thị.

Ban Bí thư giao Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, xây dựng đề cương chi tiết phổ biến Chỉ thị này; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 219-QĐ/TW, ngày 17 tháng 4 năm 2009

**Ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa
Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương
với các ban cán sự đảng bộ, ngành và đảng đoàn
các cơ quan Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư (số 10-NQ/TW, ngày 9-2-2007) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm (số 15-NQ/TW, ngày 30-7-2007) của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương với các ban cán sự đảng bộ, ngành và đảng đoàn ở cơ quan Trung ương.

Điều 2. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương và các ban cán sự đảng bộ, ngành và đảng đoàn ở cơ quan Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Giao Ban Tổ chức Trung ương theo dõi việc thực hiện Quy chế này. Quá trình thực hiện nếu cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

Phối hợp công tác giữa Đảng ủy

Khối Doanh nghiệp Trung ương

với các ban cán sự đảng bộ, ngành và đảng đoàn

các cơ quan Trung ương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 219-QĐ/TW,

ngày 17-4-2009 của Ban Bí thư)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi phối hợp

Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương (gọi tắt là Đảng ủy Khối) và các ban cán sự đảng bộ, ngành và đảng đoàn ở cơ quan Trung ương (gọi tắt là ban cán sự đảng, đảng đoàn) phối hợp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng, đơn vị thuộc Đảng ủy Khối (gọi tắt là doanh nghiệp) quán triệt và chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, công tác tổ chức, cán bộ; công tác xây dựng đoàn thể chính trị - xã hội; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong các doanh nghiệp có vị trí then chốt của nền kinh tế.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp công tác giữa Đảng ủy Khối với các ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ vào Điều lệ Đảng và pháp luật

của Nhà nước, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi bên được Trung ương quy định.

II- NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM

VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Về quán triệt, thực hiện các nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và các văn bản pháp luật của Nhà nước

1. Ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ trì mời chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc các doanh nghiệp trong Đảng bộ Khối dự quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của Quốc hội, Chính phủ, các văn bản pháp quy của bộ, ngành; xác định các mục tiêu, chiến lược, quy hoạch phát triển, đề án quan trọng, kế hoạch sắp xếp đổi mới, cổ phần hóa đối với doanh nghiệp trong Khối. Đảng ủy Khối phối hợp lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trên trong các doanh nghiệp.

2. Đảng ủy Khối chủ trì việc thông báo nhanh các nghị quyết của Trung ương; chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc tổ chức các lớp quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Trung ương; xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng và chương trình của Trung ương. Tổng hợp những phản ánh, đề xuất của doanh nghiệp với các bộ, ngành liên quan về cơ chế, chính sách. Ban cán sự đảng, đảng đoàn phối hợp thực hiện.

Điều 4. Về công tác tổ chức và cán bộ

1. Ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ trì thực hiện quy trình về hình thành tổ chức; xây dựng, chuyển đổi mô hình tổ chức và điều lệ hoạt động, chuyển đổi sở hữu của doanh nghiệp trong Khối.

Ban cán sự đảng chủ trì thực hiện quy trình về công tác cán bộ theo phân cấp quản lý ở các doanh nghiệp, như: nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, kéo dài thời gian giữ chức vụ. Đảng ủy Khối trao đổi, tham gia bằng văn bản trước khi ban cán sự đảng, đảng đoàn quyết định và phối hợp chỉ đạo thực hiện.

2. Đảng ủy Khối chủ trì thực hiện quy trình về hình thành tổ chức đảng, chuẩn bị nhân sự cấp ủy đảng trong doanh nghiệp thuộc Khối, như: đánh giá, nhận xét, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu để bầu cử và cho thôi cấp ủy. Ban cán sự đảng, đảng đoàn trao đổi, tham gia bằng văn bản trước khi Đảng ủy Khối quyết định và phối hợp chỉ đạo thực hiện.

3. Ban cán sự đảng, đảng đoàn và Đảng ủy Khối thực hiện quy trình công tác cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý theo quy định của Bộ Chính trị. Thực hiện quy trình công tác cán bộ thuộc diện Ban Cán sự đảng Chính phủ quyết định hoặc phê duyệt theo Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Cán sự đảng Chính phủ với Đảng ủy Khối.

Điều 5. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Những nội dung liên quan đến nhiệm vụ của chính quyền do ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ trì; Đảng ủy Khối

phối hợp. Những nội dung liên quan đến công tác xây dựng Đảng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tư cách đảng viên do Đảng ủy Khối chủ trì; ban cán sự đảng, đảng đoàn phối hợp.

Đảng ủy Khối, ban cán sự đảng, đảng đoàn thông báo với nhau khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của các doanh nghiệp trong Khối.

2. Ban cán sự đảng, đảng đoàn trao đổi với Đảng ủy Khối trước khi kết luận và kiến nghị xử lý sau thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tập thể hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, thủ trưởng doanh nghiệp.

3. Đảng ủy Khối trao đổi với ban cán sự đảng, đảng đoàn trước khi kết luận kiểm tra, xử lý cán bộ, đảng viên có sai phạm; giải quyết khiếu nại, tố cáo tổ chức đảng và đảng viên trong Khối thuộc diện ban cán sự đảng, đảng đoàn quản lý.

Theo phân cấp cán bộ do hai bên trực tiếp quản lý, Đảng ủy Khối chủ trì xử lý hoặc quyết định hình thức kỷ luật về đảng; thông báo để ban cán sự đảng, đảng đoàn phối hợp xem xét, quyết định kỷ luật về chính quyền. Ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ trì xử lý hoặc quyết định kỷ luật về chính quyền; thông báo để Đảng ủy Khối xem xét, quyết định thi hành kỷ luật về đảng.

Điều 6. Về lãnh đạo công tác công đoàn, đoàn thanh niên

1. Đảng ủy Khối lãnh đạo công tác công đoàn thông qua các đảng ủy doanh nghiệp trong Khối. Ban cán sự đảng, đảng

đoàn lãnh đạo công đoàn thông qua công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức Việt Nam. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam lãnh đạo các công đoàn doanh nghiệp trực thuộc; bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chấp hành Luật công đoàn và phản ánh được nguyện vọng chính đáng của công đoàn.

Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành chủ trì định hướng hoạt động, sắp xếp tổ chức công đoàn, chuẩn bị nhân sự chủ tịch ban chấp hành công đoàn ở doanh nghiệp trong Khối.

Đảng ủy Khối trao đổi, tham gia bằng văn bản với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn khi sắp xếp tổ chức và giới thiệu nhân sự chủ tịch công đoàn ở các doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn, với ban cán sự đảng bộ, ngành ở các công đoàn ngành; với công đoàn viên chức ở các công đoàn trực thuộc Công đoàn Viên chức Việt Nam theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ trì thông báo với Đảng ủy Khối chương trình hành động, kế hoạch triển khai Luật thanh niên, Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam, các định hướng lớn về tư tưởng, tổ chức, cán bộ có liên quan đến tổ chức đoàn thanh niên các doanh nghiệp thuộc Khối. Đảng ủy Khối phối hợp chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc thực hiện.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Chế độ làm việc và thông tin

1. Hằng năm hoặc khi cần thiết, Đảng ủy Khối và các ban cán sự đảng, đảng đoàn tổ chức trao đổi về việc thực hiện

quy chế phối hợp. Nội dung cụ thể do các bên trao đổi thống nhất và phối hợp chuẩn bị.

2. Nội dung và cách thức phối hợp được thực hiện chủ yếu bằng văn bản; những trường hợp cần xử lý nhanh, lãnh đạo hai bên trực tiếp trao đổi bằng hình thức thích hợp. Khi hai bên có ý kiến khác nhau thì quyết định theo thẩm quyền và báo cáo Ban Bí thư.

3. Hai bên thông báo với nhau kết quả về nội dung đã phối hợp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 220-QĐ/TW, ngày 17 tháng 4 năm 2009

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ BẦU CỬ TRONG ĐẢNG

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng kèm theo Quyết định này.
2. Các cấp ủy và tổ chức đảng có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Quy chế. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quy chế.
3. Quy chế này thay thế Quy chế bầu cử trong Đảng được ban hành kèm theo Quyết định số 77-QĐ/TW, ngày 22-6-2000

của Bộ Chính trị khóa VIII và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ BẦU CỬ TRONG ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 220-QĐ/TW,
ngày 17-4-2009 của Bộ Chính trị khóa X)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được áp dụng đối với việc bầu cử trong Đảng từ chi bộ đến các đảng bộ trực thuộc Trung ương.

Việc bầu cử ở cấp Trung ương có quy chế riêng.

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

Việc bầu cử trong Đảng thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ; bình đẳng, trực tiếp, đa số quá bán; kết quả bầu cử phải được chuẩn y của cấp ủy có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Hình thức bầu cử

1. Việc bầu cử bằng phiếu kín thực hiện trong các trường hợp:

- Bầu ban chấp hành chi bộ, đảng bộ (gọi tắt là cấp ủy).
- Bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy.
- Bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy.
- Bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

2. Hình thức biểu quyết giơ tay (sử dụng thẻ đảng viên để biểu quyết) được thực hiện để bầu các cơ quan điều hành,

giúp việc đại hội, hội nghị Đảng (đoàn chủ tịch đại hội, đoàn thư ký, chủ tịch hội nghị, ban thẩm tra tư cách đại biểu, ban kiểm phiếu...).

Chương II

QUYỀN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, BẦU CỬ, DANH SÁCH BẦU CỬ, PHIẾU BẦU CỬ

Điều 4. Quyền ứng cử

1. Tất cả đảng viên chính thức đều có quyền ứng cử để được bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp, dù đảng viên đó là đại biểu hay không là đại biểu của đại hội Đảng.

Đảng viên không phải là đại biểu của đại hội ứng cử vào cấp ủy từ cấp huyện và tương đương trở lên, chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc đại hội phải hoàn chỉnh hồ sơ ứng cử nộp cơ quan tổ chức của cấp ủy cấp triệu tập đại hội. Hồ sơ ứng cử gồm có:

- Đơn xin ứng cử.
- Bản khai lý lịch được xác nhận của cấp ủy cơ sở.
- Bản nhận xét của cấp ủy cơ sở.

Cấp ủy cơ sở nơi đảng viên sinh hoạt có trách nhiệm xác nhận, nhận xét về người ứng cử.

2. Cấp ủy viên mỗi cấp có quyền ứng cử để được bầu vào ban thường vụ, ủy ban kiểm tra của cấp đó; ủy viên thường vụ mỗi cấp có quyền ứng cử để được bầu làm bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp đó. Trường hợp cấp ủy chỉ bầu bí thư,

phó bí thư, không bầu ban thường vụ thì cấp ủy viên có quyền ứng cử để được bầu làm bí thư, phó bí thư.

3. Chỉ có đảng viên chính thức (ở đại hội đảng viên) và đại biểu chính thức (ở đại hội đại biểu) mới có quyền ứng cử để được bầu làm đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp.

Điều 5. Quyền đề cử

1. Ở đại hội đảng viên: Đảng viên chính thức, đảng viên sinh hoạt tạm thời và đảng viên dự bị đều có quyền đề cử đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ để được bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên hoặc để được bầu vào cấp ủy cấp mình.

2. Ở đại hội đại biểu: Chỉ đại biểu chính thức mới có quyền đề cử những đảng viên là đại biểu và những đảng viên không phải là đại biểu của đại hội đảng bộ cấp mình tham gia cấp ủy; đề cử đại biểu chính thức của đại hội cấp mình để được bầu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Khi đề cử đảng viên không phải là đại biểu của đại hội đại biểu vào cấp ủy, người đề cử phải báo cáo bằng văn bản về sơ yếu lý lịch, tư cách của người được đề cử với cơ quan chuẩn bị nhân sự của đại hội và phải được sự đồng ý của người đó.

3. Cấp ủy cấp triệu tập đại hội có trách nhiệm chuẩn bị nhân sự cấp ủy khóa mới. Đoàn chủ tịch đại hội báo cáo danh sách nhân sự do cấp ủy cấp triệu tập đại hội chuẩn bị để đại hội tham khảo trước khi thông qua danh sách bầu cử.

Điều 6. Quyền bầu cử

Chỉ có đại biểu chính thức của đại hội đại biểu các cấp và

đảng viên chính thức của đại hội đảng viên mới có quyền bầu cấp ủy cấp mình và bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Ở đại hội đảng viên, đảng viên sinh hoạt tạm thời và đảng viên dự bị không có quyền bầu cử.

Điều 7. Danh sách bầu cử

Danh sách bầu cử gồm những người ứng cử, những người được đề cử để được bầu vào các cơ quan, các chức vụ lãnh đạo của Đảng và đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Đoàn chủ tịch đại hội (hoặc hội nghị) tổng hợp danh sách những người ứng cử, được đề cử; báo cáo đại hội (hoặc hội nghị) biểu quyết thông qua danh sách bầu cử.

Nếu có người xin rút khỏi danh sách bầu cử thì giải quyết theo quy định tại khoản 1, Điều 10; khoản 4, Điều 20; khoản 6, Điều 23; khoản 3, Điều 24; khoản 4, Điều 25 của Quy chế này.

Số lượng các thành viên trong danh sách bầu cử cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy phải nhiều hơn số lượng cần bầu. Cấp ủy triệu tập đại hội chuẩn bị số lượng nhân sự cấp ủy khóa mới theo quy định và hướng dẫn của Trung ương.

Danh sách bầu cử xếp thứ tự tên người theo vần A, B, C...; nếu có nhiều người trùng tên thì xếp theo họ; nếu trùng cả họ thì xếp theo tên đệm; nếu cả 3 dữ kiện này đều trùng thì người có tuổi đảng cao hơn được xếp lên trên.

Điều 8. Phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu in họ và tên những người trong danh sách bầu cử (nơi không có điều kiện in phiếu, ban kiểm phiếu đại hội ghi danh sách bầu cử trên phiếu); đóng dấu của cấp ủy

triệu tập đại hội ở góc trái phía trên của phiếu bầu, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở thì đóng dấu của cấp ủy cơ sở.

Người bầu cử nếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử thì gạch giữa cả chữ họ và tên của người mà mình không bầu.

Trường hợp danh sách bầu không có số dư, phiếu bầu được chia làm 4 cột là: số thứ tự; họ và tên; đồng ý; không đồng ý. Người bầu cử đánh dấu X vào ô đồng ý hoặc ô không đồng ý tương ứng với họ và tên người trong danh sách bầu cử.

2. Phiếu hợp lệ hoặc không hợp lệ:

- Phiếu hợp lệ là phiếu do ban kiểm phiếu phát ra, phiếu bầu đủ hoặc thiếu số lượng cần bầu; trường hợp phiếu bầu mà danh sách bầu cử chỉ có một người, nếu người bầu cử đánh dấu X vào ô không đồng ý thì phiếu bầu đó vẫn hợp lệ.

- Phiếu không hợp lệ là phiếu không do ban kiểm phiếu phát ra; phiếu bầu nhiều hơn số lượng quy định; phiếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử nhiều người; phiếu đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý trong danh sách bầu cử chỉ có một người; phiếu bầu người ngoài danh sách bầu cử; phiếu có đánh dấu hoặc dùng nhiều loại mực, phiếu ký tên hoặc viết thêm.

Chương III

CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH VIỆC CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH BẦU CỬ

Điều 9. Nhiệm vụ của cấp ủy triệu tập đại hội

1. Chuẩn bị các vấn đề về nhân sự đại biểu, đề án nhân sự cấp ủy, ủy ban kiểm tra và kế hoạch tổ chức đại hội.

2. Tiếp nhận hồ sơ ứng cử vào cấp ủy của đảng viên chính thức không phải là đại biểu đại hội để đoàn chủ tịch đại hội báo cáo đại hội xem xét, quyết định.

3. Quyết định và thông báo thời gian khai mạc đại hội trước 30 ngày. Thông báo số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu cho các đảng bộ, chi bộ trực thuộc; chỉ đạo việc bầu cử đại biểu bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục quy định.

4. Cung cấp tài liệu cho ban thẩm tra tư cách đại biểu về tình hình, kết quả bầu cử đại biểu và những vấn đề liên quan đến tư cách đại biểu.

5. Cung cấp tài liệu cho đoàn chủ tịch đại hội để trả lời các vấn đề do đảng viên, đại biểu đại hội yêu cầu.

6. Chuẩn bị tài liệu cho cấp ủy khóa mới để bầu các chức danh lãnh đạo của cấp ủy, ủy ban kiểm tra khóa mới của cấp mình trong phiên họp lần thứ nhất.

Điều 10. Đoàn chủ tịch và đoàn thư ký đại hội

1. Đoàn chủ tịch đại hội:

1.1. Đoàn chủ tịch đại hội là cơ quan điều hành công việc của đại hội, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Đoàn chủ tịch do cấp ủy cấp triệu tập đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết về số lượng và nhân sự cụ thể. Ở đại hội chi bộ bầu đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch đại hội.

1.2. Số lượng đoàn chủ tịch (chủ tịch) đại hội ở các cấp:

- Cấp chi bộ, đảng bộ cơ sở từ 1 - 5 đồng chí.
- Cấp huyện và tương đương từ 7 - 9 đồng chí.
- Cấp tỉnh và tương đương từ 11 - 13 đồng chí, nhiều nhất không quá 15 đồng chí.

1.3. Nhiệm vụ của đoàn chủ tịch:

- Điều hành công việc của đại hội theo chương trình, quy chế làm việc đã được đại hội thông qua; điều hành việc bầu cử theo quy định của Bộ Chính trị; phân công các thành viên điều hành các phiên họp của đại hội, ký các văn bản theo quy chế làm việc; chuẩn bị nội dung để đại hội thảo luận, biểu quyết; điều hành các hoạt động của đại hội.

- Hướng dẫn để đại hội thảo luận, quán triệt tiêu chuẩn cấp ủy viên, số lượng, cơ cấu cấp ủy; tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

- Hướng dẫn việc ứng cử, đề cử cấp ủy viên và đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên.

- Tổng hợp danh sách những người ứng cử, đề cử và những người xin rút; xem xét, quyết định cho một số người được rút hoặc không được rút khỏi danh sách bầu cử; trường hợp còn nhiều ý kiến chưa thống nhất thì đoàn chủ tịch xin ý kiến quyết định của đại hội; lập danh sách bầu cử, lấy biểu quyết của đại hội thông qua danh sách bầu cử.

- Giới thiệu số lượng, danh sách ban kiểm phiếu, trưởng ban kiểm phiếu để đại hội biểu quyết. Lãnh đạo hoạt động của ban kiểm phiếu, phổ biến nguyên tắc, thủ tục bầu cử trong đại hội.

- Giải đáp những thắc mắc của đại biểu về nhân sự trong quá trình chuẩn bị bầu cử.

2. Đoàn thư ký đại hội:

2.1. Đoàn thư ký đại hội gồm những đại biểu chính thức (đối với đại hội đại biểu) hoặc đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên). Cấp ủy triệu tập đại hội đề xuất, giới thiệu để đại hội biểu quyết về số lượng, danh sách đoàn thư

ký và trưởng đoàn thư ký. Ở đại hội chi bộ thì chi ủy hoặc bí thư chi bộ đề xuất, giới thiệu để đại hội biểu quyết. Trưởng đoàn thư ký có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của đoàn thư ký.

2.2. Nhiệm vụ của đoàn thư ký:

- Ghi biên bản tổng hợp ý kiến thảo luận, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội.

- Quản lý và phát tài liệu, ấn phẩm của đại hội theo sự chỉ đạo của đoàn chủ tịch. Thu nhận, bảo quản và gửi đến cấp ủy khóa mới đầy đủ hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm của đại hội.

Điều 11. Ban thẩm tra tư cách đại biểu

1. Ban thẩm tra tư cách đại biểu là cơ quan giúp việc của đại hội, thành viên là những đại biểu chính thức am hiểu công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát, nắm vững nguyên tắc và Điều lệ Đảng. Cấp ủy triệu tập đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết số lượng và danh sách ban thẩm tra tư cách đại biểu. Đại hội đảng viên không bầu ban thẩm tra tư cách đại biểu; cấp ủy triệu tập đại hội báo cáo với đại hội tình hình và tư cách đảng viên tham dự đại hội.

2. Nhiệm vụ của ban thẩm tra tư cách đại biểu:

- Xem xét báo cáo của cấp ủy về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu cử đại biểu; những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.

- Xem xét, kết luận các đơn thư khiếu nại, tố cáo về tư cách đại biểu do cấp ủy các cấp giải quyết; báo cáo với đoàn chủ tịch để trình đại hội xem xét, quyết định về những trường hợp không được công nhận tư cách đại biểu, những

trường hợp có đơn xin rút khỏi danh sách đại biểu và việc chuyển đại biểu dự khuyết thay đại biểu chính thức đã được triệu tập.

- Báo cáo với đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

Điều 12. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu là cơ quan giúp việc bầu cử của đại hội do đoàn chủ tịch giới thiệu, đại hội biểu quyết thông qua về số lượng và danh sách. Cơ cấu ban kiểm phiếu gồm một số đại biểu chính thức trong đại hội đại biểu, hoặc một số đảng viên chính thức trong đại hội đảng viên không có tên trong danh sách bầu cử.

Số lượng ban kiểm phiếu ở đại hội các cấp do đoàn chủ tịch đại hội lựa chọn, giới thiệu; đại hội biểu quyết thông qua.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, kiểm tra, niêm phong thùng phiếu, phát phiếu trực tiếp cho đại biểu (hoặc theo đoàn đại biểu), kiểm số phiếu phát ra và phiếu thu về báo cáo đại hội; kiểm phiếu bầu.

- Xem xét và kết luận về các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử trong đại hội.

- Lập biên bản kiểm phiếu; báo cáo với đoàn chủ tịch, công bố kết quả bầu cử và ký vào biên bản bầu cử, niêm phong phiếu bầu và chuyển cho đoàn chủ tịch đại hội để đoàn chủ tịch đại hội bàn giao cho cấp ủy khóa mới lưu trữ theo quy định.

Nếu kiểm phiếu bằng máy vi tính, ban kiểm phiếu được sử dụng một số nhân viên kỹ thuật không phải là đại biểu đại hội.

Ngoài ban kiểm phiếu và nhân viên kỹ thuật được đại hội sử dụng giúp làm nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban kiểm phiếu đang làm việc.

Chương IV

ĐẠI BIỂU ĐẠI HỘI

Điều 13. Đại biểu dự đại hội

Đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp gồm các cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội, các đại biểu do đại hội cấp dưới bầu và đại biểu được chỉ định theo quy định tại Điều 19 của Quy chế này.

Điều 14. Số lượng đại biểu

Số lượng đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp do cấp ủy cấp triệu tập đại hội quyết định theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên trước khi tiến hành đại hội. Cấp ủy triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu cho các tổ chức đảng trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng tổ chức đảng trực thuộc và vị trí quan trọng của từng tổ chức đảng.

Đại hội đảng bộ cấp dưới phải bầu đủ số lượng đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên; không được bầu quá số lượng quy định. Trường hợp bầu thiếu phải được đa số đại biểu biểu quyết tán thành và báo cáo với cấp ủy cấp trên.

Điều 15. Những trường hợp không triệu tập dự đại hội

1. Không triệu tập đến đại hội những đảng viên ở đại hội đảng viên, những cấp ủy viên, những đại biểu ở đại hội đại biểu sau khi được bầu bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, bị khởi tố, bị truy tố, tạm giam; những đại biểu được bầu nhưng không đúng nguyên tắc, thủ tục bầu cử.

2. Ở đại hội đại biểu, cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội đã có thông báo hoặc quyết định bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc nghỉ hưu, chuyển công tác ra ngoài đảng bộ, nếu thời điểm nghỉ hưu, thời điểm chuyển công tác trước ngày khai mạc đại hội thì không triệu tập đại hội cấp đó.

Điều 16. Thay thế đại biểu

Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban thường vụ cấp ủy cấp triệu tập đại hội quyết định và phải được ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội xem xét, báo cáo đại hội thông qua. Đại biểu dự khuyết được chuyển thành đại biểu chính thức ở mỗi tổ chức đảng theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp. Trường hợp phiếu được bầu cho một số đại biểu dự khuyết bằng nhau thì chọn người có tuổi đảng cao hơn.

1. Đại biểu chính thức do đại hội cấp dưới bầu mà không thể tham dự suốt thời gian đại hội thì cấp ủy cử đại biểu dự khuyết thay thế.

2. Đại biểu chính thức, nếu sau khi được bầu chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài đảng bộ (cấp triệu tập đại hội), thì tổ chức đảng nơi đó được cử đại biểu dự khuyết thay thế. Nếu không

có đại biểu dự khuyết thay thế, nơi có điều kiện thì bầu bổ sung đại biểu.

3. Đại biểu chính thức (do bầu cử) xin rút được cấp ủy triệu tập đại hội đồng ý thì được cử đại biểu dự khuyết thay thế.

4. Đại biểu chính thức vắng mặt những ngày đầu đại hội, đã có đại biểu dự khuyết thay thế, nhưng thời gian cuối đại hội có điều kiện tham dự đại hội, nếu được đoàn chủ tịch đại hội đồng ý mời dự, thì được dự theo tư cách đại biểu mời.

Điều 17. Những trường hợp không được thay thế đại biểu

1. Bầu không đủ số lượng đại biểu chính thức được phân bổ để dự đại hội cấp trên.

2. Đại biểu bị bác tư cách.

3. Cấp ủy viên của cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội.

4. Đại biểu đã được bầu dự đại hội đảng bộ cấp trên, khi chuyển công tác sang đảng bộ khác nhưng vẫn trong đảng bộ cấp triệu tập đại hội, thì tham gia đoàn đại biểu đảng bộ cũ; nếu được cử làm trưởng đoàn đại biểu đảng bộ mới thì chuyển về sinh hoạt tại đoàn đại biểu mới; đảng bộ cũ không cử đại biểu dự khuyết thay thế đại biểu đó.

Điều 18. Bổ sung đại biểu

Ở đảng bộ, chi bộ đã bầu xong đại biểu, nếu sau đó có quyết định tách thành một số đảng bộ, chi bộ mới, thì cấp ủy triệu tập đại hội có thể quyết định bầu bổ sung một số đại

biểu cho đảng bộ, chi bộ mới đó phù hợp với quy định của Điều lệ Đảng.

Điều 19. Chỉ định đại biểu

Các đảng bộ, chi bộ đang hoạt động ở ngoài nước, đảng bộ, chi bộ có đa số đảng viên hoạt động phân tán, đang làm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, hoặc vì thiên tai... mà không tổ chức đại hội được, nếu cấp ủy cấp trên đồng ý thì cấp ủy triệu tập đại hội được chỉ định đại biểu của đảng bộ cấp dưới phù hợp với tính chất, đặc điểm, số lượng đảng viên ở các đơn vị đó.

Số lượng đại biểu được chỉ định nằm trong tổng số đại biểu được triệu tập.

Chương V

BẦU CÁC CƠ QUAN, CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, BẦU ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI CẤP TRÊN

Điều 20. Bầu cấp ủy

1. Đoàn chủ tịch đại hội báo cáo với đại hội về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng của cấp ủy khóa mới do cấp ủy cấp triệu tập đại hội chuẩn bị; đại hội thảo luận biểu quyết về số lượng cấp ủy viên (theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên về khung số lượng cấp ủy viên ở mỗi đảng bộ).

2. Đại hội thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu cấp ủy và tiến hành ứng cử, đề cử cấp ủy khóa mới.

3. Đoàn chủ tịch đại hội báo cáo danh sách nhân sự do cấp ủy cấp triệu tập đại hội chuẩn bị để đại hội tham khảo trước khi biểu quyết danh sách bầu cử.

4. Đoàn chủ tịch tổng hợp danh sách những người ứng cử, đề cử và những người xin rút; xem xét, quyết định cho một số người được rút hoặc không được rút khỏi danh sách bầu cử, trường hợp còn nhiều ý kiến chưa thống nhất thì đoàn chủ tịch xin ý kiến quyết định của đại hội; lập danh sách bầu cử, lấy biểu quyết của đại hội thông qua danh sách bầu cử.

5. Đoàn chủ tịch giới thiệu danh sách ban kiểm phiếu gồm một trưởng ban và một số ủy viên là những đại biểu không có tên trong danh sách bầu cử cấp ủy khóa mới. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ban kiểm phiếu.

6. Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách thức bỏ phiếu; kiểm tra và niêm phong thùng phiếu trước khi bỏ phiếu. Đại hội tiến hành bầu cử; ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tổng số phiếu phát ra, thu về báo cáo đại hội; kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử cấp ủy khóa mới.

7. Bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng cấp ủy khóa mới, có bầu tiếp hoặc không bầu nữa do đại hội xem xét, quyết định.

8. Đại hội chi bộ (kể cả chi bộ cơ sở và chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở) trực tiếp bầu chi ủy, sau đó bầu bí thư, phó bí thư trong số chi ủy viên; nơi không có chi ủy thì chi bộ trực tiếp bầu bí thư, nếu cần thì bầu phó bí thư chi bộ. Chi bộ không bầu ban thường vụ.

9. Đại hội đảng bộ từ cấp cơ sở trở lên, nếu có yêu cầu hoặc hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, thì sau khi bầu cử cấp ủy tiến hành lấy phiếu giới thiệu của đảng viên hoặc đại biểu

của đại hội đối với chức danh bí thư; tổng hợp phiếu giới thiệu, báo cáo với cấp ủy cấp trên trước khi tiến hành bầu cử chức danh bí thư. Sau khi cấp ủy cấp trên có ý kiến chỉ đạo mới tiến hành bầu cử chức danh bí thư.

Điều 21. Bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên

1. Khi bầu đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên, danh sách bầu đại biểu chính thức và dự khuyết được lập chung một danh sách; bầu đại biểu chính thức trước, số còn lại bầu đại biểu dự khuyết. Trường hợp bầu đại biểu chính thức đã đủ số lượng mà vẫn còn một số đại biểu có số phiếu được bầu nhiều hơn một nửa so với số đảng viên được triệu tập hoặc nhiều hơn một nửa so với số đại biểu được triệu tập, thì đại biểu dự khuyết được lấy trong số các đại biểu đó theo thứ tự số phiếu được bầu từ cao xuống thấp. Nếu còn thiếu đại biểu dự khuyết theo quy định, có bầu tiếp hay không bầu nữa do đại hội quyết định.

2. Danh sách bầu cử lần sau có giới thiệu bổ sung đại biểu ngoài danh sách bầu cử lần trước hay không do đại hội quyết định.

Điều 22. Bầu chủ tịch hoặc đoàn chủ tịch hội nghị ở phiên họp đầu tiên của cấp ủy khóa mới

1. Đồng chí bí thư hoặc phó bí thư khóa trước được tái cử hoặc đồng chí được cấp ủy cấp trên ủy nhiệm (nếu bí thư, phó bí thư khóa trước không tái cử) làm triệu tập viên, khai mạc và chủ trì phiên họp cho đến khi bầu xong đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị.

2. Bầu chủ tịch hoặc đoàn chủ tịch hội nghị với số lượng từ 1 đến 3 đồng chí.

3. Chủ tịch hoặc đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo để cấp ủy thông qua chương trình làm việc và tiến hành các thủ tục bầu cử.

Điều 23. Bầu ban thường vụ

Số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy được bầu thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, nhiều nhất không quá 1/3 số lượng cấp ủy viên do đại hội đã bầu.

1. Chủ tịch hoặc đại diện đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo tiêu chuẩn, cơ cấu và đề nghị số lượng ủy viên ban thường vụ cần bầu.

2. Hội nghị cấp ủy biểu quyết số lượng ủy viên ban thường vụ.

3. Tiến hành ứng cử, đề cử.

4. Chủ tịch hoặc đại diện đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo danh sách những đồng chí được cấp ủy khóa trước giới thiệu vào ban thường vụ khóa mới để hội nghị tham khảo.

5. Họp tổ để thảo luận (nếu cần).

6. Chủ tịch hoặc đại diện đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo tổng hợp danh sách ứng cử, đề cử, biểu quyết danh sách bầu cử ban thường vụ. Những đồng chí được rút khỏi danh sách bầu cử phải được đa số cấp ủy viên đồng ý.

7. Cử ban kiểm phiếu gồm một số đồng chí cấp ủy viên không có tên trong danh sách bầu cử.

8. Tiến hành bầu cử.

9. Kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Nếu bầu ban thường vụ một lần chưa đủ số lượng quy định, có bầu tiếp hay không do hội nghị cấp ủy quyết định.

Điều 24. Bầu bí thư, phó bí thư cấp ủy

Những đồng chí ứng cử hoặc được đề cử vào danh sách để bầu giữ chức vụ bí thư, phó bí thư phải là những đồng chí đã trúng cử ủy viên ban thường vụ.

Số lượng phó bí thư được bầu ở mỗi cấp ủy thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên.

1. Chủ tịch hoặc đại diện đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo với cấp ủy về yêu cầu bầu bí thư, phó bí thư.

2. Tiến hành ứng cử, đề cử.

3. Chủ tịch hoặc đại diện đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo với hội nghị cấp ủy những đồng chí được cấp ủy khóa trước và cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu để được bầu giữ chức bí thư, phó bí thư; báo cáo kết quả phiếu giới thiệu của đại hội đối với chức danh bí thư (nếu có). Những đồng chí được rút khỏi danh sách bầu cử phải được đa số cấp ủy viên đồng ý.

4. Tiến hành bầu cử (bầu bí thư trước, bầu phó bí thư sau).

5. Kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

Sau khi bầu xong, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư điều hành ngay công việc của cấp ủy khóa mới. Đồng chí bí thư cấp ủy được ký văn bản với chức danh bí thư ngay sau khi được bầu; đồng chí bí thư khóa trước phải bàn giao công việc cho bí thư mới trong vòng 15 ngày kể từ khi có bí thư mới.

Điều 25. Bầu ủy ban kiểm tra

Ủy ban kiểm tra các cấp được lập từ đảng ủy cơ sở trở lên, do hội nghị cấp ủy cùng cấp bầu; đại hội chi bộ không

bầu ủy ban kiểm tra mà phân công chỉ ủy viên hoặc đảng viên làm công tác kiểm tra.

1. Chủ tịch hội nghị báo cáo với hội nghị cấp ủy về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên trực tiếp để hội nghị xem xét, quyết định.

2. Hội nghị cấp ủy biểu quyết số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra.

3. Tiến hành ứng cử, đề cử.

4. Chủ tịch hội nghị báo cáo với hội nghị cấp ủy danh sách những đồng chí được cấp ủy khóa trước giới thiệu, cấp ủy khóa mới thảo luận và thông qua danh sách bầu cử ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra. Các thành viên ủy ban kiểm tra gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy. Những đồng chí được rút khỏi danh sách bầu cử phải được đa số cấp ủy viên đồng ý.

5. Bầu ủy viên ủy ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra.

6. Kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử.

7. Ủy ban kiểm tra bầu phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra đã được bầu.

Sau khi bầu xong ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, thì chủ nhiệm ủy ban kiểm tra điều hành ngay công việc của ủy ban kiểm tra khóa mới.

Điều 26. Bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ; bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra

1. Đồng chí bí thư hoặc đại diện cấp ủy chủ trì hội nghị báo cáo về yêu cầu bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ; bí

thư, phó bí thư; ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy.

2. Thảo luận và tiến hành ứng cử, đề cử.

3. Đồng chí chủ trì hội nghị báo cáo danh sách những đồng chí được ban thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu để được bầu bổ sung vào ban thường vụ; bí thư, phó bí thư; ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

4. Tiến hành các thủ tục về bầu cử theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 23 (bầu bổ sung ban thường vụ); khoản 4, 5 Điều 24 (bầu bổ sung bí thư, phó bí thư); khoản 5, 6, 7 Điều 25 (bầu bổ sung ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra).

Chương VI

TÍNH KẾT QUẢ VÀ CHUẨN Y KẾT QUẢ BẦU CỬ

Điều 27. Tính kết quả bầu cử

1. Kết quả bầu cử được tính trên số phiếu bầu hợp lệ; phiếu hợp lệ là phiếu được quy định tại Điều 8 của Quy chế này. Trường hợp phiếu bầu nhiều người mà không có số dư (theo khoản 1, Điều 8), người bầu cử đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý đối với người nào thì người đó không được tính vào kết quả bầu cử (phiếu đó vẫn hợp lệ).

2. Đối với đại hội đảng viên: Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ được triệu tập.

3. Đối với đại hội đại biểu: Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu chính thức được triệu tập trừ số cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội, đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội không có đại biểu dự khuyết thay thế.

4. Ở hội nghị cấp ủy để bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số cấp ủy viên.

5. Trường hợp số người đạt số phiếu bầu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu cao hơn.

6. Nếu cuối danh sách trúng cử có nhiều người bằng phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu, thì chủ tịch hoặc đoàn chủ tịch đại hội (hoặc hội nghị) lập danh sách những người ngang phiếu nhau đó để đại hội (hội nghị) bầu lại và lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn bằng nhau, có bầu nữa hay không do đại hội (hội nghị) quyết định.

7. Nếu bầu một lần mà không đủ số lượng quy định, có bầu nữa hay không do đại hội (hội nghị) quyết định.

Điều 28. Biên bản bầu cử

1. Biên bản bầu cử lập thành ba bản có chữ ký của đồng chí thay mặt đoàn chủ tịch và trưởng ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu niêm phong phiếu bầu để đoàn chủ tịch giao cho cấp ủy khóa mới lưu trữ.

Đoàn chủ tịch giao lại biên bản bầu cử và phiếu bầu cho cấp ủy khóa mới để báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, chuẩn y.

2. Nội dung biên bản:

- Tổng số đại biểu hoặc tổng số đảng viên được triệu tập.
- Tổng số đại biểu dự đại hội đại biểu hoặc tổng số đảng viên dự đại hội đảng viên.
- Số đại biểu bị bác tư cách.
- Số cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt đại hội.
- Số đại biểu chính thức vắng mặt không có đại biểu dự khuyết thay thế.
- Tổng số đại biểu dự đại hội đại biểu hoặc tổng số đảng viên dự đại hội đảng viên có mặt khi bầu.
 - Số phiếu phát ra.
 - Số phiếu thu về.
 - Số phiếu hợp lệ.
 - Số phiếu không hợp lệ.
 - Số phiếu bầu đủ số lượng.
 - Số phiếu bầu thiếu so với số lượng cần bầu (trong đó thiếu 1, thiếu 2...).
 - Số phiếu được bầu từ cao xuống thấp của từng người trong danh sách bầu cử (tính theo tỷ lệ số đại biểu trong đại hội đại biểu hoặc đảng viên trong đại hội đảng viên được triệu tập).
 - Danh sách những người trúng cử.

Điều 29. Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp

Chậm nhất là 7 ngày sau đại hội, cấp ủy khóa mới phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp biên bản bầu cử cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra,

chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, danh sách trích ngang, sơ yếu lý lịch của từng thành viên.

Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của cấp ủy cấp dưới về kết quả bầu cử, ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y danh sách cấp ủy và các chức vụ đã được bầu.

Sau khi có quyết định chuẩn y của cấp có thẩm quyền, thì các đồng chí phó bí thư, ủy viên thường vụ, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra mới được ký tên với chức danh tương ứng trong các văn bản của đảng bộ.

Chương VII

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Thẩm quyền, thủ tục giải quyết khiếu nại, vi phạm quy chế bầu cử

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc đại hội, nếu có đơn, thư khiếu nại về bầu cử, thì ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp có trách nhiệm kiểm tra lại và báo cáo cấp ủy cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Nếu phát hiện thấy sự vi phạm nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì cấp ủy cấp trên có quyền bãi bỏ kết quả bầu cử của đại hội hoặc của hội nghị cấp ủy cấp dưới, chỉ đạo đại hội (hội nghị) tiến hành bầu lại; trường hợp cá nhân đã được bầu vào cấp ủy cấp dưới nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, cấp ủy cấp trên có quyền không chuẩn y công nhận cấp ủy viên đó.

Điều 31. Xử lý vi phạm quy chế bầu cử

Người cố tình gây cản trở cho việc bầu cử, vi phạm quy chế bầu cử, thì cấp ủy có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định về kỷ luật trong Đảng.

Điều 32. Thời hạn lưu trữ phiếu bầu cử

Phiếu bầu cử được ban kiểm phiếu niêm phong và chuyển cho ban tổ chức của cấp ủy cùng cấp (chuyển cho chi ủy nếu bầu cử trong chi bộ) để lưu trữ trong thời hạn 6 tháng. Trong thời gian này, nếu không có quyết định của ban thường vụ cấp ủy (chi ủy), không ai được tự ý mở niêm phong. Quá 6 tháng, nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử, ban thường vụ cấp ủy quyết định cho hủy số phiếu đó.

*Chương VIII***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 33. Điều khoản thi hành**

Quy chế này thay thế Quy chế bầu cử trong Đảng được ban hành kèm theo Quyết định số 77-QĐ/TW, ngày 22-6-2000 của Bộ Chính trị khóa VIII; được phổ biến đến chi bộ và thực hiện thống nhất trong Đảng.

Những quy định về bầu cử trong Đảng trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO**KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 243-TB/TW, ngày 20 tháng 4 năm 2009

**Về chủ trương phê chuẩn Công ước
của Liên hợp quốc về chống tham nhũng**

Tại phiên họp ngày 17-4-2009, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự đảng Thanh tra Chính phủ báo cáo Đề án về chủ trương phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (Tờ trình số 20/TTr-BCS, ngày 26-3-2009) và ý kiến của một số cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về chủ trương và thẩm quyền phê chuẩn Công ước

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên tham gia xây dựng và ký kết Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng. Việc phê chuẩn Công ước này là phù hợp với xu thế chung của thế giới; một lần nữa khẳng định quyết tâm chính trị và hành động thực tiễn của Đảng, Nhà nước ta trong phòng, chống tham nhũng; thể hiện thiện chí của Việt Nam hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới trong giải quyết vấn đề toàn cầu. Qua đó, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam.

Vừa qua, chúng ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng; phần lớn những nội dung mà Công ước khuyến nghị các quốc gia thành viên thực hiện đã được thể hiện trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung của Công ước mà pháp luật Việt Nam chưa đáp ứng hoàn toàn, kể cả trong vài năm tới. Vì vậy, trước khi phê chuẩn Công ước, các cơ quan có liên quan cần xác định rõ các nội dung tuyên bố bảo lưu và các nội dung cần tuyên bố điều kiện áp dụng khi thực hiện Công ước.

Bộ Chính trị đồng ý chủ trương phê chuẩn Công ước này, việc phê chuẩn cần được thực hiện trong năm 2009 và do Chủ tịch nước phê chuẩn.

2. Về tổ chức thực hiện Công ước sau khi phê chuẩn

- Giao Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo tốt việc thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, trong đó có những luật, pháp lệnh liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng.

- Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Công ước theo hướng bảo đảm giữ vững chủ quyền và an ninh quốc gia, phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho công tác phòng, chống tham nhũng ở nước ta, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; gắn việc thực hiện Công ước với việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phân công

Thanh tra Chính phủ làm đầu mối quan hệ với quốc tế trong công tác này.

Trong quá trình thực hiện Công ước, nếu có vấn đề phức tạp phát sinh, cần kịp thời báo cáo Bộ Chính trị để có ý kiến chỉ đạo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 46-KL/TW, ngày 21 tháng 4 năm 2009

Về những công việc cần làm để triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa X), phân công chỉ đạo chuẩn bị và thời gian hoàn thành các đề án

Tại phiên họp ngày 17-4-2009, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng (theo sự chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư) trình bày về những công việc cần cụ thể hóa để triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa X) và dự kiến phân công các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách chuẩn bị các đề án, Bộ Chính trị đã kết luận:

1. Những vấn đề cần được cụ thể hóa để triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa X) là:

1. Những giải pháp, chính sách để nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Đổi mới chính sách liên quan đến đất đai, giải quyết những vướng mắc trong công tác đền bù, thu hồi đất để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị, hạ tầng kinh tế - xã hội.

3. Bảo đảm an ninh tiền tệ, an toàn hệ thống tài chính, ngân hàng và cán cân thanh toán quốc tế.

4. Đề án về tăng cường nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu dự báo về những lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở tầm vĩ mô để tham mưu cho các cơ quan hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước.

5. Xây dựng chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao và phát triển thị trường khoa học - công nghệ.

6. Đề án cơ cấu lại mặt hàng xuất khẩu và tổ chức lại hệ thống phân phối nội địa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Chiến lược an sinh xã hội (bao gồm đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội).

8. Tiếp tục đổi mới công tác đánh giá cán bộ; đổi mới quy trình, nội dung lấy phiếu giới thiệu, phiếu tín nhiệm trong công tác cán bộ; nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo của Đảng, chính quyền ở cấp xã, huyện, tỉnh.

9. Tăng cường công tác bảo vệ Đảng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” và “tự diễn biến”.

10. Chống sự xâm nhập của các sản phẩm độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội.

11. Xây dựng lực lượng cốt cán trong tôn giáo và đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Bộ Chính trị phân công các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách, chỉ đạo chuẩn bị, các cơ quan chủ trì để triển khai thực hiện và thời gian hoàn thành đề án (phụ lục kèm theo).

Căn cứ vào sự phân công của Bộ Chính trị, các đồng chí được giao phụ trách từng đề án phổ biến đến các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp để triển khai thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**DANH MỤC ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI
NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 9
VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP LỚN NHẪM TIẾP
TỤC THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG
(Được Bộ Chính trị thông qua tại phiên họp
ngày 17-4-2009)**

STT	Tên các đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì chuẩn bị	Cấp trình cho ý kiến	Thời gian hoàn thành
1	Những giải pháp, chính sách để nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế	Nguyễn Tấn Dũng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Chính trị	Quý IV-2009
2	Đổi mới chính sách liên quan đến đất đai, giải quyết những vướng mắc trong công tác đền bù, thu hồi đất để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị, hạ tầng kinh tế - xã hội	Nguyễn Sinh Hùng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Chính trị	Quý IV-2009
3	Bảo đảm an ninh tiền tệ, an toàn hệ thống tài chính ngân hàng và cán cân thanh toán quốc tế	Nguyễn Sinh Hùng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Chính trị	Quý III-2009

STT	Tên các đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì chuẩn bị	Cấp trình cho ý kiến	Thời gian hoàn thành
4	Đề án về tăng cường nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu dự báo về những lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở tầm vĩ mô để tham mưu cho các cơ quan hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước	Nguyễn Tấn Dũng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Chính trị	Quý IV-2009
5	Xây dựng chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao và phát triển thị trường khoa học - công nghệ	Nguyễn Sinh Hùng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Chính trị	Quý III-2009
6	Đề án cơ cấu lại mặt hàng xuất khẩu và tổ chức lại hệ thống phân phối nội địa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Sinh Hùng	Bộ Công Thương	Bộ Chính trị	Quý III-2009
7	Chiến lược an sinh xã hội (bao gồm đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội)	Nguyễn Sinh Hùng	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Chính trị	Quý IV-2009

STT	Tên các đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì chuẩn bị	Cấp trình cho ý kiến	Thời gian hoàn thành
8	Tiếp tục đổi mới công tác đánh giá cán bộ; đổi mới quy trình, nội dung lấy phiếu giới thiệu, phiếu tín nhiệm trong công tác cán bộ; nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo của Đảng, chính quyền ở cấp xã, huyện, tỉnh	Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Ban Bí thư	Quý III-2009
9	Tăng cường công tác bảo vệ Đảng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” và “tự diễn biến”	Tô Huy Rúa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Bí thư	Quý IV-2009
10	Chống sự xâm nhập của các sản phẩm độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội	Tô Huy Rúa	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Bí thư	Quý III-2009
11	Xây dựng lực lượng cốt cán trong tôn giáo và đồng bào dân tộc thiểu số	Hà Thị Khiết	Ban Dân vận Trung ương	Ban Bí thư	Quý IV-2009

Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 221-QĐ/TW, ngày 27 tháng 4 năm 2009

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo
các cấp với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp
trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế -
xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc
của nhân dân**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo Trung ương, Chính phủ, cấp ủy đảng, ban tuyên giáo và cơ quan quản lý nhà nước các cấp;
- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc triển khai kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân.

Điều 2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Chính phủ, cấp ủy đảng, ban tuyên giáo và cơ quan quản lý nhà nước các cấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp
với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc
triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 221-QĐ/TW,
ngày 27-4-2009 của Ban Bí thư)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng phối hợp

1. Quy chế này quy định sự phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp để làm tốt công tác tư tưởng trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân.

2. Sự phối hợp được thực hiện ở bốn cấp:

a) Cấp Trung ương: Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Chính phủ, các bộ và cơ quan ngang bộ.

b) Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương): ban tuyên giáo của cấp ủy phối hợp với ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn trực thuộc ủy ban nhân dân cùng cấp.

c) Cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh): ban tuyên giáo của cấp ủy phối hợp với ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn trực thuộc ủy ban nhân dân cùng cấp.

d) Cấp xã (xã, phường, thị trấn): ban tuyên giáo của cấp ủy hoặc cán bộ phụ trách công tác tuyên giáo của cấp ủy phối hợp với ủy ban nhân dân, các ủy viên ủy ban nhân dân cùng cấp.

3. Ngoài những quan hệ phối hợp nêu trên, mối quan hệ phối hợp giữa ban tuyên giáo của đảng ủy khối với cơ quan quản lý nhà nước các đơn vị trong khối thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự nhất trí cao trong nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn dân đối với việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân.

2. Góp phần để các cơ quan quản lý nhà nước các cấp có điều kiện thuận lợi thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình.

3. Góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, trật tự, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ Điều lệ, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng và pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự thống nhất lãnh đạo của các cấp ủy đảng.

2. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của ban tuyên giáo và cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

3. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ.

*Chương II***NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP
TRONG VIỆC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI****Điều 4. Nội dung phối hợp**

1. Định hướng tư tưởng và chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền trong Đảng, trong nhân dân và trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đề xuất chủ trương, giải pháp công tác tư tưởng trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, đề án thuộc các lĩnh vực: xây dựng, ban hành chính sách mới, nhạy cảm; điều chỉnh địa giới hành chính; xây dựng công trình trọng điểm có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nhân lực, đất đai, nhà ở, môi trường sinh thái, di tích lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, dân tộc, tôn giáo, học sinh, sinh viên và yếu tố nước ngoài...

3. Xây dựng, phát hiện và nhân rộng nhân tố mới, điển hình tiên tiến.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Ban tuyên giáo các cấp

a) Giúp cấp ủy xác định nội dung, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của công tác tư tưởng đối với việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

b) Góp ý dưới góc độ công tác tư tưởng vào việc xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện các dự án, đề án đã nêu ở khoản 2, Điều 4.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xây dựng chương trình phối hợp công tác tư tưởng hằng năm hoặc đối với từng dự án, đề án đã nêu ở khoản 2, Điều 4.

d) Báo cáo tình hình tư tưởng, dư luận xã hội về việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho cấp ủy và cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

2. Cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp

a) Khi xây dựng các dự án, đề án đã nêu ở khoản 2, Điều 4, cơ quan quản lý nhà nước chủ động phối hợp với cơ quan tuyên giáo, nghe ý kiến góp ý của cơ quan tuyên giáo về việc xây dựng, triển khai thực hiện đề án và góp ý kiến với cơ quan tuyên giáo về kế hoạch công tác tư tưởng khi thực hiện đề án.

b) Chủ động cung cấp những nội dung chính của các dự án, đề án đã nêu ở khoản 2, Điều 4 trước khi triển khai thực hiện và những thuận lợi, khó khăn để ban tuyên giáo chỉ đạo, định hướng tuyên truyền.

c) Chủ trì tổ chức biểu dương những nhân tố mới, điển hình tiên tiến.

*Chương III***NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG VIỆC
GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ BỨC XÚC CỦA NHÂN DÂN****Điều 6. Nội dung phối hợp**

1. Tham mưu giúp cấp ủy và trực tiếp tham gia giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân.

2. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật liên quan đến khiếu nại, tố cáo; quyền và nghĩa vụ của công dân.

3. Tổ chức họp báo để thông báo tình hình, chủ trương, biện pháp hoặc kết quả giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Ban tuyên giáo các cấp

a) Chỉ đạo tuyên truyền những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của địa phương nhằm tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động, góp phần ngăn ngừa và hạn chế xảy ra bức xúc của nhân dân.

b) Chủ động nắm dư luận xã hội, phát hiện kịp thời vấn đề bức xúc đang xảy ra, trao đổi với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp để thống nhất định hướng tư tưởng, dư luận xã hội và chỉ đạo tuyên truyền về vấn đề đó.

c) Chỉ đạo tuyên truyền chủ trương, giải pháp của cấp ủy, chính quyền và kết luận hoặc kết quả giải quyết của các cơ quan hữu quan đối với các vấn đề dư luận xã hội quan tâm.

d) Sau khi giải quyết một vụ việc gây bức xúc trong nhân dân, chỉ đạo tuyên truyền những chủ trương, giải pháp của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành về việc ổn định tình hình, khắc phục hậu quả, giải quyết tồn đọng, phòng ngừa phát sinh bức xúc mới.

2. Cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp

a) Cung cấp cho ban tuyên giáo kế hoạch triển khai, thực hiện những dự án, đề án có tác động trực tiếp đến tư tưởng, đời sống của đông đảo nhân dân và dự báo các vấn đề gây bức

xúc trong nhân dân; phối hợp với ban tuyên giáo tổ chức thăm dò dư luận xã hội về những vấn đề đó.

b) Tập trung giải quyết nhanh, kết luận rõ ràng, khách quan, trả lời bằng văn bản và cung cấp thông tin, tài liệu khi có vấn đề gây bức xúc trong nhân dân để ban tuyên giáo kịp thời định hướng tuyên truyền.

c) Chủ trì họp với lãnh đạo ban tuyên giáo để thống nhất nội dung tuyên truyền.

d) Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo giải quyết những vấn đề bức xúc có tính chất điển hình.

Chương IV

PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP VÀ CHỈ ĐẠO PHỐI HỢP

Điều 8. Phương thức phối hợp

1. Phối hợp thông qua các hình thức: ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ phối hợp; biên soạn, in ấn, phát hành tài liệu tuyên truyền; mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức kinh tế, xã hội, pháp luật; tổ chức các hội thảo, hội nghị báo cáo viên hoặc các hình thức khác.

2. Khi có nội dung cần phối hợp, cơ quan có yêu cầu phối hợp gửi văn bản đề nghị tham gia, cơ quan liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, thực hiện. Trong trường hợp cần thiết, thành lập tổ công tác liên ngành để phối hợp thực hiện.

3. Khi tổ chức các cuộc họp liên quan đến việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân, cơ quan quản lý nhà nước các cấp mời đại diện lãnh đạo ban tuyên giáo cùng cấp tham dự.

4. Trong quá trình phối hợp, nếu có vấn đề chưa thống nhất, báo cáo thường trực cấp ủy xem xét, chỉ đạo.

Điều 9. Chỉ đạo phối hợp

1. Cấp Trung ương: Ban Bí thư Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo sự phối hợp.

2. Cấp tỉnh, huyện, xã: Thường trực cấp ủy trực tiếp chỉ đạo sự phối hợp.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Chế độ theo dõi, giao ban và ký kết chương trình phối hợp

1. Ban tuyên giáo các cấp và cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp phân công đồng chí lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo việc phối hợp. Mỗi cơ quan cử bộ phận, cán bộ giúp lãnh đạo theo dõi việc thực hiện phối hợp.

2. Định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm, ban tuyên giáo các cấp chủ trì họp giao ban với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp để đánh giá công tác phối hợp và xây dựng phương hướng phối hợp; tổng hợp báo cáo thường trực cấp ủy và ngành dọc cấp trên.

3. Tiến hành ký kết chương trình phối hợp hàng năm, hoặc với từng dự án, đề án lớn, nhạy cảm giữa các cơ quan sau:

a) Cấp Trung ương và cấp tỉnh: thực hiện như điểm a, b, khoản 2, Điều 1.

b) Cấp huyện, xã: ban tuyên giáo với ủy ban nhân dân cùng cấp. Những nơi chưa có ban tuyên giáo cấp xã, chương trình phối hợp do thường trực cấp ủy trực tiếp chỉ đạo.

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tập thể, cá nhân thực hiện tốt Quy chế được ban tuyên giáo và cơ quan quản lý nhà nước các cấp xem xét, đề nghị khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tập thể, cá nhân được giao trách nhiệm, không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm Quy chế, gây hậu quả xấu thì ban tuyên giáo và cơ quan quản lý nhà nước các cấp xem xét, xử lý theo các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Cấp ủy, ban tuyên giáo, cơ quan quản lý nhà nước các cấp và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành hướng dẫn thực hiện Quy chế; chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Chính phủ giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề gì cần sửa đổi, bổ sung, Ban Tuyên giáo Trung ương tổng hợp, phối hợp với Ban Cán sự đảng Chính phủ trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 47-KL/TW, ngày 6 tháng 5 năm 2009

Về kết quả 3 năm thực hiện

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XII và những chủ trương, giải pháp phát triển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010, định hướng đến năm 2020

Tại phiên họp Bộ Chính trị ngày 17-4-2009, sau khi nghe Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh báo cáo kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và những chủ trương, giải pháp phát triển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; ý kiến phát biểu của đại diện lãnh đạo các ban đảng, các bộ, ngành Trung ương, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Vị trí của tỉnh Quảng Ninh

- Quảng Ninh là tỉnh nằm ở phía Đông Bắc Bộ, có nhiều di tích gắn với lịch sử dựng nước, giữ nước và chiến thắng ngoại

xâm; nhân dân cần cù lao động, có truyền thống cách mạng; là một trong những “nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam.

- Với nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn gắn với đầu mối giao thông quan trọng, có cảng biển..., Quảng Ninh có điều kiện phát triển và trở thành trung tâm kinh tế biển đảo, khai thác than, sản xuất điện, xi măng, cơ khí đóng tàu, lắp ráp, chế tạo ô tô, thiết bị nâng hạ, xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất... Quảng Ninh có bờ biển dài, đẹp là tiềm năng to lớn cho phát triển nghề nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản; Vịnh Hạ Long - Di sản thiên nhiên thế giới là điều kiện thuận lợi cho phát triển các trung tâm du lịch ngang tầm các nước trong khu vực và quốc tế.

- Với đường biên giới đất liền dài 132,8km với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, có cửa khẩu quốc tế Móng Cái và 2 cửa khẩu quốc gia, là một trong 5 tỉnh của Việt Nam trong khu vực hợp tác “hai hành lang, một vành đai kinh tế” Việt Nam - Trung Quốc, Quảng Ninh sẽ là một bộ phận, là nhịp cầu quan trọng của khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc.

2. Về kết quả sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XII

Bộ Chính trị cơ bản tán thành Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh, đồng thời nhấn mạnh và lưu ý một số điểm sau đây:

2.1. Qua những năm thực hiện công cuộc đổi mới, gần đây nhất là 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Đảng bộ và

nhân dân Quảng Ninh đã và đang kế thừa truyền thống cách mạng của vùng mỏ kiên cường, bất khuất, đoàn kết, nhất trí, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu, giành được nhiều thành tựu quan trọng.

- Kinh tế liên tục phát triển ở mức cao và tương đối ổn định. GDP năm 2006 tăng 13,78%, năm 2007 tăng 13,11%, năm 2008 vẫn tăng 13,02%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, khu vực nông nghiệp giảm dần, khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ tăng nhanh và giữ vai trò chủ đạo; một số ngành công nghiệp có lợi thế được quan tâm đầu tư; nông nghiệp, nông thôn nhìn chung phát triển ổn định; hoạt động dịch vụ có mức tăng trưởng cao; thương mại nội địa có bước phát triển về chất và được mở rộng; hoạt động kinh doanh xuất khẩu đạt khá; du lịch phát triển mạnh nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến và nâng cao chất lượng phục vụ.

- Lĩnh vực xã hội có nhiều chuyển biến. Quy mô và chất lượng giáo dục không ngừng được nâng lên; công tác y tế và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân có nhiều cố gắng. Công tác giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo được quan tâm và tạo được chuyển biến mạnh mẽ. Hoạt động khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, thông tin... có bước phát triển mới.

- Quốc phòng, an ninh được bảo đảm, nhất là an ninh biên giới, hải đảo và vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào Công giáo; trật tự an toàn xã hội có tiến bộ.

- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được chăm lo; Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy khóa XII đoàn kết; vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng được phát

huy; chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, tiến bộ; thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông bước đầu đạt kết quả.

Bộ Chính trị ghi nhận và biểu dương những thành tích quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ninh sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XII.

2.2. Bên cạnh những thành tựu đạt được, Quảng Ninh còn một số hạn chế, yếu kém cần khắc phục, trong đó nổi lên một số vấn đề đáng chú ý:

- Phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, nhất là về phát triển kinh tế biển, du lịch, thương mại; chất lượng tăng trưởng còn hạn chế; tốc độ tăng trưởng công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản... có xu hướng chững lại. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và công nghệ của nhiều ngành kinh tế trong tỉnh còn thấp; việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông nghiệp còn chậm, chưa đồng đều giữa các vùng. Công tác quy hoạch và chất lượng công tác quy hoạch còn thấp, thực hiện một số dự án hạ tầng quan trọng còn chậm. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém, bất cập, đặc biệt là hệ thống giao thông đường bộ. Bố trí vốn đầu tư phát triển còn dàn trải; môi trường đầu tư thiếu hấp dẫn.

- Đời sống văn hóa - xã hội tuy đã được cải thiện nhưng có mặt chưa tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế; nhiều vấn đề xã hội còn bức xúc; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế; khoảng cách phát triển giữa các vùng còn chênh lệch lớn, đời sống một bộ

phận dân cư, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biển, đảo còn nhiều khó khăn; tình trạng khiếm khuyết còn kéo dài, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường, cảnh quan... chậm được khắc phục.

- Công tác quản lý nhà nước còn nhiều thiếu sót và bất cập, chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Quản lý hoạt động sản xuất, vận chuyển, tiêu thụ than chưa chặt chẽ và còn nhiều thiếu sót. Cải cách hành chính chưa đồng bộ và vẫn còn nhiều hạn chế; công tác phòng, chống tham nhũng chuyển biến chậm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiệu quả chưa cao.

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính tuy có tiến bộ song chưa đạt yêu cầu; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, sa sút ý chí, vi phạm kỷ luật, làm cho quần chúng nhân dân mất lòng tin.

Những hạn chế, yếu kém trên đây do những nguyên nhân chính là:

- Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy đảng chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Đội ngũ cán bộ còn nhiều mặt hạn chế, công tác quy hoạch cán bộ, bố trí, sử dụng cán bộ, kiện toàn tổ chức trong hệ thống chính trị theo tinh thần các nghị quyết của Trung ương còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo.

- Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền về kinh tế, xã hội, nhất là quản lý quy hoạch, môi trường, đất đai, đô thị còn nhiều hạn chế, yếu kém.

- Một số cơ chế, chính sách của Nhà nước còn vướng mắc do sự bất cập, không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát

triển. Cơ chế, chính sách của tỉnh đề ra chưa đủ mạnh, qua thực tiễn chưa thực hiện được nhiều. Tỉnh còn thiếu chủ động trong việc nghiên cứu, đề xuất với Trung ương những cơ chế, chính sách mang tính đột phá cho sự phát triển. Việc phối hợp với các bộ, ngành Trung ương còn chậm, nhất là những vấn đề triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách lớn mà Trung ương đã có nghị quyết, quyết định.

Đây là những vấn đề cần được các cấp ủy đảng của Quảng Ninh tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trong thời gian tới.

3. Về nhiệm vụ, giải pháp phát triển của tỉnh đến năm 2010, định hướng đến năm 2020

Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2005 - 2010 không còn nhiều, nhất là trong bối cảnh tình hình trong nước và thế giới diễn biến phức tạp, khó lường; tình trạng lạm phát, sự biến động của thị trường giá cả, tiền tệ, thiên tai, dịch bệnh... sẽ là những yếu tố không thuận cho phát triển. Bối cảnh đó đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Quảng Ninh cần nỗ lực phấn đấu cao hơn, năng động, sáng tạo hơn nữa để vượt qua khó khăn, thách thức trước mắt nhằm đạt được các mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra là:

Tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ và đồng bộ, động viên mọi nguồn lực để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phấn đấu phát triển kinh tế với tốc độ cao, ổn định, bền vững, gắn kết với các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu quả hoạt động của cả hệ

thống chính trị; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; phấn đấu xây dựng Quảng Ninh thành một địa bàn động lực, phát triển năng động trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015 và định hướng đến năm 2020: Xây dựng Quảng Ninh trở thành một địa bàn động lực, một trong những cửa ngõ giao thông quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đối với khu vực và quốc tế, một khu vực phát triển năng động của kinh tế ven biển và biển, có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững; có thế và lực ngày càng lớn thúc đẩy sự phát triển và khả năng cạnh tranh.

Về phát triển kinh tế: Là tỉnh có vai trò quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có vị trí chiến lược về kinh tế, quốc phòng, an ninh; với tiềm năng, thế mạnh của mình, Quảng Ninh cần phải tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ và đồng bộ, trên cơ sở động viên mọi nguồn lực, đẩy mạnh hơn tốc độ tăng trưởng, phấn đấu phát triển kinh tế với tốc độ cao, ổn định, bền vững, xứng đáng là cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, của vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ.

Trên tinh thần đó, tỉnh cần rà soát, tính toán lại mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp thật chi tiết, cụ thể, nhất là những mục tiêu về tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, về xuất khẩu, thu ngân sách và huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển..., cố gắng phấn đấu ở mức cao hơn hiện nay và đạt tốc độ tăng trưởng cao, năm sau cao hơn năm trước. Cần chú trọng phát triển các ngành có tiềm năng, lợi thế như du lịch, dịch vụ, cảng biển, khai thác than, sản

xuất điện, xi măng, đóng tàu... gắn với việc gìn giữ và bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt chuyển đổi cơ cấu giống, mùa vụ và cơ cấu sử dụng đất; tập trung đầu tư cho khai thác và nuôi trồng thủy sản, phát triển trồng và bảo vệ rừng. Tiếp tục đầu tư để nâng cao hiệu quả các khu kinh tế cửa khẩu; có cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào các khu vực có lợi thế.

Trước mắt, cần tập trung thực hiện các giải pháp nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Về văn hóa - xã hội: Quan tâm hơn nữa đến việc phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo, y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, tiếp tục thực hiện có kết quả chương trình xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm để nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tập trung việc phòng ngừa và giải quyết các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, mại dâm...

Về quốc phòng, an ninh: Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm trật tự kỷ cương trong các hoạt động của đời sống kinh tế - xã hội; lập lại trật tự trong việc khai thác, vận chuyển than; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm.

Về xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: Tập trung nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và hiệu quả hoạt động của cả hệ thống

chính trị; nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tạo chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường. Củng cố và thường xuyên giữ mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

4. Về các kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Bộ Chính trị thấy rằng những kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều là những vấn đề lớn, về cơ bản là hợp lý, có nhiều kiến nghị đã được nêu trong các nghị quyết của Bộ Chính trị, quyết định của Chính phủ nhưng tiến độ triển khai thực hiện còn chậm. Bộ Chính trị giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương phối hợp với địa phương tích cực đẩy nhanh tiến độ đối với những dự án đang thực hiện, đồng thời sớm triển khai các dự án đang trong quá trình nghiên cứu.

Trước mắt, tỉnh cần tập trung chỉ đạo và rà soát lại một cách tổng thể công tác quy hoạch, kế hoạch, đối chiếu với các mục tiêu, nhiệm vụ, các chủ trương đã có của Bộ Chính trị, Chính phủ đối với Quảng Ninh. Những nhiệm vụ, nội dung nào chưa thực hiện hoặc thực hiện chậm cần phân tích rõ nguyên nhân, sớm tìm biện pháp khắc phục. Các bộ, ngành Trung ương cần thường xuyên phối hợp chặt chẽ với địa phương có giải pháp khẩn trương đẩy nhanh tiến độ triển khai các nghị quyết của Trung ương, quyết định của Chính phủ đối với tỉnh.

Về những kiến nghị cụ thể:

- Bộ Chính trị đồng ý với chủ trương xây dựng thành phố Móng Cái trở thành thành phố cửa khẩu quốc tế, hiện đại và gắn với Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà để xây dựng thành một Khu đô thị lớn Hải Hà - Móng Cái với nhiều chức năng trong tương lai và phát triển thành một trung tâm công nghiệp cảng biển, trung tâm tài chính, khu mẫu dịch tự do hiện đại. Xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn thành trung tâm du lịch sinh thái, biển đảo chất lượng cao, là đầu mối giao thương quốc tế.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành phối hợp với địa phương triển khai quy hoạch, lập dự án cụ thể và có cơ chế phù hợp để thực hiện.

- Đồng ý để Quảng Ninh triển khai điểm việc thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X). Tỉnh Quảng Ninh xây dựng đề án và đề xuất cụ thể về nội dung, cơ chế, chính sách, trình Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

- Đồng ý với chủ trương của tỉnh về triển khai quy hoạch, kế hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng đủ điều kiện đưa nhân dân ra sinh sống sát biên giới, xây kè bảo vệ bờ sông chống xói lở sau phân giới cắm mốc; làm đường tuần tra dọc tuyến biên giới và phục vụ dân sinh. Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc đầu tư xây dựng tuyến biên giới một cách đồng bộ, Tỉnh ủy Quảng Ninh lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể việc bố trí dân cư sinh sống lâu dài, góp phần bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, giữ vững ổn định biên giới gắn với việc xây dựng chiến lược biên giới hòa bình, hữu nghị lâu dài, cùng phát triển.

- Về văn hóa - xã hội, giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành phối hợp với địa phương triển khai quy hoạch và đầu tư để bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử Yên Tử, Bạch Đằng, hệ thống di tích nhà Trần và di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long; bổ sung quy hoạch, hỗ trợ đầu tư xây dựng một số thiết chế thể thao, văn hóa trọng điểm của khu vực đông bắc tại Quảng Ninh phù hợp với tính chất và vị trí của tỉnh.

- Về cơ chế, chính sách: Đồng ý với kiến nghị của tỉnh về chính sách hỗ trợ một phần (theo tỷ lệ nhất định) cho tỉnh từ nguồn thu của ngành công nghiệp khai thác than, từ nguồn thu thuế xuất nhập khẩu. Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ nghiên cứu để sớm có *một cơ chế đặc thù áp dụng đối với Quảng Ninh và các tỉnh có tính chất đặc thù riêng* để khuyến khích, động viên đối với những tỉnh có nguồn thu cao để tái đầu tư có mục tiêu trở lại cho phát triển hạ tầng, các công trình công cộng, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban đảng Trung ương nghiên cứu để sớm có đề án cụ thể trình Ban Bí thư quyết định về mô hình tổ chức đảng, hệ thống chính trị thuộc Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam tại Quảng Ninh cho phù hợp và thống nhất.

Bộ Chính trị tin tưởng rằng, phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, nhất là truyền thống của giai cấp công nhân vùng mỏ kiên cường, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ninh sẽ tranh thủ thuận lợi, vượt qua khó khăn, thử thách, thực

hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, giành được nhiều thành tựu to lớn trong nửa nhiệm kỳ còn lại, tạo tiền đề quan trọng cho nhiệm kỳ tới (2010 - 2015) và những năm tiếp theo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 246-TB/TW, ngày 6 tháng 5 năm 2009

**Về tổ chức Hội nghị quốc tế quảng bá văn học
Việt Nam**

Tại phiên họp ngày 28-4-2009, sau khi nghe lãnh đạo Hội Nhà văn Việt Nam báo cáo về việc tổ chức Hội nghị quốc tế quảng bá văn học Việt Nam (Công văn số 41/HNV, ngày 2-3-2009, kèm theo Đề án tổ chức Hội nghị), ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý tổ chức Hội nghị quốc tế quảng bá văn học Việt Nam. Đây là một hoạt động triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới, chủ động quảng bá, giới thiệu thành tựu của đất nước, của nền văn hóa Việt Nam đối với bạn bè quốc tế và đấu tranh với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá ta trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức Hội nghị do Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, các thành viên có Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin

và Truyền thông, Bộ Công an, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam. Ban Chỉ đạo tổ chức Hội nghị chỉ đạo Hội Nhà văn Việt Nam hoàn thiện Đề án, chuẩn bị tốt nội dung Hội nghị, không chỉ quảng bá văn học cách mạng, văn học Việt Nam trong các cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới mà còn quảng bá các tác phẩm văn học tiêu biểu của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Lựa chọn kỹ khách quốc tế mời dự Hội nghị, chú ý mời những người đã gắn bó, có công lao đối với việc quảng bá văn học Việt Nam với bạn bè quốc tế.

3. Hội Nhà văn Việt Nam xây dựng dự trù kinh phí trên tinh thần tiết kiệm, song phải bảo đảm đủ để tổ chức thành công Hội nghị. Văn phòng Trung ương Đảng xem xét phê duyệt, cấp kinh phí cho Hội nghị.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 247-TB/TW, ngày 8 tháng 5 năm 2009

Về Đề án Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam

Tại phiên họp ngày 14-4-2009, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Ủy ban Dân tộc báo cáo Đề án Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp (Tờ trình số 74-TTr/BCSD, ngày 20-3-2009), ý kiến phát biểu của Ban Dân vận Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Bí thư cơ bản đồng ý với nội dung của Đề án, đồng thời lưu ý một số vấn đề sau đây:

1. *Đồng ý tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam.* Đây là sự kiện chính trị - xã hội đặc biệt quan trọng, khẳng định Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, kề vai sát cánh với nhau trong quá trình dựng nước và giữ nước. Khẳng định đường lối nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết dân tộc trong cách mạng nước ta, mà nội dung cơ bản là “*bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển*”. Đồng thời, đây là dịp để Đảng, Nhà

nước khẳng định, ghi nhận công lao to lớn của các dân tộc thiểu số đối với thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam; xây dựng, củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận của đồng bào các dân tộc thiểu số vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, có thêm căn cứ khoa học và thực tiễn bổ sung cho việc hoạch định chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước trong thời kỳ mới.

2. *Xác định chủ đề của Đại hội; phạm vi và thời gian tiến hành*

- Ban Cán sự đảng Ủy ban Dân tộc chỉ đạo, nghiên cứu, đề xuất chủ đề trọng tâm của Đại hội để Ủy ban Dân tộc báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

- Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam được tổ chức ở cấp huyện, tỉnh và cấp Trung ương.

- Thời gian tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc vào trung tuần tháng 5-2010.

3. *Về các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng*

- Đồng ý để Ủy ban Dân tộc lập hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương Sao Vàng nhân dịp kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập ngành, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Ủy ban Dân tộc chủ động phối hợp với Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương), đề xuất Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước về các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đoàn kết dân tộc qua các thời kỳ cách mạng, nhất là thời kỳ đổi mới.

4. *Về khách mời nước ngoài*

Đồng ý cho phép mời một số tổ chức và cá nhân nước

ngoài có nhiều đóng góp cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, giúp đỡ đồng bào dân tộc thiểu số trong cuộc đấu tranh giành nền độc lập cho dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ sau năm 1975 đến nay.

5. *Đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội toàn quốc* do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, lãnh đạo Ủy ban Dân tộc làm Phó Trưởng Ban Thường trực, thành viên gồm các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan. Ban chỉ đạo đại hội cấp tỉnh, huyện do thường trực ủy ban nhân dân tỉnh, huyện làm trưởng ban; thành viên gồm lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đơn vị cùng cấp có liên quan.

6. *Đồng ý việc Ban Bí thư ban hành chỉ thị* về lãnh đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam các cấp.

7. *Từ nay trở đi*, cứ sau 10 năm sẽ tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số một lần.

8. *Đồng ý khi kết thúc Đại hội toàn quốc*, tổ chức dạ hội giao lưu giữa các dân tộc thiểu số.

Ủy ban Dân tộc căn cứ thông báo ý kiến của Ban Bí thư bổ sung, sửa lại Đề án, trình Chính phủ thông qua để tổ chức thực hiện. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng chủ động phối hợp để thực hiện tốt Đề án này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 35-CT/TW, ngày 8 tháng 5 năm 2009

Về lãnh đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam

Bác Hồ lúc sinh thời, Đảng và Nhà nước ta đã tổ chức hai đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số ở hai miền Bắc và Nam. Nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của năm 2010, Ban Bí thư quyết định tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam. Đây là sự kiện chính trị - xã hội quan trọng trong đời sống cộng đồng các dân tộc Việt Nam; nhằm tiếp tục tổng kết, đánh giá công tác dân tộc, khẳng định đường lối nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc; khẳng định, tôn vinh và biểu dương công lao đóng góp to lớn của các dân tộc thiểu số đối với thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam. Đại hội là diễn đàn giao lưu, trao đổi, tạo sự đồng thuận và niềm tin vững chắc của đồng bào các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trước thêm Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Đây cũng là nguyện vọng chính đáng của đồng bào các dân tộc thiểu số trong cả nước. Đại hội là biểu tượng sức mạnh của

khối đại đoàn kết dân tộc, thống nhất ý chí và hành động vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Quá trình tiến hành đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đặc biệt đối với vùng dân tộc thiểu số. Đồng thời là dịp để tiếp tục nâng cao nhận thức, hành động cách mạng của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, đường lối chiến lược của Đảng về chính sách dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để tổ chức đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1. Quán triệt sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhằm phát huy truyền thống yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tạo khí thế thi đua sôi nổi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thiết thực lập thành tích chào mừng đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và các sự kiện chính trị, lịch sử lớn của đất nước.

2. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền tới các tầng lớp nhân dân Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) về công tác dân tộc. Chú trọng tuyên truyền trong nước và tuyên truyền đối ngoại về kết quả thực hiện chính sách dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan có kế hoạch chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương tổ chức tuyên truyền về đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp.

3. Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam được tổ chức ở cấp huyện, tỉnh và cấp Trung ương. Việc tổ chức đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp phải trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

Thời gian đại hội đại biểu ở huyện, tỉnh từ quý III đến quý IV năm 2009; Đại hội đại biểu toàn quốc sẽ tiến hành vào tháng 5-2010 (vào dịp kỷ niệm 120 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh).

Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ tinh thần Chỉ thị này thành lập ban chỉ đạo đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp. Ban Chỉ đạo Đại hội toàn quốc do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, lãnh đạo Ủy ban Dân tộc làm Phó Trưởng ban thường trực, thành viên gồm các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan. Ban chỉ đạo đại hội cấp tỉnh, cấp huyện do đồng chí chủ tịch hoặc phó chủ tịch ủy ban nhân dân làm trưởng ban, thành viên gồm các đồng chí lãnh đạo các cơ quan liên quan trực thuộc tỉnh, huyện.

4. Đây là đại hội nhằm tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội qua các thời kỳ cách mạng, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới. Do vậy, các cấp ủy đảng cần chỉ đạo việc giới thiệu, chọn cử đại biểu tham dự đại hội các cấp bảo đảm thực sự tiêu biểu, xuất sắc, đại diện cho các dân tộc thiểu số, các thành phần, các giới, các thế hệ, lĩnh vực, vùng, miền. Việc bình xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích phải có tác dụng động viên, lôi cuốn phong trào, theo đúng *Luật thi đua - khen thưởng* và các quy định hiện hành.

5. Giao Ban Cán sự đảng Ủy ban Dân tộc chủ trì xây dựng đề án Đại hội, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện; chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cấp ủy đảng và chính quyền các cấp triển khai tổ chức Đại hội.

6. Từ năm 2010 trở đi, định kỳ 10 năm tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam một lần.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 222-QĐ/TW, ngày 8 tháng 5 năm 2009

**Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan
chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh ủy,
thành ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương khóa X;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh ủy, thành ủy như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy định này điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, tổ

chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy).

2. Cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy gồm có: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức

1. Bảo đảm phục vụ thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện của tỉnh ủy; không chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan tham mưu giúp việc.

2. Tổ chức bộ máy tinh gọn, hợp lý, hiệu quả; không nhất thiết ở cấp Trung ương có bộ phận nào thì cấp tỉnh có bộ phận tương ứng.

3. Phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, tình hình tổ chức đảng và đảng viên.

Điều 3. Vị trí, chức năng của cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy

1. Tham mưu giúp tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy định này và theo sự ủy quyền của tỉnh ủy.

2. Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý về mọi mặt của tỉnh ủy, mà trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ tỉnh ủy; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan tham mưu giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 4. Nhiệm vụ chung của cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy

Các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy có năm nhóm nhiệm vụ phù hợp với chức năng của từng cơ quan là:

1. Nghiên cứu, đề xuất.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát.

3. Thẩm định, thẩm tra.

4. Phối hợp.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 5. Văn phòng Tỉnh ủy

1. Chức năng

1.1. Là cơ quan tham mưu, tổng hợp của tỉnh ủy: giúp tỉnh ủy mà trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ và thường trực tỉnh ủy trong tổ chức, điều hành công việc lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các cơ quan tham mưu; tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính, đối ngoại của cấp ủy; nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của đảng bộ.

1.2. Trực tiếp quản lý tài sản, tài chính của tỉnh ủy và các cơ quan, tổ chức đảng thuộc tỉnh ủy, bảo đảm hậu cần cho hoạt động của cấp ủy; là trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ lãnh đạo của cấp ủy.

2. Nhiệm vụ

2.1. Nghiên cứu, đề xuất:

a) Chương trình công tác của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy; giúp ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy xây dựng, tổ chức thực hiện quy chế làm việc.

b) Tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện công tác đối ngoại của tỉnh ủy.

c) Sơ kết, tổng kết thực tiễn về công tác văn phòng cấp ủy.

2.2. Hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, giám sát:

a) Công tác thông tin phục vụ sự lãnh đạo của tỉnh ủy; chế độ cung cấp thông tin cho cấp ủy viên và các tổ chức; theo dõi, đôn đốc các tổ chức đảng, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

b) Tiếp nhận, phát hành và quản lý các tài liệu, văn bản đến và đi; quản lý, khai thác mạng cơ yếu, mã dịch của tỉnh ủy. Thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước ở văn phòng cấp ủy cấp dưới.

c) Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác văn phòng, công tác tài chính, tài sản của Đảng cho văn phòng cấp ủy cấp dưới. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiệp vụ tài chính - kế toán cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách của đảng bộ.

2.3. Thẩm định, thẩm tra:

a) Đề án của các cơ quan, tổ chức trước khi trình tỉnh ủy, ban thường vụ, thường trực về: yêu cầu, phạm vi, quy trình, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của đề án.

b) Nội dung các đề án thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính trước khi trình tỉnh ủy, ban thường vụ (nếu được ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao).

2.4. Phối hợp:

a) Tham gia, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, đề xuất, cụ thể hóa một số chủ trương của tỉnh ủy về cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội, nội chính; tham gia ý kiến với cơ quan nhà nước trong việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng một số đề án, chương trình hành động, biên tập văn bản do ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao.

c) Tham gia, phối hợp với ban tổ chức tỉnh ủy trong việc quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, biên chế văn phòng cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy.

d) Phối hợp với các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy tham mưu giúp ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế của Trung ương và của tỉnh ủy về kinh tế - xã hội, nội chính; việc thực hiện chủ trương, chế độ, nguyên tắc quản lý tài chính, tài sản của đảng bộ, thẩm tra quyết toán của các đơn vị thụ hưởng ngân sách của đảng bộ.

đ) Phối hợp với các cơ quan tư pháp giúp ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy chỉ đạo công tác nội chính, xử lý các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp (ngoài các vụ việc, vụ án tham nhũng) ở địa phương theo quy định.

e) Phối hợp với cơ quan chức năng nhà nước trong việc quản lý quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản; đầu tư dự án cho các cơ quan đảng theo đúng quy định của pháp luật.

2.5. Thực hiện một số nhiệm vụ do ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao:

a) Tiếp nhận và xử lý đơn, thư gửi đến tỉnh ủy; kiến nghị với thường trực tỉnh ủy xử lý những đơn, thư có nội dung quan trọng; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết một số đơn, thư được thường trực tỉnh ủy giao. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tiếp công dân.

b) Tổng hợp tình hình tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của Trung ương, của tỉnh ủy; hoạt động của các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan thuộc tỉnh ủy. Giúp tỉnh ủy thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất.

c) Quản lý, tổ chức khai thác tài liệu, phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội theo quy định; giúp thường trực tỉnh ủy chỉ đạo và trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ công tác văn thư, lưu trữ.

d) Là đại diện chủ sở hữu tài sản của đảng bộ; trực tiếp quản lý tài chính, tài sản, chi tiêu ngân sách đảng. Bảo đảm điều kiện vật chất và các trang thiết bị phục vụ hoạt động của cấp ủy; bảo đảm tài chính và cơ sở vật chất khác cho các cơ quan trực thuộc tỉnh ủy theo phân công, phân cấp.

đ) Tổ chức quản lý, khai thác, ứng dụng, bảo vệ mạng thông tin diện rộng của đảng bộ; hướng dẫn công nghệ thông tin cho văn phòng cấp ủy cấp dưới và các cơ quan đảng thuộc tỉnh ủy.

e) Là đầu mối giúp thường trực tỉnh ủy xử lý công việc hàng ngày; phối hợp, điều hòa chương trình công tác của đồng chí bí thư, các phó bí thư và một số hoạt động của các

đồng chí ủy viên ban thường vụ để thực hiện quy chế làm việc, chương trình công tác; phối hợp, điều hòa hoạt động các cơ quan tham mưu phục vụ hoạt động của tỉnh ủy.

g) Tham gia tổ chức phục vụ đại hội đảng bộ tỉnh; hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ tỉnh ủy; các hội nghị do ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy triệu tập; các cuộc làm việc của đồng chí bí thư, phó bí thư tỉnh ủy.

h) Thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. Lãnh đạo văn phòng tỉnh ủy:

Gồm chánh văn phòng và không quá ba phó chánh văn phòng. Riêng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh không quá bốn phó chánh văn phòng.

3.2. Các đơn vị trực thuộc:

- Phòng Tổng hợp.
- Phòng Hành chính - Cơ yếu.
- Phòng Lưu trữ.
- Phòng Quản trị.
- Phòng Tài chính đảng.
- Trung tâm Công nghệ thông tin.

4. Biên chế

Biên chế chung của văn phòng tỉnh ủy từ 45 - 55 cán bộ. Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa, Văn phòng Tỉnh ủy Nghệ An từ 50 - 60 cán bộ. Văn phòng Thành ủy Hà Nội, Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh từ 60 - 70 cán bộ.

Điều 6. Ban Tổ chức

1. Chức năng

1.1. Là cơ quan tham mưu của tỉnh ủy mà trực tiếp,

thường xuyên là ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng thuộc lĩnh vực tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của hệ thống chính trị trong tỉnh.

1.2. Là cơ quan chuyên môn - nghiệp vụ về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của tỉnh ủy.

2. Nhiệm vụ

2.1. Nghiên cứu, đề xuất:

a) Tham mưu xây dựng nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của tỉnh ủy, ban thường vụ; cụ thể hóa chủ trương, chính sách, giải pháp về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ.

b) Xây dựng đề án về tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ đảng thuộc thẩm quyền quyết định của ban chấp hành, ban thường vụ tỉnh ủy.

c) Tham mưu về công tác cán bộ thuộc diện tỉnh ủy quản lý.

d) Sơ kết, tổng kết về công tác tổ chức xây dựng Đảng.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát:

a) Công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ và việc thi hành Điều lệ Đảng đối với các huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy.

b) Nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ cho cấp ủy cấp dưới và cán bộ tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy.

c) Việc thực hiện phân công, phân cấp quản lý cán bộ theo quy định của ban chấp hành, ban thường vụ tỉnh ủy.

d) Công tác quản lý hồ sơ cán bộ, hồ sơ đảng viên, giới thiệu sinh hoạt đảng, giải quyết khiếu nại xóa tên đảng viên và vấn đề đảng tịch cho đảng viên của các cấp ủy trực thuộc.

2.3. Thẩm định, thẩm tra:

a) Các đề án về tổ chức bộ máy, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của cấp ủy cấp dưới, cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy trước khi trình ban chấp hành, ban thường vụ tỉnh ủy.

b) Tham gia thẩm định các đề án về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành trong tỉnh theo phân cấp.

c) Thẩm định và trình ban thường vụ tỉnh ủy nhân sự dự kiến bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp quản lý.

d) Thẩm tra, xác minh đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị hiện nay theo quy định.

2.4. Phối hợp:

a) Phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy trong công tác xây dựng Đảng về tổ chức cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ.

b) Phối hợp với sở nội vụ trong việc thể chế hóa các nghị quyết, quyết định của Đảng về lĩnh vực tổ chức, cán bộ, công chức, bảo vệ chính trị nội bộ theo phân công, phân cấp.

c) Chủ trì phối hợp với các ban đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh hướng dẫn xây dựng và kiểm tra thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện.

d) Chủ trì tham mưu, đề xuất chế độ, chính sách đối với cán bộ công tác tại các cơ quan đảng. Là cơ quan thường trực về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh ủy.

2.5. Thực hiện một số nhiệm vụ do ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao:

a) Quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế các cơ quan đảng, đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương.

b) Theo báo cáo, đề nghị của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy, xác nhận quy hoạch chức danh cán bộ thuộc diện tỉnh ủy, ban thường vụ quản lý.

c) Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện tỉnh ủy, ban thường vụ quản lý; cán bộ, công chức khối đảng, đoàn thể ở địa phương. Phối hợp với ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe tỉnh thực hiện việc bảo vệ chăm sóc sức khỏe đối với cán bộ diện tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy quản lý.

d) Quản lý hồ sơ cán bộ diện tỉnh ủy, ban thường vụ quản lý và cán bộ, đảng viên có vấn đề về chính trị theo quy định của Bộ Chính trị.

đ) Tham mưu, giải quyết các vấn đề về đảng tịch; giải quyết hoặc phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo các vấn đề chính trị của cán bộ thuộc diện tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy quản lý.

e) Được cử cán bộ dự các phiên họp bàn về công tác xây dựng Đảng, về tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy trực thuộc.

g) Tổ chức thi tuyển cán bộ, công chức cơ quan đảng, đoàn thể ở địa phương.

h) Thực hiện công tác thống kê cơ bản về công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở địa phương.

i) Thực hiện các công việc khác khi được ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. Lãnh đạo ban:

Gồm trưởng ban và không quá bốn phó trưởng ban, trong đó có một phó trưởng ban kiêm nhiệm (là giám đốc sở nội vụ). Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội, Ban Tổ chức Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có thể có năm phó trưởng ban.

3.2. Các đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng ban.
- Phòng Tổ chức cán bộ.
- Phòng Cơ sở đảng - đảng viên.
- Phòng huyện, ban, ngành, sở.
- Phòng Bảo vệ chính trị nội bộ.
- Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội, Ban Tổ chức Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có thể có phòng chính sách cán bộ; phòng ban, ngành, sở và các cơ quan Trung ương.

4. Biên chế

Biên chế chung của ban tổ chức tỉnh ủy từ 25 - 35 cán bộ. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thanh Hóa, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Nghệ An từ 30 - 45 cán bộ. Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội, Ban Tổ chức Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh từ 50 - 60 cán bộ.

Điều 7. Cơ quan Ủy ban kiểm tra

1. Chức năng

1.1. Là cơ quan tham mưu giúp ủy ban kiểm tra tỉnh ủy thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ; thực hiện các nhiệm vụ do tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy giao.

1.2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của tỉnh ủy.

2. Nhiệm vụ

2.1. Nghiên cứu, đề xuất:

a) Xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới; kiểm tra, giám sát đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng; giúp tỉnh ủy, ban thường vụ tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát.

b) Đề xuất, đóng góp vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong đảng bộ.

c) Sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng bộ.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ; chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối với ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra cấp dưới.

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy; chương trình, kế hoạch công tác của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy.

2.3. Thẩm định, thẩm tra:

Đề án của các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể về những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trước khi trình ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy.

2.4. Phối hợp:

a) Phối hợp với ban tổ chức trong công tác cán bộ theo phân cấp quản lý.

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra của cấp ủy.

c) Phối hợp với các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy, giúp ban chấp hành, ban thường vụ theo dõi, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy.

2.5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác được tỉnh ủy, ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. Lãnh đạo cơ quan ủy ban kiểm tra:

Gồm chủ nhiệm và không quá ba phó chủ nhiệm ủy ban. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hà Nội, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có thể có bốn phó chủ nhiệm ủy ban.

Số lượng, cơ cấu ủy viên ủy ban kiểm tra thực hiện theo Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị khóa X.

Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy là thủ trưởng cơ quan; các phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy là phó thủ trưởng cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy.

3.2. Các đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng.

- Từ ba đến bốn phòng nghiệp vụ.

Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hà Nội, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh không quá năm phòng nghiệp vụ.

4. Biên chế

Biên chế chung của cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy từ 25 - 35 cán bộ. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thanh Hóa,

cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Nghệ An từ 30 - 40 cán bộ. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hà Nội, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh từ 40 - 50 cán bộ.

Điều 8. Ban Tuyên giáo

1. Chức năng

1.1. Là cơ quan tham mưu của tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng thuộc các lĩnh vực chính trị, tư tưởng - văn hóa, khoa giáo, biên soạn về lịch sử đảng bộ địa phương.

1.2. Là cơ quan chuyên môn - nghiệp vụ về công tác tuyên giáo của tỉnh ủy.

2. Nhiệm vụ

2.1. Nghiên cứu, đề xuất:

a) Nghiên cứu, theo dõi, tổng hợp tình hình tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa ở địa bàn tỉnh; dự báo những diễn biến, xu hướng tư tưởng có thể xảy ra, kịp thời báo cáo, kiến nghị với tỉnh ủy phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, biện pháp giải quyết.

b) Các đề án, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về công tác tuyên giáo, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương.

c) Đánh giá hoạt động, nghiên cứu, đề xuất phương hướng, chính sách, cơ chế, giải pháp trên lĩnh vực tuyên giáo.

d) Tham gia với chính quyền địa phương trong việc vận dụng, thể chế các quy định của cấp trên về các lĩnh vực có liên quan đến công tác tuyên giáo.

đ) Sơ kết, tổng kết về công tác tuyên giáo.

2.2. Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn, kiểm tra, giám sát:

a) Tổ chức nghiên cứu, tuyên truyền, quán triệt, hướng dẫn triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng; kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, các ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của Trung ương, của tỉnh trong lĩnh vực tuyên giáo.

b) Tổ chức bồi dưỡng lý luận chính trị, thông tin thời sự, tuyên truyền chính sách theo các chương trình của Trung ương và tỉnh ủy. Bồi dưỡng và hướng dẫn nghiệp vụ công tác tuyên giáo cho ban tuyên giáo cấp ủy cấp dưới, các đảng bộ cơ sở, trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện.

c) Tổ chức mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên từ tỉnh đến cơ sở; hướng dẫn, kiểm tra nội dung thông tin của các phương tiện thông tin đại chúng, các nhà xuất bản do địa phương quản lý.

d) Sưu tầm, biên soạn lịch sử đảng bộ tỉnh; hướng dẫn sưu tầm biên soạn lịch sử đảng bộ quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

đ) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục phát huy truyền thống cách mạng của địa phương.

2.3. Thẩm định, thẩm tra:

Đề án của các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức đoàn thể của tỉnh có liên quan đến lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, khoa giáo, lịch sử đảng bộ địa phương trước khi trình ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy.

2.4. Phối hợp:

a) Phối hợp với các cơ quan hữu quan đề xuất về cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, quản lý và đãi ngộ đối với đội ngũ trí thức khoa học và văn nghệ sĩ ở địa phương. Phối hợp với ban tổ chức tỉnh ủy đề xuất chủ trương đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý, đãi ngộ nhân tài.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng tham gia công tác xây dựng Đảng đối với các đảng bộ thuộc khối tuyên giáo.

c) Phối hợp với ban tổ chức tỉnh ủy trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế ban tuyên giáo của các cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy. Tham gia ý kiến về công tác cán bộ đối với đội ngũ cán bộ trong khối theo phân cấp quản lý.

2.5. Thực hiện một số nhiệm vụ do ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao:

a) Chỉ đạo định hướng chính trị, tư tưởng trong hoạt động của các cơ quan báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, cơ quan thông tin tuyên truyền ở địa phương, các hội văn học - nghệ thuật, hội nhà báo, đảm bảo hoạt động theo đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Chỉ đạo nội dung giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục, trường chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

c) Giúp tỉnh ủy chỉ đạo công tác chính trị, tư tưởng trong đội ngũ trí thức, các nhà khoa học và trong sinh viên, học sinh ở địa phương.

d) Thực hiện các công việc khác do ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao.

3. Tổ chức bộ máy**3.1. Lãnh đạo ban:**

Gồm trưởng ban và không quá ba phó trưởng ban.

Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội, Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có thể có bốn phó trưởng ban.

3.2. Các đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng.

- Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng.

- Phòng Tuyên truyền: Phụ trách lĩnh vực tuyên truyền, báo chí, xuất bản, dư luận xã hội.

- Phòng Văn hóa - Văn nghệ.

- Phòng Khoa giáo.

- Phòng (hoặc Trung tâm thông tin công tác tuyên giáo).

Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có Phòng Báo chí - Xuất bản.

4. Biên chế

Biên chế chung của ban tuyên giáo tỉnh ủy từ 22 - 28 cán bộ. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thanh Hóa, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An từ 28 - 35 cán bộ. Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội, Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh từ 40 - 50 cán bộ.

Điều 9. Ban Dân vận**1. Chức năng**

1.1. Là cơ quan tham mưu của cấp ủy, mà trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy về công tác dân vận của Đảng, trong đó có công tác dân tộc, tôn giáo.

1.2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của tỉnh ủy.

2. Nhiệm vụ

2.1. Nghiên cứu, đề xuất:

a) Những chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của cấp ủy và ban thường vụ. Chuẩn bị, tham gia các dự thảo

ng nghị quyết đại hội, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình công tác dân vận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy.

b) Tham mưu với cấp ủy thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

c) Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

2.2. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát:

a) Việc thực hiện chủ trương, chính sách, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng về công tác dân vận.

b) Tình hình tư tưởng, tâm trạng, nguyện vọng trong nhân dân và phong trào quần chúng để kịp thời báo cáo cấp ủy. Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và cán bộ làm công tác dân vận của các cấp trong đảng bộ tỉnh.

c) Tham gia ý kiến với các cơ quan chính quyền trong việc thể chế hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng về công tác dân vận; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

2.3. Phối hợp:

a) Phối hợp với ban tổ chức tỉnh ủy trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế ban dân vận của cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy. Tham gia ý kiến về công tác cán bộ đối với đội ngũ cán bộ trong khối theo phân cấp quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với ban, ngành liên quan trong các hoạt động chung về công tác dân vận; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận ở địa phương.

c) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và hội quần chúng tỉnh tham gia công tác xây dựng Đảng; xây dựng chính quyền.

2.4. Thẩm định, thẩm tra:

a) Các đề án về công tác dân vận trước khi trình cấp ủy.

b) Tham gia thẩm định các đề án, dự án thuộc lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng... có liên quan mật thiết đến công tác dân vận; các đề án, dự án có liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân và công tác dân vận của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân.

2.5. Thực hiện một số nhiệm vụ do ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao:

a) Giúp cấp ủy nắm tình hình hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quần chúng ở địa phương.

b) Thực hiện những công việc khác do tỉnh ủy, ban thường vụ giao.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. Lãnh đạo ban:

Gồm trưởng ban và không quá ba phó trưởng ban. Ban Dân vận Thành ủy Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có thể có bốn phó trưởng ban.

3.2. Các đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng.
- Phòng Đoàn thể và các hội quần chúng.
- Phòng Công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước.
- Phòng Dân tộc và Tôn giáo.

4. Biên chế

Biên chế chung của ban dân vận tỉnh ủy từ 18 - 21 cán bộ.

Ban Dân vận Tỉnh ủy Thanh Hóa, Ban Dân vận Tỉnh ủy Nghệ An từ 20 - 25 cán bộ; Ban Dân vận Thành ủy Hà Nội, Ban Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh từ 25 - 30 cán bộ.

Điều 10. Về tiêu chuẩn, chức danh và cơ cấu lao động

1. Cơ cấu lao động

1.1. Đối với văn phòng tỉnh ủy: Số lượng cán bộ làm công tác hành chính, phục vụ bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa cán bộ trong biên chế và cán bộ hợp đồng theo quy định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng. Chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp tối thiểu là 40%.

1.2. Đối với cơ quan ủy ban kiểm tra và các ban đảng: Bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa cán bộ trong biên chế và cán bộ hợp đồng theo quy định, số lượng chuyên viên nghiên cứu, tham mưu giúp việc nhiều hơn số lượng cán bộ phục vụ hành chính. Chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp tối thiểu là 70%.

2. Tiêu chuẩn, chức danh lao động

Tiêu chuẩn, chức danh lao động trong mỗi cơ quan đơn vị thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 11. Quan hệ với tỉnh ủy, ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu giúp việc ở Trung ương

1. Các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy chịu sự lãnh

đạo và chỉ đạo về mọi mặt của tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ và thường trực tỉnh ủy; thực hiện chế độ báo cáo, xin chỉ thị và đề xuất các vấn đề thuộc trách nhiệm của lĩnh vực được phân công với ban thường vụ và thường trực tỉnh ủy.

2. Các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy định kỳ báo cáo công tác với các cơ quan tham mưu giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan tham mưu giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương theo quy định.

Điều 12. Quan hệ với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh

Quan hệ giữa các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh là quan hệ phối hợp:

- Trong phạm vi lĩnh vực công tác, các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của Trung ương, của tỉnh ủy.

- Phối hợp nghiên cứu, hướng dẫn triển khai nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế và kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được tỉnh ủy giao.

Điều 13. Quan hệ với thường trực hội đồng nhân dân và lãnh đạo ủy ban nhân dân tỉnh

Quan hệ giữa các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy với thường trực hội đồng nhân dân và lãnh đạo ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ phối hợp:

- Khi triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu có gắn với công tác quản lý nhà nước các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy phối hợp với thường trực hội đồng nhân dân, lãnh đạo ủy ban nhân dân; các cơ quan Đảng, Nhà nước phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ lẫn nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Các kỳ họp hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân tỉnh để bàn chủ trương, quyết định, chính sách, chế độ... có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của cơ quan nào, thì đại diện lãnh đạo cơ quan đó được mời tham dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo cơ quan làm việc trực tiếp với thường trực hội đồng nhân dân và lãnh đạo ủy ban nhân dân để phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên.

Điều 14. Quan hệ với cấp ủy và các ban tham mưu giúp việc của cấp ủy cấp dưới

1. Quan hệ giữa các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy với cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn, góp ý trong thực hiện về công tác chuyên môn và công tác cán bộ theo phân cấp.

2. Quan hệ giữa các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy với các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công về chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định; nếu có phát sinh, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện thì báo cáo Ban Bí thư bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 223-QĐ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2009

**Ban hành Quy chế về quan hệ công tác
giữa Đảng đoàn Quốc hội với Ủy ban Thường vụ
Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc
hội, tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội, các ban
Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
đảng ủy và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc
Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về

quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội, các ban Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương”.

Điều 2. Đảng đoàn Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội, các ban Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

Về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội
với Ủy ban Thường vụ Quốc hội,
Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội,
tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội,
các ban Trung ương Đảng, ban cán sự đảng,
đảng đoàn, đảng ủy và các tỉnh ủy,
thành ủy trực thuộc Trung ương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 223-QĐ/TW,
ngày 15-5-2009 của Bộ Chính trị)

*Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định quan hệ lãnh đạo của Đảng đoàn Quốc hội đối với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội và quan hệ phối hợp công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với các ban Trung ương Đảng, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước, ban cán sự đảng các bộ, cơ quan ngang bộ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên

Cộng sản Hồ Chí Minh, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương (sau đây gọi là các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương).

Điều 2. Nguyên tắc quan hệ công tác

Quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với các cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 1 của Quy chế này phải dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau đây:

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2. Phù hợp với nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, tổ chức đã được quy định tại Điều lệ Đảng, Hiến pháp, pháp luật.
3. Bảo đảm phối hợp kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi để mỗi cơ quan, tổ chức hoàn thành tốt nhiệm vụ.
4. Văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung quan hệ công tác giữa các cơ quan, tổ chức phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

*Chương II***NỘI DUNG VÀ CÁCH THỨC LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC****Điều 3. Đối với Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

1. Lãnh đạo việc chuẩn bị, trình Quốc hội những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

theo quy định của Hiến pháp, pháp luật, nhất là về các vấn đề: tổ chức và hoạt động của Quốc hội; rút ngắn và kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội; chủ trì các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội; công bố tình trạng khẩn cấp, tổng động viên, chiến tranh và hòa bình của đất nước.

2. Lãnh đạo việc chuẩn bị và báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề lớn, còn có ý kiến khác nhau và những vấn đề phức tạp, nhạy cảm thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Lãnh đạo việc dự kiến nhân sự của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

4. Lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách cụ thể và việc bảo đảm các điều kiện hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội.

Điều 4. Đối với Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội

1. Lãnh đạo Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo việc chuẩn bị báo cáo, giải trình trước Quốc hội về những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau và những nội dung phức tạp, nhạy cảm thuộc phạm vi trách nhiệm của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội.

3. Lãnh đạo việc chuẩn bị dự kiến nhân sự là thành viên Hội đồng Dân tộc, thành viên các ủy ban của Quốc hội; nhân sự, số lượng, cơ cấu đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội khóa mới.

Điều 5. Đối với tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội

1. Quán triệt và lãnh đạo thực hiện chủ trương, định hướng chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng đoàn Quốc hội đến các đại biểu Quốc hội là đảng viên trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước thuộc chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội, nhất là những vấn đề trong Quốc hội còn có ý kiến khác nhau.

2. Động viên, thuyết phục các đại biểu Quốc hội không phải là đảng viên ủng hộ và thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng về việc quyết định các vấn đề quan trọng thuộc chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội.

Điều 6. Cách thức lãnh đạo của Đảng đoàn Quốc hội đối với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội

1. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo thông qua việc ra nghị quyết, quyết định, kết luận về những vấn đề liên quan; phân công thành viên Đảng đoàn theo dõi, phụ trách các lĩnh vực công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội.

2. Khi cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội tổ chức họp hoặc gửi văn bản tham khảo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, nếu có vấn đề cần xin ý kiến chỉ đạo thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội gửi văn bản đến Đảng đoàn Quốc hội.

3. Định kỳ hàng năm, Đảng đoàn Quốc hội họp với Thường trực Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội để nghe Thường trực Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; nghe ý kiến đóng góp của Thường trực Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội đối với hoạt động của Đảng đoàn Quốc hội.

4. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội thông qua tổ trưởng đảng các đoàn đại biểu Quốc hội để phổ biến các chủ trương, định hướng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư liên quan đến hoạt động của Quốc hội.

Trước mỗi kỳ họp Quốc hội, Đảng đoàn Quốc hội họp với tổ trưởng đảng các đoàn đại biểu Quốc hội. Khi cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội yêu cầu các tổ trưởng đảng triệu tập đảng viên họp để quán triệt thực hiện ý kiến chỉ đạo của Đảng trong việc quyết định các vấn đề thuộc nội dung kỳ họp và động viên, thuyết phục các đại biểu Quốc hội không phải là đảng viên cùng thực hiện.

Chương III

NỘI DUNG VÀ CÁCH THỨC PHỐI HỢP CÔNG TÁC

Điều 7. Đối với Văn phòng Trung ương Đảng

1. Xây dựng nội dung chương trình công tác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Đảng đoàn Quốc hội.

2. Trao đổi thông tin trong quá trình chuẩn bị các đề án, dự án, tờ trình, dự thảo các văn bản và các tài liệu cần thiết để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội và những vấn đề pháp luật hiện hành chưa quy định.

3. Dự kiến chương trình làm việc và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Bộ Chính trị, Ban Bí thư làm việc với Đảng đoàn Quốc hội.

4. Thông tin kịp thời về tiến độ chuẩn bị đề án, dự án và các văn bản trình xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; quá trình cho ý kiến và kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Đảng đoàn Quốc hội.

Điều 8. Đối với Ban Tổ chức Trung ương

1. Tham mưu những vấn đề lớn liên quan đến cơ cấu, tổ chức và nhân sự của Quốc hội, đại biểu Quốc hội chuyên trách, bầu cử đại biểu Quốc hội và đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, trình Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

2. Tham mưu về tổ chức bộ máy nhà nước và lãnh đạo cấp cao thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định của pháp luật.

3. Lãnh đạo việc xây dựng các chế độ, chính sách đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách.

Điều 9. Đối với Ban Tuyên giáo Trung ương

1. Lãnh đạo, định hướng công tác tư tưởng, báo chí, tuyên

truyền, dư luận xã hội về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, nhất là công tác thông tin, tuyên truyền về các kỳ họp Quốc hội, phổ biến, giáo dục pháp luật và những vấn đề liên quan đến bầu cử đại biểu Quốc hội.

2. Góp phần nâng cao nhận thức, lý luận của đại biểu Quốc hội và cán bộ đang công tác tại các cơ quan của Quốc hội.

Điều 10. Đối với Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Thực hiện công tác kiểm tra đối với việc chấp hành Điều lệ Đảng, giám sát, phát hiện dấu hiệu vi phạm; xem xét, xử lý kỷ luật đảng, đồng thời đề nghị kỷ luật về mặt chính quyền đối với đại biểu Quốc hội là đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

2. Xử lý đơn, thư tố cáo đối với cán bộ, đảng viên thuộc các cơ quan của Quốc hội trong diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; đơn, thư khiếu nại, tố cáo về bầu cử và các ứng cử viên đại biểu Quốc hội.

3. Tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư thẩm định nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương và các chức danh do Quốc hội bầu, phê chuẩn.

Điều 11. Đối với Ban Dân vận Trung ương

1. Lãnh đạo công tác xây dựng pháp luật liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo.

2. Lãnh đạo công tác vận động nhân dân thực hiện các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Lãnh đạo đại biểu Quốc hội tham gia thực hiện công tác dân vận.

Điều 12. Đối với Ban Đối ngoại Trung ương

1. Tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo việc quyết định chính sách đối ngoại của đất nước, nhất là những vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Quốc hội.

2. Lãnh đạo việc xây dựng chương trình và triển khai hoạt động đối ngoại của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội thống nhất với hoạt động đối ngoại chung của Đảng và Nhà nước.

Điều 13. Đối với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương

1. Lãnh đạo công tác tư tưởng, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội đến các tổ chức đảng, đảng viên trong Đảng bộ cơ quan Văn phòng Quốc hội.

2. Cho ý kiến về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng đối với các đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Điều 14. Đối với Ban Cán sự đảng Chính phủ

1. Lãnh đạo việc chuẩn bị và trình Quốc hội xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo quy định của pháp luật.

2. Lãnh đạo công tác chuẩn bị các dự án luật, pháp lệnh, báo cáo và các dự án, đề án khác để gửi đến Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội thẩm tra, cho ý kiến, thông qua theo đúng thời hạn luật định.

3. Lãnh đạo việc tổ chức trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội đối với các thành viên Chính phủ; việc triển khai thực hiện các nghị quyết về hoạt động chất vấn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm đối với thành viên Chính phủ theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo việc chuẩn bị các văn bản trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với những vấn đề lớn, những vấn đề phức tạp, nhạy cảm và những vấn đề pháp luật hiện hành chưa quy định có liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội.

5. Trước mỗi kỳ họp Quốc hội và khi cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ họp liên tịch để thống nhất các nội dung phối hợp công tác.

Điều 15. Đối với Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương

1. Chuẩn bị công tác nhân sự đại biểu Quốc hội trong lực lượng quân đội, công an và các báo cáo về quốc phòng, an ninh thuộc thẩm quyền xem xét của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định của pháp luật.

2. Lãnh đạo việc triển khai các công tác liên quan đến an ninh và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Đối với Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

1. Lãnh đạo việc chuẩn bị và trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định các vấn đề liên

quan đến tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân thuộc thẩm quyền của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định của pháp luật.

2. Lãnh đạo việc tổ chức trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội đối với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; việc triển khai thực hiện các nghị quyết về hoạt động chất vấn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm đối với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao theo quy định của pháp luật.

3. Lãnh đạo công tác chuẩn bị các dự án luật, pháp lệnh, báo cáo và các dự án, đề án khác để gửi đến Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội thẩm tra, cho ý kiến, thông qua theo đúng thời hạn luật định.

4. Phối hợp chỉ đạo việc chuẩn bị các văn bản trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với những vấn đề lớn, những vấn đề phức tạp, nhạy cảm và những vấn đề pháp luật hiện hành chưa quy định có liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội và các cơ quan tư pháp.

5. Lãnh đạo việc khám, bắt giam, truy tố, khởi tố đại biểu Quốc hội và cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đang công tác tại các cơ quan của Quốc hội theo quy định của pháp luật.

6. Trước mỗi kỳ họp Quốc hội hoặc khi cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao họp liên tịch để thống nhất các nội dung phối hợp công tác.

Điều 17. Đối với Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước

1. Lãnh đạo việc chuẩn bị công tác nhân sự Tổng Kiểm toán

Nhà nước, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước và kiểm toán viên cao cấp; xem xét, quyết định tổ chức bộ máy, biên chế và các chế độ, chính sách đặc thù của Kiểm toán Nhà nước. Quyết định chiến lược phát triển của ngành kiểm toán nhà nước.

2. Xem xét các vấn đề về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội thuộc cơ quan Kiểm toán Nhà nước và các vấn đề khác liên quan đến cơ quan Kiểm toán Nhà nước thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 18. Đối với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Lãnh đạo việc chuẩn bị và trình Quốc hội xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến Mặt trận Tổ quốc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định của pháp luật.

2. Lãnh đạo tổ chức hiệp thương giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, bảo đảm thực hiện cơ cấu, số lượng, thành phần đại biểu Quốc hội được Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị cho ý kiến.

3. Lãnh đạo việc quy định về công tác tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội; báo cáo Quốc hội về ý kiến, kiến nghị của cử tri; lấy ý kiến nhận xét của cử tri về hoạt động của đại biểu Quốc hội.

Điều 19. Đối với đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

1. Lãnh đạo việc chuẩn bị và trình những vấn đề về pháp luật và các vấn đề khác liên quan đến các tổ chức chính trị -

xã hội thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định của pháp luật.

2. Lãnh đạo, vận động đoàn viên, hội viên thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 20. Đối với tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

1. Lãnh đạo công tác bầu cử đại biểu Quốc hội liên quan đến trách nhiệm của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi để các ứng cử viên do Trung ương giới thiệu về ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương tham gia các hoạt động trước ngày bầu cử tại địa phương.

2. Lãnh đạo việc tổ chức thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về quy hoạch, bồi dưỡng, chuẩn bị nguồn nhân sự đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương; chuyển đại biểu Quốc hội đang công tác tại địa phương về hoạt động chuyên trách tại Trung ương; điều động, thuyên chuyển đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương sang vị trí công tác mới; bố trí công tác và thực hiện các chế độ, chính sách đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương còn trong độ tuổi lao động không tham gia đại biểu Quốc hội khóa mới.

3. Lãnh đạo việc kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đảng; xem xét, cho ý kiến việc kỷ luật về mặt chính quyền; việc khám, khởi tố, bắt giam, truy tố, xét xử đối với đại biểu Quốc hội công tác tại địa phương; lãnh đạo việc tổ chức để cử tri bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Quốc hội khi đại biểu không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của cử tri.

4. Lãnh đạo việc thực hiện các chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động đối với đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội ở địa phương; xây dựng quy chế làm việc và mối quan hệ công tác nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Điều 21. Cách thức phối hợp công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương

1. Kịp thời trao đổi, thông báo về chương trình, kế hoạch công tác của mỗi bên.

2. Chủ động đề xuất các nội dung cần phối hợp và bảo đảm tham gia đầy đủ các nội dung phối hợp công tác theo yêu cầu.

3. Trao đổi ý kiến hoặc gửi văn bản tham khảo ý kiến về các nội dung có liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4. Tổ chức các cuộc họp giữa Đảng đoàn Quốc hội với các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương về những nội dung có liên quan mà các bên chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đại diện các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương được mời tham dự các cuộc họp do Đảng đoàn Quốc hội chủ trì khi bàn đến các vấn đề có liên quan.

5. Trong trường hợp Đảng đoàn Quốc hội và các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương có ý kiến khác nhau về các công việc có liên quan thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22.

1. Đảng đoàn Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội và các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Văn phòng Trung ương Đảng và các ban Trung ương Đảng thường xuyên theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Quy chế và kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung khi xét thấy cần thiết.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 248-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2009

Về một số vấn đề thuộc nội dung chương trình kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XII (tháng 5-2009)

Tại phiên họp ngày 15-5-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về việc chuẩn bị kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XII (tháng 5-2009), về các dự án luật trình Quốc hội xem xét tại kỳ họp thứ năm và dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2010, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về việc chuẩn bị kỳ họp

Cơ bản đồng ý với nội dung và thời gian tiến hành kỳ họp như Đảng đoàn Quốc hội đã dự kiến nêu trong Báo cáo số 234-BC/ĐĐQH XII, ngày 13-4-2009 và báo cáo bổ sung ngày 15-5-2009.

Riêng dự án đầu tư tại Venêxuêla của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam không nên đưa vào chương trình kỳ họp. Việc này Chính phủ đã giải quyết theo đúng thẩm quyền. Về chủ trương và quy hoạch khai thác bôxít Tây Nguyên, ngoài việc

có báo cáo trong phần báo cáo về kinh tế - xã hội, nên có báo cáo gửi cho các vị đại biểu Quốc hội.

2. Về một số nội dung quan trọng còn có ý kiến khác nhau trong các dự án luật trình Quốc hội thông qua

Cơ bản đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội nêu trong Báo cáo số 241-BC/ĐĐQH XII, ngày 11-5-2009, lưu ý:

- Về dự án Luật cơ yếu:

Chưa nên thông qua dự án Luật cơ yếu tại kỳ họp này. Trước mắt, trình Quốc hội cho ý kiến; đồng thời tiến hành sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW, ngày 1-7-2004 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh, phát triển công tác cơ yếu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở ý kiến của đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ năm và kết quả sơ kết Chỉ thị 41-CT/TW của Bộ Chính trị, tiếp tục hoàn chỉnh dự án luật này để trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ sáu, theo quy trình thông qua luật tại hai kỳ họp.

- Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự:

Việc hạn chế áp dụng hình phạt tử hình cần phải có lộ trình hợp lý. Trước mắt, đề nghị Quốc hội bỏ hình phạt tử hình quy định tại một số điều như đề xuất của Đảng đoàn Quốc hội, trong đó cần cân nhắc kỹ thêm việc bỏ hình phạt tử hình đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả (Điều 180); tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy (Điều 221) và tội phá hủy vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 334). Nghiên cứu quy định thật chặt chẽ các tình tiết định khung ở các tội có khung hình phạt tử hình; tăng mức định lượng, định tính

đối với loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng để có thể vận dụng giảm thiểu được án tử hình khi xét xử. Cần tiếp tục nghiên cứu và đề nghị Quốc hội thu hẹp phạm vi áp dụng án tử hình vào những lần sửa đổi sau; tiến tới chỉ áp dụng đối với một số ít tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- Về dự án Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước:

Trong dự thảo luật nên quy định rõ các trường hợp có tính phổ biến, dễ xảy ra hành vi gây thiệt hại mà Nhà nước phải bồi thường, đồng thời có quy định mở để các trường hợp khác có thể được bồi thường nếu được quy định trong các văn bản pháp luật khác.

- Về dự án Luật quy hoạch đô thị:

Cần cân nhắc kỹ các nội dung có liên quan đến chức danh kiến trúc sư trưởng vì trong thực tế đã áp dụng thí điểm tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh không có hiệu quả rõ rệt. Việc thành lập tổ chức tư vấn, tham mưu cho ủy ban nhân dân về các vấn đề liên quan đến quy hoạch đô thị chỉ nên thực hiện khi xét thấy cần thiết; không nên hành chính hóa hoạt động của tổ chức này.

- Về dự án Luật cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài:

Nên tập trung các lĩnh vực hoạt động của cơ quan đại diện về một đầu mối như quy định tại Điều 14 của dự thảo luật, nhằm bảo đảm sự thống nhất về tổ chức bộ máy, biên chế, chế độ làm việc... của cơ quan đại diện dưới sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan này.

- Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật nhà ở và Điều 121 của Luật đất đai:

Cần mở rộng nhưng có lộ trình chặt chẽ đối tượng người

Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua và sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; quy định chặt chẽ các điều kiện được mua nhà và số lượng nhà được sở hữu, nhằm hạn chế những sơ hở, tiêu cực tác động xấu tới thị trường bất động sản trong nước và sự ổn định kinh tế - xã hội.

- Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ:

Đối với các trường hợp sử dụng các tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao, cần tính toán kỹ để quy định cho phù hợp theo hướng phân biệt giữa việc sử dụng tác phẩm vì mục đích thương mại và không vì mục đích thương mại nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ sở hữu quyền tác giả, người sử dụng và nhu cầu hưởng thụ của công chúng.

3. Về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2010

Cơ bản đồng ý với Báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội (Báo cáo số 240-BC/ĐĐQH XII, ngày 7-5-2009).

Cần rà soát kỹ để đảm bảo tính khả thi của chương trình, coi trọng chất lượng; ưu tiên xây dựng các luật, pháp lệnh phục vụ cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai, Luật bảo hiểm tiền gửi nên chuyển sang chương trình chuẩn bị. Khi sửa đổi Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng, có thể quy định cơ chế bảo hiểm tiền gửi trong các dự án luật này.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề gì cần có ý kiến chỉ đạo, Đảng đoàn Quốc hội kịp thời báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 224-QĐ/TW, ngày 22 tháng 5 năm 2009

**Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức Hội nghị quốc tế
quảng bá văn học Việt Nam**

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 246-TB/TW, ngày 6-5-2009 về tổ chức Hội nghị quốc tế quảng bá văn học Việt Nam;
- Xét đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức Hội nghị quốc tế quảng bá văn học Việt Nam (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban Chỉ đạo tổ chức Hội nghị có trách nhiệm chỉ đạo Hội Nhà văn Việt Nam chuẩn bị và tổ chức tốt Hội nghị theo Thông báo số 246-TB/TW, ngày 6-5-2009 của Ban Bí thư.

Điều 3. Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Hội Nhà văn Việt Nam và các đồng chí có tên trong danh sách thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH

Ban Chỉ đạo tổ chức Hội nghị quốc tế quảng bá văn học Việt Nam

1. Đồng chí GS.TS. Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.
2. Đồng chí PGS, Họa sĩ Vũ Giáng Hương, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.
3. Đồng chí Hữu Thịnh, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Phó Trưởng ban Thường trực.
4. Đồng chí Lê Tiến Thọ, Nghệ sĩ nhân dân, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên.
5. Đồng chí PGS.TS. Nguyễn Văn Thọ, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.
6. Một đồng chí Phó Trưởng ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên.
7. Một đồng chí Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên.
8. Một đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.
9. Đồng chí Đỗ Kim Công, Vụ trưởng Vụ Văn hóa - Văn nghệ, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 225-QĐ/TW, ngày 22 tháng 5 năm 2009

**VỀ VIỆC THAY ĐỔI, BỔ SUNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Quyết định số 39-QĐ/TW, ngày 15-3-2007 của Bộ Chính trị về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương;
- Xét đề nghị của Hội đồng Lý luận Trung ương (Tờ trình số 08-TTr/HDLLTW, ngày 11-5-2009),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung các đồng chí sau đây làm Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương:

- Đồng chí Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Ban Đối ngoại Trung ương, thay đồng chí Tạ Minh Châu, Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương đã được phân công nhiệm vụ khác.

- Đồng chí Tiến sĩ Nguyễn Văn Hùng, Vụ trưởng, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu khoa học dân vận, Ban Dân vận Trung ương, thay đồng chí Nguyễn Thanh Tuyên, Tổng Biên tập Tạp chí Dân vận đã được phân công nhiệm vụ khác.

- Đồng chí Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Thọ, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng Lý luận Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Dân vận Trung ương và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 48-KL/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2009

Về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế đến năm 2020

Thực hiện Chương trình công tác năm 2009, ngày 15-5-2009, Bộ Chính trị đã làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về tình hình sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế và một số chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020.

Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo và ý kiến các bộ, ban, ngành Trung ương, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Vị trí của Thừa Thiên Huế

Thừa Thiên Huế là vùng đất văn hiến, có bề dày lịch sử, văn hóa đặc sắc và truyền thống cách mạng vẻ vang. Trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, Đảng bộ, quân và dân Thừa Thiên Huế đã lập nên những chiến công hiển hách, được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng

Lực lượng vũ trang nhân dân và trao tặng tám chữ vàng “Tiến công, nổi dậy, anh dũng, kiên cường”. Đây cũng là nơi Bác Hồ và gia đình Bác đã từng sinh sống, học tập.

Với diện tích hơn 5.000km², dân số gần 1,2 triệu người, Thừa Thiên Huế có thành phố Huế - Cố đô của Việt Nam, là đô thị loại I, thành phố di sản văn hóa thế giới, thành phố Festival và theo quy hoạch, Huế là 1 trong 5 đô thị cấp quốc gia, khu vực và quốc tế; là trung tâm văn hóa, du lịch; trung tâm y tế chuyên sâu; trung tâm đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực của miền Trung và cả nước. Thừa Thiên Huế còn là nơi hội tụ đầy đủ các tiềm năng, thế mạnh để phát triển nhanh hơn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước, là trọng điểm về quốc phòng, an ninh của quốc gia.

Xây dựng, phát triển Thừa Thiên Huế và đô thị Huế có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt đối với miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

2. Về kết quả sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế

2.1. Trong những năm qua, nhất là sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ, quân và dân Thừa Thiên Huế đã đoàn kết, khắc phục khó khăn, năng động, sáng tạo, khai thác tiềm năng, lợi thế, huy động nội lực, tranh thủ ngoại lực để xây dựng và phát triển, đạt được những thành tựu quan trọng, có bước phát triển tương đối nhanh và khá toàn diện trong những năm gần đây.

Kinh tế tăng trưởng ở mức cao và ổn định. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng và tích cực. Tổ chức thực hiện có kết quả các chương trình, dự án trọng điểm, nhất là các dự án phát triển kết cấu hạ tầng. Thu hút đầu tư nước ngoài, giá trị sản xuất hàng hóa các ngành dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp tiếp tục tăng mạnh. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Chương trình xóa đói, giảm nghèo, xóa nhà tạm và các chính sách hỗ trợ người nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động, giải quyết nhà ở cho dân nghèo ở thành phố và nông thôn, nhất là nhà ở của nhân dân vùng thường xuyên bị ngập lụt được triển khai tích cực, đồng bộ.

Các thiết chế văn hóa - thể thao - du lịch từng bước được xây dựng, hoàn thiện. Thành công của các kỳ Festival đã góp phần nâng cao vị thế của văn hóa Việt Nam và bản sắc văn hóa Huế, mở ra triển vọng phát triển mới cho ngành văn hóa, du lịch, dịch vụ.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển, trình độ dân trí được nâng lên. Giáo dục nghề nghiệp và đại học tăng cả về số lượng và chất lượng. Đại học Huế tiếp tục khẳng định vị thế của một trung tâm đào tạo đại học đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao. Trung tâm y tế chuyên sâu của miền Trung mà hạt nhân là Bệnh viện Trung ương Huế đã phát triển theo hướng chuyên sâu, kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong khu vực.

Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được củng cố. Công tác xây dựng Đảng được chú trọng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ các cấp được nâng lên;

hệ thống chính trị được kiện toàn, đội ngũ cán bộ trưởng thành một bước; quan hệ giữa Đảng với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân gắn bó chặt chẽ hơn; nội bộ cấp ủy đoàn kết, thống nhất; niềm tin, uy tín của Đảng bộ đối với nhân dân ngày càng được nâng cao.

Bộ Chính trị ghi nhận và biểu dương những thành tựu quan trọng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế, góp phần tích cực vào thành tựu chung của đất nước.

2.2. Bên cạnh những tiến bộ đạt được, Thừa Thiên Huế còn một số hạn chế cần phải khắc phục:

- Kết quả phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế so sánh, nhất là du lịch, dịch vụ và kinh tế biển. Thiên tai và dịch bệnh luôn là nguy cơ tiềm ẩn làm suy yếu nền kinh tế của tỉnh. Sự phân bố lực lượng sản xuất chưa tạo thành động lực để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội. Đời sống nhân dân, nhất là vùng núi, vùng sâu chưa thật ổn định, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

- Lực lượng sản xuất phát triển chậm; quy mô còn nhỏ, công nghệ sản xuất chưa cao; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào sản xuất còn ít; sản phẩm chiếm ưu thế trên thị trường chưa nhiều; giá trị kim ngạch xuất khẩu còn thấp. Thu ngân sách hàng năm tăng cao nhưng chưa đáp ứng nhu cầu chi.

- Chưa có nhiều giải pháp giải quyết có hiệu quả về một số vấn đề xã hội bức xúc trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa; công tác tái định cư dân vạn đò, dân sống ở vùng đầm phá còn chậm.

- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, công tác cán bộ chưa theo kịp tình hình và yêu cầu của hội nhập và phát triển.

- Quốc phòng, an ninh còn tiềm ẩn những yếu tố mất ổn định.

Những tồn tại, yếu kém trên đây do những nguyên nhân chính là:

- Xuất phát điểm của nền kinh tế thấp; hậu quả chiến tranh để lại nặng nề; địa hình bị chia cắt; khí hậu, thời tiết không thuận lợi; thiên tai, dịch bệnh nhiều, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Công tác quy hoạch, đầu tư cho phát triển, nhất là quy hoạch, đầu tư phát triển đô thị Huế chưa được địa phương và các ngành Trung ương quan tâm đúng mức, chưa tương xứng với vai trò, vị trí của Thừa Thiên Huế và đô thị Huế trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; thiếu tính chiến lược cho các ngành kinh tế mũi nhọn; chưa khai thác tốt các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành có lúc, có nơi còn hạn chế, chưa sâu sát tháo gỡ khó khăn cho cơ sở.

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thừa Thiên Huế và đô thị Huế đến năm 2020

3.1. Bộ Chính trị tán thành phương hướng xây dựng Thừa Thiên Huế đến năm 2020 là: *Xây dựng Thừa Thiên Huế*

trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trong vài năm tới, là trung tâm của khu vực miền Trung và một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước về văn hóa, du lịch; khoa học - công nghệ, y tế chuyên sâu và giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao. Phấn đấu đến năm 2020, Thừa Thiên Huế xứng tầm là trung tâm đô thị cấp quốc gia, khu vực và quốc tế, một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ, y tế, đào tạo lớn của cả nước và khu vực các nước Đông Nam châu Á; có quốc phòng, an ninh được tăng cường, chính trị - xã hội ổn định, vững chắc; có hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng cao rõ rệt; có đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện.

3.2. Để thực hiện phương hướng trên, Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Gắn xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế trong mối quan hệ hữu cơ với các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, thông qua hành lang kinh tế đông - tây, trục quốc lộ 1A, đường bộ cao tốc để thu hút vốn đầu tư và công nghệ mới nhằm phát triển công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch và xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- Làm tốt công tác quy hoạch đô thị, đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ, theo hướng thành phố dịch vụ, du lịch văn minh, hiện đại. Phối hợp với thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam đẩy nhanh đô thị hóa cụm đô thị động lực số 2: Chân Mây - Đà Nẵng - Điện Nam -

Điện Ngọc - Hội An. Khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững, có hiệu quả; chuyển dịch mạnh hơn cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

- Chú trọng phát triển nhanh các lĩnh vực còn nhiều tiềm năng, lợi thế so sánh như du lịch, công nghệ thông tin, kinh tế biển và đầm phá Tam Giang. Đầu tư phát triển mạnh cho du lịch để sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng Huế là trung tâm du lịch của miền Trung và cả nước. Phát triển nhanh các dịch vụ mà Thừa Thiên Huế có thế mạnh, như dịch vụ về y tế, văn hóa, giáo dục, vận tải, ngân hàng, bưu chính - viễn thông, bảo hiểm...

- Tập trung cao hơn nguồn lực địa phương và Trung ương đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, nhất là giao thông nhằm tạo môi trường thuận lợi để khai thác tối đa nội lực, đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại. Đồng thời, thường xuyên chăm lo đến công tác xóa đói, giảm nghèo; đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới; cải thiện đời sống nhân dân, nhất là ở hai huyện miền núi A Lưới và Nam Đông.

- Chăm lo phát triển văn hóa - xã hội, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống, xây dựng Thừa Thiên Huế thành một trung tâm văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc và bản sắc văn hóa Huế. Mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế về văn hóa; cùng với các tỉnh Quảng Bình, Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng hình thành tuyến du lịch tổng hợp Phong Nha - Kẻ Bàng, Huế - Đà Nẵng, Hội An - Mỹ Sơn.

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, đặc biệt là an ninh tôn giáo, an ninh chính trị. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống; thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên, tiếp tục đổi mới, tạo bước đột phá về công tác cán bộ, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân. Tiếp tục chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, thực hiện tốt Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Chuẩn bị tốt nhân sự cho Đại hội Đảng bộ tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2010 - 2015 và nguồn nhân lực khi chuyển tỉnh thành thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Về các kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế

Bộ Chính trị nhận thấy các kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về cơ bản là hợp lý. Bộ Chính trị giao Ban Cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành cùng tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể sau:

4.1. Đồng ý về chủ trương đưa tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trong vài năm tới. Tỉnh cần xây dựng đề án tổng thể; chỉ đạo rà soát, bổ sung các quy hoạch hiện có để triển khai thực hiện, với bước đi và quy trình chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Đẩy nhanh tiến độ hình thành cụm đô thị động lực: Huế - Tứ Hạ - Phú Bài - Thuận An - Bình Điền và 9 đô thị mới gồm: đô thị loại III

Chân Mây - Lăng Cô và các đô thị loại V: Phú Đa, Bình Điền, Phong Thu, Thủy Tân, Thanh Hà, Vinh Thanh, A Đốt, Hồng Vân; trong đó thành phố Huế là đô thị trung tâm, đô thị hạt nhân làm nòng cốt thúc đẩy việc đưa toàn tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

4.2. Để đẩy nhanh tiến độ xây dựng thành phố Huế, Bộ Chính trị đồng ý để thành phố Huế được hưởng một số cơ chế và chính sách đặc thù theo hướng: Cùng với việc được áp dụng cơ chế tài chính, đầu tư cho đô thị loại I, cần ưu tiên theo chương trình đầu tư có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, từ nguồn hỗ trợ chính thức ODA... cho các dự án, công trình trọng tâm, trọng điểm của thành phố.

4.3. Phục hồi, tôn tạo, bảo vệ, phát huy di sản Cố đô Huế là trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân Thừa Thiên Huế và của cả nước. Bộ Chính trị đồng ý với chủ trương ưu tiên vốn (từ nguồn trái phiếu hoặc nguồn vốn đặc biệt từ chương trình hỗ trợ có mục tiêu của quốc gia) để tập trung tôn tạo di tích. Trước mắt, từ nay đến năm 2012, ưu tiên vốn để trùng tu khu vực Đại nội và giải tỏa dân cư lấn chiếm trên Kinh thành. Sau năm 2012 sẽ tiếp tục đầu tư để đẩy nhanh, hoàn thành dứt điểm việc tôn tạo, trùng tu Cố đô Huế nhằm tạo bước đột phá cho phát triển dịch vụ, du lịch.

4.4. Đại học Huế với bề dày lịch sử trên 50 năm, để phục vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho miền Trung và cả nước, Bộ Chính trị thống nhất chủ trương chuyển Đại học Huế lên Đại học Quốc gia vào năm 2015 (theo quy hoạch của Chính phủ) hoặc có thể sớm hơn nếu điều kiện cho phép nhằm tiếp tục phát huy truyền thống và lợi thế của Đại học Huế trong hệ thống giáo dục đại học cả nước.

4.5. Về đầu tư hạ tầng, trên cơ sở những chủ trương đã có, sớm chỉ đạo triển khai, đẩy nhanh tiến độ xây dựng tuyến đường Cam Lộ - Túy Loan, mở rộng quốc lộ 1A đoạn Huế - Đà Nẵng, hai nhánh của đường Hồ Chí Minh (74 và 71); phê duyệt phương án liên doanh đầu tư nâng cấp sân bay quốc tế Phú Bài và ưu tiên bố trí nguồn vốn trái phiếu chính phủ để xây dựng cầu qua sông Hương trong năm 2009.

4.6. Sớm phê duyệt Đề án kinh tế tổng hợp vùng kinh tế Tam Giang - Cầu Hai để phát triển kinh tế tổng hợp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và có phương án phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, chống nước biển dâng cao theo chiến lược phát triển kinh tế biển của quốc gia.

Bộ Chính trị tin tưởng Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên Huế tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, anh hùng, phấn đấu đạt nhiều thành tựu hơn nữa để sớm đưa Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, phát huy tốt hơn vai trò, vị trí của trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ, y tế, đào tạo của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước, chủ động hội nhập quốc tế, cùng cả nước vững bước tiến lên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế, tạo tiền đề cho sự phát triển những năm tiếp theo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 226-QĐ/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2009

**Thành lập đoàn kiểm tra thực hiện
các Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, Hội nghị
lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng
(khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng
về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển
và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng đoàn.
2. Đồng chí Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, thành viên.
3. Đồng chí Phạm Viết Muôn, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Thành viên thường trực.
4. Đồng chí Trần Xuân Hà, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Thành viên.
5. Đồng chí Trương Văn Đoan, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên.
6. Đồng chí Đàm Hữu Đắc, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thành viên.
7. Đồng chí Đinh Trung Tụng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Thành viên.
8. Đồng chí Nguyễn Duy Thăng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Thành viên.
9. Đồng chí Mai Đức Chính, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Thành viên.
10. Đồng chí Nguyễn Hữu Từ, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.
11. Đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.
12. Đồng chí Nguyễn Kim Toàn, Vụ trưởng Vụ Đổi mới doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ, Thành viên thư ký, Tổ trưởng Tổ giúp việc đoàn kiểm tra.

Điều 2. Trưởng đoàn kiểm tra quyết định thành lập Tổ giúp việc gồm các chuyên viên thuộc các cơ quan có thành viên tham gia đoàn kiểm tra để giúp đoàn kiểm tra triển khai công việc và tổng hợp báo cáo của các tổ kiểm tra ở bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

Điều 3. Giao đoàn kiểm tra căn cứ Kế hoạch và Đề cương kiểm tra được Ban Bí thư thông qua:

- Hướng dẫn các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng của các bộ, ngành, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thực hiện tự kiểm tra theo Đề cương kiểm tra.

- Xây dựng chương trình kiểm tra trực tiếp một số đơn vị. Lựa chọn và xây dựng kế hoạch kiểm tra điểm.

- Kiểm tra, phát hiện, nhân rộng các điển hình tốt, kịp thời phát hiện các thiếu sót cần bổ sung, nâng cao vai trò các cấp ủy đảng trong chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh khi thực hiện Nghị quyết.

- Xây dựng báo cáo tổng hợp, trình Bộ Chính trị vào tháng 10-2009.

Điều 4. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 227-QĐ/TW, ngày 28 tháng 5 năm 2009

Thành lập đoàn kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị”

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009 (số 97-CTr/TW, ngày 23-12-2008),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn kiểm tra việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị” gồm các đồng chí có tên sau:

1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng đoàn.

2. Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

3. Đồng chí Nguyễn Đình Phách, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

4. Đồng chí Vũ Ngọc Hoàng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

5. Đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

6. Đồng chí Nguyễn Văn Thọ, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

7. Đồng chí Bùi Quang Liễu, Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

8. Đồng chí Phạm Ngọc Thăng, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

Điều 2. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ thực hiện đúng nội dung, phương pháp và thời gian kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị” theo Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009 (số 97-CTr/TW, ngày 23-12-2008).

Điều 3. Các đồng chí có tên tại Điều 1, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 228-QĐ/TW, ngày 29 tháng 5 năm 2009

Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 38-NQ/TW, ngày 16-5-1981 của Ban Bí thư về tổ chức đảng ngoài nước

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009 (số 102-CTr/TW, ngày 2-3-2009);
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 38-NQ/TW, ngày 16-5-1981 của Ban Bí thư về tổ chức đảng ngoài nước, gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2. Đồng chí Trần Lưu Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.

3. Đồng chí Trương Mạnh Sơn, Bí thư Đảng ủy Ngoài nước, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo.

4. Đồng chí Phạm Bình Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao, Ủy viên Ban Chỉ đạo.

5. Đồng chí Hoàng Thanh Khiết, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Chỉ đạo.

6. Đồng chí Phạm Xuân Sơn, Phó trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên Ban Chỉ đạo.

7. Đồng chí Nguyễn Hải Đường, Phó Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Ủy viên Ban Chỉ đạo.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ:

Chỉ đạo việc nghiên cứu, khảo sát, xây dựng Báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 38-NQ/TW, ngày 16-5-1981 của Ban Bí thư về tổ chức đảng ngoài nước.

Từ tổng kết thực tiễn công tác đảng ngoài nước trong những năm qua, báo cáo đề xuất Ban Bí thư quyết định các chủ trương, giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảng ở ngoài nước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Điều 3. Ban Chỉ đạo được thành lập tổ biên tập giúp việc, được sử dụng con dấu của Ban Tổ chức Trung ương để giải quyết công việc và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Văn phòng Trung ương Đảng đảm bảo kinh phí hoạt động cho Ban Chỉ đạo. Đảng ủy Ngoài nước là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các bộ, ban, ngành, đơn vị có cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo và các đồng chí có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 249-TB/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2009

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức
các hội đồng thẩm định bản thảo hồi ký, tác phẩm
về các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng,
Nhà nước**

Ngày 29-5-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương trình bày nội dung về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức các hội đồng thẩm định bản thảo các hồi ký, tác phẩm, thư góp ý về các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước (Công văn số 3742-CV/BTGTW, ngày 22-5-2009), Ban Bí thư thảo luận và có ý kiến như sau:

- Đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư chỉ đạo việc thẩm định bản thảo hồi ký, tác phẩm, thư góp ý về các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước.

- Phân công đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư làm Trưởng Ban Chỉ đạo; đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương làm Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo; đồng chí Ngô Văn Dụ,

Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng làm Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; thành viên là các đồng chí phó trưởng ban thường trực các ban đảng Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

- Ban Chỉ đạo có trách nhiệm thành lập hội đồng thẩm định phù hợp đối với từng tác phẩm và chỉ đạo hội đồng thẩm định các tác phẩm theo đúng quy định của Bộ Chính trị đối với việc nói và viết những vấn đề liên quan đến lịch sử và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư về những vấn đề lớn, nhạy cảm, phức tạp (khi thấy cần thiết).

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 229-QĐ/TW, ngày 9 tháng 6 năm 2009

Thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Chủ nhiệm Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Thông báo số 236-TB/TW, ngày 3-4-2009 của Ban Bí thư;
- Xét đề nghị của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Chủ nhiệm Chương trình nghiên cứu khoa học: sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Đức Cảnh,

Phùng Chí Kiên, Phan Đăng Lưu, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Phong Sắc, Võ Văn Tần, Hoàng Văn Thụ, Ngô Gia Tự, Hoàng Quốc Việt, Võ Văn Kiệt.

Ban Chỉ đạo Chương trình, gồm năm đồng chí:

1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban.
2. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.
3. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.
4. Đồng chí Ngô Văn Dụ, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.
5. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên, trực tiếp làm Chủ nhiệm Chương trình.

Ban Chủ nhiệm Chương trình, gồm năm đồng chí:

1. Giáo sư, Tiến sĩ Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm.
2. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Phạm Hồng Chương, Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Chủ nhiệm.
3. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.
4. Giáo sư, Tiến sĩ Mạch Quang Thắng, Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

5. Tiến sĩ Nguyễn Duy Hùng, Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Ủy viên.

Cơ quan chủ trì Chương trình: Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Chương trình và Ban Chủ nhiệm Chương trình:

Hoàn thành việc sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam nêu tại Điều 1, theo đúng các yêu cầu của Ban Bí thư (về chất lượng và thời gian hoàn thành).

Điều 3. Ban Chủ nhiệm Chương trình xây dựng dự toán kinh phí gửi Văn phòng Trung ương Đảng thẩm định theo đúng các quy định của Đảng, Nhà nước, trình lãnh đạo phê duyệt.

Điều 4. Các đồng chí có tên tại Điều 1 và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 49-KL/TW, ngày 12 tháng 6 năm 2009

VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI CÁCH RA NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ VÀ VIỆC QUẢN TRIỆT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ CỦA ĐẢNG

Tại phiên họp ngày 14-5-2009, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng trình bày Đề án “Đổi mới cách ra nghị quyết, chỉ thị và việc quản triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng”, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

- Đổi mới cách ra nghị quyết, chỉ thị và việc quản triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng là nội dung quan trọng nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 30-7-2007 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X), góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội trong thời kỳ mới.

- Đồng ý với các đề xuất của Đề án:

+ Đổi mới việc xây dựng các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng theo hướng tại Đại hội sẽ có Báo cáo chính trị của Đại hội, Báo cáo về bổ sung, phát

triển Cương lĩnh năm 1991, Báo cáo về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Báo cáo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng (nếu có); không xây dựng và trình Đại hội báo cáo kinh tế - xã hội 5 năm và báo cáo xây dựng Đảng (đưa các nội dung này vào Báo cáo chính trị của Đại hội).

Đổi mới việc thảo luận tại Đại hội và thông qua nghị quyết Đại hội theo hướng tập trung vào thảo luận dự thảo nghị quyết Đại hội, nhất là những vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau được tổng hợp từ thảo luận tại đại hội đảng các cấp và của các tầng lớp nhân dân; Đại hội ra Nghị quyết thông qua toàn văn Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển) và Điều lệ Đảng (sửa đổi, bổ sung) (nếu có), ra Nghị quyết về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị nhiệm kỳ 5 năm 2011 - 2015 (trên cơ sở những nội dung cơ bản của Báo cáo chính trị, không ra nghị quyết thông qua Báo cáo chính trị), Nghị quyết về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 (trên cơ sở những nội dung cơ bản của Báo cáo chiến lược, không ra nghị quyết thông qua Báo cáo chiến lược).

Bộ Chính trị sẽ trình để Ban Chấp hành Trung ương quyết định các văn kiện cần phải xây dựng, trình Đại hội XI của Đảng và kiến nghị Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội đổi mới việc thảo luận và thông qua nghị quyết Đại hội.

+ Giảm bớt việc ra nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương trong một nhiệm kỳ và trong một hội nghị Trung ương, nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thay bằng

việc ra kết luận để tiếp tục thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đã ban hành vẫn còn giá trị và giải quyết các vấn đề cụ thể. Đổi mới cách thảo luận ở các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo hướng tập trung vào thảo luận dự thảo nghị quyết, chỉ thị, nhất là những vấn đề lớn có ý kiến khác nhau. Nghị quyết, chỉ thị cần ngắn gọn, nêu thẳng vào những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện, dễ hiểu, dễ nhớ.

Theo hướng này, giao Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, chương trình làm việc hàng năm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư để trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa XI) xem xét, quyết định.

+ Đổi mới cách nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng theo hướng không tổ chức lớp nghiên cứu, quán triệt ở Trung ương đối với nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, giao trách nhiệm này cho cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện với sự hướng dẫn, phối hợp của Ban Tuyên giáo Trung ương. Bộ Chính trị xác định những đề án triển khai thực hiện nghị quyết Trung ương, Ban Bí thư xác định các đề án, chuyên đề triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, có cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Thực hiện định kỳ, có nền nếp việc kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết nghị quyết, chỉ thị của Trung ương theo hướng Bộ Chính trị đánh giá tình hình năm đầu quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội; Ban Chấp hành Trung ương kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Đại hội giữa nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ; Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp sơ kết sau 3 năm, tổng kết sau 5 năm thực hiện đối với mỗi nghị quyết Trung ương, nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc chỉ đạo các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương chủ động sơ kết, tổng kết; hàng năm, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có chương trình kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

+ Về xem xét việc giải quyết những vấn đề còn có ý kiến khác nhau: Đại hội Đảng, hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư thảo luận, biểu quyết (bằng phiếu hoặc giơ tay) về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; với những vấn đề cụ thể, kết quả biểu quyết đạt trên 50% phiếu (hoặc đại biểu) tán thành thì được đưa vào nghị quyết, chỉ thị, kết luận; với toàn bộ nghị quyết, chỉ thị, kết luận thì phải được 2/3 phiếu (hoặc đại biểu) tán thành mới được thông qua, để tạo sự đồng thuận cao trong Đảng.

Giao Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng tiếp thu để xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa XI) quyết định.

Những nội dung thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, không trái với các quy định hiện hành thì cần được áp dụng ngay trong nhiệm kỳ khóa X.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 230-QĐ/TW, ngày 12 tháng 6 năm 2009

Thành lập Ban Chỉ đạo các hội đồng thẩm định bản thảo hồi ký, tác phẩm về các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 249-TB/TW, ngày 4-6-2009,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức các hội đồng thẩm định bản thảo hồi ký, tác phẩm về các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo.

2. Đồng chí Tô Huy Rúa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Trưởng ban.

3. Đồng chí Ngô Văn Dụ, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban.

4. Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành viên.

5. Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Thành viên.

6. Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

7. Đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Thành viên.

8. Đồng chí Phạm Xuân Sơn, Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Thành viên.

9. Đồng chí Nguyễn Đăng Thành, Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Thành viên.

10. Đồng chí Nguyễn Văn Thọ, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định phù hợp với từng tác phẩm và chỉ đạo hội đồng thẩm định các tác phẩm theo đúng quy định của Bộ Chính trị đối với việc nói và viết những vấn đề liên quan đến lịch sử Đảng và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư về những vấn đề lớn, nhạy cảm, phức tạp (khi thấy cần thiết).

Điều 3. Các đồng chí có tên tại Điều 1 và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH (BỔ SUNG)
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 231-QĐ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2009

**Về quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy,
thành ủy với các đảng đoàn, ban cán sự đảng
trực thuộc**

- Căn cứ Điều lệ Đảng; Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư và lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X),

Ban Bí thư quy định về quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc như sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh, thành phố là tổ chức đảng do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy chỉ định; làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; chịu trách nhiệm trước ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố mà trực

tiếp là ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, các quan hệ công tác theo Điều lệ Đảng, Quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quy chế làm việc của tỉnh ủy, thành ủy và pháp luật hiện hành.

Tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo các tổ chức có thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng thông qua tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng và bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng của tổ chức đó.

Tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc bằng nghị quyết, chỉ thị, quyết định, văn bản chỉ đạo, ý kiến chỉ đạo trực tiếp và bằng công tác cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy đối với đảng đoàn, ban cán sự đảng cần thực hiện bảo đảm đúng Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi tổ chức.

Đảng đoàn, ban cán sự đảng lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao bằng nghị quyết, kết luận. Vai trò các thành viên đảng đoàn, ban cán sự đảng được thể hiện trong việc chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận và ra các nghị quyết, kết luận; triển khai thực hiện, kiểm tra, đôn đốc theo trách nhiệm được phân công.

Đảng đoàn, ban cán sự đảng được sử dụng bộ phận tham mưu, giúp việc của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương.

Điều 2. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy

Các tỉnh ủy, thành ủy thành lập đảng đoàn ở: hội đồng

nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, hội nông dân, liên đoàn lao động, hội liên hiệp phụ nữ, hội cựu chiến binh tỉnh, thành phố và thành lập ban cán sự đảng ở: ủy ban nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân tỉnh, thành phố.

Ở những tỉnh, thành phố có liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật, liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật thì thành lập đảng đoàn ở các tổ chức này.

Việc thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng ở những tổ chức khác phải được Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý.

Bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng là người đứng đầu tổ chức hoặc người giữ chức vụ đảng cao nhất trong tổ chức đó. Bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng chịu trách nhiệm chính trước tỉnh ủy, thành ủy về hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao. Phó bí thư (nếu có) và các ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng chịu trách nhiệm trước tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng; trước bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng về những lĩnh vực công tác được phân công.

Điều 3. Quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy với đảng đoàn hội đồng nhân dân

1. Thẩm quyền của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố
- Ban hành nghị quyết chuyên đề lãnh đạo hoạt động của hội đồng nhân dân.

- Quyết định giới thiệu nhân sự ra ứng cử hoặc cho thôi giữ chức vụ chủ tịch hội đồng nhân dân; tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch hội đồng nhân dân trước khi ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định giới thiệu để hội đồng nhân dân bầu.

- Cho ý kiến về chủ trương, định hướng lớn đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng của hội đồng nhân dân trước khi hội đồng nhân dân thảo luận và quyết định.

2. Thẩm quyền của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy

- Cho ý kiến về công tác bầu cử hội đồng nhân dân, xây dựng, kiện toàn tổ chức hội đồng nhân dân; xác định chủ trương, phương hướng, tiêu chuẩn, cơ cấu nhân sự trong việc chuẩn bị và tiến hành bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân.

- Cho ý kiến về những định hướng, chủ trương quan trọng trong chương trình hoạt động, chương trình các kỳ họp và những quyết định quan trọng của hội đồng nhân dân về kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh; những vấn đề liên quan đến chế độ, chính sách và đời sống của nhân dân ở địa phương; những vấn đề về tổ chức hành chính trước khi trình hội đồng nhân dân quyết định.

- Khi cần thiết, giao đảng đoàn hội đồng nhân dân chỉ đạo thường trực hội đồng nhân dân và các ban của hội đồng nhân dân triển khai nhiệm vụ giám sát theo chuyên đề.

- Nhận xét, đánh giá hàng năm đối với tập thể đảng đoàn và cá nhân thành viên đảng đoàn theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Quyết định giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc thôi giữ chức vụ đối với cán bộ giữ các chức danh trong thường trực hội đồng nhân dân, các ban hội đồng nhân dân thuộc thẩm quyền quản lý của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

- Chỉ định bổ sung, thay thế hoặc cách chức thành viên đảng đoàn hội đồng nhân dân trên cơ sở xem xét đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của cấp trên và của tỉnh ủy, thành ủy đối với đảng đoàn hội đồng nhân dân.

3. Trách nhiệm của đảng đoàn hội đồng nhân dân trước tỉnh ủy, thành ủy

- Chuẩn bị hoặc lãnh đạo, chỉ đạo thường trực hội đồng nhân dân chuẩn bị những nội dung, vấn đề cần trình ban chấp hành, ban thường vụ nêu ở mục 1 và 2 của Điều này; hoặc những vấn đề lớn, quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định của hội đồng nhân dân cần phải có ý kiến của tỉnh ủy, thành ủy.

- Lãnh đạo, chỉ đạo thường trực hội đồng nhân dân và các ban của hội đồng nhân dân xem xét, thẩm định các báo cáo, tờ trình, đề án, phương án của ủy ban nhân dân, của các ngành chức năng theo đúng luật định.

- Xác định chương trình, dự án cần trình hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật để hội đồng nhân dân xem xét, quyết định tại các kỳ họp hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Cho ý kiến đối với báo cáo công tác hàng năm của thường trực hội đồng nhân dân và của đồng chí bí thư đảng đoàn hội đồng nhân dân.

- Phối hợp với ban cán sự đảng ủy ban nhân dân chủ động lựa chọn những vấn đề xét thấy quan trọng hoặc nhạy cảm để báo cáo xin ý kiến ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trước khi đưa ra xem xét thảo luận.

- Báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy các nghị quyết kỳ họp thường kỳ và hàng năm của đảng đoàn.

- Lãnh đạo bảo đảm sự thống nhất đối với các chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy khi cần có sự biểu quyết của đại biểu hội đồng nhân dân.

Điều 4. Quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy với ban cán sự đảng ủy ban nhân dân

1. Thẩm quyền của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố

- Ban hành nghị quyết lãnh đạo những định hướng lớn trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, về chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lớn và những cân đối chủ yếu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và từng năm để ủy ban nhân dân thực hiện.

- Định hướng hoặc thông qua chương trình hành động, các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể thực hiện các nghị quyết đặc biệt quan trọng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và của tỉnh ủy, thành ủy liên quan đến trách nhiệm quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân.

- Quyết định một số vấn đề lớn, quan trọng về kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh, đối ngoại: các chương trình, dự án trọng điểm về đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, kinh tế đối ngoại... liên quan đến đời sống của nhân dân ở địa phương; chủ trương đầu tư các dự án đặc biệt quan trọng của tỉnh, thành phố.

- Cho ý kiến về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong 6 tháng, một năm.

- Quyết định giới thiệu nhân sự ra ứng cử hoặc rút khỏi danh sách chức danh chủ tịch ủy ban nhân dân; tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch ủy ban nhân dân trước khi ban

thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định giới thiệu để hội đồng nhân dân bầu.

- Cho ý kiến về quy hoạch, điều chỉnh địa giới hành chính hoặc thành lập các đơn vị hành chính mới theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy

- Ban hành nghị quyết hoặc thông báo ý kiến lãnh đạo về quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành và các lĩnh vực, các địa bàn trọng yếu; về việc vận dụng các cơ chế, chính sách của Nhà nước hoặc cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội lớn của địa phương có ảnh hưởng rộng lớn đến đời sống nhân dân; về chủ trương huy động các nguồn lực, vay vốn để đầu tư phát triển; về chủ trương đầu tư một số dự án quan trọng, sử dụng nhiều đất hoặc ảnh hưởng đến quyền lợi của nhiều đối tượng xã hội, đến an ninh, quốc phòng, đối ngoại trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; định hướng đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, khuyến khích phát triển và quản lý kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở địa phương.

- Cho ý kiến về các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng - an ninh, hợp tác liên doanh, liên kết trước khi tổ chức thực hiện hoặc trình hội đồng nhân dân quyết định.

- Cho ý kiến về những vấn đề đột xuất quan trọng mà ban cán sự đảng ủy ban nhân dân xin ý kiến hoặc ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy thấy cần thiết phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo.

- Nhận xét, đánh giá hằng năm đối với tập thể ban cán sự đảng và cá nhân thành viên ban cán sự đảng theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Chỉ định bổ sung, thay thế hoặc cách chức thành viên ban cán sự đảng trên cơ sở xem xét đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy đối với ban cán sự đảng ủy ban nhân dân.

3. Trách nhiệm của ban cán sự đảng ủy ban nhân dân trước tỉnh ủy, thành ủy

- Chuẩn bị hoặc lãnh đạo, chỉ đạo ủy ban nhân dân chuẩn bị những nội dung, vấn đề cần trình ban chấp hành, ban thường vụ đã nêu ở mục 1 và 2 của Điều này.

- Tham mưu, đề xuất và cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của tỉnh ủy, thành ủy trên các lĩnh vực thuộc sự điều hành của ủy ban nhân dân thành chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện.

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, thành ủy; thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực thuộc sự điều hành của ủy ban nhân dân.

- Chuẩn bị hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị nhân sự lãnh đạo chủ chốt các cơ quan thuộc khối chính quyền thuộc diện ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quản lý để trình ban thường vụ; thực hiện các chính sách, chế độ đối với cán bộ thuộc diện tỉnh ủy, thành ủy phân cấp quản lý cho ban cán sự đảng.

Điều 5. Quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy với đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

1. Thẩm quyền của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố

- Ban hành các nghị quyết chuyên đề về sự lãnh đạo của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố đối với tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng, nghị quyết của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

2. Thẩm quyền của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy

- Cho ý kiến về kế hoạch đại hội các cấp; báo cáo chính trị; đề án nhân sự và đề án tổ chức đại hội Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Ban hành quy chế phối hợp công tác giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội với các cơ quan đảng, chính quyền, các cấp ủy trực thuộc.

- Cho ý kiến về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, nhân sự bầu bổ sung các chức danh của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Ban hành các chỉ thị, nghị quyết chuyên đề về sự lãnh đạo của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng, nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy đối với đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Nhận xét, đánh giá hàng năm đối với tập thể đảng đoàn và cá nhân thành viên đảng đoàn theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Chỉ định bổ sung, thay thế hoặc cách chức thành viên đảng đoàn trên cơ sở xem xét đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trước tỉnh ủy, thành ủy

- Chuẩn bị hoặc lãnh đạo, chỉ đạo ban thường trực Mặt trận Tổ quốc, ban thường vụ các đoàn thể chính trị - xã hội chuẩn bị những nội dung, vấn đề cần trình ban chấp hành, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy nêu ở mục 1 và 2 của Điều này.

- Lãnh đạo ban thường trực Mặt trận Tổ quốc và ban thường vụ các đoàn thể chính trị - xã hội quán triệt, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết và chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Trung ương Đảng và của tỉnh ủy, thành ủy liên quan đến Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; xây dựng và thực hiện chương trình làm việc; triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo.

- Chỉ đạo ban thường trực Mặt trận Tổ quốc và ban thường vụ các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác và những hoạt động lớn do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Trung ương các đoàn thể chính trị - xã hội triển khai; công tác vận động đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân thực hiện

các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh, thành phố.

- Định kỳ hằng quý hoặc đột xuất báo cáo với ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy về việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; những công việc quan trọng, những vấn đề lớn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao vượt thẩm quyền và khả năng giải quyết của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Điều 6. Quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy với ban cán sự đảng tòa án nhân dân, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân

1. Thẩm quyền của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố

- Thống nhất những định hướng lớn lãnh đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng đối với hoạt động của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân.

- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ và tiến trình cải cách tư pháp ở địa phương.

2. Thẩm quyền của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy

- Ban hành quy chế phối hợp công tác giữa ban cán sự đảng tòa án nhân dân, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân với các cơ quan đảng, chính quyền, các cấp ủy trực thuộc.

- Định kỳ 6 tháng hoặc khi cần thiết, nghe ban cán sự đảng tòa án nhân dân, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo đề án, chương trình, kế hoạch công tác và kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của toàn ngành; cho ý kiến định hướng để tiếp tục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật; cho ý kiến chỉ

đạo, thống nhất về chủ trương, định hướng để trình ra ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.

- Cho ý kiến về chủ trương xử lý một số vụ án theo tinh thần của Chỉ thị 15-CT/TW, ngày 7-7-2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án và công tác bảo vệ Đảng.

- Thảo luận và quyết định những vấn đề khác do ban cán sự đảng tòa án nhân dân, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân đề nghị mà ban thường vụ, tập thể thường trực tỉnh ủy, thành ủy thấy cần thiết hoặc do Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị hoặc do Ban Bí thư Trung ương yêu cầu.

- Nhận xét, đánh giá hàng năm đối với tập thể ban cán sự đảng và cá nhân thành viên ban cán sự đảng theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Tham gia ý kiến với Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc tuyển chọn, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó, kiểm sát viên và thẩm phán của viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân tỉnh, thành phố theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Chỉ định bổ sung, thay thế hoặc cách chức thành viên ban cán sự đảng trên cơ sở xem xét đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của tỉnh ủy, thành

ủy trong hoạt động của ban cán sự đảng tòa án nhân dân, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân.

3. Trách nhiệm của ban cán sự đảng tòa án nhân dân, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân trước tỉnh ủy, thành ủy

- Chuẩn bị những nội dung, vấn đề cần trình ban chấp hành, ban thường vụ nêu ở mục 1 và 2 của Điều này.

- Lãnh đạo, chỉ đạo tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân xây dựng quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; quy chế phối hợp với ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương.

- Chủ động báo cáo đầy đủ, kịp thời và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, khách quan của nội dung báo cáo xin ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy.

- Chủ động xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch triển khai công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị, tư tưởng và xây dựng ngành trong sạch, vững mạnh, góp phần thực hiện nhiệm vụ được pháp luật quy định.

- Quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo sự phân công, phân cấp.

- Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của tỉnh ủy, thành ủy trong toàn ngành.

Điều 7. Các đảng đoàn được thành lập theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa X)

Đối với các tỉnh ủy, thành ủy có các đảng đoàn được thành lập theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa X) (đảng đoàn liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, đảng đoàn

liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật) thì ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy dựa vào Điều 5 của Quy định này để cụ thể hóa những nội dung cần thiết về sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy đối với các đảng đoàn này.

Điều 8. Lê lối làm việc

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc chủ động giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình (có trao đổi với các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy đối với những vấn đề cần thiết); đồng thời có trách nhiệm lãnh đạo chấp hành nghiêm sự chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy đối với các vấn đề liên quan trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Đối với những vấn đề quan trọng có tầm ảnh hưởng rộng hoặc có quan hệ đến nhiều ngành, nhiều cơ sở; những vấn đề nhạy cảm, phức tạp; những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau trong tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng hoặc trong dư luận nhân dân; những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; những vấn đề có nhiều ý kiến khác với sự chỉ đạo của cấp ủy thì đảng đoàn, ban cán sự đảng cần báo cáo, kiến nghị kịp thời với ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy (qua thường trực tỉnh ủy, thành ủy) để xin ý kiến chỉ đạo. Thường trực tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến chỉ đạo hoặc trình ban thường vụ, ban chấp hành xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Tất cả những nội dung liên quan đến chủ trương, giải pháp, những vấn đề phức tạp, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, tỉnh ủy, thành ủy phải chỉ đạo đảng đoàn, ban

cán sự đảng bằng văn bản (trừ những vấn đề khẩn trương, cấp thiết cần phải có sự chỉ đạo trực tiếp, kịp thời).

3. Định kỳ (theo chương trình, kế hoạch) hoặc đột xuất (khi cần thiết), ban thường vụ hoặc thường trực tỉnh ủy, thành ủy nghe đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị và chương trình công tác để cho ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào Quy định này, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy cụ thể hóa, bổ sung, điều chỉnh quy chế làm việc của cấp ủy và các quy chế khác liên quan đến các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc.

2. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan giúp Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy định này và kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung nếu thấy cần thiết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN BỘ CHÍNH TRỊ

Số 253-TB/TW, ngày 17 tháng 6 năm 2009

Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126
Luật nhà ở, Điều 121 Luật đất đai
và dự án Luật lý lịch tư pháp

Tại phiên họp ngày 16-3-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 Luật nhà ở, Điều 121 Luật đất đai và dự án Luật lý lịch tư pháp, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật nhà ở và Điều 121 của Luật đất đai

Đồng ý với đa số ý kiến trong Đảng đoàn Quốc hội nêu tại Tờ trình số 247-TTr/ĐĐQH XII, ngày 15-6-2009.

Giải trình rõ những vấn đề đại biểu Quốc hội còn băn khoăn hoặc có ý kiến khác trước khi trình Quốc hội biểu quyết thông qua.

2. Về dự án Luật lý lịch tư pháp

Đồng ý với đa số ý kiến trong Đảng đoàn Quốc hội nêu tại Tờ trình số 247-TTr/ĐĐQH XII, ngày 15-6-2009.

Nên quy định cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng và quản lý tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp và tại sở tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và giao Chính phủ quy định cụ thể về tổ chức của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 232-QĐ/TW, ngày 22 tháng 6 năm 2009

**Về bổ sung nhân sự Hội đồng Lý luận, phê bình
văn học, nghệ thuật Trung ương,
nhiệm kỳ Đại hội X**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung các đồng chí có tên sau đây làm thành viên Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương nhiệm kỳ Đại hội X:

1. Đồng chí Ngô Phương Lan, Trưởng Ban Lý luận, phê bình, Cục Điện ảnh Việt Nam.
2. Đồng chí Trần Đăng Tuấn, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Đài Truyền hình Việt Nam.
3. Đồng chí Nông Quốc Bình, Chủ tịch Hội Văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

4. Đồng chí Lê Duy Hạnh, Chủ tịch Hội Sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội Sân khấu Việt Nam.

5. Đồng chí Chu Chí Thành, Chủ tịch Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam.

6. Đồng chí Đại tá Ứng Duy Thịnh, Nghệ sĩ nhân dân, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa nghệ thuật quân đội, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam.

7. Đồng chí Thiếu tướng Hữu Ước, Nhà thơ, Tổng Biên tập Báo Công an nhân dân.

8. Đồng chí Nguyễn Chí Hiếu, Nhà thơ, Họa sĩ, Tổng Biên tập Báo Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Đồng chí Trần Xuân Tiến, Nhạc sĩ, Trưởng Phòng Văn hóa - Văn nghệ, Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Đồng chí Tô Ngọc Thanh, Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

Điều 2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 233-QĐ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 2009

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 5 năm
thực hiện Chỉ thị 39-CT/TW, ngày 21-5-2004
của Bộ Chính trị “về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh
phong trào thi đua yêu nước, phát hiện,
bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến”**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình số 102-CTr/TW, ngày 2-3-2009 của Bộ Chính trị về chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009;
- Xét đề nghị của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 39-CT/TW, ngày 21-5-2004 của Bộ Chính trị “về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát

hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến”, gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng Ban Chỉ đạo.
2. Đồng chí Trần Thị Hà, Ủy viên Ban Cán sự đảng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo.
3. Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.
4. Đồng chí Thượng tướng Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an, Ủy viên.
5. Đồng chí Phạm Bình Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao, Ủy viên.
6. Đồng chí Hoàng Công Hoàn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.
7. Đồng chí Lê Quang Vũ, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên.
8. Đồng chí Giang Sơn, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy viên.
9. Đồng chí Trung tướng Nguyễn Tuấn Dũng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng, Ủy viên.
10. Đồng chí Nguyễn Công Nghiệp, Thứ trưởng Thường trực Bộ Tài chính, Ủy viên.
11. Đồng chí Nguyễn Trọng Đàm, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy viên.
12. Đồng chí Lê Nam Thắng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên.

13. Đồng chí Trần Chiến Thắng, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên.

14. Đồng chí Bế Trường Thành, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Dân tộc, Ủy viên.

15. Đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

16. Đồng chí Nguyễn Lam, Ủy viên thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên.

17. Đồng chí Mai Đức Chính, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy viên.

18. Đồng chí Nguyễn Minh Mẫn, Vụ trưởng Vụ Tổ chức hành chính nhà nước và công vụ, Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

19. Đồng chí Trần Thị Hương, Vụ trưởng Vụ Chính sách cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

20. Đồng chí Đào Duy Nhân, Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu - Tổng hợp, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 39-CT/TW, ngày 21-5-2004 của Bộ Chính trị “về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến” để báo cáo Bộ Chính trị.

Điều 3. Ban Chỉ đạo được thành lập Tổ biên tập giúp việc Ban Chỉ đạo, được sử dụng con dấu của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ để giải quyết công việc và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chính phủ đảm bảo kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo. Giao Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X**

Ngày 29 tháng 6 năm 2009*

Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị toàn thể lần thứ mười. Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về dự Hội nghị và xin gửi tới tất cả các đồng chí những lời chúc tốt đẹp nhất.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình chuẩn bị Đại hội XI của Đảng. Hội nghị sẽ xem xét một số vấn đề cơ bản để chuẩn bị cho Đại hội:

* Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 29-6 đến ngày 4-7-2009 (B.T).

- Đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991).

- Đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020.

- Định hướng chuẩn bị Đại hội XI của Đảng và Đại hội đảng các cấp. Thành lập tiếp các tiểu ban chuẩn bị Đại hội và một số vấn đề quan trọng khác.

Các đề án trình Hội nghị đã được gửi tới các đồng chí. Trước khi Trung ương thảo luận, tôi xin nêu một số ý kiến:

Thưa các đồng chí,

Đại hội lần thứ VII của Đảng năm 1991 đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đã có giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Tuy nhiên ngay từ lúc đó, Đảng ta đã chỉ rõ: “Lúc này chúng ta chưa có đủ cơ sở để vẽ ra toàn bộ bức tranh của xã hội tương lai một cách hoàn chỉnh. Nhưng căn cứ vào những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh... chúng ta có thể vạch ra những nguyên tắc và phương hướng lớn cho thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta... Sau này, khi thực tiễn bộc lộ những vấn đề mới, qua tổng kết, Cương lĩnh sẽ không ngừng được bổ sung và hoàn chỉnh từng bước”¹⁾.

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.50, tr.178 (B.T).

Thật vậy, kể từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời đến nay, tình hình thế giới và trong nước đã có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc. Nhiều vấn đề mới nảy sinh từng bước được Đảng ta nhận thức và giải quyết có hiệu quả. Nhờ vậy, một số vấn đề liên quan đến Cương lĩnh đã được nhận thức sâu sắc hơn; quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn. Trong quá trình chuẩn bị Đại hội X của Đảng, Đảng ta đã tiến hành tổng kết một số vấn đề về lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới. Qua tổng kết, chúng ta càng thấy rõ hơn ý nghĩa tầm vóc lịch sử, giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đối với sự nghiệp cách mạng nước ta, đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Chính vì vậy, tại Đại hội lần thứ X của Đảng, cùng với việc đánh giá tổng quát thành tựu và bài học kinh nghiệm của 20 năm đổi mới, Đảng ta đã quyết định sau Đại hội X Đảng cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển Cương lĩnh, làm nền tảng chính trị tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Theo tinh thần đó, Ban Chấp hành Trung ương đã thành lập Tiểu ban tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh. Tiểu ban đã chỉ đạo và triển khai tổ chức lực lượng nghiên cứu, tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 theo từng lĩnh vực, từng ngành và đã tổng hợp thành báo cáo chung. Quá trình nghiên cứu, tổng kết đã tập hợp được nhiều ý kiến đóng góp tâm huyết và trí tuệ phong phú của nhiều tập thể và cá nhân, của các đồng chí nguyên lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước thông qua các cuộc tọa đàm, hội thảo,

hội nghị xin ý kiến và các cuộc khảo sát thực tế ở nhiều địa phương. Đến nay, đã xây dựng được bản đề cương chi tiết Báo cáo, Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và cho ý kiến tại Hội nghị này.

Để việc thảo luận đạt kết quả tốt, tôi đề nghị các đồng chí nắm vững mục đích yêu cầu của việc tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh lần này là nhằm tổng kết, đánh giá quá trình nhận thức, cụ thể hóa và tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh năm 1991 qua các nhiệm kỳ đại hội; đánh giá những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện Cương lĩnh; đánh giá khách quan giá trị lịch sử to lớn, định hướng chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta thời gian qua và những hạn chế của Cương lĩnh năm 1991; rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực qua 20 năm thực hiện Cương lĩnh. Trên cơ sở đó, kiến nghị các vấn đề cần bổ sung và phát triển Cương lĩnh; đồng thời qua đây, cung cấp những căn cứ cần thiết, góp phần thiết thực vào việc xây dựng các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng. Trong quá trình thảo luận cần bám sát tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội X và các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị; quán triệt tinh thần và phương pháp khoa học, biện chứng, toàn diện, lịch sử - cụ thể và phát triển. Phát huy tự do tư tưởng, thẳng thắn và mạnh dạn nêu những suy nghĩ mới có căn cứ và lắng nghe các ý kiến khác nhau. Phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá sát thực tế những điểm được và chưa được, rút ra những bài học kinh nghiệm từ thành công và chưa thành công trong thực hiện Cương lĩnh. Mặt khác, phải rà soát, nêu bật những nhận thức mới của các nhiệm kỳ Đại hội, nắm vững thực tiễn đất nước và thời đại, phản ánh

đúng ý chí, nguyện vọng và tinh thần sáng tạo của nhân dân ta, luận giải đúng và sâu sắc hơn một số vấn đề quan trọng mà trong tổng kết 20 năm đổi mới chúng ta chưa có điều kiện làm rõ, từ đó tăng cường sự thống nhất trong toàn Đảng và sự đồng thuận xã hội, tạo động lực mạnh mẽ hơn nữa để tiếp tục đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Thưa các đồng chí,

Đại hội IX của Đảng đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991 - 2000 do Đại hội Đảng lần thứ VII đề ra và thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu của thế kỷ XXI. Đại hội XI của Đảng sắp tới có nhiệm vụ tổng kết, đánh giá việc thực hiện chiến lược 10 năm 2001 - 2010 do Đại hội Đảng IX đề ra và quyết định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Đây là một nhiệm vụ quan trọng đòi hỏi phải có tầm nhìn chiến lược trong cả quá trình nghiên cứu và quyết định. Bản đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết gửi đến các đồng chí nghiên cứu, thảo luận trong Hội nghị này đã được chuẩn bị trên tinh thần kế thừa và đúc kết cả về lý luận và thực tiễn từ những thành công và chưa thành công trong việc đề ra và chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm trong các giai đoạn trước; tiếp thu và vận dụng những tư duy mới, những quan điểm phát triển của Đảng ta thông qua tổng kết 20 năm đổi mới, tổng kết bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991 và các nghị quyết, kết luận của Đảng qua các kỳ Đại hội, có tham khảo kết quả nghiên cứu của các tổ chức, các

nhà khoa học và sự đóng góp của các đồng chí nguyên là lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước. Tôi đề nghị các đồng chí nghiên cứu, đóng góp những ý kiến xác đáng, tiếp tục nâng cao chất lượng của bản đề cương Báo cáo, trên cơ sở đó xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 10 năm tới một cách hoàn chỉnh trình Đại hội XI của Đảng.

Chúng ta đều biết rằng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 được thực hiện trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu từ năm 2008. Trong nước bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản là chính trị - xã hội ổn định, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và tiềm lực của đất nước được tăng cường, quan hệ quốc tế được mở rộng; chúng ta cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, như: ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực từ năm 1997; sự yếu kém, bất cập trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội chậm được khắc phục; sự chống phá của các thế lực thù địch; thiên tai, dịch bệnh xảy ra liên tiếp trên nhiều vùng trong cả nước gây thiệt hại nặng nề.

Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ mà Chiến lược kinh tế - xã hội đã đề ra.

Vì vậy, việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược 2001 - 2010 cũng như việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho thời kỳ mới 2011 - 2020 cần được nhìn nhận, đánh giá, phân tích một cách toàn diện sâu sắc

những thành tựu, những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, từ đó mà phát huy bản chất cách mạng, vận dụng phương pháp xem xét khoa học biện chứng, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước, đặc biệt là đánh giá đúng nguồn lực, thế mạnh của đất nước và khả năng sáng tạo của nhân dân thì nhất định chúng ta sẽ xây dựng được chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm tới - Tiếp tục đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Thưa các đồng chí,

Theo Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng dự kiến sẽ tổ chức vào quý I năm 2011. Để chuẩn bị cho Đại hội, Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và cho ý kiến về định hướng chuẩn bị đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc của Đảng. Tôi đề nghị Ban Chấp hành Trung ương cần phân tích làm rõ bối cảnh, mục tiêu, yêu cầu, chủ đề và các nội dung của Đại hội; quyết định thành lập các Tiểu ban chuẩn bị cho Đại hội, đồng thời nghiên cứu, trao đổi góp ý kiến vào dự thảo Chỉ thị của Bộ Chính trị về đại hội đảng các cấp sắp tới. Thời gian từ nay đến Đại hội XI của Đảng không còn nhiều, việc tiến hành chuẩn bị các nội dung của Đại hội đòi hỏi phải rất khẩn trương, vì vậy, Hội nghị cũng cần quyết định sớm lịch trình tổ chức đại hội các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Như tôi đã trình bày ở trên, Hội nghị Trung ương lần này phải giải quyết một khối lượng công việc rất lớn và có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm chuẩn bị bước đầu rất cơ bản cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đặt niềm tin lớn vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và những quyết định của Hội nghị. Vì vậy, tôi đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí dự Hội nghị đề cao ý thức trách nhiệm, tập trung trí tuệ, phát huy tinh thần dân chủ, sáng tạo, đóng góp nhiều ý kiến thiết thực để Hội nghị thành công tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA X

Số 32-NQ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2009

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa X họp tại Hà Nội, từ ngày 29-6 đến ngày 4-7-2009, sau khi xem xét các tờ trình và báo cáo của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Về dự thảo Đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991) và Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020:

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào Bản giải trình của Bộ Chính trị và ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị, chỉ đạo việc nghiên cứu, biên tập thành dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991) và dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 trình Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

2. Về định hướng chuẩn bị Đại hội XI và đại hội đảng bộ các cấp, Ban Chấp hành Trung ương quyết định:

2.1. Đại hội XI của Đảng sẽ được tổ chức vào nửa đầu tháng 1-2011.

2.2. Tại Đại hội XI của Đảng, ngoài báo cáo về nhân sự Ban Chấp hành Trung ương, sẽ trình Đại hội các báo cáo sau:

- Báo cáo chính trị (trong đó bao gồm cả phần phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và công tác xây dựng Đảng; không trình Đại hội các báo cáo riêng về những vấn đề này).

- Báo cáo về việc bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991).

- Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020.

- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

- Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Riêng về Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, giao Bộ Chính trị chỉ đạo Tiểu ban Tổng kết việc thực hiện Điều lệ Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng nghiên cứu, đề xuất việc cần hay chưa cần sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Trung ương sẽ xem xét, quyết định về vấn đề này tại Hội nghị Trung ương 11.

2.3. Điều chỉnh Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa X từ nay đến Đại hội XI của Đảng như sau:

Hội nghị Trung ương 11 (tháng 10-2009):

- Thảo luận nội dung Cương lĩnh xây dựng đất nước trong

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991) và nội dung Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020.

- Thảo luận Đề cương chi tiết dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XI.

Hội nghị Trung ương 12 (tháng 4-2010):

- Thảo luận, hoàn chỉnh một bước các văn kiện trình Đại hội XI để công bố lấy ý kiến nhân dân.

- Định hướng nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

Hội nghị Trung ương 13 (tháng 10-2010):

- Nhân sự Ban Chấp hành Trung ương và nhân sự cấp cao của Đảng khóa XI.

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân và đại hội đảng các cấp để hoàn chỉnh các văn kiện trình Đại hội XI.

- Quyết định một số vấn đề liên quan đến chuẩn bị Đại hội XI.

Hội nghị Trung ương 14 (tháng 12-2010):

- Thảo luận, quyết định về Chương trình, Quy chế Đại hội XI.

- Quyết định một số vấn đề khác để chuẩn bị Đại hội XI.

Hội nghị Trung ương 15 (đầu tháng 1-2011, dự phòng):

Hoàn tất các nội dung và công tác tổ chức Đại hội XI.

2.4. Ban Chấp hành Trung ương quyết định:

a) *Bổ sung một số đồng chí trong Tiểu ban Chiến lược tham gia Tiểu ban Cương lĩnh (Tiểu ban này đồng thời thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị Báo cáo chính trị):*

1- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

2- Đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

3- Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4- Đồng chí Hoàng Tuấn Anh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5- Đồng chí Nguyễn Văn Giàu, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6- Đồng chí Vũ Huy Hoàng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công Thương.

7- Đồng chí Hà Văn Hiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội.

8- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

9- Đồng chí Vũ Văn Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

10- Đồng chí Cao Đức Phát, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11- Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

b) *Thành lập mới ba tiểu ban:*

- *Tiểu ban Nhân sự, gồm các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị khóa X do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh làm Trưởng Tiểu ban.*

- *Tiểu ban Tổng kết việc thực hiện Điều lệ Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, gồm các đồng chí:*

1- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư

Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng Tiểu ban.

2- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.

3- Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

4- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

5- Đồng chí Hà Thị Khiết, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương.

6- Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

7- Đồng chí Hà Hùng Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

8- Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

9- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương.

10- Đồng chí Trần Lưu Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

11- Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hòa, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

12- Đồng chí Vũ Ngọc Hoàng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

13- Đồng chí Hồ Xuân Mãn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế.

14- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

15- Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

16- Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an.

17- Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

18- Đồng chí Nguyễn Văn Thuận, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Hải Phòng.

19- Đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

20- Đồng chí Phạm Minh Tuyên, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Công tác đại biểu của Quốc hội.

21- Đồng chí Nguyễn Hoàng Việt, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy An Giang.

22- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

23- Đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- *Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội XI, gồm các đồng chí:*

1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Tiểu ban.

2- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

3- Đồng chí Trần Đình Đán, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.

4- Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

5- Đồng chí Hoàng Bình Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương.

6- Đồng chí Nguyễn Văn Hưởng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an.

7- Đồng chí Phạm Bình Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao.

8- Đồng chí Nguyễn Khắc Nghiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

9- Đồng chí Nguyễn Văn Quynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

10- Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

11- Đồng chí Nguyễn Thế Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương.

12- Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân Dân.

13- Đồng chí Vũ Văn Hiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

14- Đồng chí Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam.

15- Đồng chí Hoàng Thanh Khiết, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Trung ương Đảng.

16- Đồng chí Nguyễn Công Nghiệp, Thứ trưởng Bộ Tài chính.

17- Đồng chí Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

18- Đồng chí Nguyễn Thị Xuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế.

19- Đồng chí Phí Thái Bình, Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

20- Đồng chí Vũ Xuân Sinh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ.

3. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, góp ý kiến vào dự thảo Chỉ thị của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội XI của Đảng để Bộ Chính trị nghiên cứu, tiếp thu và ban hành, chỉ đạo thực hiện.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Ngày 4 tháng 7 năm 2009

Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Sau một tuần làm việc khẩn trương, Hội nghị toàn thể lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã hoàn thành chương trình đề ra. Hội nghị đã tập trung trí tuệ, thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ, với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp nhiều ý kiến phong phú và sâu sắc; đánh giá cao công tác chuẩn bị, hoan nghênh các ý kiến đóng góp tâm huyết của các tổ chức, tập thể và cá nhân trong quá trình chuẩn bị các đề án. Hội nghị biểu thị sự đồng tình cao với các nội dung tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị về Đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991); Đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã

hội 10 năm 2011 - 2020; thông qua định hướng chuẩn bị Đại hội XI của Đảng và đại hội đảng các cấp.

Những nội dung thảo luận và quyết định tại Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng, là một bước rất cơ bản chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, đáp ứng những đòi hỏi của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Thưa các đồng chí,

Cương lĩnh là tuyên ngôn chính trị của Đảng, là ngọn cờ chiến đấu của Đảng và của dân tộc, là nền tảng lý luận, nền tảng tư tưởng và chính trị định hướng cho mọi hoạt động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong từng thời kỳ cách mạng. Thực hiện Cương lĩnh năm 1930, Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ và giành được những thắng lợi vĩ đại: Làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân, phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh năm 1991 đến nay tuy mới thực hiện gần được 20 năm nhưng chúng ta cũng có đủ cơ sở để khẳng định giá trị lịch sử to lớn cả về lý luận, chính trị, tư tưởng và chỉ đạo hoạt động thực tiễn của nó. Ra đời trong bối cảnh mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, nhiều đảng cộng sản bế tắc, mất phương hướng, các thế lực thù địch tấn công quyết liệt; ở trong nước, kinh tế -

xã hội khủng hoảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân dao động niềm tin. Cương lĩnh năm 1991 và các nghị quyết của Đảng theo tinh thần của Cương lĩnh đã định hướng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vững bước đi lên giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt là trong Cương lĩnh năm 1991, lần đầu tiên Đảng ta nêu lên tư tưởng Hồ Chí Minh, “lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng”. Đây là một nguyên lý, một bước phát triển mới về lý luận mà Đảng ta đã tổng kết từ lịch sử và được thực tiễn chứng minh là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo và đầy sức sống. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là di sản tư tưởng và lý luận vô cùng to lớn, quý giá, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Cương lĩnh, trên cơ sở giữ vững mục tiêu và những định hướng cơ bản, Đảng ta đã có những bổ sung, phát triển nhận thức trên nhiều vấn đề, từ những vấn đề chung về chủ nghĩa xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đến các vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hệ thống chính trị và về Đảng. Đã từng bước hình thành được những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên

chủ nghĩa xã hội ở nước ta, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề này. Đây cũng là quá trình Đảng ta tự nâng cao trình độ lý luận của mình thông qua thực tiễn lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính”¹⁾. Theo tinh thần đó, trong các nhiệm kỳ đại hội từ Đại hội VII đến nay, Đảng ta đã bám sát thực tiễn, phát hiện, tìm tòi, nghiên cứu, tổng kết, thử nghiệm, trên cơ sở tôn trọng quy luật khách quan, bảo đảm phù hợp với ý chí, nguyện vọng của nhân dân và lợi ích của cách mạng để giải đáp những vấn đề mới nảy sinh, đồng thời xây dựng nên những nhận thức mới làm giàu cho trí tuệ của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới. Những nhận thức mới đó cùng với kết quả nghiên cứu, tổng kết việc tổ chức thực hiện Cương lĩnh năm 1991 cần được sử dụng làm căn cứ, chất liệu để chọn lọc, cân nhắc biên tập, bổ sung vào dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển) đưa ra đại hội các cấp để thảo luận, công bố để nhân dân góp ý trước khi trình Đại hội XI của Đảng.

“Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng vì dân, vì nước”. Cách mạng nghĩa là hành động, là đổi mới và phát triển sáng tạo không ngừng. Cương lĩnh bổ sung, phát triển sắp tới phải hướng đến mục tiêu tổng quát là xã hội xã hội

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.273 (B.T).

chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Có thể nói, trong hơn 20 năm lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta đã chú trọng tổng kết thực tiễn, đẩy mạnh công tác lý luận, do đó đã từng bước xác định rõ thêm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ. Lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam đã từng bước hình thành và không ngừng phát triển. Điều đó không chỉ có ý nghĩa đối với thắng lợi của công cuộc đổi mới mà còn quan hệ đến vấn đề nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm cho Đảng ta thực sự là đảng cách mạng chân chính, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Thưa các đồng chí,

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010

do Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra được chúng ta triển khai trong hai kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và 2006 - 2010. Đại hội X của Đảng đã đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Hội nghị Trung ương 9 (khóa X) đã kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện kế hoạch 2006 - 2010. Điều đặc biệt nổi lên trong thời kỳ này là những khó khăn, cản trở do tác động to lớn và sâu sắc của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu bắt đầu từ những tháng cuối năm 2007 đối với nước ta, buộc chúng ta phải điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch, đồng thời phải tiến hành các giải pháp tình thế đi đôi với các giải pháp cơ bản để bảo đảm cho kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục ổn định và phát triển.

Còn một năm rưỡi nữa mới kết thúc kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, nhưng với những kết quả đã giành được, với xu thế vận động và phát triển của tình hình, với quyết tâm, nỗ lực và sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, chúng ta có đủ cơ sở để tin tưởng vào việc hoàn thành cơ bản các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch 5 năm 2006 - 2010. Từ đó, có thể đánh giá tổng quát: Trong 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, chúng ta đã tận dụng thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển. Nhiều mục tiêu chủ yếu của Chiến lược được thực hiện; diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dần được hình thành; quan hệ sản xuất phù hợp hơn. Hội nhập kinh tế quốc tế và hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh

vực đạt nhiều thành tựu. Chính trị - xã hội ổn định; độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Thế và lực của đất nước vững mạnh thêm nhiều, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Đã tạo ra môi trường thuận lợi và những tiền đề quan trọng để tiếp tục đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được còn chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tính bền vững của nền kinh tế còn thấp và chậm được cải thiện. Huy động và sử dụng các nguồn lực phát triển còn hạn chế. Đời sống xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc. Nền tảng để Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa được hình thành đầy đủ. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn còn là điểm yếu cản trở tăng trưởng. Khoảng cách phát triển so với một số nước trong khu vực chậm được thu hẹp.

Với cách nhìn nhận khách quan, đánh giá đúng cả hai mặt thành tựu và hạn chế, khuyết điểm, những việc làm đúng, làm được và chưa đúng, chưa được, chúng ta có thể rút ra nhiều bài học thiết thực trên nhiều lĩnh vực, trong đó có bài học xuyên suốt là luôn luôn coi trọng tính bền vững của sự phát triển.

Phương hướng, mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 bước đầu được xác định là: Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững để đến năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định,

dân chủ, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề để phát triển cao hơn trong các thời kỳ chiến lược sau. Để đạt mục tiêu đó, chúng ta phải thực hiện đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp, phải xác định rõ các định hướng phát triển cho các lĩnh vực, các ngành và các vùng, trong đó cần tập trung sức để từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung vào việc tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính để giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông, hạ tầng đô thị.

Tại Hội nghị này, Trung ương đã thảo luận, nhất trí với nhiều nội dung Đề cương dự thảo, đồng thời cũng nêu lên nhiều ý kiến phong phú đề nghị tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi, làm rõ. Đây là cơ sở cho việc chỉ đạo chỉnh lý, biên tập dự thảo các văn kiện trình Hội nghị Trung ương 11 thông qua để đưa ra lấy ý kiến đại hội đảng các cấp và lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này đã thảo luận và thông qua định hướng đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng, trong đó làm rõ bối cảnh, mục tiêu, yêu cầu,

chủ đề, nội dung Đại hội, quyết định thành lập các tiểu ban chuẩn bị cho Đại hội. Đại hội XI của Đảng được tiến hành trong bối cảnh đất nước ta trải qua 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011) và 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới (1986 - 2011). Đại hội sẽ tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2010), 20 năm thực hiện Cương lĩnh; tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991), xác định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm tới; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong 5 năm 2011 - 2015; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiệm kỳ khóa XI.

Hội nghị Trung ương đã cho ý kiến về định hướng chủ đề Đại hội XI và các vấn đề trọng tâm cần đề cập trong các văn kiện, nhất là trong Báo cáo chính trị: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, gắn với việc thực hiện có chiều sâu Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tiếp tục đổi mới toàn diện, tạo chuyển biến về chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững; tạo thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 như Đại hội X của Đảng đã xác định. Chăm lo xây dựng, tạo chuyển biến đồng bộ để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo đảm vững chắc

an ninh, quốc phòng, tiếp tục nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương và sự đồng thuận xã hội, phát huy hơn nữa sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đưa đất nước phát triển theo con đường và mục tiêu nêu trong Cương lĩnh, Chiến lược.

Hội nghị Trung ương đã quyết định các văn kiện sẽ trình Đại hội XI và thành lập các tiểu ban chuẩn bị Đại hội toàn quốc của Đảng. Để tiếp tục chuẩn bị nội dung và tổ chức Đại hội toàn quốc, Hội nghị Trung ương lần này đã quyết định thành lập tiếp ba tiểu ban: Tiểu ban Nhân sự; Tiểu ban Tổng kết việc thực hiện Điều lệ Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội XI. Thời gian để chuẩn bị các văn kiện và các công tác phục vụ Đại hội không còn nhiều, vì vậy, các tiểu ban Đại hội cần có kế hoạch triển khai hoạt động để đáp ứng yêu cầu đã được Trung ương thông qua, bảo đảm cho Đại hội toàn quốc của Đảng thực hiện đúng kế hoạch đề ra.

Theo chủ trương đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, ngay sau Đại hội lần thứ XI của Đảng kết thúc, chúng ta sẽ tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị bầu cử các cơ quan nhà nước, Hội nghị Trung ương nhất trí tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng vào nửa đầu tháng 1-2011. Như vậy, sắp tới Trung ương cần có một chương trình làm việc hợp lý, khoa học, định hướng thời gian đại hội đảng các cấp một cách phù hợp nhằm bảo đảm chuẩn bị tốt nhất cho việc tổ chức thành công Đại hội XI của Đảng.

Trên cơ sở góp ý kiến của Trung ương, sau Hội nghị này, Bộ Chính trị sẽ ra Chỉ thị về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Chủ trương của Trung ương là việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng các cấp phải theo tinh thần đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết, giữ vững kỷ cương; coi trọng chất lượng, hiệu quả, không phô trương, hình thức; bảo đảm an toàn, tiết kiệm, nhằm chuẩn bị tốt nội dung văn kiện Đại hội và chuẩn bị nhân sự cấp ủy các cấp nhiệm kỳ mới.

Thư các đồng chí,

Đại hội XI của Đảng là sự kiện có ý nghĩa trọng đại của đất nước; đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XI của Đảng là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Từ nay đến Đại hội XI, tình hình còn nhiều diễn biến phức tạp, nhất là diễn biến của cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế thế giới sẽ còn tác động nhiều mặt đến nước ta, đến quá trình chuẩn bị đại hội các cấp. Thời gian từ nay đến Đại hội XI của Đảng chỉ còn hơn một năm, trong đó những công việc tập trung nhất đều dồn vào cuối năm 2009 và năm 2010. Đây là thời gian cuối thực hiện những nhiệm vụ của Đại hội X, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, cũng là thời gian Đảng ta tiến hành đại hội đảng các cấp đồng thời chuẩn bị tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng, năm có nhiều ngày kỷ niệm lớn của đất nước.

Quá trình chuẩn bị đại hội đảng các cấp và chuẩn bị Đại hội XI của Đảng phải kết hợp chặt chẽ với quá trình thực hiện các nhiệm vụ của Đại hội X, coi việc hoàn thành các nhiệm vụ của Đại hội X và nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 là nội dung quan trọng nhất, chỉ có làm tốt điều đó thì chúng ta mới có thể tổ chức tốt đại hội đảng các cấp, hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

Thư các đồng chí,

Những nội dung thảo luận và kết luận tại Hội nghị Trung ương lần này là cơ sở rất quan trọng để triển khai chuẩn bị đại hội các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Tôi đề nghị các đồng chí Ủy viên Trung ương và các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở quán triệt tinh thần này để tổ chức thực hiện theo đúng tinh thần chỉ thị của Bộ Chính trị. Không vì lý do chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ mà lơ là lỏng các nhiệm vụ trước mắt, cả về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và các lĩnh vực khác. Từ Ban Chấp hành Trung ương đến lãnh đạo các ngành, các cấp phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phải khắc phục tình trạng có những cán bộ càng gần đến Đại hội càng né tránh, ngại va chạm, không dám chịu trách nhiệm trước công việc được giao. Chính trong lúc này, cán bộ, đảng viên càng phải tỏ rõ tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân. Đây cũng là dịp để cán bộ, đảng viên và nhân dân có thêm cơ sở để đánh giá, lựa chọn đội ngũ cán bộ của mình. Phải coi việc tiến hành đại hội các cấp là một cơ hội, một động lực để thúc đẩy các nhiệm vụ trước mắt và lấy kết quả

thực hiện các nhiệm vụ này để góp phần bảo đảm thành công của đại hội các cấp cũng như Đại hội toàn quốc của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, từ ngày 29-6 đến ngày 4-7-2009, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã họp Hội nghị lần thứ mười, thảo luận, quyết định nhiều vấn đề quan trọng để chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận về Đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991); Đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; định hướng chuẩn bị Đại hội XI của Đảng và đại hội đảng các cấp; thành lập các tiểu ban chuẩn bị Đại hội XI và một số vấn đề quan trọng khác.

1. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII của Đảng thông qua năm 1991 có giá trị to lớn cả về lý luận, chính trị, tư tưởng và chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Ra đời trong bối cảnh chủ nghĩa

xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, nhiều đảng cộng sản bế tắc, mất phương hướng, các thế lực thù địch tấn công quyết liệt; ở trong nước, kinh tế - xã hội khủng hoảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân dao động niềm tin, Cương lĩnh năm 1991 và các nghị quyết tiếp sau của Đảng theo tinh thần Cương lĩnh đã định hướng cho toàn Đảng, toàn dân vững bước đi lên giành được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. Từ sau Đại hội VII đến nay, Đảng ta đã có những bổ sung, phát triển nhận thức trên nhiều vấn đề của Cương lĩnh. Đã từng bước hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, góp phần bổ sung, phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trên những vấn đề này. Tuy nhiên, do tình hình thế giới và trong nước những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ XX và nhận thức ở thời điểm đó, một số vấn đề trong Cương lĩnh năm 1991 đến nay cần được bổ sung, phát triển. Ngày nay, tình hình thế giới và trong nước đã và đang có nhiều biến đổi to lớn, sâu sắc, xuất hiện nhiều vấn đề mới cần được giải đáp, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Đại hội X đã quyết định “Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh*, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội”¹⁾.

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.20 (B.T).

Việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 được thực hiện theo tinh thần tiếp tục đổi mới, bám sát thực tiễn của đất nước và thời đại, kế thừa những nội dung vẫn còn nguyên giá trị của Cương lĩnh năm 1991; bổ sung những vấn đề đã được các Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị (từ khóa VII đến nay) kết luận, những nội dung đã rõ, đã chín, được thực tiễn chứng minh là đúng; sửa chữa, bổ sung hoặc viết lại những điểm trong Cương lĩnh đến nay không còn phù hợp. Cương lĩnh là tuyên ngôn chính trị của Đảng, mang tầm định hướng chiến lược về con đường phát triển của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là ngọn cờ chiến đấu của Đảng và dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; là nền tảng lý luận, nền tảng tư tưởng và chính trị, định hướng cho mọi hoạt động của chúng ta hiện nay cũng như trong những thập kỷ tới. Do đó, Cương lĩnh phải nêu được những quan điểm cơ bản về xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta cần xây dựng; chỉ ra mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ và đến giữa thế kỷ XXI; đề ra những quan điểm, đường lối và định hướng lớn để thực hiện các mục tiêu đó. Cương lĩnh phải có tầm khái quát cao, không đi vào những nội dung quá chi tiết và cụ thể.

Qua thảo luận, Ban Chấp hành Trung ương nhất trí với nhiều nội dung trong Đề cương chi tiết, cách tiếp cận, tư tưởng chỉ đạo, các nội dung cơ bản như: Tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam; giá trị to lớn và một số hạn chế của Cương lĩnh năm 1991; quá trình phát triển nhận thức và tổ chức thực hiện Cương lĩnh năm 1991 trong gần 20 năm qua trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng,

an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; những bài học kinh nghiệm; những quan điểm lớn làm cơ sở cho bổ sung, phát triển Cương lĩnh trên các vấn đề: Tình hình thế giới, những đặc điểm, xu thế lớn của thời đại; về thời kỳ quá độ và đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng; những phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ và đến giữa thế kỷ XXI; định hướng lớn về phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập kinh tế quốc tế; định hướng lớn về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam; về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và môi trường; định hướng lớn về quốc phòng, an ninh và đối ngoại; về xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân; về Đảng Cộng sản Việt Nam và công tác xây dựng Đảng.

Trên một số vấn đề, trong quá trình thảo luận vẫn còn có ý kiến khác nhau hoặc cần được làm rõ, Ban Chấp hành Trung ương quyết định giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận trong các hội nghị tới.

2. Về Đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, phân tích, đánh

giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, khẳng định trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu từ những tháng cuối năm 2007, sự chống phá của các thế lực thù địch, thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra; nhiều yếu kém trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội chậm được khắc phục, nhưng với sự nỗ lực phấn đấu cao của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng: Tiềm lực kinh tế của đất nước tăng lên, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển; nhiều mục tiêu chủ yếu của Chiến lược đã được thực hiện; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành; văn hóa, xã hội đạt được những kết quả nhất định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, một số mặt đạt trình độ của các nước phát triển trung bình; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng và đạt được nhiều kết quả; giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ có một số mặt chuyển biến tích cực; môi trường sống được quan tâm và có mặt được cải thiện; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; cải cách hành chính được đẩy mạnh; phòng, chống tham nhũng, lãng phí có kết quả bước đầu; quốc phòng, an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao, tạo môi trường thuận lợi để phát triển đất nước. Bên cạnh thành tựu và ưu điểm, Ban Chấp hành Trung ương cũng thảo luận làm rõ những mặt hạn chế, yếu kém: Những kết quả đạt được còn chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước, chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; các cân đối vĩ mô chưa

thật vững chắc; kết cấu hạ tầng phát triển chậm, thiếu đồng bộ đang cản trở sự phát triển; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển; văn hóa, xã hội nhiều mặt còn hạn chế, một số vấn đề bức xúc chậm được giải quyết; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thực sự là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường còn nhiều yếu kém, là thách thức lớn trong quá trình phát triển; quản lý và điều hành của Nhà nước còn nhiều bất cập. Những hạn chế, yếu kém này do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó, nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.

Về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và nhất trí với nhiều nội dung trong Đề cương chi tiết: Về bối cảnh tình hình quốc tế và đất nước trong những năm tới, về quan điểm, mục tiêu chiến lược và những khâu đột phá, về định hướng phát triển các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, phát triển hài hòa, bền vững các vùng và đô thị, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phát triển toàn diện văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn

xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiệu lực, hiệu quả, đủ sức quản lý, điều hành thực hiện thắng lợi Chiến lược.

Trong quá trình thảo luận, trên một số vấn đề vẫn còn ý kiến khác nhau hoặc cần được làm rõ, Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc, trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận trong các hội nghị tiếp theo.

3. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và quyết định về định hướng chuẩn bị Đại hội XI của Đảng và đại hội đảng các cấp, phân tích bối cảnh Đại hội XI, xác định yêu cầu đặt ra đối với Đại hội XI và việc chuẩn bị các văn kiện phải trên tinh thần tranh thủ tận dụng tốt nhất mặt thuận lợi, chủ động vượt qua khó khăn, thách thức, xác định các mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ Đại hội XI một cách tích cực, vững chắc, tạo thuận lợi để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của các giai đoạn tiếp theo sẽ được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020); bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa mới có đủ trí tuệ, phẩm chất để kế thừa, phát triển những kết quả đã đạt được trong các nhiệm kỳ trước, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI. Đồng thời, tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2009, 2010, cố gắng phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội X đã đề ra.

Ban Chấp hành Trung ương đã cho ý kiến định hướng về chủ đề Đại hội XI và các vấn đề trọng tâm cần đề cập trong các văn kiện, nhất là trong Báo cáo chính trị là: Tiếp tục

nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, gắn với thực hiện có chiều sâu Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tiếp tục đổi mới toàn diện, tạo được chuyển biến về chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng hợp lý; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững; tạo thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Chăm lo xây dựng, tạo chuyển biến đồng bộ về văn hóa để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ quyền quốc gia, sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng, nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế. Mở rộng dân chủ, coi trọng kỷ luật, kỷ cương, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội; tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục phát triển đất nước theo con đường và mục tiêu nêu trong Cương lĩnh và Chiến lược.

Ban Chấp hành Trung ương quyết định các văn kiện trình Đại hội XI gồm: Báo cáo chính trị (trong đó bao gồm cả phần phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và công tác xây dựng Đảng, không trình Đại hội báo cáo riêng về những vấn đề này); Báo cáo bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991; Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương; Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Tại Hội nghị Trung ương 4 (khóa X), Ban Chấp hành Trung ương đã thành lập hai tiểu ban: Tiểu ban Tổng kết

20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 và bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới (giao Tiểu ban này đồng thời làm nhiệm vụ chuẩn bị Báo cáo chính trị); Tiểu ban Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020. Tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương quyết định bổ sung một số đồng chí từ Tiểu ban Chiến lược vào Tiểu ban Cương lĩnh, đồng thời thành lập tiếp ba tiểu ban: Tiểu ban Nhân sự; Tiểu ban Tổng kết thực hiện Điều lệ Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội.

Ban Chấp hành Trung ương quyết định thời gian tổ chức Đại hội XI của Đảng vào nửa đầu tháng 1-2011. Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) cũng thảo luận, cho ý kiến một số nội dung quan trọng khác.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phát huy ưu điểm, thành tựu đã đạt được trong hơn nửa đầu nhiệm kỳ khóa X vừa qua; khắc phục những khuyết điểm, yếu kém, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X, trước mắt là thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, tích cực chuẩn bị cho Đại hội XI của Đảng và đại hội đảng các cấp, đưa đất nước tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 50-KL/TW, ngày 29 tháng 6 năm 2009

**VỀ DỰ THẢO Quy chế thôi giữ chức vụ,
miễn nhiệm, từ chức của cán bộ**

Tại phiên họp ngày 5-6-2009, Bộ Chính trị đã nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo về dự thảo Quy chế thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ (Tờ trình số 307-TTr/BTCTW, ngày 9-4-2009) và ý kiến của các cơ quan liên quan. Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận: Việc xây dựng Quy chế này là cần thiết để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương; nội dung Quy chế cần quán triệt nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Bộ Chính trị yêu cầu:

1. Ban Tổ chức Trung ương tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị, tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Quy chế này kèm theo dự thảo hướng dẫn việc thực hiện.

2. Giao Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ xem xét, chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm

pháp luật hiện hành liên quan đến vấn đề này theo hướng: phân biệt rõ những đối tượng được thôi giữ chức vụ và đối tượng được miễn nhiệm chức vụ; đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc đề xuất cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm và từ chức của cán bộ. Đối với việc từ chức của cán bộ, cần đơn giản hơn về quy trình, thủ tục.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 36-CT/TW, ngày 2 tháng 7 năm 2009
Về kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc*
của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, trước khi qua đời đã để lại cho Đảng và dân tộc *Di chúc* vô cùng quý báu. Bốn mươi năm qua, tư tưởng Hồ Chí Minh, tấm gương đạo đức sáng ngời và *Di chúc* thiêng liêng của Người đã dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua khó khăn, thử thách, tiến lên giành thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế khu vực và thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa được đẩy lùi; các thế lực thù địch đang gia tăng chống phá sự nghiệp cách mạng chính nghĩa của dân tộc ta, mưu toan xóa bỏ nền tảng tư tưởng và phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, bôi nhọ lãnh tụ, hạ bệ thần tượng, chống phá Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm

gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Để góp phần bảo vệ, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm thất bại mọi âm mưu đen tối của các thế lực thù địch; cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đẩy mạnh Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X và tiến tới Đại hội XI của Đảng, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng triển khai tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng tới kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và các ngày lễ lớn của đất nước với nội dung như sau:

I- VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC

1. Tuyên truyền sâu rộng về đạo đức cách mạng sáng ngời của Chủ tịch Hồ Chí Minh; những giá trị tư tưởng chính trị, lịch sử, văn hóa kết tinh trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ động đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

2. Nêu bật những thành tựu của cách mạng Việt Nam trong 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: về sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; về công tác xây dựng Đảng; bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; nâng cao đời sống nhân dân; đoàn kết quốc tế. Những bài học rút ra từ sự nghiệp cách mạng vĩ đại và *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chỉ rõ những thời cơ, thách thức trên con đường phát triển của đất nước; cổ vũ

toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quyết tâm tiếp tục thực hiện thắng lợi *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tình hình cách mạng mới.

3. Nâng cao nhận thức của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, đưa Cuộc vận động vào chiều sâu, tạo ra nhiều điển hình tập thể và cá nhân tiên tiến, gương mẫu làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đẩy lùi suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, lối sống thực dụng; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X, lập thành tích chào mừng Đại hội XI của Đảng.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại để chính phủ các nước, nhân dân và bạn bè quốc tế, đồng bào ta ở nước ngoài hiểu rõ hơn về Đảng, về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về đất nước và con người Việt Nam, ủng hộ công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

II- CÁC HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM

1. Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân

- Trong năm 2009, các đảng bộ cơ sở tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn với tổng kết Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” năm 2009, xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2010 kết hợp với sơ kết 3 năm (2007 - 2010).

- Các chi bộ và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cơ quan, đơn vị, khu dân cư tổ chức cho cán bộ, đảng viên, công chức,

hội viên, đoàn viên học tập về chủ đề: “Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân” gắn với kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tài liệu do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn. Ban Chỉ đạo Cuộc vận động các cấp hướng dẫn tổ chức thực hiện.

- Những địa phương, cơ quan, đơn vị có vinh dự được đón Bác Hồ về thăm, tổ chức sinh hoạt truyền thống.

2. Lễ kỷ niệm

- Tổ chức lễ kỷ niệm cấp quốc gia tại Thủ đô Hà Nội kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vào dịp 2-9-2009.

- Các tỉnh, thành phố trong cả nước tổ chức các hình thức kỷ niệm thích hợp.

- Những địa phương có nhà lưu niệm, nhà tưởng niệm, đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh và di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức lễ dâng hương, lễ báo công...

3. Tổ chức cầu truyền hình “Kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh”

Tối ngày 2-9-2009, tổ chức cầu truyền hình tại bốn điểm: Hà Nội, Nghệ An, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, mời các điển hình tiên tiến trong Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và nhân dân dự. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao, Đài Truyền hình Việt Nam, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ An, tỉnh

Thừa Thiên Huế tổ chức thực hiện. Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng kịch bản.

4. Biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”

Trong năm 2009, ban chỉ đạo cuộc vận động các cấp tổ chức gặp mặt, giao lưu, tọa đàm với các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích. Ở cấp huyện, quận lựa chọn 5 điển hình (tập thể và cá nhân) đi dự giao lưu cấp tỉnh. Ở cấp tỉnh, thành phố, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội lựa chọn 5 tấm gương thực sự tiêu biểu tham dự hội nghị gặp mặt, báo cáo điển hình toàn quốc. Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động tổ chức gặp mặt, biểu dương các điển hình toàn quốc vào dịp 3-2-2010.

5. Tổ chức hội thảo, tọa đàm

Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức hội thảo khoa học, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức hội thảo hoặc tọa đàm, khẳng định giá trị lịch sử của *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh; đánh giá kết quả thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong 40 năm qua; xác định yêu cầu, nhiệm vụ mới để tiếp tục thực hiện tốt *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm tới.

6. Biên soạn và xuất bản sách

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tái bản một số sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xuất bản kỷ yếu hội thảo khoa học, một số tác phẩm xuất sắc trong cuộc vận động sáng tác,

quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tác phẩm viết về tấm gương điển hình tiên tiến trong Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

7. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch

- Tổ chức triển lãm về đề tài “40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

- Tổ chức các chương trình văn nghệ đặc sắc ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh phục vụ nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

- Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, đẩy mạnh phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

- Xây dựng và hoàn thành phim tài liệu nghệ thuật về “40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

- Tổ chức tham quan, du lịch tại những địa danh lịch sử cách mạng về Bác Hồ.

8. Trùng tu, tôn tạo và đầu tư xây dựng các công trình văn hóa thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

- Trùng tu, tôn tạo một số di tích lịch sử - văn hóa về Chủ tịch Hồ Chí Minh, phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa của di tích.

- Các tỉnh, thành phố quy hoạch xây dựng và đặt tên một số công trình kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban tổ chức cấp nhà nước về kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2009 - 2010 xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hướng tới kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và các ngày lễ lớn của đất nước.

- Chính phủ căn cứ yêu cầu và nội dung trên, bố trí kinh phí cho các hoạt động kỷ niệm; bổ sung, hoàn chỉnh chính sách đối với người có công với cách mạng; chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tổ chức nước ngoài có công giúp đỡ Chủ tịch Hồ Chí Minh, giúp đỡ cách mạng Việt Nam.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyên truyền; chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan hướng dẫn và biên soạn tài liệu tuyên truyền, thẩm định nội dung chính trị tư tưởng các hoạt động kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Các bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh; phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước.

- Các cơ quan thông tin báo chí, phát thanh, truyền hình, mạng thông tin điện tử xây dựng chương trình tuyên truyền phong phú, hấp dẫn về chủ đề 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng các cấp, các ngành, các địa phương chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh bảo đảm trang trọng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức, lãng phí; quan tâm chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tạo được không khí phấn khởi, lạc quan, hăng hái thi đua lập thành tích thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X, tiến tới Đại hội XI của Đảng.

Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ giúp Ban Bí thư hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 235-QĐ/TW, ngày 3 tháng 7 năm 2009

Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Phát huy vai trò của doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009;
- Xét đề nghị của Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các cơ quan Trung ương có liên quan,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Phát huy vai trò của doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo.
2. Đồng chí Hà Thị Khiết, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.
3. Đồng chí Vũ Tiến Lộc, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Phó Trưởng Ban Thường trực.
4. Đồng chí Nguyễn Hữu Từ, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.
5. Đồng chí Phạm Viết Muôn, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.
6. Đồng chí Trương Văn Đoàn, Thứ trưởng Thường trực Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.
7. Đồng chí Lê Danh Vĩnh, Thứ trưởng Bộ Công Thương, Ủy viên.
8. Đồng chí Trần Xuân Hà, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.
9. Đồng chí Diệp Kinh Tần, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên.
10. Đồng chí Lê Đình Khiên, Phó Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Ủy viên.
11. Đồng chí Hà Văn Núi, Ủy viên Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và dự thảo Đề án “Phát huy vai trò của doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” và dự

thảo nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề này để trình Bộ Chính trị.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án.

Điều 4. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 236-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009
Bổ sung thành viên Tiểu ban tổng kết 20 năm
thực hiện Cương lĩnh năm 1991, bổ sung
và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước
trong thời kỳ mới

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung một số đồng chí trong Tiểu ban Chiến lược tham gia Tiểu ban Cương lĩnh:

1. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

2. Đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

3. Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đồng chí Hoàng Tuấn Anh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Đồng chí Nguyễn Văn Giàu, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6. Đồng chí Vũ Huy Hoàng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công Thương.

7. Đồng chí Hà Văn Hiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội.

8. Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

9. Đồng chí Vũ Văn Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

10. Đồng chí Cao Đức Phát, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11. Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 2. Các đồng chí có tên tại Điều 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 237-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009

VỀ VIỆC CỬ CÁN BỘ THAM GIA THƯỜNG TRỰC TỔ BIÊN TẬP GIÚP VIỆC TIỂU BAN TỔNG KẾT, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN CƯƠNG LĨNH NĂM 1991

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 135-QĐ/TW, ngày 28-2-2008 của Ban Bí thư (khóa X) về việc thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991;
- Xét đề nghị của Thường trực Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Phạm Bình Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao tham gia Bộ phận thường trực Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991, thay đồng chí Trần Văn Hằng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại

Trung ương đã được Bộ Chính trị phân công đảm nhiệm công tác khác.

Điều 2. Tổ biên tập, đồng chí Phạm Bình Minh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 238-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009

**VỀ VIỆC CỬ CÁN BỘ THAM GIA TỔ BIÊN TẬP GIÚP VIỆC
TIỂU BAN TỔNG KẾT, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN
CƯƠNG LĨNH NĂM 1991**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 135-QĐ/TW, ngày 28-2-2008 của Ban Bí thư (khóa X) về việc thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991;
- Xét đề nghị của Thường trực Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Nguyễn Minh Quang, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991.

Điều 2. Tổ Biên tập, đồng chí Nguyễn Minh Quang và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 239-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009

**Về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc
Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển
Cương lĩnh năm 1991**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 135-QĐ/TW, ngày 28-2-2008 của Ban Bí thư (khóa X) về việc thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991;
- Xét đề nghị của Thường trực Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Cao Viết Sinh, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham gia Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991.

Điều 2. Tổ Biên tập, đồng chí Cao Viết Sinh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 241-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009

**Về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc
Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh
năm 1991**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 135-QĐ/TW, ngày 28-2-2008 của Ban Bí thư (khóa X) về việc thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991;
- Xét đề nghị của Thường trực Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương tham gia Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991.

Điều 2. Tổ Biên tập, đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 242-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009

**Về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc
Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh
năm 1991**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 135-QĐ/TW, ngày 28-2-2008 của Ban Bí thư (khóa X) về việc thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991;
- Xét đề nghị của Thường trực Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Nguyễn Tuấn Phong, Chánh Văn phòng Ban Tổ chức Trung ương tham gia Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991.

Điều 2. Tổ Biên tập, đồng chí Nguyễn Tuấn Phong và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 243-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009

**Thành lập đoàn kiểm tra thực hiện Nghị quyết
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương Đảng (khóa X) về đẩy mạnh cải cách
hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý
của bộ máy nhà nước**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, bao gồm:

1. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng đoàn.

2. Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng đoàn Thường trực.

3. Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Thành viên.

4. Đồng chí đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương, Thành viên.

5. Đồng chí Nguyễn Đình Phách, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thành viên.

6. Đồng chí Nguyễn Văn Quyền, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Thành viên.

7. Đồng chí Nguyễn Công Nghiệp, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Thành viên.

8. Đồng chí Hoàng Thế Liên, Thứ trưởng Thường trực Bộ Tư pháp, Thành viên.

Điều 2. Trưởng đoàn kiểm tra quyết định thành lập Tổ giúp việc gồm các chuyên viên thuộc các cơ quan có thành viên tham gia đoàn kiểm tra để giúp đoàn kiểm tra triển khai công việc và tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra của các bộ, ban, ngành, địa phương.

Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ là cơ quan thường trực của đoàn kiểm tra.

Điều 3. Giao đoàn kiểm tra căn cứ Kế hoạch và Đề cương kiểm tra được Ban Bí thư thông qua:

- Hướng dẫn các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thực hiện tự kiểm tra theo Kế hoạch, Đề cương.

- Xây dựng chương trình kiểm tra trực tiếp một số bộ, ngành, địa phương.

- Kiểm tra, phát hiện, nhân rộng các điển hình tốt, kịp thời phát hiện các thiếu sót cần bổ sung, nâng cao vai trò các cấp ủy đảng trong chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh khi thực hiện Nghị quyết.

- Xây dựng báo cáo tổng hợp, trình Bộ Chính trị vào tháng 12-2009.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 244-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009

**Về thay thành viên đoàn kiểm tra việc lãnh đạo,
chỉ đạo triển khai thực hiện
Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X)
về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo
của Đảng đối với hoạt động của hệ thống
chính trị”**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009 (số 97-CTr/TW, ngày 23-12-2008);
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử đồng chí Nguyễn Thế Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương thay đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương,

tham gia đoàn kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị” theo Quyết định số 227-QĐ/TW, ngày 28-5-2009 của Ban Bí thư.

Điều 2. Các đồng chí có tên tại Điều 1, Ban Dân vận Trung ương, đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 254-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009

VỀ VIỆC BAN HÀNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU BẢO ĐẢM
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG Ở TRUNG ƯƠNG
VÀ CÁC CẤP ỦY ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 7-7-2009, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các cơ quan đảng ở Trung ương và các cấp ủy địa phương (Tờ trình số 22-TTr/VPTW/nb, ngày 7-7-2009), Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý ban hành một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các cơ quan đảng ở Trung ương và các cấp ủy địa phương, như nội dung Tờ trình số 22-TTr/VPTW/nb, ngày 7-7-2009 của Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Giao Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì nghiên cứu, xây dựng, ban hành quy định một số chế độ chi tiêu cụ thể phù hợp với đặc điểm chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan đảng ở Trung ương và của cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Căn cứ Thông báo này và quy định của Văn phòng Trung ương Đảng, các cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy định cụ thể một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động cho các cấp ủy trực thuộc.

4. Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan đảng, nhà nước có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông báo kết luận này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 255-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009

**Về việc tăng tỷ lệ và số lượng phó bí thư cấp ủy
xã, thị trấn khi thực hiện thí điểm chủ trương
đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch
ủy ban nhân dân**

Tại phiên họp ngày 7-7-2009, xem xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề khi thực hiện thí điểm chủ trương đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân (Công văn số 6080-CV/BTCTW, ngày 23-6-2009), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Đồng ý ở những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số lượng dưới 100 xã, thị trấn được tăng thêm số lượng thực hiện thí điểm chủ trương đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân nhưng không vượt quá 5% số xã, thị trấn ở địa phương (Thông báo số 223-TB/TW, ngày 24-2-2009 của Bộ Chính trị quy định từ 2 - 3% số xã, thị trấn ở địa phương).

- Đồng ý ở những xã, thị trấn nơi thực hiện thí điểm chủ trương đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban

nhân dân vẫn cơ cấu 2 phó bí thư, trong đó 1 phó bí thư thường trực cấp ủy và 1 phó bí thư làm chủ tịch hội đồng nhân dân.

Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan ở Trung ương bổ sung vào hướng dẫn thực hiện chủ trương này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 256-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009

**Về việc nâng cấp và chuyển Báo Người đại biểu
nhân dân trực thuộc Văn phòng Quốc hội
thành Báo Đại biểu nhân dân trực thuộc
Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

Tại phiên họp ngày 8-7-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về việc nâng cấp và chuyển Báo Người đại biểu nhân dân trực thuộc Văn phòng Quốc hội thành Báo Đại biểu nhân dân trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Cơ bản đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về việc nâng cấp Báo Người đại biểu nhân dân nhằm nâng tầm vóc, quy mô và bổ sung chức năng, nhiệm vụ của tờ báo trực tiếp phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và hội đồng nhân dân (Tờ trình số 232/ĐĐQH12, ngày 31-3-2009).

Lưu ý: Lựa chọn tổng biên tập và đội ngũ phóng viên có đủ năng lực, phẩm chất và bản lĩnh chính trị, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và tôn chỉ, mục đích của tờ báo.

- Việc chuyển đổi cơ quan chủ quản của tờ báo từ Văn phòng Quốc hội sang Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần được cân nhắc kỹ, vì căn cứ *Luật tổ chức Quốc hội*, các quy định về Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ hội nghị (tập thể) và quyết định theo đa số; không ai có toàn quyền thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc kiểm duyệt nội dung của báo và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật khi tờ báo có sai phạm. Và lại, khi có dấu hiệu vi phạm, việc xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan chủ quản của tờ báo sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đến uy tín chung của tập thể Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội.

Do vậy, đề nghị Đảng đoàn Quốc hội cần cân nhắc thêm để có quyết định phù hợp.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 257-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009

**Về tổ chức kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống
lực lượng quân tình nguyện và chuyên gia
quân sự Việt Nam giúp Lào**

Ngày 7-7-2009, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ban Liên lạc quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào (Công văn số 06/BLL, ngày 2-3-2009); ý kiến của các bộ, ban, ngành liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý tổ chức kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào. Kỷ niệm sự kiện này một lần nữa khẳng định đường lối đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta đối với cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiếp tục vun đắp tình đoàn kết gắn bó, quan hệ đặc biệt giữa Đảng, quân đội, nhân dân hai nước Việt Nam - Lào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; ghi nhớ công lao đóng góp, sự hy sinh to lớn của các cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện và

chuyên gia quân sự Việt Nam đã cống hiến trong những năm tháng hào hùng đó.

2. Giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Ban Liên lạc quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào và các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổ chức kỷ niệm sự kiện này, báo cáo Ban Bí thư xem xét trong thời gian sớm nhất.

Việc tổ chức kỷ niệm đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và tính chất sự kiện; đồng thời hướng dẫn các địa phương, cơ sở nơi có các cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào tổ chức các hoạt động kỷ niệm với hình thức phù hợp.

Ban Tuyên giáo Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền sự kiện này theo nội dung Thông báo số 186-TB/TW, ngày 23-9-2008 của Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 258-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009
Về tổ chức kỷ niệm 80 năm
Ngày truyền thống ngành tuyên giáo
(1-8-1930 – 1-8-2010)

Ngày 7-7-2009, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về việc tổ chức kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành tuyên giáo (Công văn số 3827-CV/BTGTW, ngày 29-5-2009), Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý tổ chức kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành tuyên giáo (1-8-1930 – 1-8-2010). Việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm phải lựa chọn hình thức phù hợp, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; phát huy cao độ ý thức trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn ngành; đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng công tác tuyên giáo của Đảng trong thời kỳ mới.

2. Năm 2010 sẽ là năm có ngày kỷ niệm truyền thống của nhiều ban đảng khác. Ban Bí thư yêu cầu các ban xây dựng

kế hoạch triển khai tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống của ngành mình theo tinh thần trên.

T/M BAN BÍ THƯ
 TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 245-QĐ/TW, ngày 20 tháng 7 năm 2009

**Về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc
Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh
năm 1991**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 135-QĐ/TW, ngày 28-2-2008 của Ban Bí thư (khóa X) về việc thành lập Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991;
- Xét đề nghị của Thường trực Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Đinh Văn Ân, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng tham gia Tổ Biên tập Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991.

Điều 2. Tổ Biên tập, đồng chí Đinh Văn Ân và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯỜNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 246-QĐ/TW, ngày 20 tháng 7 năm 2009

**Thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình
thí điểm xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ
công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 205-QĐ/TW, ngày 30-12-2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng “nông thôn mới” trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa;
- Xét đề nghị của Ban Cán sự đảng Bộ Xây dựng và đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng chí Bùi Phạm Khánh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng là Ủy viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng thí điểm nông thôn mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thay đồng chí Nguyễn Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 2. Đồng chí Bùi Phạm Khánh tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ của đồng chí Nguyễn Hồng Quân được giao trước đây và trực tiếp chỉ đạo xây dựng mô hình điểm nông thôn mới xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới, Ban Cán sự đảng Bộ Xây dựng và các đồng chí Nguyễn Hồng Quân, Bùi Phạm Khánh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH**CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

Số 247-QĐ/TW, ngày 21 tháng 7 năm 2009

Về việc thành lập Tiểu ban Nhân sự**Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Thành lập Tiểu ban Nhân sự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Tiểu ban.
2. Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước.
3. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ.
4. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội.

5. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư.

6. Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an.

7. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

8. Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

9. Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

10. Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

12. Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

13. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

14. Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

15. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

Điều 2. Tiểu ban có nhiệm vụ xây dựng phương hướng nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI trình Ban Chấp hành Trung ương thông qua; xây dựng kế hoạch và triển khai việc giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

Điều 3. Tiểu ban có bộ phận thường trực và tổ giúp việc, tổ chức nghiên cứu các chuyên đề có liên quan. Bộ phận thường trực và tổ giúp việc do Tiểu ban xem xét, quyết định.

Tiểu ban được nhận các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, các quyết định của Quốc hội, Chính phủ và làm việc với các cấp, các ngành về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

Điều 4. Các đồng chí có tên tại Điều 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm kinh phí, nơi làm việc, trang thiết bị và phương tiện hoạt động cho Tiểu ban.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 249-QĐ/TW, ngày 21 tháng 7 năm 2009
Về việc thành lập Tiểu ban Tổ chức phục vụ
Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Tiểu ban.
2. Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.
3. Đồng chí Trần Đình Đán, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.

4. Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.
5. Đồng chí Hoàng Bình Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương.
6. Đồng chí Nguyễn Văn Hưởng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an.
7. Đồng chí Phạm Bình Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao.
8. Đồng chí Nguyễn Khắc Nghiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.
9. Đồng chí Nguyễn Văn Quynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.
10. Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.
11. Đồng chí Nguyễn Thế Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương.
12. Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân Dân.
13. Đồng chí Vũ Văn Hiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.
14. Đồng chí Vũ Văn Hiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam.
15. Đồng chí Hoàng Thanh Khiết, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Trung ương Đảng.
16. Đồng chí Nguyễn Công Nghiệp, Thứ trưởng Bộ Tài chính.
17. Đồng chí Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
18. Đồng chí Nguyễn Thị Xuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế.

19. Đồng chí Phí Thái Bình, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

20. Đồng chí Vũ Xuân Sinh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Bộ Công an.

Điều 2. Tiểu ban có nhiệm vụ chỉ đạo việc tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Điều 3. Tiểu ban có bộ phận thường trực và tổ giúp việc, tổ chức nghiên cứu các chuyên đề có liên quan. Bộ phận thường trực và tổ giúp việc do Tiểu ban xem xét, quyết định.

Tiểu ban được nhận các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, các quyết định của Quốc hội, Chính phủ và làm việc với các bộ, ngành, địa phương về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ tổ chức phục vụ Đại hội XI của Đảng.

Điều 4. Các đồng chí có tên tại Điều 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm kinh phí, nơi làm việc, trang thiết bị và phương tiện hoạt động cho Tiểu ban.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 51-KL/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2009

Về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW, ngày 12 tháng 1 năm 1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội

Sau khi xem xét Báo cáo của Ban Tuyên giáo Trung ương về kết quả Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW, ngày 12-1-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và một số vấn đề tâm linh, ngoại cảm (Báo cáo số 177-BC/BTGTW, ngày 12-5-2009), Bộ Chính trị kết luận:

1. Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, trong những năm đầu sau khi ban hành đã được các cấp, các ngành, các đoàn thể, các địa phương, đơn vị tích cực triển khai thực hiện. Việc xây dựng đời sống văn hóa nói chung, xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội nói riêng đã có những chuyển biến rõ nét, hạn chế được một số tiêu cực, hủ tục lạc hậu. Đã xuất hiện những điển hình tốt,

những mô hình mới trong tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội, góp phần nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và thực hiện chiến lược “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của Đảng.

Tuy nhiên, những năm gần đây, việc thực hiện Chỉ thị không nghiêm túc, tình hình tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội còn phô trương, nhiều nghi thức rườm rà, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc, gây tốn kém, phiền phức; mê tín, dị đoan lại phát triển phức tạp. Một số đám cưới còn làm to hơn, kéo dài hơn trước; việc ganh đua xây cất mồ mả gây lãng phí tiền của, công sức diễn ra ở nhiều nơi có chiều hướng ngày càng tăng. Một số kẻ xấu lợi dụng khả năng đặc biệt (ngoại cảm) của con người để trục lợi, lừa đảo, xuyên tạc, gây rối trật tự, an toàn xã hội, phủ nhận nền tảng tư tưởng và sự lãnh đạo của Đảng ngày càng tinh vi, diễn biến phức tạp.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém nêu trên là do: Nhận thức và trách nhiệm của một số không ít cấp ủy đối với việc quán triệt, tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW chưa đầy đủ. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa trong hướng dẫn, tổ chức, quản lý hoạt động việc cưới, việc tang, lễ hội còn thiếu chặt chẽ, buông lỏng, hữu khuynh. Nhiều cán bộ, đảng viên, công chức, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành thiếu gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và nhiều cán bộ, đảng viên chịu ảnh hưởng của các hoạt động mê tín, dị đoan. Cơ sở vật chất, thiết chế

văn hóa bảo đảm cho việc thực hiện Chỉ thị chưa được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm đầu tư, xây dựng. Những biến động chính trị, xã hội và tác động của mặt trái cơ chế thị trường đã ảnh hưởng đến niềm tin khoa học của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Trước tình hình trên, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII); Thông báo kết luận số 83-TB/TW, ngày 27-6-2007 của Ban Bí thư và Kết luận số 34-KL/TW, ngày 20-12-2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về việc cưới, việc tang, lễ hội và tâm linh, ngoại cảm, tập trung thực hiện có kết quả một số nhiệm vụ sau đây:

- Đổi mới, tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng thế giới quan khoa học cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng chính trị tư tưởng cho mọi hoạt động và đời sống tinh thần của xã hội ta.

- Tập trung chỉ đạo công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa, thiết chế văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Trên cơ sở đó, tuyên truyền, vận động, tổ chức để các tầng lớp nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và hoạt động tâm linh. Gắn chặt hoạt động này với Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tổng hợp của các cuộc vận động. Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các

cấp phải gương mẫu thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, các địa phương cần chỉ đạo cơ sở thực hiện nghiêm túc quy ước, hương ước, những quy định về việc cưới, việc tang, lễ hội; vận động cán bộ, nhân dân thực hiện điện táng, hỏa táng người qua đời, không mê tín dị đoan; coi trọng đầu tư xây dựng các nhà văn hóa làm điểm tổ chức cưới ở xã, phường, nhà tang lễ, xây dựng cơ sở điện táng, quy hoạch nghĩa trang, tạo thuận lợi cho nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới và việc tang.

- Các cơ quan quản lý nhà nước tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế về việc cưới, việc tang, lễ hội phù hợp và đáp ứng yêu cầu của tình hình hiện nay, có chế tài đủ mạnh, có tác dụng giáo dục, răn đe. Chính quyền các cấp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; phát hiện và xử lý cương quyết các hành vi vi phạm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thị trường các sản phẩm văn hóa, xử lý nghiêm minh tập thể, cá nhân sản xuất, kinh doanh, phát tán sản phẩm độc hại, phi văn hóa.

- Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học, xây dựng các luận cứ khoa học và mô hình mẫu trong tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội để giới thiệu, truyền bá ra các vùng, miền.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, tổ chức nghiên cứu về khả năng đặc biệt của con người. Xây dựng quy chế hoạt động, quản lý, chế độ báo cáo, thông tin, nhất là việc thẩm định và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực này. Các phương tiện truyền thông không được thông tin những sự việc, hiện tượng chưa được

các cơ quan chức năng thẩm định, kết luận. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, ngoại cảm để lừa bịp, trục lợi, xuyên tạc, phủ định hệ tư tưởng, quan điểm, đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Các cấp ủy đảng phải coi việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, định kỳ sơ kết, tổng kết để kịp thời đề ra những biện pháp phù hợp với từng vùng, miền, từng dân tộc, từng đối tượng cụ thể.

Ban Tuyên giáo Trung ương giúp Bộ Chính trị hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc quán triệt, thực hiện Kết luận này; chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hàng năm tổ chức kiểm tra, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 261-TB/TW, ngày 24 tháng 7 năm 2009

VỀ VIỆC NÂNG CẤP VÀ CHUYỂN BÁO NGƯỜI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN TRỰC THUỘC VĂN PHÒNG QUỐC HỘI THÀNH BÁO ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN TRỰC THUỘC ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Tại phiên họp ngày 8-7-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về việc nâng cấp và chuyển Báo Người đại biểu nhân dân trực thuộc Văn phòng Quốc hội thành Báo Đại biểu nhân dân trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Cơ bản đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về việc nâng cấp Báo Người đại biểu nhân dân nhằm nâng tầm vóc, quy mô và bổ sung chức năng, nhiệm vụ của tờ báo trực tiếp phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và hội đồng nhân dân (Tờ trình số 232/ĐĐQH12, ngày 31-3-2009).

2. Việc chuyển đổi cơ quan chủ quản của tờ báo từ Văn phòng Quốc hội sang Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần được cân nhắc kỹ để có quyết định phù hợp.

(Thông báo này thay thế Thông báo số 256-TB/TW, ngày 10-7-2009).

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 262-TB/TW, ngày 24 tháng 7 năm 2009
Về Ngày Điện ảnh Việt Nam

Tại phiên họp ngày 21-7-2009, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Hội Điện ảnh Việt Nam trình bày Đề án tổ chức Ngày Điện ảnh Việt Nam (Công văn số 670/HĐA-CV, ngày 7-4-2009, kèm theo Đề án) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý lấy ngày 15-3, ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập ngành điện ảnh, là Ngày Điện ảnh Việt Nam. Ngày Điện ảnh phải trở thành ngày hội tôn vinh điện ảnh Việt Nam, động viên các nghệ sĩ trong ngành điện ảnh phấn đấu có nhiều tác phẩm hay, đáp ứng lòng mong muốn của nhân dân; thiết thực thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về văn học, nghệ thuật.

2. Về các hoạt động cụ thể trong Ngày Điện ảnh Việt Nam hàng năm, Hội Điện ảnh phối hợp với các cơ quan có liên quan căn cứ vào tình hình thực tế để tổ chức cho phù hợp, thiết thực, có chất lượng và tính giáo dục cao.

Kinh phí tổ chức Ngày Điện ảnh Việt Nam được bố trí trong kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ hằng năm cho Hội Điện ảnh trên cơ sở chính sách chung đối với các hội văn học, nghệ thuật.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 250-QĐ/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2009

**VỀ VIỆC BỐ TRÍ CÁN BỘ LÀM CHUYÊN GIA
CỦA BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG
“NÔNG THÔN MỚI” TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Quyết định số 205-QĐ/TW, ngày 30-12-2008 của Ban Bí thư về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng “nông thôn mới” trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Xét đề nghị của Ban Cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giới thiệu cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng “nông thôn mới” trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (Công văn số 1646/BNN-TCCB, ngày 10-6-2009),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ trí đồng chí Lê Huy Ngọ, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, làm chuyên gia của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng “nông thôn mới” trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trực tiếp giúp việc cho Trưởng Ban Chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do đồng chí Trưởng Ban phân công.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng “nông thôn mới” trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Ban Cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đồng chí Lê Huy Ngọ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 263-TB/TW, ngày 31 tháng 7 năm 2009

**VỀ XÂY DỰNG QUY CHẾ DÂN CHỦ TRONG NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

Tại phiên họp ngày 24-7-2009, sau khi nghe lãnh đạo Viện Khoa học xã hội Việt Nam báo cáo về dự thảo Quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội và nghiên cứu lý luận chính trị (Tờ trình số 649, ngày 8-6-2009), ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Phát huy dân chủ trong Đảng, trong các lĩnh vực của xã hội nói chung, trong nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu lý luận chính trị nói riêng là một quan điểm lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước ta. Việc xây dựng Quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội, lý luận chính trị đã được giao cho các cơ quan chức năng nghiên cứu từ nhiều năm, đặc biệt là gần đây để thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 “Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới” và Nghị quyết Trung ương 7 “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Viện Khoa học xã hội Việt Nam và các cơ quan nghiên cứu đã có nhiều cố gắng, nhưng đây là vấn đề quan trọng và rất nhạy cảm, do đó, cần được tiếp tục nghiên cứu, chuẩn bị kỹ và đầy đủ hơn.

2. Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sơ kết tình hình thực hiện *Luật khoa học và công nghệ*, các nghị định của Chính phủ về việc thực hiện *Luật khoa học và công nghệ*, trên cơ sở đó, rà soát, xem xét việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung liên quan đến phát huy dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội, trong nghiên cứu và sáng tác văn học, nghệ thuật tại các văn bản pháp luật hiện hành để phát huy tốt hơn nữa dân chủ trong các lĩnh vực này, trình xin ý kiến Bộ Chính trị những vấn đề Ban Cán sự đảng thấy cần thiết trước khi ban hành.

3. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng “Quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị”, trình Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 264-TB/TW, ngày 31 tháng 7 năm 2009

Về tổ chức cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

Tại phiên họp ngày 15-6-2009, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về Đề án tổ chức cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” (Tờ trình số 115-TTr/BTGTW, ngày 7-5-2009), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Trong hơn 20 năm đổi mới, nền kinh tế nước ta đã liên tục tăng trưởng với tốc độ khá cao; sản xuất trong nước ngày một đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng xã hội. Giá trị tổng sản phẩm trong nước tăng nhanh, thu nhập bình quân GDP đã đạt trên 1.000 USD/đầu người/năm. Xuất khẩu tăng cao (chiếm 60% GDP của cả nước). Chất lượng sản phẩm hàng hóa của Việt Nam ngày một cao hơn. Nhiều sản phẩm đã có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, như: cà phê, gạo, hạt điều, thủy sản, đồ gỗ, hàng may mặc, điện tử... Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta còn bộc lộ nhiều yếu kém, bất cập. Hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, tiêu

hao năng lượng, nguyên vật liệu trong sản phẩm, hàng hóa cao hơn các nước, hàm lượng trí tuệ và công nghệ thấp. Là nước có tiềm năng lớn để phát triển thị trường nội địa nhưng chưa quan tâm khai thác; tâm lý sùng hàng ngoại vẫn tồn tại trong một bộ phận không nhỏ người tiêu dùng...

Đất nước ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế, những tác động của nền kinh tế thế giới đến nước ta sẽ nhanh và mạnh; sự cạnh tranh trên thị trường quốc tế cũng như nội địa đối với các sản phẩm hàng hóa Việt Nam ngày một gay gắt hơn. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đang tác động tiêu cực vào nền kinh tế nước ta, xuất khẩu giảm mạnh, nhiều doanh nghiệp phải hạn chế sản xuất, số người thất nghiệp tăng cao...

2. Trước yêu cầu đưa nền kinh tế đất nước vượt qua khó khăn, thách thức, phát triển nhanh, bền vững, giải quyết tốt an sinh xã hội, Bộ Chính trị đồng ý chủ trương tổ chức cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

a) Mục đích cuộc vận động:

Phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, xây dựng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam và sản xuất ra nhiều hàng Việt Nam có chất lượng, sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

b) Nhiệm vụ và giải pháp cơ bản thực hiện cuộc vận động:

- Đẩy mạnh công tác tổ chức thông tin, tuyên truyền, vận động, làm cho người tiêu dùng trong nước và nước ngoài nhận thức đúng khả năng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam, chất lượng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ Việt Nam; vận động người tiêu dùng Việt Nam

sử dụng hàng Việt Nam khi tiêu dùng cá nhân, coi đó là thể hiện lòng yêu nước, nét đẹp trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam; các cơ quan, đơn vị và tổ chức chính trị - xã hội sử dụng hàng hóa nội địa khi thực hiện mua sắm công; các doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh trong nước khi triển khai thực hiện các dự án, công trình sử dụng các trang thiết bị, nguyên vật liệu nội địa và dịch vụ có chất lượng tương đương hàng ngoại nhập để sản xuất và kinh doanh.

Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm; nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; thực hiện các cam kết bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng; xây dựng được thương hiệu quốc gia cho nhiều sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.

- Rà soát, ban hành bổ sung luật pháp, cơ chế, chính sách bảo vệ thị trường người tiêu dùng trong nước, sản xuất trong nước không trái với các quy định của WTO, khuyến khích và định hướng tiêu dùng của nhân dân; kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn ngân sách quốc gia; xử lý nghiêm những đơn vị, cá nhân không gương mẫu thực hành tiết kiệm, lãng phí trong chi tiêu.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong một số hoạt động: Tổ chức điều tra, khảo sát thị trường, điều tra người tiêu dùng, mạng lưới phân phối, tổ chức hội thảo, triển lãm, hội chợ sản phẩm hàng hóa của Việt Nam; hỗ trợ đưa hàng Việt Nam về bán ở nông thôn, các khu công nghiệp, khu chế xuất; xúc tiến thương mại trên thị trường nội địa, tăng cường hệ thống phân phối bán lẻ, nhất là ở các vùng sâu,

vùng xa, nông thôn; sản xuất hàng hóa, dịch vụ có chất lượng cao và xây dựng thương hiệu cho hàng hóa, dịch vụ Việt Nam.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, chấn chỉnh các hoạt động quản lý thị trường, hải quan, thuế; công bố thường xuyên, kịp thời các tiêu chuẩn về chất lượng, giá cả sản phẩm, hàng hóa Việt Nam sản xuất và hàng ngoại nhập trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là các loại sản phẩm, hàng hóa liên quan trực tiếp đến đời sống con người, như lương thực, thực phẩm; xử lý nghiêm hành vi vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

c) Tổ chức thực hiện

- Thành lập ban chỉ đạo cuộc vận động ở hai cấp: cấp trung ương; cấp tỉnh, thành phố và tương đương. Ban Chỉ đạo Trung ương do đồng chí Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm Trưởng ban, các thành viên là đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành, Trung ương, các đoàn thể chính trị - xã hội, nghề nghiệp. Ban Bí thư ra quyết định thành lập.

Ban chỉ đạo cấp tỉnh, thành phố và tương đương do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy và tương đương ra quyết định thành lập.

- Tổ chức phát động cuộc vận động vào tháng 8-2009. Định kỳ hàng năm tiến hành sơ kết, đánh giá; từ 3 - 5 năm tiến hành tổng kết.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham mưu giúp Ban Bí thư ra quyết định thành lập ban chỉ đạo cấp trung ương; đồng thời chủ trì, phối hợp với các bộ, ban, ngành tổ chức phát động và hướng dẫn triển khai, đôn đốc thực hiện

cuộc vận động trong toàn xã hội, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Bộ Chính trị.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ; ban cán sự đảng các bộ, ban, ngành, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội, các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức quán triệt, xây dựng và triển khai thực hiện chương trình hành động thực hiện cuộc vận động theo chức năng, nhiệm vụ.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo công tác tuyên truyền, biên soạn tài liệu tuyên truyền trong Đảng, trong toàn xã hội về cuộc vận động; phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện với Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 251-QĐ/TW, ngày 31 tháng 7 năm 2009

Về chế độ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
 - Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị;
 - Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các tỉnh ủy, thành ủy, các ban và cơ quan Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
 - Căn cứ thực tiễn tình hình và yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả chế độ báo cáo trong Đảng hiện nay,
- Ban Bí thư quy định về chế độ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh

Các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng thực hiện chế độ báo cáo theo quy định này gồm: các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở cấp Trung ương, các ban và cơ quan Trung ương Đảng, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Thể loại và yêu cầu báo cáo

1. Thể loại

- Báo cáo định kỳ: báo cáo tháng, báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm; trong đó báo cáo tháng 3 được lồng ghép vào báo cáo quý I, báo cáo tháng 6 được lồng ghép vào báo cáo 6 tháng, báo cáo tháng 9 được lồng ghép vào báo cáo quý III và báo cáo tháng 12 được lồng ghép vào báo cáo năm.

- Báo cáo chuyên đề: báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên đề hoặc kết quả thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận... của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Báo cáo đột xuất: Những vấn đề thấy cần báo cáo, xin ý kiến hoặc theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Tổng Bí thư, đồng chí Thường trực Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực.

2. Yêu cầu

Bảo đảm tính toàn diện, khách quan, cụ thể, chính xác và kịp thời.

Điều 3. Hình thức báo cáo, thẩm quyền ký báo cáo và thời hạn báo cáo

- Báo cáo bằng văn bản (có thể kèm ghi âm, ghi hình, băng đĩa trong trường hợp cần thiết) được gửi qua đường bưu điện; các loại báo cáo gửi qua thư điện tử, mạng thông tin điện rộng của Đảng và mạng cơ yếu Trung ương Đảng thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Văn bản báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức được quy định ở Điều 1 ký. Một số báo cáo có nội dung phản ánh thông tin định kỳ có thể ủy quyền cho chánh văn phòng cơ quan, tổ chức ký thừa lệnh.

- Báo cáo hằng tháng gửi trước ngày 30 của tháng; báo cáo quý gửi trước ngày 30 của tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 30-6; báo cáo tổng kết năm gửi trước ngày 30-12; báo cáo chuyên đề gửi ngay sau khi kết thúc các công việc đã thực hiện hoặc theo thời hạn ghi trong văn bản yêu cầu báo cáo (trừ trường hợp Ban Bí thư có yêu cầu riêng).

Chương II

NỘI DUNG BÁO CÁO

Điều 4. Báo cáo tháng

1. Báo cáo của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các đảng ủy

đơn vị sự nghiệp Trung ương, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: phản ánh tóm tắt hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm; các vấn đề nổi lên cần quan tâm chỉ đạo.

2. Báo cáo của các ban và cơ quan Trung ương Đảng, các ban chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng: phản ánh tóm tắt tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị; ở các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; những vấn đề nổi lên cần quan tâm chỉ đạo.

Điều 5. Báo cáo quý, báo cáo sơ kết 6 tháng và báo cáo tổng kết năm

1. Báo cáo của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: đánh giá tổng quát, toàn diện tình hình và kết quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận... của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong quý, trong 6 tháng đầu năm, trong năm; nêu rõ những kết quả, tiến bộ chủ yếu, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cho thời gian tiếp theo; các kiến nghị, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Riêng báo cáo của các tỉnh ủy, thành ủy cần phản ánh tình hình thực

hiện những chủ trương, công tác lớn trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của địa phương.

2. Báo cáo của các ban và cơ quan Trung ương Đảng, các ban chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng: đánh giá tổng quát, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và các hoạt động trong quý, trong 6 tháng đầu năm, trong năm ở cơ quan, đơn vị và ở ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; nêu rõ những kết quả, tiến bộ chủ yếu, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém; đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cho thời gian tiếp theo; các kiến nghị, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 6. Báo cáo chuyên đề

- Kiểm điểm công tác hàng năm hoặc các đợt sinh hoạt chính trị của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng và cá nhân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; báo cáo kết quả làm việc với người nước ngoài ở trong nước khi thấy có vấn đề liên quan đến an ninh, chính trị của đất nước; báo cáo kết quả làm việc ở nước ngoài của đại diện cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng hoặc cá nhân cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

- Kết quả nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu phục vụ các đề án trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Kết quả các cuộc kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận... của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; những nội dung chỉ đạo làm thí điểm, xây dựng mô hình hoặc các cuộc điều tra, nghiên cứu tình hình thực tế về những vấn đề lớn thuộc trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng.

- Kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những chủ trương, chính sách lớn.

- Tóm tắt kết quả nghiên cứu và ứng dụng đề tài khoa học cấp nhà nước.

Điều 7. Báo cáo đột xuất và các báo cáo khác

- Quy chế làm việc, chương trình công tác, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của cấp ủy, tổ chức đảng và đơn vị.

- Những vấn đề phức tạp, nhạy cảm, những sự việc xảy ra cần xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Các quyết định quan trọng về tổ chức, nhân sự liên quan đến cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; việc chia tách, lập mới các ban, ngành, cục, vụ, viện và tương đương.

- Thông tin tham khảo có tính chất nghiên cứu về lý luận, tổng kết thực tiễn, kinh nghiệm trong và ngoài nước.

- Những nội dung khác theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng nổi lên trong khu vực và trên thế giới có tác động đến Việt Nam; thông tin dự báo chiến lược của các tổ chức quốc tế...

*Chương III***TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 8. Trách nhiệm thực hiện**

Các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý báo cáo của các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư; trực tiếp thực hiện chế độ báo cáo tháng, tuần, ngày, báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề với Bộ Chính trị, Ban Bí thư; thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện, hằng năm báo cáo Ban Bí thư tình hình thực hiện Quy định về chế độ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quy định 65-QĐ/TW, ngày 26-3-1993; Quy định 68-QĐ/TW, ngày 19-4-1993; Quy định 84-QĐ/TW, ngày 30-1-1994 của Ban Bí thư (khóa VII) về chế độ báo cáo của các tổ chức đảng, các ban đảng, các cấp ủy trực thuộc Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 37-CT/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2009

**Về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới
Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng**

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã quyết định tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng vào nửa đầu tháng 1-2011.

Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng diễn ra trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã đề ra. Đại hội XI của Đảng sẽ tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*; bổ sung, phát triển Cương lĩnh, xác định chiến lược, phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong những năm tiếp theo, tiếp tục đổi mới toàn diện, phát triển bền vững, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa,

hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và bầu Ban Chấp hành Trung ương nhiệm kỳ 2011 - 2015.

Đại hội XI của Đảng là sự kiện có ý nghĩa trọng đại đối với đất nước; đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XI của Đảng là đợt sinh hoạt chính trị quan trọng, sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng thực hiện tốt công tác chuẩn bị và tiến hành đại hội Đảng các cấp theo những yêu cầu và nội dung sau đây:

I- YÊU CẦU

1. Việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp phải theo tinh thần đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết, giữ vững kỷ cương; coi trọng chất lượng, thiết thực, không phô trương, hình thức; bảo đảm an toàn, tiết kiệm; phát huy cao nhất trí tuệ, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các thành viên trong hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Tổ chức thật tốt việc thảo luận những quan điểm, chủ trương, định hướng lớn nêu trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI và các văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên. Xây dựng báo cáo của ban chấp hành đảng bộ, tập trung vào những vấn đề quan trọng, cấp bách trước mắt và có ý nghĩa lâu dài của địa phương, đơn vị; đánh giá đúng thực trạng tình hình thực hiện nghị quyết của đại hội cấp mình nhiệm kỳ qua, chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân,

bài học kinh nghiệm; nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong nhiệm kỳ tới.

3. Công tác nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2010 - 2015 phải được thực hiện đúng quy chế, quy trình trên cơ sở quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ theo Kết luận của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ, trên cơ sở quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các địa phương, ngành, lĩnh vực và tiến hành đồng thời với việc chuẩn bị nhân sự lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2011 - 2016 và nhân sự lãnh đạo đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIII của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Lãnh đạo thực hiện tốt chủ trương thí điểm việc đại hội đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện trực tiếp bầu bí thư và đại hội đảng bộ cơ sở trực tiếp bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư.

Cấp ủy khóa mới phải bảo đảm chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý, có tính kế thừa và phát triển, gồm những đồng chí tiêu biểu về phẩm chất, năng lực và có đủ sức khỏe, bảo đảm thực hiện thắng lợi toàn diện nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình và Nghị quyết Đại hội XI của Đảng.

Đoàn đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên gồm những đồng chí tiêu biểu, đại diện cho đảng bộ, có khả năng đóng góp vào sự thành công của đại hội cấp trên.

4. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội, các cấp ủy phải lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình và công tác tư tưởng trong đảng bộ; tập trung giải quyết những vấn đề tồn đọng, bức xúc mà cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm;

tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của nhân dân.

II- NỘI DUNG

1. Nội dung đại hội đảng bộ các cấp

Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện bốn nội dung sau:

- Tổng kết việc thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ qua và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của đảng bộ trong nhiệm kỳ tới.

- Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XI của Đảng và dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp theo hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên.

- Bầu ban chấp hành đảng bộ.

- Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Các tổ chức cơ sở đảng còn từ một năm trở lại sẽ hết nhiệm kỳ thì tiến hành đại hội với đầy đủ bốn nội dung; nơi còn trên một năm mới hết nhiệm kỳ thì tiến hành đại hội với ba nội dung, trừ nội dung bầu ban chấp hành đảng bộ; cá biệt, nơi chưa chuẩn bị tốt nhân sự cấp ủy, được cấp ủy cấp trên đồng ý thì tiến hành đại hội để thảo luận dự thảo văn kiện của Đại hội XI và đại hội cấp trên trực tiếp; bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội cấp trên và bổ sung nhiệm vụ của đảng bộ đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

2. Chuẩn bị văn kiện đại hội và tổ chức thảo luận các dự thảo văn kiện

Văn kiện của cấp ủy trình đại hội đảng bộ bao gồm chủ

yếu hai báo cáo: báo cáo chính trị của đảng bộ và báo cáo kiểm điểm của cấp ủy trong nhiệm kỳ.

- Báo cáo chính trị của đảng bộ phải đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân; gắn kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ chính trị với kiểm điểm việc thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện của đảng bộ trong nhiệm kỳ tới.

- Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy cần đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc, thẳng thắn; đánh giá đúng mức kết quả lãnh đạo của cấp ủy trong nhiệm kỳ; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những yếu kém, khuyết điểm và đề ra biện pháp khắc phục.

Trên cơ sở báo cáo chính trị, các cấp ủy xây dựng dự thảo nghị quyết đại hội gồm những nội dung cơ bản, quan trọng của báo cáo chính trị để đại hội thảo luận, quyết định.

Trong quá trình xây dựng các dự thảo văn kiện của đại hội cấp mình và thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng và đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp, các cấp ủy cần tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân, nhất là ý kiến của cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ hưu trí, cán bộ khoa học - công nghệ và các chuyên gia một cách thích hợp, thiết thực.

Các tỉnh ủy, thành ủy bằng hình thức thích hợp có thể lấy ý kiến đóng góp của các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương về mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong nhiệm kỳ tới, gắn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với định hướng phát triển vùng, lĩnh vực của Trung ương.

Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương có kế hoạch công bố sớm những nội dung cơ bản của dự thảo các văn kiện đại hội trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của nhân dân.

3. Công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy

Công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy phải thực hiện đúng các quy chế, quy định của Đảng và hướng dẫn của Trung ương về công tác cán bộ; nói chung phải trên cơ sở quy hoạch cán bộ, đồng thời chú ý phát hiện những nhân tố mới có đức, có tài, có triển vọng phát triển, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ khoa học - công nghệ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

Tiếp tục cải tiến công tác nhân sự cấp ủy, bảo đảm mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ và trách nhiệm của tập thể cấp ủy và cán bộ, đảng viên; công tâm, khách quan trong lựa chọn, giới thiệu nhân sự, chống tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, cục bộ địa phương hoặc thái độ nể nang, né tránh, ngại va chạm. Nghiêm cấm các biểu hiện bè phái, cơ hội hoặc thực hiện không đúng quy định về những điều đảng viên không được làm.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo thẩm tra, xác minh, kết luận trước khi tiến hành đại hội đối với những nơi có vấn đề mất đoàn kết nội bộ hoặc có đơn, thư (có danh) khiếu nại, tố cáo; trường hợp cán bộ có sai phạm nghiêm trọng thì xử lý nghiêm minh và cử người thay trước khi tổ chức đại hội. Những đảng viên có vấn đề về chính trị, nhất là vấn đề chính trị hiện nay, phải được cấp có thẩm quyền thẩm tra, kết luận

trước khi giới thiệu làm đại biểu đại hội và giới thiệu để bầu vào cấp ủy.

1- Tiêu chuẩn cấp ủy viên

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới căn cứ vào tiêu chuẩn chung của cán bộ được quy định trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ. Cụ thể là:

- Tuyệt đối trung thành với mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng, có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gán bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

- Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Cần đặc biệt nhấn mạnh tiêu chuẩn về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ được giao; uy tín trong Đảng, trong xã hội; tư duy đổi mới, khả năng tiếp cận, nắm bắt, xử lý vấn đề mới và vấn đề phức tạp nảy sinh; khả năng đoàn kết, quy tụ; phong cách làm việc khoa học, dân chủ, sâu sát, nói đi đôi với làm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Lãnh đạo chủ chốt của cấp ủy phải thực sự tiêu biểu về bản lĩnh, trí tuệ, đạo đức và sự cống hiến, có uy tín trong cán

bộ, đảng viên và nhân dân; nói chung đã kinh qua lãnh đạo chủ chốt cấp dưới.

Không cơ cấu vào cấp ủy những cán bộ, đảng viên mà bản thân hoặc vợ (chồng), con vi phạm các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vi phạm những điều đảng viên, cán bộ, công chức không được làm.

Trên cơ sở tiêu chuẩn chung, các cấp ủy xây dựng tiêu chuẩn cụ thể đối với từng đối tượng, từng chức danh cán bộ trong từng loại hình tổ chức, cơ quan, địa phương, đơn vị, sát hợp với yêu cầu nhiệm vụ của mỗi đảng bộ.

2- Cơ cấu cấp ủy và độ tuổi cấp ủy viên

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, các cấp ủy cần có cơ cấu hợp lý để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn diện việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ. Nhất thiết không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn, làm giảm chất lượng của cấp ủy.

Cần chú ý một số điểm sau:

- Kết hợp việc chuẩn bị nhân sự tại chỗ với điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác đến; những địa phương và ngành cần bố trí cấp ủy viên nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ thì ban thường vụ cấp ủy cấp trên chỉ đạo lựa chọn, điều động, luân chuyển người đủ tiêu chuẩn từ nơi khác đến. Mở rộng việc bố trí bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân, chánh án toà án nhân dân, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân và cán bộ lãnh đạo cấp trưởng các ngành thanh tra, công an, tài chính, thuế, hải quan không phải là người địa phương. Không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy.

- Bí thư cấp ủy cấp xã trở lên đã giữ chức vụ hai nhiệm kỳ liên tiếp ở một địa phương, đơn vị, nếu còn đủ điều kiện,

tiêu chuẩn tham gia cấp ủy khóa mới thì cần phân công, bố trí công tác khác hoặc giới thiệu ứng cử chức vụ đã đảm nhiệm ở địa phương, đơn vị khác. Đối với trường hợp cá biệt là bí thư cấp ủy xã vùng cao biên giới, hải đảo xa hoặc nơi có điều kiện đặc thù, được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì có thể được vận dụng giữ chức vụ bí thư quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

- Phấn đấu đạt tỷ lệ cấp ủy viên nữ, trẻ tuổi, người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học công nghệ cao hơn khóa hiện nay; bảo đảm tỷ lệ cấp ủy viên là nữ không dưới 15%, trong đó cần có cán bộ nữ trong ban thường vụ cấp ủy; tỷ lệ cấp ủy viên trẻ tuổi không dưới 15%; tỷ lệ cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, đơn vị.

- Để bảo đảm tính kế thừa và phát triển, cấp ủy các cấp đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên và cần có ba độ tuổi trong cấp ủy và thường vụ cấp ủy. Các đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy nói chung phải đủ tuổi công tác từ hai khóa trở lên, ít nhất cũng trọn một khóa. Những đồng chí được giới thiệu tái ứng cử nói chung phải đủ tuổi công tác trọn một khóa.

Các đồng chí ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương còn đủ tuổi công tác ít nhất ba năm (36 tháng) có thể giới thiệu tái ứng cử. Trong trường hợp cần thiết, được cấp ủy tín nhiệm cao và cấp trên đồng ý thì đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương còn đủ tuổi công tác ít nhất nửa nhiệm kỳ (30 tháng) cũng có thể giới thiệu tái ứng cử.

3- Số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ và phó bí thư cấp ủy

- Số lượng cấp ủy viên tỉnh, thành phố và đảng ủy khối trực thuộc Trung ương từ 49 đến 55 đồng chí; riêng Hà Nội

không quá 75 đồng chí; Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An không quá 69 đồng chí. Số lượng ủy viên thường vụ không quá 15 đồng chí; riêng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An không quá 17 đồng chí. Số lượng phó bí thư 2 đồng chí; riêng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh 3 đồng chí.

- Số lượng cấp ủy viên cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương từ 33 đến 45 đồng chí, ủy viên thường vụ từ 11 đến 13 đồng chí, phó bí thư 2 đồng chí. Quận, thành phố, thị xã trực thuộc cấp tỉnh có số lượng đảng viên lớn hoặc tính chất nhiệm vụ, địa bàn phức tạp, số lượng cấp ủy viên không quá 47 đồng chí, ủy viên thường vụ không quá 15 đồng chí.

- Số lượng cấp ủy viên các đảng ủy khối trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở khác (tập đoàn, tổng công ty lớn) từ 27 đến 33 đồng chí, ủy viên thường vụ từ 9 đến 11 đồng chí, phó bí thư từ 1 đến 2 đồng chí.

- Số lượng đảng ủy viên đảng bộ cơ sở không quá 21 đồng chí, phó bí thư từ 1 đến 2 đồng chí.

Căn cứ vào tiêu chuẩn và thực trạng đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp ủy viên; cấp ủy khóa mới quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp mình theo quy định nêu trên.

Ở những nơi thực hiện thí điểm chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở trực tiếp bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư thì đại hội quyết định số lượng cấp ủy viên, số lượng ủy viên ban thường vụ và số lượng phó bí thư cấp ủy theo quy định nêu trên.

- Những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, hiện đang có chức danh phó bí thư phụ trách tổ chức cơ sở đảng, nếu nhận thấy trong nhiệm kỳ tới vẫn cần có chức danh này và được Ban Bí thư Trung ương Đảng hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì có thể có ba phó bí thư cấp ủy.

Việc quy định số lượng cấp ủy viên và ủy viên thường vụ tăng lên so với nhiệm kỳ trước là nhằm tăng số ủy viên ban chấp hành là cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học công nghệ, cán bộ công tác ở các lĩnh vực, địa bàn có vị trí quan trọng.

4- Thực hiện bầu cử có số dư và đại hội giới thiệu bí thư cấp ủy

- Cấp ủy triệu tập đại hội chuẩn bị danh sách nhân sự cấp ủy khóa mới phải nhiều hơn số lượng cần bầu ít nhất 15%.

- Danh sách bầu cử cấp ủy phải nhiều hơn số lượng cần bầu ít nhất 15%.

- Danh sách bầu ban thường vụ phải nhiều hơn số lượng cần bầu ít nhất 20%.

Ngoài các đảng bộ cơ sở thực hiện thí điểm chủ trương đại hội trực tiếp bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư và đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện thí điểm trực tiếp bầu bí thư, các đảng bộ khác thực hiện việc lấy ý kiến đại hội giới thiệu nhân sự bí thư cấp ủy trong số các đồng chí vừa trúng cử vào ban chấp hành đảng bộ.

4. Số lượng đại biểu dự đại hội và việc bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên

Việc bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải

căn cứ vào Điều lệ Đảng, Quy chế bầu cử trong Đảng và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên.

Số lượng đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp quy định như sau:

- Số lượng đại biểu đại hội Đảng bộ Công an Trung ương, đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố và đảng bộ khối trực thuộc Trung ương từ 300 đến 350 đại biểu; riêng Đảng bộ Hà Nội không quá 500 đại biểu; Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Thanh Hóa và Đảng bộ quân đội không quá 450 đại biểu.

- Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và cấp trên cơ sở khác không quá 300 đại biểu.

- Đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên tiến hành đại hội đảng viên, trường hợp có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên, nếu được ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì tổ chức đại hội đại biểu. Các đảng bộ cơ sở có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu.

- Đại hội đảng bộ được bầu một số đại biểu dự khuyết dự đại hội đại biểu cấp trên để thay thế đại biểu chính thức vắng mặt trong suốt thời gian đại hội cấp trên. Số lượng đại biểu dự khuyết do đại hội mỗi cấp quyết định.

- Cấp ủy triệu tập đại hội căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng tổ chức đảng trực thuộc và vị trí quan trọng của từng đảng bộ trực thuộc để phân bổ đại biểu tham dự đại hội.

5. Thời gian tiến hành đại hội các đảng bộ

- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu đảng bộ cơ sở không quá 2 ngày; bắt đầu từ tháng 5-2010, cơ bản hoàn thành trong tháng 6-2010.

- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên cơ sở, quận, huyện và tương đương không quá 3 ngày, hoàn thành trong tháng 8-2010.

- Đại hội đại biểu đảng bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đảng bộ quân đội, công an không quá 4 ngày; đại hội đại biểu đảng bộ khối trực thuộc Trung ương không quá 3 ngày, hoàn thành trong tháng 10-2010.

- Thời gian họp trừ bị đại hội đại biểu đảng bộ cấp quận, huyện và tương đương trở lên không quá nửa ngày.

6. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ sau đại hội

Đồng thời với việc phân công cấp ủy viên khóa mới, các cấp ủy cần làm tốt việc sắp xếp, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với các đồng chí cấp ủy viên không tái cử khóa mới.

Những đồng chí không đủ tuổi tái cử cấp ủy khóa mới, nếu có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi và đủ điều kiện thì giải quyết theo quy định tại Nghị định số 132/2007/NĐ-CP, ngày 8-8-2007 của Chính phủ. Những đồng chí còn từ hai năm trở lên mới đến tuổi nghỉ hưu, có phẩm chất, năng lực, uy tín, sức khỏe và nguyện vọng tiếp tục công tác thì xem xét, bố trí công tác thích hợp. Những đồng chí còn dưới hai năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu, nếu không bố trí được công việc thích hợp thì nghỉ công tác, giữ nguyên một số chế độ, chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu.

III- CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy tổ chức quán triệt và có kế hoạch chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này; phát động phong trào thi

đưa lập thành tích chào mừng đại hội gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2010 và đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; thực hiện tốt công tác tuyên truyền và công tác tư tưởng trong đảng bộ; chỉ đạo chặt chẽ công tác thông tin, báo chí; bảo đảm phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, ngăn ngừa các biểu hiện tiêu cực.

2. Các cấp ủy lập các tiểu ban giúp việc chuẩn bị và tổ chức đại hội; phân công ủy viên thường vụ và cấp ủy viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội của cấp ủy cấp dưới; chú trọng chỉ đạo đối với những đảng bộ cấp trên cơ sở thực hiện thí điểm chủ trương đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy và những đảng bộ cơ sở thực hiện thí điểm chủ trương đại hội trực tiếp bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư.

Ban thường vụ cấp ủy cấp dưới phải báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp việc chuẩn bị văn kiện và phương án nhân sự của đại hội, khi được cấp trên trực tiếp đồng ý mới tiến hành đại hội.

Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương chọn từ 15% đến 20% đảng bộ cấp trên cơ sở thực hiện thí điểm chủ trương đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy trong số các đồng chí vừa trúng cử vào ban chấp hành đảng bộ.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ cho ý kiến về nội dung văn kiện và phương án nhân sự lãnh đạo chủ chốt các cấp ủy trực thuộc Trung ương; chọn từ 15% đến 20% đảng bộ trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm chủ trương đại hội trực tiếp

bầu bí thư cấp ủy; đồng thời phân công Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, kiểm tra việc chuẩn bị và tổ chức đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương.

3. Sau đại hội, cấp ủy khóa mới tổ chức rút kinh nghiệm về công tác chuẩn bị và tiến hành đại hội; báo cáo cấp ủy cấp trên chuẩn y cấp ủy, các chức danh lãnh đạo cấp ủy và ủy ban kiểm tra của cấp ủy khóa mới; xây dựng quy chế làm việc, phân công công tác cho các cấp ủy viên và kịp thời xây dựng kế hoạch chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết đại hội.

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các ban đảng có liên quan ở Trung ương hướng dẫn cụ thể việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp. Các ban đảng ở Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng theo chức năng của mình hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chuẩn bị, tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 252-QĐ/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2009

**Bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo Đề án đào tạo,
bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài
bằng ngân sách nhà nước**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Thông báo số 165-TB/TW, ngày 27-6-2008 của Bộ Chính trị về Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Lê Minh Thông, Vụ trưởng Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương vào danh sách thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 165, đồng chí Lê Minh Thông và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

HỒ ĐỨC VIỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 53-KL/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2009
VỀ ĐỀ ÁN “An ninh lương thực quốc gia đến
năm 2020”

Tại phiên họp ngày 23-7-2009, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được ủy quyền của Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo về Đề án “An ninh lương thực quốc gia đến năm 2020”, ý kiến thẩm định của Văn phòng Trung ương Đảng (số 7641-CV/VPTW, ngày 22-7-2009) và ý kiến của các bộ, ban, ngành Trung ương, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Về cơ bản nhất trí với nội dung và những kiến nghị của Ban Cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Đề án “An ninh lương thực quốc gia đến năm 2020”.

Những năm qua, thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp, nông thôn, sản xuất lương thực, thực phẩm tăng khá, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị của đất nước. Tuy nhiên, trong sản xuất, lưu thông vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, nổi lên là: sản xuất lương thực, thực phẩm

chưa thực sự bền vững; phương thức sản xuất nông nghiệp chậm được đổi mới; hạ tầng, khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất còn nhiều yếu kém; quản lý sản xuất, điều hành trong kinh doanh, xuất khẩu còn những bất cập; thu nhập của người sản xuất còn thấp và lợi ích địa phương trồng lúa chưa được coi trọng.

An ninh lương thực là vấn đề trọng đại của đất nước trước mắt cũng như lâu dài. Trong phát triển sắp tới cần chú ý những vấn đề lớn sau:

- Quy hoạch, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, hiệu quả là cơ sở để bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia; gắn sản xuất với các hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu lương thực, thực phẩm trong mọi tình huống; nâng cao dinh dưỡng, cải thiện bữa ăn của nhân dân.

- Phát huy lợi thế về cây lúa là chính và phát triển lương thực, thực phẩm thành các vùng sản xuất hàng hóa có hiệu quả và sức cạnh tranh cao; đẩy mạnh cơ giới hóa, chế biến, bảo quản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ môi trường bền vững.

- Cân đối hài hòa giữa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu lương thực, thực phẩm. Tổ chức tốt hệ thống mua, bán và dự trữ ở các vùng, miền, tạo thuận lợi cho mọi người dân tiếp cận dễ dàng về lương thực, thực phẩm với chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

- Mục tiêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phải bảo đảm đủ nguồn cung cấp lương thực với sản lượng cao hơn 2 lần tốc độ tăng dân số. Chấm dứt tình trạng thiếu đói lương

thực, nâng cao chất lượng bữa ăn. Bảo đảm lãi của nông dân sản xuất lúa trên 30% giá thành sản xuất.

2. Trên cơ sở những định hướng, mục tiêu trên, Bộ Chính trị giao Ban Cán sự đảng Chính phủ cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung và giải pháp của Đề án. Trong đó, chú trọng các giải pháp: quy hoạch, bảo vệ và sử dụng hiệu quả 3,8 triệu hecta đất lúa; hoàn thiện hạ tầng; phát triển khoa học - công nghệ, tăng cường cơ giới hóa, chế biến lương thực, thực phẩm, nâng cao giá trị sản xuất và các sản phẩm. Ban hành đồng bộ các chính sách bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, nhất là các chính sách: đảm bảo lợi ích của người trồng lúa, địa phương được quy hoạch trồng lúa giữ được đất lúa; chính sách cho người trồng rừng, địa phương có đất rừng giữ được rừng và nguồn nước; thu hút và phát triển mạnh mẽ các loại hình doanh nghiệp nông nghiệp, công ty dịch vụ kỹ thuật, các loại hình hợp tác ở nông thôn. Xây dựng cơ chế điều hành xuất khẩu lương thực, thực phẩm linh hoạt, phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; kết hợp tốt giữa dự trữ lưu thông và dự trữ nhà nước để bảo đảm yêu cầu cứu trợ lương thực, thực phẩm trong trường hợp khẩn cấp.

3. Về việc thành lập Ủy ban An ninh lương thực quốc gia, giao Ban Cán sự đảng Chính phủ xem xét, quyết định để bảo đảm chỉ đạo toàn diện các nội dung của Đề án.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy theo chức năng, nhiệm vụ

của mình triển khai thực hiện các nội dung của Đề án và Kết luận của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 265-TB/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2009

Về Đại hội lần thứ VII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Ngày 4-8-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ VII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Tờ trình số 10/TT-MTTW-ĐĐ, ngày 13-7-2009; số 175/MTTW-ĐĐ, ngày 3-8-2009) và ý kiến phát biểu của các ban đảng có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

Ban Bí thư cơ bản nhất trí với dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ VII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Báo cáo được chuẩn bị công phu, đã tiếp thu được nhiều ý kiến đóng góp qua đại hội mặt trận các cấp. Ban Bí thư nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý sau:

1. Đại hội lần thứ VII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Thời gian qua, thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 22-11-2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam lần thứ VII, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với các cấp ủy đảng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố tiến hành đại hội từ cơ sở theo đúng kế hoạch, đạt kết quả tốt.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ qua đã có nhiều hoạt động tích cực, chú trọng đẩy mạnh các phong trào hoạt động tình nghĩa, được nhân dân đồng tình hưởng ứng, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại, nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể không ngừng vững mạnh.

Báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ VII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phân tích, đánh giá đúng mức những thành tựu, khuyết điểm trong quá trình xây dựng và phát triển của đất nước cũng như thực trạng khối đại đoàn kết toàn dân; những kết quả và tồn tại, yếu kém trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc nhiệm kỳ qua; phân tích sâu sắc hơn những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong công tác này.

Về phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới, cần tập trung vào việc tập hợp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, hướng các hoạt động về cơ sở; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp phải cụ thể, thiết thực, tránh phô trương, hình thức, khắc phục tình trạng hành chính, quan liêu. Đồng thời, yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể cần nêu cao trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp xây dựng Mặt trận Tổ quốc các cấp vững mạnh.

Tiêu đề của Báo cáo chính trị cần thể hiện được tư tưởng chỉ đạo và chủ đề của Đại hội lần thứ VII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là “Nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

2. Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Ban Bí thư đồng ý việc bổ sung vấn đề “đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân” và vấn đề “phản biện xã hội” theo đúng quy định của pháp luật vào phần mở đầu hoặc trong một điều của Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Không cụ thể hóa các nội dung về hoạt động phản biện xã hội ở các điều như trong dự thảo trình Ban Bí thư.

3. Ban Bí thư cơ bản đồng ý về phương hướng nhân sự Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Chủ tịch và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VII do Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình. Cụ thể như sau: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 357 vị, Đoàn Chủ tịch 55 - 61 vị, Ban Thường trực 9 vị (gồm chủ tịch, phó chủ tịch kiêm tổng thư ký và các phó chủ tịch chuyên trách phụ trách các lĩnh vực); ngoài ra, có một số phó chủ tịch không chuyên trách.

Về nhân sự cụ thể Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VII, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm việc với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan để trình Bộ Chính trị,

Ban Bí thư cho ý kiến theo quy chế và các quy định hiện hành về công tác cán bộ.

4. Đồng ý về thời gian, địa điểm, số lượng và thành phần đại biểu dự Đại hội như trong Tờ trình.

Về mời khách quốc tế dự Đại hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao đổi với Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương theo hướng mời bốn đoàn dự: Mặt trận Lào xây dựng đất nước, Hội nghị Chính trị hiệp thương nhân dân Trung Quốc, Ủy ban Bảo vệ cách mạng Cuba, Mặt trận Đoàn kết phát triển Tổ quốc Campuchia; một số đại sứ và tổ chức quốc tế ở Hà Nội.

5. Đồng ý nhân dịp Đại hội lần thứ VII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tặng bức trướng cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nội dung bức trướng, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các ban đảng có liên quan và Văn phòng Trung ương Đảng chuẩn bị, trình Ban Bí thư cho ý kiến.

6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan chuẩn bị bài phát biểu của Tổng Bí thư tại Đại hội lần thứ VII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

7. Ban Cán sự đảng Chính phủ và các ban, ngành có liên quan phối hợp, tạo điều kiện để Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức tốt Đại hội này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 253-QĐ/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2009

**Ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa
Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương với
đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan
Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc
Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương

với đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương và đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế. Quá trình thực hiện nếu cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

Phối hợp công tác giữa Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương với đảng đoàn, ban cán sự Đảng, lãnh đạo các cơ quan Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 253-QĐ/TW ngày 7-8-2009 của Ban Bí thư)

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi phối hợp

1. Quy chế này điều chỉnh mối quan hệ phối hợp công tác giữa Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương (gọi tắt là Đảng ủy Khối) với:

- Ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương; tập thể lãnh đạo các cơ quan Trung ương (nơi không lập đảng đoàn hoặc ban cán sự đảng) - gọi chung là lãnh đạo các cơ quan Trung ương.

- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, nơi có tổ chức đảng, đảng viên thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương (gọi tắt là Đảng bộ Khối) đóng trên địa bàn.

2. Đảng ủy Khối và lãnh đạo các cơ quan Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp trong việc lãnh đạo các cấp ủy thuộc Đảng bộ Khối quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và tăng cường công tác xây dựng đảng, công tác cán bộ, lãnh đạo các đoàn thể trong các cơ quan Trung ương.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp công tác giữa Đảng ủy Khối với lãnh đạo các cơ quan Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương căn cứ vào Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi bên được Trung ương quy định.

II- NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP

A- ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Điều 3. Quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và các văn bản pháp luật của Nhà nước

1. Đảng ủy Khối phối hợp với lãnh đạo các cơ quan Trung ương thực hiện việc phổ biến thông báo nhanh các nghị quyết của Trung ương đến cán bộ chủ chốt, cấp ủy các đảng bộ trực thuộc; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Lãnh đạo các cơ quan Trung ương chủ trì phổ biến, tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, các văn bản pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị.

3. Khi lãnh đạo các cơ quan Trung ương chủ trì cụ thể hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Quốc

hội, Chính phủ về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng thành chương trình, kế hoạch công tác thì mời (hoặc thông báo) để Đảng ủy Khối tham gia phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

4. Khi Đảng ủy Khối xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Trung ương thì mời (hoặc thông báo) đến các bộ, ban, ngành, mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội có liên quan để lãnh đạo các cơ quan Trung ương tham dự và phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Điều 4. Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan Trung ương và Đảng ủy Khối

1. Đảng ủy Khối tham gia với lãnh đạo các cơ quan Trung ương về những vấn đề cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các cơ quan Trung ương; phối hợp với lãnh đạo các cơ quan Trung ương làm tốt chức năng tham mưu, nghiên cứu đề xuất với Đảng, Nhà nước trong việc hoạch định và thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của các cơ quan Trung ương.

2. Lãnh đạo các cơ quan Trung ương tham gia với Đảng ủy Khối thực hiện tốt nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, chất lượng sinh hoạt chi bộ và sinh hoạt cấp ủy các cấp; nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan Trung ương.

Điều 5. Công tác tổ chức, cán bộ

1. Phối hợp lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ và quản lý cán bộ theo phân cấp. Đối với cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý thực hiện theo phân cấp quản lý và quy trình hướng dẫn của Trung ương. Khi lãnh đạo các cơ quan Trung ương hoặc Đảng ủy Khối sắp xếp, kiện toàn, đổi mới tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đảng thì thông báo cho nhau biết và phối hợp thực hiện.

2. Khi lãnh đạo các cơ quan Trung ương chủ trì thực hiện quy trình công tác về cán bộ (quy hoạch, giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, kỷ luật) liên quan đến bí thư, phó bí thư các đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Khối thì xin ý kiến tham gia của Đảng ủy Khối bằng văn bản.

3. Đảng ủy Khối chủ trì thực hiện quy trình cán bộ, nhân sự cấp ủy các tổ chức đảng trực thuộc theo phân cấp quản lý cán bộ. Đối với bí thư, phó bí thư tổ chức đảng trực thuộc là cán bộ thuộc diện lãnh đạo cơ quan Trung ương quản lý thì xin ý kiến tham gia của lãnh đạo cơ quan Trung ương bằng văn bản.

Điều 6. Công tác thanh tra; kiểm tra, giám sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Đảng ủy Khối và lãnh đạo các cơ quan Trung ương phối hợp trong thực hiện công tác thanh tra; kiểm tra, giám sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo bảo đảm đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, tránh chồng chéo.

2. Đảng ủy Khối và lãnh đạo các cơ quan Trung ương khi phát hiện tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có dấu

hiệu vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoặc có vụ việc khiếu nại, tố cáo thì thông báo với nhau để phối hợp thanh tra, kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền. Đồng thời phối hợp xem xét những vấn đề liên quan trước khi kết luận, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định hình thức xử lý, kỷ luật và thông báo với nhau kết quả giải quyết.

3. Khi Đảng ủy Khối tiến hành kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy trực thuộc và quyết định kiểm tra đối với tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì thông báo với lãnh đạo các cơ quan Trung ương biết để phối hợp thực hiện. Khi kết luận kiểm tra, Đảng ủy Khối thông báo để lãnh đạo các cơ quan trung ương biết và phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

Điều 7. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

1. Phối hợp lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong việc cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước thành chương trình, kế hoạch hành động công tác của đoàn thể trong các cơ quan Trung ương.

2. Phối hợp lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ở cơ quan, đơn vị; phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu và các biểu hiện tiêu cực khác trong các cơ quan Trung ương.

3. Đảng ủy Khối phối hợp với Ban Bí thư Trung ương Đoàn lãnh đạo Đoàn Thanh niên Khối trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, sắp xếp tổ chức và bố trí nhân sự lãnh đạo Đoàn Thanh niên Khối.

B- ĐỐI VỚI CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Điều 8. Đảng ủy Khối phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương nơi có tổ chức đảng, đảng viên thuộc Đảng bộ Khối đóng trên địa bàn với các nội dung sau:

1. Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, trực tiếp là các huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy khối thuộc tỉnh nơi có tổ chức đảng, đảng viên thuộc Đảng bộ Khối đóng trên địa bàn, phối hợp với Đảng ủy Khối trong việc tổ chức quán triệt và nghiên cứu, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của cấp ủy địa phương có liên quan và việc bồi dưỡng nhận thức về Đảng, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên mới, bồi dưỡng cấp ủy viên... cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thuộc Đảng bộ Khối đang công tác trên địa bàn khi có yêu cầu.

2. Đảng ủy Khối phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, quản lý đảng viên ở nơi cư trú và kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng thuộc Đảng bộ Khối đóng trên địa bàn.

3. Cấp ủy địa phương chủ động thông báo với các cấp ủy thuộc Đảng bộ Khối đóng trên địa bàn các nghị quyết, quyết định liên quan đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, môi trường, đất đai, tài nguyên, dân số - kế hoạch hóa gia đình... để phối hợp chỉ đạo thực hiện.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Chế độ làm việc và thông tin

1. Hằng năm hoặc khi cần thiết, Đảng ủy Khối và lãnh đạo các cơ quan Trung ương tổ chức trao đổi về việc thực hiện Quy chế phối hợp.

2. Hằng năm hoặc khi cần thiết, lãnh đạo các cơ quan Trung ương tổ chức cuộc họp hoặc trao đổi bằng văn bản về chương trình, kế hoạch và các giải pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị mình với Đảng ủy Khối để phối hợp chỉ đạo thực hiện.

3. Khi cần thiết, Đảng ủy Khối và các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức cuộc họp hoặc trao đổi bằng văn bản về những nội dung liên quan đến việc thực hiện Quy chế phối hợp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 266-TB/TW, ngày 11 tháng 8 năm 2009

Về Đề án “Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”

Tại phiên họp ngày 7-8-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo Đề án “Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về “Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới”, Ban Tuyên giáo Trung ương đã có nhiều cố gắng xây dựng Đề án “Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Tuy nhiên, còn nhiều nội dung cần được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, đánh giá đầy đủ hơn tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng hiện nay, dự báo tình hình tư tưởng các đối tượng xã hội trong những năm tới... Do đó, giao Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Đề án để báo cáo Bộ Chính trị sau Đại hội XI của Đảng.

- Trước mắt, tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về “Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới” và một số giải pháp mới cần thiết đã được nêu trong Đề án (như việc đẩy mạnh hơn nữa việc sử dụng mạng thông tin điện tử trong công tác tư tưởng, trong việc đấu tranh chống các quan điểm xuyên tạc, vu cáo, chống phá Đảng, Nhà nước ta của các thế lực thù địch...), tập trung vào giải quyết một số vấn đề về tình hình tư tưởng bức xúc của các tầng lớp xã hội hiện nay và đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác thông tin đối ngoại.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 54-KL/TW, ngày 13 tháng 8 năm 2009

**Về việc lập quy hoạch đầu tư xây dựng mới
Khách sạn Tây Hồ và đầu tư Dự án Nhà làm việc
liên cơ quan tại số 105, 107 phố Quán Thánh,
quận Ba Đình, Hà Nội**

Tại phiên họp ngày 4-8-2009, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo xin chủ trương phương án quy hoạch đầu tư xây dựng mới Khách sạn Tây Hồ thuộc Công ty Hồ Tây (Tờ trình số 63-TTr/VPTW, ngày 19-5-2009) và đầu tư Dự án Nhà làm việc liên cơ quan tại số 105, 107 phố Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội (Tờ trình số 24-TTr/VPTW/nb, ngày 31-7-2009), Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

1. Khách sạn Tây Hồ được đầu tư xây dựng từ năm 1990, trên một khuôn viên có diện tích đất 32.000m² và được đưa vào sử dụng năm 1991. Do thiết kế ban đầu là một nhà khách nên hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật của Khách sạn không đồng bộ, cơ cấu buồng, phòng không hợp lý; mật độ xây dựng (18%), hệ số sử dụng đất rất thấp (0,15%); hiệu quả

kinh doanh của Khách sạn trong nhiều năm qua rất thấp, hầu như không có lãi hoặc tỷ lệ lãi rất thấp.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, đồng ý quy hoạch lại tổng thể và đầu tư xây dựng mới Khách sạn Tây Hồ thành một tổ hợp khách sạn (cấp 5 sao) và căn hộ cao cấp cho thuê trên cơ sở quy hoạch của Thành phố Hà Nội và Bộ Xây dựng.

Trong quá trình thực hiện, cần nghiên cứu phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn cho phù hợp. Giai đoạn đầu triển khai đầu tư xây dựng cụm công trình trên khu đất sân vườn và bể bơi phía trước Khách sạn giáp với Hồ Tây để vừa xây dựng vừa khai thác tối đa Khách sạn Tây Hồ hiện có. Sau khi hoàn thành giai đoạn đầu, mới phá dỡ khách sạn cũ để đầu tư xây dựng cụm công trình còn lại theo quy hoạch tổng thể Khách sạn Tây Hồ mới được phê duyệt.

Giao Văn phòng Trung ương Đảng phê duyệt phương án quy hoạch tổng thể Khách sạn Tây Hồ và Dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tiến độ thực hiện:

- Thời gian chuẩn bị đầu tư từ nay đến hết quý I-2011.
- Khởi công Dự án vào quý II-2011.

2. Đồng ý tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng Nhà làm việc liên cơ quan của các ban đảng Trung ương tại số nhà 105, 107 phố Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, để khởi công xây dựng vào năm 2011 (sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI).

Văn phòng Trung ương Đảng cần rà soát, bố trí, sắp xếp để sử dụng những cơ sở vật chất hiện có cho phù hợp, có hiệu quả. Nghiên cứu, xây dựng phương án quản lý, sử dụng

Hội trường số 4 Nguyễn Cảnh Chân làm nhà truyền thống của Trung ương.

Giao Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 269-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2009

**Về chủ trương xây dựng Khu tưởng niệm
đồng chí Võ Văn Kiệt tại tỉnh Vĩnh Long**

Tại phiên họp ngày 31-8-2009, sau khi nghe đại diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long báo cáo về việc xin chủ trương xây dựng Khu tưởng niệm cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại tỉnh Vĩnh Long (Tờ trình số 11-TTr/TU, ngày 17-7-2009); ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương xây dựng Khu tưởng niệm đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ tại huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhằm ghi nhận, tưởng nhớ công lao to lớn của đồng chí Võ Văn Kiệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc; góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ mai sau.

2. Tỉnh ủy Vĩnh Long phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành khảo sát thực tế, lập đề án xây dựng Khu tưởng niệm đồng chí Võ Văn Kiệt, trình

các cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Tên gọi, quy mô của Khu tưởng niệm đồng chí Võ Văn Kiệt cần thống nhất và phù hợp với khu tưởng niệm các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước hiện có. Khu tưởng niệm đồng chí Võ Văn Kiệt cần chú trọng chất lượng công trình, bảo đảm giá trị lâu dài, không vì sức ép thời gian phải hoàn thành vào năm 2012.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 270-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2009

**Về chủ trương bảo tồn, tôn tạo di tích
tại Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp**

Tại phiên họp ngày 31-8-2009, sau khi nghe đại diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp báo cáo về việc xin chủ trương xây dựng Bảo tàng Xứ ủy Nam Bộ tại Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp (Tờ trình số 62-TTr/TU, ngày 29-8-2009 và Báo cáo số 435-BC/TU, ngày 7-7-2009); ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý chủ trương bảo tồn, tôn tạo, phát huy di tích văn hóa, lịch sử, di tích lịch sử cách mạng về hoạt động của Xứ ủy Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp tại Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp. Đây là việc cần thiết nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

2. Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với tỉnh Đồng Tháp tiến hành khảo sát thực tế, xây dựng Đề án bảo tồn, tôn tạo tổng thể các di tích tại Gò Tháp (gồm cả di tích lịch sử, văn hóa, sinh

thái, lịch sử cách mạng). Trong quá trình xây dựng Đề án, cần xin ý kiến các đồng chí lão thành cách mạng, các cơ quan hữu quan để bảo đảm tính chân thực, sau đó báo cáo Bộ Chính trị về chủ trương này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 255-QĐ/TW, ngày 4 tháng 9 năm 2009

Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Thông báo kết luận số 264-TB/TW, ngày 31-7-2009 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”;
- Xét đề nghị của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng ban.

2. Đồng chí Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng Ban Thường trực.

3. Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Trưởng ban.

4. Đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Phó Trưởng ban.

5. Đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Thành viên.

6. Đồng chí Nguyễn Quốc Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Thành viên.

7. Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hòa, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Thành viên.

8. Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Thành viên.

9. Đồng chí Vũ Văn Hiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Thành viên.

10. Đồng chí Vũ Văn Hiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Thành viên.

11. Đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Thành viên.

12. Đồng chí Trần Hanh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Thành viên.

13. Đồng chí Lê Bá Trình, Ủy viên Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thành viên.

14. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thành viên.

15. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thành viên.

16. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Thành viên.

17. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Công Thương, Thành viên.

18. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên.

19. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Tài chính, Thành viên.

20. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Thành viên.

21. Đồng chí Nguyễn Thanh Sơn, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Chủ nhiệm Ủy ban Người Việt Nam ở nước ngoài, Thành viên.

22. Đồng chí Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Thành viên.

23. Đồng chí Đoàn Phương, Chủ tịch Hiệp hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam, Thành viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” có nhiệm vụ:

- Tổ chức phát động cuộc vận động trong toàn xã hội và chỉ đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương thực hiện tốt cuộc vận động theo đúng mục đích, nhiệm vụ và giải pháp cơ bản được xác định trong Thông báo kết luận số 264-TB/TW, ngày 31-7-2009 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thành lập ban chỉ đạo cuộc vận động cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện; tổ chức kiểm tra, sơ kết kết quả hằng năm và tổng kết việc thực hiện cuộc vận động theo định kỳ từ 3 đến 5 năm.

Điều 3. Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động thành lập Ban Thường trực gồm một số đồng chí lãnh đạo cấp vụ của các cơ quan có thành viên tham gia Ban Chỉ đạo để giúp Ban Chỉ đạo điều hành công việc cụ thể.

Điều 4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 38-CT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 2009
VỀ “Đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế
trong tình hình mới”

Bảo hiểm y tế là một chính sách xã hội quan trọng, mang ý nghĩa nhân đạo và có tính chia sẻ cộng đồng sâu sắc, được Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng và luôn luôn đề cao trong hệ thống chính sách an sinh xã hội. Sau gần 17 năm hoạt động, bảo hiểm y tế từng bước phát triển và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Số người tham gia bảo hiểm y tế không ngừng tăng lên, từ 5,6% dân số vào năm 1993 lên 46% dân số vào năm 2008. Người nghèo và các đối tượng hưởng chính sách xã hội đã được Nhà nước dùng ngân sách để mua và cấp thẻ bảo hiểm y tế nên việc tiếp cận dịch vụ y tế của các đối tượng này đã được cải thiện rõ rệt. Quyền lợi trong khám bệnh, chữa bệnh của những người tham gia bảo hiểm y tế từng bước được mở rộng. Cùng với ngân sách nhà nước dành cho y tế, bảo hiểm y tế đã tạo ra nguồn tài chính công đáng kể cho việc khám bệnh, chữa bệnh, góp phần thực hiện mục tiêu công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân

và đảm bảo an sinh xã hội. *Luật bảo hiểm y tế* đã được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ tư, ngày 14-11-2008, là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo hiểm y tế phát triển trong thời gian tới.

Tuy nhiên, bảo hiểm y tế còn một số hạn chế và yếu kém: tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế chưa chiếm đa số trong nhân dân; một số đơn vị, tổ chức, đặc biệt là doanh nghiệp chưa nghiêm túc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế cho người lao động; số người tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện phần lớn là người có bệnh mạn tính và người có nguy cơ mắc bệnh cao; mức đóng bảo hiểm y tế của các nhóm đối tượng chưa tương xứng với mức độ gia tăng của chi phí khám bệnh, chữa bệnh cùng với tình trạng lạm dụng thuốc, lạm dụng kỹ thuật cao dẫn đến Quỹ bảo hiểm y tế những năm gần đây đã bắt đầu mất khả năng cân đối thu, chi; thái độ phục vụ của một bộ phận cán bộ y tế và thủ tục hành chính trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế còn gây không ít bức xúc cho người bệnh.

Nguyên nhân chính của những yếu kém trên là do cấp ủy đảng và chính quyền ở một số đơn vị, địa phương và một bộ phận không nhỏ trong nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về vị trí và tầm quan trọng của bảo hiểm y tế trong hệ thống an sinh xã hội; các chính sách của bảo hiểm y tế chưa bắt kịp với sự phát triển kinh tế - xã hội và sự thay đổi cơ cấu của mô hình bệnh tật; công tác tuyên truyền, phổ biến và vận động thực hiện chính sách bảo hiểm y tế chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao; việc khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế còn nhiều bất cập, chưa thể hiện tính ưu việt của bảo hiểm y tế; năng lực tổ chức, quản lý của cán bộ bảo hiểm y tế còn yếu;

sự phối hợp liên ngành y tế - bảo hiểm xã hội - tài chính trong hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế chưa tốt, hiệu quả thực hiện chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực y tế hiệu quả chưa cao.

Để chính sách bảo hiểm y tế thực sự góp phần đảm bảo an sinh xã hội và công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân quán triệt và thực hiện tốt một số nội dung chính sau:

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc và nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa của bảo hiểm y tế

- Bảo hiểm y tế là một chính sách xã hội do Nhà nước tổ chức, nhằm huy động sự đóng góp tài chính của cộng đồng để tạo Quỹ bảo hiểm y tế không vì mục đích lợi nhuận, giúp cho người tham gia bảo hiểm y tế có nguồn tài chính để chăm sóc sức khỏe, bảo vệ quyền lợi của mình theo luật định.

- Bảo hiểm y tế là một bộ phận quan trọng trong chính sách tài chính y tế quốc gia và là một trong những phương thức tạo nguồn tài chính cho hoạt động chăm sóc sức khỏe thông qua huy động đóng góp của người dân, được thực hiện có tổ chức, mang tính chia sẻ trong cộng đồng và nhằm mục đích thực hiện công bằng, nhân đạo trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Bảo hiểm y tế là một trong các hoạt động nhân đạo nhất, thể hiện sự hỗ trợ tương thân tương ái trong chăm sóc sức khỏe giữa người giàu với người nghèo, giữa người thuận lợi về sức khỏe với người ốm đau và rủi ro về sức khỏe, giữa người đang độ tuổi lao động với người già và trẻ em.

Đồng thời, bảo hiểm y tế mang tính dự phòng những rủi ro do chi phí cao cho chăm sóc sức khỏe gây nên khi ốm đau, bệnh tật.

- Có nhiều hình thức bảo hiểm y tế, nhưng hình thức mang tính ưu việt nhất mà nước ta phải hướng tới trong chính sách bảo hiểm y tế là bảo hiểm y tế bắt buộc toàn dân với nguyên tắc mọi người dân đóng góp bảo hiểm y tế theo thu nhập cá nhân, người nghèo và người trong diện chính sách xã hội được Nhà nước hỗ trợ, nhưng khi khám bệnh, chữa bệnh hưởng theo quyền lợi đã được quy định dựa trên nhu cầu chữa bệnh.

- Việc tham gia bảo hiểm y tế là nghĩa vụ của mọi người dân, kể cả những người đang khỏe mạnh. Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo hiểm y tế là của các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

2. Tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách về bảo hiểm y tế

- Các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền phải tổ chức học tập *Luật bảo hiểm y tế* được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ tư thông qua một cách nghiêm túc, sâu rộng để mọi người dân nắm được những nội dung cơ bản của luật. Các bộ, ngành có liên quan cần nhanh chóng hoàn thiện các văn bản dưới luật để đưa luật sớm đi vào cuộc sống.

- Các cấp chính quyền và các đơn vị khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và từng thời kỳ, phải tính toán, xác định chỉ tiêu về dân số tham gia bảo hiểm y tế, bố trí và công bố chỉ tiêu ngân sách, trong đó nguồn ngân sách nhà nước là chính kết hợp với việc huy động thêm

các nguồn ngân sách khác để mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo và người được hưởng các chính sách xã hội, hỗ trợ việc mua thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế ở tất cả các cấp, các ngành, các đoàn thể và các đơn vị, nhất là các doanh nghiệp; nhanh chóng khắc phục và xóa bỏ tình trạng không tham gia hay nợ đóng bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế kéo dài của các doanh nghiệp. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, giám sát việc sử dụng bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để xử lý nghiêm minh và hạn chế, ngăn chặn hiện tượng lạm dụng hoặc trục lợi từ bảo hiểm y tế.

3. Đổi mới công tác thông tin, truyền thông và tuyên truyền về bảo hiểm y tế

- Các cơ quan thông tấn, báo chí và các cơ quan truyền thông đại chúng cần tập trung việc thông tin, truyền thông và tuyên truyền theo hướng nhấn mạnh vị trí, vai trò, ý nghĩa của bảo hiểm y tế trong hệ thống an sinh xã hội; đề cao nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người dân trong tham gia bảo hiểm y tế; phát hiện những bất cập hoặc yếu kém của chính sách bảo hiểm y tế và việc khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để kịp thời khắc phục và điều chỉnh; giới thiệu, động viên các đơn vị, cá nhân và các mô hình thực hiện tốt bảo hiểm y tế; phê phán những hiện tượng lệch lạc trong thực hiện bảo hiểm y tế.

- Trong công tác thông tin, truyền thông và tuyên truyền về bảo hiểm y tế, cần tập trung vào các đối tượng: nông dân, người cận nghèo, học sinh, sinh viên, các chủ sử dụng lao động, nhất là các chủ doanh nghiệp tư nhân.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan truyền thông đại chúng xây dựng kế hoạch đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông và tuyên truyền về bảo hiểm y tế.

4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế và quản lý Quỹ bảo hiểm y tế

- Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý bảo hiểm y tế theo hướng vừa thể hiện được sự phân định cụ thể, rõ ràng, vừa thể hiện sự kết hợp chặt chẽ về trách nhiệm và quyền hạn trong quản lý bảo hiểm y tế giữa cấp trung ương và các cấp địa phương; giữa cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế với cơ quan quản lý Quỹ bảo hiểm y tế; giữa quản lý Quỹ bảo hiểm y tế theo ngành dọc với quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế và đội ngũ cán bộ bảo hiểm y tế tại các địa phương; giữa cơ quan cung ứng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan quản lý bảo hiểm y tế và quản lý Quỹ bảo hiểm y tế. Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Y tế và Ban Cán sự đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm nghiên cứu và trình Chính phủ kế hoạch củng cố và hoàn thiện bộ máy bảo hiểm y tế, tránh làm xáo trộn bộ máy, gây ảnh hưởng đến tư tưởng cán bộ và hiệu quả công việc. Ban Cán sự đảng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động bảo hiểm y tế một cách thiết thực và hiệu quả để trình Chính phủ ban hành.

- Tăng cường công tác quản lý Quỹ bảo hiểm y tế, bảo đảm cân đối giữa việc thu của Quỹ bảo hiểm y tế với việc chi

của Quỹ bảo hiểm y tế, kết hợp với việc chống lạm dụng và trực lợi bảo hiểm y tế để xây dựng tính bền vững của Quỹ. Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Y tế và Ban Cán sự đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam định kỳ xem xét tham mưu kịp thời cho Chính phủ về các chính sách liên quan đến việc quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế một cách cân đối và có hiệu quả.

- Ban Cán sự đảng Bộ Y tế và Ban Cán sự đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam chỉ đạo việc tăng cường đào tạo bổ sung, không ngừng nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực tham mưu, quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý bảo hiểm y tế và quản lý Quỹ bảo hiểm y tế; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin và các tiến bộ khoa học và kỹ thuật để hoàn thiện công tác quản lý người tham gia bảo hiểm y tế, quản lý Quỹ bảo hiểm y tế và quản lý chất lượng khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại; mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp tục tiến hành nghiên cứu khoa học về bảo hiểm y tế, đặc biệt, một số vấn đề mà nước ta chưa có nhiều kinh nghiệm, như khuyến khích người tham gia bảo hiểm y tế kiểm tra sức khỏe định kỳ để phát hiện bệnh sớm và điều trị kịp thời, bảo hiểm y tế theo hộ gia đình, các loại hình bảo hiểm y tế khác đã được áp dụng tại các nước...

5. Tổ chức tốt việc khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc tăng đầu tư,

phân bổ ngân sách thích hợp và sử dụng có hiệu quả các nguồn ngân sách đã có để củng cố và phát triển mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh, đặc biệt là mạng lưới y tế cơ sở, đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh tại các địa phương; chuyển việc chi ngân sách nhà nước cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh sang chi trực tiếp cho người được hưởng thụ bảo hiểm y tế thông qua việc hỗ trợ bảo hiểm y tế cho vùng nghèo, người nghèo, người hưởng các chính sách xã hội, hỗ trợ một phần mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo.

- Ban Cán sự đảng Bộ Y tế tập trung chỉ đạo việc nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế. Đặc biệt, cần cải tiến thủ tục hành chính trong tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các bệnh viện để tạo điều kiện thuận lợi cho người khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được thụ hưởng tốt các dịch vụ y tế; thường xuyên giáo dục nâng cao đạo đức nghề nghiệp để thầy thuốc không có thái độ phân biệt trong ứng xử với người khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; phát hiện kịp thời, có biện pháp ngăn ngừa, khắc phục các biểu hiện lạm dụng thuốc, dịch vụ kỹ thuật cao và biểu hiện trực lợi bảo hiểm y tế khác của cả thầy thuốc lẫn người bệnh; khuyến khích và tạo điều kiện để y tế tư nhân tham gia khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; tăng cường quản lý giá thuốc không để giá thuốc trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cao hơn giá thuốc trên thị trường; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, trong đó có sự đóng góp ý kiến của những người tham gia bảo hiểm y tế.

6. Phát động cuộc vận động toàn dân tham gia bảo hiểm y tế và chuẩn bị lộ trình tiến đến bảo hiểm y tế bắt buộc trong những năm tiếp theo

Phát động cuộc vận động toàn dân tham gia bảo hiểm y tế theo lộ trình quy định của *Luật bảo hiểm y tế* để thực hiện mục tiêu bảo hiểm y tế bắt buộc đối với toàn dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Ban Cán sự đảng Bộ Y tế, Ban Cán sự đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và nghề nghiệp cần đề ra tiêu chí, xây dựng kế hoạch cuộc vận động, tổ chức phát động và định kỳ sơ kết, tổng kết để cuộc vận động thật sự thiết thực và hiệu quả, góp phần làm cho bảo hiểm y tế Việt Nam phát triển. Song song với cuộc vận động toàn dân tham gia bảo hiểm y tế, Chính phủ cần xây dựng lộ trình thích hợp để tiến đến bảo hiểm y tế bắt buộc toàn dân trong những năm tiếp theo.

Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Y tế, Ban Cán sự đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và định kỳ báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến và quán triệt đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 256-QĐ/TW, ngày 16 tháng 9 năm 2009

**Về việc xác định trình độ lý luận chính trị đối với
cán bộ, đảng viên đã học lý luận chính trị ở các
cơ sở đào tạo ngoài hệ thống trường chính trị của
Đảng hoặc đã học đại học chính trị chuyên ngành
và sau đại học tại Học viện Chính trị -
Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh**

- Căn cứ Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng” và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ;

- Căn cứ tình hình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của các cơ sở đào tạo trong và ngoài hệ thống trường chính trị của Đảng;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh,

BAN BÍ THƯ QUY ĐỊNH:

Điều 1. Mục đích của việc xác định

Việc xác định trình độ lý luận chính trị đối với cán bộ,

đảng viên nhằm bảo đảm sự thống nhất về tiêu chuẩn trình độ lý luận chính trị trong Đảng; làm cơ sở xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về lý luận chính trị và thực hiện chính sách đối với cán bộ, đảng viên.

Điều 2. Đối tượng xác định

Là cán bộ, đảng viên đã học lý luận chính trị ở các trường ngoài hệ thống trường chính trị của Đảng hoặc đã học đại học chính trị chuyên ngành và sau đại học tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, nay có nhu cầu được xác định trình độ lý luận chính trị.

Điều 3. Nguyên tắc xác định

Lấy nội dung, chương trình sơ cấp, trung cấp, cao cấp lý luận chính trị hiện hành của hệ thống trường chính trị của Đảng (trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, trường chính trị cấp tỉnh, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh) làm chuẩn để đối chiếu với nội dung, chương trình lý luận chính trị (số môn, số tiết) đã được học của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Thẩm quyền, trách nhiệm xác định

- Ban tổ chức của cấp ủy cấp huyện và tương đương; ban tổ chức của cấp ủy cấp tỉnh và tương đương; cơ quan tổ chức cán bộ của các ban, cơ quan đảng, đoàn thể, bộ, ngành và tương đương ở Trung ương có trách nhiệm lập danh sách cán bộ, đảng viên có yêu cầu đề nghị xác định trình độ lý luận chính trị và chuyển đến cơ sở đào tạo theo phân cấp đối tượng và địa bàn đào tạo.

- Trên cơ sở danh sách đề nghị của ban tổ chức cấp ủy các cấp, cơ quan tổ chức cán bộ của các ban, cơ quan đảng, đoàn thể, bộ, ngành và tương đương ở Trung ương, các cơ sở đào tạo (trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, trường chính trị cấp tỉnh, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh) chịu trách nhiệm thẩm định, cấp giấy xác nhận. Nếu nội dung, chương trình đã học tương đương với chương trình nào thì căn cứ vào đó để cấp giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị.

- Các trường hợp đã được xác định trình độ lý luận chính trị theo Quy định số 12-QĐ/TC-TT-VHTW, ngày 9-1-2004 của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương) cho đến thời điểm Quy định này có hiệu lực thì không tiến hành xác định lại.

- Việc đối chiếu, xem xét, xác định trình độ lý luận chính trị được tiến hành theo định kỳ, mỗi năm một lần. Mẫu giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị do Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh quy định, hướng dẫn thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn quốc.

Điều 5. Giá trị của giấy xác nhận

- Giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên đã học lý luận chính trị ở các trường ngoài hệ thống trường chính trị của Đảng được ghi trong hồ sơ lý lịch của cán bộ, đảng viên và được công nhận là tương đương với tiêu chuẩn về lý luận chính trị khi xét dự thi nâng ngạch công chức.

- Giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên đã học đại học chính trị chuyên ngành và sau đại học tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh được ghi trong hồ sơ lý lịch của cán bộ, đảng viên và được công nhận là tương đương với tiêu chuẩn về lý luận chính trị khi xét dự thi nâng ngạch công chức, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế các quy định trước đây có liên quan đến xác định trình độ lý luận chính trị và được thực hiện kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 271-TB/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2009

**Về nội dung kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa XII;
về các dự án luật trình Quốc hội xem xét tại
kỳ họp thứ sáu và dự thảo Nghị quyết của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung
bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo
của Nhà nước và đại biểu Quốc hội hoạt động
chuyên trách**

Tại phiên họp ngày 23-9-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về việc chuẩn bị kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa XII; về các dự án luật trình Quốc hội xem xét tại kỳ họp thứ sáu và dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về nội dung chương trình và thời gian tiến hành kỳ họp thứ sáu

Đồng ý với dự kiến về nội dung và thời gian tiến hành kỳ

hợp như báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội (Báo cáo số 269-BC/ĐĐQHII, ngày 21-9-2009 kèm theo dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp).

Căn cứ vào tình hình thực tế, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ trao đổi, thống nhất chương trình cụ thể cho phù hợp. Đồng thời lưu ý: Trong giám sát tối cao, chất vấn của Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Đảng đoàn Quốc hội cần quan tâm chỉ đạo, đánh giá đúng những ưu điểm và những mặt hạn chế, yếu kém, xác định rõ nguyên nhân và các biện pháp khắc phục, bảo đảm tính khách quan; tránh khuynh hướng phê phán một chiều làm ảnh hưởng đến uy tín và vai trò của doanh nghiệp nhà nước.

2. Về nội dung một số vấn đề còn ý kiến khác nhau trong dự án Luật dân quân tự vệ, dự án Luật khám bệnh, chữa bệnh và dự án Luật thuế tài nguyên

Cơ bản đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội tại Báo cáo số 267-BC/ĐĐQHII, ngày 21-9-2009.

Về dự án Luật dân quân tự vệ:

- Nên cân nhắc, thiết kế lại nội dung quy định về tổ chức lực lượng tự vệ trong doanh nghiệp (Điều 19 dự thảo luật) theo hướng: Không lấy điều kiện “có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam” để tổ chức lực lượng tự vệ. Việc tổ chức lực lượng tự vệ phải căn cứ vào quy mô lao động phù hợp, được cơ quan quân sự địa phương trao nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo kế hoạch nhưng phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, sự chỉ huy thống nhất của cơ quan quân sự địa

phương và đảm bảo quản lý, sử dụng chặt chẽ, đúng quy định về quản lý vũ khí cho lực lượng này.

- Không nên đưa quy định về lập “Quỹ quốc phòng - an ninh” vào trong Luật, nếu trước mắt cần tiếp tục duy trì loại quỹ này thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Về dự án Luật khám bệnh, chữa bệnh:

Đồng ý với quy định cấm cán bộ y tế nhà nước thành lập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (khoản 11, Điều 5) nhằm tạo sự minh bạch trong hành nghề y tế nhà nước và tư nhân, tạo điều kiện cho y tế tư nhân phát triển lành mạnh; đồng thời cần cho phép cán bộ y tế nhà nước được hành nghề tư nhân ngoài giờ làm việc tại nhà và tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.

Về dự án Luật thuế tài nguyên:

Quy định thuế suất là nội dung quan trọng của một đạo luật thuế; cần báo cáo rõ với Quốc hội về các loại ý kiến khác nhau để Quốc hội thảo luận, quyết định.

3. Về các dự án luật trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến lần đầu (Báo cáo số 267-BC/ĐĐQHII, ngày 21-9-2009)

Đồng ý để Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội thảo luận cho ý kiến. Trong quá trình thảo luận và hoàn thiện nếu có vấn đề gì cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội kịp thời báo cáo Bộ Chính trị xem xét trước khi trình Quốc hội thông qua.

4. Về dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách (Báo cáo số 268-BC/ĐĐQHII, ngày 21-9-2009)

Trước mắt nên quy định hệ số phụ cấp chức vụ đối với ba chức danh là chủ tịch, phó chủ tịch và ủy viên thường trực hội đồng nhân dân thành phố loại 1 thuộc tỉnh; các chức danh khác sẽ được điều chỉnh khi xây dựng đề án tổng thể về việc điều chỉnh lương và phụ cấp của cán bộ, công chức nói chung.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 273-TB/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2009
Về tình hình kinh tế - xã hội năm 2009
và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010

Tại phiên họp ngày 22-9-2009, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được sự ủy quyền của Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2009 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 (Báo cáo số 376 và 377-BC/BCSD-TH, ngày 21-9-2009), ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng và các bộ, ngành, Bộ Chính trị đã thảo luận, kết luận:

1. Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2009 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010, đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề sau:

- Trong bối cảnh hết sức khó khăn, vừa chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, vừa phải giải quyết những khó khăn trong nước, với chủ trương đúng, kịp thời của Trung ương và Bộ Chính trị, giám sát có hiệu quả của Quốc hội, sự chỉ đạo, điều hành quyết

liệt, kịp thời và linh hoạt của Chính phủ, sự triển khai tích cực của các bộ, ngành Trung ương, địa phương, sự nỗ lực của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và của toàn dân, chúng ta đã cơ bản đạt được những mục tiêu lớn trong năm 2009: ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế hợp lý, ổn định kinh tế vĩ mô, chủ động phòng ngừa lạm phát cao trở lại, bảo đảm an sinh xã hội. Tốc độ tăng GDP đạt khoảng 5 - 5,2% là một cố gắng lớn so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Đời sống nhân dân được đảm bảo, tình hình chính trị, xã hội ổn định, an ninh, quốc phòng được giữ vững, uy tín của Đảng và Nhà nước được nâng cao.

- Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững những năm sau, nhất là nguy cơ về mất ổn định kinh tế vĩ mô và lạm phát cao trở lại. Do vậy, từ nay đến năm 2010 và cả những năm tiếp sau, đòi hỏi cần phải tiếp tục có các giải pháp thích hợp để khắc phục những yếu kém của bản thân nền kinh tế nước ta, chủ động và linh hoạt trong điều hành; sự nỗ lực, phấn đấu rất cao của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và toàn dân.

- Việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 cần theo hướng tích cực nhưng phải bảo đảm vững chắc; chủ động nắm bắt các thời cơ thuận lợi để phục hồi tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2010 cao hơn năm 2009, đồng thời, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, tạo tiền đề cho tăng trưởng nhanh và bền vững trong những năm tiếp sau.

- Khi xác định các nhiệm vụ chủ yếu, các cân đối lớn và chính sách trong năm 2010, một mặt tiếp tục ưu tiên giải quyết những nhu cầu trước mắt, đồng thời, cần phải quan

tâm đầy đủ đến việc khắc phục những yếu kém nội tại của nền kinh tế đã có từ nhiều năm nay, giải quyết tốt mối quan hệ giữa mục tiêu phát triển ngắn hạn và dài hạn, giữa nội lực và ngoại lực...

Năm 2010 là năm có nhiều sự kiện lịch sử, cần chú trọng công tác tuyên truyền, động viên tinh thần, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tạo quyết tâm và sự nỗ lực phấn đấu cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ do Đại hội X của Đảng đề ra.

2. Tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở Kết luận này của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh Báo cáo theo hướng bám sát vào nội dung Nghị quyết Trung ương và các Kết luận của Bộ Chính trị, làm nổi bật hơn kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân, những bài học kinh nghiệm, từ đó xác định những định hướng, kế hoạch, chính sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội năm 2010, trình Hội nghị Trung ương 11 (khóa X) cho ý kiến để trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa XII (tháng 10-2009).

- Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy đảng các cấp phải đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010, Nghị quyết Đại hội X, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 274-TB/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2009

**Về Đề án tăng cường năng lực điều tra xã hội học,
nắm bắt dư luận xã hội**

Tại phiên họp ngày 15-9-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về Đề án “Tăng cường năng lực điều tra xã hội học, nắm bắt dư luận xã hội” (Tờ trình số 140-TTr/BTGTW, ngày 12-9-2009 và Đề án), Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

- Điều tra xã hội học, nắm bắt dư luận xã hội là nhiệm vụ quan trọng và rất cần thiết để các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước nắm được tình hình tư tưởng, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, có căn cứ khoa học chuẩn bị cho việc ban hành chỉ thị, nghị quyết, cơ chế, chính sách và đánh giá tình hình, kết quả thực hiện chỉ thị, nghị quyết, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước.

- Trên cơ sở Viện Nghiên cứu dư luận xã hội của Ban Tuyên giáo Trung ương hiện nay, Ban Tuyên giáo Trung ương tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, củng cố, kiện toàn tổ

chức, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Viện, bổ sung, tăng cường cho Viện những cán bộ có chất lượng, đủ phẩm chất và trình độ chuyên môn để làm tốt nhiệm vụ; tăng cường sự phối hợp, hợp tác giữa Viện với các viện, trung tâm nghiên cứu, điều tra xã hội học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh... để nâng cao chất lượng hoạt động.

- Đồng ý củng cố bộ phận điều tra, nắm bắt dư luận xã hội của ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy ở các thành phố lớn, các tỉnh đại diện cho các vùng trong cả nước.

- Ban Bí thư có thông báo kết luận về vấn đề này và báo cáo để Bộ Chính trị biết.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 275-TB/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2009

**VỀ “Chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ
cán bộ tuyên giáo thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”**

Tại phiên họp ngày 15-9-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về “Chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ tuyên giáo thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” (Tờ trình số 139-TTr/BTGTW, ngày 10-9-2009 và bản dự thảo Chiến lược), Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược. Ban Bí thư cơ bản tán thành những nội dung của Đề án. Tuy nhiên, do đã có chiến lược chung về công tác cán bộ của Ban Chấp hành Trung ương nên Ban Tuyên giáo Trung ương cần chuyển Đề án chiến lược thành Đề án về chương trình (hay kế hoạch) xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ tuyên giáo trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất

nước, tiếp tục hoàn thiện Đề án, gửi xin ý kiến Ban Bí thư để Thường trực Ban Bí thư ký ban hành.

- Sau khi Đề án được ban hành, giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện Đề án, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Việc đào tạo cán bộ tuyên giáo dựa vào Học viện Báo chí và Tuyên truyền (hoặc Học viện Xây dựng Đảng) thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. Ban Tuyên giáo Trung ương thành lập Vụ Đào tạo cán bộ tuyên giáo để giúp Ban theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện Đề án.

- Đồng ý Ban Bí thư ra chỉ thị chỉ đạo thực hiện Đề án.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 260-QĐ/TW, ngày 2 tháng 10 năm 2009
**Về việc thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm,
từ chức của cán bộ**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị (số 15-NQ/TW, ngày 30-7-2007);

Bộ Chính trị quy định về việc thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng cho những người được bổ nhiệm

hoặc được bầu giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương và địa phương thuộc hệ thống Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cán bộ).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Thôi giữ chức vụ” là việc cấp có thẩm quyền quyết định cho cán bộ chấm dứt chức vụ để nhận nhiệm vụ khác hoặc nghỉ để chữa bệnh. Việc thôi giữ chức vụ gắn với yếu tố khách quan.

2. “Miễn nhiệm” là việc cấp có thẩm quyền quyết định chấm dứt chức vụ đối với cán bộ do vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức, năng lực yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ, mất uy tín nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật cách chức hoặc bãi nhiệm. Miễn nhiệm gắn với yếu tố chủ quan do cán bộ gây nên.

3. “Từ chức” là việc cán bộ tự nguyện, chủ động xin thôi giữ chức vụ và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

4. “Cấp có thẩm quyền” là cấp có quyền quyết định bổ nhiệm, phê chuẩn (chuẩn y) kết quả bầu cử đối với cán bộ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

5. “Tập thể lãnh đạo” là đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng).

6. “Cơ quan tham mưu” là cơ quan chức năng làm công tác tổ chức cán bộ của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị đối với công tác cán bộ.

2. Cấp nào bổ nhiệm, phê chuẩn (chuẩn y) kết quả bầu cử đối với cán bộ thì cấp đó có quyền cho cán bộ thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm cán bộ, cho cán bộ từ chức. Người đứng đầu của từng cấp có trách nhiệm đề xuất với cấp có thẩm quyền của cấp mình về việc cho cán bộ thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức. Cơ quan tham mưu về công tác cán bộ giúp người đứng đầu trong đề xuất, chuẩn bị các thủ tục cần thiết đối với việc thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ.

3. Việc xem xét, quyết định cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ phải thực hiện đúng pháp luật, điều lệ, quy định hiện hành, trên cơ sở dân chủ, đồng thời đề cao trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên, nhất là của người đứng đầu. Việc miễn nhiệm cán bộ phải được trên 50% tổng số thành viên của cấp có thẩm quyền tán thành; việc cho cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức do người đứng đầu quyết định, sau khi tham khảo ý kiến các thành viên lãnh đạo khác.

4. Khi chưa có quyết định thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, cho từ chức thì cán bộ vẫn phải tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Cán bộ sau khi miễn nhiệm, từ chức được xem xét, bố trí công tác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và trình độ, năng lực, sức khỏe của cán bộ, có lưu ý đến nguyện vọng cá nhân.

Chương II

CĂN CỨ XEM XÉT CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC

Điều 4. Căn cứ xem xét cho cán bộ thôi giữ chức vụ

Việc xem xét cho thôi giữ chức vụ đối với cán bộ căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Được điều động, luân chuyển sang đơn vị khác hoặc được bố trí, phân công công tác khác.

2. Theo quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế hiện hành, không được giữ chức vụ có liên quan sau khi được điều động, luân chuyển sang đơn vị khác hoặc được bố trí, phân công công tác khác.

3. Cán bộ không đủ sức khỏe để tiếp tục lãnh đạo, quản lý: bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn, ốm đau kéo dài, đã nghỉ đủ 12 tháng để điều trị nhưng không phục hồi được sức khỏe.

Điều 5. Căn cứ xem xét miễn nhiệm cán bộ

Việc xem xét miễn nhiệm đối với cán bộ căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Cán bộ bị kỷ luật, cán bộ vi phạm pháp luật thuộc một trong các trường hợp:

a) Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế.

b) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc bãi nhiệm.

2. Cán bộ không đủ năng lực, uy tín để làm việc thuộc một trong các trường hợp:

a) Trong 2 năm liên tiếp của nhiệm kỳ giữ chức vụ không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Trong một nhiệm kỳ hoặc hai nhiệm kỳ giữ chức vụ liên tiếp, bị hai lần xử lý kỷ luật liên quan đến chức trách được giao.

c) Để đơn vị mất đoàn kết hoặc làm đơn vị mất đoàn kết theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

d) Bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về vi phạm tư cách đạo đức của người cán bộ.

đ) Bị cơ quan kiểm tra, thanh tra có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định về những việc đảng viên, cán bộ, công chức không được làm.

3. Cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ.

Điều 6. Căn cứ xem xét việc từ chức của cán bộ

Việc xem xét đối với cán bộ xin từ chức căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Cán bộ xin từ chức để chuyển giao vị trí lãnh đạo, quản lý.

2. Cán bộ xin từ chức do nhận thấy hạn chế về năng lực hoặc sức khỏe.

3. Cán bộ xin từ chức do nhận thấy không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; do nhận thấy sai phạm, khuyết điểm của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình hoặc của cấp dưới có liên quan đến trách nhiệm của mình.

4. Cán bộ xin từ chức vì lý do cá nhân khác.

Điều 7. Trường hợp không được từ chức

Cán bộ không được từ chức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Đang đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; đang đảm nhận nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật, chưa hoàn thành nhiệm vụ mà cần tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ do bản thân cán bộ đó thực hiện; nếu cán bộ từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ mà đơn vị được giao.

2. Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan bảo vệ pháp luật.

Chương III

QUY TRÌNH XEM XÉT CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC

Điều 8. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ

1. Cho thôi giữ chức vụ căn cứ theo khoản 1, khoản 2, Điều 4 của Quy chế này: Cơ quan tham mưu trình người đứng đầu hoặc cấp có thẩm quyền quyết định cho thôi giữ chức vụ theo quy định của pháp luật, điều lệ, quy định hiện hành.

2. Cho thôi giữ chức vụ căn cứ theo khoản 3, Điều 4 của Quy chế này:

a) Cơ quan tham mưu căn cứ tình trạng sức khỏe của cán bộ, kết luận của hội đồng giám định y khoa để đề xuất, xin ý kiến chỉ đạo của người đứng đầu.

b) Cơ quan tham mưu thông báo và nghe ý kiến của cán bộ về việc cho thôi giữ chức vụ, trình người đứng đầu.

c) Người đứng đầu xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 9. Hồ sơ xem xét cho thôi giữ chức vụ

1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.
2. Các văn bản có liên quan khi xem xét cho thôi giữ chức vụ theo Điều 4.

Điều 10. Quy trình xem xét miễn nhiệm đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nơi cán bộ đang công tác

1. Người đứng đầu tập thể lãnh đạo hoặc cơ quan tham mưu nơi cán bộ đang công tác căn cứ vào Điều 5 của quy chế này để đề xuất việc miễn nhiệm.
2. Người đứng đầu tập thể lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan tham mưu và các đơn vị có liên quan thẩm định việc miễn nhiệm cán bộ, đồng thời xin ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đảng.
3. Cơ quan tham mưu thông báo và nghe ý kiến của cán bộ về việc miễn nhiệm.
4. Cơ quan tham mưu tổng hợp ý kiến, trình cấp có thẩm quyền.
5. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 11. Quy trình xem xét miễn nhiệm đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên

1. Cơ quan tham mưu của cấp trên có thẩm quyền căn cứ vào Điều 5 của Quy chế này để đề xuất việc miễn nhiệm.
2. Theo sự chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, cơ quan tham mưu thông báo và nghe ý kiến của cán bộ về việc miễn nhiệm, đồng thời xin ý kiến của các cơ quan có liên quan.
3. Sau khi trao đổi với cấp ủy đảng nơi cán bộ đang công tác, tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác thảo luận, có ý kiến bằng văn bản trình cấp trên.

4. Cơ quan tham mưu tổng hợp ý kiến, trình cấp có thẩm quyền.
5. Cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 12. Hồ sơ xem xét miễn nhiệm

1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.
2. Các văn bản có liên quan khi xem xét miễn nhiệm theo Điều 5 của Quy chế này (quyết định kỷ luật, văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền có liên quan đến cán bộ).
3. Tóm tắt lý lịch của cán bộ.
4. Bản nhận xét, đánh giá cán bộ trong nhiệm kỳ, thời hạn giữ chức vụ.

Điều 13. Quy trình xem xét đối với cán bộ xin từ chức thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nơi cán bộ đang công tác

1. Cán bộ xin từ chức có đơn trình bày lý do, nguyện vọng gửi người đứng đầu tập thể lãnh đạo (qua cơ quan tham mưu nơi cán bộ đang công tác).
2. Cơ quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền.
3. Người đứng đầu xem xét, quyết định.

Điều 14. Quy trình xem xét đối với cán bộ xin từ chức thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên

1. Cán bộ có đơn xin từ chức trình bày lý do, nguyện vọng gửi người đứng đầu tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác và cấp trên có thẩm quyền (qua cơ quan tham mưu của cấp trên).
2. Người đứng đầu tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác có ý kiến bằng văn bản gửi cấp có thẩm quyền.

3. Cơ quan tham mưu của cấp trên trình cấp có thẩm quyền.
4. Người đứng đầu cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 15. Hồ sơ xem xét việc từ chức

1. Đơn xin từ chức của cán bộ.
2. Tờ trình của cơ quan tham mưu.

Chương IV

**KHIẾU NẠI, PHỤC HỒI CHỨC VỤ
VÀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN**

Điều 16. Việc khiếu nại của cán bộ

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định miễn nhiệm chức vụ, cán bộ có quyền khiếu nại về việc miễn nhiệm tới cấp có thẩm quyền và cơ quan tham mưu của cấp có thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có đủ cơ sở kết luận việc miễn nhiệm là sai, cấp có thẩm quyền phải có quyết định bố trí lại chức vụ cũ hoặc chức vụ tương đương cho cán bộ và giải quyết các quyền lợi hợp pháp liên quan đến chức vụ bị miễn nhiệm của cán bộ.

Điều 17. Việc cán bộ phục hồi sức khỏe

Đối với cán bộ đã có quyết định thôi giữ chức vụ, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của hội đồng giám định y khoa về sức khỏe của cán bộ đã được phục

hồi, cấp có thẩm quyền phải xem xét, bố trí công việc, chức vụ thích hợp cho cán bộ. Trường hợp đặc biệt cũng không để kéo dài quá 90 ngày làm việc.

Điều 18. Một số chính sách đối với cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức

1. Cán bộ thôi giữ chức vụ theo khoản 1, khoản 2, Điều 4, nếu phụ cấp chức vụ mới thấp hơn phụ cấp chức vụ cũ thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ 6 tháng; cán bộ luân chuyển được bảo lưu phụ cấp chức vụ trong thời gian luân chuyển.

2. Cán bộ xin từ chức theo khoản 1, khoản 2, Điều 6 được bảo lưu phụ cấp chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc thời hạn giữ chức vụ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có đủ hồ sơ, thủ tục, người đứng đầu hoặc cấp có thẩm quyền phải xem xét, quyết định việc thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ.

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quy định này và chỉ đạo việc cụ thể hóa cho phù hợp với đặc thù của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền.

2. Ban Tổ chức Trung ương theo dõi việc triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X**

Ngày 5 tháng 10 năm 2009*

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,*

Hôm nay, chúng ta họp Hội nghị toàn thể lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X). Thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về dự Hội nghị. Hội nghị của chúng ta họp trong lúc nhân dân các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên đang khấn trương khắc phục hậu quả nặng nề do cơn bão số 9 gây ra. Chúng ta chia sẻ nỗi đau thương đến các gia đình có người thân bị mất, xin gửi lời thăm hỏi ân cần đến nhân dân các vùng bị nạn. Đảng, chính quyền và nhân dân cả nước ta luôn luôn chung sức,

* Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 5 đến ngày 10-10-2009 (B.T).

chung lòng, góp phần cùng đồng bào vùng bị nạn vươn lên, khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất và đời sống.

Thư các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và cho ý kiến về các dự thảo Văn kiện:

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển);
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020;
- Đề cương chi tiết Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng;
- Báo cáo về một số vấn đề cần nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng;
- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2009 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010; và một số vấn đề quan trọng khác.

Theo chương trình đã định, Hội nghị Trung ương lần này tiếp tục thực hiện một phần công việc của Hội nghị Trung ương lần thứ mười nhằm chuẩn bị và hoàn chỉnh thêm một bước quan trọng các dự thảo văn kiện sẽ trình ra Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Các văn kiện của Hội nghị đã được gửi tới các đồng chí.

Trước khi Trung ương thảo luận, tôi xin phát biểu một số ý kiến:

Thư các đồng chí,

Từ sau Hội nghị Trung ương 10, Bộ Chính trị đã chỉ đạo các Tiểu ban bám sát kết luận của Trung ương về các đề

cương chi tiết, nghiên cứu, thảo luận làm rõ thêm một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau, chọn lọc, tiếp thu ý kiến của các đồng chí Trung ương và các đồng chí nguyên là lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước để soạn thảo và hoàn chỉnh một bước các văn kiện dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, trình Hội nghị Trung ương 11.

Bổ sung, phát triển Cương lĩnh, xây dựng Chiến lược là những vấn đề rất lớn, rất hệ trọng, thể hiện bản lĩnh chính trị và năng lực trí tuệ, tính cách mạng và khoa học của Đảng, là vấn đề quyết định sức sống và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đất nước.

Thực tiễn cách mạng 80 năm qua, trong đó có 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 là rất phong phú. Những thành công và cả những việc chưa thành công trong quá trình đó là những bài học thực tiễn sinh động, quý giá cần phải được xem xét, nghiên cứu, tìm ra bản chất, quy luật, nâng lên thành lý luận, đóng góp vào Cương lĩnh bổ sung, phát triển và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 để định hướng cho các bước phát triển tiếp theo của đất nước.

Trong quá trình thảo luận các văn kiện này, tôi đề nghị các đồng chí phát huy tinh thần dân chủ, suy nghĩ độc lập và sáng tạo, nắm chắc các quan điểm thực tiễn, lịch sử, đổi mới và phát triển, xem xét toàn diện, toàn cục trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định vai

trò lãnh đạo của Đảng và đường lối đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, tập trung nghiên cứu, đóng góp ý kiến, tạo sự nhất trí cao về nội dung cũng như cách thể hiện, nhất là trên một số vấn đề lớn quan trọng hoặc còn có ý kiến khác nhau như đã nêu trong các Tờ trình và bản gợi ý thảo luận của Bộ Chính trị. Vấn đề nào đạt được sự thống nhất cao và đã được thực tiễn chứng minh là đúng, là chân lý thì chúng ta mới đưa vào Cương lĩnh, bảo đảm cho Cương lĩnh thực sự là nền tảng lý luận, nền tảng tư tưởng và chính trị, định hướng cho toàn Đảng và toàn xã hội.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương 10 đã quyết định về định hướng chuẩn bị Đại hội XI của Đảng trên tinh thần tranh thủ tận dụng tốt nhất mặt thuận lợi, chủ động vượt qua khó khăn, thách thức, xác định các mục tiêu nhiệm vụ của nhiệm kỳ Đại hội XI một cách tích cực, vững chắc, tạo thuận lợi để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của các giai đoạn tiếp theo được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Bản Đề cương chi tiết Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng bước đầu đã được soạn thảo theo tinh thần đó.

Hội nghị Trung ương 9 đầu năm nay đã kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008) và ra nghị quyết về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Gần một năm qua, chúng ta đã nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức và đã giành được những kết quả quan trọng. Ban Cán sự đảng Chính phủ đã có

báo cáo trình Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2009 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010. Đây là những cơ sở quan trọng để chúng ta nghiên cứu, suy nghĩ, đóng góp ý kiến vào Đề cương chi tiết Báo cáo chính trị cũng như xác định mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010. Khi đánh giá thành tựu, chúng ta không chỉ đơn thuần nhấn mạnh những gì đạt được về kinh tế, mà cần thấy hết ý nghĩa chính trị của các thành tựu đó. Trong bối cảnh nhiều nước trên thế giới và khu vực lâm vào khó khăn do bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới, ở nước ta, nhờ sự nỗ lực, phấn đấu rất cao của toàn dân, của các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời và có hiệu lực của Đảng và Chính phủ, chúng ta đã ngăn chặn được suy giảm kinh tế, ổn định cơ bản kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng và tăng cường các hoạt động đối ngoại... Những việc đã làm, những kết quả đạt được là những bài học kinh nghiệm quý báu cần được tổng kết giúp cho việc chỉ đạo, thực hiện trong thời gian tới.

Tôi cũng đề nghị các đồng chí đặc biệt quan tâm đóng góp ý kiến vào phần xây dựng Đảng trong Báo cáo chính trị và những vấn đề cần nghiên cứu để bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng. Thực tiễn xây dựng Đảng là vô cùng phong phú. Yêu cầu xây dựng Đảng đặt ra rất cao. Chúng ta phải đánh giá đúng thành tựu, hạn chế, yếu kém, thực chất tình hình tư tưởng trong Đảng, tình hình về tổ chức và cán bộ, rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích, đề ra được những chủ

trương, biện pháp thiết thực để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thực sự giữ vị trí then chốt trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Thưa các đồng chí,

Đề án trình ra Hội nghị Trung ương lần này khá nhiều và có nhiều nội dung hết sức quan trọng. Các văn kiện này có sự liên quan, gắn kết và liên hệ chặt chẽ với nhau. Thời gian họp của chúng ta không nhiều. Tôi đề nghị các đồng chí tập trung trí tuệ, đề cao tinh thần trách nhiệm và ý thức làm việc tập thể, tổ chức thảo luận khoa học, tham gia đóng góp nhiều ý kiến sát thực, góp phần chuẩn bị thật tốt Dự thảo các văn kiện Đại hội XI của Đảng để trình Hội nghị Trung ương 12 xem xét, quyết định trước khi lấy ý kiến góp ý của đại hội đảng bộ các cấp và ý kiến nhân dân.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị toàn thể lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X).

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 193/TLHN, ngày 25 tháng 9 năm 2009

Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010

(Trình Hội nghị lần thứ 11

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X)

Thực hiện nhiệm vụ do Trung ương giao, Tiểu ban Chiến lược đã nghiên cứu soạn thảo Báo cáo Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010. Báo cáo gồm hai phần:

Phần thứ nhất: Tình hình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010.

Phần thứ hai: Những nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2001 - 2010

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 được thực hiện trong xu thế toàn cầu hóa nhanh và hội nhập quốc

tế ngày càng sâu rộng với nhiều cơ hội và thách thức đan xen; tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu từ năm 2008. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản là chính trị - xã hội ổn định, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và tiềm lực của đất nước được tăng cường, quan hệ quốc tế được mở rộng, chúng ta cũng phải đối mặt với rất nhiều thách thức, khó khăn như: ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực từ năm 1997; sự yếu kém, bất cập trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội chậm được khắc phục; sự chống phá của các thế lực thù địch làm cho chúng ta phải dành nhiều công sức cho việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra trên nhiều vùng trong cả nước gây thiệt hại nặng nề.

Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua thách thức khó khăn, nỗ lực phấn đấu để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược đã đề ra.

I- TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM 2001 - 2010

Để triển khai thực hiện các mục tiêu và định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, các cấp ủy đảng đã khẩn trương tổ chức quán triệt những nội dung của Chiến lược, từ đó nâng cao nhận thức và tạo sự thống nhất về tư tưởng, hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; đã chỉ đạo xây dựng các nghị quyết, các chương trình hành động, xác định thứ tự ưu tiên những việc cần làm.

Đảng đoàn Quốc hội đã chỉ đạo sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nhiều luật và pháp lệnh quan trọng. Ban Cán sự đảng Chính phủ khẩn trương chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Đảng, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân tổ chức tốt việc phổ biến, quán triệt Chiến lược và các Nghị quyết, xây dựng chương trình hành động cụ thể, sát với nhiệm vụ, đối tượng của đoàn thể, tổ chức mình để tổ chức thực hiện.

Chính phủ đã ban hành các Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và X về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2001 - 2005 và 2006 - 2010 và các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị khóa IX, khóa X, tập trung vào những nội dung trọng tâm là chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện các giải pháp đổi mới cơ chế chính sách nhằm giải phóng sức sản xuất; từng bước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao tính độc lập tự chủ của nền kinh tế; tạo bước chuyển về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng.

Trên cơ sở Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương xây dựng Chương trình hành động; xây dựng chiến lược; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy hoạch, chương trình, dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương. Tổ chức theo dõi, giám sát,

đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện; đồng thời kiến nghị các biện pháp và chính sách phù hợp nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đề ra. Trong 10 năm qua, đã có 49 chiến lược ngành; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của 6 vùng kinh tế - xã hội, 3 vùng kinh tế trọng điểm và của tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phê duyệt và triển khai thực hiện.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 đã được cụ thể hóa thành hai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và 2006 - 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Đã quyết định và triển khai 14 chương trình mục tiêu quốc gia; 6 chương trình hành động mục tiêu và 7 công trình đầu tư trọng điểm quốc gia.

II- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2001 - 2010

1. Những thành tựu chủ yếu

1.1. Tiềm lực kinh tế được nâng cao, đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển

- Kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,2%/năm. Thời kỳ 2001 - 2005 đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân năm là 7,5% và 2 năm 2006 - 2007 đạt tốc độ tăng trưởng GDP trên 8%. Các năm 2008 - 2010, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 5,96% (năm 2009 đạt 5,2% và năm 2010 khoảng 6,5%); bình quân 5 năm 2006 - 2010 dự kiến đạt khoảng 6,9%/năm, ước tính 10 năm 2001 - 2010 tăng trưởng khoảng 7,2%/năm, đạt mục tiêu chiến lược đã đề ra. Việt Nam

là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tốc độ tăng trưởng GDP thời kỳ 2001 - 2010

Đơn vị: %

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Ước 2009	Dự kiến 2010
Tổng GDP	6,9	7,1	7,3	7,8	8,4	8,2	8,5	6,2	5,2	6,5
Nông, lâm, thủy sản	3,0	4,2	3,6	4,4	4,0	3,7	3,8	4,1	2,8	2,7
Công nghiệp - xây dựng	10,4	9,5	10,5	10,2	10,7	10,4	10,2	6,1	4,9	7,0
Dịch vụ	6,1	6,5	6,5	7,3	8,5	8,3	8,9	7,2	6,6	7,5

Nguồn: Niên giám thống kê và dự báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- *Tổng sản phẩm trong nước (GDP)* năm 2008 theo giá thực tế đạt khoảng 89,10 tỉ USD, đứng thứ 57 trong số 182 quốc gia được Ngân hàng Thế giới xếp hạng. Năm 2010, GDP theo giá thực tế ước đạt 106 tỉ USD, gấp 3,4 lần so với năm 2000 (31,2 tỉ USD), nếu theo giá so sánh gấp 2 lần.

Năm 2008, GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đã đạt 1.047 USD, dự kiến năm 2010 đạt khoảng 1.220 USD, gấp khoảng 3 lần so với năm 2000. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2007 - 2008 đạt 0,7333, xếp hạng 105/177 quốc gia và vùng lãnh thổ, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Nước ta đã ra khỏi *nhóm nước đang phát triển có thu nhập thấp*.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu GDP giai đoạn 2001 - 2007 tăng liên tục, từ 36,7% năm 2000 lên 41,5% năm 2007. Do chịu ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên tốc độ tăng trưởng công nghiệp và xây dựng năm 2008, 2009 giảm mạnh và đến năm 2010 dự tính tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP còn khoảng 40%. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 24,5% xuống còn khoảng 21 - 21,2% và tỷ trọng dịch vụ giữ mức 38,9%.

Cơ cấu ngành kinh tế theo ngành

Chỉ tiêu	2001	2005	2006	2007	2008	Ước 2009	Dự kiến 2010
Nông, lâm, thủy sản	24,5	21	20,4	20,3	22,1	21,7	21,2
Công nghiệp - xây dựng	36,7	41	41,5	41,5	39,7	39,8	39,9
Dịch vụ	38,8	38	38,1	38,2	38,2	38,5	38,9

Nguồn: Niên giám thống kê các năm của Tổng cục Thống kê và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Về cơ cấu lao động, tỷ trọng lao động công nghiệp trong tổng số lao động xã hội tăng từ 12,1% năm 2000 lên 23% năm 2010, lao động nông nghiệp giảm từ trên 63% xuống còn khoảng 50%.

- Xét trong cả thời kỳ chiến lược, từng ngành kinh tế đều có những chuyển biến tích cực.

Công nghiệp, xây dựng có bước phát triển khá, năng lực sản xuất tăng mạnh, một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao đang hình thành. Tăng trưởng công nghiệp bình

quân 10 năm đạt 9%, trong đó 5 năm 2001 - 2005 đạt 10,3% và 5 năm sau đạt 7,7%. Sản phẩm công nghiệp đa dạng, phong phú về chủng loại và chất lượng có nâng lên, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, nhiều sản phẩm giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu. Năm 2008, giá trị kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp chiếm trên 72% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Cơ cấu sản xuất công nghiệp theo ngành và theo thành phần kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng công nghiệp chế biến trong giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 78,7% năm 2000 lên 85% năm 2008. Tỷ trọng công nghiệp khai thác giảm. Tỷ trọng công nghiệp ngoài nhà nước và công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh. Đã hình thành hệ thống các khu công nghiệp, khu chế xuất trên phạm vi cả nước, đóng vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp. Đến hết năm 2008 đã có 219 khu công nghiệp với tổng diện tích đất là 61.472,4ha, phân bố tại 54 tỉnh, thành. Tỷ trọng giá trị sản xuất của các khu công nghiệp chiếm khoảng 34% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp và đóng góp khoảng 24,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, thu hút các nhà đầu tư lớn từ nước ngoài. Bước đầu hình thành hai khu công nghệ cao, trong đó khu Quang Trung, Thành phố Hồ Chí Minh đã có sản phẩm công nghệ chất lượng cao, khu công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hà Nội đang được đẩy mạnh xây dựng.

Năng lực sản xuất công nghiệp tăng mạnh, trong 9 năm 2001 - 2009, năng lực sản xuất thép tăng 3,8 triệu tấn, than 29,4 triệu tấn, xi măng 49 triệu tấn, điện 12 nghìn MW, lọc dầu 6,5 triệu tấn, phân bón 3.350 triệu tấn. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại, từ

đó nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Nhiều sản phẩm đã có uy tín và tạo được thương hiệu trên thị trường trong nước và thế giới.

Nông nghiệp phát triển với tốc độ khá cao và ổn định theo hướng sản xuất hàng hóa. Tốc độ tăng trưởng bình quân 10 năm dự kiến đạt 3,6%, trong đó 5 năm 2001 - 2005 đạt 3,83% và 5 năm sau ước đạt 3,42% (vượt chỉ tiêu kế hoạch). Năng suất lao động, năng suất cây trồng, vật nuôi tăng lên. Đã hình thành các vùng chuyên canh lúa gạo, cà phê, cao su, tiêu, thủy sản, rừng nguyên liệu. An ninh lương thực quốc gia được bảo đảm, sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân 2,9%/năm trong giai đoạn 2001 - 2008. Năm 2001 đạt 34,3 tấn, đến năm 2008 đạt 43,3 triệu tấn, trong đó lúa khoảng 38,7 triệu tấn, vượt mục tiêu của cả thời kỳ chiến lược và đến năm 2010 dự kiến đạt gần 45 triệu tấn, trong đó lúa khoảng 39,5 triệu tấn. Giá trị xuất khẩu nông sản tăng xấp xỉ 2,4 lần trong giai đoạn 2001 - 2008, đạt 14,8 tỉ USD vào năm 2008 và dự tính đạt khoảng 16 tỉ USD vào năm 2010, vượt xa mức đặt ra trong Chiến lược (9 - 10 tỉ USD). Nhiều nông sản xuất khẩu có khối lượng lớn, đứng hàng đầu thế giới: xuất khẩu gạo, cà phê của Việt Nam xếp thứ hai, hạt tiêu, hạt điều xếp thứ nhất, chè xếp thứ năm, thủy sản xếp thứ 10 thế giới; cao su xếp thứ nhất Đông Nam Á. Độ che phủ rừng tăng liên tục với mức 0,5%/năm, đạt khoảng 39% năm 2008 và dự kiến năm 2010 đạt khoảng 39,5%, góp phần quan trọng vào bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống thiên tai.

Dịch vụ có bước phát triển về quy mô, ngành nghề và thị trường với sự tham gia của các doanh nghiệp thuộc nhiều

thành phần kinh tế. Tốc độ tăng trưởng khá ổn định, 5 năm gần đây đã đạt cao hơn mức tăng chung của nền kinh tế. Giai đoạn 2001 - 2005 đạt 7%/năm và 2006 - 2008 đạt 8,8%/năm; ước thực hiện năm 2009 khoảng 6,2%, năm 2010 khoảng 7,7%. Trình độ công nghệ và chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao và thị trường ngày càng mở rộng. Khu vực dịch vụ đã tạo ra khoảng 26% chỗ làm việc của nền kinh tế. Các ngành dịch vụ thương mại, tài chính, viễn thông, vận tải được tập trung phát triển mạnh. Năm 2008, dịch vụ vận tải và dịch vụ viễn thông chiếm 10% tổng giá trị ngành dịch vụ, dịch vụ tài chính chiếm 5,1%. Các ngành dịch vụ mới, có giá trị gia tăng cao như khoa học công nghệ, thiết kế công nghiệp, nghiên cứu thị trường đã hình thành và có bước phát triển.

- *Vốn đầu tư toàn xã hội tăng cao.* Môi trường đầu tư được cải thiện, thu hút ngày càng nhiều hơn vốn đầu tư cho phát triển. Đầu tư của dân tăng trưởng nhanh, chiếm 29,4% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Trong 10 năm, tổng đầu tư xã hội cũng như tỷ trọng vốn đầu tư xã hội so với GDP tăng liên tục và duy trì ở mức cao. Tỷ lệ vốn đầu tư xã hội/GDP năm 2010 dự kiến đạt khoảng 41,5%, bình quân 10 năm dự kiến đạt 40,6%, vượt mục tiêu đề ra; trong đó, vốn trong nước chiếm khoảng 70%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký 10 năm ước đạt 168 tỉ USD, thực hiện ước đạt 59 tỉ USD. Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cam kết 10 năm ước đạt 43 tỉ USD, giải ngân 20 tỉ USD. Đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) đang trở thành một nguồn vốn đáng kể trong nền kinh tế.

Cơ cấu đầu tư đã có bước chuyển biến tích cực. Đầu tư nước ngoài và đầu tư khu vực ngoài nhà nước tăng mạnh, đạt mức bình quân lần lượt là gần 24%/năm và 19%/năm trong

giai đoạn 2001 - 2008. Đầu tư nhà nước (bao gồm cả đầu tư từ ngân sách và đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước) vẫn tăng về quy mô, tập trung cho những ngành, lĩnh vực quan trọng, các dự án, công trình trọng điểm thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, đầu tư nhiều hơn cho vùng nghèo, vùng khó khăn, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Tốc độ tăng vốn đầu tư theo thành phần kinh tế thời kỳ 2001 - 2008 (%)

	2001	2005	2006	2007	2008	Bình quân 2001 - 2008
Kinh tế nhà nước	13,7	9,6	9,9	4,2	-16,4	6,2
Kinh tế ngoài nhà nước	11,0	17,4	16,0	26,9	13,0	18,8
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	10,2	16,9	22,0	93,4	34,6	23,8

Nguồn: Niên giám thống kê.

- *Kết cấu hạ tầng có bước phát triển*, nhiều công trình quan trọng đã được xây dựng và phát huy tác dụng. Đã hoàn thành cơ bản nâng cấp toàn tuyến quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 từ Hòa Lạc đến Ngọc Hồi; một số tuyến đường chính nối đến các cảng biển và các cửa khẩu quốc tế, như: quốc lộ 5, 18, 10, 22, 51, 14B... Đã nâng cấp các tuyến quốc lộ hướng tâm, các tuyến đường vành đai ở cả phía Bắc và phía Nam. Đang từng bước triển khai xây dựng các đường cao tốc quan trọng từ Hà Nội đi Hải Phòng, Hà Nội đi Lào Cai, Hà Nội đi Ninh Bình, Hà Nội đi Thái Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh đi Trung Lương, Thành phố Hồ Chí Minh

đi Dầu Giây... Nâng cao năng lực vận chuyển của các tuyến đường sắt, rút ngắn thời gian chạy tàu trên các tuyến quan trọng. Triển khai xây dựng mới tuyến Yên Viên - Phả Lại, Hạ Long - Cái Lân. Đã hoàn thành nâng cấp các tuyến đường thủy Thành phố Hồ Chí Minh đi Cà Mau, đi Kiên Lương. Nâng cấp một bước tất cả các cảng hàng không, làm tăng đáng kể năng lực vận tải và đáp ứng tốt hơn nhu cầu. Kết cấu hạ tầng và điều kiện sống ở nông thôn có nhiều thay đổi.

Mạng lưới đô thị quốc gia có bước phát triển khá nhanh, bao gồm cả đô thị hiện có và đô thị mới gắn với các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, góp phần tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ lệ đô thị hóa từ 24% năm 2000 tăng lên trên 26,1% vào năm 2010. Mô hình khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ hơn về hạ tầng bước đầu được triển khai tại nhiều địa phương, đặc biệt là tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn, góp phần thay đổi diện mạo đô thị theo hướng văn minh hiện đại, bảo đảm và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân trong đô thị.

- *Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân cơ bản được bảo đảm.*

Ngân sách nhà nước được cải thiện, thâm hụt ngân sách và nợ quốc gia ở mức an toàn. Năm 2010, thu ngân sách gấp hơn 4 lần so với năm 2000. Cơ cấu nguồn thu chuyển biến tích cực, tỷ trọng thu nội địa tăng nhanh, từ 51% năm 2000 lên 64,6% năm 2010. Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân 8 năm 2001 - 2008 đạt khoảng 25,7% GDP. Năm 2009 và năm 2010, mặc dù Chính phủ đã thực hiện chính sách kích cầu để chống suy giảm kinh tế, miễn giảm thuế, tỷ lệ huy động ngân sách nhà nước ước vẫn đạt khoảng 23,3 - 23,6% GDP.

Tỷ trọng chi ngân sách so với GDP giai đoạn 2001 - 2008 khoảng 30,2%. Cơ cấu chi ngân sách có nhiều đổi mới, chi cho đầu tư phát triển được ưu tiên; chi cho giáo dục - đào tạo hàng năm ngày càng tăng và dự kiến đạt trên 20% tổng chi ngân sách; chi cho lĩnh vực môi trường không thấp hơn 1%. Bội chi ngân sách hàng năm khoảng 5%. Tỷ lệ dư nợ nước ngoài so với GDP vào cuối năm 2008 khoảng 30,3%, tỷ lệ nghĩa vụ trả nợ nước ngoài so với xuất khẩu trên 4,7% và khoảng 2/3 nợ là nợ ưu đãi. Tỷ lệ bội chi ngân sách và nợ nước ngoài hiện vẫn nằm trong giới hạn an toàn theo chuẩn quốc tế.

Cán cân thanh toán quốc tế có thặng dư, dự trữ ngoại hối tăng. Năm 2001, thặng dư tài khoản vốn bằng 0,7% GDP, năm 2008 bằng khoảng 16,2%, bằng khoảng 23 lần so với năm 2001, do vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài, giải ngân ODA, lượng kiều hối tăng mạnh. Vị thế của Việt Nam trong bản đồ đầu tư quốc tế đã được cải thiện đáng kể. Dự trữ ngoại hối đạt khoảng 20 USD, tương đương 12 tuần nhập khẩu.

Chính sách tiền tệ đã được điều hành linh hoạt góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định tiền tệ, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Hiệu quả sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ dần được nâng cao. Hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng phát triển khá nhanh về số lượng, chất lượng hoạt động được nâng lên. Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng tính đến tháng 6-2009 khoảng 3%.

1.2. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện

Đường lối đổi mới của Đảng được thể chế hóa thành pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho việc hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong thời kỳ 2001 - 2010, đã tập trung vào việc xác lập và xây dựng thể chế, trong đó ưu tiên xây dựng hệ thống pháp luật và các cơ chế, chính sách. Từ đầu năm 2001 đến tháng 7-2009 đã ban hành 133 luật, 337 nghị quyết, 46 pháp lệnh, 1.141 nghị định và hàng chục nghìn các văn bản quy phạm pháp luật khác. Chính phủ cũng đã chỉ đạo việc rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật theo từng ngành, lĩnh vực tạo cơ sở pháp lý cho việc vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao khả năng thu hút các nguồn lực phát triển cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa về cơ bản đã được hình thành và ngày càng hoàn thiện. Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp hơn, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển. Nền kinh tế đa sở hữu, nhiều thành phần đan xen có bước phát triển mạnh. Tình trạng phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế từng bước được khắc phục.

Kinh tế nhà nước được tăng cường, phát huy được vai trò chủ đạo, doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đổi mới, cơ cấu lại mà trọng tâm là cổ phần hóa, tự chủ trong kinh doanh và hình thành một số tập đoàn kinh tế lớn, đã góp phần quan trọng để Nhà nước điều tiết nền kinh tế và bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng có bước phát triển đa dạng, nhất là các tổ hợp tác. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh, góp phần nâng cao trình độ công nghệ, trình độ quản lý và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Kinh tế tư nhân phát triển nhanh, hoạt động có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực. Hiện nay, đầu tư của khu vực tư nhân

chiếm gần 34% trong tổng đầu tư xã hội, tạo ra 49% việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn. Hằng năm, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã tạo ra 90% chỗ làm việc mới. Khu vực kinh tế tư nhân, tập thể và các hộ gia đình đã tạo ra 45% GDP. Các doanh nghiệp cổ phần đang trở thành hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phổ biến, góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, thúc đẩy tăng trưởng và tạo việc làm mới. Năm 1999 cả nước có khoảng 20 ngàn doanh nghiệp hoạt động, trong đó 450 doanh nghiệp cổ phần, đến cuối năm 2008 có 412.000 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, trong đó hơn 64.000 doanh nghiệp cổ phần. Năm 2009 có thêm hơn 70 ngàn doanh nghiệp mới đăng ký hoạt động, gần 400 doanh nghiệp đã thực hiện niêm yết trên sàn chứng khoán.

Các loại thị trường cơ bản đã hình thành và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn kết ngày càng tốt hơn với thị trường thế giới. Thị trường hàng hóa, dịch vụ đã có bước phát triển vượt bậc. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm sau tăng cao hơn năm trước: bình quân giai đoạn 2001 - 2008 tăng gần 19%/năm. Quy mô thị trường trong nước tăng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt trên 60 tỉ USD. Mức tăng giá tiêu dùng bình quân 2001 - 2005 là 5,1%/năm, giai đoạn 2006 - 2010, do ảnh hưởng của việc tăng giá thế giới nên mức tăng giá tiêu dùng trong nước khoảng 10%/năm. Thị trường chứng khoán bước đầu hình thành, các dịch vụ tài chính phát triển khá nhanh với sự tham gia của ngày càng nhiều chủ thể thuộc các thành phần kinh tế. Phương thức và công cụ huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển từng bước được đa dạng

hóa và thực hiện theo các nguyên tắc thị trường. Thị trường bất động sản bước đầu được hình thành, khắc phục một phần các giao dịch tự phát, nhất là sau khi có *Luật đất đai sửa đổi, Luật kinh doanh bất động sản, Luật nhà ở...*

Môi trường kinh doanh và môi trường đầu tư được cải thiện. Từng bước xóa bỏ phân biệt đối xử để huy động có hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong nước và thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài; quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp và của người dân được bảo đảm tốt hơn. Đã cơ bản thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường, giá của hầu hết các hàng hóa và dịch vụ do quan hệ cung cầu quyết định.

Vai trò quản lý của Nhà nước được tăng cường, hiệu lực hiệu quả được nâng lên. Quan hệ giữa nhà nước với thị trường được xử lý phù hợp hơn.

1.3. Văn hóa, xã hội đạt được những thành tựu quan trọng; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, có một số mặt đạt trình độ của các nước phát triển trung bình

Văn hóa, xã hội có bước phát triển khá, một số lĩnh vực đạt được những thành tựu quan trọng. Chỉ số phát triển con người không ngừng tăng lên, từ 0,688 năm 2000 lên 0,733 năm 2008, xếp thứ 105/177 nước tham gia xếp hạng, thuộc nhóm nước trung bình cao.

Thu nhập và chất lượng cuộc sống của nhân dân được nâng lên. Thu nhập thực tế sau 10 năm gấp 3,5 lần so với năm 2000. Theo số liệu điều tra năm 2008, thu nhập thực tế tăng từ 221 nghìn đồng/người/tháng năm 1999 lên 728,5 nghìn đồng/người/tháng vào năm 2008. Chênh lệch thu nhập

giữa thành thị và nông thôn giảm từ 2,3 lần năm 1999 xuống còn 2,09 lần năm 2004 và 2 lần năm 2008. Công tác phát triển nhà ở được chú trọng, đã huy động mọi nguồn vốn cho việc phát triển nhà ở tại các khu đô thị mới. Hàng năm tăng thêm khoảng 30 triệu mét vuông sàn, diện tích bình quân tăng từ 8m² năm 2000 lên 13,5m²/người. Chất lượng về nhà ở ngày càng được nâng cao. Xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ.

Việt Nam đã hoàn thành phần lớn mục tiêu Thiên niên kỷ cam kết trước cộng đồng quốc tế. Hầu hết các mục tiêu đặt ra cho năm 2015 đều đã đạt và vượt vào năm 2008 (xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói; phổ cập giáo dục tiểu học; tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em; tăng cường sức khỏe bà mẹ; sốt rét và các bệnh dịch khác được đẩy lùi; thiết lập đối tác toàn cầu vì phát triển); có hai mục tiêu chưa đạt là ngăn ngừa tình trạng HIV/AIDS và bảo đảm bền vững về môi trường.

Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt được nhiều kết quả, hộ nghèo giảm đáng kể. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước tính theo chuẩn hiện hành năm 2000 là 26,0%, năm 2010 ước còn khoảng 9,5% (trung bình mỗi năm giảm được 375.000 hộ nghèo giai đoạn 2001 - 2005 và khoảng 460.000 hộ nghèo giai đoạn 2006 - 2010).

Trong 10 năm qua, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt mục tiêu đề ra (40%); số lao động được giải quyết việc làm khoảng 15,6 triệu người, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho hơn 1,5 triệu người, tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị giảm từ 6,42%

xuống còn khoảng 4,6%. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực, tỷ lệ lao động nông - lâm - ngư nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm từ 62,2% năm 2000 xuống 52,5% năm 2008 và dự kiến năm 2010 còn khoảng 50%. Tỷ lệ lao động khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 13,1% năm 2000 lên 20,8% năm 2008 và dự kiến năm 2010 khoảng 23%. Tỷ lệ lao động khu vực dịch vụ tăng từ 24,3% năm 2000 lên khoảng 27% vào năm 2010.

Phúc lợi xã hội và hệ thống an sinh xã hội được chú trọng và từng bước mở rộng. Tỷ trọng chi ngân sách nhà nước để thực hiện phúc lợi xã hội trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, lương hưu, đảm bảo xã hội... liên tục tăng (từ 24,6% năm 2000 lên 26,7% năm 2007). Đến hết năm 2008, số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 70% tổng đối tượng theo luật định.

Xã hội ổn định, đồng thuận và cởi mở hơn. Nhân dân tích cực hưởng ứng chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế nhiều thành phần, đẩy mạnh các phong trào xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa...

Văn hóa tiếp tục phát triển đúng hướng và đa dạng, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đã chú trọng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và từng bước hình thành những giá trị mới tốt đẹp trong lối sống và nhân cách con người Việt Nam. Các thiết chế văn hóa như: thư viện, bảo tàng, điểm bưu điện văn hóa xã, các cơ sở đào tạo, các đơn vị biểu diễn nghệ thuật, các hoạt động dịch vụ văn hóa...

từng bước được đầu tư, củng cố và phát triển. Chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao.

Công tác bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa trong đó có văn hóa của các dân tộc thiểu số được quan tâm hơn. Giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế được chú trọng, mở rộng, góp phần nâng cao dân trí và đời sống tinh thần nhân dân.

Xã hội hóa hoạt động văn hóa được đẩy mạnh và có những kết quả tích cực. Thị trường sản phẩm văn hóa từng bước phát triển; đã có một số sản phẩm văn hóa có giá trị. Lĩnh vực thông tin, báo chí, xuất bản, viễn thông và công nghệ truyền thông phát triển nhanh về số lượng, chất lượng có mặt được nâng lên. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa, thông tin, báo chí, xuất bản có tiến bộ.

Đời sống tinh thần và mức hưởng thụ văn hóa - thông tin của nhân dân ngày càng khá hơn: năm 2008, 100% số xã có điện thoại, đạt 94,3 thuê bao/100 dân, gấp 22,4 lần so với năm 2000, gấp hơn 3 lần mục tiêu 2010; tỷ lệ người sử dụng internet đạt 25% dân số. Tỷ lệ hộ gia đình nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam là 99,5%, xem được Đài Truyền hình Việt Nam là 99,5%.

Đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được triển khai rộng rãi. Dự kiến đến cuối năm 2010 cả nước có 90% hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, 70% xã, phường văn hóa và 70% làng, bản văn hóa.

Bình đẳng giới có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ phụ nữ tham gia Quốc hội của Việt Nam xếp thứ 31 trên thế giới và đứng đầu trong 8 nước ASEAN có Nghị viện. Chỉ số thước đo nâng cao

vị thế về giới (GEM) của Việt Nam năm 2007 là 0,561, xếp thứ 52 trên tổng số 93 nước được xếp hạng.

Tự do tín ngưỡng, tôn giáo được tôn trọng. Nhiều chùa chiền, nhà thờ, thánh thất được tu sửa, xây mới. Một số tổ chức tôn giáo mới đã được Nhà nước công nhận.

Môi trường xã hội được quan tâm. Tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dân được phát huy. Công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội được đẩy mạnh. Đến năm 2008 đã có 6.550 xã/phường, chiếm 58% tổng số xã, phường cả nước, được công nhận không có tệ nạn ma túy, ma túy.

Trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; đã thực thi nhiều biện pháp để giảm tội phạm và kiềm chế tai nạn giao thông.

1.4. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng và đạt được nhiều kết quả

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân được chú trọng, đặc biệt là đối với những người thuộc diện chính sách và người nghèo.

Hệ thống cơ sở y tế được đầu tư nâng cấp. Tổng số giường bệnh năm 2008 là 219,8 ngàn, tăng 27,8 ngàn giường so với năm 2000. Số giường bệnh trên 10.000 dân tăng từ 24,7 giường năm 2000 lên 25,7 giường năm 2008. Đã đầu tư xây dựng ba trung tâm y tế chuyên sâu ở Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ xã có trạm y tế tăng từ 96% năm 2000 lên 98,2% năm 2008 và dự kiến đến năm 2010 đạt 100%, trong đó đạt chuẩn quốc gia là 78%.

Đội ngũ cán bộ y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tổng số cán bộ ngành y năm 2000 có 150,4 ngàn người (trong đó 39,2 ngàn bác sĩ), năm 2008 có 195,2 ngàn người

(trong đó có 57,3 ngàn bác sĩ). Tỷ lệ bác sĩ/10.000 dân tăng từ 5,0 năm 2000 lên 6,3 năm 2008 và dự kiến năm 2010 đạt khoảng 7. 100% xã/phường có cán bộ y tế. Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ chuyên trách tăng từ 55% năm 2000 lên 73% năm 2008 và dự kiến năm 2010 đạt khoảng 75%.

Chất lượng khám, chữa bệnh có mặt được nâng lên, các dịch vụ y tế phát triển đa dạng ở tất cả các tuyến, đặc biệt là tuyến trung ương và các thành phố lớn. Nhiều kỹ thuật mới, tiên tiến được thực hiện thành công đã giúp nâng cao chất lượng điều trị, như: chẩn đoán và xét nghiệm bằng công nghệ cao, ghép thận, ghép gan, phẫu thuật tim hở, mổ nội soi, ghép xương, ghép tủy...

Cơ chế, chính sách khám chữa bệnh, viện phí, bảo hiểm y tế được đổi mới một bước. Xã hội hóa công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe đạt được một số kết quả tích cực. Bảo hiểm y tế được mở rộng từ 13,4% dân số năm 2000 lên 43,9% năm 2005 và khoảng 52% dân số năm 2008, dự kiến đến năm 2010 đạt 60%.

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được toàn xã hội quan tâm: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 33,8% năm 2000 xuống còn 19,9% năm 2008, dự kiến dưới 18% năm 2010; 80% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được bảo vệ, chăm sóc; 100% trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh miễn phí; tuổi thọ bình quân được nâng từ 67 tuổi năm 2000 lên 72 tuổi năm 2010. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, bảo vệ bà mẹ và trẻ em được tăng cường.

Hoạt động y tế dự phòng và kiểm soát dịch bệnh được coi trọng và tăng cường, đã phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời

các dịch bệnh nguy hiểm, không để xảy ra dịch bệnh lớn. Đã kiểm chế được tốc độ gia tăng lây nhiễm HIV/AIDS và nạn ma túy, mại dâm.

Vệ sinh, an toàn thực phẩm được quan tâm, đạt những kết quả bước đầu.

Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đạt được kết quả quan trọng. Mức giảm tỷ lệ sinh được duy trì ở mức 0,2 - 0,4 điểm ‰/năm. Tốc độ tăng dân số bình quân trong 10 năm ở mức 1,2%/năm, năm 2010 là 1,1%.

Phong trào rèn luyện sức khỏe của nhân dân được đẩy mạnh. Hoạt động thể thao phát triển rộng và có bước nâng cao. Cơ sở vật chất, kỹ thuật đã được tăng cường đáng kể. Việc chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa thể dục thể thao đã đạt được những thành công bước đầu.

1.5. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực

Giáo dục và đào tạo được toàn xã hội quan tâm và có bước phát triển đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập và việc làm của xã hội, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các cấp học, bậc học, các loại hình nhà trường và phương thức giáo dục được tiếp tục phát triển. Mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng. Dự kiến năm 2010 cả nước có 11.930 trường mầm non, 15.390 trường tiểu học, 10.820 trường trung học cơ sở và 2.894 trường trung học phổ thông.

Giáo dục ở vùng sâu, vùng xa có tiến bộ, mặt bằng dân trí được nâng lên. Cơ bản xóa được xã trắng về giáo dục mầm non.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non từng bước được nâng lên. Phổ cập giáo dục tiểu học được củng cố, tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi đạt trên 99%. Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở được triển khai tích cực, tỷ lệ đi học đúng tuổi đạt 93,5%; dự kiến đến hết năm 2010, hoàn thành phổ cập trên phạm vi cả nước. Quy mô giáo dục phổ thông tiếp tục phát triển, số học sinh trung học phổ thông tăng bình quân 4,3%/năm và tỷ lệ đi học trung học phổ thông đúng tuổi đạt 58,9%.

Chất lượng giáo dục bước đầu có chuyển biến tích cực. Tỷ lệ lưu ban, bỏ học giảm dần. Nhiều học sinh đoạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế.

Quy mô đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề tiếp tục được mở rộng, số lượng học sinh, sinh viên tăng nhanh. Tốc độ tăng bình quân hàng năm quy mô đào tạo đại học đạt 6,65%/năm, trung học chuyên nghiệp là 9,8%/năm và dạy nghề là 8,35%/năm. Cơ cấu tuyển mới giữa các bậc đào tạo đã điều chỉnh theo hướng tăng nhanh tỷ trọng trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Mạng lưới các trường đại học phát triển ở tất cả các vùng. Nhiều tỉnh mở thêm các trường đại học, cao đẳng, đã tạo thuận lợi cho việc đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ.

Mạng lưới cơ sở dạy nghề phát triển khá nhanh. Đến năm 2009, cả nước có 2.270 cơ sở dạy nghề, trong đó có 103 trường cao đẳng nghề, 240 trường trung cấp nghề, 711 trung tâm dạy nghề và hơn 1.000 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có dạy nghề. Năng lực đào tạo nghề tăng trên 2 lần so với năm 2000.

Quy mô đào tạo các cấp thời kỳ 2000 - 2010

	2000	2008	2010	2010/2000 (%)
1. Đại học, cao đẳng				
- Số trường (trường)	178,0	393,0	395	220,0
- Quy mô sinh viên (1.000 sinh viên)	899,5	1.675,7	1.714	190,6
- Sinh viên/10.000 dân	115,0	188,0	208	180,1
2. Trung học chuyên nghiệp				
- Số trường (trường)	253,0	282,0	287	113,4
- Số học sinh (1.000 sinh viên)	255,4	628,8	650	254,5
3. Dạy nghề				
- Số học sinh học nghề (1.000 học sinh)	792,0	1.603,0	1.700	214,6

Cơ sở vật chất - kỹ thuật cho giáo dục, đào tạo được cải thiện. Nhà nước đầu tư nhiều hơn cho giáo dục, đào tạo. Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tăng từ 15% năm 2000 lên 20% năm 2007. Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên cùng các chương trình khác được tiếp tục triển khai. Xã hội hóa giáo dục đạt được nhiều kết quả bước đầu quan trọng, huy động nhiều nguồn lực khác trong xã hội đầu tư cho giáo dục, đào tạo. Hệ thống các trường ngoài công lập phát triển mạnh. Năm 2000 có 2,6 triệu học sinh, sinh viên ngoài công lập (11,84%), năm 2008 là 3,4 triệu (15%). Chi trả của dân chiếm 21,8% tổng chi cho giáo dục tại các cơ sở giáo dục.

Nội dung, chương trình giảng dạy có đổi mới, chất lượng bước đầu được cải thiện. Đổi mới toàn bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông từ lớp 1 đến lớp 12 theo chương trình giáo dục

mới và được áp dụng rộng rãi trên cả nước từ năm học 2008 - 2009. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục từng bước được mở rộng. Năm 2010, gần 100% số trường được kết nối internet. Bước đầu áp dụng thí điểm các phương pháp giáo dục, đào tạo hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Đội ngũ giáo viên được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Năm 2008 so năm 2000, giáo viên mẫu giáo tăng 1,34 lần; giáo viên trung học cơ sở tăng 1,36 lần; giáo viên trung học phổ thông tăng 1,94 lần; giảng viên đại học tăng 1,88 lần và giảng viên trung cấp chuyên nghiệp tăng 1,66 lần. Tỷ lệ đạt chuẩn giáo viên mầm non năm 2000 là 51,5%, năm 2007 là 90,3%; tương ứng ở cấp tiểu học là 85,3% và 97,1%, cấp trung học cơ sở là 89,5% và 96,8%, cấp trung học phổ thông là 95,3% và 97,6%. Tỷ lệ giảng viên đại học có trình độ trên đại học tăng từ 39,1% năm 2000 lên 49,9% năm 2008; ở các trường trung cấp chuyên nghiệp tăng từ 5,8% lên 19,4%.

Quản lý nhà nước về giáo dục có một số chuyển biến. Bước đầu thực hiện việc giao quyền tự chủ cho các cơ sở đào tạo. Đã hình thành tổ chức chuyên trách về đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo.

Công bằng giáo dục được giải quyết tốt hơn. Nhà nước tăng đầu tư cho các cấp giáo dục phổ cập, cho phát triển giáo dục ở vùng khó khăn. Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo và diện chính sách được triển khai thực hiện rộng rãi, có tác động xã hội to lớn. Năm 2000, chỉ có 90 nghìn sinh viên được vay vốn tín dụng ưu đãi, năm 2009 là 1,3 triệu, trong đó 50% là sinh viên cao đẳng, đại học. Chủ trương xây dựng xã hội học tập đang được tích cực triển khai.

Khoa học và công nghệ có đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội. Đầu tư cho khoa học, công nghệ được nâng lên, khuôn khổ pháp lý được hoàn thiện, đã tạo môi trường thuận lợi cho khoa học, công nghệ phát triển.

Khoa học xã hội đã góp phần vào xây dựng luận cứ cho đường lối, chủ trương, chính sách và hoàn thiện cơ chế quản lý phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước; xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; làm rõ thêm con đường và bước đi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Hoạt động nghiên cứu, triển khai và ứng dụng khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế. Đã thực hiện 13 chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước và nhiều đề tài, dự án độc lập cấp nhà nước với hàng trăm nhiệm vụ cụ thể phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nghiên cứu cơ bản trong các ngành khoa học tự nhiên đã góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, tiếp thu công nghệ hiện đại, định hướng cho việc bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

Những nghiên cứu ứng dụng và đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là sản xuất cơ khí chế tạo kết cấu thép chuyên dụng, đóng tàu, viễn thông, điện lực, dầu khí, khai thác tài nguyên khoáng sản... đã góp phần làm

cho sản xuất công nghiệp tăng trưởng liên tục trong những năm qua.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, khoa học và công nghệ đã tạo ra 142 giống cây trồng mới có năng suất và chất lượng cao trong 5 năm gần đây. Chương trình giống đã mang lại hiệu quả lớn trên 90% diện tích lúa, 80% diện tích ngô, 60% diện tích mía, 100% diện tích điều.

Trong lĩnh vực dịch vụ, hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ, nhất là trong công nghệ thông tin, viễn thông, y tế, ngân hàng, tài chính, thương mại...

Thị trường khoa học và công nghệ bước đầu hình thành. Hoạt động của các chợ công nghệ và thiết bị, các sàn giao dịch công nghệ được hình thành và bước đầu phát huy tác dụng. Đã triển khai thực hiện chương trình xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi trên hầu hết các địa phương. Thực hiện hỗ trợ nghiên cứu và đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

Một số lĩnh vực thuộc các ngành công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới được chú trọng phát triển, đạt trình độ khu vực và quốc tế. Hiện đã xây dựng 16 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, đang đầu tư hai khu công nghệ cao ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Công tác đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ ngày càng được coi trọng. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ đã được ban hành, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ; khuyến khích,

động viên các lực lượng khoa học trong toàn xã hội tham gia tích cực và cống hiến cho sự nghiệp phát triển đất nước.

1.6. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm hơn và có mặt được cải thiện

Nhận thức về bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành và các tầng lớp xã hội được nâng lên. Hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường được ban hành tương đối đồng bộ. Tổ chức và lực lượng cán bộ quản lý nhà nước về môi trường được tăng cường. Các cấp, các ngành đã chú ý hơn đến hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên gắn với công tác bảo vệ môi trường. Đầu tư cho lĩnh vực tài nguyên và môi trường được tăng cường. Đã đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt, cung cấp nước sạch cho 80% dân cư đô thị; thực hiện cải tạo và xây dựng mới hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long và miền núi, bảo đảm cấp nước sạch cho hơn 60% dân cư nông thôn; từng bước giải quyết vấn đề thoát nước và xử lý chất thải ở các đô thị, khu công nghiệp. Hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải đã được quan tâm. Cơ chế bảo vệ môi trường các lưu vực sông lớn đã được hình thành. Công tác phòng ngừa ô nhiễm được chú trọng, đã phát hiện và bước đầu xử lý nghiêm một số vụ việc gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường. Việc khắc phục suy thoái và sự cố môi trường bắt đầu được quan tâm.

Công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học đã có tiến bộ. Chính phủ đã công bố danh mục và quan tâm đầu tư ngày càng nhiều cho các khu bảo tồn thiên nhiên; đề ra cơ chế, chính sách bảo tồn đa dạng sinh học. Đến nay, cả nước đã xác định và công bố danh sách các

khu bảo tồn thiên nhiên, công bố danh mục sách đỏ bảo vệ động thực vật quý hiếm...

Việc trồng và bảo vệ rừng được đẩy mạnh. Từ năm 1990 đến nay, diện tích rừng liên tục tăng, trong đó rừng trồng tăng nhanh, sau 15 năm rừng trồng đã tăng 4 lần, hiện rừng trồng có trên 2 triệu héc-ta, chiếm 18% diện tích có rừng. Đến năm 2010, tỷ lệ che phủ của rừng đạt 40% trong khi năm 2000, con số này là 33,2%.

Công tác điều tra cơ bản, quy hoạch, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường được đẩy mạnh. Hệ thống quan trắc môi trường, cảnh báo thiên tai, cứu nạn, cứu hộ được tăng cường. Các vấn đề xã hội phát sinh liên quan đến quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được quan tâm giải quyết.

Công tác phòng tránh và khắc phục hậu quả thiên tai có kết quả tích cực, giảm được thiệt hại. Chương trình quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu đang được chủ động triển khai thực hiện.

1.7. Hiệu lực hiệu quả quản lý của Nhà nước được nâng lên; cải cách hành chính được đẩy mạnh; phòng, chống tham nhũng, lãng phí có kết quả bước đầu

Hiệu lực hiệu quả quản lý của Nhà nước được tăng cường, cải cách hành chính được đẩy mạnh.

Trong thời kỳ 2001 - 2009, Quốc hội đã có những đổi mới quan trọng trong công tác lập pháp, công tác giám sát và trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Các hoạt động tư pháp và công tác cải cách tư pháp có những chuyển biến tích cực.

Đã tiến hành rà soát các văn bản pháp luật, loại bỏ những quy định không còn phù hợp, tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình; nhiều văn bản mới đã được ban hành. Các quy định về thành lập, đăng ký hoạt động kinh doanh, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp ngày càng rõ ràng, minh bạch; quy định rõ những lĩnh vực kinh doanh bị cấm, những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện...

Cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính nhà nước được điều chỉnh, sắp xếp phù hợp hơn theo nguyên tắc bộ quản lý đa ngành đa lĩnh vực, phân định cụ thể hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp. Bộ máy Chính phủ giảm từ 48 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ năm 2001 xuống còn 28. Đã thực hiện việc phân cấp theo hướng giao quyền chủ động nhiều hơn cho cơ sở. Năng lực thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng được nâng lên. Cơ cấu tổ chức bộ máy trong các cơ quan của Chính phủ và chính quyền địa phương cũng có bước điều chỉnh theo hướng phân biệt rõ hơn các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước với các tổ chức sự nghiệp cung cấp dịch vụ công.

Cùng với cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính, công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức được tăng cường; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đã được đẩy mạnh, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đã từng bước được nâng lên. Cơ chế, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, công chức đã có những cải cách bước đầu.

Việc thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 đạt được những kết quả tích cực, tạo được bước chuyển biến cả về xây dựng thể

chế, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng công chức nhất là cải cách thủ tục hành chính. Nhiều bộ, ngành đã xây dựng và công bố bộ thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân khi đến liên hệ, giao dịch và làm việc với các cơ quan hành chính nhà nước. Đã áp dụng cơ chế một cửa trong cung cấp dịch vụ hành chính công, giảm được thời gian và chi phí trung gian của doanh nghiệp và nhân dân. Theo Ngân hàng Thế giới, năm 2007, chi phí khởi sự doanh nghiệp tại Việt Nam thấp hơn mức bình quân trong khu vực, bằng khoảng 20% thu nhập bình quân đầu người trong khi bình quân tại 24 nước khác trong khu vực, con số này là 34,9%; tại các nước OECD là 5,1%.

Những nỗ lực cải cách thủ tục hành chính của nước ta cũng đã được cộng đồng doanh nghiệp, nhiều nước và nhiều tổ chức quốc tế ghi nhận, thể hiện qua sự cải thiện về thứ bậc xếp hạng về mức độ thuận lợi trong hoạt động kinh doanh ở nước ta so với các nước trên thế giới. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới về quản trị quốc gia toàn cầu, tiêu chí hiệu lực của bộ máy Chính phủ Việt Nam tăng từ 39 điểm năm 2000 lên 45 điểm năm 2008; chất lượng khuôn khổ pháp luật tăng từ 23 lên 32 điểm; tiêu chí hiệu lực thực thi tăng từ 40 lên 42 điểm.

Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội được phát huy; đóng góp tích cực vào việc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và sự nghiệp phát triển đất nước.

Phòng, chống tham nhũng và lãng phí bước đầu có kết quả. Trong những năm qua, chủ trương phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã được thể chế hóa thành các văn bản pháp luật, *Luật phòng, chống tham nhũng* và *Luật thực*

hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được ban hành. Nước ta đã tham gia một số chương trình và công ước quốc tế về chống tham nhũng.

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã triển khai quán triệt và thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm trong nội bộ Đảng và trong toàn xã hội. Tổ chức tuyên truyền trong nhân dân và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các nghị quyết. Đã thành lập hệ thống Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở Trung ương và địa phương và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hệ thống tổ chức các cơ quan giám sát và phòng, chống tham nhũng được kiện toàn. Vai trò của nhân dân, của các đoàn thể nhân dân, của hệ thống thông tin đại chúng trong phòng, chống tham nhũng được đề cao. Các quy chế thực hiện dân chủ được thực hiện. Công tác kiểm toán được coi trọng; việc công khai các báo cáo kiểm toán giúp công chúng được tiếp cận dễ dàng hơn đến các thông tin về tình hình hoạt động của nhiều doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, thông tin về việc sử dụng ngân sách nhà nước đã đóng góp tích cực cho các hoạt động phòng, chống tham nhũng. Nhiều vụ án trọng điểm về tham nhũng, lãng phí được phát hiện và xử lý.

1.8. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao, tạo môi trường thuận lợi để phát triển đất nước

Tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân tiếp tục được tăng cường; thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân từng bước được điều chỉnh phù hợp với quá trình mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế;

tạo sức mạnh tổng hợp góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để bảo vệ và xây dựng đất nước.

Nhận thức và trình độ hiểu biết về quốc phòng, an ninh của toàn Đảng, toàn dân, các cấp, các ngành được nâng lên. Hình thành các chiến lược bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Từng bước hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo vệ Tổ quốc, *Luật an ninh quốc gia*, Chương trình phòng, chống tội phạm, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

Lực lượng vũ trang nhân dân được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có tổ chức biên chế hợp lý, chất lượng được nâng cao, thực sự là lực lượng nòng cốt của thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân; cùng toàn dân đấu tranh giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Đã phối hợp chặt chẽ các lực lượng, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả các vụ bạo loạn, gây rối, mất trật tự xã hội; vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động trong và ngoài nước; làm nòng cốt trong cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, thảm họa, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, bảo vệ công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Việc kết hợp kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh đã có bước chuyển cả về nhận thức và tổ chức thực hiện; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng; phát triển công nghiệp quốc phòng đúng hướng, gắn kết với công nghiệp quốc gia, góp phần trực tiếp tham gia xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

Các vấn đề biên giới và lãnh thổ trên đất liền, trên biển và hải đảo được giải quyết phù hợp. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Công tác đối ngoại đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, không ngừng mở rộng, ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao hiệu quả của hội nhập, tạo môi trường hòa bình và thêm nguồn lực cho phát triển đất nước, gắn kết cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với quê hương, đất nước.

Cùng với quá trình tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, chúng ta đã kiên trì thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế với phương châm Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, có quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước, có quan hệ về kinh tế, thương mại và đầu tư với hơn 160 nước và 70 vùng lãnh thổ; tham gia ngày càng tích cực trên các diễn đàn khu vực và thế giới, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của cộng đồng thế giới vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.

Trong hoạt động đối ngoại, chúng ta đã tạo dựng được khuôn khổ quan hệ hợp tác hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng, các nước trong khu vực. Trong quan hệ đa phương, Việt Nam ngày càng đóng vai trò tích cực và có trách nhiệm đối với các vấn đề quốc tế, khu vực; đóng góp nhiều sáng kiến tại các tổ chức, diễn đàn quốc tế đa phương như Liên hợp quốc, ASEAN, ASEM, APEC...

Việc gia nhập WTO là bước hội nhập đầy đủ và thực chất hơn vào kinh tế thế giới, là một dấu mốc mới rất quan trọng, từ hội nhập ở cấp độ khu vực (ASEAN năm 1995), liên khu vực (ASEM năm 1996, APEC năm 1998) đến cấp độ toàn cầu hiện nay.

2. Những hạn chế, yếu kém

2.1. *Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc*

a) *Chất lượng tăng trưởng còn thấp, chủ yếu dựa vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng*

Số liệu bảng sau cho thấy, yếu tố vốn đóng góp vào tăng trưởng là 52,7%, gấp gần 3 lần đóng góp của nhân tố lao động (19,1%); đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp còn thấp (28,2%). Đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp tại các nước trong khu vực là 35 - 40%, tại các nước phát triển là 60 - 75%.

Đóng góp của các yếu tố vào tăng trưởng GDP của Việt Nam (%)

	1993 - 1997	1998 - 2002	2003 - nay
1. Đóng góp theo điểm phần trăm (%)	8,8	6,2	7,84
- Vốn	6,1	3,56	3,78
- Lao động	1,4	1,24	1,4
- Năng suất tổng hợp (TFP)	1,3	1,4	2,07
2. Đóng góp theo tỷ lệ phần trăm (%)	100	100	100
- Vốn	69,3	57,5	52,7
- Lao động	15,9	20	19,1
- TFP	14,8	22,5	28,2

Nguồn: Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngân hàng Thế giới còn đánh giá chất lượng tăng trưởng thông qua chỉ số kinh tế tri thức. Hiện nay, chỉ số kinh tế tri

thức¹ của nước ta còn rất thấp: năm 2008 là 3,02, xếp thứ 102/133 quốc gia được xếp loại.

Chỉ số kinh tế tri thức của Việt Nam và khu vực năm 2008

	Chỉ số kinh tế tri thức (KEI)	Chỉ số tri thức (KI)	Chính sách kinh doanh	Giáo dục, đào tạo	Đổi mới	Công nghệ thông tin
Việt Nam	3,02	3,08	2,85	2,83	3,32	3,08
Thái Lan	5,44	5,41	5,51	5,98	5,27	5,00
Philippin	4,25	4,02	4,95	3,63	4,76	3,66
Malaixia	6,06	6,02	6,18	6,83	4,14	7,08

1. Chỉ số tri thức (Knowledge Index) và chỉ số kinh tế tri thức (Knowledge Economy Index - KEI) do Viện Ngân hàng Thế giới công bố.

Chỉ số chỉ số tri thức (KI) được đánh giá dựa trên 3 thành phần: giáo dục, đào tạo, mức độ đổi mới và công nghệ thông tin (ICT). Giáo dục, đào tạo được đánh giá qua 3 yếu tố: tỷ lệ dân từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết; tỷ lệ học sinh phổ thông trung học trên số thiếu niên trong độ tuổi; tỷ lệ sinh viên học chương trình sau phổ thông trên số thanh niên trong độ tuổi. Mức độ đổi mới được đánh giá thông qua: giá trị các hợp đồng chuyển giao công nghệ trên 1 triệu dân; số sáng chế trên 1 triệu dân; số bài báo khoa học kỹ thuật được công bố trên 1 triệu dân. Công nghệ thông tin được đo qua 3 chỉ số: số điện thoại/1.000 dân; số máy tính/1.000 dân; số người dùng internet/1.000 dân.

Chỉ số kinh tế tri thức (KEI) được tính dựa trên chỉ số tri thức (KI) và môi trường/chính sách kinh doanh, bao gồm các tiêu chí cơ bản: các rào cản thuế quan và phi thuế quan, chất lượng các chính sách điều phối, thượng tôn pháp luật.

	Chỉ số kinh tế tri thức (KEI)	Chỉ số tri thức (KI)	Chính sách kinh doanh	Giáo dục, đào tạo	Đổi mới	Công nghệ thông tin
Indônêxia	3,23	3,19	3,36	3,32	3,42	2,82
Trung Quốc	4,35	4,46	4,01	5,12	4,11	4,16
Hàn Quốc	7,68	8,38	5,57	8,47	7,97	8,71
Xingapo	8,24	7,75	9,71	9,56	5,19	8,50
Đài Loan	8,69	8,80	8,35	9,24	7,91	9,26
Hồng Kông	8,20	7,73	9,60	8,64	5,3	9,26

Nguồn: Ngân hàng Thế giới.

Do tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng nên giá trị gia tăng trong giá trị sản xuất của nước ta không cao và có xu thế giảm dần, nhất là trong công nghiệp và xây dựng.

- *Khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người so với các nước trong khu vực vẫn còn lớn.* Mặc dù đã đạt được tốc độ tăng trưởng GDP tương đối cao trong những năm qua, nhưng thu nhập bình quân đầu người của nước ta vẫn còn thấp. Năm 2007, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam chỉ đạt 846 USD, bằng 34,7% GDP/người của Trung Quốc (2.432 USD), bằng 12% của Malaixia (7.046 USD) và bằng khoảng 4,2% của Hàn Quốc (19.996 USD).

b) Năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp

- *Năng suất lao động thấp.*

Theo chỉ số phát triển thế giới (WDI), năm 2007, năng

suất lao động của Việt Nam chỉ đạt 1.546 USD, thấp hơn nhiều nước trong khu vực.

Năng suất lao động thời kỳ 2000 - 2007

USD / lao động

Quốc gia	2000 - 2002	2003 - 2005	2006 - 2007
Việt Nam	813	1.060	1.459
Ấn Độ	1.192	1.636	2.353
Indônêxia	1.772	2.466	3.661
Trung Quốc	1.776	2.518	3.746
Philíppin	2.343	2.511	3.606
Thái Lan	3.577	4.548	6.191
Malaixia	9.160	10.948	14.988
Hàn Quốc	22.325	28.833	38.253

Nguồn: Ngân hàng Thế giới 2009 và tính toán của Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- *Hiệu quả đầu tư thấp:* Nếu tính theo giá hiện hành, ICOR của Việt Nam thời kỳ 2001 - 2008 là 5,26. Nếu tính theo giá cố định, ICOR của thời kỳ 2001 - 2008 là 6,92, trong khi hệ số này của Trung Quốc là 4,1 bình quân cho giai đoạn 1991 - 2003 với tốc độ tăng trưởng GDP là 9,5%/năm. Hệ số ICOR cao có nguyên nhân khách quan là chúng ta đầu tư nhiều cho xã hội, cho các vùng khó khăn, tỷ lệ đầu tư cơ sở hạ tầng lớn, nhưng nguyên nhân quan trọng là do những yếu kém trong quản lý.

Hệ số ICOR của Việt Nam thời kỳ 1991 - 2008¹

	Tỷ lệ vốn đầu tư/GDP (%) (1)		Tốc độ tăng GDP tính theo (%) (2)		ICOR tính theo (3 = 1 ₁ : 2)	
	Giá thực tế	Giá cố định	Giá thực tế	Giá cố định	Giá thực tế	Giá cố định
1990	18,07	17,89	5,09	5,09	-	-
1991	17,56	20,03	5,81	5,81	3,11	3,08
1992	22,46	28,20	8,70	8,70	2,02	2,30
1993	30,86	35,58	8,08	8,08	2,78	3,49
1994	31,98	32,38	8,83	8,83	3,49	4,03
1995	31,65	33,08	9,54	9,54	3,35	3,39
1996	32,13	34,75	9,34	9,34	3,39	3,54
1997	34,55	38,31	8,15	8,15	3,94	4,26
1998	32,45	37,18	5,76	5,76	6,00	6,65
1999	32,80	38,96	4,77	4,77	6,80	7,79
2000	34,23	42,06	6,79	6,79	4,83	5,74

1. Đầu tư ở đây được tính trễ 1 năm. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh là do sự gia tăng của sản lượng có thể bắt nguồn từ một vài nhân tố khác với đầu tư mới (năng suất, tối ưu năng lực sản xuất...) và độ trễ của đầu tư để tạo ra sản lượng là khó ước định chính xác nên để có một sự tin cậy về hệ số này, theo khuyến nghị của Ngân hàng Thế giới, ICOR cần được đo lường trong một thời kỳ dài. Thời kỳ tính toán ICOR phải là thời kỳ "bình thường", không có những biến động đột ngột, đặc biệt. Vì vậy, có ý kiến cho rằng, cần đưa ra những kết luận hết sức thận trọng từ kết quả tính toán hệ số ICOR trong điều kiện nước ta hiện nay.

2001	35,42	44,25	6,89	6,89	4,97	6,10
2002	37,36	47,24	7,08	7,08	5,00	6,25
2003	39,00	49,61	7,34	7,34	5,09	6,44
2004	40,67	52,24	7,79	7,79	5,01	6,37
2005	40,89	54,43	8,44	8,44	4,82	6,19
2006	41,54	57,20	8,23	8,23	4,97	6,61
2007	45,60	66,34	8,48	8,48	4,90	6,75
2008			6,23	6,23	7,32	10,65
1991 - 1995					2,95	3,26
1996 - 2000					4,99	5,6
2001 - 2008					5,26	6,92

Nguồn: Tính toán của Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư từ số liệu của Tổng cục Thống kê.

- *Tiêu hao năng lượng lớn.* Theo số liệu của Tổ chức Năng lượng thế giới, năm 2008 mức tiêu hao năng lượng của Việt Nam là 0,82 kWh/USD - GDP, cao hơn các nước đang phát triển trong khu vực. Năm 2005, con số này là 0,97 kWh/1 USD - GDP, trong khi mức trung bình của thế giới là 0,40; của Xingapo là 0,31; Hồng Kông là 0,21; Hàn Quốc là 0,46; Malaixia là 0,61; Thái Lan là 0,71; Ấn Độ là 0,90. Như vậy, để tạo ra 1 USD - GDP, Việt Nam đã phải tốn lượng điện năng bằng 4,65 lần Hồng Kông, gần 2,10 lần Hàn Quốc; 3,12 lần Xingapo; khoảng 1,37 lần Thái Lan và 1,69 lần Malaixia.

- *Năng lực cạnh tranh quốc gia* của Việt Nam còn thấp và chậm được cải thiện.

Xếp hạng năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Xếp hạng	60/75	62/80	60/102	77/104	81/117	64/125	68/131	65/133
Khoảng cách đến nước có điểm số thấp nhất	15	18	42	27	36	61	63	-

Nguồn: WEF - Global Competiveness Report 2008.

Năm 2006 và 2007, khoảng cách của Việt Nam đến các nước có điểm xếp hạng thấp nhất đã giãn rộng ra 61 và 63 nước, cao hơn đáng kể so với năm 2005 (36 nước); như vậy, năng lực cạnh tranh của Việt Nam về cơ bản có được cải thiện. Tuy nhiên, năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam vẫn còn yếu và chậm được cải thiện nếu so sánh với các nền kinh tế trong khu vực, thứ hạng của Việt Nam chưa vượt qua mức trung bình thế giới.

Ví dụ, mặc dù Indônêxia hiện đang trong cùng giai đoạn phát triển như Việt Nam nhưng năng lực cạnh tranh của Indônêxia cao hơn 14 bậc so với Việt Nam. Thái Lan cao hơn Việt Nam 40 bậc. Trung Quốc cao hơn Việt Nam 34 bậc. Xét về chỉ số cạnh tranh kinh doanh (xét năng lực cạnh tranh ở tầm vi mô), điểm số của Việt Nam cũng thấp hơn khá nhiều (xếp sau Indônêxia 40 bậc, Trung Quốc 19 bậc, Thái Lan 39 bậc).

Tình hình trên đây cho thấy những yếu kém xét cả từ phía doanh nghiệp và Nhà nước, từ góc độ chiến lược kinh doanh và môi trường kinh doanh. Đây là một trong những dấu hiệu “cảnh báo”, nếu không có những giải pháp tăng cường hiệu quả hơn, nền kinh tế Việt Nam có thể sẽ tiếp tục bị tụt hậu xa hơn và ảnh hưởng đến phát triển bền vững trong dài hạn.

c) Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm

- Về cơ cấu ngành kinh tế: Thời kỳ 2001 - 2008 bình quân mỗi năm, tỷ trọng khu vực nông, lâm, thủy sản trong GDP giảm khoảng 0,14 điểm phần trăm; tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 0,2 điểm phần trăm và tỷ trọng khu vực dịch vụ giảm khoảng 0,06 điểm phần trăm. Do tốc độ chuyển dịch chậm nên đến nay cơ cấu kinh tế của Việt Nam theo ba khu vực lớn vẫn chưa đạt được cơ cấu kinh tế của một nước đang phát triển thuộc nhóm thu nhập trung bình thấp.

Xét theo cơ cấu nông nghiệp và phi nông nghiệp, tỷ trọng phi nông nghiệp đã tăng từ 75,5% năm 2000 và dự kiến đạt khoảng 78,8% năm 2010. Cơ cấu này thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực: năm 2007, tỷ trọng của nhóm ngành phi nông nghiệp của Malaixia chiếm 90%; Thái Lan là 89%; Indônêxia và Philippin là 86%; Trung Quốc là 89%. Tại nhóm nước có thu nhập trung bình thấp, tỷ lệ này là 87%.

Xét theo cơ cấu sản xuất vật chất - dịch vụ: tỷ trọng nhóm ngành sản xuất sản phẩm vật chất trong GDP hầu như không đổi và dao động trong khoảng 61 - 62%, nhóm dịch vụ dao động trong khoảng 38 - 39%. Như vậy, tỷ trọng nhóm ngành sản xuất vật chất của nước ta còn cao hơn

khoảng 1,5 lần so với nhóm ngành sản xuất sản phẩm dịch vụ trong GDP. Tỷ trọng của nhóm ngành sản xuất vật chất trong GDP năm 2007 của Malaixia là 58%; Thái Lan là 55%; Philippin là 46%; Indônêxia là 61% và Trung Quốc là 60%.

- Về cơ cấu lao động, sự chuyển dịch còn chậm hơn cơ cấu kinh tế. Với tốc độ tăng lao động đang làm việc trong nền kinh tế vào khoảng 2,2%/năm, tỷ trọng lao động làm việc trong ngành nông nghiệp giảm từ 65,1% năm 2000 xuống còn 52,6% năm 2008; tỷ trọng lao động công nghiệp tăng từ 13,1% năm 2000 lên 20,8% năm 2008 và dịch vụ từ 21,8% lên 26,6%. Mặc dù vậy, đến năm 2008, lao động nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn (trên 50%) trong khi chỉ tạo ra 21% GDP.

d) Các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc

- *Cân đối ngân sách:* Bội chi ngân sách của nước ta luôn ở mức khoảng 5% GDP, tuy vẫn trong giới hạn an toàn theo thông lệ quốc tế nhưng hai năm gần đây có xu hướng tăng.

- *Giá tiêu dùng tăng mạnh từ năm 2004 đến nay.* Từ 2007, tốc độ tăng giá luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng: năm 2007, giá tiêu dùng tăng 12,26% trong khi tăng trưởng là 8,48%; năm 2008 là 19,8% và 6,18%; năm 2009 là 5,2% và 7%.

- *Thâm hụt cán cân thương mại và tài khoản vãng lai rất cao.* Thâm hụt tài khoản vãng lai từ mức 0,3% GDP năm 2006 lên 9,85% năm 2007 và 12,85% năm 2008, vượt xa so với chuẩn an toàn của thế giới (dưới 5% GDP). Thâm hụt tài khoản vãng lai chủ yếu do nhập siêu tăng, năm 2008, nước ta nhập siêu gần 15 tỉ USD, tương đương 16,8% GDP; do chi đầu tư cao (hơn 90% kim ngạch nhập khẩu là máy móc thiết bị và nguyên liệu).

2.2. *Kết cấu hạ tầng tuy có bước phát triển nhưng còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu và đang cản trở sự phát triển*

- *Mạng lưới giao thông chưa hoàn chỉnh, chất lượng thấp, chưa có đường bộ cao tốc, đường sắt cao tốc, hải cảng và sân bay hiện đại.* Tính đến hết năm 2008 cả nước chỉ có 41% đường bộ được rải nhựa hoặc bê tông, 6,4% đường đá, còn lại 52,6% là đường cấp phối và đường đất. Chất lượng đường bộ còn rất thấp và lạc hậu, đường 4 làn xe chỉ chiếm gần 4%, đường 2 làn xe chiếm 36%, còn lại là đường hẹp.

Đường sắt hiện có chủ yếu khổ 1m; tỷ lệ đường sắt có tiêu chuẩn quốc tế (1,435m) rất thấp. Cả nước chỉ có 237km đường khổ 1,435m trên tổng số trên 2.600km đường sắt.

Trong số 125 cảng biển, chỉ có 9 cảng có khả năng cải tạo, nâng cấp để tiếp nhận tàu 50.000 DWT là loại tàu trung bình thế giới hoặc tàu chở container đến 3.000 TEUs, hiện tại vẫn chưa có cảng biển nào có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải lớn trên thế giới.

Trong 22 cảng hàng không, chưa có cảng hiện đại tầm cỡ quốc tế, nhiều cảng hàng không chưa đủ khả năng tiếp nhận máy bay vào ban đêm hoặc khi thời tiết xấu, 40% số cảng hàng không chỉ có khả năng khai thác máy bay nhỏ (dưới 70 ghế).

Hệ thống giao thông phát triển thiếu đồng bộ. Chưa kết nối được các loại phương tiện nên không có khả năng phát triển vận tải đa phương thức. Hệ thống đường nhánh phát triển không đồng bộ với các đường trục.

Chất lượng đường giao thông nông thôn thấp, giao thông vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ đường về các

trung tâm xã đi lại được 4 mùa còn thấp. Mới có 27% số kilômét đường nông thôn được rải nhựa hoặc bê tông, đường cấp phối và đường đất chiếm tới 72%. Tỷ lệ đường thôn, xóm rải nhựa, bê tông chỉ có 17,6%.

- Nguồn và lưới điện chưa đáp ứng kịp yêu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân. Sản lượng điện bình quân đầu người một năm của Việt Nam mới ở mức 692,5 kWh, còn thấp so với nhiều nước trên thế giới. Tính đồng bộ trong phát triển nguồn và lưới điện chưa được bảo đảm, chất lượng hệ thống phân phối thấp.

- *Hệ thống thủy lợi* chưa đồng bộ, quản lý chưa tốt và hiệu quả sử dụng chưa cao. Hiện nay, có tới trên 8.000 hệ thống thủy lợi lớn nhỏ, trong đó có gần 750 hồ chứa dung tích trung bình và lớn, trên 1.000 đập, khoảng 5.000 cống tưới, tiêu nước và khoảng 2.000 trạm bơm nước công suất lớn. Nhiều công trình thủy lợi quá cũ, ít được duy tu, bảo dưỡng, đang bị xuống cấp nghiêm trọng cùng với những yếu kém trong quản lý dẫn đến tình trạng khai thác, sử dụng nước không hiệu quả, lãng phí. Hạ tầng thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng tổng hợp đa mục tiêu.

- *Hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin* ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế. Việc triển khai xây dựng mạng lưới hạ tầng thông tin, truyền thông tới khu vực nông thôn, đặc biệt là vùng núi, vùng xa còn chậm. Diện phủ sóng điện thoại di động và internet tại các vùng nông thôn, vùng núi cao, hải đảo còn thấp.

- *Hạ tầng đô thị, đặc biệt là giao thông, cấp và thoát nước ở các đô thị vừa thiếu, không đồng bộ, vừa kém chất lượng và quá tải, đang gây ách tắc cho phát triển.* Mật độ đường tại

các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng chỉ đạt 4 - 5 km/km². Tại các đô thị loại 2, 3, con số này chỉ bằng một nửa. Diện tích đất dành cho giao thông tĩnh quá thấp, thiếu bãi đỗ xe, điểm trông giữ xe cũng như các bến xe liên tỉnh. Ước tính, tỷ lệ đất dành cho giao thông chưa đến 10% đất xây dựng đô thị, trong khi tỷ lệ cần thiết phải là 20 - 25%. Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước đô thị đạt 70%; có khoảng 300/673 thị trấn có hệ thống cấp nước tập trung với quy mô từ 500 - 5.000m³/ngày đêm; tỷ lệ thất thoát, thất thu trên 30% có nơi lên tới 45%. Tình trạng úng ngập xảy ra ngày càng nhiều.

2.3. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn thiếu đồng bộ, các loại thị trường hình thành chậm, quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô có mặt còn yếu kém, chưa theo kịp yêu cầu phát triển; sức sản xuất chưa được giải phóng mạnh mẽ

Quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm và nhiều vướng mắc, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách còn những bất cập, chưa thật đồng bộ và thống nhất, môi trường kinh doanh chưa thật sự bình đẳng, thông thoáng. Sức sản xuất chưa được giải phóng mạnh mẽ. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp, cổ phần hóa còn chậm. Các doanh nghiệp tư nhân còn khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn lực còn hạn chế. Kinh tế tập thể vẫn còn lúng túng, hợp tác xã và các hình thức hợp tác khác phát triển chậm, nhiều nơi chỉ còn là hình thức, chưa thực sự có chuyển biến về chất. Giai đoạn 2005 - 2008, số hợp tác xã tăng bình quân

3%/năm. Quy mô vốn, tài sản còn nhỏ, 25% hợp tác xã nông nghiệp vẫn còn ở quy mô thôn, ấp. Tăng trưởng của khu vực hợp tác xã bằng một nửa so với tăng trưởng chung của nền kinh tế. 28% chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp có trình độ cấp I và 37% có trình độ cấp II.

Lực lượng doanh nghiệp trong nước quy mô còn nhỏ, sức cạnh tranh thấp, chưa liên kết tốt để tạo thành sức mạnh lớn. Chưa có nhiều tập đoàn kinh tế mạnh và doanh nghiệp lớn đa sở hữu. Kỹ năng quản trị doanh nghiệp còn thấp. Cơ cấu của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chưa hợp lý. Phần lớn các dự án FDI thời gian qua đều có quy mô nhỏ và vừa, số vốn đăng ký bình quân mỗi dự án xấp xỉ 9 triệu USD; các dự án có quy mô lớn, công nghệ hiện đại chiếm tỷ lệ thấp. Có sự mất cân đối về ngành nghề, vùng lãnh thổ: các tỉnh phía Bắc chiếm khoảng 27% tổng vốn FDI đăng ký cả nước, các tỉnh phía Nam chiếm khoảng 54%, và các tỉnh miền Trung khoảng 6%; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ lệ gần 67% về số dự án, hơn 60% về vốn đăng ký và tới 68,5% về vốn thực hiện; lĩnh vực dịch vụ tương ứng là 22%, 34,5% và 24,5%; lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp 10,8%, 5,4% và 6,7%. Việc chuyển giao công nghệ tiên tiến trong hoạt động đầu tư nước ngoài cũng còn những hạn chế do số dự án công nghệ cao chưa nhiều, một số dự án còn sử dụng công nghệ lạc hậu, đặc biệt là ở thời gian đầu thời kỳ chiến lược, chưa đảm bảo quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

Việc hình thành các loại thị trường chậm và chưa đồng bộ. Còn nhiều lúng túng trong phát triển và quản lý thị trường bất động sản. Thị trường lao động còn nhiều bất cập. Thị trường khoa học và công nghệ còn nhỏ bé.

Cơ chế, chính sách phân phối còn nhiều bất hợp lý. Năng lực quản lý và điều hành vĩ mô của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường có mặt còn yếu kém. Vai trò, chức năng và nguyên tắc hoạt động khách quan của thị trường chưa được tôn trọng đầy đủ. Tình trạng độc quyền doanh nghiệp chưa được kiểm soát có hiệu quả. Hoạt động kinh tế ngầm còn khá phổ biến. Nguồn lực quốc gia cho phát triển chưa được phân bổ hợp lý và hiệu quả sử dụng chưa cao, còn lãng phí.

2.4. Văn hóa, xã hội nhiều mặt còn bất cập, một số vấn đề bức xúc chậm được giải quyết

Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu; cơ chế, chính sách còn nhiều mặt chậm đổi mới; một số lĩnh vực chưa được quan tâm đúng mức, chuyển biến chậm. Việc thực hiện các chính sách về hỗ trợ hộ nghèo còn nhiều bất cập; chất lượng xóa đói, giảm nghèo chưa vững chắc. Tỷ lệ hộ tái nghèo còn cao, số hộ cận nghèo còn nhiều. Việc xác định hộ nghèo đến nay vẫn chưa theo chuẩn quốc tế. Đến hết năm 2008, còn khoảng 1 triệu hộ cận nghèo với khoảng 4,3 triệu người; số hộ tái nghèo bằng khoảng 7 - 10% tổng số hộ thoát nghèo; còn 62 huyện có trên 50% số hộ nghèo; tỷ lệ hộ nghèo và tái nghèo ở vùng sâu, vùng xa còn cao, đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai còn nhiều khó khăn. Nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, vùng đồng bằng sông Cửu Long, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, gấp 3 - 4 lần mức bình quân cả nước.

Chênh lệch thu nhập giữa nhóm dân cư (20%) có thu nhập cao nhất và nhóm dân cư có thu nhập thấp nhất còn lớn (giai đoạn 2001 - 2002 là 8,14 lần; giai đoạn 2006 - 2007 là

8,4 lần). Tỷ lệ hộ nghèo giữa vùng Tây Bắc (vùng có tỷ lệ nghèo cao nhất) và vùng Đông Nam Bộ (có tỷ lệ nghèo thấp nhất) là 9,8 lần (31,5% so với 3,2%).

Nhân dân còn nhiều khó khăn về nhà ở, diện tích bình quân đầu người còn thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố, nhà tạm, nhà cũ nát tại các đô thị, chật chội không đủ tiện nghi sinh hoạt; chất lượng môi trường sống thấp. Việc chăm lo nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp, học sinh, sinh viên, nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp chưa được quan tâm đúng mức.

Tình trạng thiếu việc làm còn phổ biến. Tỷ lệ thiếu việc làm bình quân chung năm 2008 là 5,1%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị mặc dù đã giảm liên tục song còn tương đối cao: năm 2000 là 6,42%, năm 2008 khoảng 4,65%, năm 2010 ước khoảng 4,6%.

Chất lượng lao động thấp, lao động chuyên môn kỹ thuật còn ít, ý thức kỷ luật lao động chưa cao. Cơ cấu ngành nghề chưa hợp lý. Chuyển dịch cơ cấu lao động chậm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp vẫn còn cao, chất lượng lao động xuất khẩu ra nước ngoài còn thấp, khả năng hòa nhập, cạnh tranh (trình độ thể lực, ngoại ngữ, kỷ luật lao động) thua kém nhiều so với các nước trong khu vực.

An sinh xã hội và phúc lợi xã hội chưa vững chắc, hơn 80% lực lượng lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân còn nhiều bất cập. Hệ thống y tế và chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng yêu cầu và sự thay đổi của cơ cấu bệnh tật. Điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều thiếu thốn. Chỉ số sức khỏe giữa

các vùng có sự khác biệt lớn, đặc biệt là tỷ suất chết sơ sinh, dinh dưỡng trẻ em và sức khỏe bà mẹ.

Đầu tư cho y tế còn thấp, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho y tế năm 2007 mới đạt 4,1%. Cơ sở khám chữa bệnh còn thiếu, nhất là ở các vùng đông dân cư và vùng sâu, vùng xa. Tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh chậm được khắc phục. Tổ chức và hoạt động của y tế dự phòng còn nhiều bất cập.

Công nghiệp dược và thiết bị y tế chậm phát triển. Y học dân tộc chưa được quan tâm phát triển đúng mức; kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền chưa tốt.

Vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được quản lý và kiểm soát chặt chẽ, còn gây nhiều bức xúc cho nhân dân. Ý thức và thói quen tự bảo vệ sức khỏe của nhân dân còn hạn chế.

Chính sách và cơ chế quản lý trong lĩnh vực y tế, nhất là về bảo hiểm y tế, viện phí và khám chữa bệnh chậm được đổi mới, chưa đồng bộ và chưa thích ứng với cơ chế thị trường.

Chưa có chính sách khuyến khích, đãi ngộ thỏa đáng cán bộ, bác sĩ, y sĩ, y tá công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Những tiêu cực và vi phạm đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận cán bộ, nhân viên y tế chậm được khắc phục.

Xã hội hóa trong lĩnh vực y tế còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ giường bệnh khu vực bệnh viện tư còn thấp, mới chỉ chiếm 3,8% tổng số giường bệnh.

Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình chưa vững chắc, chất lượng dân số chậm được nâng lên. Tại một số tỉnh, tốc độ tăng dân số còn cao, số người sinh con thứ ba còn nhiều. Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh ngày càng lớn. Chất lượng dân số, thể lực và tố chất của người Việt Nam còn thấp, hạn chế về chiều cao, cân nặng, sức bền. Tỷ lệ

trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, bị dị tật và tử vong còn cao so với các nước trong khu vực (tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng của Việt Nam năm 2010 đạt mục tiêu là 18%, vẫn cao hơn nhiều so với các nước vào đầu những năm 2000 như Trung Quốc 17%, Philippin 11% và Thái Lan 16%). Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em còn hạn chế, số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vẫn có xu hướng tăng. Phân bố dân cư chưa hợp lý, di dân tự phát diễn biến phức tạp, chưa kiểm soát được.

Phát triển văn hóa còn nhiều mặt hạn chế. Chưa bảo đảm được chất lượng, hiệu quả cao và sự đồng bộ giữa xây dựng đời sống, lối sống, môi trường văn hóa, đẩy mạnh sáng tạo văn hóa và xây dựng các thiết chế văn hóa. Chưa chú trọng đúng mức đến xây dựng các giá trị xã hội, giá trị con người. Tình trạng xuống cấp về đạo đức, lối sống của một bộ phận trong xã hội đã ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xã hội. Chất lượng báo chí, xuất bản còn nhiều hạn chế. Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc còn nhiều bất cập. Thị trường văn hóa phẩm có mặt chưa lành mạnh, còn nhiều bức xúc, việc kiểm soát lưu hành các ấn phẩm văn hóa còn chưa tốt. Công tác thông tin tuyên truyền còn nhiều hạn chế, chưa chủ động trong việc đấu tranh với các luận điệu sai trái, phản động của các thế lực thù địch. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, báo chí còn nhiều yếu kém.

Một số loại tội phạm và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Ý thức chấp hành pháp luật về giao thông thấp, tai nạn giao thông vẫn còn cao. Tham nhũng, lãng phí trong một số lĩnh vực còn nghiêm trọng.

2.5. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thật sự là quốc sách hàng đầu

Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, chậm được cải

thiện, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Cơ cấu lao động theo ngành nghề, trình độ chưa hợp lý, thiếu nhiều chuyên gia trình độ cao, đội ngũ quản lý, nhà kinh doanh giỏi và công nhân lành nghề. Lao động thủ công, năng suất thấp còn chiếm đa số trong nền kinh tế, lao động qua đào tạo còn ít, hiện còn khoảng 60% lao động chưa qua đào tạo. Ý thức kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác trong công việc còn yếu kém.

Thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chế độ trọng dụng nhân tài.

Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp, nhất là đào tạo nghề và đại học. Hệ thống giáo dục - đào tạo chưa đồng bộ, liên thông, chưa cân đối giữa giáo dục nghề nghiệp với giáo dục trung học phổ thông và giáo dục đại học. Quy mô giáo dục nghề nghiệp còn nhỏ bé, chất lượng thấp. Cơ cấu đào tạo còn bất hợp lý nhưng chậm được điều chỉnh; quy mô đào tạo không chính quy bậc đại học và đào tạo nghề ngắn hạn phát triển nhanh nhưng chưa được quản lý chặt chẽ, chất lượng, hiệu quả rất thấp. Chênh lệch về giáo dục giữa thành thị và nông thôn còn lớn. Giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều yếu kém. Giáo dục và đào tạo cho người nghèo còn nhiều hạn chế.

Đội ngũ giáo viên còn thiếu và chất lượng thấp, đặc biệt trong đào tạo nghề và giáo dục đại học. Nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục chậm đổi mới. Năng lực thực hành của học sinh Việt Nam còn yếu. Dạy và học ngoại ngữ chưa đáp ứng kịp yêu cầu.

Quản lý giáo dục còn nhiều yếu kém. Chưa tổ chức thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp đổi mới cơ bản và toàn diện hệ thống giáo dục, đào tạo. Đánh giá và kiểm định

chất lượng giáo dục, đào tạo còn nhiều lúng túng. Xã hội hóa giáo dục và đào tạo còn chậm. Các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục - đào tạo còn chậm được khắc phục từ khâu tuyển sinh, quá trình học tập, thi cử, cấp bằng, học thêm, dạy thêm... Việc quản lý các cơ sở ngoài công lập chưa tốt, cơ chế chính sách chậm được hoàn thiện, triển khai thực hiện thiếu thống nhất, chưa kiểm tra chặt chẽ về chất lượng.

Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu, chưa trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Cơ chế chính sách chưa tạo sự gắn kết có hiệu quả giữa nghiên cứu, đào tạo với sản xuất, kinh doanh; hiệu quả ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học thấp; thiếu chính sách và biện pháp thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và đổi mới công nghệ.

Đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ thiếu về số lượng, hạn chế về trình độ, chưa đồng bộ về cơ cấu, thiếu những cán bộ, chuyên gia giỏi đầu đàn trong nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ, chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, chưa có đóng góp mang tính đột phá đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước, chưa khắc phục được tình trạng hẫng hụt cả về cán bộ nghiên cứu và cán bộ quản lý khoa học và công nghệ. Chính sách đào tạo, sử dụng, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập.

Kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ còn ít, dàn trải, hiệu quả sử dụng không cao, chưa tập trung vào giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ trọng điểm, then chốt. Chưa huy động được nhiều các nguồn lực của xã hội để đầu tư phát triển nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ.

Thị trường khoa học và công nghệ chậm phát triển, thiếu thông tin, thiếu cơ chế, thiếu các hình thức gắn kết có hiệu quả giữa các cơ sở nghiên cứu và các đơn vị ứng dụng để rút ngắn giai đoạn từ các sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ trở thành sản phẩm hàng hóa, có chất lượng và sức cạnh tranh cao. Đầu tư phát triển và làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến chưa được chú trọng nên đóng góp của khoa học công nghệ vào tăng trưởng và nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn ít.

Công tác quản lý khoa học, công nghệ còn nhiều bất cập, còn nặng tính hành chính bao cấp, chưa xử lý có hiệu quả mối quan hệ giữa vai trò của nhà nước và cơ chế thị trường trong phát triển khoa học, công nghệ. Các cấp, các ngành, các địa phương chưa quan tâm đúng mức và chưa làm tốt việc xây dựng kế hoạch, xác định và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, với nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của các sản phẩm, các doanh nghiệp và của nền kinh tế. Chưa xây dựng được cơ chế và các tiêu chí đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ. Chậm chuyển các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ sang cơ chế tự chủ và phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ.

2.6. Bảo vệ môi trường còn nhiều yếu kém, là thách thức lớn trong quá trình phát triển

Nhận thức và ý thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của lãnh đạo các cấp, các ngành, doanh nghiệp và nhân dân chưa đầy đủ. Việc thực thi luật pháp và chính sách bảo vệ môi trường chưa nghiêm, chưa đồng bộ, hiệu lực hiệu quả còn rất hạn chế. Năng lực của các cơ quan quản lý bảo vệ

môi trường từ trung ương đến địa phương còn yếu, chưa đủ sức kiểm soát hiệu quả quá trình thực thi pháp luật bảo vệ môi trường, nhất là đối với các doanh nghiệp. Chưa xây dựng được hệ thống thông tin môi trường trên phạm vi cả nước về ô nhiễm công nghiệp.

Việc hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách, hệ thống quản lý về bảo vệ môi trường và tài nguyên còn chậm, chưa đồng bộ, hiệu lực hiệu quả chưa cao. Việc sử dụng công cụ kinh tế trong kiểm soát ô nhiễm đối với doanh nghiệp chưa được chú trọng. Cơ chế tài chính hỗ trợ cho bảo vệ môi trường chưa có hiệu quả. Chậm hình thành các quỹ bảo vệ môi trường cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào ứng dụng công nghệ sạch chậm được triển khai. Ý thức bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp còn kém.

Môi trường có mặt vẫn tiếp tục bị xuống cấp; ô nhiễm nước, không khí, một số dòng sông ở một số nơi đã đến mức báo động; các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng chậm được xử lý, khắc phục. Hầu hết nước thải đô thị, nước thải bệnh viện đều chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Theo thống kê sơ bộ, chỉ có khoảng 4,26% lượng nước thải công nghiệp được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường; khoảng 60% đô thị có hệ thống cấp nước tập trung; 85% rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp, không bảo đảm vệ sinh môi trường. Việc thu gom xử lý chất thải rắn còn nhiều yếu kém. Nước thải từ hoạt động nông nghiệp, nước thải từ khu vực làng nghề và các nguồn khác tại khu vực nông thôn chưa được xử lý tốt. Môi trường không khí bị ô

nhiễm, nhất là ở những nơi có nhiều cơ sở công nghệ cũ, công nghệ lạc hậu và tại các đô thị lớn.

Tình trạng phá rừng, cháy rừng chưa được ngăn chặn có hiệu quả, không chỉ ảnh hưởng xấu đến môi trường, làm giảm đa dạng sinh học mà còn gây ra nhiều thảm họa thiên nhiên, gây sạt lở đất, lũ lụt...

2.7. Quản lý điều hành của Nhà nước trên một số lĩnh vực còn yếu

Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống hành chính còn chồng chéo, sự phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt, đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu. Năng lực xây dựng thể chế, lập quy hoạch, kế hoạch, trình độ dự báo, phân tích kinh tế và khả năng phản ứng chính sách, tổ chức thực hiện còn nhiều yếu kém, hiệu lực hiệu quả còn nhiều mặt hạn chế. Nhiều vấn đề quan trọng, bức xúc về kinh tế, xã hội chậm được giải quyết. Một bộ phận không nhỏ công chức, viên chức kém phẩm chất, thiếu trách nhiệm, nhũng nhiễu. Cải cách hành chính còn chậm, thủ tục hành chính còn nhiều phiền hà, vướng mắc. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng. Quyền làm chủ của nhân dân chưa được phát huy đầy đủ, kỷ luật kỷ cương chưa nghiêm.

2.8. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại còn một số mặt hạn chế

Chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang có mặt còn hạn chế; thực hiện chủ quyền và quyền chủ quyền trên biển còn nhiều khó khăn. Ở một số địa bàn vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng, an ninh có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ. Việc thực hiện

nhiệm vụ quốc phòng - an ninh chưa trở thành ý thức thường trực ở tất cả các cấp, các ngành.

Tiềm lực quốc phòng chưa đủ mạnh. Sức chiến đấu của quân đội có mặt còn hạn chế, vũ khí trang bị kỹ thuật còn lạc hậu, công nghiệp quốc phòng yếu, tổ chức quản lý chưa thật phù hợp. Việc phát triển các khu kinh tế - quốc phòng còn nhiều khó khăn. Công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược có lúc, có nơi còn bị động.

Công tác đối ngoại có mặt chưa thật chủ động. Chậm điều chỉnh các biện pháp thực hiện chính sách đối ngoại trong điều kiện mới. Sự kết hợp giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại, giữa chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại và văn hóa đối ngoại, giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước... có lúc, có nơi chưa chặt chẽ và đồng bộ.

Quan hệ đối ngoại có mặt chưa sâu, chưa vững chắc. Việc chủ động phát huy vai trò của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế trong quan hệ với các đối tác còn hạn chế. Hoạt động kinh tế đối ngoại và chính trị đối ngoại còn thiếu đồng bộ, có lúc gây tác động trái chiều. Chưa chú trọng đúng mức vai trò tham gia của cộng đồng doanh nghiệp vào việc hoạch định và triển khai chính sách kinh tế đối ngoại.

3. Đánh giá tổng quát, nguyên nhân và bài học chủ yếu

3.1. Đánh giá tổng quát, nguyên nhân chủ yếu

Mười năm qua, chúng ta đã tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều thách thức, khó khăn, đạt được *những thành tựu to lớn và rất quan trọng*. Đất nước đã ra khỏi tình trạng

kém phát triển. Nhiều mục tiêu chủ yếu của Chiến lược được thực hiện; đạt bước phát triển mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập quốc tế; diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Chính trị - xã hội ổn định; thế và lực của đất nước vững mạnh thêm nhiều, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên. Đã tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Đạt được những thành tựu trên đây là nhờ sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc, năng động sáng tạo của toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý điều hành có hiệu quả của Nhà nước, nhất là phát huy sức mạnh toàn dân tộc để phát triển đất nước, chủ động hội nhập quốc tế và ứng phó với những biến động bất thường về kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được còn chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Huy động và sử dụng các nguồn lực cho phát triển còn hạn chế. Đời sống xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc. Nền tảng để Việt Nam trở thành nước công nghiệp chưa được hình thành đầy đủ. Thể chế kinh tế thị trường, nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn của tăng trưởng. Khoảng cách phát triển với một số nước trong khu vực chậm được thu hẹp. Nền tảng để Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa được hình thành đầy đủ. **Vấn đang tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội và đe dọa chủ quyền quốc gia.**

Những hạn chế, yếu kém trên đây có phần do nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Tư duy phát triển kinh tế - xã hội chậm đổi mới, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển đất nước. Phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền và có Nhà nước pháp quyền đổi mới còn chậm. Quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn yếu. Hệ thống pháp luật còn những bất cập, tổ chức thực hiện còn nhiều yếu kém, chưa tạo được chuyển biến mạnh trong việc giải quyết có hiệu quả những khâu đột phá, then chốt và những vấn đề xã hội bức xúc. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng. Quyền làm chủ của nhân dân chưa được phát huy đầy đủ, kỷ luật kỷ cương chưa nghiêm.

3.2. Những bài học chủ yếu

Từ thực tiễn phát triển đất nước và thực hiện Chiến lược 10 năm qua có thể rút ra bốn bài học chủ yếu sau đây:

Một là, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước.

Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, phải thực hiện đổi mới toàn diện và đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội với lộ trình và bước đi thích hợp, tập trung vào mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật kỷ cương, nâng cao năng lực và tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ và phát huy sức sáng tạo của mình; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa, tích cực chủ động hội nhập quốc tế, huy động các nguồn lực và tranh thủ điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những thành tựu to lớn đã đạt được trong 25 năm qua là kết quả của quá trình đổi mới liên tục, từ thấp đến cao; tuy nhiên, đổi mới có mặt còn chậm, chưa thật sự đồng bộ. Bước sang giai đoạn phát triển mới, Đảng và Nhà nước ta phải giải quyết nhiều vấn đề phức tạp, khó khăn, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn. Phải tạo sự đồng thuận cao trong nhận thức và hành động; đổi mới mạnh tư duy phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, đặc biệt coi trọng hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển.

Phát triển bền vững là yêu cầu đặt ra cho mỗi quốc gia. Trong 10 năm qua, nền kinh tế nước ta đã phát triển khá nhanh, nhưng thực tiễn cho thấy, trong phát triển nhanh phải đặc biệt coi trọng tính bền vững. Phải kịp thời chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu; phải đề cao yếu tố năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế và giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng, thực hiện mô hình tăng trưởng theo chiều sâu; gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển toàn diện con người, bảo vệ môi trường; giải quyết tốt mối quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; phát triển trong giai đoạn này phải tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

Ba là, bảo đảm độc lập, chủ quyền quốc gia và giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

Thực tiễn nước ta và tình hình thế giới, khu vực cho thấy, ổn định chính trị - xã hội là điều kiện tiên quyết để phát triển và đây là lợi thế của nước ta. Phải thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, chăm lo đời sống của nhân dân, thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc để bảo đảm ổn định chính trị - xã hội ngày càng vững chắc.

Bốn là, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ là ba nội dung gắn kết trong một chỉnh thể thống nhất, hình thành cơ chế vận hành của chế độ chính trị ở nước ta. Sự gắn kết thiếu chặt chẽ ba nội dung này làm yếu đi sự lãnh đạo của Đảng, giảm hiệu lực hiệu quả quản lý của Nhà nước và hạn chế việc thực hiện quyền làm chủ thật sự của nhân dân. Trong điều kiện càng đi sâu vào kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước phải giải quyết nhiều vấn đề mới, phức tạp, do đó, phải xây dựng cho được thiết chế thích hợp tạo sự gắn kết và phát huy cao nhất hiệu quả của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ để tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo cầm quyền của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý điều hành tổ chức thực hiện của

Nhà nước và phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, nhất là dân chủ trực tiếp.

Phần thứ hai

NHỮNG NỘI DUNG CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2011 - 2020

Đại hội Đảng lần thứ XI kiểm điểm việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 do Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra và quyết định *Chiến lược tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

I- BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Đất nước ta bước vào thời kỳ chiến lược mới trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp và khó lường. Trong thập niên tới, hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn. Chiến tranh thế giới khó có khả năng xảy ra nhưng các cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo, lãnh thổ, nạn khủng bố, tranh giành tài nguyên... có thể sẽ gia tăng, cùng với những thách thức mang tính toàn cầu như đói nghèo, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và các thảm họa thiên nhiên khác, buộc các quốc gia phải đối phó và tích cực phối hợp hành động.

Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động và đang hình thành nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng hơn. Tuy vậy, khu vực này vẫn tiềm ẩn những nhân tố

gây mất ổn định như: tranh giành ảnh hưởng và quyền lực, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên, giành quyền kiểm soát đường vận chuyển hàng hóa quan trọng nhất trong thương mại quốc tế...

Nằm ở vị trí chiến lược của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi diễn ra sự tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn, các nước ASEAN bước vào thời kỳ hợp tác mới theo Hiến chương ASEAN và xây dựng Cộng đồng dựa trên ba trụ cột: chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội. Hợp tác giữa ASEAN với các đối tác tiếp tục phát triển và đi vào chiều sâu. Mặt khác, ASEAN cũng phải đối phó với những thách thức chung của cả khối cũng như vấn đề nội bộ phức tạp ở một số nước.

Sau khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, thế giới sẽ bước vào một giai đoạn phát triển mới; cuộc đấu tranh cho một trật tự kinh tế quốc tế mới công bằng hơn sẽ diễn ra mạnh mẽ. Mặc dù Hoa Kỳ vẫn còn là cường quốc số một và đồng đôla Mỹ vẫn là đồng tiền chủ yếu trong thanh toán quốc tế nhưng tương quan sức mạnh của các nền kinh tế và cục diện phát triển toàn cầu thay đổi. Trật tự quốc tế đang chuyển theo hướng từ đơn cực sang đa cực với sự tăng nhanh tiềm lực kinh tế, quân sự của Trung Quốc, sự phục hồi sức mạnh và vị thế của Nga, sự phát triển của Ấn Độ¹...

Toàn cầu hóa tiếp tục phát triển cả về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực,

1. Hiện giờ chúng ta đang ở giữa cuộc chuyển giao quyền lực lần thứ ba trong vòng 500 năm trở lại đây. Lần đầu là sự trỗi dậy của phương Tây với cuộc cách mạng về khoa học công nghệ. Lần thứ hai là sự trỗi dậy của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ vào thế kỷ XX. Và lần thứ ba này là sự trỗi dậy của phần còn lại với sự lớn mạnh không ngờ của Trung Quốc và Ấn Độ (xem *Thế giới hậu Mỹ* của Fareed Zakaria).

cơ hội và thách thức đan xen rất phức tạp; nhiều liên kết mới xuất hiện, trong đó nổi lên là sự phát triển mới trong quan hệ Mỹ - Trung với việc thiết lập khuôn khổ đối thoại chiến lược cấp cao cùng với đối thoại kinh tế trước đây¹. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn; quá trình quốc tế hóa sản xuất và phân công lao động diễn ra ngày càng sâu sắc. Việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu² đã trở thành yêu cầu đối với các nền kinh tế; sự tùy thuộc lẫn nhau, hội nhập, cạnh tranh và hợp tác giữa các nước đang trở thành phổ biến. Kinh tế tri thức phát triển mạnh và do đó, con người và tri thức đang trở thành lợi thế chủ yếu của mỗi quốc gia. Khủng hoảng tài chính kinh tế toàn cầu chứng tỏ những thất bại của chính sách kinh tế theo chủ nghĩa tự do mới. Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường sẽ được định vị lại theo hướng coi trọng vai trò của Nhà nước trong việc ổn định kinh tế vĩ mô và thực hiện chức năng phát triển. Quá trình tái cấu trúc các nền kinh tế và điều chỉnh các thể chế điều tiết tài chính toàn cầu sẽ diễn ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học và công nghệ, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Mặt khác, khủng hoảng làm giảm mạnh thương mại, đầu tư toàn cầu và trỗi dậy chủ nghĩa bảo hộ, sẽ là những thách thức đối với

1. Có những nhà nghiên cứu cho rằng: đang xuất hiện liên kết G2 giữa Mỹ và Trung Quốc, một liên kết vừa hợp tác, vừa để kiểm chế lẫn nhau. Cần tiếp tục nghiên cứu để đánh giá đúng về xu thế phát triển của mối quan hệ này.

2. Trong thời đại toàn cầu hóa, một sản phẩm để đến với người tiêu dùng cuối cùng được trải qua nhiều công đoạn khác nhau, mỗi công đoạn tạo ra một giá trị gia tăng và được thực hiện ở nhiều nước khác nhau; tập hợp các công đoạn sản xuất hoặc dịch vụ có giá trị gia tăng khác nhau đó tạo thành chuỗi giá trị toàn cầu.

những nền kinh tế có độ mở lớn như nước ta, gây khó khăn cho việc thực hiện Chiến lược.

Kết quả thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và bối cảnh quốc tế nêu trên đặt ra cho nước ta những tiền đề và cơ hội to lớn cùng những khó khăn và thách thức gay gắt tác động đan xen rất phức tạp. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm môi trường hòa bình và ổn định, tận dụng cơ hội, đối mặt và vượt qua thách thức, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, rút ngắn khoảng cách phát triển là nhiệm vụ nặng nề trong Chiến lược 2011 - 2020.

II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển bền vững phải là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược và quá trình thực hiện Chiến lược

Phát triển bền vững là xu thế chung của thế giới và cũng là yêu cầu bức xúc của nước ta hiện nay. Muốn phát triển bền vững, phải giải quyết tốt nhiều mối quan hệ cơ bản trong quá trình phát triển¹. Trước hết phải phát triển bền vững về kinh

1. Đảng ta đã xác định phải giải quyết tốt các mối quan hệ sau đây: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế; quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là hệ thống tài chính, tiền tệ; bảo đảm an ninh kinh tế; cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng vào phát triển theo chiều sâu trên nền tảng tiến bộ khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao, quản lý hiện đại, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, mở rộng cơ hội và tạo điều kiện cho mọi người dân tham gia vào quá trình phát triển và hưởng thụ thành quả phát triển; nâng cao không ngừng chất lượng cuộc sống của nhân dân; phát triển mạnh văn hóa; phát huy dân chủ và tăng cường đồng thuận xã hội. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn đi cùng với bảo vệ và cải thiện môi trường trong từng hoạt động; coi môi trường là một tiêu chí quan trọng đánh giá các giải pháp phát triển. Chủ động phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phải đặc biệt quan tâm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm đất nước phát triển bền vững trong mọi tình huống.

Phát triển bền vững để bảo đảm cho phát triển nhanh cả trong ngắn hạn và trong dài hạn. Nước ta có điều kiện để phát triển nhanh và yêu cầu phát triển nhanh cũng đang đặt ra hết sức cấp thiết. Chúng ta phải phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững và sớm rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước, thoát ra khỏi tình trạng tụt hậu về kinh tế.

Vì vậy, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, phải coi trọng đổi mới tư duy phát triển kinh tế - xã hội, tạo cơ chế

và thể chế đồng bộ để bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh và bền vững được thể hiện xuyên suốt trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển và mọi hoạt động trong cả nước, từng vùng và cơ sở, cả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

2. Đổi mới đồng bộ về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Phải kiên trì và quyết liệt thực hiện đổi mới kinh tế đồng bộ với đổi mới chính trị từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn, từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội để thúc đẩy đổi mới toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Coi việc thực hiện mục tiêu này là tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá hiệu quả của quá trình đổi mới và phát triển.

3. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển

Phải bảo đảm điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện; phát huy lợi thế con người Việt Nam; chăm lo lợi ích chính đáng và không ngừng nâng cao đời sống vật chất,

tin thần của mọi người dân; phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, nhất là dân chủ trực tiếp để tạo động lực phát triển đất nước.

4. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đồng thời với việc hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Phải tháo gỡ mọi cản trở, tạo điều kiện thuận lợi để giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

Phát triển nhanh, hài hòa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Phát triển mạnh kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng mà nòng cốt là hợp tác xã. Khuyến khích phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp mà chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần để loại hình kinh tế này trở thành phổ biến trong nền kinh tế, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể và lực lượng kinh tế có sở hữu hỗn hợp ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển nhanh, trở thành một động lực của nền kinh tế. Khuyến khích kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh theo quy hoạch.

Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Phát triển đồng bộ, hoàn chỉnh và ngày càng hiện đại các loại thị

trường. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý và phân phối, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

5. Phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng

Phát huy nội lực và sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định; đồng thời, tranh thủ ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Phải tích cực, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng trong tư thế độc lập tự chủ; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế và sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo đảm cho hội nhập quốc tế hiệu quả ngày càng cao.

Phát triển lực lượng doanh nghiệp trong nước với các thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh cao để làm chủ thị trường trong nước, mở rộng thị trường ngoài nước, góp phần bảo đảm độc lập tự chủ của nền kinh tế. Trong hội nhập quốc tế, phải luôn chủ động thích ứng với những thay đổi của tình hình, bảo đảm hiệu quả và lợi ích quốc gia.

III- MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC KHẨU ĐỘT PHÁ

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nhanh, bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phấn đấu đến năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp có trình độ phát triển trung bình; chính trị - xã hội ổn định,

đồng thuận, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

TIÊU CHÍ CỦA NƯỚC CÔNG NGHIỆP CÓ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN TRUNG BÌNH

Trên cơ sở tham khảo cách phân loại nước công nghiệp của các chuyên gia quốc tế (WB, các tổ chức quốc tế, một số nước khác) và số liệu của 20 nước trong giai đoạn công nghiệp hóa, Tiểu ban Chiến lược đề xuất các tiêu chí của nước công nghiệp có trình độ trung bình được xác định như sau:

1. GDP bình quân đầu người đạt từ 3.000 - 5.000 đôla Mỹ/đầu người (năm 2020, dự kiến Việt Nam đạt trên 3.000 đôla Mỹ);
2. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP từ 10 - 20% (Việt Nam dự kiến là 15%);
3. Tỷ trọng công nghiệp chế tạo trong giá trị sản xuất công nghiệp từ 40 - 50% (Việt Nam dự kiến là 40%);
4. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội từ 30 - 45% (Việt Nam dự kiến khoảng 30%);
5. Tỷ lệ sử dụng internet trên dân số 25% (Việt Nam dự kiến trên 30%);
6. Số bác sĩ trên 1 vạn dân từ 8 - 10 (Việt Nam dự kiến là 9);
7. Tuổi thọ trung bình trên 70 tuổi (Việt Nam dự kiến trên 75 tuổi);

8. Chỉ số phát triển con người 0,502 - 0,798 (Việt Nam dự kiến là trên 0,750);

9. Tỷ lệ che phủ rừng 42% (Việt Nam dự kiến là 45%);

10. Tỷ lệ đô thị hóa từ 50 - 60% (Việt Nam dự kiến trên 45%);

11. Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch từ 90 - 100% (Việt Nam dự kiến là 100% dân số đô thị và 85% dân số nông thôn);

12. Hạ tầng kinh tế, xã hội tương đối đồng bộ và hiện đại.

2. Mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường

a) Về kinh tế

Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng nhanh giá trị nội địa của nền kinh tế.

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 7 - 8%/năm. GDP năm 2020 theo giá so sánh bằng khoảng 2,2 lần so với năm 2010. GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000 - 3.200 đôla Mỹ.

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Xây dựng cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ hiện đại, hiệu quả, phát triển theo chiều sâu. Tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP; giá trị sản phẩm công nghệ cao chiếm khoảng 45% GDP. Giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Nông nghiệp có bước phát triển toàn diện, hiệu quả,

bền vững, có giá trị gia tăng cao. Tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30% lao động xã hội.

Yếu tố năng suất tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng đạt ít nhất 35%; giảm tiêu hao năng lượng trên GDP 2,5 - 3%/năm.

Kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, với một số công trình hiện đại. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%. Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

b) Về văn hóa, xã hội

Xây dựng xã hội đồng thuận, dân chủ, kỷ cương, công bằng, văn minh. Đến năm 2020, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt nhóm trung bình cao của thế giới; tốc độ tăng dân số duy trì ở mức 1,1%; tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; lao động qua đào tạo nghề chiếm 55% tổng lao động xã hội; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc tế dưới 15%; phúc lợi, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe cộng đồng được bảo đảm. Thu nhập thực tế của dân cư gấp khoảng 3,5 lần so với năm 2010.

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến năm 2020, có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế đạt trình độ tiên tiến, hiện đại.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình hạnh phúc; con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, tuân thủ pháp luật.

c) Về môi trường

Cải thiện chất lượng môi trường. Đến năm 2020, đưa tỷ lệ che phủ rừng lên 45%. Hầu hết dân cư thành thị và

nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung. 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 95% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường. Cải thiện môi trường các lưu vực sông bị ô nhiễm nặng. Chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng.

3. Các đột phá chiến lược

Để đạt các mục tiêu chiến lược nêu trên, phải triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, trong đó, tập trung sức và có phương án khả thi thực hiện tốt các khâu đột phá sau đây:

1- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung vào việc tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính để giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực.

2- Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân.

3- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông, hạ tầng đô thị lớn.

IV- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa¹; ổn định kinh tế vĩ mô, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là một đột phá chiến lược. Việc hoàn thiện thể chế phải gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế để phát triển nhanh, bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục đổi mới việc xây dựng và thực thi luật pháp để tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đổi mới công tác kế hoạch và điều hành phát triển kinh tế - xã

1. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta là: Thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn; phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội; phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

hội theo cơ chế thị trường, đồng thời thực hiện tốt các chính sách xã hội. Thực hiện hệ thống cơ chế và chính sách phù hợp nhằm mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của nền kinh tế, đặc biệt là chính sách tài chính, tiền tệ.

Chính sách tài chính quốc gia phải động viên hợp lý, phân phối công bằng và sử dụng ngày càng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thuế, các quy định về kiểm soát giá, về khuyến khích cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, các chính sách về tiền lương, tiền công. Thực hiện cân đối ngân sách một cách tích cực, bảo đảm tỷ lệ tích lũy cho đầu tư phát triển; phấn đấu tăng dự trữ quốc gia và giảm dần bội chi ngân sách. Từng bước thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả đầu ra. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường vai trò giám sát ngân sách của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp. Quản lý chặt chẽ việc vay nợ và trả nợ nước ngoài; giữ mức nợ Chính phủ và nợ quốc gia trong giới hạn an toàn.

Chính sách tiền tệ phải thúc đẩy tăng trưởng bền vững, kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền. Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng, phù hợp với thông lệ quốc tế. Mở rộng các hình thức thanh toán qua ngân hàng và thanh toán không dùng tiền mặt. Điều hành chính sách lãi suất, tỷ giá linh hoạt theo nguyên tắc thị trường. Đổi mới chính sách quản lý ngoại hối, từng bước mở rộng phạm vi các giao dịch vốn, tiến tới xóa bỏ tình trạng sử dụng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam. Tăng cường vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong việc

hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ. Kết hợp chặt chẽ chính sách tiền tệ với chính sách tài khoá. Kiện toàn hệ thống thanh tra, giám sát hoạt động tài chính, tiền tệ.

Tiếp tục khẳng định sự tồn tại khách quan, lâu dài của nền kinh tế nhiều thành phần đan xen. Tôn trọng quyền tự do kinh doanh, thực hiện nhất quán một mặt bằng pháp lý và điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty. Phân định rõ quyền sở hữu của Nhà nước và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Kiện toàn Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước để làm tốt chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp. Hình thành một số tập đoàn kinh tế lớn, đa sở hữu mà Nhà nước nắm cổ phần chi phối ở những lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để ngăn ngừa thất thoát tài sản, vốn của Nhà nước trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tập thể phát triển đa dạng về hình thức tổ chức, mở rộng quy mô, kinh doanh đa ngành, đa nghề. Nhà nước có cơ chế, chính sách hợp lý trợ giúp hợp tác xã, các liên hiệp hợp tác xã và các tổ hợp tác tiếp cận các nguồn vốn; đào tạo cán bộ quản lý, lao động; trợ giúp kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ phát triển thị trường, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, các dự án đầu tư của Nhà nước, ứng dụng công nghệ mới.

Khuyến khích phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh với sở hữu hỗn hợp, nhất là các doanh nghiệp cổ phần, các hợp tác xã cổ phần để loại hình tổ chức kinh tế này ngày càng trở thành phổ biến trong nền kinh tế. Khuyến khích phát triển mạnh kinh tế tư nhân. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp tư nhân bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực. Có chính sách hỗ trợ các trang trại, các hộ gia đình tham gia phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh.

Thu hút đầu tư nước ngoài phát triển mạnh sản xuất kinh doanh theo quy hoạch, có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và tăng cường sự liên kết với các doanh nghiệp trong nước.

Thực hiện Chương trình quốc gia về phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện để hình thành các doanh nghiệp lớn, có sức cạnh tranh trên thị trường. Phát triển tầng lớp doanh nhân về số lượng và năng lực quản lý, có đạo đức và trách nhiệm xã hội. Tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường. Đa dạng hóa thị trường hàng hóa, chú trọng phát triển thị trường dịch vụ. Phát triển các phương thức giao dịch hiện đại, nhất là với hàng hóa nông sản và vật tư nông nghiệp để góp phần ổn định giá cả, thị trường nội địa, giảm bớt rủi ro cho người sản xuất và người tiêu dùng trong nước. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc bình ổn giá bằng các biện pháp kinh tế vĩ mô, giảm tối đa các can thiệp hành chính trong

quản lý giá. Hoàn thiện thể chế giám sát, điều tiết thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư, giải quyết tranh chấp phù hợp với cơ chế thị trường và các cam kết quốc tế.

Phát triển thị trường tài chính với cơ cấu hoàn chỉnh, quy mô tăng nhanh, phạm vi hoạt động mở rộng, vận hành an toàn, được quản lý và giám sát hiệu quả. Từng bước mở cửa thị trường tín dụng, các dịch vụ ngân hàng. Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại. Áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế trong hoạt động để nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường năng lực hội nhập quốc tế. Đổi mới hoạt động thanh tra, giám sát; phát triển các công cụ dự báo, phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn hệ thống.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán, làm cho thị trường chứng khoán ngày càng đóng vai trò quan trọng trong huy động vốn cho đầu tư phát triển. Tăng tính minh bạch của thị trường. Đưa các giao dịch chứng khoán phi tập trung vào phạm vi quản lý, kiểm soát của Nhà nước. Chống các giao dịch phi pháp, các hành vi rửa tiền, nhiễu loạn thị trường.

Phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, tạo điều kiện thuận lợi để chuyển hóa đất đai thành nguồn lực quan trọng cho phát triển. Khắc phục tình trạng sử dụng lãng phí và lạm dụng, tham nhũng đất công. Hoàn thiện cơ chế hình thành giá đất, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, của người giao lại quyền sử dụng đất và của nhà đầu tư trong quá trình giải tỏa, thu hồi đất. Công khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt. Phát triển đồng bộ các dịch vụ tư

vấn pháp luật, công chứng, thẩm định giá, đăng ký giao dịch... tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho các giao dịch bất động sản. Xây dựng cơ chế tài phán để giải quyết tranh chấp, khiếu nại liên quan đến đất đai.

Tạo môi trường thông suốt để phát triển thị trường lao động. Hoàn thiện môi trường luật pháp cho các hoạt động và các quan hệ về lao động, tiền lương, tiền công, về giao dịch việc làm. Thực hiện điều chỉnh tiền lương và trợ cấp xã hội để bảo đảm thu nhập thực tế ngày càng tăng cho người hưởng lương. Đổi mới tổ chức và hoạt động dịch vụ việc làm. Khuyến khích tổ chức các hội chợ việc làm; phát triển các dịch vụ tư vấn, sàn giao dịch, giới thiệu việc làm. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động gắn với chất lượng và hiệu quả, hướng tới xuất khẩu lao động có trình độ cao. Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức trong nước thu hút và sử dụng lao động nước ngoài có trình độ chuyên môn cao.

Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; phát triển các chợ, các sàn giao dịch sản phẩm khoa học, công nghệ. Xây dựng đồng bộ luật pháp, cơ chế, chính sách phát triển các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ và nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới, nhập khẩu và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh. Phát triển các dịch vụ thiết kế, đo lường, đánh giá, thẩm định, giám định chất lượng, thông tin, môi giới, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ theo hướng xã hội hóa. Hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý thị trường công nghệ.

2. Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, tạo nền tảng cho một nước công nghiệp

Cơ cấu lại ngành công nghiệp cả về cơ cấu ngành kinh tế kỹ thuật; cơ cấu phân bố vùng miền và cơ cấu giá trị mới.

Tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị gia tăng, giá trị nội địa trong sản phẩm công nghiệp. Phát triển mạnh một số công nghiệp nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế. Phát triển có chọn lọc công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng. Ưu tiên phát triển mạnh các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thuộc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, công nghiệp dược, công nghiệp công nghệ thông tin cả phần cứng, phần mềm và nội dung số.

Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ để thúc đẩy phát triển các sản phẩm công nghiệp ưu tiên, có lợi thế cạnh tranh của Việt Nam và tạo điều kiện để các tập đoàn đa quốc gia đầu tư phát triển sản xuất các linh kiện, phụ tùng của các sản phẩm lớn như máy bay, ô tô, tàu thủy, các sản phẩm điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin... Tiếp tục phát triển phù hợp các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động để thu hút lao động từ nông nghiệp, giải quyết vấn đề xã hội và việc làm, ưu tiên vùng nông thôn để góp phần đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu lao động. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch và vật liệu mới, đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu.

Thúc đẩy sự ra đời và phát triển các sản phẩm mới trong các ngành công nghiệp: vật liệu, điện tử tin học, hóa dược, sinh học và công nghiệp môi trường...

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tập trung phát triển đô thị và nhà ở; đầu tư trang thiết bị tiên tiến, nhanh chóng tiếp cận và làm chủ các công nghệ xây dựng hiện đại. Nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp với công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và cạnh tranh quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu chất lượng cao.

Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp hiện có và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao. Hoàn thành việc xây dựng các khu công nghệ cao và triển khai xây dựng một số khu nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và đổi mới công nghệ (khu dưỡng sinh công nghiệp).

3. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững

Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững với tốc độ tăng trưởng cả giai đoạn 10 năm đạt từ 3,5 - 3,8%/năm, đưa tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP còn khoảng 15% và hạ tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 30% vào năm 2020. Phát triển mạnh các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh và tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị hàng hóa nông sản toàn cầu, phấn đấu đưa giá trị xuất khẩu nông lâm sản đạt từ 18 - 20 tỉ USD.

Phát triển sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài trên cơ sở ổn định quỹ đất nông nghiệp, đặc biệt là quỹ đất chuyên canh cây lương thực. Đổi mới và xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất hàng hóa lớn, có hiệu quả theo hướng phát triển gia trại, trang trại và doanh nghiệp nông nghiệp có quy mô phù hợp với điều kiện của từng vùng.

Tiếp tục đổi mới, xây dựng mô hình tổ chức để phát triển kinh tế hợp tác phù hợp với nền sản xuất hàng hóa lớn và cơ chế thị trường. Khuyến khích tập trung ruộng đất phù hợp với từng vùng để phát triển sản phẩm hàng hóa nông sản có lợi thế cạnh tranh. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất nông nghiệp, nhất là đất trồng lúa, sang sử dụng vào mục đích khác.

Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại, ưu tiên đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học để chọn, tạo ra nhiều giống cây trồng, vật nuôi, quy trình nuôi trồng, bảo quản, chế biến và đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để cải tiến công cụ sản xuất nông nghiệp, tạo đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Hỗ trợ phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao. Khuyến khích liên kết giữa hội nông dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng. Bố trí lại cơ cấu cây trồng, mùa vụ và giống để giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh phù hợp với điều kiện của từng vùng, đồng thời tổ chức lại không gian sản xuất hàng hóa có lợi thế cạnh tranh, nhằm phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững.

Phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh, phù hợp

với lợi thế của từng vùng; tập trung cải tạo và nâng cao chất lượng giống, chủ động sản xuất thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Phát triển lâm nghiệp bền vững. Quy hoạch rõ ràng và có chính sách phát triển phù hợp các loại rừng: rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, bảo đảm độ che phủ đến năm 2020 là 45% với chất lượng rừng được nâng cao. Đối với rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, Nhà nước đầu tư và có chính sách đồng bộ để quản lý và phát triển rừng, đồng thời bảo đảm cho người nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng có cuộc sống ổn định. Đối với rừng sản xuất, Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư trồng rừng, gắn trồng rừng nguyên liệu với công nghiệp chế biến ngay từ trong quy hoạch và dự án đầu tư; lấy nguồn thu từ rừng để phát triển rừng và làm giàu từ rừng. Hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để góp phần phát triển nông thôn, miền núi.

Triển khai có hiệu quả việc khai thác hải sản, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, đảo; gắn phát triển với bảo vệ môi trường và bảo tồn nguồn lợi thủy sản. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, tập trung vào những sản phẩm có thể mạnh, có giá trị cao. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng ngành thủy sản từ cảng cá, bến bãi, khu neo đậu tránh, trú bão đến hạ tầng vùng nuôi. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, tạo ra con giống sạch bệnh, thức ăn, thuốc phòng trị bệnh. Phát triển sản xuất và chế biến có công nghệ đáp

ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm 100% sản phẩm thủy sản xuất khẩu đạt tiêu chuẩn của Liên minh châu Âu. Xây dựng ngành thủy sản Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Tạo môi trường thuận lợi và có chính sách khuyến khích để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thu hút nhiều lao động nông nghiệp. Phát triển mạnh các làng nghề, doanh nghiệp dịch vụ cung ứng vật tư, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản cho nông dân.

4. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh

Phát triển khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất vật chất và cao hơn tốc độ tăng GDP.

Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ vận tải, thương mại, du lịch, ngân hàng, bưu chính - viễn thông. Tập trung sức phát triển một số ngành dịch vụ mà ta có tiềm năng, lợi thế và sức cạnh tranh như: thương mại, hàng hải, hàng không, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, du lịch, y tế. Hình thành một số trung tâm dịch vụ có đẳng cấp khu vực.

Mở rộng thị trường nội địa, phát triển mạnh thương mại trong nước; đa dạng hóa thị trường ngoài nước, khai thác có hiệu quả các thị trường có hiệp định mậu dịch tự do, tăng nhanh xuất khẩu, giảm nhập siêu. Phát triển mạnh thương mại trong nước và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Phát triển mạnh một số hệ thống phân phối lớn đối với các

ngành hàng quan trọng, có lợi thế và có sức cạnh tranh trên cả thị trường trong nước và thế giới. Xây dựng thương hiệu cho hàng hóa của Việt Nam. Tăng mức đóng góp của thương mại vào GDP từ 16% lên 18 - 20% vào năm 2020, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ tốt nhu cầu ngày càng cao của sản xuất và đời sống dân cư, đảm bảo an sinh xã hội.

Phát triển mạnh và đa dạng hóa sản phẩm và các loại hình du lịch, nâng cao chất lượng và hiệu quả để đạt đẳng cấp quốc tế. Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác. Đẩy mạnh dịch vụ công cộng như dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thông tin, thể thao; tăng số lượng và nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm, an sinh xã hội để góp phần phát triển nhanh và có hiệu quả các lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Phát triển mạnh các dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phục vụ đời sống ở nông thôn. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật để nâng cao phúc lợi xã hội, bảo đảm cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản, trước hết là về y tế, giáo dục cho người nghèo, vùng nghèo và các đối tượng chính sách. Đổi mới căn bản cơ chế cung ứng dịch vụ công.

5. Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông

Hình thành cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại là một đột phá chiến lược. Đến

năm 2020, hệ thống giao thông vận tải nước ta cơ bản đáp ứng nhu cầu vận tải đa dạng của xã hội với mức tăng trưởng nhanh, đảm bảo chất lượng ngày càng cao, giá thành hợp lý. Kiểm chế tiến tới giảm sự gia tăng tai nạn giao thông và hạn chế ô nhiễm môi trường. Hình thành hệ thống giao thông vận tải hợp lý giữa các phương thức vận tải và giữa các hành lang vận tải chủ yếu.

Nhà nước tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc và đường sắt cao tốc Bắc - Nam, một số cảng biển, cảng hàng không quốc tế, hạ tầng đô thị tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Bằng mọi hình thức đầu tư, khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia phát triển kết cấu hạ tầng. Cơ bản hình thành đồng bộ, hiện đại khung kết cấu hạ tầng theo trục giao thông Bắc - Nam, các trục hành lang Đông - Tây; xây dựng các tuyến đường bộ đối ngoại đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế.

Hoàn thành nâng cấp và mở rộng quốc lộ 1A; nối thông và nâng cấp toàn tuyến đường Hồ Chí Minh. Xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường bộ ven biển; hoàn thành nâng cấp đường sắt Thống Nhất; triển khai xây dựng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; phát triển tuyến vận tải biển Bắc - Nam.

Phát triển hợp lý hệ thống cảng biển quốc gia, bao gồm cảng trung chuyển, các cảng cửa ngõ quốc tế, các bến cảng nước sâu tại ba vùng kinh tế trọng điểm. Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng cảng biển, bao gồm bến cảng, luồng vào cảng, giao thông đến cảng và hệ thống dịch vụ hỗ trợ sau cảng.

Hoàn thành nâng cấp các tuyến thủy nội địa chính; tập trung cải tạo, chỉnh trị một số đoạn tuyến quan trọng. Đầu tư chiều sâu, nâng cấp và xây dựng mới các cảng đầu mối, bến hàng hóa và hành khách, đặc biệt ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

Hoàn thành việc nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các cảng hàng không đạt tiêu chuẩn quốc tế; tập trung đầu tư các cảng hàng không quốc tế trong khu vực Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu, triển khai đầu tư các cảng hàng không quốc tế mới với quy mô và chất lượng phục vụ ngang tầm với các cảng hàng không quốc tế lớn trong khu vực. Đưa năng lực khai thác các cảng hàng không lên 3 - 3,5 lần vào năm 2020.

Phát triển hợp lý hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị và vận tải công cộng, bảo đảm quỹ đất dành cho giao thông đô thị từ 16 - 26%. Phát triển mạnh hệ thống xe buýt tại các thành phố lớn. Nhanh chóng đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt trên cao và tàu điện ngầm tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh để đạt tỷ lệ đảm nhận hành khách công cộng 35 - 45%. Kiểm soát sự phát triển của xe máy, xe ô tô cá nhân, đặc biệt ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức quản lý giao thông đô thị một cách khoa học, bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn và bảo vệ môi trường.

Phát triển đường giao thông nông thôn, đảm bảo ô tô tới được tất cả trung tâm xã thông suốt quanh năm. Tỷ lệ mặt đường cứng, rải nhựa đạt 60 - 80%. Duy trì, củng cố và nâng cấp mạng lưới giao thông hiện có theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông nông thôn. Tiếp tục xây dựng hệ thống đường liên thôn, xã tạo thành mạng lưới giao thông

nông thôn liên hoàn. Gắn kết mạng lưới giao thông nông thôn với mạng lưới giao thông quốc gia. Chú trọng phát triển giao thông đường thủy nội địa, đặc biệt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn. Gắn thủy lợi với thủy điện. Chú trọng xây dựng và củng cố hệ thống hồ, đập, đê, kè, đặc biệt là đê biển, đê sông. Nâng cấp hệ thống kênh mương.

Phát triển nhanh nguồn và hoàn chỉnh hệ thống lưới điện. Phát triển thủy điện, nhiệt điện than, khí và điện nguyên tử..., kết hợp trao đổi, liên kết lưới điện với các nước trong khu vực. Bảo đảm đủ điện cho nhu cầu phát triển.

Hiện đại hóa bưu chính - viễn thông và hạ tầng công nghệ thông tin. Đến năm 2020 công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế tri thức và xã hội thông tin. Hạ tầng bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin đạt các chỉ tiêu về mức độ sử dụng dịch vụ tương đương với mức bình quân của các nước công nghiệp phát triển, đa dạng các loại hình dịch vụ, bắt kịp xu thế hội tụ công nghệ và dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin - truyền thông.

Phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp và dân cư nông thôn. Giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước, xử lý nước thải.

6. Phát triển hài hòa, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới

Trên cơ sở đánh giá lại các loại quy hoạch phát triển,

điều chỉnh quy hoạch, có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, phát huy lợi thế của từng vùng, tạo sự liên kết giữa các vùng và trong nội vùng, giữa các vùng trong nước với các nước trong khu vực. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đồng thời có sự phối hợp, phân công giữa các vùng. Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực tác động lan tỏa đến các vùng khác. Tạo điều kiện phát triển nhanh hơn cho các khu vực đang còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, Tây Nam, Tây Nguyên, Tây Bắc và phía tây các tỉnh miền Trung. Lựa chọn một số địa bàn có lợi thế vượt trội về vị trí địa kinh tế, hội tụ được nhiều điều kiện thuận lợi và có các tiền đề về cơ sở hạ tầng quan trọng, trước hết là cảng biển, sân bay và thuận tiện giao thông với tuyến hàng hải quốc tế và các tuyến giao thông huyết mạch... để hình thành một số khu kinh tế làm đầu tàu phát triển.

Đối với vùng đồng bằng, hình thành các ngành công nghiệp, dịch vụ có chức năng đầu tàu; chú trọng phát triển các khu công nghiệp, các cụm, nhóm sản phẩm công nghiệp và dịch vụ công nghệ cao gắn với các đô thị lớn để hình thành các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, có tầm cỡ khu vực. Hạn chế sử dụng đất trồng lúa nước để xây dựng đô thị, khu công nghiệp. Chú trọng đào tạo nghề và tạo việc làm phi nông nghiệp cho người lao động không còn đất sản xuất nông nghiệp. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất với quy mô hợp lý, gắn sản xuất với chế biến và thị trường. Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng các giống và quy trình sản xuất mới có năng suất, chất lượng cao. Hiện đại hóa công nghiệp

bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa. Sử dụng đất nông nghiệp, đặc biệt là đất trồng lúa tiết kiệm và có hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia lâu dài. Có chính sách bảo đảm lợi ích cho người trồng lúa và địa phương trồng lúa. Phát triển, nâng cao hiệu quả nuôi trồng thủy sản, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa người nuôi trồng và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu.

Đối với vùng trung du, miền núi, phát triển mạnh các vùng sản xuất lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa hàng hóa tập trung và chăn nuôi đại gia súc, trước hết là các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu trên cơ sở phát triển hình thức gia trại và trang trại. Bảo vệ và phát triển rừng. Chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái, đặc biệt là bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, nguồn nước, đa dạng sinh học... Khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, thủy điện và khoáng sản; xây dựng hồ chứa nước và phát triển thủy lợi nhỏ kết hợp thủy điện. Từng bước hình thành các doanh nghiệp công nghiệp và các khu công nghiệp, các dự án công nghiệp có nhu cầu diện tích đất lớn. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm của vùng (cà phê, cao su, chè...) để nâng cao giá trị sản phẩm. Phát triển giao thông nông thôn bền vững gắn với mạng lưới giao thông quốc gia, bảo đảm thông suốt bốn mùa tới các xã và từng bước có đường ô tô đến thôn, bản. Đẩy mạnh giảm nghèo, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, chú trọng việc quản lý, bảo vệ, trồng, cải tạo và làm giàu rừng. Đổi mới căn bản

việc tổ chức quản lý nông, lâm trường quốc doanh. Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng cho nhân dân để ổn định cuộc sống lâu dài và hướng tới phát triển sản xuất hàng hóa, đảm bảo người dân sống được từ nghề rừng. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao về đất sản xuất, về chăn nuôi, nhà ở, nước sinh hoạt... Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, khuyến khích trí thức trẻ, cán bộ khoa học kỹ thuật, giáo viên, cán bộ y tế về công tác ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Mở rộng đối tượng cử tuyển từ con em đồng bào dân tộc thiểu số vào các trường đại học, cao đẳng. Chú trọng phát triển hạ tầng tại các khu vực biên giới, nhất là tại các cửa khẩu. Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế quốc phòng, đẩy mạnh giao thương với các nước láng giềng, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đối với vùng biển, ven biển và hải đảo: Phát triển mạnh kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền vùng biển và hợp tác quốc tế tạo tiền đề để tiến ra biển, đồng thời hỗ trợ, thúc đẩy các ngành khác phát triển. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, xây dựng một số đô thị ven biển, phát triển nhanh một số khu kinh tế, khu công nghiệp quan trọng, liên kết với các đô thị lớn tạo thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, các trung tâm tiến ra biển và các hạt nhân tăng trưởng của từng khu vực để thúc đẩy phát triển kinh tế biển, đảo nhằm mở rộng không gian phát triển kinh tế cho đất nước. Từng bước hình thành mạng lưới đường bộ ven biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, xây dựng

các tuyến vận tải biển. Phát triển đồng bộ kinh tế hàng hải bao gồm: hệ thống cảng biển, đội tàu, đóng mới và sửa chữa tàu biển, dịch vụ cảng và dịch vụ hàng hải. Tập trung đầu tư các cảng cửa ngõ tại các vùng, triển khai xây dựng cảng trung chuyển côngtenơ quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp ven biển, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế như công nghiệp năng lượng, công nghiệp đóng tàu, sản xuất xi măng, chế biến thủy sản chất lượng cao... Quy hoạch và phát triển có hiệu quả nghề muối, bảo đảm nhu cầu của đất nước và đời sống của diêm dân. Phát triển kinh tế đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo. Xây dựng một số đảo trở thành trung tâm du lịch và giao thương lớn của vùng, cả nước và khu vực. Gắn phát triển hải đảo với bảo vệ ngư dân hoạt động trên biển, giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Phát triển toàn diện và hiện đại hóa ngành thủy sản, xây dựng ngành thủy sản Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ biển và các ngành có giá trị gia tăng cao như dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu, dịch vụ du lịch, dịch vụ nghề cá, dịch vụ dầu khí, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông..., đưa dịch vụ vùng ven biển phát triển thành khu vực năng động, tạo nhiều việc làm và đóng góp lớn cho nền kinh tế.

Phát triển đô thị: Tiếp tục tổ chức thực hiện Định hướng phát triển đô thị đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050 nhằm sắp xếp lại hệ thống đô thị trên địa bàn cả nước, theo hướng đảm bảo phát triển hợp lý các đô thị trong các vùng, gắn với việc phát triển các cực tăng trưởng; thúc đẩy phát triển đô thị tại các vùng kinh tế trọng điểm, các vùng đô thị lớn và

các khu kinh tế tổng hợp, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Phát huy vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật của Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, vai trò của các trung tâm kinh tế, văn hóa trên từng vùng và địa phương trong việc phát huy nguồn nhân lực, phổ biến thông tin, truyền bá kiến thức, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; hình thành những cụm nhóm sản phẩm, tạo hiệu ứng lan tỏa nhanh, hiệu quả cao trong sự gắn kết giữa sản xuất với thị trường từ trung tâm đến ngoại vi. Phát triển mạnh các thành phố Cần Thơ, Đà Nẵng, Buôn Ma Thuột thực sự trở thành đô thị trung tâm các vùng. Phát triển các đô thị ven biển trở thành đô thị cửa ngõ và các trung tâm của tiểu vùng. Hình thành các đô thị mới gắn với phát triển các khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, khu du lịch.

Cải tạo và xây dựng mới cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho các đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại. Chống lũ, lụt từ xa cho các đô thị; kết hợp quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi, thủy điện trên các lưu vực sông. Đến năm 2020, hoàn thiện hệ thống cấp nước sinh hoạt, cung cấp đủ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp; giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý chất thải ở các đô thị; xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại (có hệ thống tuynen kỹ thuật, ngầm hóa hệ thống điện lực, thông tin liên lạc...), xây dựng công trình ngầm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xử lý căn bản vấn đề ngập úng. Triển khai rộng rãi mô hình khu liên hợp xử lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

Hình thành và phát triển ngành công nghiệp nước và công nghiệp xử lý rác thải ở Việt Nam.

Xây dựng nông thôn mới: Quy hoạch phát triển nông thôn gắn với phát triển đô thị và bố trí lại các điểm dân cư; phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới với các tiêu chí cụ thể, phù hợp với đặc điểm từng vùng, giữ gìn những nét đặc sắc của nông thôn Việt Nam. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Chú trọng phát triển đào tạo nghề cho người dân nông thôn cả trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Triển khai có hiệu quả Chương trình đào tạo 1 triệu lao động nông thôn mỗi năm. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, chương trình nhà ở cho đồng bào vùng bão, lũ; bố trí hợp lý dân cư, bảo đảm an toàn ở những vùng ngập lũ, sạt lở núi, ven sông, ven biển.

Hình thành và phát triển các hành lang, vành đai kinh tế và các cực tăng trưởng có ý nghĩa đối với cả nước và liên kết trong khu vực. Tạo sự kết nối đồng bộ, hiện đại về hệ thống kết cấu hạ tầng để tập trung hình thành và phát triển trục kinh tế Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông - Tây, các hành lang kinh tế xuyên Á. Hình thành các cụm, nhóm sản phẩm công nghiệp, dịch vụ, kết nối sự phát triển của các đô thị trung tâm dọc tuyến hành lang kinh tế tạo ra các khu vực tăng trưởng thúc đẩy phát triển của cả nước và trên từng vùng. Xây dựng trung tâm hợp tác phát triển kinh tế lớn tại các cửa khẩu trên các hành lang kinh tế để chủ động đẩy

mạnh giao thương và hợp tác phát triển có hiệu quả với các nước láng giềng.

7. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế

Tạo bước phát triển mạnh mẽ về văn hóa, xã hội. Nhà nước tăng đầu tư, đồng thời đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực để phát triển văn hóa xã hội. Hoàn thiện hệ thống chính sách, kết hợp chặt chẽ các mục tiêu, chính sách kinh tế với các mục tiêu, chính sách xã hội; thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển, phù hợp với trình độ và điều kiện cụ thể.

Nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tạo động lực khuyến khích mạnh mẽ làm giàu theo pháp luật, đồng thời thực hiện tốt hơn chính sách giảm nghèo, khuyến khích các hộ thoát nghèo, tạo cơ hội để hộ nghèo tự lực vượt khó, tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển, hưởng thụ các dịch vụ cơ bản và các phúc lợi xã hội. Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức để bảo đảm giảm nghèo bền vững, nhất là tại các vùng đặc biệt khó khăn.

Tập trung thực hiện các Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020. Phát triển nhà ở gắn với phát triển các khu đô thị mới nhằm hình thành đồng bộ các khu nhà ở. Có chính sách phù hợp để khuyến khích xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, sinh viên, lực lượng vũ trang và các đối tượng dân cư có mức thu nhập khác nhau trên từng địa bàn; đảm bảo mọi người dân ở cả đô thị và nông thôn đều có chỗ ở phù hợp với điều kiện và khả năng kinh

tế của mình, nhằm bảo đảm ổn định cuộc sống, với chất lượng ngày một tốt hơn.

Hoàn thiện hệ thống chính sách và cơ chế cung ứng dịch vụ công cộng thiết yếu thích ứng với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế. Nhà nước không ngừng nâng cao mức bảo đảm các dịch vụ công cộng cơ bản, thiết yếu cho nhân dân.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả hơn. Đa dạng hóa mạng lưới an sinh tự nguyện.

Phát triển thị trường lao động tích cực. Thực hiện tốt các chính sách về thị trường lao động, bảo đảm quan hệ lao động hài hòa; đẩy mạnh dạy nghề và tạo việc làm cho người lao động; hỗ trợ các đối tượng chính sách, người nghèo học nghề. Phát triển mạnh và đa dạng hóa hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội phù hợp với chính sách tạo việc làm và thu nhập, nhằm mở rộng chế độ bảo hiểm xã hội áp dụng cho mọi đối tượng.

Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công và các đối tượng khó khăn. Xây dựng hệ thống giải pháp cứu trợ xã hội đột xuất hữu hiệu giúp đỡ người nghèo, người dễ bị tổn thương khi gặp rủi ro thiên tai, tai nạn và các tác động xã hội không thuận lợi. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

Đẩy mạnh phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; giảm tệ nạn ma túy, mại dâm; ngăn chặn có hiệu quả tai nạn giao thông.

Đẩy mạnh phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam về lý tưởng, trí tuệ, đạo đức, lối sống, thể chất, năng lực sáng tạo, năng lực

hội nhập, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái khoan dung, ý thức chấp hành pháp luật. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội. Xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa, coi văn hóa là một động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh trong cơ quan, nơi công cộng, cộng đồng dân cư, gia đình và cá nhân. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình Việt Nam tiến bộ, hạnh phúc; thực hiện tốt bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và chăm sóc trẻ em. Coi trọng xây dựng văn hóa lãnh đạo - quản lý, văn hóa kinh doanh, văn hóa trong thế hệ trẻ. Xây dựng các cơ chế chính sách đồng bộ và tạo mọi điều kiện để khuyến khích sáng tạo trong mọi lĩnh vực và hoạt động văn hóa nhằm tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa có giá trị cao, có sức lan tỏa lớn, xứng đáng với tâm vóc của dân tộc. Xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Coi trọng bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc.

Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, báo chí, internet, xuất bản; nâng mức hưởng thụ văn hóa, thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư đi liền với đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, đẩy mạnh phát triển văn hóa quần chúng và xã hội hóa để phát triển các lĩnh vực văn

hóa, thông tin, hình thành thị trường văn hóa lành mạnh có hiệu quả; nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; kiên quyết chống lại các biểu hiện phi văn hóa, tiêu cực, suy thoái đạo đức, lối sống.

8. Phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân

Nhà nước tăng đầu tư cho sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển nhanh hệ thống y tế. Đầu tư củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị, cán bộ và y tế dự phòng. Nâng cao năng lực các trạm y tế xã, hoàn thành xây dựng bệnh viện tuyến huyện, nâng cấp bệnh viện tuyến tỉnh và bệnh viện tuyến trung ương, xây dựng thêm một số bệnh viện chuyên khoa có trình độ cao tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số vùng. Xây dựng một số cơ sở khám, chữa bệnh có tầm cỡ khu vực; khuyến khích các thành phần kinh tế thành lập các cơ sở y tế chuyên khoa có chất lượng cao. Hoàn thành xây dựng trung tâm y tế chuyên sâu tại Hà Nội, Huế - Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Triển khai xây dựng các trung tâm y tế vùng ở Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ. Phát triển mạng lưới các khoa và bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng. Đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở y tế công lập theo hướng tự chủ, công khai minh bạch.

Bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế công bằng, hiệu quả và có chất lượng. Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ chính sách bảo hiểm y tế, chính sách khám chữa bệnh và chính sách viện phí phù hợp; có lộ trình thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân;

thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách, người nghèo và trẻ em. Tăng cường đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn, y đức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ y tế. Phấn đấu đến năm 2020 tất cả các xã, phường có bác sĩ.

Phát triển mạnh y tế dự phòng, không để xảy ra dịch bệnh lớn. Tiếp tục kiểm chế và giảm mạnh lây nhiễm HIV. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, đặc biệt là HIV/AIDS và các dịch bệnh mới phát sinh. Triển khai mạnh mẽ các biện pháp kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm. Kịp thời dự báo và có biện pháp ngăn ngừa để hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới sức khỏe do thay đổi lối sống, môi trường và điều kiện lao động trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển các phong trào vệ sinh, phòng bệnh và thể dục thể thao. Đẩy mạnh phòng chống các bệnh nghề nghiệp. củng cố và phát triển y tế học đường. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, người cao tuổi và các hoạt động phục hồi chức năng. Tổ chức thực hiện tốt chương trình phòng, chống tai nạn thương tích.

Phát triển nhanh công nghiệp dược và trang thiết bị y tế, kết hợp tốt y học hiện đại và y học dân tộc để đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Xây dựng và thực hiện chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tâm vóc con người Việt Nam; đặc biệt quan tâm đến phát triển thể chất của trẻ em, nhi đồng, thiếu niên và thanh niên. Đẩy mạnh phong trào toàn dân rèn luyện sức khỏe; phát triển mạnh thể dục thể thao học đường. Các địa phương phải có quy hoạch phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

thể dục thể thao. Đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao chuyên nghiệp, thể dục thể thao đỉnh cao phù hợp với điều kiện và tố chất của người Việt Nam; nâng cao vị thế thể dục thể thao Việt Nam trên đấu trường khu vực và thế giới. Kiên quyết chống lại các tiêu cực, biểu hiện phi đạo đức trong thể dục thể thao.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức, cơ chế, chính sách và đẩy mạnh tuyên truyền vận động để thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, duy trì mức sinh thay thế ổn định, bảo đảm cân bằng giới tính hợp lý. Tập trung đẩy mạnh công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình ở các địa phương có tốc độ tăng dân số còn cao và số người sinh con thứ ba trở lên còn nhiều. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình và thể dục thể thao.

9. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nhanh giáo dục và đào tạo, để giáo dục và đào tạo thực sự là quốc sách hàng đầu

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định bảo đảm kinh tế - xã hội phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, phát triển kinh tế tri thức. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo - quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, đội ngũ quản trị doanh nghiệp giỏi và đội ngũ lao động lành nghề, đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ đầu đàn có tri thức và kỹ năng đạt đẳng cấp quốc tế; làm cho nguồn nhân lực trở thành một lợi thế cạnh tranh chủ yếu và lâu dài của nước ta.

Chú trọng phát triển đội ngũ công chức quản lý hành chính nhà nước chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thế giới hội nhập. Phát triển đội ngũ nhân lực khoa học - công nghệ đủ năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và đề xuất những giải pháp khoa học, công nghệ để phát triển đất nước. Xây dựng đội ngũ doanh nhân, chuyên gia quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp có bản lĩnh, thông thạo kinh doanh và có đạo đức nghề nghiệp.

Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng đòi hỏi đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề. Triển khai mạnh mẽ đào tạo theo nhu cầu xã hội, thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và nhà nước để phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn, đáp ứng trực tiếp cho nhu cầu của các doanh nghiệp và các nhu cầu thiết yếu khác. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng và phát huy nhân tài.

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội.

Mở rộng giáo dục mầm non, nhất là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Hoàn thành phổ cập mầm non 5 tuổi trước năm 2020. Đến năm 2020 có 100% xã, phường trên toàn quốc có trường mầm non.

Thực hiện phổ cập tiểu học và trung học cơ sở với chất lượng ngày càng cao và hầu hết học sinh học 2 buổi/ngày.

Ít nhất có 80% học sinh trong độ tuổi tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương. Mở rộng mạng lưới trường phổ thông, bảo đảm không còn tình trạng học sinh tiểu học bỏ học vì trường quá xa nhà. củng cố và mở rộng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh, cấp huyện và trường bán trú.

Phát triển mạnh dạy nghề và giáo dục chuyên nghiệp, mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đến năm 2020 có thể tiếp nhận 30% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và 30% số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào học nghề.

Nâng cao chất lượng và quy mô giáo dục đại học để ít nhất có 35% lao động trong độ tuổi được đào tạo đại học và cao đẳng; tỷ lệ sinh viên trên một vạn dân là 450 vào năm 2020. Quy hoạch lại mạng lưới các trường cao đẳng, đại học và các trường dạy nghề trên phạm vi toàn quốc và từng vùng, đáp ứng nhu cầu nhân lực về quy mô và cơ cấu ngành nghề đào tạo, phục vụ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Phát triển các trường cao đẳng cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các địa phương. Đến năm 2020, lao động qua đào tạo chiếm trên 70% tổng lao động xã hội, trong đó, đào tạo nghề chiếm 55%.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình và phương pháp dạy và học. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các bậc học. Tích cực chuẩn bị để từ sau năm 2015 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Đổi mới căn bản chương trình, phương pháp dạy và học ngoại ngữ để ngoại ngữ trở thành một thế mạnh của người Việt Nam. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội để chăm lo phát triển giáo dục. Có các chương trình mục

tiêu để phát triển nhanh giáo dục ở vùng khó khăn, vùng núi. Hình thành một số cơ sở giáo dục và đào tạo có trình độ quốc tế. Mở rộng các phương thức đào tạo từ xa, hệ thống các trung tâm học tập cộng đồng làm cho cả nước thực sự là xã hội học tập. Đến năm 2020, tất cả các quận, huyện có trung tâm giáo dục thường xuyên, hầu hết các xã, phường có trung tâm học tập cộng đồng.

Thực hiện bình đẳng về cơ hội học tập và công bằng trong giáo dục ngày càng cao. Thực hiện tốt các chính sách xã hội trong giáo dục, đào tạo.

10. Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững

Khoa học và công nghệ là động lực then chốt của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức. Đến năm 2020, xây dựng được một nền khoa học và công nghệ có trình độ tiên tiến trong khu vực. Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ: nâng cao năng lực, đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ.

Tạo sự phát triển vượt bậc về tiềm lực khoa học và công nghệ, đủ sức làm chủ và vận dụng sáng tạo tri thức mới trong một số ngành khoa học và công nghệ, làm nền tảng vững chắc và động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội. Rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Đầu tư phát triển khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm. Phát triển đồng bộ và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất và nhân lực khoa học công nghệ. Nhà nước tập trung đầu tư cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ

trọng điểm quốc gia, các sản phẩm trọng điểm quốc gia, đồng thời huy động mọi nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học, công nghệ.

Đổi mới mạnh mẽ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ. Phát triển mạnh thị trường khoa học, công nghệ. Đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước; chuyển các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Phát triển các doanh nghiệp khoa học - công nghệ, các quỹ hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và quỹ đầu tư mạo hiểm. Xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học và công nghệ. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì sự phát triển của đất nước.

Khoa học xã hội làm tốt nhiệm vụ nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo xu hướng phát triển, cung cấp luận cứ cho việc xây dựng đường lối, chính sách phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Hướng mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ gắn với yêu cầu phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm. Gắn khoa học, công nghệ với đào tạo và sản xuất kinh doanh. Xây dựng và thực hiện chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, trước hết là đối với những ngành, lĩnh vực chủ lực, mũi nhọn. Ưu tiên phát triển công nghệ cao, ứng dụng khoa học và công nghệ vào lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp nông thôn; sử dụng hợp lý công nghệ dùng nhiều lao động. Nhanh chóng hình thành một số cơ sở nghiên cứu - ứng dụng mạnh, đủ sức tiếp thu, cải tiến công nghệ và sáng tạo công nghệ mới. Phát huy hiệu quả các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc mọi

thành phần kinh tế đổi mới công nghệ, làm chủ những công nghệ then chốt, mũi nhọn và sản xuất các sản phẩm có hàm lượng khoa học và công nghệ cao, trong đó ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Từng bước xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng khoa học - công nghệ cho phát triển kinh tế tri thức, nhất là công nghệ thông tin và viễn thông. Lựa chọn phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghệ cao và dịch vụ cao cấp có lợi thế, có giá trị gia tăng cao. Gắn kết các khâu đào tạo nhân lực chất lượng cao với nghiên cứu - ứng dụng. Quan tâm đúng mức nghiên cứu cơ bản có trọng điểm theo yêu cầu phát triển của đất nước.

Kết hợp chặt chẽ nghiên cứu và phát triển trong nước với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, đẩy nhanh tốc độ đầu tư đổi mới công nghệ trong tất cả các ngành, tạo nhiều ngành nghề mới có hiệu quả và sức cạnh tranh cao. Tập trung phát triển và tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến để đẩy nhanh quá trình xây dựng công nghiệp cơ bản, công nghiệp hỗ trợ; phát triển một số sản phẩm công nghiệp chủ lực và các sản phẩm nông nghiệp chế biến có giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý, đẩy mạnh đổi mới tổ chức và quản lý khoa học và công nghệ. Sắp xếp lại hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ. Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản của các trường đại học, các viện nghiên cứu, gắn nghiên cứu với đào tạo và ứng dụng, liên kết các cơ sở nghiên cứu với các trường đại học và doanh nghiệp. Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các hoạt động nghiên cứu theo hướng tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, lấy kết quả ứng dụng làm tiêu chí đánh giá chất lượng

hoạt động nghiên cứu. Khuyến khích các tập đoàn, tổng công ty lớn đầu tư nghiên cứu để làm chủ những công nghệ then chốt, mũi nhọn và đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

Khẩn trương hình thành hệ thống đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ. Thực hiện nghiêm túc các quy định về quyền sở hữu trí tuệ.

11. Bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng, vào các chương trình, dự án. Các dự án đầu tư xây dựng mới phải bảo đảm yêu cầu về môi trường. Thực hiện nghiêm ngặt lộ trình xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo vệ môi trường; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm. Khắc phục suy thoái, khôi phục và nâng cao chất lượng môi trường. Thực hiện tốt chương trình trồng rừng, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng. Quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển “năng lượng sạch”, “sản xuất sạch”, “tiêu dùng sạch”. Bảo đảm cho người dân được sống trong môi trường có chất lượng ngày càng tốt hơn về không khí, đất, nước, cảnh quan...

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo, triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về ứng phó với biến

đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường...

12. Giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế

Đến năm 2020, tăng cường tiềm lực, tạo ra bước chuyển biến mới về sức mạnh quốc phòng của đất nước; bảo đảm đủ sức bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia cả ở đất liền, vùng trời, vùng biển, hải đảo trong mọi tình huống; giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. Nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của quân đội nhân dân, nhất là khả năng tác chiến ở vùng biển, đảo xa bờ.

Tăng cường công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, sức mạnh toàn dân, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, trong đó lực lượng công an nhân dân đóng vai trò nòng cốt, xung kích.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh. Bố trí thế trận quốc phòng, an ninh phù hợp với tình hình mới, gắn kết quốc phòng với an ninh, kết hợp chặt chẽ quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn lãnh thổ, trong công tác quy hoạch, kế hoạch và các chương trình, dự án đầu tư phát triển. Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, quan tâm đặc biệt đến các vùng, địa bàn trọng điểm. Mở rộng phương thức huy động nguồn lực xây dựng công nghiệp quốc phòng và nâng cao khả

năng bảo đảm của công nghiệp quốc phòng. Lồng ghép các chương trình để xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng ở vùng biên giới, hải đảo. Xây dựng lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy tinh nhuệ và từng bước hiện đại để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; duy trì trật tự, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, mọi ý đồ và hành động xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, ngăn chặn các loại tội phạm, không để bị động, bất ngờ.

Mục tiêu đối ngoại của Việt Nam là giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; tranh thủ tối đa môi trường quốc tế thuận lợi để xây dựng thành công một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới.

Thực hiện tốt đường lối đối ngoại, tăng cường hợp tác quốc tế, tạo môi trường hòa bình, ổn định và tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài để phát triển đất nước. Giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ trên cơ sở thương lượng hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế, kết hợp chặt chẽ các biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo của Tổ quốc. Tham gia tích cực, chủ động và có trách nhiệm tại các diễn đàn và tổ chức quốc tế, phát huy vị thế của Việt Nam trong việc tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Chủ động tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả, góp phần phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh

tế độc lập tự chủ. Thực hiện có trách nhiệm các cam kết quốc tế. Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế đối ngoại với chính trị đối ngoại để tạo thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động kinh tế đối ngoại. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo lập những điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế; thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn; mở rộng và đa dạng thị trường xuất, nhập khẩu. Đẩy mạnh công tác về người Việt Nam ở nước ngoài, bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam; tiếp tục có các chính sách khuyến khích kiều bào ta ở nước ngoài tham gia xây dựng Tổ quốc, tích cực góp phần vào sự nghiệp phát triển và bảo vệ đất nước. Đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, lồng ghép với các hoạt động chính trị và thúc đẩy hợp tác kinh tế.

V- NÂNG CAO HIỆU LỰC HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM THỰC HIỆN THẮNG LỢI CHIẾN LƯỢC

Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao và rất khẩn trương. Điều đó đòi hỏi phải nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, xử lý kịp thời và đúng đắn trước mọi biến động phức tạp của tình hình, bảo đảm chỉ đạo thực hiện thắng lợi chiến lược, trong đó cần tập trung vào các nội dung sau:

1. Thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường

Xây dựng đồng bộ và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống pháp luật và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội để phát triển nhanh và bền vững, thực hiện ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và an ninh kinh tế trong mọi tình huống. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và bằng các nguồn lực, các chính sách hướng các quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống kinh doanh vào những lĩnh vực và địa bàn cần thiết, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.

Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản quốc gia, thực hiện tốt chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Tổ chức cung ứng các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ thiết yếu mà khu vực kinh tế tư nhân chưa làm được hoặc không muốn làm. Phát triển mạnh nguồn nhân lực và hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển.

Bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực hiện có hiệu quả đường lối đối ngoại của Đảng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo lập môi trường ngày càng thuận lợi cho phát triển đất nước.

Nhà nước quản lý điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường. Tăng cường công tác giám sát, chủ động điều tiết, giảm các tác động tiêu cực của thị trường, không phó mặc cho thị trường hoặc can thiệp không đúng, làm sai lệch các quan hệ thị trường.

2. Tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính

Tập trung chỉ đạo cải cách hành chính trên tất cả các khâu: thể chế, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và cải cách thủ tục hành chính đúng với vị trí là một trong các nội dung của đột phá chiến lược. Cùng với việc đẩy mạnh cải cách lập pháp, tư pháp, nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phải tập trung xây dựng hệ thống hành chính nhà nước trong sạch vững mạnh, bảo đảm quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy của Chính phủ theo yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; nâng cao hiệu quả quản lý vĩ mô, nhất là chất lượng quy hoạch, năng lực dự báo và khả năng phản ứng chính sách trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tổng kết, đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương nhằm xác lập mô hình tổ chức phù hợp bảo đảm phân định đúng chức năng, trách nhiệm, thẩm quyền, sát thực tế, hiệu lực, hiệu quả.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp, bảo đảm quản lý thống nhất về quy hoạch và những định hướng phát triển, đồng thời đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành và cơ sở. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống hành chính nhà nước và trong toàn xã hội.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất tốt, tận tụy phục vụ nhân dân, có tính chuyên nghiệp cao.

Đặt yêu cầu cải cách thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng thể chế, tổng kết những kinh nghiệm tốt nhất

từ thực tiễn và tăng cường đối thoại giữa Nhà nước với doanh nghiệp và nhân dân trong việc xây dựng chuẩn mực quốc gia về thủ tục hành chính; giảm mạnh các thủ tục hiện có. Công bố công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính để nhân dân giám sát và kiểm tra việc thực hiện. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành của hệ thống hành chính nhà nước các cấp.

3. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Thực hiện kiên trì, kiên quyết, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ rất quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Triển khai đồng bộ các biện pháp: hoàn thiện thể chế, các quy định về kê khai tài sản của cán bộ, công chức; thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch; tăng cường công tác giám sát, tạo cơ chế để nhân dân kiểm tra mọi công việc có liên quan đến ngân sách, tài sản của Nhà nước và của nhân dân; xử lý nghiêm các trường hợp tham nhũng, lãng phí; từng bước cải cách cơ bản chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của đất nước.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước

Trong điều kiện Đảng ta là đảng duy nhất cầm quyền và

có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước. Phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tăng cường dân chủ trong Đảng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, coi trọng mở rộng dân chủ trực tiếp trong xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền, khắc phục tình trạng Đảng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc bao biện làm thay chức năng, nhiệm vụ quản lý điều hành của chính quyền.

Thực hiện việc nhân dân trực tiếp bầu người đứng đầu chính quyền cấp xã, đại hội Đảng bầu bí thư cấp ủy và nhất thể hóa hai chức danh bí thư cấp ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân, trước hết là ở cấp xã và địa phương không tổ chức hội đồng nhân dân để rút kinh nghiệm nhân rộng; góp phần quan trọng mở rộng dân chủ, đổi mới phương thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhất là dân chủ trực tiếp.

Hoàn thiện cơ chế để nhân dân đóng góp ý kiến và giám sát công việc của Đảng và Nhà nước, nhất là về các chính sách kinh tế, xã hội, về quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển quan trọng. Quy định chế độ cung cấp thông tin và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trước nhân dân. Hoàn thiện và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và của mỗi người dân trong việc quản lý sinh hoạt và tổ chức đời sống cộng đồng theo quy định của pháp luật. Đây là một nội dung quan trọng bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

Tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở. Đây là khâu có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi Chiến lược. Phải làm tốt các việc sau đây:

Các cấp ủy đảng chỉ đạo quán triệt sâu sắc nội dung Chiến lược trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các cấp, các ngành và tăng cường sự lãnh đạo, tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, định hướng phát triển đã nêu trong Chiến lược, đặc biệt là tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các đột phá chiến lược.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và giám sát việc thực hiện Chiến lược.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển dài hạn cả về quy hoạch ngành, sản phẩm, vùng lãnh thổ và quy hoạch xây dựng, bảo đảm phát huy lợi thế và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của đất nước để phát triển nhanh và bền vững. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm, các chương trình quốc gia, các chiến lược ngành, sản phẩm.

Xây dựng cơ chế để thường xuyên theo dõi, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời điều chỉnh Chiến lược.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, xây dựng cơ chế để

phát huy trí tuệ, lực lượng của nhân dân trong việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Chiến lược.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X Số 33-NQ/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2009

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) họp tại Hà Nội từ ngày 5-10 đến ngày 10-10-2009, sau khi xem xét các tờ trình, báo cáo của Bộ Chính trị và Ban Cán sự đảng Chính phủ, quyết nghị:

1. Cơ bản tán thành các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng:
 - Dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển).
 - Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020.
 - Đề cương chi tiết dự thảo Báo cáo chính trị.
 - Báo cáo về một số vấn đề cần nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị và Báo cáo giải trình, tiếp thu của Bộ Chính trị, chỉ đạo các tiểu ban tiếp tục chuẩn bị, tu chỉnh dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển), Chiến lược

phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020; xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị và Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng để trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) xem xét, quyết định trước khi gửi lấy ý kiến đại hội đảng bộ các cấp.

2. Cơ bản tán thành Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2009 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010. Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị và Báo cáo giải trình, tiếp thu của Ban Cán sự đảng Chính phủ, chỉ đạo Chính phủ hoàn chỉnh Báo cáo, trình Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ sáu xem xét, quyết định.

3. Tán thành chủ trương đầu tư Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận và Dự án Thủy điện Lai Châu. Giao Bộ Chính trị có văn bản kết luận để lãnh đạo; Ban Cán sự đảng Chính phủ căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị và Báo cáo giải trình, tiếp thu của Ban Cán sự đảng Chính phủ, chỉ đạo Chính phủ hoàn chỉnh Báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin trình Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ sáu xem xét, quyết định.

4. Tán thành triệu tập Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) vào tháng 3-2010.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA X**

Ngày 10 tháng 10 năm 2009

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,*

Sau gần một tuần làm việc khẩn trương, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã hoàn thành chương trình đề ra. Hội nghị đã tập trung trí tuệ, thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ, với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp nhiều ý kiến phong phú, sâu sắc; đánh giá cao công tác chuẩn bị các đề án. Hội nghị biểu thị sự đồng tình cao với các nội dung tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị về các dự thảo văn kiện đã trình.

Những nội dung thảo luận và quyết định tại Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng; là một bước chuẩn bị rất cơ bản cho Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương để hoàn thiện các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Thư các đồng chí,

Dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển) đã được Hội nghị thảo luận, làm rõ thêm một số vấn đề để tiếp tục hoàn chỉnh theo tinh thần tiếp tục đổi mới, bám sát thực tiễn của đất nước và thời đại, kế thừa những nội dung vẫn còn nguyên giá trị của Cương lĩnh năm 1991, bổ sung những vấn đề đã được các Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị từ khóa VII đến nay kết luận, những nội dung đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, bổ sung hoặc viết lại những điểm không còn phù hợp.

Hội nghị chúng ta đã thảo luận, làm rõ thêm một số vấn đề và những điểm còn có ý kiến khác nhau để hoàn thiện thêm một bước Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020. Dự thảo Chiến lược này được xây dựng trên cơ sở quán triệt các quan điểm: phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt, là cơ sở vững chắc để phát triển nhanh trong quá trình thực hiện Chiến lược; đổi mới đồng bộ các lĩnh vực vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển; phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đồng thời với việc hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Hội nghị Trung ương đã thảo luận và góp ý nhiều nội dung trong Đề cương chi tiết Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng, xác định những vấn đề tiếp tục nghiên cứu làm rõ thêm trong quá trình biên tập, soạn thảo Báo cáo chính trị.

Theo quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Báo cáo chính trị trình Đại hội XI sẽ bao gồm cả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và báo cáo về công tác xây dựng Đảng. Trên cơ sở kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nhìn lại 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 và 25 năm đổi mới; dự thảo Báo cáo sẽ xác định đường lối tiếp tục đổi mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa, mục tiêu, phương hướng phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015, đề ra các chủ trương biện pháp lớn để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, sự phát triển nhanh, bền vững của nền kinh tế; hoàn thiện về cơ bản thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới, phát triển mạnh mẽ giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế tri thức, tích cực chủ động bảo vệ môi trường; chăm lo phát triển văn hóa, xây dựng con người; thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; triển khai đồng bộ và có hiệu quả các hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng ta đã khẳng định lấy xây dựng kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Công tác xây dựng Đảng là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng và có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và

chế độ ta. Nội dung quan trọng này cần phải được thể hiện rõ trong Báo cáo chính trị. Hội nghị cũng đã thảo luận, cho ý kiến về một số vấn đề cần nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng nhằm đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ xây dựng Đảng, đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới.

Thư các đồng chí,

Cùng với việc thảo luận cho ý kiến để hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện trình Đại hội XI của Đảng, Hội nghị đã xem xét cho ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2009 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010.

Như chúng ta đã biết, trong các năm 2008 - 2009, nền kinh tế nước ta đã gặp nhiều khó khăn, thách thức do bị tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới và những khó khăn nội tại của nền kinh tế. Nhưng nhờ sự phấn đấu cao của các ngành, các cấp, của toàn dân và sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Đảng và Chính phủ, sự giám sát có hiệu quả của Quốc hội, nền kinh tế nước ta trong năm 2009 đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, cơ bản thực hiện được mục tiêu ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý. Kinh tế vĩ mô cơ bản được ổn định. Công tác an sinh xã hội được chú trọng đúng mức. Đời sống nhân dân được bảo đảm, nhất là đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đã huy động được nhiều nguồn vốn đầu tư cho phát triển, góp phần quan trọng để ngăn chặn suy giảm kinh tế; tạo thêm việc làm, thu nhập và chuẩn bị điều kiện để phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng kinh tế cao hơn trong những

năm sau. Chính trị - xã hội tiếp tục được ổn định, an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm để phát triển đất nước. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong những năm sau, nhất là về ổn định kinh tế vĩ mô và nguy cơ lạm phát trở lại.

Hội nghị Trung ương đánh giá những việc chúng ta đã làm được trong năm 2009 là những bài học hết sức quý báu, có ý nghĩa cả về kinh tế và chính trị cần phải được tổng kết và phân tích kỹ để phục vụ cho sự chỉ đạo các nhiệm vụ còn lại của năm nay và tạo tiền đề cho việc thực hiện các nhiệm vụ của năm 2010 - năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm, kết thúc nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng, năm cả nước sẽ tổ chức kỷ niệm nhiều sự kiện trọng đại, năm nước ta đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN và đặc biệt là năm chúng ta tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội XI của Đảng.

Trong năm 2010, chúng ta phải tập trung mọi nỗ lực để phục hồi tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2009; tạo tiền đề để tăng trưởng nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; phấn đấu ở mức cao nhất hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị chúng ta đã xem xét, tán thành chủ trương đầu

tư Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, Dự án thủy điện Lai Châu và giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ tiếp thu ý kiến của Trung ương để thực hiện các bước tiếp theo, trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Thưa các đồng chí,

Hôm nay, 10-10-2009, kỷ niệm 55 năm giải phóng Thủ đô Hà Nội và 999 năm Thăng Long - Hà Nội; Ban Chấp hành Trung ương Đảng chúc Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân Thủ đô tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng vẻ vang của Thủ đô anh hùng; đoàn kết phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; xây dựng Thủ đô giàu đẹp, văn minh, hiện đại; góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, thiết thực chào mừng kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Thưa các đồng chí,

Công việc còn lại của những tháng cuối năm rất lớn. Chúng ta lại phải triển khai kế hoạch năm 2010, đồng thời phải chuẩn bị tốt cho đại hội đảng các cấp. Vì vậy, đòi hỏi chúng ta không những phải đề cao tinh thần trách nhiệm mà còn phải có một kế hoạch công tác thật sự khoa học, sắp xếp việc làm trước, làm sau, phân công rành mạch, hợp lý, kiểm tra sâu sát, chặt chẽ, bảo đảm vừa hoàn thành nhiệm vụ trước mắt vừa đáp ứng yêu cầu chuẩn bị cho các bước phát triển tiếp theo.

Với tinh thần nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, nhất định chúng ta sẽ vượt qua khó khăn trước mắt, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2009, triển khai thực hiện

tốt nhiệm vụ năm 2010 và chuẩn bị tốt nhất cho đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XI của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Chúc các đồng chí mạnh khỏe, thắng lợi.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA X

Trong các ngày từ 5 đến 10-10-2009, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã họp Hội nghị lần thứ 11 thảo luận nhiều vấn đề quan trọng nhằm chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe và cho ý kiến về các dự thảo văn kiện trình Đại hội XI của Đảng: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; Đề cương chi tiết dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XI; Một số vấn đề cần nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; nghe và cho ý kiến về Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước năm 2009, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước năm 2010 và một số vấn đề quan trọng khác.

1. Dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển) trình

Ban Chấp hành Trung ương được xây dựng trên cơ sở Đề cương chi tiết báo cáo tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh trình Hội nghị Trung ương 10, tờ trình, giải trình của Bộ Chính trị, các ý kiến đóng góp của Trung ương, bài phát biểu bế mạc của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị Trung ương 10 và tiếp thu ý kiến góp ý của các đồng chí nguyên lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước.

Trên cơ sở những quan điểm, tư tưởng, định hướng cơ bản của Cương lĩnh năm 1991 và kế thừa những nội dung vẫn còn nguyên giá trị trong Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) đã bổ sung, phát triển nhiều nội dung mới hoặc điều chỉnh, viết lại một số điểm không còn phù hợp; diễn đạt khái quát, chất lọc chặt chẽ, có hệ thống hợp lý hơn, khắc phục trùng lặp, có độ dài tương đương Cương lĩnh năm 1991.

Qua thảo luận, Ban Chấp hành Trung ương cơ bản đồng ý với dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển); đồng thời, cho ý kiến cần làm rõ thêm một số nội dung và cách thể hiện về quá trình cách mạng và những bài học kinh nghiệm, bối cảnh tình hình quốc tế, các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta, về chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế, phát huy dân chủ và phương hướng, nhiệm vụ cơ bản trên một số lĩnh vực...

Trên một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau hoặc cần được làm rõ, Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị nghiên cứu, cân nhắc, trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 12.

2. Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 được soạn thảo trên cơ sở Đề cương chi tiết Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 trình Hội nghị Trung ương 10, tiếp thu các ý kiến của Trung ương tại hội nghị và ý kiến góp ý của các đồng chí nguyên lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, cơ bản nhất trí về những đánh giá thành tựu, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân trong việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. Đồng thời, Trung ương đề nghị làm rõ thêm về sự phát triển của các thành phần kinh tế; việc huy động và sử dụng các nguồn lực; quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và quản lý điều hành, khả năng dự báo chiến lược; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; an sinh xã hội; quản lý thông tin, văn hóa, tài nguyên khoáng sản, môi trường... và bổ sung thêm một số vấn đề cụ thể về nguyên nhân của thành tựu và những mặt hạn chế, yếu kém.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; đồng thời yêu cầu tiếp tục nghiên cứu làm rõ, phân tích sâu sắc, cụ thể hơn về bối cảnh tình hình quốc tế, về các quan điểm, mối quan hệ giữa phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế; về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế, về chủ đề, mục tiêu chiến lược và khâu đột phá; về định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường, việc khắc phục mặt trái của cơ chế thị trường; về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy dân chủ và tăng cường kỷ luật, kỷ cương...

Trong quá trình thảo luận, trên một số vấn đề vẫn còn ý kiến khác nhau hoặc cần được làm rõ, Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc, hoàn chỉnh dự thảo Chiến lược trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận tại Hội nghị Trung ương 12.

3. Đại hội XI của Đảng tổ chức vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội X, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội XI có ý nghĩa trọng đại để ra đường lối tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo tiền đề vững chắc để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe lần đầu và thảo luận Đề cương chi tiết dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XI của Đảng, cho ý kiến về chủ đề Đại hội, tiêu đề, kết cấu của Báo cáo chính trị; bước đầu cho ý kiến về đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong 5 năm qua, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong 5 năm của nhiệm kỳ Đại hội XI; cho ý kiến về những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết và định hướng xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị để trình Hội nghị Trung ương 12.

4. Điều lệ Đảng do Đại hội X của Đảng thông qua đã tiếp tục khẳng định những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ giữa Đảng với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, từ thực tiễn hoạt động của các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên, đặc biệt là việc tổng kết 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, 10 năm thực hiện Chiến lược cán bộ và triển khai thực hiện một số chủ trương mới của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đang đặt ra những vấn đề cần được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Tại Hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và thống nhất về sự cần thiết phải nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, những vấn đề cần nghiên cứu và các quan điểm chỉ đạo quá trình nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng như Bộ Chính trị trình Trung ương; đồng thời đề xuất thêm một số vấn đề cần nghiên cứu và định hướng bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ. Sau Hội nghị Trung ương 11, trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo đã được Trung ương thống nhất, Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị nghiên cứu đầy đủ ý kiến của Trung ương tại Hội nghị, ý kiến của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên để đề xuất cụ thể những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi và phương án bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 12.

5. Ban Chấp hành Trung ương đã nghe, thảo luận, cơ bản tán thành Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2009, đồng thời yêu cầu phân tích sâu thêm về mô hình tăng trưởng, chất lượng tăng trưởng, chất lượng đầu tư; về cơ cấu lại nền kinh tế; các mặt hạn chế, yếu kém trên một số lĩnh vực tài chính, ngân hàng; vấn đề thực hiện gói kích cầu, bội chi ngân sách; khả năng tái lạm phát, về công tác xóa đói, giảm nghèo, những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, tài nguyên, môi trường, cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí...

Ban Chấp hành Trung ương cơ bản tán thành đánh giá bối cảnh thế giới và trong nước, các mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp, cơ chế, chính sách chủ yếu năm 2010; đồng thời đã thảo luận về một số chỉ tiêu cần được cân nhắc kỹ hơn, như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng xuất khẩu, tỷ lệ nhập siêu so với xuất khẩu, bội chi ngân sách nhà nước; quan tâm hơn nữa đến công tác quy hoạch, đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, đào tạo nghề; giảm nghèo bền vững và bảo vệ môi trường, cải cách hành chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hành tiết kiệm, các tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh an toàn thực phẩm...

Ban Chấp hành Trung ương giao Ban Cán sự đảng Chính phủ căn cứ ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị và báo cáo giải trình tiếp thu của Ban Cán sự đảng Chính phủ, chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo, trình Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ sáu xem xét, quyết định.

Tại Hội nghị Trung ương 11, Ban Chấp hành Trung ương còn xem xét, cho ý kiến về một số vấn đề quan trọng khác.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy ưu điểm, thành tựu đã đạt được trong năm 2009 và hơn nửa nhiệm kỳ khóa X vừa qua; khắc phục những khuyết điểm, yếu kém, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 và Nghị quyết Đại hội X của Đảng, tích cực chuẩn bị cho Đại hội XI của Đảng và đại hội đảng các cấp, tiếp tục đưa đất nước vững bước đi lên trên con đường đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 277-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2009

Về các đề nghị của Tỉnh ủy Bình Định sau Hội thảo khoa học “Nguyễn Tất Thành ở Bình Định”

Ngày 9-9-2009, Tỉnh ủy Bình Định báo cáo Ban Bí thư về kết quả Hội thảo khoa học “Nguyễn Tất Thành ở Bình Định” (số 133-BC/TU), trong đó có kiến nghị với Ban Bí thư một số vấn đề. Sau khi lấy ý kiến Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Đồng ý việc Tỉnh ủy Bình Định chủ trì, phối hợp với các cơ quan như Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh... tiếp tục nghiên cứu làm rõ thêm một số vấn đề mà Hội thảo khoa học “Nguyễn Tất Thành ở Bình Định” đã gợi mở.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu những di tích về Nguyễn Tất Thành ở Bình Định đã được khẳng định, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định xây dựng Đề án bảo tồn, phát huy giá trị

của di tích, trình các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của *Luật di sản văn hóa*.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 262-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra
Trung ương với Ban Tuyên giáo Trung ương
trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát
và thi hành kỷ luật đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Căn cứ Quyết định số 80-QĐ/TW, ngày 28-8-2007 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Tuyên giáo

Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với ban tuyên giáo của cấp ủy tham mưu, giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở cấp mình.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với ban tuyên giáo cấp mình.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

Phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Tuyên giáo Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 262-QĐ/TW,
ngày 12-10-2009 của Ban Bí thư)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến lĩnh vực tuyên giáo; tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý trong lĩnh vực tuyên giáo.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Phối hợp trên cơ sở các quy định của Điều lệ Đảng,

ng nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định.

3. Quá trình phối hợp trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho hai cơ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trong lĩnh vực tuyên giáo; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ liên quan đến tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong lĩnh vực tuyên giáo vi phạm Điều lệ Đảng, chủ trương,

ng nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; giám sát, đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý trong lĩnh vực tuyên giáo bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Thực hiện công tác tuyên truyền theo Thông báo kết luận của Ban Bí thư về tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng (Thông báo số 226-TB/TW, ngày 3-3-2009 của Ban Bí thư).

4. Nghiên cứu, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trong lĩnh vực tuyên giáo.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trong lĩnh vực tuyên giáo.

6. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

7. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định về cán bộ của Ban Tuyên giáo Trung ương thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát theo chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nếu phát hiện tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên vi phạm các nội dung thuộc lĩnh vực tuyên giáo thì thông báo bằng văn bản và cung cấp tài liệu có liên quan hoặc gửi văn bản đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương kiểm tra tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm và giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật liên quan đến lĩnh vực tuyên giáo.

c) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực tuyên giáo thì chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương để thực hiện.

d) Các thông báo kết luận kiểm tra, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, quyết định thi hành kỷ luật đảng của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với đảng viên của các cơ quan, đơn vị liên quan đến lĩnh vực tuyên giáo là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ban Tuyên giáo Trung ương.

đ) Các đề án, báo cáo, hướng dẫn liên quan đến nội dung phối hợp giữa hai cơ quan của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khi ban hành hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ban Tuyên giáo Trung ương.

e) Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan xây dựng quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với cơ quan tuyên truyền, báo chí trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

g) Trao đổi với Ban Tuyên giáo Trung ương về cán bộ của Ban Tuyên giáo Trung ương thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý trước khi trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét hoặc xử lý kỷ luật hay cho ý kiến xử lý.

h) Định kỳ (6 tháng, hằng năm, cuối nhiệm kỳ) thông báo bằng văn bản cho Ban Tuyên giáo Trung ương về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong lĩnh vực tuyên giáo.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm, nhận được đơn, thư tố cáo tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có yêu cầu phối hợp thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện.

c) Qua làm việc với các địa phương, đơn vị, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm theo các tài liệu có liên quan) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành giám sát, kiểm tra tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm và giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý trong lĩnh vực tuyên giáo bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

đ) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

e) Các đề án, báo cáo, hướng dẫn liên quan đến nội dung phối hợp giữa hai cơ quan của Ban Tuyên giáo Trung ương khi ban hành hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

g) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ hoặc đột xuất thì Ban Tuyên giáo Trung ương mời Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên của Ủy ban, cán bộ theo dõi dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử cán bộ tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo các tài liệu có liên quan). Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị trả lời cho cơ quan đề nghị biết bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến phải gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định trên thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải trao đổi bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan trao đổi, cung cấp bằng văn bản thông tin, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trong lĩnh vực tuyên giáo, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng cần bàn bạc, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan vẫn còn ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

*Chương III***TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 6. Phân công chỉ đạo thực hiện phối hợp**

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ban Tuyên giáo Trung ương phân công đồng chí Phó Trưởng ban trực tiếp chỉ đạo việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế đến cán bộ, đảng viên, công chức trong từng cơ quan.

Giao các vụ chức năng của hai cơ quan chủ động và thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu và phối hợp thực hiện những nội dung của Quy chế.

Điều 7. Giải quyết các vấn đề phát sinh do cấp trên giao

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong lĩnh vực tuyên giáo thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Ban Tuyên giáo Trung ương chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp cần thiết do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo, hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Tổ chức các cuộc họp

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần trao đổi, rút kinh nghiệm việc thực hiện Quy chế phối hợp giữa hai cơ

quan thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 263-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa
Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự đảng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong thực hiện nhiệm vụ
kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2. Các cơ quan có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới, các cơ quan có tên ở Điều 1 đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương
với Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra,**

giám sát và thi hành kỷ luật đảng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 263-QĐ/TW,
ngày 12-10-2009 của Ban Bí thư)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm

sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan bảo đảm theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trong công tác kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến công tác kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến công tác kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê.

5. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định về cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý của Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì có văn bản đề nghị Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

c) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì chủ động trao đổi với Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp thực hiện.

d) Thông báo bằng văn bản đến Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

đ) Khi cần thiết, trao đổi với Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về cán bộ thuộc diện quản lý của Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2. Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Khi chỉ đạo, kiểm tra thực hiện công tác kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có yêu cầu phối hợp thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện hoặc cử cán bộ tham gia.

b) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý có dấu hiệu vi phạm, nhận được đơn, thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

c) Qua làm việc với các địa phương, đơn vị, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm đơn, thư tố cáo hoặc văn bản kiến nghị, nếu có) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

đ) Các nghị quyết, chỉ thị, quy định, báo cáo (thường kỳ và đột xuất) của Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

e) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ hoặc đột xuất có liên quan đến công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng thì Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên của Ủy ban, cán bộ theo dõi dự để thực hiện chức năng giám sát.

g) Cung cấp các thông tin liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng thuộc lĩnh vực kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê. Chỉ đạo các cơ quan chức năng thẩm tra các dự án trong các vụ, việc kiểm tra theo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu có)). Trong thời gian 10 ngày kể từ khi nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phải trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần thêm thời gian, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến phải gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan phối hợp biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan chủ động trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng thuộc lĩnh vực kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại

diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Phân công chỉ đạo thực hiện phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân công đồng chí Phó Bí thư Ban Cán sự đảng trực tiếp chỉ đạo việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Điều 7. Giải quyết các vấn đề phát sinh do cấp trên giao

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo, hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Tổ chức các cuộc họp

Trong quá trình thực hiện, khi cần thiết, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn kế hoạch, biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Cơ quan đề nghị chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 264-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra
Trung ương với Ban Chỉ đạo Trung ương
về phòng, chống tham nhũng trong thực hiện
nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành
kỷ luật đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí;
- Căn cứ Nghị quyết số 1039/2006/NQ-UBTVQH11, ngày 28-8-2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với ban chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng cùng cấp tham mưu, giúp ban thường vụ cấp ủy cấp mình xây dựng, ban hành quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng của cấp mình.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tổng hợp báo cáo, đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương
với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng,
chống tham nhũng trong thực hiện nhiệm vụ
kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 264-QĐ/TW,
ngày 12-10-2009 của Ban Bí thư)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi phối hợp

Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương) trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến phòng, chống tham nhũng; tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc các cấp có thẩm quyền giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng; bảo đảm đúng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi cơ quan, hai cơ quan phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện, hỗ trợ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ.

3. Hai cơ quan chủ động trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản; cử cán bộ phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

4. Thực hiện đúng chế độ bảo mật thông tin, tài liệu theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; phát hiện tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý có dấu hiệu vi phạm kỷ luật của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và về phòng, chống tham nhũng để xem xét, xử lý kỷ luật Đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật về đảng, về chính quyền, đoàn thể hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị thi hành kỷ luật đảng.

3. Nghiên cứu, tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc cấp có thẩm quyền giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và công tác phòng, chống tham nhũng.

5. Nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và phòng, chống, tham nhũng.

6. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định về cán bộ của Ban Chỉ đạo Trung ương thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Chỉ đạo Trung ương thì gửi văn bản đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương trong kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm

về tham nhũng; giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm trong thực hiện phòng, chống tham nhũng; đôn đốc thực hiện các kết luận, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra hoặc bị thi hành kỷ luật về tham nhũng.

c) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo Trung ương thì chủ động phối hợp thực hiện.

d) Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương trong kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng đối với cán bộ, đảng viên không thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi có đề nghị của Ban Chỉ đạo Trung ương.

đ) Định kỳ hoặc đột xuất thông báo bằng văn bản đến Ban Chỉ đạo Trung ương về tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và kết quả giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng, đơn kiến nghị có liên quan đến tham nhũng.

e) Trao đổi với Ban Chỉ đạo Trung ương về cán bộ của Ban Chỉ đạo Trung ương thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý trước khi trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

g) Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định xử lý cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý vi phạm về phòng, chống tham nhũng, xử lý trách nhiệm người đứng đầu để xảy ra vụ, việc tham nhũng gây hậu quả xấu về chính trị,

kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý của người đứng đầu bộ, ngành, địa phương.

h) Trong quá trình tiếp nhận, xử lý thông tin, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng, nếu phát hiện vi phạm trong việc thực hiện phòng, chống tham nhũng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương thông báo hoặc chuyển giao các tài liệu cần thiết đến Ban Chỉ đạo Trung ương để phối hợp giải quyết, xử lý đồng bộ theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

i) Khi tiến hành các cuộc họp thường kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, nếu có nội dung liên quan đến phòng, chống tham nhũng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương mời đại diện Ban Chỉ đạo Trung ương dự.

2. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo Trung ương

a) Khi thực hiện trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc hoạt động phòng, chống tham nhũng: Tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin tố cáo, khiếu nại, kiến nghị xử lý tham nhũng, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm liên quan đến cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì thông báo và chuyển các tài liệu cần thiết cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức đảng; kiến nghị, yêu cầu cấp ủy đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng có liên quan đến tham nhũng.

c) Khi tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ do các cấp có thẩm quyền giao, nếu có yêu cầu phối hợp thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện.

d) Khi làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân về công tác phòng, chống tham nhũng, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm tài liệu liên quan hoặc văn bản kiến nghị) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

đ) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng có liên quan đến tham nhũng để chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng hoặc xử lý theo pháp luật; đôn đốc thực hiện kết luận, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm liên quan đến tham nhũng.

e) Khi chỉ đạo nghiên cứu, sơ kết, tổng kết, trao đổi kinh nghiệm, hội thảo, tọa đàm về phòng, chống tham nhũng thì thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp hoặc cử cán bộ tham gia thực hiện.

g) Định kỳ hoặc đột xuất, thông báo đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương tình hình, kết quả xử lý theo quy định của pháp luật về các vụ việc tham nhũng liên quan đến tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

h) Các nghị quyết, đề án, báo cáo, hướng dẫn hoặc những văn bản khác có liên quan đến công tác kiểm tra,

giám sát và thi hành kỷ luật đảng của Ban Chỉ đạo Trung ương, khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

i) Khi tiến hành họp thường kỳ hoặc đột xuất để chỉ đạo xử lý theo pháp luật những vụ, việc tham nhũng có liên quan đến tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì Ban Chỉ đạo Trung ương gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên Ủy ban, cán bộ theo dõi dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo tài liệu cần thiết). Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phải trả lời bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết. Nếu cần phải có thêm thời gian, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến cần gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh cần có thời gian xem xét, thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý

kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình hoặc thực hiện nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao, hai cơ quan trao đổi, cung cấp cho nhau những thông tin, tài liệu đã được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, hoặc có liên quan đến phòng, chống tham nhũng.

4. Những vấn đề quan trọng, cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức cuộc họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ bằng văn bản các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Phân công chỉ đạo thực hiện phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương; Ban Chỉ đạo Trung ương phân công đồng chí Ủy viên Thường trực, Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương

chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế này.

Giao các cơ quan, đơn vị chức năng của hai cơ quan chủ động và thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu và phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Giải quyết vấn đề phát sinh do cấp trên giao

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc các cấp có thẩm quyền giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng hoặc liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo Trung ương thì cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thông báo kịp thời để cơ quan phối hợp chủ động phối hợp thực hiện, hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Tổ chức các cuộc họp

Trong quá trình thực hiện, hằng năm và khi cần thiết, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm, bàn kế hoạch, biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc hội nghị của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 265-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố tham mưu, giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xây dựng, ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở cấp tỉnh để thực hiện ở địa phương.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy với đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố của cấp mình.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh mới thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

TM BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương
với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát
và thi hành kỷ luật đảng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 265-QĐ/TW,
ngày 12-10-2009 của Ban Bí thư)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng,

Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho hai cơ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản đề nghị và văn bản trả lời chính thức.

4. Văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về những vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và công tác cán bộ; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những vấn đề liên quan đến cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật hành chính và kỷ luật đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo hoặc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

6. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định về cán bộ của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định hoặc nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì gửi văn bản đề nghị Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận

của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo hoặc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm bị xử lý kỷ luật.

c) Khi tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì chủ động phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện.

d) Thông báo bằng văn bản đến Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

đ) Trao đổi với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về cán bộ của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý có dấu hiệu vi phạm hoặc nhận được đơn, thư tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo chức năng, thẩm quyền hoặc khi tham mưu, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề cần

phối hợp thực hiện thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện.

Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc xem xét, thi hành kỷ luật đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đồng bộ giữa kỷ luật đảng, chính quyền, đoàn thể (khi có yêu cầu).

c) Khi lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước, nếu phát hiện tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý có dấu hiệu vi phạm thì phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra, xem xét, kết luận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Các báo cáo giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

d) Khi lãnh đạo việc tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân, nếu phát hiện dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì thông báo bằng văn bản và phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương xử lý thông tin phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Khi lãnh đạo việc hiệp thương danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm theo các tài liệu liên quan nếu có) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp trao đổi thông tin, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

e) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị,

Ban Bí thư quản lý có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo hoặc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm bị xử lý kỷ luật.

g) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ hoặc đột xuất, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi giấy mời cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên của Ủy ban, cán bộ theo dõi dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị gửi văn bản (kèm theo tài liệu cần thiết, nếu có) cho cơ quan được đề nghị cử cán bộ tham gia thực hiện. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị trả lời bằng văn bản cho cơ quan đề nghị.

2. Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị gửi văn bản (kèm theo tài liệu cần thiết, nếu có) cho cơ quan được đề nghị; trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị trả lời bằng văn bản cho cơ quan đề nghị.

Trường hợp phức tạp cần thêm thời gian thì trao đổi bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết lý do và thời gian kéo dài không quá 5 ngày làm việc. Nếu quá thời hạn kéo dài mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng nhau chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan đề nghị, trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan vẫn còn có ý kiến khác nhau thì trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Phân công chỉ đạo thực hiện phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phân công đồng chí Phó Bí thư Đảng đoàn trực tiếp chỉ đạo việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Điều 7. Giải quyết vấn đề phát sinh do cấp trên giao

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo phối hợp thực hiện.

Điều 8. Tổ chức các cuộc họp

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bàn bạc giải quyết thì đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp thống nhất chương trình, nội dung và biện pháp phối hợp thực hiện.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần dự họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 266-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra
Trung ương với Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính
trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát
và thi hành kỷ luật đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2. Các cơ quan có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương
với Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính trong thực hiện
nhiệm vụ kiểm tra, giám sát
và thi hành kỷ luật đảng**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 266-QĐ/TW,
ngày 12-10-2009 của Ban Bí thư)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; bảo

đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan bảo đảm theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trong công tác quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; phát hiện dấu hiệu vi phạm của các tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những vụ việc liên quan đến nhiều cán bộ là đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo hoặc đề nghị xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Thẩm định những vấn đề trong các vụ việc kiểm tra do Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành hoặc những nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện liên quan đến quản lý tài chính.

4. Nghiên cứu, tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến công tác quản lý tài chính.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến công tác quản lý tài chính.

6. Nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

7. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

8. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định về cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và đối với các ủy viên Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ

luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính thì có văn bản đề nghị Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên trong ngành tài chính thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

Trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật có giữ chức vụ thuộc phạm vi quản lý của Ban cán sự đảng Bộ Tài chính, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cùng Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính trao đổi nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm và hình thức xử lý trước khi Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định hoặc đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

c) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính thì chủ trì, trao đổi với Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính để phối hợp thực hiện.

d) Khi tiến hành công tác kiểm tra, nếu có vấn đề cần thẩm định liên quan đến quản lý tài chính thì có văn bản đề nghị Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính chỉ đạo thực hiện.

d) Khi tổ chức nghiên cứu, sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính thì thông báo cho Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính để phối hợp hoặc cử cán bộ tham gia thực hiện.

e) Thông báo bằng văn bản đến Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính.

g) Trao đổi với Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính về cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và đối với các ủy viên Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính trước khi trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2. Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính

a) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm, nhận được đơn, thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý hoặc đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tài chính, kiểm tra, thanh tra tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có yêu cầu phối hợp thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện hoặc cử cán bộ tham gia.

c) Qua làm việc với các địa phương, đơn vị hoặc tiến hành thanh tra, kiểm tra tài chính, nếu có vấn đề liên quan đến tổ

chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý có dấu hiệu vi phạm, bị tố cáo hoặc có đơn, thư khiếu nại kỷ luật đảng thì thông báo bằng văn bản (kèm đơn, thư tố cáo hoặc trích nội dung liên quan thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và văn bản kiến nghị (nếu có)) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

đ) Chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc Bộ Tài chính thẩm định các vụ việc Ủy ban Kiểm tra Trung ương kết luận có liên quan đến công tác quản lý tài chính.

e) Khi tổ chức nghiên cứu, sơ kết, tổng kết, trao đổi kinh nghiệm về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng thì thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp hoặc cử cán bộ tham gia.

g) Các nghị quyết, chỉ thị, quy định, báo cáo thường kỳ và đột xuất của Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính có liên quan đến công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

h) Khi tiến hành các kỳ họp có liên quan đến công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật

đảng thì Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên của Ủy ban, cán bộ theo dõi dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị (kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu có)). Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phải trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần có thêm thời gian, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến phải gửi trước 10 ngày làm việc để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan chủ động trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Phân công chỉ đạo thực hiện phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính phân công đồng chí Phó Bí thư Ban Cán sự đảng chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế.

Điều 7. Giải quyết vấn đề phát sinh do cấp trên giao

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác tài chính, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo, hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 8. Tổ chức các cuộc họp

Khi cần thiết, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp

rút kinh nghiệm, bàn kế hoạch, biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 267-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra
Trung ương với Bộ Biên tập Báo Nhân Dân
về tuyên truyền và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra,
giám sát, thi hành kỷ luật đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Căn cứ Quyết định số 107-QĐ/TW, ngày 21-11-2007 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Báo Nhân Dân;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Bộ Biên tập Báo Nhân Dân,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Bộ Biên tập

Báo Nhân Dân về tuyên truyền và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với cơ quan báo đảng ở địa phương giúp ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương ban hành quy chế phối hợp về tuyên truyền và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng ở cấp mình.

2. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy chế này ban hành quy chế phối hợp về tuyên truyền và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với cơ quan báo đảng do cấp ủy quản lý.

Điều 3.

1. Các cơ quan có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề mới thì đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương
với Bộ Biên tập Báo Nhân Dân
về tuyên truyền và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra,
giám sát, thi hành kỷ luật đảng**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 267-QĐ/TW,
ngày 12-10-2009 của Ban Bí thư)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Bộ Biên tập Báo Nhân Dân phối hợp về tuyên truyền và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ vào Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; bảo

đảm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng.

2. Việc phối hợp phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị chủ động trao đổi ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản, cử cán bộ phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

4. Văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan phải được quản lý theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; những dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; những vụ việc liên quan đến cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng và pháp luật của Nhà nước để Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, xử lý theo quy định hoặc Báo Nhân Dân đưa tin.

2. Tuyên truyền, lấy ý kiến đóng góp vào quá trình xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; quá trình và kết quả tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; kinh nghiệm của các đảng bạn về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; về công tác tổ chức, cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng của ngành Kiểm tra đảng.

3. Nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Báo Nhân Dân.

4. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, giới thiệu các mô hình tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra và cán bộ, đảng viên làm tốt công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

5. Tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thuộc chức năng, nhiệm vụ của hai cơ quan.

6. Thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thuộc chức năng, nhiệm vụ của hai cơ quan.

7. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định về cán bộ của Báo Nhân Dân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và thi hành

kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng hoặc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Báo Nhân Dân thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương thông báo đề nghị Báo Nhân Dân phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Biên tập Báo Nhân Dân trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của Báo Nhân Dân.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Biên tập Báo Nhân Dân trong việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; giới thiệu những cá nhân, tập thể điển hình trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; kinh nghiệm về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng của các đảng bạn.

d) Khi tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Báo Nhân Dân thì chủ động phối hợp cùng thực hiện.

đ) Thông báo bằng văn bản đến Bộ Biên tập Báo Nhân Dân những vấn đề về thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Báo Nhân Dân và những vụ việc do Báo Nhân Dân gửi tới thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

e) Cung cấp thông tin phù hợp, kịp thời cho Báo Nhân Dân về những vụ việc kiểm tra, giám sát khi đã có kết luận hoặc kết quả xử lý cần công khai để chủ động thông tin trung thực, chính xác, kịp thời, nhằm định hướng các cơ quan báo chí và định hướng dư luận xã hội.

g) Phối hợp với Bộ Biên tập Báo Nhân Dân trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

h) Phối hợp với Bộ Biên tập Báo Nhân Dân trong việc tổ chức chuyên trang, chuyên mục nghiên cứu, trao đổi, tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trên các ấn phẩm Báo Nhân Dân; phát triển, khuyến khích cộng tác viên viết tin, bài về công tác kiểm tra, giám sát cho Báo Nhân Dân và Tạp chí Kiểm tra.

i) Trao đổi với Bộ Biên tập Báo Nhân Dân về cán bộ của Báo Nhân Dân trước khi trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2. Bộ Biên tập Báo Nhân Dân

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng. Tuyên truyền về kết quả kiểm tra, giám sát, nhất là các cuộc kiểm tra, giám sát trọng điểm có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, được dư luận xã hội quan tâm theo Thông báo số 226-TB/TW, ngày 3-3-2009 của Ban Bí thư về tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

b) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc phát hiện và biểu dương người tốt, việc tốt, đấu tranh chống

các hành vi vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước và các hiện tượng tiêu cực khác qua những vụ việc kiểm tra, giám sát.

c) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, trao đổi, rút kinh nghiệm qua các vụ việc kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng để tuyên truyền trên Báo Nhân Dân nhằm nâng cao nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác kiểm tra, giám sát và góp phần định hướng dư luận.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc lấy ý kiến, tổ chức các diễn đàn đối thoại, tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học; mở các chuyên trang, chuyên mục trên Báo Nhân Dân; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

đ) Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc nhận được đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên gửi đến Báo Nhân Dân thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thì chủ động gửi văn bản kèm theo tài liệu có liên quan (nếu có) cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, giải quyết.

e) Khi tiến hành các cuộc họp thường kỳ hoặc đột xuất thì Bộ Biên tập Báo Nhân Dân mời Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên của Ủy ban, cán bộ theo dõi dự để thực hiện chức năng giám sát.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị, kèm theo tài liệu (nếu có). Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần có thêm thời gian, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết lý do.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến phải gửi trước 10 ngày làm việc để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp hoặc có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm trao đổi bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã trao đổi.

3. Hai cơ quan trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng cần có thêm thông tin để trao đổi, thống nhất thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ bằng văn bản các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

*Chương III***TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 6. Phân công chỉ đạo thực hiện phối hợp**

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Bộ Biên tập Báo Nhân Dân phân công đồng chí Phó Tổng Biên tập chỉ đạo trực tiếp việc phối hợp; hai cơ quan thường xuyên duy trì mối quan hệ và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế này.

Giao các cơ quan, đơn vị chức năng của hai cơ quan chủ động và thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu và phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Giải quyết các vấn đề phát sinh do cấp trên giao

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Bộ Biên tập Báo Nhân Dân chủ động phối hợp thực hiện hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo, hai cơ quan phối hợp thực hiện.

Điều 8. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác phối hợp

Khi cần thiết, đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn kế hoạch, biện pháp thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 268-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra
Trung ương với Ban Cán sự đảng Kiểm toán
Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra,
giám sát và thi hành kỷ luật đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Điều 2. Các cơ quan có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới, các cơ quan ở Điều 1 đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương
với Ban cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước
trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra,
giám sát và thi hành kỷ luật đảng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 268-QĐ/TW,
ngày 12-10-2009 của Ban Bí thư)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải căn cứ Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, phù hợp với Hiến pháp,

pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Việc phối hợp phải đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả công tác kiểm toán theo quy định của *Luật kiểm toán Nhà nước*.

3. Quá trình phối hợp được thực hiện trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi có yêu cầu phối hợp hoặc tham gia ý kiến, cả cơ quan đề nghị và cơ quan được đề nghị có văn bản yêu cầu và trả lời chính thức.

4. Văn bản, tài liệu trao đổi về nội dung phối hợp giữa hai cơ quan thực hiện theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Thông báo, trao đổi thông tin về công tác kiểm toán, kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những vụ việc liên quan đến cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và chỉ đạo, đề nghị xử lý kỷ luật chính quyền, đoàn thể được kịp thời.

2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

3. Nghiên cứu, tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những nội dung có liên quan đến công tác kiểm toán, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; kiểm toán trách nhiệm kinh tế của cán bộ, đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao có liên quan đến công tác kiểm toán, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

5. Nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, công tác kiểm toán.

6. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

7. Tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định về cán bộ của Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng hoặc do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước thì có văn bản đề nghị Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên trong cơ quan Kiểm toán Nhà nước thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

c) Trường hợp tổ chức đảng, đảng viên vi phạm kỷ luật liên quan đến công tác kiểm toán, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cùng Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước trao đổi về nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm và hình thức xử lý trước khi Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định hoặc đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

d) Khi tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, nếu có vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước thì chủ trì, trao đổi với Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước để phối hợp thực hiện.

đ) Khi tổ chức nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước thì thông báo cho Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước để phối hợp hoặc cử cán bộ tham gia thực hiện.

e) Thông báo bằng văn bản đến Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có liên quan đến chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước.

g) Trao đổi với Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước về cán bộ của Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý trước khi trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2. Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước

a) Khi chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, nếu phát hiện tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm, đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng thì chuyển đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

b) Khi chỉ đạo thực hiện hoạt động kiểm toán theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tham mưu hoặc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có yêu cầu phối hợp thì gửi văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp thực hiện hoặc cử cán bộ tham gia.

c) Qua hoạt động kiểm toán, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì thông báo hoặc kiến nghị bằng văn bản (kèm tài liệu có liên quan) đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp nắm tình hình, tham gia ý kiến, hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng khi có yêu cầu; đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư có liên quan đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ

Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và bị xử lý kỷ luật.

đ) Khi tổ chức nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng về công tác kiểm toán, nếu có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thì Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương để phối hợp thực hiện.

e) Thông báo bằng văn bản đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kế hoạch tình hình, kết quả các cuộc kiểm toán có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

g) Các nghị quyết, chỉ thị, quy định, báo cáo thường kỳ và đột xuất của Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

h) Khi tiến hành các kỳ họp thường kỳ hoặc đột xuất bàn về công tác cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước gửi giấy mời hoặc thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử thành viên Ủy ban, cán bộ theo dõi dự để thực hiện chức năng giám sát.

i) Cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực kiểm toán, tổ chức thẩm định các dự án phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 5. Phương pháp phối hợp

1. Khi có yêu cầu cử cán bộ phối hợp, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị cử người tham gia thực hiện.

Khi cần lấy ý kiến tham gia, cơ quan đề nghị chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị kèm theo các tài liệu liên quan. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phải trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến bằng văn bản. Nếu cần phải có thêm thời gian, cơ quan được đề nghị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị biết.

2. Những dự thảo văn bản cần trao đổi, tham gia ý kiến phải gửi trước 10 ngày để mỗi cơ quan chủ động chuẩn bị ý kiến tham gia.

Trường hợp phức tạp, có nội dung phát sinh phải thẩm định quá thời hạn quy định thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan kia biết. Nếu quá thời gian quy định mà không có ý kiến trả lời thì coi như đã nhất trí và cùng chịu trách nhiệm về vấn đề đã được trao đổi.

3. Hai cơ quan chủ động trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu được thẩm tra, xác minh, kết luận về những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, công tác cán bộ, hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4. Những vấn đề quan trọng, cần phải họp để trao đổi, thống nhất, thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo hai cơ quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nếu hai cơ quan còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quán triệt và triển khai tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh quy chế này.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước phân công đồng chí Ủy viên Thường trực Ban Cán sự đảng trực tiếp chỉ đạo việc phối hợp; duy trì thường xuyên mối quan hệ công tác giữa hai cơ quan. Trong quá trình phối hợp, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề mới, phải báo cáo Ban Bí thư chỉ đạo kịp thời.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, nếu có vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Ban Cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước chủ động phối hợp thực hiện, hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo giải quyết. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì chỉ đạo hai cơ quan phối hợp giải quyết.

Điều 7. Chế độ họp và báo cáo

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bàn bạc, giải quyết thì đại diện lãnh đạo hai cơ quan tổ chức họp rút kinh nghiệm, bàn biện pháp, kế hoạch thực hiện Quy chế phối hợp trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì chuẩn bị nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp của đại diện lãnh đạo hai cơ quan và tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 56-KL/TW, ngày 20 tháng 10 năm 2009

Về tổ chức Đại hội Liên minh Hợp tác xã Việt Nam lần thứ IV, nhiệm kỳ 2010 - 2015

Tại phiên họp ngày 13-10-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam báo cáo về việc chuẩn bị tổ chức Đại hội Liên minh Hợp tác xã Việt Nam lần thứ IV, nhiệm kỳ 2010 - 2015, ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng và các ban, ngành có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

1. Ban Bí thư nhất trí về cơ bản với Tờ trình của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và dự thảo Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ III và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ IV; đồng thời nhấn mạnh và lưu ý một số vấn đề sau:

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về kinh tế tập thể, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Luật hợp tác xã năm 2003, trong 5 năm qua khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã đã có những chuyển biến quan trọng cả về số lượng, cơ cấu và chất lượng hoạt động. Số tổ hợp tác phát triển nhanh, các hợp tác xã cũ về cơ bản đã chuyển đổi xong,

nhiều hợp tác xã mới được thành lập, số hợp tác xã sản xuất, kinh doanh có hiệu quả xuất hiện nhiều hơn. Nhiệm kỳ qua, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đã nỗ lực phấn đấu thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của *Luật hợp tác xã* và Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Quan hệ phối hợp giữa Liên minh Hợp tác xã Việt Nam với các bộ, ngành, đoàn thể và cấp ủy, chính quyền các cấp từng bước được đẩy mạnh, tập trung, huy động được các nguồn lực cho phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác.

Tuy nhiên, kinh tế tập thể đến nay vẫn chưa vươn lên đáp ứng được yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về kinh tế tập thể; khó khăn nội tại của các hợp tác xã về vốn, trình độ cán bộ, công nghệ... còn nhiều; số hợp tác xã điển hình còn ít, lợi ích hợp tác xã mang lại cho xã viên, thành viên chưa nhiều; hoạt động của các hợp tác xã còn thiếu gắn bó với nhau; các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các hợp tác xã còn ít. Hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cũng còn một số mặt hạn chế; sự phối hợp giữa Liên minh Hợp tác xã và các hiệp hội để giúp các hợp tác xã trong sản xuất, kinh doanh còn lỏng lẻo (như trong mua lương thực...); các hoạt động trợ giúp để xây dựng và phát triển các hợp tác xã còn ít. Vì vậy, dự thảo Báo cáo trình Đại hội IV của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam lần này phải tập trung làm rõ mặt được cũng như những hạn chế, yếu kém của kinh tế tập thể, đặc biệt là khu vực nông nghiệp và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong nhiệm kỳ qua, tìm ra nguyên nhân để tháo gỡ. Cần bám sát vào các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế tập thể và hợp tác xã, nhất là Nghị quyết Trung ương 5

(khóa IX) về kinh tế tập thể, Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để tổng kết và phân tích sâu thêm, đồng thời xác định rõ ràng, cụ thể hơn mục tiêu, phương hướng và các giải pháp phát triển hợp tác xã.

Trong nhiệm kỳ Đại hội IV phải tìm ra được các nhân tố mới, tạo được mô hình hợp tác xã kiểu mới để kinh tế tập thể phát triển tương xứng với yêu cầu của sự nghiệp xây dựng đất nước: “Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”.

2. Đồng ý với các đề nghị của Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc chưa sửa đổi Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tại Đại hội này; về số lượng Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, về cơ cấu Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam với cơ cấu có nhiều hơn đại diện các hợp tác xã; về thời gian tổ chức Đại hội IV Liên minh Hợp tác xã Việt Nam vào tháng 12-2009; về số lượng đại biểu tham gia Đại hội; khách mời trong nước, khách mời quốc tế đến dự Đại hội.

3. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cần nỗ lực hơn nữa để làm tốt chức năng, nhiệm vụ được quy định trong *Luật hợp tác xã* và Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, chú ý làm tốt công tác tuyên truyền và nhân rộng các hợp tác xã làm ăn có hiệu quả, các mô hình hợp tác xã kiểu mới.

4. Đồng ý đề nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tặng Đại hội IV Liên minh Hợp tác xã Việt Nam bức trướng với nội dung: “Đoàn kết, hợp tác, phát triển vì cộng đồng và an sinh xã hội”.

5. Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam xây dựng phương án nhân sự chủ chốt nhiệm kỳ IV, báo cáo Ban Tổ chức Trung ương, trình Ban Bí thư xem xét, cho ý kiến chỉ đạo vào thời gian thích hợp trước Đại hội.

Căn cứ vào Kết luận của Ban Bí thư, Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chỉ đạo tiếp tục hoàn chỉnh Báo cáo trình Đại hội, làm tốt công tác chuẩn bị nhân sự và tổ chức Đại hội IV của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam với tinh thần trang trọng, thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức. Các cấp, các ngành có liên quan phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức thành công Đại hội.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 278-TB/TW, ngày 24 tháng 10 năm 2009

**Về việc tổng kết Chỉ thị 45-CT/TW,
ngày 11-11-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII)
và công tác chuẩn bị Đại hội VI của Liên hiệp
các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam**

Tại phiên họp ngày 13-10-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương trình bày Tờ trình về việc tổng kết Chỉ thị số 45-CT/TW của Bộ Chính trị (số 145-TTr/BTGTW, ngày 1-10-2009) và Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trình bày Tờ trình về công tác chuẩn bị Đại hội VI của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (số 25/TT-ĐĐ, ngày 4-9-2009), Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Về tổng kết Chỉ thị 45-CT/TW, ngày 11-11-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII)

Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 11-11-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) và Thông báo số 145-TB/TW, ngày 9-7-2004 của Ban Bí thư (khóa IX) là những văn bản quan trọng, thể hiện

chủ trương và tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với việc xây dựng, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc tổng kết Chỉ thị này là cần thiết, đã được tiến hành công phu, nghiêm túc và có sự phối hợp của các ban, ngành, địa phương; Ban Bí thư cơ bản tán thành những nhận định, đánh giá và kiến nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương.

Qua 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị, hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ: đã phát triển nhanh về tổ chức, bao gồm 68 hội ngành Trung ương và 55 liên hiệp hội địa phương; tạo được sự chuyển biến trong một số lĩnh vực như: phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ, trong hoạt động xã hội hóa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, bảo vệ môi trường, phát triển giáo dục và đào tạo; từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội... Tuy nhiên, việc quán triệt, triển khai nội dung Chỉ thị 45-CT/TW của một số ban cán sự đảng, cấp ủy đảng, lãnh đạo các cấp chính quyền chưa được quan tâm đầy đủ; chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của việc tập hợp lực lượng trí thức khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; công tác tổ chức và quản lý hội chưa được chú ý đúng mức; việc cụ thể hóa, thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng còn chậm, còn nhiều bất cập, chưa theo kịp tình hình.

Trong thời gian tới, vai trò, vị trí của Liên hiệp Hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ngày càng quan trọng. Vì vậy, cần tiếp tục xây dựng, củng cố Liên hiệp

các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam từ Trung ương tới địa phương thành một tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam; cần tăng cường công tác chính trị tư tưởng, nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc trong giới trí thức Việt Nam, tăng cường công tác tổ chức, quan tâm tới việc củng cố và phát triển hội viên, tập hợp được đông đảo các nhà khoa học đầu đàn, đầu ngành trong các lĩnh vực.

Từ kết quả của công tác tổng kết này, cần có ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị đối với hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết và dự thảo Nghị quyết hoặc Kết luận của Bộ Chính trị về vấn đề này, trình xin ý kiến Bộ Chính trị vào kỳ họp tới.

2. Về công tác chuẩn bị Đại hội VI Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Về cơ bản, Ban Bí thư đồng ý nội dung Tờ trình của Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và lưu ý một số điểm sau:

- Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo của Liên hiệp khóa V, trình Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam lần thứ VI, nhiệm kỳ 2010 - 2015.

- Về việc sửa đổi Điều lệ, giao Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu sâu hơn về

tổ chức bộ máy của Liên hiệp Hội, lưu ý xử lý tốt mối quan hệ giữa Liên hiệp Hội ở Trung ương và Liên hiệp Hội địa phương để tạo sự thống nhất trong hoạt động của các hội.

- Về việc chuẩn bị nhân sự của Đại hội, giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, đề xuất nhân sự Chủ tịch Liên hiệp Hội; số lượng, cơ cấu và nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ. Lưu ý về độ tuổi nên có đủ 3 độ tuổi và khi tham gia Ban Chấp hành không quá 70 tuổi; xác định rõ tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, trong đó đặc biệt chú ý về khả năng tổ chức, quản lý, điều hành của người đứng đầu.

Ban Bí thư sẽ cho ý kiến về các dự thảo văn kiện và nhân sự trước khi trình Đại hội.

Xin thông báo để các đồng chí biết và thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 279-TB/TW, ngày 26 tháng 10 năm 2009

VỀ VIỆC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN THỦY ĐIỆN LAI CHÂU

Sau khi nghiên cứu, xem xét báo cáo của Ban Cán sự đảng Chính phủ (gửi kèm Công văn số 380-CV/BCSĐCP, ngày 6-10-2009) về đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Lai Châu, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Lai Châu

Đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Lai Châu, đồng thời lưu ý một số vấn đề sau:

- Về an toàn công trình: Cần tiếp tục nghiên cứu các phương án và biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn công trình, đặc biệt là vấn đề chống động đất và bảo đảm các yêu cầu về an ninh, quốc phòng trong quá trình xây dựng và vận hành nhà máy.

- Về bồi thường, hỗ trợ và di dân, tái định cư: Cần rút kinh nghiệm việc tổ chức di dân, tái định cư các dự án thủy

điện trước đây để hạn chế và khắc phục những nhược điểm, thiếu sót. Thực hiện tốt mục tiêu bảo đảm các điều kiện sống và làm việc của người dân ở địa điểm mới phải tốt hơn so với địa điểm phải di dời (đặc biệt quan tâm đối với các dân tộc ít người ở khu vực huyện Mường Tè và các huyện trong vùng chịu ảnh hưởng của việc xây dựng công trình này); chủ động bố trí ngân sách cho việc tái định cư; quan tâm hỗ trợ các địa phương thực hiện tiếp nhận dân vùng dự án chuyển đến; tiếp tục chỉ đạo thực hiện các vấn đề liên quan đến bảo vệ các giá trị văn hóa, vấn đề đất đai, chuyển đổi ngành nghề, trồng cây công nghiệp, quan điểm phát triển vùng, đầu tư hạ tầng, sắp xếp lại dân cư và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tôn giáo và bảo tồn các di sản văn hóa.

- Về bảo đảm nguồn nước: Cần nghiên cứu, tính toán để bảo đảm các công trình thủy điện đã và sẽ được xây dựng trên sông Đà phía thượng lưu của Dự án Thủy điện Lai Châu sẽ không gây ảnh hưởng lớn đến nguồn nước cũng như việc sử dụng nước của Dự án Thủy điện Lai Châu.

- Về đánh giá tác động môi trường: Cần đánh giá đầy đủ tác động môi trường (xã hội và tự nhiên) và các giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái vùng Dự án và các vùng lân cận bị ảnh hưởng của Dự án.

2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 11 và ý kiến tại văn bản này của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Chính phủ hoàn chỉnh Báo cáo đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện

Lai Châu, trình Quốc hội khóa XII (kỳ họp thứ sáu) xem xét, quyết định.

Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương và các bộ, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo việc tuyên truyền, tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận cao trong xã hội về xây dựng Dự án Thủy điện Lai Châu.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 280-TB/TW, ngày 27 tháng 10 năm 2009

Về Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân
Việt Nam (2010 - 2020)

Ngày 22-10-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam báo cáo dự thảo Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam (2010 - 2020), ý kiến của các cơ quan, ban, ngành Trung ương, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Bộ Chính trị hoan nghênh Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã khẩn trương triển khai xây dựng Đề án Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam (2010 - 2020) theo tinh thần Kết luận số 23-KL/TW, ngày 8-4-2008 của Bộ Chính trị về những công việc cần cụ thể hóa để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X).

Tuy nhiên, dự thảo Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam (2010 - 2020) có nhiều nội dung trùng lặp với Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Do đó, không ban hành Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam (2010 - 2020).

2. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, ý kiến của các cơ quan, ban, ngành đã góp ý để bổ sung chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

3. Giao Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đôn đốc các cơ quan, đơn vị khẩn trương xây dựng các đề án được phân công trong Kết luận số 23-KL/TW, ngày 8-4-2008 của Bộ Chính trị để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 271-QĐ/TW, ngày 27 tháng 10 năm 2009

**Về tập trung tài liệu, văn kiện, lập Phòng Lưu trữ
Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI
Đảng Cộng sản Việt Nam**

- Căn cứ Quy định số 210-QĐ/TW, ngày 6-3-2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Theo đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Văn phòng Trung ương Đảng thu thập, tập trung quản lý toàn bộ tài liệu, văn kiện (bao gồm tài liệu giấy, tài liệu ghi âm, ghi hình và tài liệu ảnh) của Phòng Lưu trữ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam (gọi tắt là Phòng Lưu trữ Đại hội XI của Đảng).

Điều 2. Các tiểu ban chuẩn bị Đại hội và các cơ quan tham gia phục vụ Đại hội XI có trách nhiệm tập trung, lưu giữ đầy đủ tài liệu, văn kiện của Đại hội và có liên quan đến

Đại hội XI của Đảng, lập hồ sơ thuộc phần việc được Trung ương phân công; sau Đại hội XI của Đảng, chậm nhất 2 tháng, giao nộp đầy đủ toàn bộ hồ sơ tài liệu về Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 3. Phòng Lưu trữ Đại hội XI của Đảng được bảo quản tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

Điều 4. Văn phòng Trung ương Đảng, các tiểu ban chuẩn bị Đại hội XI và các cơ quan tham gia phục vụ Đại hội XI của Đảng thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

(ngày 30-10-2009) giao lại cho Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam trưng bày, lưu giữ lâu dài tại Bảo tàng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 281-TB/TW, ngày 29 tháng 10 năm 2009

**Về việc nhận Huân chương Vàng quốc gia
của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào
trao tặng cho quân tình nguyện
và chuyên gia quân sự Việt Nam**

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Tại phiên họp ngày 29-10-2009, xem xét đề nghị của Bộ Quốc phòng về việc nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào tặng thưởng Huân chương Vàng quốc gia cho quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam (Công văn số 5722/TT-BQP, ngày 24-10-2009), Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho phép Bộ Quốc phòng, đại diện cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam nhận Huân chương Vàng quốc gia, phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào trao tặng nhân dịp kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống lực lượng quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm nhận hiện vật khen thưởng, sau Lễ kỷ niệm Ngày truyền thống tại Hà Nội

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 282-TB/TW, ngày 3 tháng 11 năm 2009

**Về Hội thảo nữ trí thức đối với sự nghiệp
công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

Tại phiên họp ngày 29-10-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam báo cáo về Đề án “Hội thảo toàn quốc nữ trí thức thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” (Tờ trình số 639-TTr/ĐĐ, ngày 9-9-2009) và ý kiến của các cơ quan Trung ương có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Năm 2010 là năm đất nước có nhiều ngày lễ trọng đại, trong đó có Lễ kỷ niệm 100 năm Ngày Quốc tế phụ nữ 8-3. Nhân dịp này, cần tổ chức mít tinh trọng thể và có thể mời đại biểu quốc tế tham gia lễ kỷ niệm.

2. Đồng ý chủ trương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức Hội thảo nữ trí thức Việt Nam vào dịp kỷ niệm 100 năm Ngày Quốc tế phụ nữ 8-3.

- Chủ đề, nội dung Hội thảo hướng vào vai trò, trách nhiệm của *nữ trí thức Việt Nam đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*; đồng thời, kiến nghị,

đề xuất những giải pháp, chính sách nhằm tiếp tục phát huy vị trí, vai trò của nữ trí thức Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

- Số lượng đại biểu tham dự Hội thảo tối đa khoảng 100 người trở lại. Tiêu chí đại biểu tham dự là nữ trí thức tiêu biểu, có thành tích, đóng góp tích cực trên các lĩnh vực; đại diện cho các lĩnh vực, vùng, miền.

- Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư, hoàn chỉnh Đề án, báo cáo đồng chí Thường trực Ban Bí thư cho ý kiến chỉ đạo.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 284-TB/TW, ngày 10 tháng 11 năm 2009

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật**

Tại phiên họp ngày 28-10-2009, sau khi nghe Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật (Tờ trình số 154-TTr/NXBCTQG, ngày 1-7-2009); ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, trên cơ sở Quyết định số 68-QĐ/TW, ngày 3-4-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) và yêu cầu phát triển của Nhà xuất bản trong tình hình mới, tiến hành xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, trình Bộ Chính trị xem xét.

2. Về những nội dung nêu trong Tờ trình số 154-TTr/NXBCTQG, ngày 1-7-2009 của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, trong quá trình xây dựng văn bản, cần lưu ý:

- Bỏ gạch nối trong tên gọi của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật hiện hành, tên gọi mới là: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Bí thư.

- Nhiệm vụ tham mưu công tác xuất bản sách lý luận chính trị, pháp luật cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư thuộc trách nhiệm của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông; trong nhiệm vụ này Nhà xuất bản chỉ tham gia, phối hợp.

3. Về quy hoạch các nhà xuất bản lý luận chính trị, pháp luật, các cơ sở in, phát hành sách thuộc cơ quan đảng, giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng Đề án, trình Ban Bí thư trong quý II-2010.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 272-QĐ/TW, ngày 11 tháng 11 năm 2009

**Ban hành Quy chế quan hệ phối hợp công tác
giữa Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia
Hồ Chí Minh với các ban đảng, ban cán sự đảng,
đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy,
đảng ủy trực thuộc Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Trung ương;
- Xét đề nghị của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế

quan hệ phối hợp công tác giữa Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Văn phòng Trung ương Đảng và các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ

**Quan hệ phối hợp công tác giữa
Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia
Hồ Chí Minh với các ban đảng,
ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy,
thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 272-QĐ/TW,
ngày 11-11-2009 của Ban Bí thư)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp công tác giữa Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh với các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nghiên cứu khoa học; nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng; hợp tác quốc tế; công tác trường chính trị; tổ chức - cán bộ; tài chính, xây dựng cơ sở vật chất và các nhiệm vụ của Học viện được Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ giao.

Điều 2. Mục đích quan hệ phối hợp công tác

1. Quan hệ phối hợp công tác giữa Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh với các ban đảng, ban cán

sự đảng, đảng đoàn, tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương nhằm nâng cao hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu lý luận chính trị, hành chính đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Học viện được Trung ương Đảng, Chính phủ giao.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ khoa học lý luận của hệ thống chính trị; công tác nghiên cứu lý luận; mở rộng hợp tác quốc tế của Đảng trong thời kỳ mới.

3. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan Trung ương thực hiện tốt hơn chức năng tham mưu cho Đảng, Nhà nước trong các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học lý luận.

Điều 3. Nguyên tắc quan hệ phối hợp công tác

1. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ giao cho, các cơ quan chủ động đề xuất với các cơ quan liên quan về quan hệ phối hợp công tác. Khi có vấn đề cần phối hợp, cơ quan được giao chủ trì chủ động đề xuất với các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện. Cơ quan được đề nghị phối hợp có trách nhiệm tham gia một cách tích cực, kịp thời các yêu cầu và đề nghị của cơ quan chủ trì.

2. Bảo đảm tính hiệu quả, tính thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp vì nhiệm vụ chung, đồng thời có sự phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng giữa cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính và các cơ quan tham gia, phối hợp;

đúng thẩm quyền của các cơ quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương II

NỘI DUNG QUAN HỆ, PHỐI HỢP CÔNG TÁC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 4. Quan hệ phối hợp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

1. Hằng năm, căn cứ quy hoạch cán bộ, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các bộ, ban, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và khả năng thực tế của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chương trình cao cấp lý luận chính trị - hành chính, cử nhân chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý theo phân cấp.

2. Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch cụ thể; phân bổ chỉ tiêu số lớp và số học viên cho các cơ sở đào tạo trực thuộc; thông báo cho các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy về chỉ tiêu, đối tượng, thời gian, kế hoạch mở lớp và tiến hành chiêu sinh theo quy định phân cấp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

3. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Ban Tổ chức Trung ương và thông báo của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, lãnh đạo các ban đảng, ban cán

sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành chọn cử cán bộ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và lập danh sách, hồ sơ học viên gửi về các cơ sở đào tạo của Học viện để xét duyệt.

4. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh trao đổi, thống nhất với Ban Tuyên giáo Trung ương nội dung giáo dục lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và phương hướng chính trị trong nội dung giảng dạy; chủ trì, phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy liên quan thống nhất nội dung, chương trình các hệ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các cơ quan này; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, hành chính, quản lý nhà nước, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho giảng viên các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường bồi dưỡng cán bộ của các bộ, ngành, mặt trận các đoàn thể Trung ương theo Quyết định số 100-QĐ/TW, ngày 22-10-2007 của Bộ Chính trị.

5. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo cao học, nghiên cứu sinh, cử nhân các chuyên ngành của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, cử nhân các chuyên ngành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, cử nhân các chuyên ngành của Học viện Hành chính thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh theo quy định của Nhà nước. Căn cứ chỉ tiêu

tuyển sinh được phê duyệt, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh giao cho các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch, tổ chức chiêu sinh, mở lớp đào tạo theo quy định.

6. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy chủ trì xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ về các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và phối hợp với Học viện xây dựng chương trình, nội dung, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức thuộc đối tượng quản lý của mình.

7. Hằng năm, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, Mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

8. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, Mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm tiếp nhận và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ và học viên của Học viện đến nghiên cứu thực tế, thực hiện tốt phương châm học đi đôi với hành, lý luận kết hợp với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội.

Điều 5. Quan hệ phối hợp trong công tác nghiên cứu khoa học

1. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh định kỳ trao đổi, thống nhất với Ban Tuyên giáo Trung ương

về định hướng nghiên cứu, chủ trương và kế hoạch nghiên cứu, phát triển lý luận chính trị.

2. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung nghiên cứu khoa học hằng năm và dài hạn phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công tác tham mưu, tư vấn cho Đảng, Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, xây dựng chính sách. Ban Cán sự đảng các Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính có trách nhiệm chỉ đạo thẩm định, phê duyệt, đầu tư tài chính cho công tác nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh theo quy định của Nhà nước; phối hợp tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, tiến độ và chất lượng công tác nghiên cứu khoa học của Học viện.

3. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn những vấn đề liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công tác lý luận của Đảng nhằm thực hiện tốt chức năng tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ.

4. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh có trách nhiệm hướng dẫn các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy trong việc nghiên cứu, biên soạn và tham gia thẩm định lịch sử Đảng của các địa phương, các bộ, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể Trung ương; các tài liệu về

thân thể, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Nhà nước.

Điều 6. Quan hệ phối hợp trong hoạt động hợp tác quốc tế

1. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì và phối hợp với Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự đảng các Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học thuộc nhiệm vụ của Học viện.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính trị giúp Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Ban Đối ngoại Trung ương là đầu mối tiếp nhận tờ trình và tham gia đóng góp ý kiến về kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm và dài hạn của Học viện để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định; thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho Học viện và các bộ, ngành liên quan biết để thực hiện.

3. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan giải quyết các thủ tục ngoại giao, triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện theo quy định của Nhà nước; phối hợp với Đảng ủy Bộ Công an để giải quyết những vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ thuộc Học viện theo quy định của Đảng, Nhà nước về hoạt động đối ngoại.

Điều 7. Quan hệ phối hợp trong công tác trường chính trị tỉnh, thành phố

1. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh quy định về chế độ học tập đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, chế độ, chính sách đối với giảng viên và học viên, nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, các loại văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố, các trường bồi dưỡng cán bộ của các bộ, ngành, mặt trận, đoàn thể Trung ương và hướng dẫn các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các trường bồi dưỡng cán bộ của các bộ, ngành, mặt trận, đoàn thể Trung ương thực hiện.

2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương xác định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường bồi dưỡng cán bộ của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, trình Ban Bí thư quyết định.

3. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị - hành chính theo quy chế; kiểm tra, đánh giá thi đua trong công tác giáo dục, đào tạo của các trường chính trị tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương, trường bồi dưỡng cán bộ các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 8. Quan hệ phối hợp trong công tác tổ chức - cán bộ

1. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định; thực hiện quy trình bổ nhiệm và thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; xác định biên chế của toàn Học viện; tổ chức thi nâng ngạch cao cấp cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên thuộc Học viện.

2. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với ban cán sự đảng các bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định của Chính phủ về Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, trình Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các Học viện trực thuộc, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

3. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng các Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của Học viện; thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, các nhà giáo theo quy định của Đảng, Nhà nước.

4. Hằng năm, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy xây dựng kế hoạch và tổ chức đưa cán bộ thuộc phạm vi quản lý đi nghiên cứu thực tế tại các địa

phương, bộ, ban, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương. Các địa phương, bộ, ban, ngành, mặt trận, các đoàn thể Trung ương có trách nhiệm tiếp nhận, bố trí công việc phù hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Học viện được rèn luyện, nghiên cứu thực tế để nâng cao trình độ, gắn lý luận với thực tiễn.

Điều 9. Quan hệ phối hợp trong công tác tài chính, xây dựng cơ sở vật chất

1. Hằng năm, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chỉ đạo xây dựng dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách cho các hoạt động thường xuyên và kế hoạch ngân sách đầu tư phát triển của Học viện; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, cơ sở vật chất đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, phân bổ vốn ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của Học viện; là đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình Chính phủ phê duyệt kế hoạch ngân sách đầu tư phát triển Học viện.

3. Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, thanh quyết toán ngân sách của Học viện theo quy định của Nhà nước; là đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình Chính phủ phê duyệt phương án phân bổ ngân sách hoạt động thường xuyên của Học viện do Nhà nước

cấp; tổ chức kiểm tra việc quản lý, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Hằng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động phối hợp với các cơ quan liên quan; định kỳ tổ chức giao ban và sơ kết, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của mỗi bên liên quan được quy định trong Quy chế này để báo cáo Thường trực Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 11. Lãnh đạo Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, lãnh đạo các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc, phát sinh, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh cùng với các cơ quan liên quan trao đổi, thống nhất, trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 59-KL/TW, ngày 25 tháng 11 năm 2009

Về chế độ, chính sách phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ, công chức ngành kiểm tra Đảng

Tại phiên họp ngày 29-10-2009, xem xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương (Tờ trình số 6685-CV/BTCTW, ngày 15-10-2009) về phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ, công chức ngành kiểm tra Đảng, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra Đảng được hưởng phụ cấp thâm niên nghề. Thời điểm hưởng thâm niên nghề từ ngày 1-1-2009 theo Kết luận số 40-KL/TW, ngày 6-3-2009 của Bộ Chính trị “*về việc sửa đổi những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể và lực lượng vũ trang*”.

2. Về đối tượng và mức phụ cấp được hưởng thâm niên nghề

- Cán bộ, công chức chuyên trách công tác kiểm tra Đảng đã được xếp lương theo chức danh hoặc xếp lương theo ngạch kiểm tra Đảng trong các cơ quan Ủy ban kiểm tra từ Trung ương

đến cấp huyện và tương đương đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Cán bộ, công chức của Ủy ban kiểm tra Đảng cấp huyện và tương đương, trực tiếp làm công tác kiểm tra Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng, hiện hưởng lương công chức loại A.0 hoặc công chức loại B (ngạch cán sự) và đang hưởng phụ cấp trách nhiệm nghề kiểm tra.

Mức phụ cấp được hưởng: Sau 5 năm (đủ 60 tháng) liên tục chuyên trách làm công tác kiểm tra thì được hưởng phụ cấp thâm niên nghề bằng 5% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Từ năm thứ 6 trở đi, mỗi năm được tính thêm 1%.

- Trường hợp cán bộ, công chức có thời gian công tác tại các ngành, lĩnh vực đã được hưởng phụ cấp thâm niên nghề và cán bộ, công chức đã công tác trong ngành kiểm tra Đảng, nhưng do yêu cầu luân chuyển, điều động của cấp có thẩm quyền đến cơ quan khác (không có phụ cấp thâm niên) nay tiếp tục về công tác tại cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng thì được cộng gộp các năm công tác trong ngành, lĩnh vực trước đó để tính hưởng phụ cấp thâm niên nghề.

Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác kiểm tra Đảng từ Trung ương đến cấp huyện và tương đương đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 286-TB/TW, ngày 25 tháng 11 năm 2009

**Về việc truy điệu và di dời hài cốt đồng chí
Hà Huy Tập, cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam**

Xem xét báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương và thể theo nguyện vọng của gia quyến, dòng họ đồng chí Hà Huy Tập, Bộ Chính trị đồng ý tổ chức trọng thể Lễ truy điệu đồng chí Hà Huy Tập, cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và di dời hài cốt đồng chí Hà Huy Tập về an táng tại quê hương Hà Tĩnh.

Giao Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh cùng các cơ quan có liên quan phối hợp với gia đình giúp Đảng và Nhà nước tổ chức chu đáo nhiệm vụ này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 285-TB/TW, ngày 25 tháng 11 năm 2009

Về đề nghị của các cựu tù chính trị Côn Đảo

Trong phiên họp ngày 13-11-2009, sau khi nghe Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và ý kiến của Văn phòng Trung ương Đảng về đề nghị của các cựu tù chính trị Côn Đảo (Công văn số 8204-CV/VPTW, ngày 14-10-2009), Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

1. Đồng ý với đề xuất của Văn phòng Trung ương Đảng:

- Tiếp tục sưu tầm danh tính của những người tù đã mất ở nhà lao Côn Đảo và các nhà lao khác để bổ sung vào danh sách đã có, song cần phân rõ hai loại: tù chính trị và tù thường phạm.

- Xây dựng một tấm bia chung tại Côn Đảo ghi tên các chiến sĩ cách mạng bị giặc giết hại trong thời kỳ 1930 - 1975 đã xác định được danh tính rõ ràng (không ghi tên các tù thường phạm). Danh sách này sẽ được bổ sung sau khi xác định được danh tính những chiến sĩ cách mạng khác.

- Nghiên cứu việc lập bia ghi tên các chiến sĩ cách mạng đã hy sinh tại các nhà lao khác, như Hoà Lò, Phú Quốc, Lao Bảo, Sơn La,...

2. Giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu, các bộ, ngành và địa phương liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 60-KL/TW, ngày 27 tháng 11 năm 2009

VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT THÀNH ĐÔ THỊ TRUNG TÂM VÙNG TÂY NGUYÊN (giai đoạn 2010 - 2020)

Thực hiện Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009, ngày 3-11-2009, Bộ Chính trị đã làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk về Đề án xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên (giai đoạn 2010 - 2020). Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo và ý kiến các bộ, ban, ngành Trung ương, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Vị trí của thành phố Buôn Ma Thuột

- Thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh Đắk Lắk, có vị trí chiến lược rất quan trọng về chính trị, quốc phòng, an ninh của vùng Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Thành phố nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, là đầu mối giao thông thuận tiện với toàn vùng, có tiềm năng lớn để phát triển công nghiệp chế biến, cây công nghiệp như cà phê, cao su và một số loại cây có giá trị kinh tế cao khác; có kết cấu hạ tầng và hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật tương đối khá, tạo điều kiện cho các khu đô thị mới hình thành và phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Buôn Ma Thuột được xác định là thành phố trung tâm cấp vùng, là trung tâm công nghiệp, khoa học kỹ thuật, giáo dục - đào tạo và y tế của vùng Tây Nguyên, là đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội giữa Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ, duyên hải miền Trung và trong quan hệ quốc tế.

2. Về những kết quả đạt được

2.1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk, trong những năm qua, đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã luôn đoàn kết, phát huy tốt các nguồn lực, đổi mới công tác lãnh đạo, điều hành, khắc phục khó khăn, giành được những kết quả quan trọng và toàn diện, cụ thể là:

- Luôn duy trì tốt nhịp độ phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, các ngành sản xuất và dịch vụ có tốc độ tăng trưởng khá; thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh; thu ngân sách tăng khá, là một trong những địa phương có nguồn thu ngân sách lớn của vùng.

- Đã thực hiện tốt chủ trương phát triển kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, quan tâm nhân tố con người,

chú trọng đầu tư cho giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, tạo những chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực này.

- Xã hội ổn định; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ được củng cố một bước; các vụ việc nổi cộm, nhất là khiếu kiện đông người được xử lý tốt hơn, không để diễn biến xấu xảy ra.

- Công tác xây dựng Đảng được chú trọng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên một bước, hệ thống chính trị được kiện toàn, đội ngũ cán bộ trưởng thành; quan hệ giữa Đảng với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân gắn bó chặt chẽ hơn; nội bộ cấp ủy đoàn kết, thống nhất; niềm tin, uy tín của Đảng bộ đối với nhân dân thành phố ngày càng được nâng cao.

2.2. Bên cạnh những thành tựu đạt được, thành phố Buôn Ma Thuột cũng còn một số yếu kém cần được khắc phục là:

- Phát triển kinh tế chưa thật sự vững chắc, chất lượng tăng trưởng chưa cao, quy mô chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của thành phố. Vai trò trung tâm, sức lan toả và thu hút của Buôn Ma Thuột đối với kinh tế trong vùng còn hạn chế.

- Quy hoạch tổng thể và chi tiết phát triển kinh tế - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ. Thu hút đầu tư còn yếu, chưa có nhiều doanh nghiệp, nhà đầu tư có thương hiệu, có uy tín và tiềm lực kinh tế mạnh tham gia đầu tư vào các dự án lớn, như các khu công nghiệp, đô thị, các dự án phát triển hạ tầng của thành phố. Các lợi thế về xuất khẩu nông sản chưa được khai thác, phát huy tốt.

- Một số vấn đề xã hội còn bức xúc, như giải quyết việc làm cho người lao động, trật tự đô thị, an toàn giao thông, môi trường; an ninh chính trị, trật tự xã hội còn tiềm ẩn những vấn đề phức tạp có thể gây mất ổn định.

- Công tác xây dựng Đảng, nhất là cấp cơ sở, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành còn một số hạn chế, thủ tục hành chính chậm đổi mới; tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của một bộ phận cán bộ, công chức còn yếu.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém:

- Về chủ quan, chủ yếu là do năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy đảng, chính quyền chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển của thành phố; chưa làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ chủ chốt; chưa coi trọng xây dựng chiến lược phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn; chưa khai thác tốt các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Về khách quan, đầu tư của Trung ương và tỉnh tuy đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, mất cân đối giữa nhu cầu đầu tư phát triển và khả năng cung cấp vốn; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu.

3. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2020

3.1. Bộ Chính trị cơ bản tán thành phương hướng xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2020 theo các bước: Trước mắt xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột sớm trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh Đắk Lắk; tập trung đầu tư phát triển lên quy mô cấp vùng trên một số

lĩnh vực công nghiệp, khoa học kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục, thể thao; phấn đấu trước năm 2020 trở thành đô thị trung tâm mang đặc sắc riêng của vùng Tây Nguyên. Duy trì tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và thị trường. Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị, gắn phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư và phát triển nguồn nhân lực, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái; củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện.

3.2. Để thực hiện phương hướng và nhiệm vụ trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk cần tập trung lãnh đạo Đảng bộ thành phố thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1- Rà soát các tiêu chí để sớm xây dựng Buôn Ma Thuột trở thành thành phố loại I trực thuộc tỉnh Đắk Lắk. Làm tốt công tác quy hoạch đô thị, đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ để thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên vào trước năm 2020. Tận dụng cơ hội, khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế nhanh và bền vững, có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế; chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

- Bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, hàm lượng khoa học - công nghệ cao, ít gây ô

nhiễm. Trước mắt, coi trọng phát triển một số ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động để giải quyết việc làm; ưu tiên công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, như: giao thông vận tải, bưu chính - viễn thông, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán... để từng bước trở thành trung tâm dịch vụ lớn của vùng Tây Nguyên và cả nước.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; phát triển nền nông nghiệp hàng hóa gắn với các vùng, tiểu vùng chuyên canh hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của vùng, phục vụ nhu cầu chế biến trong nước và xuất khẩu; hình thành vùng chuyên canh sản xuất giống cây trồng, vật nuôi..., xây dựng thương hiệu đặc sản nông nghiệp của thành phố.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại, phấn đấu đưa thành phố Buôn Ma Thuột trở thành trung tâm giao lưu, cửa ngõ và đầu mối giao lưu, buôn bán, hợp tác với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên và khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia; có chính sách khuyến khích thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào thành phố.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi các thành phần kinh tế cùng phát triển. Thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, có cơ chế phù hợp để phát triển mạnh mô hình kinh tế tập thể, tổ hợp tác.

- Huy động tối đa các nguồn lực, trong đó ưu tiên bố trí nguồn ngân sách để phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị. Xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông thông suốt, đầu tư nâng cấp sân bay Buôn Ma Thuột trở thành sân bay quốc tế - đầu mối vận tải hàng không của khu vực Tây Nguyên; nâng cấp mạng lưới điện, thông tin và truyền thông, hạ tầng đô thị gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

2- Chú trọng giải quyết các vấn đề xã hội, chăm lo phát triển con người toàn diện, lấy con người làm mục tiêu và động lực cho phát triển, bảo đảm đồng thuận, hài hòa giữa các nhóm lợi ích, đặc biệt quan tâm đến đối tượng nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Quan tâm hơn nữa yếu tố con người, đặc biệt quan tâm đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ; mở rộng quy mô, cơ cấu hợp lý và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống trường dân tộc nội trú; chú trọng đào tạo nghề, đào tạo cao đẳng, đại học để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao cho thành phố, vùng Tây Nguyên và vùng tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia.

- Mở rộng, nâng cấp mạng lưới y tế, chú ý đầu tư xây dựng hệ thống y tế cơ sở, làm tốt công tác y tế dự phòng, đồng thời tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao phục vụ việc khám và chữa bệnh cho nhân dân tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên.

- Tạo lập môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, chăm lo phát triển, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa,

thể thao; quản lý chặt chẽ các hoạt động phát thanh, truyền hình, Internet, báo chí, xuất bản. Phát triển thể thao thành tích cao, nhất là các môn thể thao truyền thống, có ưu thế, sớm xây dựng thành phố trở thành trung tâm thể thao của vùng.

3- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng, an ninh, tăng cường tiềm lực quốc phòng, tạo thế ổn định vững chắc cho vùng Tây Nguyên và cả nước; tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân, ngăn chặn và kịp thời đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; bảo đảm hài hòa về phát triển kinh tế - xã hội với ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội.

4- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở. Làm tốt công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ thành phố đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng nền tảng chính trị vững mạnh cho sự phát triển của thành phố.

4. Về các kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk

Bộ Chính trị cơ bản đồng ý với các kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk, giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1- Chỉ đạo và có kế hoạch bố trí vốn bằng nhiều nguồn để đầu tư các chương trình, dự án trọng điểm, nhất là các

dự án hạ tầng thiết yếu của thành phố Buôn Ma Thuột và của tỉnh Đắk Lắk đã được đề cập trong Đề án.

- Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các chương trình mục tiêu về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh từ ngân sách Trung ương và các nguồn vốn ODA cho các công trình trọng điểm, một số cơ sở hạ tầng quan trọng, như: hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống giao thông, thủy lợi, giáo dục - đào tạo, thiết bị y tế...

- Phân cấp mạnh hơn cho thành phố; cho phép thực hiện thí điểm một số cơ chế mới đối với những vấn đề mà thực tiễn thành phố đặt ra. Trong trường hợp cần thiết được vay vốn từ các nguồn tài chính nhà nước, tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng thành phố theo quy hoạch và theo quy định của pháp luật.

2- Sớm đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm về giao thông, về văn hóa - xã hội có tác động mạnh đến sự phát triển của vùng Tây Nguyên giai đoạn 2010 - 2015, gồm: các tuyến đường sắt, đường quốc lộ, đường liên tỉnh, nội tỉnh, cảng hàng không quốc tế, xây dựng bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên, Trường Đại học Văn hóa - Nghệ thuật và Du lịch, Khu liên hợp văn hóa... Đầu tư và nâng cấp Trường Đại học Tây Nguyên thành đại học vùng; đầu tư nâng cấp Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên và Viện Nghiên cứu nông lâm nghiệp Tây Nguyên và các trường cao đẳng, trung cấp nghề trên địa bàn.

3- Chính phủ sớm thẩm định và xem xét, phê duyệt Đề án nâng cấp thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh. Tỉnh Đắk Lắk và các bộ, ngành liên quan giúp thành phố lập Đề án quy hoạch xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên.

Bộ Chính trị tin tưởng rằng, phát huy truyền thống vẻ vang trong thời kỳ chống giặc ngoại xâm, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Đắk Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột tiếp tục phấn đấu xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột sớm trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên, là một trung tâm công nghiệp, dịch vụ, khoa học kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục, thể thao của vùng; là đầu mối giao thông liên vùng, tạo điều kiện phát triển, giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa Tây Nguyên với các vùng trong cả nước và khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của đất nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 273-QĐ/TW, ngày 27 tháng 11 năm 2009

**VỀ VIỆC LẬP BAN TỔ CHỨC LỄ TRUY ĐIỆU,
DI DỜI VÀ AN TÁNG HÀI CỐT
ĐỒNG CHÍ CỐ TỔNG BÍ THƯ HÀ HUY TẬP**

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương về việc tổ chức Lễ truy điệu, di dời, an táng và xây mộ đồng chí Hà Huy Tập, cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Bí thư quyết định:

1. Thành lập Ban Tổ chức Lễ truy điệu, di dời và an táng hài cốt đồng chí Hà Huy Tập gồm các đồng chí:

- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban.

- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

- Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

2. Tổ chức Lễ truy điệu trọng thể tại Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó tổ chức lễ đón và an táng hài cốt đồng chí Hà Huy Tập tại tỉnh Hà Tĩnh.

3. Ban Tổ chức Lễ truy điệu, di dời và an táng hài cốt đồng chí Hà Huy Tập chỉ đạo Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Tỉnh ủy Hà Tĩnh và Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh cùng các cơ quan liên quan tổ chức Lễ truy điệu, di dời, lễ đón và an táng, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Kinh phí phục vụ tổ chức Lễ truy điệu, di dời, an táng và xây mộ đồng chí Hà Huy Tập do Văn phòng Trung ương Đảng chịu trách nhiệm.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 287-TB/TW, ngày 30 tháng 11 năm 2009

Về việc tổ chức Đại hội Hội Luật gia Việt Nam lần thứ XI

Tại phiên họp ngày 26-11-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam báo cáo về Đề án tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Luật gia Việt Nam lần thứ XI (văn bản số 36-ĐĐ/HLGVN, ngày 10-11-2009) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư kết luận:

1. Trong nhiệm kỳ vừa qua (2004 - 2009), Hội Luật gia Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ cả về tổ chức và hoạt động, đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, chất lượng hoạt động của Hội còn chưa đồng đều, ở một số nơi, trên một số lĩnh vực Hội chưa phát huy tốt uy tín và vị thế của mình; nhận thức và ý thức trách nhiệm của một số cán bộ còn hạn chế...

Trong thời gian tới, Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam cần tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 56-CT/TW, ngày 18-8-2000 của

Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của Hội Luật gia Việt Nam, khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong nhiệm kỳ vừa qua, trong đó cần chú trọng hơn nữa việc tham gia tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đồng thời, thông qua hoạt động đối ngoại của Hội, bạn bè quốc tế ngày càng hiểu rõ hơn và ủng hộ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta; tăng cường tham gia công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, giám sát việc thi hành pháp luật và cải cách tư pháp; tham gia tích cực và có hiệu quả công tác hòa giải, góp phần giải quyết tranh chấp, khiếu kiện ngay từ cơ sở; tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức của Hội; mở rộng quan hệ, hợp tác quốc tế...

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Hội phải thực hiện theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Giữ nguyên tên gọi của Hội là Hội Luật gia Việt Nam; tính chất của Hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp. Tổ chức bộ máy và hoạt động của Hội phải theo đúng Điều lệ của Hội được Đại hội thông qua, được cấp có thẩm quyền phê chuẩn và được thực hiện thống nhất trong toàn quốc. Theo đó, ở Trung ương là Hội Luật gia Việt Nam; ở tỉnh, thành phố, bộ, ngành là hội luật gia tỉnh, thành phố, bộ, ngành; ở cơ sở là chi hội. Chưa đặt vấn đề kết nạp người Việt Nam ở nước ngoài vào Hội Luật gia Việt Nam.

3. Về nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Hội (nhiệm kỳ 2009 - 2014)

Cần lựa chọn những người có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức tốt, có tâm huyết, trách nhiệm với hoạt động

Hội, có năng lực và điều kiện hoạt động, có tín nhiệm cao trong cơ quan, tổ chức đang sinh hoạt và làm việc. Việc lựa chọn nhân sự tham gia Ban Chấp hành phải theo đúng quy trình, quy định của Đảng và Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai; có số lượng, cơ cấu phù hợp, trong đó có tỷ lệ nhất định về cán bộ nữ.

Giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam chuẩn bị nhân sự chủ chốt của Hội trình Ban Bí thư cho ý kiến trước khi tiến hành Đại hội.

4. Đồng ý để Hội Luật gia Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (nhiệm kỳ 2009 - 2014) vào cuối tháng 12-2009.

Đồng ý tặng bức trướng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho Hội Luật gia Việt Nam nhân dịp này.

Đề nghị đồng chí Nguyễn Minh Triết và đồng chí Trương Vĩnh Trọng trực tiếp chỉ đạo Đại hội.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 61-KL/TW, ngày 3 tháng 12 năm 2009

VỀ ĐỀ ÁN “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”

Thực hiện Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009, tại phiên họp ngày 13-11-2009, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam báo cáo Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”; ý kiến của các ban, ngành có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

1. Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam đã tích cực xây dựng Đề án nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ban Bí thư cơ bản nhất trí với nội dung của Đề án. Trên cơ sở ý kiến của

Ban Bí thư, ý kiến của các ban, ngành có liên quan, Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam tiếp thu, hoàn chỉnh Đề án để triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả, thiết thực.

2. Về đề xuất, kiến nghị của Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc bổ sung, sửa đổi và xây dựng mới luật liên quan đến nông dân, tạo điều kiện để giai cấp nông dân, Hội Nông dân Việt Nam phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc ban hành cơ chế, chính sách cụ thể để Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp với các bộ, ngành thực hiện một số chương trình, đề án trong chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; xem xét việc bổ sung cho quỹ hỗ trợ nông dân, giúp hội nông dân có thêm nguồn lực để xây dựng và nhân rộng các mô hình xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nông dân; tạo cơ chế để Hội Nông dân Việt Nam tham gia thực hiện chính sách của Chính phủ về tiêu thụ nông sản hàng hóa.

- Trong quá trình xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, các cơ quan chủ trì cần tạo điều kiện và phối hợp để Hội Nông dân Việt Nam tham gia ngay từ đầu và trực tiếp các nội dung liên quan.

- Hội Nông dân Việt Nam phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu xây dựng các trung tâm

dạy nghề và hỗ trợ nông dân theo mô hình là đơn vị sự nghiệp thuộc hội nông dân cấp tỉnh, huyện, trực tiếp tổ chức các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ và dạy nghề cho nông dân.

- Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam có hướng dẫn về tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan Hội Nông dân Việt Nam cấp tỉnh, huyện phù hợp với yêu cầu nâng cao vai trò, trách nhiệm của hội nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020.

- Chính phủ cần có quy định cụ thể về trường của các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó có trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội Nông dân Việt Nam theo Điều 49 của Luật giáo dục.

3. Đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án, Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam đề xuất thành phần và nhân sự cụ thể, trình Ban Bí thư quyết định.

4. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các ban đảng Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình lãnh đạo thực hiện những nội dung liên quan của Đề án.

5. Giao Ban Dân vận Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Đề án, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 288-TB/TW, ngày 4 tháng 12 năm 2009

**Về việc ban hành các quy định trong công tác
chỉ đạo, quản lý các hoạt động xuất bản**

Tại phiên họp ngày 26-11-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về việc ban hành Quy định về sự phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức hội trong công tác chỉ đạo, quản lý xuất bản; Quy định về chỉ đạo, định hướng đối với các vấn đề quan trọng, nhạy cảm trong nội dung xuất bản phẩm; Quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản (Công văn số 4554-CV/BTGTW, ngày 12-10-2009); Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan; Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

- Đồng ý ban hành ba quy định về chỉ đạo, quản lý hoạt động xuất bản, gồm: Quy định về sự phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức hội

trong công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động xuất bản; Quy định về việc chỉ đạo, định hướng chính trị tư tưởng đối với các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung xuất bản phẩm; Quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo nhà xuất bản.

- Cơ bản tán thành dự thảo các quy định do Ban Tuyên giáo Trung ương chuẩn bị. Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, ngành liên quan, hoàn chỉnh các quy định, gửi xin ý kiến Ban Bí thư trước khi đồng chí Thường trực Ban Bí thư ký, ban hành.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 289-TB/TW, ngày 4 tháng 12 năm 2009
Về xây dựng mô hình nhà xuất bản
trước yêu cầu mới

Tại phiên họp ngày 26-11-2009, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về việc “xây dựng mô hình nhà xuất bản trước yêu cầu mới” (Công văn số 4064-CV/BTGTW, ngày 8-7-2009), báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư thảo luận và kết luận:

- Đồng ý với đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương về giữ nguyên hai loại hình là doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện và sự nghiệp có thu đối với các nhà xuất bản như quy định tại *Luật xuất bản* và Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 25-8-2004 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng toàn diện hoạt động xuất bản. Đối với các nhà xuất bản hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, đề nghị Chính phủ xem xét chưa chuyển đổi sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên như đề xuất của Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Giao Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách thuế, đầu tư có tính ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xuất bản, trình Chính phủ phê duyệt.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 275-QĐ/TW, ngày 4 tháng 12 năm 2009

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14-12-2004 của Ban Bí thư (khóa IX) về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW, ngày 6-3-2009 của Bộ Chính trị “về việc sửa đổi những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan đảng, nhà nước, mặt trận, các đoàn thể và lực lượng vũ trang”;
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14-12-2004 của Ban Bí thư (khóa IX) về

chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4:

“1. Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty thành viên (gọi tắt là công ty).

Cán bộ chuyên trách đảng, đoàn thể cơ sở, cấp trên cơ sở áp dụng bảng lương viên chức chuyên môn, nghiệp vụ ở các công ty nhà nước.

Bí thư đảng ủy chuyên trách áp dụng bảng lương của tổng giám đốc (giám đốc); phó bí thư đảng ủy, chủ tịch công đoàn chuyên trách áp dụng bảng lương của phó tổng giám đốc (phó giám đốc) công ty nhà nước cùng hạng.

Bí thư đoàn thanh niên, phó chủ tịch công đoàn cơ sở chuyên trách, trưởng ban chuyên trách đảng hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ trưởng phòng (ban) của tập đoàn kinh tế, tổng công ty (công ty) nhà nước cùng hạng.

Phó bí thư đoàn thanh niên, phó trưởng ban đảng chuyên trách (nếu có) trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty (công ty) nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định theo Quy định số 196-QĐ/TW, ngày 24-11-2008 của Ban Bí thư về tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước hưởng phụ cấp chức vụ tương đương phụ cấp chức vụ phó trưởng phòng (ban) của tập đoàn kinh tế, tổng công ty (công ty) nhà nước cùng hạng”.

2. Bổ sung thêm khoản 4 vào Điều 5 như sau:

“4. Phụ cấp thâm niên nghề:

Cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra đảng được hưởng phụ cấp thâm niên bao gồm:

Cán bộ, công chức chuyên trách công tác kiểm tra đảng đã được xếp lương theo chức danh hoặc xếp lương theo ngạch kiểm tra đảng trong các cơ quan ủy ban kiểm tra từ Trung ương đến cấp huyện và tương đương đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Cán bộ, công chức của ủy ban kiểm tra đảng cấp huyện, trực tiếp làm công tác kiểm tra đảng theo quy định của Điều lệ Đảng, hiện hưởng lương công chức loại A.0 hoặc công chức loại B (ngạch cán sự) và đang hưởng phụ cấp trách nhiệm nghề kiểm tra.

Mức phụ cấp quy định như sau: Sau 5 năm (đủ 60 tháng) liên tục chuyên trách làm công tác kiểm tra thì được hưởng phụ cấp thâm niên nghề bằng 5% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); từ năm thứ sáu trở đi mỗi năm được tính thêm 1%.

Trường hợp cán bộ, công chức có thời gian công tác tại các ngành, lĩnh vực đã được hưởng phụ cấp thâm niên nghề và các cán bộ, công chức đã công tác trong ngành kiểm tra đảng nhưng do yêu cầu luân chuyển, điều động của cấp có thẩm quyền đến cơ quan khác (không có chế độ phụ cấp thâm niên) nay tiếp tục về công tác tại cơ quan ủy ban kiểm tra đảng thì được cộng gộp các năm công tác trong ngành, lĩnh vực trước đó để tính hưởng phụ cấp thâm niên nghề”.

3. Sửa đổi, bổ sung “Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cơ quan đảng địa phương” (Bảng 4) ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW như sau:

a) Sửa đổi Bảng 4 thành “Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cơ quan đảng địa phương và Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương”.

b) Sửa đổi hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức danh bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (trừ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh) và Bí thư hai Đảng ủy Khối trực thuộc Trung ương từ 1,30 hiện nay lên 1,40.

c) Bổ sung vào Bảng 4 hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo cơ quan đảng thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I:

STT	Chức danh lãnh đạo	Hệ số
1	Bí thư thành ủy	1,10
2	Phó bí thư thành ủy	0,95
3	Ủy viên ban thường vụ thành ủy, Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra thành ủy	0,75
4	Trưởng ban đảng, chánh văn phòng và tương đương	0,5
5	Phó chủ nhiệm thường trực ủy ban kiểm tra, Phó trưởng ban thường trực (cấp trưởng cùng cấp là ủy viên thường vụ)	0,4
6	Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, Phó trưởng ban đảng, Phó chánh văn phòng và tương đương	0,3
7	Ủy viên chuyên trách ủy ban kiểm tra	0,25

4. Sửa đổi, bổ sung “Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cơ quan Mặt trận và các đoàn thể địa phương” (Bảng 5) ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW:

a) Sửa đổi Bảng 5 thành “Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cơ quan Mặt trận và các đoàn thể địa phương và đoàn thanh niên thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương”.

b) Bổ sung hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo cơ quan mặt trận và các đoàn thể thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I vào bảng (Bảng 5) như sau:

STT	Chức danh lãnh đạo	Hệ số
1	Chủ tịch mặt trận	0,75
2	Chủ tịch, bí thư các đoàn thể	0,5
3	Phó chủ tịch, phó bí thư các đoàn thể	0,3

5. Sửa đổi, bổ sung “Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể” (Bảng 6) ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW:

a) Bổ sung phụ cấp chức vụ lãnh đạo hệ số 1,0 đối với chức danh Ủy viên Ban Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

b) Sửa đổi hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với chức danh lãnh đạo khoa, ban (phòng) thuộc học viện khu vực, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh như sau:

STT	Chức danh lãnh đạo	Hệ số
1	Trưởng khoa, trưởng ban (phòng)	0,7
2	Phó trưởng khoa, phó trưởng ban (phòng)	0,5

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác kiểm tra đảng từ Trung ương

đến cấp huyện và tương đương đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

2. Chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác kiểm tra đảng quy định tại Quyết định này được tính hưởng kể từ ngày 1-1-2009 và được dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội.

3. Thủ trưởng cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương, bí thư các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

4. Các quy định khác được nêu trong Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1-11-2009.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 62-KL/TW, ngày 8 tháng 12 năm 2009

Về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

Ngày 18-9-2009, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo Đề án “Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”, ý kiến của các ban, ngành, đoàn thể liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

I- VỀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG THỜI GIAN QUA

1. Ưu điểm

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội đã có nhiều phong trào và hình thức hoạt động đa dạng để vận động, tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân.

Nhiều cuộc vận động, chương trình hành động, phong trào thi đua do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội phát động được nhân dân đồng tình ủng hộ, góp phần quan trọng đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật (*Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật công đoàn, Luật thanh niên, Luật bình đẳng giới, Pháp lệnh cứu chiến binh, v.v.*), tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; chú trọng nắm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kịp thời phản ánh, tham mưu với Đảng, kiến nghị với chính quyền xây dựng những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện an sinh xã hội; tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đảng viên, cán bộ, công chức, đại biểu dân cử; tích cực tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong giai đoạn mới được khẳng định và nâng cao. Hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn.

2. Hạn chế, yếu kém

- Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội còn có mặt chậm

đổi mới so với yêu cầu nhiệm vụ. Công tác tuyên truyền, vận động chưa đi vào chiều sâu, chưa bám sát chức năng, nhiệm vụ chính của mình; hoạt động còn có biểu hiện hành chính hóa và nặng tính hình thức, dàn trải, hiệu quả thấp; chưa nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng và những vấn đề bức xúc của nhân dân.

- Công tác xây dựng, phát triển tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội còn hạn chế; việc phát triển các tổ chức đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước còn chậm.

- Sự phối hợp hoạt động giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các đoàn thể chính trị - xã hội và giữa các đoàn thể với nhau chưa thật chặt chẽ, thiếu đồng bộ nên việc tạo ra sức mạnh tổng hợp còn hạn chế. Công tác giám sát, tham gia xây dựng pháp luật, chính sách và giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống cho đoàn viên, hội viên chưa theo kịp yêu cầu.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên là:

- Sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự chủ động phối hợp và tạo điều kiện của chính quyền các cấp để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động có hiệu quả còn hạn chế. Một số cấp ủy đảng chưa quan tâm đầy đủ đến việc lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội; quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương, cơ sở chưa chặt chẽ. Một số chính sách của Nhà nước ban hành chưa đồng bộ, hướng dẫn chưa kịp thời, có tác động không thuận tới sản xuất,

kinh doanh và đời sống của đoàn viên, hội viên và nhân dân, ảnh hưởng đến công tác vận động nhân dân.

- Việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có mặt còn chậm.

- Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong một số phong trào, nên còn có sự trùng lặp, chồng chéo, hiệu quả thấp. Tổ chức bộ máy, cán bộ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được chăm lo, củng cố; chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút, phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng người có đức, có tài, có uy tín để làm công tác vận động quần chúng; trình độ, năng lực, kỹ năng vận động, tập hợp quần chúng của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội còn nhiều hạn chế, nhất là ở cơ sở; việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển và thực hiện chính sách đối với cán bộ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội còn chưa phù hợp, làm cho cán bộ thiếu an tâm trong công tác.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của Đảng, chính quyền đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và toàn bộ hệ

thống chính trị về nhiệm vụ lãnh đạo, xây dựng tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; kịp thời tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, các giai tầng xã hội.

- Xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và vai trò làm chủ của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Các cấp ủy đảng tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận, công tác mặt trận và các đoàn thể. Đưa nội dung lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh thành một trong những tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng các cấp.

2. Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân

- Có kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các đoàn thể chính trị - xã hội, tránh chồng chéo, hình thức; phân công rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc tổ chức các hoạt động, phong trào. Xây dựng, cổ vũ, động viên kịp thời và nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến với nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

- Chú trọng sơ kết, tổng kết các phong trào, các cuộc vận động; tham mưu, kiến nghị với Đảng, Nhà nước bổ sung chủ trương, chính sách về công tác vận động nhân dân; xây dựng và phát huy vai trò những người tiêu biểu trong cộng đồng dân cư.

3. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân và tập trung hướng mạnh các hoạt động về cơ sở; phát huy quyền chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong công tác vận động nhân dân, phù hợp với đặc điểm địa phương, cơ sở

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội làm nòng cốt trong việc phát huy dân chủ, năng lực trí tuệ, ý thức trách nhiệm công dân trong các tầng lớp nhân dân.

- Xây dựng, củng cố và hoàn thiện các thiết chế dân chủ ở cơ sở; coi trọng và sử dụng rộng rãi hoạt động tư vấn trong công tác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp; chủ động tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới chính sách, chế độ đối với cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động trong thời kỳ mới

- Sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ hoạt động chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng tinh gọn. Coi trọng việc kết hợp, phát huy có hiệu quả đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách và

cộng tác viên. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có phẩm chất, năng lực và kỹ năng vận động nhân dân. Chú trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, địa bàn dân cư.

- Xây dựng tiêu chuẩn chức danh; bổ sung chế độ, chính sách đối với cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới; chú trọng bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển cán bộ; coi trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo, vùng đặc biệt khó khăn. Nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ công tác vận động nhân dân cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, thôn, ấp, làng, bản, phum, sóc, khu phố...

- Chính phủ ban hành nghị định hướng dẫn thực hiện việc sắp xếp và tổ chức các trường đào tạo cán bộ đoàn thể theo quy định của *Luật giáo dục*, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ các đoàn thể trong thời kỳ mới. củng cố, tăng cường và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Khoa Dân vận thuộc Học viện Xây dựng Đảng và Khoa Dân vận của 63 trường chính trị các tỉnh, thành phố.

5. Tăng cường công tác dân vận của chính quyền các cấp; thể chế hóa cơ chế phối hợp giữa chính quyền các cấp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, các quy chế phối hợp, chương trình phối hợp công tác giữa ủy ban

nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

- Nhà nước bảo đảm kinh phí và điều kiện hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội phù hợp với thực tiễn công tác vận động nhân dân và phong trào thi đua yêu nước hiện nay.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, phát huy tính năng động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Các cấp ủy đảng và người đứng đầu thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, lắng nghe ý kiến đóng góp của nhân dân; xây dựng và ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

- Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác sơ kết, tổng kết nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình; định kỳ cấp ủy đảng các cấp làm việc, nghe báo cáo tình hình và định hướng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch đổi mới nội dung, phương thức hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình, trình Ban Bí thư cho ý kiến chỉ đạo.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Kết luận này.

3. Giao Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng, các bộ, ngành liên quan và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội theo dõi, đôn đốc và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo với Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 291-TB/TW, ngày 8 tháng 12 năm 2009

**Về việc Báo Nhân Dân xuất bản ấn phẩm mới -
báo *Thời Nay***

Tại phiên họp ngày 2-12-2009, xem xét báo cáo của Ban Biên tập Báo Nhân Dân về việc xin xuất bản ấn phẩm mới (Công văn số 903-CV/ND, ngày 9-9-2009) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đồng ý chủ trương để Báo Nhân Dân xuất bản ấn phẩm mới là Báo *Thời Nay* như đề xuất trong Tờ trình. Ban Biên tập Báo Nhân Dân tiến hành các thủ tục theo quy định của *Luật báo chí* để triển khai thực hiện.

Đồng ý về việc Báo Nhân Dân có thêm một đầu mối cấp vụ là Báo *Thời Nay*. Giao Văn phòng Trung ương Đảng xem xét cho phép Báo *Thời Nay* được áp dụng một số điểm đặc thù so với các ấn phẩm khác của Báo Nhân Dân về cơ chế thu chi tài chính, về phát hành và quảng cáo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 292-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2009

Về việc giải quyết hậu quả chất độc hóa học do Mỹ tiến hành trong chiến tranh ở Việt Nam và công tác chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam; tổ chức hoạt động của Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam

Tại phiên họp ngày 21-11-2009, sau khi nghe Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam báo cáo tình hình kết quả hoạt động và ý kiến của các ban, ngành ở Trung ương, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

Những năm qua, việc thực hiện các chủ trương giải quyết hậu quả chất độc hóa học do Mỹ tiến hành ở Việt Nam đã đạt kết quả bước đầu trong việc xử lý một số điểm còn dư lượng dioxin cao; giải quyết chế độ, chính sách đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học; cuộc đấu tranh đòi công lý cho các nạn nhân chất độc da cam đã thu hút được sự quan tâm ủng hộ của dư luận trong nước và quốc tế. Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở Trung ương và các địa phương đã hoạt động tích cực, đạt một số kết

quả bước đầu, góp phần tích cực trong việc chăm sóc, giúp đỡ, bảo vệ quyền lợi cho các nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam.

Tuy nhiên, việc khắc phục hậu quả chất độc da cam/dioxin còn nhiều hạn chế và khó khăn. Chế độ, chính sách đối với người hoạt động kháng chiến, con đẻ của họ và nhân dân bị nhiễm chất độc hóa học còn chưa bù đắp được những hậu quả mà họ phải gánh chịu lâu dài; cuộc đấu tranh đòi công lý cho các nạn nhân chất độc da cam chưa tạo được sức mạnh tổng hợp cần thiết buộc các công ty hóa chất Mỹ phải có trách nhiệm giải quyết hậu quả do chính sản phẩm của họ gây ra; việc vận động chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân còn phân tán; hoạt động của Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở một số địa phương chưa đều, chưa mạnh, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao.

Một số chủ trương của Đảng, Nhà nước về giải quyết hậu quả chất độc hóa học chưa được quán triệt đầy đủ tới cấp ủy, chính quyền các địa phương; chế độ, chính sách đối với người tham gia kháng chiến, con đẻ của họ và nhân dân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin trong chiến tranh triển khai thực hiện còn chưa thống nhất. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân và hoạt động của Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở một số địa phương còn chưa được quan tâm đầy đủ; tổ chức và hoạt động của Hội đạt kết quả chưa cao.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này trong thời gian tới, Ban Bí thư yêu cầu cấp ủy đảng, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Việc giải quyết hậu quả chất độc hóa học do Mỹ tiến hành trong chiến tranh ở Việt Nam và công tác chăm sóc,

giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam là vấn đề vừa lâu dài, vừa quan trọng và cấp bách hiện nay. Vì vậy, các cấp ủy đảng, chính quyền cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và có những biện pháp cụ thể để giải quyết tốt nhiệm vụ này.

2. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành chức năng có kế hoạch cụ thể và tăng cường công tác phối hợp tổ chức thực hiện, đồng thời, phối hợp với Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chế độ, chính sách đối với những người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học và chế độ trợ cấp cho nhân dân bị nhiễm chất độc hóa học trong và sau chiến tranh.

3. Ban Chỉ đạo vụ kiện của Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam chuẩn bị các bước tiếp theo và phân công cụ thể bảo đảm tiến hành tập trung, thống nhất, kiên trì, phối hợp nhiều phương thức đấu tranh đòi công lý cho các nạn nhân chất độc da cam.

4. Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin là tổ chức xã hội đặc thù, thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội được Đảng, Nhà nước giao. Hội cần thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm giải quyết những khó khăn, tạo điều kiện về mọi mặt để Hội hoạt động.

5. Ban cán sự đảng các bộ: Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính quan tâm giúp đỡ về mặt tổ chức, tài chính và hoạt động của Hội.

6. Giao Ban Dân vận Trung ương thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các mặt công tác của Hội để báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 280-QĐ/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2009

Thành lập Hội đồng Nghiệm thu các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ Quyết định số 37-QĐ/TW, ngày 9-2-2007 của Ban Bí thư về việc thay đổi, bổ sung các thành viên Hội đồng Xuất bản các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh;
- Xét đề nghị của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Nghiệm thu các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Chủ tịch Hội đồng.

2- Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên.

3- Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy viên.

4- Đồng chí Phan Diễn, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên.

5- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

6- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

7- Đồng chí Đặng Xuân Kỳ, nguyên Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

8- Đồng chí Nguyễn Duy Hùng, Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Ủy viên.

9- Đồng chí Phạm Hồng Chương, Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

Điều 2. Hội đồng Nghiệm thu có nhiệm vụ đánh giá ba tập tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa đưa vào “Hồ Chí Minh toàn tập” xuất bản lần thứ hai, trên cơ sở đó, lựa chọn, công bố, xuất bản các tập tiếp theo.

Điều 3. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 293-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2009

Về Đề án quy định về quan hệ công tác giữa
Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể
với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, các đảng
đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc
Trung ương, các ban Trung ương Đảng
và các tỉnh ủy, thành ủy

Ngày 23-12-2009, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo Đề án quy định về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy, ý kiến các cơ quan liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Ban Dân vận Trung ương và Ban soạn thảo Đề án đã tích cực chuẩn bị Đề án, tuy nhiên một số nội dung về mối quan hệ cần phải làm rõ hơn, nhất là các mối quan hệ liên quan đến xây dựng tổ chức và công tác cán bộ; mối quan hệ giữa đảng đoàn với tập thể lãnh đạo cơ quan.

- Ban Dân vận Trung ương và Ban soạn thảo cần bám sát vào chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, đảng đoàn, các ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy để sửa đổi nội dung quy định cho phù hợp.

- Do tính chất đặc thù của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nên về bố cục, quy định cần tách từng phần, thể hiện mối quan hệ với từng tổ chức hoặc nhóm tổ chức có quan hệ giống nhau. Riêng với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thì cần tách thành một phần riêng.

- Ban Dân vận Trung ương và Ban soạn thảo sớm hoàn chỉnh Đề án và dự thảo Quy định, trình xin ý kiến trực tiếp các đồng chí Bí thư Trung ương để tiếp thu, hoàn chỉnh trước khi trình Ban Bí thư thông qua.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 294-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2009

**Về việc tổng kết Nghị quyết của Bộ Chính trị về
tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác
cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn
cách mạng mới và tổng kết 10 năm thực hiện
Chỉ thị của Bộ Chính trị về xây dựng và
thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở**

Ngày 23-12-2009, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo về việc tổng kết Nghị quyết 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới và Tờ trình về tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, ý kiến của Hội Cựu chiến binh Việt Nam, các ban, ngành liên quan, Ban Bí thư đã kết luận:

1. Đồng ý với đề nghị của Ban Dân vận Trung ương về việc tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết Nghị quyết

09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới và tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Việc tổ chức Hội nghị về hai nội dung này kết hợp với tổ chức Hội nghị tổng kết công tác dân vận toàn quốc năm 2009 vào khoảng cuối tháng 1, đầu tháng 2-2010, tại Hà Nội.

2. Ban Dân vận Trung ương có trách nhiệm phối hợp cùng với các cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư, chỉnh sửa, dự thảo Kết luận của Ban Bí thư về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới” và Kết luận của Ban Bí thư về “Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở” để lấy ý kiến tại Hội nghị toàn quốc, sau đó hoàn chỉnh, trình Ban Bí thư để ban hành.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 63-KL/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Về Báo cáo kết quả kiểm tra sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) “Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị”

Tại phiên họp ngày 3-12-2009, sau khi nghe đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị báo cáo kết quả kiểm tra sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) “Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị”, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Hai năm qua, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) “Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị” đã được các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, tích cực, với tinh thần trách nhiệm cao. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng coi đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) là một nhiệm vụ trọng tâm, một yêu cầu cấp thiết trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết tiếp tục được đổi mới theo hướng nâng cao trách nhiệm tập thể và trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng trong việc nghiên cứu, truyền đạt nghị quyết; tập trung làm rõ những nội dung cơ bản, những điểm mới trong nghị quyết, có liên hệ với tình hình địa phương, đơn vị; coi trọng việc xây dựng, thảo luận kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết ở cấp mình.

Việc cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết được thực hiện tích cực. Căn cứ vào nội dung Nghị quyết, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đã xác định các đề án, phân công rõ trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện; chỉ đạo rà soát, bổ sung Quy chế làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng; ban hành mới nhiều quy chế, quy định về mối quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, thường vụ cấp ủy với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp ủy đảng, đảng ủy trực thuộc; mối quan hệ phối hợp công tác giữa các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp ủy, đảng ủy cùng cấp; quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy với lãnh đạo cơ quan, đơn vị; quyết định về quy trình công tác trên các lĩnh vực của công tác xây dựng Đảng... để từng bước hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình công tác trong Đảng. Đây là bước tiến bộ rõ nét nhất trong khâu tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng kể từ khi có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X).

Sau 2 năm, nhiều nội dung, nhất là những nội dung cơ bản, trọng yếu của Nghị quyết đã được triển khai thực hiện khá tích cực và đạt được kết quả ở mức độ khác nhau. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Quốc hội,

Chính phủ, các cơ quan tư pháp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và với hoạt động của hệ thống chính trị ở địa phương tiếp tục được đổi mới theo hướng tăng cường hơn sự lãnh đạo của Đảng thông qua những chủ trương, định hướng lớn đối với những vấn đề trọng yếu trong hoạt động của từng tổ chức; không bao biện, làm thay công việc của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy tốt hơn tính năng động, sáng tạo và bảo đảm hoạt động theo luật định của từng tổ chức trong hệ thống chính trị.

Phương thức lãnh đạo của Đảng trong công tác cán bộ cũng có bước đổi mới; cụ thể hóa nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị; thực hiện khá đồng bộ việc sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định, đổi mới quy trình đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển, bổ nhiệm và thực hiện chính sách cán bộ; mở rộng việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ; thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân...

Phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo Đảng từ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc tiếp tục được quan tâm đổi mới theo hướng khoa học, sâu sát cơ sở, gần gũi nhân dân; dành thời gian nhiều hơn cho công tác nghiên cứu lý luận, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị và tổng kết thực tiễn; đổi mới cách ra nghị quyết, chỉ thị, văn bản hướng dẫn theo hướng ngắn gọn, thiết thực, cụ thể, rõ việc, rõ trách nhiệm; cải tiến và nâng cao chất lượng chế

độ thông tin báo cáo, hội họp; tăng cường lãnh đạo, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng; thực hiện tốt hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, mở rộng dân chủ trong Đảng, trong xã hội; nâng cao chất lượng công tác tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng; chú trọng hơn công tác kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng.

Các kết quả đạt được đã góp phần ngày càng làm rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức (Đảng - Nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội) trong hệ thống chính trị. Do đó, mặc dù 2 năm qua, đất nước gặp nhiều khó khăn, song kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) cùng với kết quả thực hiện các nghị quyết, chỉ thị khác của Trung ương đã đóng góp quan trọng vào việc thực hiện thành công nhiều mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong hơn nửa nhiệm kỳ vừa qua. Mục tiêu Nghị quyết đề ra “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong xã hội...” đã và đang được triển khai thực hiện, đạt được kết quả bước đầu quan trọng.

2. Tuy nhiên, thời gian triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) “Về tiếp tục đổi mới phương thức

lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị” còn ngán, kết quả đạt được mới là bước đầu, còn chưa tạo được những chuyển biến căn bản theo yêu cầu, mục tiêu của Nghị quyết. Những chuyển biến đó mới thấy rõ ở các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, còn càng xuống dưới thì sự chuyển biến, tiến bộ càng chưa rõ nét.

Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) ở một số địa phương, đơn vị chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ; tổ chức nghiên cứu, quán triệt ở cơ sở còn ít được đổi mới. Việc giao cho người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng truyền đạt nghị quyết ở một số nơi thực hiện còn gặp khó khăn; xây dựng kế hoạch hoặc chương trình hành động thực hiện nghị quyết ở cấp huyện và cơ sở còn lúng túng.

Việc rà soát, bổ sung, xây dựng mới các quy chế, quy định, quy trình công tác để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nhất là các quy chế phối hợp trên một số mặt còn chậm; một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện Nghị quyết.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên một số nội dung chưa đủ rõ, vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, nhất là trong việc cấp ủy cho chủ trương xử lý những vấn đề về kinh tế - xã hội, các vụ án và vấn đề giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Cấp ủy đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thông qua đảng đoàn, ban cán sự đảng, nhưng chức năng, nhiệm vụ, vai trò, vị trí của đảng đoàn,

ban cán sự đảng trên một số mặt chưa được xác định rõ nên hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng còn nhiều lúng túng, có mặt còn hình thức.

Tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tuy được sắp xếp, kiện toàn, giảm được đầu mối, nhưng chưa đạt được yêu cầu tinh gọn, hiệu quả; mối quan hệ về trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu chưa rõ; đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, là vấn đề khó khăn nhất trong công tác cán bộ hiện nay.

Đổi mới phong cách và lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo Đảng chậm, ở một số nơi còn chưa được coi trọng. Công tác thẩm định, phản biện đề án, dự thảo nghị quyết, chỉ thị của Đảng trước khi ban hành nhiều cấp ủy chưa làm tốt; hội họp vẫn còn nhiều, cải cách hành chính trong Đảng chậm được nghiên cứu, triển khai; công tác tự phê bình và phê bình ở một số cấp ủy, tổ chức đảng còn hình thức, hiệu quả thấp; nguyên tắc tập trung dân chủ một số nơi còn vi phạm, ảnh hưởng đến sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ.

3. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế nêu trên là:

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị, chưa coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng; vì vậy, chưa dành thời gian, công sức cần thiết cho việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn làm rõ nhiều vấn đề về phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện một đảng cầm quyền, phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập

quốc tế còn chậm. Còn thiếu những quy chế, quy định liên quan tới đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị để thực hiện một số nội dung của Nghị quyết.

- Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị, nhất là cán bộ chủ chốt ở cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu, chậm đổi mới tư duy, thiếu chủ động, sáng tạo; tác phong, lề lối làm việc thụ động, trông chờ, ỷ lại vào sự chỉ đạo của cấp trên. Chính sách cán bộ còn nhiều bất cập, chậm đổi mới, vừa chưa khuyến khích cán bộ phát huy hết năng lực, tâm huyết với công việc vừa khó thu hút cán bộ về làm việc ở những lĩnh vực khó khăn.

4. Để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới, Bộ Chính trị yêu cầu các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương làm tốt các nhiệm vụ sau:

1- Tiếp tục quán triệt sâu rộng hơn Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) “Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị”, nhất là những lĩnh vực, những khâu khi tổ chức quán triệt còn yếu, chưa sâu sắc. Trên cơ sở đó, nâng cao nhận thức cho cấp ủy, cán bộ và đảng viên, nhất là ở cấp huyện và cơ sở về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm vừa cấp bách, vừa lâu dài trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

2- Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới, xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế, quy định, quy trình

công tác để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.

- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các ban đảng Trung ương tiếp tục xây dựng để Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các quy chế, quy định còn lại đã ghi trong Kết luận số 12-KL/TW, ngày 24-9-2007 của Bộ Chính trị về những công việc cần làm để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X).

- Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương căn cứ vào các quy chế, quy định của Trung ương đã ban hành tiếp tục rà soát, bổ sung quy chế làm việc; rà soát, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy định về mối quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo giữa cấp ủy với đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc; giữa đảng đoàn, ban cán sự đảng với lãnh đạo và đảng ủy cơ quan; mối quan hệ phối hợp công tác giữa các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị; các quy trình công tác trong các lĩnh vực của công tác xây dựng Đảng, để thực hiện đồng bộ hơn việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở từng cấp.

3- Rà soát, đôn đốc việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết, tập trung chỉ đạo những nội dung vừa qua thực hiện còn yếu, trên cả 4 lĩnh vực: đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tổ chức và cán bộ; đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan

lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến các địa phương, để đạt được các mục tiêu của Nghị quyết đã đề ra.

4- Gắn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) “Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị” với việc thực hiện đồng bộ các nghị quyết, chỉ thị khác của Trung ương; với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cấp ủy, tổ chức đảng; góp phần thực hiện tốt nhất các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội X của Đảng và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2005 - 2010.

Gắn việc thực hiện Nghị quyết với việc chuẩn bị và tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XI của Đảng. Trong đó, tập trung chỉ đạo đổi mới việc chuẩn bị văn kiện và nhân sự đại hội; đổi mới cách thức tổ chức đại hội theo hướng “Phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết, giữ vững kỷ cương; coi trọng chất lượng, thiết thực, không phô trương, hình thức; bảo đảm an toàn, tiết kiệm; phát huy cao nhất trí tuệ, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các thành viên trong hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên và nhân dân” theo tinh thần Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 4-8-2009 của Bộ Chính trị.

5- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Các cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy phải có kế hoạch định kỳ kiểm tra, giám sát đối với cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên trong việc tổ chức thực hiện và chấp hành Nghị quyết, nhất là việc thực hiện các quy chế, quy định, quy trình công tác liên quan đến đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để đưa nhanh Nghị quyết vào cuộc sống.

6- Đối với những kiến nghị của các cấp ủy, tổ chức đảng liên quan đến việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), Bộ Chính trị giao các cơ quan nghiên cứu tiếp thu, đề xuất cách xử lý, giải quyết để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định (theo bản phân công kèm theo).

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN TIẾP TỤC CỤ THỂ HÓA
NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA X)
“Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
đối với hoạt động của hệ thống chính trị”**

*(Được Bộ Chính trị thông qua
tại phiên họp ngày 3-12-2009)*

STT	Tên các đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì chuẩn bị	Cấp trình cho ý kiến	Thời gian hoàn thành
1	Hướng dẫn về đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cấp huyện, cấp ủy cấp xã đối với hoạt động của hệ thống chính trị trực thuộc.	Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Ban Bí thư	Quý II-2010
2	Sơ kết, bổ sung, sửa đổi Chỉ thị 15-CT/TW, ngày 7-7-2007 của Bộ Chính trị về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xét xử các vụ án và công tác bảo vệ Đảng.	Ngô Văn Dụ	Văn phòng Trung ương Đảng	Bộ Chính trị	Quý I-2010

STT	Tên các đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì chuẩn bị	Cấp trình cho ý kiến	Thời gian hoàn thành
3	Xem xét, điều chỉnh những bất hợp lý trong thực hiện Nghị định 13/CP, 14/CP của Chính phủ về sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp huyện.	Nguyễn Tấn Dũng	Bộ Nội vụ	Bộ Chính trị	Quý II-2010
4	Xem xét, điều chỉnh những bất hợp lý trong thực hiện Quy định số 222-QĐ/TW, ngày 8-5-2009 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan tham mưu chuyên trách tỉnh ủy, thành ủy.	Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Ban Bí thư	Quý I-2010
5	Đề án về tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ ở cơ sở (nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung Nghị định 114/CP, 121/CP về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí cho cán bộ cơ	Nguyễn Tấn Dũng	Bộ Nội vụ	Bộ Chính trị	Quý III-2010

STT	Tên các đề án	Đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách	Cơ quan chủ trì chuẩn bị	Cấp trình cho ý kiến	Thời gian hoàn thành
	sở; tăng cán bộ chuyên trách cho công tác đảng...).				
6	Đề án về tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng từ Trung ương đến địa phương (làm cơ sở cho sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, trình Đại hội XI).	Hồ Đức Việt	Tiểu ban sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng (trình Đại hội XI)	Ban Chấp hành Trung ương	Quý I-2010
7	Quy định về chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tiêu chuẩn của người đứng đầu từng cấp, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong công tác cán bộ.	Hồ Đức Việt	Ban Tổ chức Trung ương	Bộ Chính trị	Quý III-2010
8	Đề án tổng thể về chính sách cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể (tiền lương, phụ cấp, nhà ở...).	Trương Tấn Sang	Thành lập Ban Chuẩn bị Đề án	Bộ Chính trị	Quý IV-2010

Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 295-TB/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2009
Về Dự án xuất bản bộ sách
“Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ - văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh”

Trong phiên họp ngày 29-12-2009, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Hội Nhà văn Việt Nam báo cáo về việc tổ chức thực hiện Dự án xuất bản bộ sách “Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ - văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh” (Công văn số 247/2009/CV-HNVN, ngày 18-9-2009) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Đồng ý cho Hội Nhà văn Việt Nam thực hiện Dự án xuất bản bộ sách “Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ - văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh”. Đây là việc làm có ý nghĩa sâu sắc, khẳng định tình cảm của Bác Hồ đối với văn nghệ sĩ, văn nghệ sĩ đối với Bác Hồ; góp phần thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về văn học, nghệ thuật; hưởng ứng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và thiết thực chào mừng kỷ niệm 120 năm Ngày sinh của Bác.

2. Đây là một công trình lớn, mang tính khoa học, tính tư tưởng cao. Hội Nhà văn Việt Nam tiếp thu ý kiến các cơ quan liên quan, hoàn thiện lại Dự án, tổ chức đội ngũ sưu tầm, tuyển chọn, biên soạn kỹ những tác phẩm đưa vào bộ sách, đảm bảo nội dung sách có chất lượng cao, hình thức đẹp, phù hợp với nhu cầu của người đọc hiện nay; chú trọng tổ chức các hoạt động giới thiệu sách cho đông đảo bạn đọc, nhất là trong giới trẻ.

3. Hội Nhà văn xây dựng dự toán kinh phí biên soạn, xuất bản bộ sách; Văn phòng Trung ương Đảng thẩm định, báo cáo Thường trực Ban Bí thư phê duyệt, cấp từ ngân sách của Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 296-TB/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Về việc Tỉnh ủy Tây Ninh xin chủ trương

đúc tượng và rước tượng Bác Hồ;

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị

dựng tượng Bác Hồ trong Khu đô thị

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Trong phiên họp ngày 29-12-2009, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo nội dung Công văn của Tỉnh ủy Tây Ninh về việc xin chủ trương đúc tượng và rước tượng Bác Hồ (Công văn số 830-CV/TU, ngày 4-11-2009), Công văn của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị dựng tượng Bác Hồ trong Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Công văn số 1771/ĐHQG-VP, ngày 22-10-2009) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Trong Công văn số 175-CV/TW, ngày 8-9-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) đã nêu: “Không nhất thiết các tỉnh, thành phố đều xây dựng tượng đài Bác Hồ. Thủ đô Hà Nội đã có Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh đã

có Tượng đài Bác Hồ, việc có hay không nên xây thêm tượng đài Bác Hồ ở hai thành phố cần được tính toán kỹ”, “Tượng đài Bác Hồ đặt trong khuôn viên các cơ quan, đơn vị cũng cần tính toán chặt chẽ. Nói chung, không nên xây dựng nhiều tượng đài Bác Hồ ở ngoài trời”. Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định phê duyệt Quy hoạch tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2010 (số 185/2004/QĐ-TTg, ngày 28-10-2004).

Để đảm bảo tính thống nhất trong toàn quốc, từ nay đến hết năm 2010, các ngành, địa phương, đơn vị không dựng tượng Bác Hồ chưa được nêu trong Quy hoạch tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Đáp ứng nguyện vọng bày tỏ lòng tôn kính của các tầng lớp nhân dân đối với Bác Hồ, các ngành, địa phương, đơn vị hướng dẫn treo ảnh, đặt tượng Bác trong nhà, trong cơ quan, công sở và thực hiện tốt Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; phát động phong trào thi đua lập thành tích thiết thực kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và các ngày lễ lớn của đất nước năm 2010.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 297-TB/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Về đặt tên đường mang tên đồng chí Võ Văn Kiệt

Trong phiên họp ngày 29-12-2009, sau khi nghe đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo nội dung Công văn của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về xin chủ trương đặt tên đường mang tên đồng chí Võ Văn Kiệt tại Thành phố Hồ Chí Minh (Công văn số 578-CV/TU, ngày 29-9-2009) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Đồng ý đặt tên một con đường tại Thành phố Hồ Chí Minh mang tên đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, theo đề nghị của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là việc làm thể hiện lòng kính trọng, ghi nhận đóng góp to lớn của đồng chí Võ Văn Kiệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

2. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các cơ quan của Thành phố thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về việc đặt tên đường.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - NHẬT BẢN VỀ QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC VÌ HÒA BÌNH VÀ PHỒN VINH Ở CHÂU Á

1. Mở đầu

Nhận lời mời của Thủ tướng Nội các Nhật Bản Tarô Asô, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đã thăm chính thức Nhật Bản từ ngày 19 đến ngày 22-4-2009. Trong thời gian thăm, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã hội kiến Nhật Hoàng và hội đàm với Thủ tướng Nội các Tarô Asô, gặp gỡ lãnh đạo các giới chính trị, kinh tế,... Trong cuộc hội đàm với Thủ tướng Nội các Tarô Asô, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã trân trọng nhắc lại lời mời Nhật Hoàng, Hoàng hậu cùng các thành viên Hoàng gia Nhật Bản sang thăm Việt Nam vào dịp thích hợp. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cũng trân trọng mời Thủ tướng Nội các Tarô Asô sang thăm Việt Nam vào thời gian thuận lợi và Thủ tướng Nội các Tarô Asô đã vui vẻ nhận lời mời.

Trong cuộc hội đàm giữa Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Thủ tướng Nội các Tarô Asô ngày 20-4, hai bên đã bày tỏ vui mừng trước sự phát triển tốt đẹp của quan hệ giữa hai nước Việt Nam và Nhật Bản trong những năm gần đây, đồng thời

nhất trí phát triển quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á đã được xây dựng giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản.

Hai bên thống nhất sẽ hợp tác chặt chẽ trong các vấn đề quan hệ song phương, cũng như trong các vấn đề của khu vực châu Á và cộng đồng quốc tế trên cơ sở tin tưởng và lợi ích chung, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phồn vinh ở châu Á.

2. Sự phát triển của quan hệ Việt Nam - Nhật Bản

Hai bên khẳng định lại Tuyên bố chung “Hướng tới đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á” được công bố ngày 19-10-2006, đồng thời hoan nghênh việc thực hiện có kết quả “Chương trình hợp tác hướng tới quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Nhật Bản” được công bố ngày 27-11-2007.

Sau khi hai văn kiện chung này được công bố, quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai nước đã có những tiến triển vượt bậc trên các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa, giao lưu nhân dân,... và ở tất cả các cấp. Những chuyến thăm cấp cao giữa hai nước đã được thực hiện như chuyến thăm Nhật Bản tháng 10-2006 của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, chuyến thăm Việt Nam tháng 11-2006 của Thủ tướng Nội các Sindô Abê, chuyến thăm Nhật Bản tháng 11-2007 của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, chuyến thăm Nhật Bản tháng 3-2008 của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng, chuyến thăm Việt Nam tháng 2-2009 của Hoàng Thái tử Nhật Bản. Năm 2008, hai bên đã tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm 35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản. Tháng 4-2009, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Phúcưôca đã

được thành lập. Trong lĩnh vực kinh tế, mục tiêu đến năm 2010 đạt 15 tỉ USD tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước (nêu trong Tuyên bố chung năm 2006) đã được hoàn thành trước hai năm vào năm 2008 và tháng 12-2008, hai nước đã ký Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA). Các hoạt động giao lưu văn hóa và giao lưu nhân dân đã được mở rộng; hợp tác giữa hai nước trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, du lịch, lao động,... cũng đã được tăng cường.

Phía Việt Nam đánh giá cao và bày tỏ cảm ơn chân thành những hỗ trợ có hiệu quả về viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam; đánh giá cao việc mở rộng đầu tư trực tiếp tư nhân của Nhật Bản ở Việt Nam. Phía Nhật Bản đánh giá cao những giải pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội và kiềm chế lạm phát, duy trì tăng trưởng kinh tế của Việt Nam; bày tỏ tin tưởng Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển và đạt được những thành tựu mới trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát huy vai trò tích cực ở khu vực và trên thế giới.

Hai bên đánh giá cao sự hợp tác của Nhật Bản đối với các nước tiểu vùng Mê Kông, bao gồm các dự án hợp tác phát triển tiểu vùng Mê Kông và Năm giao lưu Nhật Bản - Mê Kông 2009, đã đóng góp to lớn cho sự phát triển của tiểu vùng Mê Kông và góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), đồng thời thúc đẩy hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực.

Hai bên khẳng định sự hợp tác giữa Việt Nam và Nhật Bản đang được mở rộng không chỉ trong quan hệ song phương, mà cả ở khu vực và trên trường quốc tế.

3. Triển vọng của quan hệ Việt Nam - Nhật Bản

Trên tinh thần đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á, hai bên khẳng định cùng quyết tâm phát triển hơn nữa quan hệ giữa hai nước, đi sâu và mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực như sau:

Hai bên khẳng định sẽ tiến hành các chuyến thăm hàng năm ở cấp cao, đồng thời tăng cường hơn nữa việc trao đổi và hợp tác ở cấp Bộ trưởng và quan chức cấp cao giữa các cơ quan liên quan của Chính phủ; thúc đẩy hơn nữa giao lưu giữa Quốc hội, các chính đảng, chính quyền địa phương, nhân dân hai nước.

Hai bên sẽ tổ chức hàng năm các cuộc họp của Ủy ban hợp tác Việt Nam - Nhật Bản; tăng cường các cơ chế đối thoại chính trị cấp Thứ trưởng Ngoại giao; xúc tiến giao lưu quan chức cấp cao và tăng cường trao đổi cấp Cục, Vụ trưởng liên quan đến an ninh - quốc phòng; thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực pháp chế tương xứng với mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nước.

Hai bên tin tưởng Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản có vai trò to lớn đối với sự phát triển quan hệ kinh tế giữa hai nước, đồng thời hợp tác để hiệp định này nhanh chóng có hiệu lực và thực hiện một cách thuận lợi. Thông qua những hoạt động như “Sáng kiến chung Việt - Nhật nhằm cải thiện môi trường kinh doanh với mục tiêu tăng cường năng lực cạnh tranh của Việt Nam”, hai bên xúc tiến hơn nữa đầu

tư vào Việt Nam của các doanh nghiệp Nhật Bản và cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam. Hai bên tiếp tục gia tăng hợp tác trong các lĩnh vực cải thiện cơ sở hạ tầng, năng lượng, công nghiệp chế tạo, công nghiệp phụ trợ, vận tải hàng hóa, công nghệ thông tin - viễn thông, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường,... đồng thời thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực mới, như sử dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình, phát triển vũ trụ, máy bay thân thiện với môi trường.

Phía Nhật Bản đánh giá cao quyết tâm phòng, chống tham nhũng của Việt Nam liên quan viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản. Hai bên sẽ hợp tác chặt chẽ nhằm thực hiện có hiệu quả viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản đối với Việt Nam, thực hiện nghiêm túc mọi biện pháp của Ủy ban hỗn hợp phòng, chống tham nhũng ODA Việt Nam - Nhật Bản. Hai bên sẽ tiếp tục hợp tác nhằm thực hiện các dự án như Đường bộ cao tốc Bắc - Nam, Đường sắt cao tốc Bắc - Nam, Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

Hai bên sẽ coi trọng và thúc đẩy hợp tác văn hóa, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, giao lưu thanh - thiếu niên; đồng thời tôn trọng truyền thống văn hóa của nhau và thúc đẩy hợp tác trong việc bảo vệ các di sản văn hóa.

Phía Việt Nam hoan nghênh những đóng góp của Nhật Bản trong việc đối phó khủng hoảng tài chính thế giới, bày tỏ tin tưởng rằng Nhật Bản sẽ đóng góp tích cực hơn nữa nhằm khắc phục tình trạng trì trệ của kinh tế châu Á và thế giới.

Liên quan các vấn đề của cộng đồng quốc tế, hai bên sẽ hợp tác chặt chẽ hơn nữa trong các tổ chức, diễn đàn quốc tế mà hai nước đều là thành viên như Liên hợp quốc, Tổ chức

Thương mại thế giới (WTO), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Á - Âu (ASEM), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS),... Hai bên cũng hợp tác chặt chẽ trong các mối quan hệ hợp tác giữa Nhật Bản và ASEAN, giữa Nhật Bản và các nước tiểu vùng Mê Kông. Hai bên sẽ hợp tác nhằm củng cố một thể chế thương mại đa phương tự do, công bằng, bình đẳng, hạn chế khuynh hướng bảo hộ mậu dịch, thúc đẩy Vòng đàm phán Đôha, trong khuôn khổ hiện nay, sớm đi tới một thỏa thuận tích cực và hài hòa. Đối với các vấn đề có quy mô toàn cầu như biến đổi môi trường - khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh..., hai bên sẽ thúc đẩy hợp tác trên quan điểm bảo đảm an toàn cho con người. Hai bên sẽ hợp tác để có thể đi tới thỏa thuận về một cơ chế quốc tế công bằng và thiết thực sau năm 2013 về vấn đề biến đổi khí hậu với sự tham gia một cách có trách nhiệm của tất cả các nền kinh tế chủ yếu. Hai bên cũng thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực giải trừ quân bị và không phổ biến các loại vũ khí giết người hàng loạt, bao gồm cả các lĩnh vực liên quan như Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) và Hiệp ước cấm thử hạt nhân toàn diện (CTBT).

Báo *Nhân Dân*, số 19597,
ngày 21-4-2009.

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - LÀO

1. Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh và Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Minh Triết, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào Chummaly Xaynhaxôn đã thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, từ ngày 23 đến ngày 25-4-2009.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn đã có cuộc hội đàm sâu rộng về quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước; Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã chiêu đãi trọng thể chào mừng Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn và Đoàn đại biểu cấp cao Lào; Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn đã hội kiến Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng; thăm nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười, nguyên Chủ tịch nước Lê Đức Anh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Các cuộc Hội đàm, Hội kiến đã diễn ra trong bầu không khí thăm tình hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, tin cậy lẫn nhau và nhất trí tất cả các vấn đề nêu ra.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn đã vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh; đặt vòng hoa viếng Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ; thăm và nói chuyện với cán bộ, sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội; tiếp lãnh đạo Hội hữu nghị Việt Nam - Lào và Ban Liên lạc cựu quân tình nguyện Việt Nam tại Lào đến chào; và thăm Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn đã chứng kiến Lễ ký các văn bản hợp tác giữa hai nước gồm: Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới; Biên bản ghi nhớ về hợp tác trong việc áp dụng các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật giữa hai nước; Biên bản ghi nhớ về tăng cường hợp tác hàng không dân dụng; Hợp đồng thăm dò khoáng sản muối tại tỉnh Xavannakhét của Lào.

Tại các nơi đến thăm, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn và Đoàn đại biểu cấp cao Lào đã được lãnh đạo và nhân dân Việt Nam đón tiếp hết sức trọng thị và nồng nhiệt, tràn đầy tình hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai nước anh em Việt Nam - Lào.

2. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá cao chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn; bày tỏ vui mừng và đánh giá cao những thành tựu to lớn, toàn diện có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân Lào đã giành được trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, nhất là những thành tựu sau 20 năm đổi mới; bày tỏ tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, nhân dân Lào anh em sẽ giành được nhiều thành tựu mới to lớn hơn nữa trong sự

nghiệp đổi mới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, xây dựng thành công nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào ở khu vực và trên thế giới. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào anh em về sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình, chí nghĩa, to lớn, quý báu và có hiệu quả dành cho nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn bày tỏ vui mừng và đánh giá cao những thành tựu to lớn, toàn diện có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân Việt Nam anh em đã giành được trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong hơn 20 năm đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; bày tỏ tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam anh em sẽ giành được những thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở khu vực và trên thế giới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn bày tỏ cảm ơn sâu sắc đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam anh em về sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình, chí nghĩa, to lớn, quý báu và có hiệu quả dành cho nhân dân Lào trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

4. Hai bên hết sức phấn khởi và tự hào sâu sắc về mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và thủy chung, trong

sáng giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào đang không ngừng được củng cố và phát triển; đặc biệt trong năm 2008, quan hệ hai nước đã có bước phát triển mới, sự tin cậy, gắn bó ngày càng thêm sâu sắc và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực: quan hệ chính trị, an ninh, quốc phòng, đối ngoại được tăng cường; hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật có nhiều chuyển biến tích cực, kim ngạch thương mại hai chiều tăng nhanh, đầu tư trực tiếp của Việt Nam vào Lào đạt mức cao nhất từ trước tới nay; hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có nhiều tiến bộ; quan hệ hợp tác giữa các địa phương phát triển sâu rộng hơn. Hai bên một lần nữa khẳng định quyết tâm mãi mãi giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp đó, coi đây là tài sản vô giá của hai dân tộc truyền tiếp cho các thế hệ mai sau, là quy luật phát triển, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước. Hai bên nhất trí đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trên cơ sở các nguyên tắc nêu trong Tuyên bố chung Việt Nam - Lào tháng 6-2006 và tháng 10-2006; nhất trí cho rằng trong bối cảnh mới của tình hình thế giới, việc tiếp tục mở rộng hợp tác, phát triển bền vững mối quan hệ Việt Nam - Lào càng có ý nghĩa chiến lược, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân mỗi nước, góp phần củng cố hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

5. Hai bên hoàn toàn nhất trí về những phương hướng và biện pháp quan trọng, nhằm củng cố sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trên các lĩnh vực:

Tăng cường quan hệ chính trị, duy trì các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc cấp cao hai Đảng, hai nước; tăng cường trao đổi lý

luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới và công tác xây dựng Đảng; thúc đẩy các hoạt động giao lưu hữu nghị, hợp tác giữa các bộ, ngành, các đoàn thể quần chúng và các địa phương hai nước; trao đổi các đội thanh niên tình nguyện hoạt động thiết thực theo yêu cầu của mỗi nước; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong nhân dân và thế hệ trẻ hai nước về truyền thống quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào; tiếp tục phối hợp đẩy nhanh việc nghiên cứu, biên soạn công trình Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Việt Nam hoan nghênh và cảm ơn phía Lào quyết định xây dựng Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thủ đô Viêng Chăn và một số địa phương của Lào.

Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng; giữ gìn trật tự an toàn xã hội; phòng, chống các loại tội phạm và buôn lậu ma túy qua biên giới; tiếp tục hợp tác tìm kiếm, cất bốc và hồi hương hài cốt quân tình nguyện Việt Nam hy sinh tại Lào; tiếp tục xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Lào thành tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển toàn diện, bền vững lâu dài; phối hợp đẩy nhanh tiến độ dự án tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới như đã thỏa thuận.

Hai bên trao đổi các nội dung và định hướng quan trọng phối hợp xây dựng Chiến lược hợp tác Việt Nam - Lào giai đoạn 2011 - 2020; khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của hai nước hợp tác đầu tư trên các lĩnh vực thương mại, giao thông vận tải, năng lượng, khai khoáng, thăm dò dầu khí, bưu chính viễn thông, du lịch, nuôi trồng và chế biến cây công nghiệp và các lĩnh vực quan trọng khác của nền kinh tế quốc dân mà hai bên có nhu cầu, theo

hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, góp phần đào tạo cán bộ kỹ thuật và xóa nghèo tại các dự án hợp tác; thúc đẩy hình thành các khu kinh tế cửa khẩu, đẩy mạnh nối mạng cơ sở hạ tầng về giao thông, bưu chính viễn thông, năng lượng, dịch vụ, du lịch giữa hai nước, phấn đấu tăng nhanh kim ngạch thương mại hai chiều đạt 1 tỉ USD vào năm 2010, phấn đấu nâng đầu tư của Việt Nam vào Lào đạt 2 tỉ USD vào năm 2010; tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ, ngành, doanh nghiệp nhất là các địa phương của hai nước hợp tác đầu tư, phát triển thương mại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, xóa đói giảm nghèo. Việt Nam tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hàng hóa của Lào quá cảnh qua cảng biển Việt Nam.

Hai bên đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng tăng thêm số lượng, mở rộng thành phần, nâng cao chất lượng và điều kiện sinh hoạt; tiếp tục giảng dạy tiếng Việt Nam và tiếng Lào tại một số cơ sở đào tạo của hai nước; nhất trí trao đổi chuyên gia giới thiệu các chuyên đề mà mỗi bên quan tâm, trước mắt là trao đổi những kinh nghiệm ứng phó với biến động của tình hình kinh tế quốc tế.

Hai bên đẩy mạnh chương trình hợp tác, trao đổi kinh nghiệm trên các lĩnh vực nông - lâm nghiệp, thủy sản, khí tượng thủy văn, bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và y tế; tăng cường giao lưu hợp tác về văn hóa nghệ thuật, thông tin báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình; tổ chức tuần văn hóa Việt Nam tại Lào và tuần văn hóa Lào tại Việt Nam.

6. Hai bên bày tỏ hài lòng về những thành tựu trong hoạt động đối ngoại của hai nước; nhất trí tiếp tục tăng cường trao

đổi thông tin và phối hợp trong các vấn đề quốc tế và khu vực, cũng như trong các hoạt động tại các tổ chức và diễn đàn đa phương như ASEAN, ASEAN+3, AIPA, ACMECS, Liên hợp quốc, Tổ chức Pháp ngữ, Phong trào Không liên kết, Tiểu vùng sông Mê Kông, Hành lang kinh tế Đông - Tây, Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Việt Nam tích cực ủng hộ, chia sẻ kinh nghiệm để Lào tổ chức thành công SEA Games 25, cũng như kinh nghiệm hội nhập kinh tế quốc tế để Lào tham khảo.

7. Hai bên bày tỏ vui mừng phấn khởi và đánh giá cao kết quả tốt đẹp và ý nghĩa sâu sắc của chuyến thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào Chummaly Xaynhaxôn, góp phần quan trọng đưa quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt, và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào lên tầm cao mới, ngày càng phát triển vững, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

8. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào Chummaly Xaynhaxôn chân thành cảm ơn Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã dành cho Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và Đoàn đại biểu cấp cao Lào sự đón tiếp đặc biệt trọng thị và tấm tình đồng chí, anh em sâu sắc, thể hiện sinh động mối quan hệ gắn bó keo sơn giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn trân trọng mời Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết sang thăm hữu nghị chính thức nước

Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết chân thành cảm ơn và nhận lời mời, thời gian cụ thể sẽ được thu xếp qua đường ngoại giao.

Báo *Nhân Dân*, số 19602,
ngày 26-4-2009.

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - NIU DILÂN

1. Nhận lời mời của Thủ tướng Niu Dilân Giôn Ki, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đã thăm chính thức Niu Dilân từ ngày 9 đến ngày 12-9-2009.

2. Lễ đón chính thức Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã diễn ra tại Nhà Quốc hội Niu Dilân ở Thủ đô Oenlinhton ngày 10-9-2009. Trong thời gian ở thăm, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã hội đàm và tham dự tiệc chiêu đãi trọng thể của Thủ tướng Giôn Ki. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cũng đã hội kiến với Toàn quyền Anan Xatianan; tiếp Chủ tịch Quốc hội Lócút Xmít, đại diện Hội hữu nghị Niu Dilân - Việt Nam; gặp gỡ và nói chuyện thân mật với cán bộ, nhân viên Đại sứ quán Việt Nam và đại biểu cộng đồng người Việt và sinh viên Việt Nam tại Niu Dilân. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cũng đã thăm Viện nghiên cứu cây trồng và thực phẩm tại thành phố Oóclân.

3. Tại các cuộc hội đàm và tiếp xúc, lãnh đạo hai bên thừa nhận sự phát triển tích cực của mỗi nước và hy vọng cả hai nước sẽ nhanh chóng vượt qua những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính hiện nay nhằm duy trì ổn định và tiếp tục phát triển. Lãnh đạo hai bên hoan

ngênh vai trò tích cực của mỗi nước ở khu vực và trên trường quốc tế.

4. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Thủ tướng Giôn Ki đã có cuộc hội đàm chân thành, cởi mở về quan hệ hợp tác song phương cũng như các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm. Hai bên hoan nghênh những bước phát triển tốt đẹp trong quan hệ song phương và hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và Niu Dilân kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ cách đây gần 35 năm (16-6-1975). Hai bên nhất trí thiết lập quan hệ đối tác toàn diện Việt Nam - Niu Dilân, phản ánh lợi ích của hai nước trong việc tiếp tục mở rộng và làm sâu sắc hơn mối quan hệ song phương và qua đó cùng nhau phối hợp để đạt được hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển và phồn vinh ở khu vực và trên thế giới.

5. Trên tinh thần đó, hai bên nhất trí tiếp tục tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển, giáo dục, đào tạo, du lịch, văn hóa, lao động, hải quan, cảnh sát, an ninh và quốc phòng. Hai bên cũng nhất trí mở rộng tiềm năng hợp tác trên các lĩnh vực khác như khoa học - công nghệ, nông nghiệp, môi trường và các lĩnh vực khác mà hai bên cùng quan tâm. Hai bên đánh giá cao kết quả của các cơ chế hợp tác giữa hai nước như Ủy ban Hỗn hợp Kinh tế - Thương mại, Tham khảo Chính trị giữa hai Bộ Ngoại giao, Hội đàm song phương về Quốc phòng và Đối thoại song phương kênh II.

6. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đánh giá cao sự hợp tác và giúp đỡ đầy hiệu quả của Chính phủ Niu Dilân dành cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và đời sống nông

thôn. Thủ tướng Giôn Ki khẳng định, Niu Dilân có kế hoạch tiếp tục chương trình viện trợ phát triển cho Việt Nam trong những năm tới.

7. Hai bên nhất trí thúc đẩy việc ký kết các văn bản hợp tác trên các lĩnh vực khoa học - công nghệ, hải quan, cảnh sát và đẩy nhanh thảo luận khả năng về Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

8. Hai bên bày tỏ hài lòng về việc ký kết Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Ôxtrâyliã - Niu Dilân (AANZFTA). Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đánh giá cao việc Niu Dilân công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam, thỏa thuận sẽ tiếp nhận 100 đầu bếp, 100 kỹ sư có chuyên môn cao của Việt Nam và đàm phán về chương trình làm việc trong kỳ nghỉ theo đó mỗi nước sẽ tiếp nhận 100 lao động từ nước kia. Hai bên cũng thỏa thuận sẽ sớm hoàn tất các thủ tục liên quan để triển khai những thỏa thuận này. Hai bên chia sẻ mối quan tâm trong việc thúc đẩy tự do hóa thương mại thông qua một khuôn khổ thương mại đa phương, chống chủ nghĩa bảo hộ và hoàn tất Vòng đàm phán Đôha. Thủ tướng Giôn Ki ghi nhận, do Việt Nam là thành viên mới gia nhập gần đây nên Việt Nam không cần thực hiện đầy đủ tất cả các cam kết của một quốc gia đang phát triển trong Vòng đàm phán Đôha.

9. Hai bên đánh giá cao quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa hai nước tại các diễn đàn khu vực như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) và Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS). Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khẳng định, Việt Nam sẽ tiếp tục hỗ trợ và thúc đẩy hợp tác giữa Niu Dilân và ASEAN. Theo đó,

Việt Nam hoan nghênh mối quan tâm của Niu Dilân trong việc tham gia Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) của Niu Dilân và sẽ xem xét nghiêm túc nguyện vọng này. Hai bên hoan nghênh khuyến nghị của Bộ trưởng Kinh tế các nước Đông Á về việc lãnh đạo các nước này sẽ thảo luận và cân nhắc việc nâng cấp Quan hệ Đối tác Kinh tế Toàn diện Đông Á (CEPEA) lên Kênh I tại cuộc gặp cấp cao vào tháng 10-2009. Thủ tướng Giôn Ki nhắc lại sự ủng hộ của Niu Dilân đối với việc Việt Nam tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) với tư cách thành viên liên kết. Thủ tướng cũng tái khẳng định Niu Dilân mong muốn hợp tác với Việt Nam trong khuôn khổ TPP.

10. Hai nhà lãnh đạo khẳng định sẽ tiếp tục hợp tác tại các tổ chức quốc tế như Tổ chức Thương mại thế giới, nhằm thúc đẩy thương mại tự do toàn cầu và tại Liên hợp quốc, nhằm thúc đẩy nền hòa bình toàn cầu, an ninh và phát triển. Niu Dilân thừa nhận sự đóng góp tích cực của Việt Nam tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc với tư cách là Ủy viên không thường trực nhiệm kỳ 2008 - 2009. Việt Nam tích cực ghi nhận đề nghị của Niu Dilân về việc ứng cử vào vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2015 - 2016.

11. Hai bên bày tỏ tin tưởng rằng những kết quả tích cực trong chuyến thăm chính thức Niu Dilân của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và việc hai nước nhất trí thiết lập quan hệ đối tác toàn diện sẽ mở ra một giai đoạn phát triển mới trong quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Niu Dilân.

12. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bày tỏ cảm ơn Chính phủ và nhân dân Niu Dilân về sự đón tiếp nồng hậu dành cho Tổng Bí thư và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã trân trọng mời Toàn quyền Anan Xatianan và Thủ tướng Giôn Ki sang thăm chính thức Việt Nam vào thời gian thuận tiện. Toàn quyền và Thủ tướng Niu Dilân đã vui vẻ nhận lời. Thời gian cụ thể cho các chuyến thăm sẽ được thu xếp qua kênh ngoại giao.

Báo *Nhân Dân*, số 19740,
ngày 13-9-2009.

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - ÔXTRÂYLIA

1. Nhận lời mời của Thủ tướng Ôxtrâylia Kevin Rudd, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đã thăm chính thức Ôxtrâylia từ ngày 6 đến ngày 9-9-2009.

Lễ đón Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh được tổ chức tại Canbơơ ngày 6-9-2009. Trong thời gian chuyến thăm, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã hội đàm với Thủ tướng Kevin Rudd và các Bộ trưởng Nội các khác và tham dự tiệc chiêu đãi trọng thể của Thủ tướng Kevin Rudd. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cũng đã hội kiến với Toàn quyền Quintin Braixơ, Chủ tịch Thượng viện Giôn Hóc, Chủ tịch Hạ viện Heri Gienkin, Lãnh tụ đối lập Mancôm Thơnbơ, Thủ hiến Bang Niu Xaouên Nathan Ri và Thống đốc Bang Niu Xaouên Mari Basơ; tiếp đại diện Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Ôxtrâylia và Quỹ Học mãi; tiếp và trao đổi thân mật với các cán bộ Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Việt Nam, đại biểu cộng đồng người Việt và sinh viên Việt Nam tại Ôxtrâylia.

2. Tổng Bí thư và Thủ tướng đã có cuộc hội đàm chân thành, cởi mở về tất cả các khía cạnh của mối quan hệ song phương, cũng như các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan

tâm. Hai nhà lãnh đạo tái xác nhận tầm quan trọng của mối quan hệ song phương và sự hợp tác rộng rãi giữa Việt Nam và Ôxtrâylia trên các vấn đề toàn cầu và khu vực. Hai bên nhất trí thiết lập Quan hệ đối tác toàn diện Việt Nam - Ôxtrâylia. Quan hệ đối tác này tạo ra khuôn khổ rõ ràng nhằm tăng cường mối quan hệ song phương thông qua: Xây dựng mối quan hệ hợp tác nhiều mặt; sự hỗ trợ phát triển hiện nay; hợp tác kỹ thuật trong phòng, chống nạn buôn người và chống khủng bố. Tổng Bí thư và Thủ tướng nhất trí quan chức hai nước sẽ trao đổi và xây dựng một kế hoạch hành động nhằm thúc đẩy những mối quan tâm này.

3. Thủ tướng Kevin Rudd chúc mừng Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh về những thành tựu quan trọng của Việt Nam trong đổi mới kinh tế và hoan nghênh những sáng kiến nhằm tiếp tục phát triển của Việt Nam. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh hoan nghênh vai trò của Ôxtrâylia là một trong những nhà tài trợ và đối tác lâu dài đối với sự phát triển của Việt Nam. Hai bên ghi nhận Ôxtrâylia là một trong số mười nhà tài trợ hàng đầu của Việt Nam với sự hỗ trợ phát triển khoảng 106 triệu đôla Ôxtrâylia trong năm 2009 - 2010. Thủ tướng nhắc lại cam kết của Ôxtrâylia trong việc hỗ trợ giai đoạn thiết kế và sẽ xem xét tích cực về cầu Cao Lãnh tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở kết quả nghiên cứu khả thi mà Ngân hàng Phát triển châu Á đang tiến hành.

4. Hai bên ghi nhận sự đóng góp quan trọng của lĩnh vực giáo dục trong mối quan hệ song phương, kể cả việc xây dựng các mối quan hệ gần gũi giữa nhân dân hai nước. Hai nhà lãnh đạo cũng ghi nhận sự hỗ trợ của Chính phủ Ôxtrâylia dành cho Việt Nam trong đào tạo, trao đổi kinh nghiệm về

cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng. Thủ tướng ghi nhận Ôxtrâylia là điểm đến hàng đầu của sinh viên Việt Nam, với hơn 20 nghìn sinh viên Việt Nam đăng ký vào các khóa học tại Ôxtrâylia. Các cơ sở giáo dục của Ôxtrâylia cũng đã đạt những thành công lớn ở Việt Nam với hơn 14 nghìn sinh viên đang theo học các chứng chỉ của Ôxtrâylia tại Việt Nam.

5. Tổng Bí thư và Thủ tướng thừa nhận sự năng động của mối quan hệ thương mại và đầu tư song phương giữa Ôxtrâylia và Việt Nam, ghi nhận đây là mối quan hệ thương mại tăng trưởng nhanh nhất của Ôxtrâylia trong ASEAN. Hai nhà lãnh đạo nhất trí nên kinh tế Việt Nam đem lại những cơ hội rất thuận lợi cho các doanh nghiệp Ôxtrâylia và cam kết tiếp tục hợp tác nhằm phát triển những cơ hội đó.

6. Hai nhà lãnh đạo đã thảo luận về tác động của cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế toàn cầu và phản ứng của quốc tế đối với cuộc khủng hoảng. Nhiều thể chế toàn cầu và khu vực như Liên hợp quốc, G20, APEC và ASEAN đã đóng vai trò quan trọng trong việc hợp tác quốc tế ở mức độ chưa từng có nhằm ổn định nền kinh tế toàn cầu và khôi phục lòng tin. Thủ tướng hoan nghênh những nỗ lực và thành công quan trọng của Việt Nam trong việc khắc phục tác động của khủng hoảng và đạt mục tiêu tăng trưởng khoảng 5% trong năm 2009. Tổng Bí thư chúc mừng Ôxtrâylia về thành tích kinh tế đầy ấn tượng trong khối các nước OECD.

7. Tổng Bí thư và Thủ tướng nhất trí về tầm quan trọng của việc tiếp tục tăng trưởng thương mại và sự cần thiết để Vòng đàm phán thương mại Đoha có được kết quả cân bằng và tích cực nhất có thể. Thủ tướng hoan nghênh việc Việt Nam

sớm phê chuẩn Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Ôxtrâylia - Niu Dilân, nền tảng quan trọng cho việc tăng trưởng hơn nữa thương mại và đầu tư song phương. Thủ tướng cũng hoan nghênh việc Việt Nam tham gia đàm phán để gia nhập Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) và mong muốn hợp tác một cách xây dựng với Việt Nam trong quá trình đàm phán này.

8. Hai bên nhất trí sẽ đàm phán về hiệp định hợp tác nghiên cứu khoa học, nhằm tăng cường hợp tác nghiên cứu giữa các nhà khoa học Ôxtrâylia và Việt Nam, trên cơ sở sự hợp tác sẵn có trong nghiên cứu về y tế và nông nghiệp.

9. Nhắc lại thỏa thuận giữa Thủ tướng Kevin Rudd và Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhằm làm sâu sắc hơn những cam kết mang tính chiến lược, hai bên hoan nghênh cuộc đối thoại an ninh khu vực cấp chuyên viên cao cấp tại Hà Nội ngày 20 và 21-8-2009. Hai nhà lãnh đạo cũng đánh giá cao hiệu quả của các cơ chế đối thoại hợp tác khác giữa hai nước, trong đó có đối thoại nhân quyền Ôxtrâylia - Việt Nam.

10. Tổng Bí thư và Thủ tướng hoan nghênh sự hợp tác thực tiễn ngày càng tăng giữa các cơ quan Chính phủ Ôxtrâylia và Việt Nam, đặc biệt là về bảo đảm an ninh biên giới và chống tội phạm xuyên quốc gia. Hai nhà lãnh đạo hoan nghênh việc ký kết Bản ghi nhớ về trao đổi thông tin nhập cư đầu năm nay và mong chờ việc ký kết thỏa thuận thành lập Trung tâm chống tội phạm xuyên quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh vào cuối năm 2009.

11. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Thủ tướng Kevin Rudd bày tỏ hài lòng về quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa Ôxtrâylia và Việt Nam trong khu vực châu Á - Thái Bình

Dương và các vấn đề toàn cầu. Thủ tướng hoan nghênh việc Việt Nam đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN và chủ trì Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS) năm 2010 và mong muốn hợp tác chặt chẽ với Việt Nam trong giai đoạn này. Hai bên đánh giá cao và nhất trí tiếp tục đẩy mạnh hợp tác giữa hai nước tại các diễn đàn khu vực và quốc tế như ARF, EAS, APEC, WTO, Liên hợp quốc. Tổng Bí thư khẳng định, Việt Nam sẽ tiếp tục hỗ trợ và thúc đẩy hợp tác giữa Ôxtrâylia và ASEAN. Việt Nam ghi nhận và ủng hộ tiếp tục trao đổi sáng kiến của Ôxtrâylia về Cộng đồng châu Á - Thái Bình Dương và sẽ tích cực xem xét việc ứng cử của Ôxtrâylia vào vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2013 - 2014.

12. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cảm ơn Chính phủ và nhân dân Ôxtrâylia về sự đón tiếp nồng hậu dành cho Tổng Bí thư và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã trân trọng mời Thủ tướng Kevin Rudd sớm sang thăm chính thức Việt Nam vào thời gian thuận tiện. Thủ tướng đã vui vẻ nhận lời.

Báo *Nhân Dân*, số 19737,
ngày 10-9-2009.

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - CAMPUCHIA

1. Nhận lời mời của Quốc vương Campuchia Nôrôđôm Xihamuni, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đã thăm hữu nghị chính thức Vương quốc Campuchia, từ ngày 17 đến ngày 19-12-2009.

Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni và các nhà lãnh đạo cấp cao Campuchia đã nồng nhiệt chào đón Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam, thể hiện mối quan hệ hữu nghị và hợp tác tốt đẹp giữa hai nước.

Trong cuộc hội đàm, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni đã trao đổi ý kiến sâu rộng về mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị và hợp tác truyền thống giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia. Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni đã mở Quốc yến chào mừng Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cũng đã có các cuộc hội kiến với Xămđéc Chia Xim, Chủ tịch Đảng Nhân dân Campuchia (CPP), Chủ tịch Thượng viện; Xămđéc Hêng Xomrin, Chủ tịch danh dự CPP, Chủ tịch Quốc hội; Xămđéc Hun Xen, Phó Chủ tịch CPP, Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Campuchia;

thăm Đại tăng thống dòng Môhanicai Tếp Vông và Đại tăng thống dòng Thommayútnicai Xămđéc Bucri của Vương quốc Campuchia.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Thủ tướng Hun Xen đã chứng kiến lễ ký kết các hiệp định hợp tác kinh tế song phương trong lĩnh vực điện, công nghiệp, tài nguyên khoáng sản và vận tải đường thủy.

Các cuộc hội đàm, hội kiến đã diễn ra trong bầu không khí thân mật, thắm tình hữu nghị truyền thống, đoàn kết, trên tinh thần hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.

Trong chuyến thăm, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã đến đặt vòng hoa tại Đài Độc lập và Đài kỷ niệm Hữu nghị Việt Nam - Campuchia; thăm một số trung tâm kinh tế và văn hóa ở Thủ đô Phnôm Pênh và tỉnh Prêch Xihanúc; thăm Đại sứ quán Việt Nam và nói chuyện thân mật với cộng đồng người Việt Nam ở Campuchia.

2. Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni và các nhà lãnh đạo Campuchia đánh giá cao ý nghĩa to lớn chuyến thăm hữu nghị chính thức của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Vương quốc Campuchia và nhiệt liệt chúc mừng những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, không ngừng nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới. Các nhà lãnh đạo Campuchia tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam sẽ tiếp tục giành được nhiều thành tựu mới to lớn hơn nữa, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni và các nhà lãnh đạo Campuchia bày tỏ sự biết ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ và nhân dân Việt Nam dành cho nhân dân Campuchia trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thoát khỏi chế độ diệt chủng, khôi phục và phát triển đất nước.

3. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá cao những thành tựu to lớn mà nhân dân Campuchia đạt được trong thực hiện Chính sách Tứ giác Chiến lược, đưa đến sự phát triển cao về kinh tế và tiến bộ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bày tỏ tin tưởng rằng, dưới sự trị vì anh minh của Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni và sự lãnh đạo sáng suốt của Thượng viện, Quốc hội và Chính phủ Campuchia, nhân dân Campuchia sẽ tiếp tục giành được những thành tựu to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng Campuchia thành một nước độc lập, trung lập và thịnh vượng.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bày tỏ cảm ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu mà Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni, Thái Thượng Hoàng Nôrôđôm Xihanúc, Hoàng Thái Hậu Nôrôđôm Muniniết Xihanúc, Hoàng tộc, Thượng viện, Quốc hội, Chính phủ Hoàng gia và nhân dân Campuchia dành cho nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước trước đây, cũng như trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chân thành chúc Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni, Thái Thượng Hoàng Nôrôđôm Xihanúc, Hoàng Thái hậu Nôrôđôm Muniniết Xihanúc, những người bạn thân thiết của nhân

dân Việt Nam, dồi dào sức khỏe, trường thọ và hạnh phúc, tiếp tục góp phần tích cực vào sự thịnh vượng của Vương quốc Campuchia và tình hữu nghị mãi mãi giữa hai nước Việt Nam - Campuchia.

4. Hai bên bày tỏ hài lòng về sự phát triển tốt đẹp trong quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia và một lần nữa khẳng định tiếp tục củng cố và phát triển mối quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc đã được nêu trong các Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia năm 1999 và năm 2005, đó là: Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; không cho phép bất cứ lực lượng chính trị và quân sự nào sử dụng lãnh thổ của nước mình chống lại nước kia; hợp tác bình đẳng cùng có lợi; giải quyết mọi vấn đề nảy sinh giữa hai nước thông qua thương lượng hòa bình, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á, trên tinh thần hướng tới Cộng đồng ASEAN.

5. Hai bên nhất trí tăng cường các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc cấp cao nhằm tăng cường sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau; thúc đẩy và tạo các điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng sự hợp tác năng động giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, các tổ chức nhân dân và chính quyền địa phương, nhất là các địa phương có chung biên giới của hai nước, thúc đẩy quan hệ hữu nghị, đoàn kết giữa nhân dân hai nước, đặc biệt là thế hệ trẻ, và tăng cường sự hiểu biết về mối quan hệ truyền thống hữu nghị và đoàn kết giữa Việt Nam và Campuchia.

6. Hai bên khẳng định tầm quan trọng của hợp tác kinh tế giữa hai nước và đánh giá cao kết quả tích cực của Kỳ họp lần thứ XI Ủy ban Hỗn hợp về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Campuchia ngày 4-12-2009 tại tỉnh Prêch Xihanúc. Hai bên hoan nghênh việc Chính phủ hai nước ký kết các hiệp định hợp tác trong các lĩnh vực: Thành lập Công ty Hàng không Cambodia Angkor Air, đầu tư trồng cây cao su; nối mạng cung cấp điện từ biên giới Việt Nam đến Phnôm Pênh; khảo sát Dự án phát triển thủy điện ở Campuchia; xây dựng quốc lộ 78 từ Banlung đến Ô Yadao; khảo sát, thăm dò dầu khí và các lĩnh vực khác mà hai bên cùng quan tâm.

7. Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác phòng, chống các loại tội phạm qua biên giới, nhập cư bất hợp pháp; khẳng định lại chính sách không cho phép bất cứ lực lượng thù địch nào sử dụng lãnh thổ của nước mình để đe dọa an ninh của nước kia; tiếp tục phối hợp tìm kiếm, cất bốc và hồi hương hài cốt quân tình nguyện Việt Nam hy sinh tại Campuchia.

8. Hai bên khẳng định quyết tâm hoàn thành công tác phân giới cắm mốc biên giới trên bộ trước cuối năm 2012 nhằm xây dựng đường biên giới hai nước thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững; khẳng định sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ trong việc nâng cao nhận thức của nhân dân sống ở các khu vực biên giới về các thỏa thuận, quy chế có liên quan đến biên giới giữa hai nước.

Hai bên nhất trí giao nhiệm vụ cho Ủy ban Biên giới hai nước gặp gỡ và khởi động đàm phán phân định đường biên giới trên biển.

Trong khi chờ hoàn tất việc phân định đường biên giới trên biển, hai bên nhất trí mở rộng hợp tác tuần tra chung để duy trì sự ổn định trên vùng biển giữa hai nước.

9. Hai bên tiếp tục tạo các điều kiện thuận lợi và dành sự đối xử bình đẳng cho kiều dân của nhau như đối với ngoại kiều khác ở mỗi nước. Phía Việt Nam đánh giá cao sự hợp tác của Chính phủ Campuchia trong việc bảo đảm sự tôn trọng các quyền hợp pháp của người Việt Nam sinh sống và làm ăn bình thường như những ngoại kiều khác ở Campuchia.

10. Hai bên nhất trí tăng cường sự hợp tác chặt chẽ giữa ba nước Việt Nam - Campuchia - Lào và với các nước khác trong việc xây dựng khu vực Tam giác Phát triển giữa ba nước thành khu vực hòa bình, an ninh và thịnh vượng; nhất trí tăng cường hợp tác với nhau và với các đối tác khác trong khuôn khổ hợp tác phát triển Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GSM), nhất là việc bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý nguồn nước sông Mê Công; tiếp tục tham gia cùng các nước trong khu vực xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, hợp tác và phát triển thịnh vượng; tăng cường phối hợp hoạt động tại các diễn đàn quốc tế và khu vực khác.

11. Hai bên bày tỏ hài lòng và đánh giá cao kết quả tốt đẹp chuyến thăm hữu nghị chính thức của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Vương quốc Campuchia, và coi đây là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ đoàn kết, hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện Việt Nam - Campuchia.

12. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chân thành cảm ơn Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni, các nhà lãnh đạo và nhân dân Campuchia đã dành cho Tổng Bí thư và Đoàn đại biểu

cấp cao Việt Nam sự đón tiếp nồng hậu, thăm tình hữu nghị anh em.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã trân trọng mời Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni, Thái Thượng Hoàng Nôrôđôm Xihanúc, Hoàng Thái hậu Nôrôđôm Muniniết Xihanúc và các nhà lãnh đạo Campuchia sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam vào thời điểm thích hợp. Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni và các nhà lãnh đạo Campuchia đã chân thành cảm ơn và vui vẻ nhận lời mời.

Báo *Nhân Dân*, số 19838,
ngày 20-12-2009.

DIỄN VĂN
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
Tại Lễ kỷ niệm 64 năm Cách mạng Tháng Tám,
Quốc khánh 2-9 và 40 năm thực hiện Di chúc
của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Thưa toàn thể đồng bào và đồng chí,
Thưa các vị khách quý,

Năm nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tổ chức trọng thể kỷ niệm lần thứ 64 Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2-9 và 40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là những sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước ta.

Mùa thu năm 1945, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đã nhất tề đứng lên tiến hành thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến, giải phóng nhân dân khỏi kiếp lầm than, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên phát triển mới của đất nước và dân tộc ta.

Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam đi vào lịch sử dân tộc ta như một trang chói lọi, là thắng lợi của khát vọng tự do, độc lập, của tinh thần tự chủ, sáng tạo, của sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động giữa Đảng với nhân dân.

Tổng kết những thành quả đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, Đảng ta khẳng định: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945, mặc dù cách mạng có lúc bị chìm trong máu lửa. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xóa bỏ, một kỷ nguyên mới mở ra, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi rực rỡ của cách mạng Việt Nam chứng minh hùng hồn những bài học mang tầm chân lý mà Đảng ta đã nêu lên:

Một là, trong thời đại ngày nay, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc là nền tảng để đi lên chủ nghĩa xã hội và chỉ có chủ nghĩa xã hội mới củng cố vững chắc và phát huy thành quả của độc lập dân tộc, đưa đất nước tiến lên giàu mạnh, nhân dân ấm no, hạnh phúc.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử.

Ba là, không ngừng củng cố và tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Bốn là, thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay là kết quả của sự kết hợp đúng đắn sức mạnh của dân tộc đã được lịch sử đấu tranh quật cường hàng nghìn năm hun đúc nên với sức mạnh của thời đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng nước ta.

Thành quả vĩ đại và những bài học lịch sử vô giá của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trở thành hành trang, thành động lực thúc đẩy toàn dân và toàn quân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiến hành các cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ trong suốt 30 năm, đánh thắng các thế lực thực dân, đế quốc xâm lược; thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là hành trang và động lực cổ vũ nhân dân ta tiếp tục giành những thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Thưa đồng bào, đồng chí và các bạn,

Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người của những quyết định lịch sử. Những quyết định của Người đã tạo nên những thay đổi có tính chất bước ngoặt của cách mạng Việt Nam.

Từ lúc ra đi tìm đường cứu nước (năm 1911) cho đến lúc về cõi vĩnh hằng (năm 1969), suốt sáu thập niên hoạt động không ngừng nghỉ, một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc và nhân dân, Người đã để lại cho dân tộc ta một sự nghiệp vĩ đại và một di sản tinh thần vô giá. Thực tiễn cách mạng từ lúc Đảng ta ra đời đến nay đã khẳng định: Cùng với chủ nghĩa

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi.

Hai mươi bốn năm sau ngày đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào cõi vĩnh hằng và để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta một bản *Di chúc* thiêng liêng, bất hủ.

Di chúc là bản tổng kết thực tiễn kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng và phương hướng phát triển của dân tộc, đồng thời thể hiện cô đọng nhân cách của vị lãnh tụ, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh. *Di chúc* kết tinh những giá trị lịch sử, văn hóa, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó mỗi chữ, mỗi câu, mỗi đoạn văn được viết ra đều là kết quả của sự suy ngẫm, chất lọc sâu sắc tư tưởng, tình cảm và trí tuệ của Người, là một chương trình hành động trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng lại đất nước sau khi nước nhà thống nhất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”¹⁾. Người tin tưởng rằng đến ngày chiến thắng, dân tộc ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

Thấu hiểu những gian khổ của nhân dân ta trong cách mạng và kháng chiến, Người căn dặn Đảng phải có kế hoạch

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.618 (B.T).

thật tốt để phát triển kinh tế, văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

Người đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Người nói: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình*... Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹⁾.

Người nhắc nhở: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”²⁾.

Bác Hồ đặt trọn niềm tin vào sức mạnh và vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong xây dựng và phát triển đất nước. Bác căn dặn Đảng phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng, đào tạo thanh niên thành những người kế tục sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội “vừa hồng vừa chuyên”. Phải coi việc đào tạo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là nhiệm vụ rất quan trọng và rất cần thiết.

Bác căn dặn Đảng phải không ngừng chăm lo cải thiện và nâng cao đời sống, khoan thư sức dân, bảo đảm việc làm, học tập, thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với từng đối tượng: thương binh; liệt sĩ; gia đình thương binh, liệt sĩ; những người trẻ tuổi đã tham gia kháng chiến; phụ nữ; các nạn nhân của chế độ cũ... Làm như vậy là để tất cả mọi người

1), 2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.611, 611-612 (B.T).

có điều kiện phát huy hết năng lực của mình trong công cuộc kiến thiết, bảo vệ Tổ quốc.

Di chúc thể hiện tình thương yêu bao la của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với tất cả mọi người, từ mỗi người dân Việt Nam cho đến những bạn bè trên thế giới. Từ trái tim mình, Bác viết: “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên nhi đồng quốc tế”¹⁾.

Kết thúc bản *Di chúc*, Bác nói đến điều mong muốn cuối cùng: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”²⁾.

Khắc sâu những lời thề trong Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta do đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn tuyên đọc trước anh linh của Người, 40 năm qua, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã đoàn kết một lòng, đem hết tinh thần và nghị lực, vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực theo di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, quyết chiến, quyết thắng, đã anh dũng tiến lên, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Bằng một cuộc tổng tiến công và nổi dậy chưa từng có, quân và dân ta đã làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước.

1), 2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.613, 614 (B.T).

Thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước mở ra một thời kỳ mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng ta, qua các kỳ Đại hội, từ Đại hội IV (năm 1976) đến Đại hội X (năm 2006) đã không ngừng tìm tòi, khám phá con đường đi lên nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, “xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, như Bác Hồ mong muốn. Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI (năm 1986) đến nay là một công trình sáng tạo lớn. Trải qua hơn 20 năm phấn đấu bền bỉ, phải vượt qua biết bao khó khăn thử thách, dù trong hoàn cảnh thời cơ và nguy cơ đan xen nhau, có lúc nguy cơ lấn át cả thời cơ, công cuộc đổi mới đã giành được những thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Bộ mặt đất nước có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao, sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế mới và lực mới để đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Đó là những thành tựu rất đáng tự hào mà hôm nay Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xin được kính báo trước anh linh Bác.

Song, nước ta hiện nay vẫn là một nước có tiềm lực kinh tế, công nghệ hạn chế, năng lực cạnh tranh chưa cao; khoảng cách phát triển giữa nước ta và các nước trong khu vực và trên thế giới còn lớn. Kinh tế nước ta có bước phát triển nhanh nhưng chưa vững chắc, nhiều vấn đề xã hội còn rất

bức xúc. Thực trạng đó đang đặt ra cho chúng ta những trách nhiệm nặng nề, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải phát huy hơn nữa sức mạnh của toàn dân tộc, tận dụng các cơ hội để vượt qua thách thức, xây dựng ý chí tự cường dân tộc, động viên mọi người vươn lên làm giàu chính đáng cho mình, cho cộng đồng và toàn xã hội, quyết tâm thực hiện bằng được mục tiêu xây dựng một xã hội “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”, đưa nước ta vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong khi lãnh đạo toàn diện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã dành sự chú trọng đặc biệt đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xác định đây là nhiệm vụ then chốt, là điều kiện có tính quyết định để bảo đảm thắng lợi sự nghiệp cách mạng. Những kết quả bước đầu quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, được thể hiện bằng việc thực hành ngày càng tốt hơn dân chủ trong Đảng và trong xã hội, thúc đẩy việc phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội, nâng cao tính tích cực của nhân tố con người. Cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã có chuyển biến tích cực, hoạt động tự phê bình và phê bình trong Đảng từ Trung ương đến các chi bộ có những kết quả nhất định. Vào những lúc khó khăn hay khi thuận lợi, Đảng đều chỉ đạo tăng cường công tác tư tưởng, lý luận nhằm khẳng định những vấn đề có tính nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ. Thông qua những thành tựu và cả những bài học thực tiễn của sự nghiệp đổi mới, Đảng ta kịp thời bổ

sung, điều chỉnh bước đi phù hợp với sự phát triển. Đó là cơ sở quan trọng nhằm bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng trong Đảng và sự đồng thuận của xã hội.

Tuy nhiên, trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới, sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường, đã và đang có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị và đạo đức, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí chiến đấu, kém ý thức tổ chức kỷ luật, tha hóa về lối sống, quan liêu, xa rời quần chúng. Một số đảng bộ, chi bộ vẫn còn tình trạng mất dân chủ, hoạt động tự phê bình và phê bình còn nặng hình thức, để cho chủ nghĩa cá nhân chi phối, nội bộ mất đoàn kết, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đây là một nguy cơ tiềm tàng của Đảng cầm quyền, đòi hỏi Đảng phải tiếp tục thực hành những biện pháp đồng bộ, có hiệu quả nhằm khắc phục và loại trừ, bảo đảm Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh.

Đối với lớp trẻ, thực hiện *Di chúc* của Bác, Đảng ta đã đề cập nghiêm túc công tác giáo dục, bồi dưỡng, chăm sóc thanh niên và thiếu niên, coi thanh niên là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặt vấn đề thanh niên ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Đảng quan tâm chỉ đạo xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xứng đáng là cánh tay đắc lực và đội hậu bị tin cậy của Đảng.

Trong quan hệ với bên ngoài, Đảng và Nhà nước ta đã thực thi đường lối và chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời, mở rộng quan hệ quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là

bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. Mục tiêu của chúng ta là: “Giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh và phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”.

Thực hiện đường lối và chính sách đối ngoại đúng đắn ấy, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, thể hiện không chỉ ở bước trưởng thành và sự phát triển nhanh của quá trình hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực, mà còn ở cả việc nâng cao không ngừng vai trò, vị thế và tiếng nói của nước ta trên thế giới và khu vực. Đó là điều mà cộng đồng quốc tế thực lòng ghi nhận và có sự đánh giá công bằng.

Thư đồng bào, đồng chí và các bạn,

Sự nghiệp đổi mới trong những năm tới có nhiều thời cơ, thuận lợi, đồng thời cũng đứng trước không ít khó khăn, thách thức. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã giành được trong gần một phần tư thế kỷ đổi mới, chúng ta đang phải đối mặt với tình trạng kinh tế phát triển thấp, lại đang trong giai đoạn suy giảm và thiếu ổn định; bộ máy quản lý nhà nước và hệ thống chính trị còn chưa thật tinh giản, hiệu quả, hiệu lực chưa cao; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm, coi thường kỷ cương, phép nước và các tệ nạn xã hội khác đang gây bức xúc trong xã hội. Trên thế giới và khu vực, tình hình còn tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục

được đẩy mạnh; hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, chủ nghĩa khủng bố... đang là mối đe dọa đối với nhiều quốc gia, dân tộc. Cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu cho đến nay vẫn chưa có hồi kết.

Lúc này hơn lúc nào hết, chúng ta phải nhận biết thật rõ và đánh giá thật đúng tình hình, đâu là khó khăn, thách thức, đâu là thuận lợi, thời cơ. Những khó khăn và thách thức mà chúng ta phải đối mặt hiện nay không thể so sánh với những khó khăn và thách thức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà Bác Hồ nói tới khi viết *Di chúc*. Những thuận lợi và thời cơ mà đất nước có được ngày hôm nay cũng lớn hơn nhiều so với những thuận lợi và thời cơ trong những năm tháng chiến tranh ác liệt trước kia. Đứng trước tình hình đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhất định đoàn kết một lòng, kiên định con đường cách mạng: Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới.

Bốn mươi năm đã qua, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn sáng ngời tính thời sự, có sức sống mãnh liệt và giá trị trường tồn.

Tiếp tục học tập và thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Bác, nhiệm vụ trước mắt của chúng ta là bằng những việc làm thiết thực, hưởng ứng Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Trong năm 2009, với chủ đề: “*Nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng hết sức phụng*

sự *Tổ quốc, phục vụ nhân dân*”, mỗi cán bộ, đảng viên hãy hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, biến quyết tâm thành hành động, thành chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm nay diễn ra trong không khí cả nước đang ra sức thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Đây là dịp rất tốt để chúng ta khẳng định quyết tâm không gì lay chuyển của toàn Đảng và toàn dân ta, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chung sức, đồng lòng, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tiếp bước con đường cách mạng vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và dân tộc ta đã lựa chọn.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hãy làm hết sức mình để thực hiện tốt hơn nữa *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nhân dịp này, chúng ta xin gửi đến các dân tộc khắp năm châu và bầu bạn trên thế giới đã và đang đồng tình, ủng hộ sự nghiệp của chúng ta lời biết ơn chân thành và những tình cảm sâu sắc.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Báo *Nhân Dân*, số 19730,
ngày 2-9-2009.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN MINH TRIẾT
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH NƯỚC
Tại Lễ kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập
Quân đội nhân dân Việt Nam,
20 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Thưa các đồng chí lão thành cách mạng, các Mẹ Việt Nam Anh hùng,

Thưa toàn thể các đồng chí và quý vị đại biểu,

Hôm nay, chúng ta phấn khởi tham dự Lễ kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 20 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân. Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các vị đại biểu, các vị khách quý, cùng toàn thể các đồng chí có mặt trong buổi lễ hôm nay.

Nhân dịp này, chúng ta tưởng nhớ và đời đời biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã sáng lập và dày công giáo dục, rèn luyện Quân đội ta, một quân đội anh hùng, trung thành vô hạn với Tổ quốc, với nhân dân. Chúng ta mãi ghi nhớ

công ơn của biết bao người con ưu tú của dân tộc đã hy sinh, hiến trọn đời mình cho Tổ quốc và chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của anh em, bầu bạn khắp năm châu trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí,

Kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, đánh dấu sự trưởng thành, phát triển lớn mạnh của một quân đội cách mạng, gắn với lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng vẻ vang của dân tộc, của Đảng Cộng sản Việt Nam; khẳng định vai trò của quân đội nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân đội nhân dân Việt Nam luôn tiên phong, cùng các lực lượng vũ trang và nhân dân cả nước, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, không sợ hy sinh, gian khổ, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đoàn kết, chiến đấu anh dũng, mưu trí, sáng tạo, lập nên biết bao chiến công hiển hách. Những chiến công oanh liệt đó đã góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân ta, giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước, mở ra thời kỳ mới, cả nước ra sức xây dựng và phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong hơn ba mươi năm qua, cùng với nhân dân cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quân đội đã làm tốt chức năng tham mưu cho Đảng và Nhà nước, kịp thời đề xuất các

chủ trương, chính sách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng và tăng cường xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của quân đội được nâng lên. Việc thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính ủy, chính trị viên đạt kết quả quan trọng. Quân đội đồng thời cũng là lực lượng nòng cốt triển khai có hiệu quả việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên cả nước và ở từng địa phương, tạo nên một sức mạnh vững chắc của đất nước cả về tiềm lực và thế trận.

Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Quân đội đã tích cực thực hiện chủ trương, tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh, gắn với phát triển kinh tế, xã hội, từng bước bổ sung cơ sở vật chất - kỹ thuật cho Quân đội. Dù trong thời bình, Quân đội vẫn luôn đề cao cảnh giác, thường xuyên luyện tập, sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Quân đội cũng tăng cường giúp đỡ nhân dân xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí và cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai..., đã để lại niềm tin, yêu và tấm lòng cảm phục sâu sắc của nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Chúng ta mãi mãi tự hào về Quân đội ta, một Quân đội từ nhân dân mà ra, được nhân dân đùm bọc, vì nhân dân mà chiến đấu, một Quân đội anh hùng, trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn

thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Chúng ta tự hào về Đảng quang vinh, một Đảng cách mạng kiên cường đã lãnh đạo toàn dân giành độc lập tự do và thống nhất đất nước; và hiện nay đang tiến hành công cuộc đổi mới thắng lợi, vai trò vị trí Việt Nam ngày càng nâng cao trên trường quốc tế. Chúng ta tự hào về nhân dân Việt Nam anh hùng, một dân tộc thông minh, hòa hiếu nhưng khi Tổ quốc cần thì sẵn sàng hy sinh bảo vệ từng tấc đất biên cương, vì độc lập, tự do của dân tộc.

Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương thành tích, chiến công, những đóng góp to lớn và bước trưởng thành của Quân đội trong 65 năm qua.

Thưa các đồng chí,

“Dựng nước đi đôi với giữ nước” đã trở thành bài học quý báu lưu truyền bao đời nay của dân tộc Việt Nam. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo phát huy sức mạnh của toàn dân và toàn quân, tích cực củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân ngày càng vững chắc. Nhìn lại 20 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân, chúng ta vui mừng nhận thấy, nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân được nâng lên. Từ Trung ương đến các địa phương đã xây dựng nhiều chương trình phối hợp hoạt động với công tác quốc phòng có hiệu quả thiết thực; đã huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Nhờ đó, đã góp phần giữ

vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia và giành được nhiều thành tựu quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đảng, Nhà nước ghi nhận những thành tựu to lớn trong 20 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân của nhân dân và các địa phương trong cả nước; ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực cố gắng của Quân đội trong tham mưu và làm vai trò nòng cốt trong hoạt động quốc phòng của đất nước; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, gắn với an ninh nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá nước ta của các thế lực thù địch, giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn, thống nhất lãnh thổ của Tổ quốc.

Những năm tới, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi trở ngại, thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã đề ra. Trước mắt, chúng ta đang tích cực, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để tổ chức đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thành công tốt đẹp. Công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, chúng ta còn nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực và trong nước còn nhiều diễn biến phức tạp; hội nhập, hợp tác quốc tế của Việt Nam ngày càng phát triển và mở rộng; mối quan hệ của Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế rất đa dạng, đặc biệt âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, chống phá cách mạng nước ta ngày càng tinh vi và quyết liệt hơn. Trước tình hình đó, Quân đội cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

Một là, quán triệt yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đẩy mạnh xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Quân đội phải giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân. Đặc biệt là thường xuyên cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, đối phó kịp thời các tình huống xảy ra, không để bị động bất ngờ, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hai là, nhanh chóng phát triển công nghiệp quốc phòng, các ngành kinh tế quốc phòng gắn với bảo đảm, nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật của Quân đội. Đồng thời phải kết hợp nâng cao trình độ, chất lượng huấn luyện bộ đội với nghiên cứu cải tiến, đổi mới vũ khí trang bị, kỹ thuật phù hợp với yêu cầu tác chiến mới. Nghiên cứu phát triển khoa học nghệ thuật quân sự, nghệ thuật chiến tranh nhân dân, bảo đảm cho quân đội nâng cao sức mạnh tổng hợp, trình độ tác chiến và khả năng sẵn sàng chiến đấu trong điều kiện kẻ địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ba là, tăng cường và nâng cao hơn nữa chất lượng công tác chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ, gắn với tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi

các biểu hiện suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống; tăng cường công tác xây dựng Đảng trong Quân đội, vững về tư tưởng, chính trị và tổ chức; chăm lo củng cố mối quan hệ đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân; tham gia có hiệu quả các hoạt động xã hội, giúp đỡ nhân dân nhất là nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vượt qua khó khăn, bão lũ có cuộc sống ổn định và ngày càng phát triển.

Bốn là, Quân đội nhân dân Việt Nam tiếp tục làm tốt vai trò nòng cốt, cùng các cấp, các ngành, từ Trung ương đến địa phương và toàn dân, đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với an ninh nhân dân vững chắc trên từng địa bàn; tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp ở địa phương và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp hoạt động; có nhiều chủ trương, giải pháp nhằm khuyến khích, động viên, thu hút toàn dân tích cực đóng góp sức lực, cơ sở vật chất và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

Thưà toàn thể các đồng chí,

Quân đội nhân dân Việt Nam - đội quân bách chiến, bách thắng trong chiến tranh giải phóng dân tộc, nay ngày càng trưởng thành và phát triển lớn mạnh trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đảng, Nhà nước và nhân dân tin tưởng chắc chắn các thế hệ cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam mãi mãi giữ vững và phát huy bản chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tiếp tục đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Một lần nữa, chúc các đại biểu, các vị khách quý, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam và tất cả các đồng chí, các bạn mạnh khỏe, hạnh phúc.

Xin chân thành cảm ơn.

Báo *Nhân Dân*, số 19840,
ngày 22-12-2009.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ TRỌNG
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
Tại Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập
Công đoàn Việt Nam và đón nhận
Huân chương Sao Vàng
của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Thưa các vị đại biểu,

Thưa toàn thể các đồng chí,

Nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam và đón nhận Huân chương Sao Vàng, thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt chào mừng các vị đại biểu, các đồng chí, và qua các đồng chí xin gửi tới toàn thể các thế hệ cán bộ, đoàn viên công đoàn, anh chị em công nhân, viên chức, lao động cả nước lời thăm hỏi thân thiết và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

80 năm qua là chặng đường đấu tranh oanh liệt và vẻ vang của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh; đó cũng là quá trình xây dựng, tôi luyện và trưởng thành rất đáng tự hào của Công đoàn Việt Nam. Vượt qua

mọi khó khăn, thử thách, dù ở bất kỳ hoàn cảnh nào, Công đoàn cũng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, luôn trung thành với lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp và lợi ích của người lao động, đoàn kết, vận động, tập hợp công nhân, viên chức, lao động đi đầu trong mọi phong trào hành động cách mạng, ra sức phấn đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc và vì hạnh phúc của nhân dân; góp phần tô thắm thêm lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Trong những năm tiến hành đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, các cấp Công đoàn đã chú trọng đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động; tích cực chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; xây dựng quan hệ hài hòa, ổn định trong doanh nghiệp và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội và tuyên truyền, giáo dục ý thức giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp cho công nhân, viên chức, lao động, góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Công đoàn các cấp đã tích cực phát triển đoàn viên, xây dựng đội ngũ cán bộ và xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Chăm lo bồi dưỡng và giới thiệu được hàng vạn công nhân, viên chức, lao động ưu tú để Đảng xem xét kết nạp. Phát hiện, giới thiệu nhiều cán bộ ưu tú để Đảng và Nhà nước bồi dưỡng, bổ nhiệm, đề bạt vào các vị trí lãnh đạo cấp ủy và bộ máy chính quyền các cấp; góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, khơi dậy

tin thần yêu nước, truyền thống tương thân, tương ái, qua đó nâng cao vị thế, uy tín của tổ chức công đoàn trong xã hội.

Công đoàn cũng đã tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại, chủ động mở rộng, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với công đoàn các nước, các tổ chức công đoàn khu vực và thế giới, các tổ chức phi chính phủ và tổ chức lao động quốc tế, thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa Công đoàn Việt Nam và các đối tác trong quá trình hội nhập.

Không phải ngẫu nhiên mà tại buổi lễ trọng thể hôm nay, lần thứ hai Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước ta.

Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt hoan nghênh, chúc mừng và biểu dương những thành tích to lớn của phong trào công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn cả nước trong thời gian qua.

Tuy nhiên, chúng ta không chủ quan, thỏa mãn với những gì đã làm được. Bởi vì, trong thực tế hoạt động, Công đoàn các cấp cũng còn không ít hạn chế, khuyết điểm như trong báo cáo của đồng chí Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã chỉ ra, và trên con đường đi tới chúng ta còn phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức và có không ít vấn đề mới đặt ra phải giải quyết.

Thư các đồng chí,

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân ta đang ra sức phấn đấu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mục tiêu dân giàu, nước

mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; trước mắt làm cho nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn có vai trò và sứ mệnh đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp vẻ vang này.

Đảng và Nhà nước ta đã xác định rõ trách nhiệm lãnh đạo và tổ chức thực hiện đường lối, nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn lớn mạnh, tạo điều kiện để mọi công nhân, viên chức, lao động phát huy hết khả năng, trí tuệ của mình, cống hiến cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.

Công đoàn Việt Nam có vai trò quan trọng trực tiếp chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Mọi hoạt động của công đoàn cần hướng về cơ sở, giải quyết tốt những vấn đề thực tiễn sản xuất và đời sống đặt ra, gắn với phong trào thi đua yêu nước, khơi dậy và phát huy tối đa các nguồn lực trong công nhân, viên chức, lao động; nhạy bén phát hiện những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến để nhân rộng thành phong trào chung.

Công đoàn chủ động đi sâu nghiên cứu, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của quần chúng và những đòi hỏi bức xúc từ cơ sở; tập hợp trí tuệ của công nhân, viên chức, lao động tham gia xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật; tổ chức kiểm tra, giám sát có hiệu quả việc thực hiện pháp luật và các chế độ, chính sách; chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, lao động; đồng thời tạo điều kiện và tổ chức để họ phát huy tốt nhất

quyền làm chủ của mình trên các lĩnh vực hoạt động, nhất là trong sản xuất, kinh doanh.

Các cấp Công đoàn cần quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt các quan điểm, tư tưởng Nghị quyết Đại hội X của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Đẩy mạnh hơn nữa công tác vận động, thu hút ngày càng đông đảo công nhân, viên chức, lao động tự giác gia nhập và tham gia hoạt động Công đoàn. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp; nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp cho công nhân, viên chức, lao động. Quan tâm hơn nữa công tác phát triển Đảng trong công nhân, viên chức, lao động; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học để đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động Công đoàn trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần giúp cho Đảng, Nhà nước có đầy đủ căn cứ khoa học để ra đường lối, chủ trương đúng đắn, phù hợp.

Tăng cường tình đoàn kết quốc tế giữa giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam với phong trào công nhân và Công đoàn thế giới, khu vực; tranh thủ sự ủng hộ, hợp tác và hỗ trợ của Tổ chức Lao động quốc tế, Công đoàn

các nước trên thế giới trong việc nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức và cán bộ Công đoàn, thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên Công đoàn và người lao động.

Tôi tin tưởng rằng, với bản chất cách mạng và truyền thống vẻ vang của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam, trong thời gian tới Công đoàn sẽ có bước phát triển mới, ngày càng mạnh mẽ, toàn diện, góp phần quan trọng cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Cán bộ, đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động cả nước sẽ tiếp tục nỗ lực phấn đấu tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin cảm ơn!

Báo *Nhân Dân*, số 19695,
ngày 29-7-2009.

**PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP,
NỖ LỰC PHẤN ĐẤU NGĂN CHẶN SUY GIẢM
KINH TẾ, DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG
VÀ BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI**
(Bài viết của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng
Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ)

I

Năm 2008, năm bản lề của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng, lại là năm mà tình hình kinh tế thế giới và trong nước biến động rất phức tạp, khó lường, thậm chí vận động theo những xu hướng trái chiều.

Những tháng đầu năm 2008, thế giới phải đương đầu với nguy cơ khủng hoảng năng lượng, khủng hoảng lương thực. Giá cả hầu hết các mặt hàng tăng cao, đặc biệt là lương thực và dầu mỏ, gây ra lạm phát chi phí đẩy trên phạm vi toàn thế giới.

Từ tháng 9-2008, cuộc khủng hoảng tài chính bắt nguồn từ Mỹ đã lan rộng sang hầu hết các nước và mang tính toàn

cầu. Khủng hoảng có xu hướng ngày càng trầm trọng và lan truyền từ khu vực tài chính sang khu vực kinh tế thực. Từ tình trạng lạm phát cao, thế giới phải đối đầu với nguy cơ suy giảm tăng trưởng sâu¹ đi cùng với tình trạng giảm mạnh giá dầu, giá lương thực và các loại nguyên liệu thô khác.

Ở trong nước, vào cuối năm 2007, những thành tựu đạt được sau hơn 20 năm đổi mới, đặc biệt là hai năm 2006, 2007 và cơ hội mới mở ra khi nước ta trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã tạo nên không khí phấn khởi, tin tưởng vào tiềm năng, triển vọng phát triển nhanh của đất nước: năm 2006 tăng trưởng kinh tế đạt 8,2%, năm 2007 đạt 8,5%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký cấp phép trong năm 2007 đạt hơn 21 tỉ USD, là mức cao nhất so với những năm trước. Trong bối cảnh đó, với tinh thần cách mạng tiến công, chúng ta đã đặt mục tiêu là *tranh thủ thời cơ thuận lợi để hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu ngay trong năm 2008 để tiếp tục phấn đấu đạt và vượt mức kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 trong năm 2009 và 2010*.

Quyết tâm nêu trên đã tạo được sự đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân. Tuy nhiên, những yếu kém trong cơ cấu kinh tế và hiệu quả đầu tư tích tụ từ nhiều năm chậm được khắc phục, những tồn tại trong chỉ đạo điều hành kinh tế vĩ mô cùng với những tác động rất mạnh của những yếu tố tiêu cực bên ngoài đến nền kinh tế có độ mở lớn như nền kinh tế

1. Theo IMF, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2009 vào khoảng 2,2%. Các nước phát triển dự kiến giảm tăng trưởng 0,3%; trong đó: Mỹ - 0,7%, Nhật Bản - 0,2%, Đức - 0,8%, Pháp - 0,5%, Anh - 1,3%... Các nước đang phát triển dự kiến có mức tăng trưởng dương, khoảng 5,1%.

nước ta làm cho lạm phát ở trong nước vốn tiềm ẩn từ những năm trước đã bộc lộ và tăng cao vào quý I-2008¹, kinh tế vĩ mô bị đe dọa nghiêm trọng. Trước tình hình đó, chúng ta đã nghiêm túc kiểm điểm và quyết định điều chỉnh mục tiêu điều hành kinh tế - xã hội, chuyển nhiệm vụ trọng tâm vào việc *kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và duy trì tăng trưởng hợp lý; trong đó, kiềm chế lạm phát là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.*

Dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện đồng bộ 8 nhóm giải pháp kiềm chế lạm phát², đến cuối quý III, lạm phát đã được kiềm chế³, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tăng trưởng kinh tế năm 2008 được duy trì ở mức 6,23%. Nhưng sự tiếp biến có tính quy luật của lạm phát và khủng hoảng tài chính toàn cầu đã và đang tác động mạnh đến kinh tế nước ta. Hầu hết các ngành sản xuất và

1. Giá tiêu dùng quý IV-2007 tăng 5%; tháng 1-2008 tăng 2,38%; tháng 2 tăng 3,56%; tháng 3 tăng 2,99%.

2. 8 nhóm giải pháp kiềm chế lạm phát: (1) Áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt; (2) Kiểm soát chặt chẽ chính sách tài khóa, chỉ tiêu công; (3) Đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập siêu; (4) Đẩy mạnh sản xuất, cân đối cung cầu; (5) Tăng cường các biện pháp hỗ trợ an sinh xã hội, ổn định đời sống nhân dân; (6) Quản lý thị trường giá cả, tổ chức tốt thương mại trong nước; (7) Phát động tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, bảo đảm an sinh xã hội; (8) Công tác thông tin tuyên truyền để huy động sức mạnh tổng hợp, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội.

3. Từ tháng 6-2008, mức tăng giá tháng sau thấp hơn tháng trước. Từ tháng 10-2008, giá tiêu dùng đã giảm: tháng 9 tăng 0,18%, tháng 10 giảm 0,19%, tháng 11 giảm 0,76%, tháng 12 giảm 0,68%.

dịch vụ đều bị giảm sút, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp¹. Đất nước đã chuyển từ *ưu tiên đối phó với lạm phát cao sang đường đầu với suy giảm tăng trưởng kinh tế* mà hậu quả và việc xử lý nó cũng không kém phần phức tạp so với lạm phát, thậm chí còn khó khăn hơn do nguồn lực của ta còn rất hạn chế, trong khi khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới vẫn chưa rõ điểm dừng.

II

Trước những diễn biến mới của tình hình, để thực hiện nghiêm túc, toàn diện và có hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội mà Quốc hội đã đề ra cho năm 2009², Chính phủ đã thảo luận và xác định nhiệm vụ trọng tâm cấp bách là: *phát huy sức mạnh tổng hợp, nỗ lực phấn đấu ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội.* Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm cấp bách nêu

1. Xuất khẩu giảm liên tục trong 4 tháng, từ 6,55 tỉ USD (tháng 7), xuống còn 4,8 tỉ (tháng 11) và 4,9 tỉ USD vào tháng 12-2008; giá nhiều mặt hàng xuất khẩu giảm từ 20 - 40% so với tháng 9. Năm 2008 lượng khách quốc tế đi du lịch, nghỉ ngơi chỉ tăng hơn 1%, trong khi năm 2007 tăng 18%. Vn-Index xuống còn 288 điểm vào ngày 8-12-2008.

2. Mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội năm 2009: "Tiếp tục kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, bền vững, chủ động ngăn ngừa suy giảm, bảo đảm an sinh xã hội; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động và hiệu quả; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội; tạo điều kiện thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010" (Nghị quyết Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XII).

trên, Chính phủ tập trung chỉ đạo 5 nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Tháo gỡ khó khăn để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và xuất khẩu

Khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu gây nhiều khó khăn, thách thức cho nền kinh tế nước ta; tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể khai thác không ít những thuận lợi, cơ hội cho phát triển, đó là: (a) môi trường chính trị xã hội nước ta ổn định với thể chế kinh tế thị trường ngày càng hoàn thiện; (b) năm 2008, trong khó khăn, kinh tế nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng khá (6,23%) và tiềm năng tăng trưởng vẫn còn lớn; (c) thị trường nội địa vẫn đang có nhu cầu rất đa dạng về hàng hóa và dịch vụ; (d) nguồn vốn trong dân và năng lực sản xuất, chế tạo, thi công công trình còn nhiều, chưa được huy động hết; (e) giá vật tư, nguyên liệu, công nghệ và máy móc, thiết bị trên thị trường thế giới đang xuống thấp trong khi nhu cầu đầu tư phát triển của chúng ta lại rất lớn, nhất là phát triển hạ tầng, đổi mới công nghệ; (f) các nhà đầu tư, các nhà tài trợ nước ngoài vẫn tin tưởng vào triển vọng phát triển của nước ta, vẫn coi Việt Nam là điểm đến an toàn và hấp dẫn.

Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh là giải pháp cơ bản nhất, không chỉ là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay, mà còn là nhiệm vụ chủ yếu, thường xuyên trong chỉ đạo điều hành. Muốn tăng trưởng kinh tế phải đẩy mạnh sản xuất, phát triển dịch vụ. Chuyển biến thực sự chỉ diễn ra khi có sự nỗ lực ở từng doanh nghiệp, từng hộ gia đình, Nhà nước giữ vai trò định hướng và tạo lập môi trường thông thoáng, thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù chúng

ta không có chủ trương phân biệt chính sách theo loại hình doanh nghiệp nhưng trong điều kiện hiện nay, các giải pháp chủ yếu phải hướng vào hỗ trợ thiết thực các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ sản xuất kinh doanh - nơi tạo ra nhiều việc làm và cũng là khu vực đang gặp khó khăn hơn cả.

Kim ngạch xuất khẩu của nước ta hiện bằng khoảng 70% GDP với hàng chục triệu lao động tham gia, từ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đến các ngành công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và làng nghề, các doanh nghiệp thu mua và kinh doanh xuất khẩu, kinh doanh du lịch. Xuất khẩu suy giảm đang tác động lớn đến tăng trưởng, đến đời sống và việc làm của người lao động. Chính phủ đã và sẽ đề ra các giải pháp, nhất là chính sách tài chính, tiền tệ để hỗ trợ thiết thực cho lĩnh vực quan trọng này.

Thị trường nội địa với gần 87 triệu dân có thu nhập bình quân đầu người khoảng 17 triệu đồng/năm là một thị trường khá lớn, các doanh nghiệp nước ngoài, trong đó có nhiều tập đoàn xuyên quốc gia, đang rất quan tâm khai thác, nhất là từ đầu năm 2009 chúng ta sẽ phải mở cửa dịch vụ phân phối theo cam kết với WTO. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp Việt Nam lại chưa quan tâm đúng mức đến việc chiếm lĩnh khu vực thị trường này. Mở rộng thị trường nội địa, tăng cường nội tiêu (với cả sản xuất và tiêu dùng) không chỉ là yêu cầu cấp bách trong bối cảnh thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, mà phải là hướng phát triển quan trọng trong quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Thị trường nội địa còn là điểm tựa để các doanh nghiệp nước ta vươn lên trong cạnh tranh, nơi các doanh nghiệp Việt Nam có lợi thế hơn so với thị trường nước ngoài. Phải quán triệt

quan điểm: thị trường trong nước là cơ sở, thị trường nước ngoài là quan trọng trong chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp. Cần có chính sách thích hợp để các doanh nghiệp Việt Nam phát triển nhanh, bền vững trong cả thị trường nội địa và thị trường quốc tế.

2. Huy động các nguồn lực để kích cầu đầu tư và tiêu dùng

Tăng đầu tư không chỉ làm tăng GDP trong ngành xây dựng, tạo ra GDP trong các ngành sản xuất, dịch vụ khi dự án đi vào hoạt động mà còn là nguồn tiêu thụ sản phẩm của các ngành khác, qua đó kích thích sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng, tạo thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập cho lao động. Ở nước ta, vốn đầu tư của dân cư và tư nhân hiện chiếm 33% tổng vốn đầu tư xã hội, bằng khoảng 44% tổng vốn đầu tư trong nước và đang có xu hướng ngày càng tăng. Đây là nguồn lực rất quan trọng. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII xác định, để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải phát huy nội lực, coi nội lực là yếu tố quyết định, trước hết phải tạo mọi thuận lợi để huy động nguồn lực này vào đầu tư phát triển. Trong thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân luôn có vai trò quyết định; tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, thị trường bị thu hẹp, lãi suất tín dụng còn cao, độ rủi ro trong đầu tư kinh doanh còn lớn thì đầu tư nhà nước có vai trò dẫn dắt, kích thích, tạo tiền đề và gây hiệu ứng lan tỏa cho đầu tư của các thành phần kinh tế khác. Vấn đề là phải bảo đảm chất lượng và hiệu quả đầu tư của khu vực này.

Tập trung nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và vốn tín dụng hỗ trợ đầu tư phát triển

để đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng (giao thông, năng lượng) nhằm giải tỏa nhanh các điểm nghẽn tăng trưởng, giảm chi phí trung gian, tạo thuận lợi cho sản xuất và lưu thông hàng hóa; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn theo tinh thần nghị quyết hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X; đầu tư nhiều hơn vào các công trình y tế, giáo dục, nhà ở xã hội, phục vụ cho việc ăn ở, đi lại, học tập, chữa bệnh của nhân dân.

Trong điều kiện cân đối ngân sách năm 2009 khó khăn hơn so với những năm trước, Chính phủ chủ trương phát hành thêm trái phiếu nhằm huy động nhiều hơn các nguồn lực trong dân để tạo thêm vốn cho đầu tư phát triển. Chính phủ cũng sẽ kiến nghị dành khoảng 17.000 tỉ đồng để bù khoảng 40% lãi suất vay thương mại nhằm huy động một lượng khá lớn vốn tín dụng với lãi suất thấp (khoảng 400.000 tỉ đồng với chu kỳ cho vay 1 năm) để hỗ trợ các doanh nghiệp, không phân biệt thành phần kinh tế, chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay đầu tư phát triển, duy trì sản xuất kinh doanh, giữ và tạo thêm việc làm. Ngoài ra, Chính phủ còn chủ trương bảo lãnh cho doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị, máy móc để đầu tư phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ.

Đối với nguồn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước, nhất là của các tập đoàn và tổng công ty, phải hướng vào các dự án công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, phát triển công nghiệp hỗ trợ, tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao, có giá trị gia tăng lớn, các dự án thu hút nhiều việc làm để thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Nhằm bảo đảm hiệu quả đầu tư của khối doanh nghiệp nhà nước, Chính phủ đã giao các ngành chức năng

tạo thuận lợi, đồng thời tăng cường kiểm tra, không vì chủ trương kích cầu mà buông lỏng quản lý, dễ dãi chấp nhận những dự án kém hiệu quả, không có khả năng cạnh tranh, làm ô nhiễm môi trường, gây nguy cơ tăng lạm phát trở lại.

Để việc thực hiện kích cầu đầu tư và tiêu dùng có hiệu quả và giảm chi phí trung gian, nâng cao hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các địa phương theo chức năng và thẩm quyền của mình, khẩn trương xử lý những vướng mắc về thủ tục đầu tư, về giải phóng mặt bằng, ban hành các quy định phù hợp về lựa chọn nhà thầu theo hướng giao quyền và tăng cường trách nhiệm của chủ đầu tư, của người quyết định đầu tư và phát huy vai trò giám sát cộng đồng trong việc bảo đảm chất lượng các công trình, dự án. Làm tốt các việc này cũng chính là góp phần tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính và các quy định về phân cấp theo tinh thần đổi mới tư duy quản lý: chuyển từ tư duy quản lý chủ yếu là xác lập trật tự sang quản lý là để thúc đẩy phát triển.

Điều quan trọng đối với nước ta hiện nay là phải đẩy nhanh quá trình cải cách và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, từ mô hình tăng trưởng chủ yếu là dựa vào các yếu tố theo chiều rộng (dựa chủ yếu vào xuất khẩu tài nguyên, tăng đầu tư, nhất là đầu tư nhà nước) sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở phát huy nguồn lực và tính năng động của khu vực dân doanh, khai thác lợi thế so sánh, tăng đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (công nghệ và quản lý, chất lượng nguồn nhân lực...) nhằm tạo ra năng lực cạnh tranh mới trong từng doanh nghiệp cũng như toàn bộ nền kinh tế. Vì vậy, điều cực kỳ quan trọng là các giải pháp cấp

bách không được mâu thuẫn với các mục tiêu dài hạn, mà phải tạo ra cơ sở, tiền đề cho việc khai thác tiềm năng tăng trưởng của đất nước, nâng cao chất lượng hiệu quả của tăng trưởng, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững trong những năm sau.

3. Bảo đảm an sinh xã hội và đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo

An sinh xã hội là lĩnh vực được Đảng và Nhà nước ta quan tâm không chỉ trong điều kiện lạm phát cao, mà càng phải đặc biệt quan tâm trước nguy cơ suy giảm tăng trưởng, tác động tiêu cực đến việc làm và thu nhập của người lao động.

Chính phủ chủ trương bố trí đủ ngân sách, tăng cường dự trữ quốc gia, nhất là về lương thực để triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội đã ban hành; thực hiện tăng mức lương cơ bản cho người lao động trong doanh nghiệp và cán bộ công chức; tiếp tục hỗ trợ lương thực, khôi phục nhanh cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, hỗ trợ và tạo điều kiện để ổn định đời sống nhân dân vùng bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh; triển khai ngay từ đầu năm 2009 các giải pháp đầu tư để giảm nghèo nhanh ở 61 huyện hiện có tỷ lệ nghèo cao nhất; thực hiện chương trình nhà ở cho người nghèo, các đối tượng chính sách, nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp tập trung, nhà ở và tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên; triển khai bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của *Luật bảo hiểm thất nghiệp*. Nghiên cứu cân đối ngân sách để có thể trợ cấp trực tiếp cho người nghèo. Đặc biệt quan tâm bảo đảm y tế, giáo dục, nhất là đối tượng chính sách và các khu vực còn nhiều khó khăn. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm hạn chế tối đa thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra.

4. Thực hiện chính sách tiền tệ và chính sách tài chính tích cực, hiệu quả

Chính sách tài chính và chính sách tiền tệ có vai trò quyết định trong việc duy trì, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu, kích cầu đầu tư và tiêu dùng, khuyến khích sử dụng hàng sản xuất trong nước, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng.

Trong điều kiện sản xuất kinh doanh bị suy giảm, đình trệ, thu nhập sụt giảm thì cạnh tranh về giá là yếu tố quan trọng để giữ vững và mở rộng thị trường. Chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp trong lĩnh vực tài chính tiền tệ nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ. Theo đó, áp dụng nhiều chính sách miễn, giảm, hoãn thời gian nộp thuế, hướng vào các doanh nghiệp sản xuất, sử dụng nhiều lao động, tạo ra nhiều việc làm; hỗ trợ lãi suất và thực hiện bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; giảm phù hợp lãi suất cơ bản và áp dụng lãi suất thả nổi đối với những dự án đầu tư, kinh doanh có hiệu quả. Điều hành tỷ giá linh hoạt theo tín hiệu thị trường, tạo thuận lợi cho xuất khẩu.

Đối với các hộ nông dân bị thiệt hại do thiên tai và các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, Chính phủ chủ trương thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn nợ và áp dụng các giải pháp thích hợp để xử lý các khoản nợ vay vốn ngân hàng; xem xét điều chỉnh lãi suất cho vay của các hợp đồng tín dụng phù hợp theo mức lãi suất hiện hành. Thực hiện hỗ trợ đầu tư phát triển công nghệ sau thu hoạch; hỗ trợ tiêu thụ một số nông sản có lượng hàng hóa lớn và sản xuất

tập trung; hỗ trợ giống cho nông dân để khôi phục sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản ở các vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. Tất cả các biện pháp trên đây nhằm giúp cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ nông dân vượt qua khó khăn, duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh.

Trong điều hành chính sách tài chính, chính sách tiền tệ năm 2009, phải bảo đảm huy động đủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn như: ngân sách tập trung dành cho đầu tư phát triển, trái phiếu Chính phủ, nguồn vốn ODA, vốn tín dụng ưu đãi hỗ trợ đầu tư và đầu tư của doanh nghiệp nhà nước để các nguồn lực này thực sự là động lực quan trọng thúc đẩy sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, kích cầu đầu tư và tiêu dùng hợp lý, hiệu quả.

5. Tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt và phù hợp với thực tế tình hình

Khi đã xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu thì việc tổ chức chỉ đạo điều hành quyết liệt, linh hoạt và phù hợp với thực tế tình hình là yếu tố quyết định thắng lợi. Hiệu quả của chủ trương, chính sách phải đo bằng những chuyển biến cụ thể trên từng địa phương, từng doanh nghiệp và cơ sở; tất cả phải vì mục tiêu ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước.

Hiện nay, tình hình kinh tế thế giới đang biến động rất phức tạp và khó lường. Các bộ, địa phương phải đặc biệt quan tâm làm tốt hơn nữa công tác dự báo để chủ động kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ và các giải pháp tổ chức điều hành cho phù hợp với thực tiễn tình hình; đồng thời, phải tập

trung chỉ đạo hoàn thiện cơ chế, chính sách, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới đặt ra, nhất là trong quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản, cấp vốn, giải ngân, đền bù giải phóng mặt bằng, các quy định về thuế, hải quan, bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất...; phải phân cấp mạnh, giao quyền và trách nhiệm cho cấp trực tiếp chỉ đạo thực hiện công việc; đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị và phải thực sự lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao làm thước đo chủ yếu trong đánh giá cán bộ.

Các bộ, địa phương, đơn vị phải có kế hoạch hành động cụ thể và đặc biệt coi trọng công tác chỉ đạo thực hiện, tăng cường kiểm tra, đôn đốc và sơ kết rút kinh nghiệm, uốn nắn, điều chỉnh kịp thời; tất cả phải vì hiệu quả, chất lượng công việc và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “*Để mười lần không dân cũng chịu / Khó trăm lần dân liệu cũng xong*”¹⁾. Các giải pháp chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội đều hướng tới việc phát huy nguồn lực của toàn xã hội và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân. Nhân dân là lực lượng chủ đạo trong việc thực hiện các giải pháp; vì vậy, phải thật sự phát huy dân chủ, thực hiện đúng phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” và chính nhân dân là người thụ hưởng kết quả của các giải pháp đó; phải chủ động phối hợp và đề cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc vận động các tầng lớp nhân dân tích cực ủng hộ,

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.280 (B.T).

giám sát và thực hiện các giải pháp ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội.

Phải làm tốt công tác thông tin tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ về tình hình và nhiệm vụ của đất nước, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và đồng thuận trong cách nghĩ, cách làm; các cơ quan nhà nước phải chủ động cung cấp thông tin, công khai minh bạch về chính sách, cơ chế quản lý; các cơ quan báo chí có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phải đưa tin chính xác và có lợi cho sự phát triển của đất nước.

Năm 2009 sẽ là một năm với nhiều khó khăn, thách thức rất lớn trong tiến trình phát triển của đất nước ta, dân tộc ta. Nhưng chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự đoàn kết nhất trí, chung sức chung lòng của cả hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nhất định chúng ta sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội mà Quốc hội đã đề ra cho năm 2009.

Tạp chí *Cộng sản*, số 795,
tháng 1-2009.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>		
<i>Lời giới thiệu tập 68</i>	V		
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 5 tháng 1 năm 2009	1	- Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, số 171/TLHN, ngày 13 tháng 1 năm 2009 tiếp thu ý kiến Trung ương về Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	213
- Báo cáo của Bộ Chính trị, số 143/TLHN, ngày 25 tháng 12 năm 2008 kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008) (<i>Trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X</i>)	6	- Kết luận của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 37-KL/TW, ngày 2 tháng 2 năm 2009 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020	222
- Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, số 168/TLHN, ngày 13 tháng 1 năm 2009 tiếp thu ý kiến Trung ương về Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006 - 2008)	114	- Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 30-NQ/TW, ngày 13 tháng 1 năm 2009	232
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 31-NQ/TW, ngày 2 tháng 2 năm 2009 về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng	132	- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 13 tháng 1 năm 2009	236
- Báo cáo của Bộ Chính trị, số 145/TLHN, ngày 25 tháng 12 năm 2008 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (<i>Trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X</i>)	158	- Thông báo Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X	251
		- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 214-TB/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2009 về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội	261
		- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 215-TB/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2009 về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh Kon Tum	265
		- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 216-TB/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2009 về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn	273
		- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 217-TB/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2009 về việc ban hành chỉ thị về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong 2 năm 2009 - 2010	280

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 29-CT/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2009 Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) “Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” 282
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 218-TB/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2009 về tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của Đảng năm 2008 290
- Quyết định của Ban Bí thư, số 207-QĐ/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2009 thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình thí điểm xây dựng “nông thôn mới” trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa 299
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 219-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 2009 về một số đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về văn học, nghệ thuật 301
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 220-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 2009 về Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn và sách dành cho cán bộ lãnh đạo 305
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 221-TB/TW, ngày 12 tháng 2 năm 2009 về việc tiếp tục nâng cao vị trí, vai trò, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cấp Hội Nhà báo Việt Nam 306
- Quyết định của Ban Bí thư, số 208-QĐ/TW, ngày 19 tháng 2 năm 2009 về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai một số đề án thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về văn học, nghệ thuật 311
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 222-TB/TW, ngày 20 tháng 2 năm 2009 về việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, tổ chức thực hiện Nghị quyết và các kết luận của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X 315

- Quyết định của Ban Bí thư, số 209-QĐ/TW, ngày 20 tháng 2 năm 2009 thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư năm 2009 318
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 223-TB/TW, ngày 24 tháng 2 năm 2009 về việc thực hiện thí điểm chủ trương đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp xã và địa phương không tổ chức hội đồng nhân dân 321
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 224-TB/TW, ngày 27 tháng 2 năm 2009 về kết quả kiểm tra công tác báo chí theo Chương trình kiểm tra số 67-CTr/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008 323
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 225-TB/TW, ngày 3 tháng 3 năm 2009 về cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình tuyên truyền 325
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 226-TB/TW, ngày 3 tháng 3 năm 2009 về tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng 332
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 40-KL/TW, ngày 6 tháng 3 năm 2009 về việc sửa đổi những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan đảng, nhà nước, mặt trận, các đoàn thể và lực lượng vũ trang 339
- Quy định của Ban Bí thư, số 210-QĐ/TW, ngày 6 tháng 3 năm 2009 về Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam 341
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 228-TB/TW, ngày 6 tháng 3 năm 2009 về việc tổ chức Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ nhất và dự thảo Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư 351

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 30-CT/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2009 về Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật Trung ương và Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam 355
- Quyết định của Ban Bí thư, số 211-QĐ/TW, ngày 9 tháng 3 năm 2009 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật Trung ương năm 2009 - 2010 360
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 31-CT/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2009 về lãnh đạo thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường 364
- Quy định của Ban Bí thư, số 212-QĐ/TW, ngày 16 tháng 3 năm 2009 giải mật tài liệu của các cơ quan, tổ chức trước khi nộp lưu vào Kho Lưu trữ Trung ương Đảng và tài liệu của Kho Lưu trữ Trung ương Đảng 368
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 229-TB/TW, ngày 20 tháng 3 năm 2009 về dự thảo Quy chế quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội, các ban Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương 375
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 32-CT/TW, ngày 20 tháng 3 năm 2009 về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2009 - 2010 378
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 230-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2009 về sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW, ngày 2-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 385
- Quy định của Ban Bí thư, số 215-QĐ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2009, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương 393

- Quyết định của Ban Bí thư, số 214-QĐ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2009 kết thúc hoạt động của ban cán sự đảng các đơn vị sự nghiệp Trung ương 403
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 231-TB/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2009 về cuộc vận động viết hồi ký nhớ lại và suy nghĩ, sưu tầm, nghiên cứu và sáng tác về đề tài chiến tranh cách mạng 405
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 33-CT/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2009 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư 407
- Kết luận của Ban Bí thư, số 41-KL/TW, ngày 31 tháng 3 năm 2009 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới 412
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 232-TB/TW, ngày 31 tháng 3 năm 2009 về việc nghiên cứu Đề tài khoa học Tổng kết công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các trại giam thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) 419
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 233-TB/TW, ngày 31 tháng 3 năm 2009 về Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân 421
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 42-KL/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2009 về đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính (trong đó có tiền lương và giá dịch vụ y tế) đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập 423
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 43-KL/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2009 về 3 năm thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW,

- ngày 23-2-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về “Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” và 5 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 22-1-2002 của Ban Bí thư (khóa IX) về “Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở” 430
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 44-KL/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2009 về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW, ngày 22-3-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình” 437
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 234-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2009 về Báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về khoa học và công nghệ và nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020 443
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 235-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2009 về việc xây dựng hướng dẫn công nhận người hoạt động cách mạng trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã hy sinh, từ trần 454
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 237-TB/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2009 về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân 455
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 236-TB/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2009 về Báo cáo tổng kết Chương trình viết tiểu sử 10 đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước và Tờ trình về Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam 457
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 238-TB/TW, ngày 7 tháng 4 năm 2009 về Đề án “Chương trình xây dựng thí

- điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” 459
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 239-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 2009 về tình hình kinh tế - xã hội quý I-2009 và các nhiệm vụ, giải pháp từ nay đến cuối năm 2009 461
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 45-KL/TW, ngày 10 tháng 4 năm 2009 về việc thí điểm mô hình tập đoàn kinh tế và cơ chế, chính sách ngăn ngừa thất thoát tài sản nhà nước; cơ chế, chính sách bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp cổ phần hóa và đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước sau cổ phần hóa 466
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 218-QĐ/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2009 về việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ đối với một số Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X 476
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 242-TB/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2009 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020 479
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 34-CT/TW, ngày 17 tháng 4 năm 2009 về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa 491
- Quyết định của Ban Bí thư, số 219-QĐ/TW, ngày 17 tháng 4 năm 2009 ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương với các ban cán sự đảng bộ, ngành và đảng đoàn các cơ quan Trung ương 499
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 220-QĐ/TW, ngày 17 tháng 4 năm 2009 về việc ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng 507

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 243-TB/TW, ngày 20 tháng 4 năm 2009 về chủ trương phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng 532
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 46-KL/TW, ngày 21 tháng 4 năm 2009 về những công việc cần làm để triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa X), phân công chỉ đạo chuẩn bị và thời gian hoàn thành các đề án 535
- Quyết định của Ban Bí thư, số 221-QĐ/TW, ngày 27 tháng 4 năm 2009 ban hành Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân 541
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 47-KL/TW, ngày 6 tháng 5 năm 2009 về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XII và những chủ trương, giải pháp phát triển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 551
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 246-TB/TW, ngày 6 tháng 5 năm 2009 về tổ chức Hội nghị quốc tế quảng bá văn học Việt Nam 563
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 247-TB/TW, ngày 8 tháng 5 năm 2009 về Đề án Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam 565
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 35-CT/TW, ngày 8 tháng 5 năm 2009 về lãnh đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam 568
- Quy định của Ban Bí thư, số 222-QĐ/TW, ngày 8 tháng 5 năm 2009 chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh ủy, thành ủy 572

- Quyết định của Bộ Chính trị, số 223-QĐ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2009 ban hành Quy chế về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Quốc hội với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, tổ đảng các đoàn đại biểu Quốc hội, các ban Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương 595
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 248-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2009 về một số vấn đề thuộc nội dung chương trình kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XII (tháng 5-2009) 611
- Quyết định của Ban Bí thư, số 224-QĐ/TW, ngày 22 tháng 5 năm 2009 thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức Hội nghị quốc tế quảng bá văn học Việt Nam 616
- Quyết định của Ban Bí thư, số 225-QĐ/TW, ngày 22 tháng 5 năm 2009 về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương 619
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 48-KL/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2009 về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế đến năm 2020 621
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 226-QĐ/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2009 thành lập đoàn kiểm tra thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước 631
- Quyết định của Ban Bí thư, số 227-QĐ/TW, ngày 28 tháng 5 năm 2009 thành lập đoàn kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị” 634

- Quyết định của Ban Bí thư, số 228-QĐ/TW, ngày 29 tháng 5 năm 2009 thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 38-NQ/TW, ngày 16-5-1981 của Ban Bí thư về tổ chức đảng ngoài nước 636
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 249-TB/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2009 về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức các hội đồng thẩm định bản thảo hội ký, tác phẩm về các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước 639
- Quyết định của Ban Bí thư, số 229-QĐ/TW, ngày 9 tháng 6 năm 2009 thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Chủ nhiệm Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam 641
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 49-KL/TW, ngày 12 tháng 6 năm 2009 về một số vấn đề đổi mới cách ra nghị quyết, chỉ thị và việc quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng 644
- Quyết định của Ban Bí thư, số 230-QĐ/TW, ngày 12 tháng 6 năm 2009 thành lập Ban Chỉ đạo các hội đồng thẩm định bản thảo hội ký, tác phẩm về các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước 649
- Quy định (bổ sung) của Ban Bí thư, số 231-QĐ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2009 về quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc 652
- Thông báo ý kiến Bộ Chính trị, số 253-TB/TW, ngày 17 tháng 6 năm 2009 về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 Luật nhà ở, Điều 121 Luật đất đai và dự án Luật lý lịch tư pháp 667
- Quyết định của Ban Bí thư, số 232-QĐ/TW, ngày 22 tháng 6 năm 2009 về bổ sung nhân sự Hội đồng Lý luận,

- phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, nhiệm kỳ Đại hội X 669
- Quyết định của Ban Bí thư, số 233-QĐ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 2009 về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 39-CT/TW, ngày 21-5-2004 của Bộ Chính trị “về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến” 671
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 29 tháng 6 năm 2009 675
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 32-NQ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2009 683
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 4 tháng 7 năm 2009 691
- Thông báo Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X 704
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 50-KL/TW, ngày 29 tháng 6 năm 2009 về dự thảo Quy chế thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ 713
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 36-CT/TW, ngày 2 tháng 7 năm 2009 về kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh 715
- Quyết định của Ban Bí thư, số 235-QĐ/TW, ngày 3 tháng 7 năm 2009 thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Phát huy vai trò của doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” 723

- Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, số 236-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009 bổ sung thành viên Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới 726
- Quyết định của Ban Bí thư, số 237-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009 về việc cử cán bộ tham gia Thường trực Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 728
- Quyết định của Ban Bí thư, số 238-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009 về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 730
- Quyết định của Ban Bí thư, số 239-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009 về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 732
- Quyết định của Ban Bí thư, số 241-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009 về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 734
- Quyết định của Ban Bí thư, số 242-QĐ/TW, ngày 8 tháng 7 năm 2009 về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 736
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 243-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009 thành lập đoàn kiểm tra thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước 738

- Quyết định của Ban Bí thư, số 244-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009 về thay thành viên đoàn kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị” 741
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 254-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009 về việc ban hành một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các cơ quan đảng ở Trung ương và các cấp ủy địa phương 743
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 255-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009 về việc tăng tỷ lệ và số lượng phó bí thư cấp ủy xã, thị trấn khi thực hiện thí điểm chủ trương đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân 745
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 256-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009 về việc nâng cấp và chuyển Báo Người đại biểu nhân dân trực thuộc Văn phòng Quốc hội thành Báo Đại biểu nhân dân trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội 747
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 257-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009 về tổ chức kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống lực lượng quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào 749
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 258-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2009 về tổ chức kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành tuyên giáo (1-8-1930 - 1-8-2010) 751
- Quyết định của Ban Bí thư, số 245-QĐ/TW, ngày 20 tháng 7 năm 2009 về việc cử cán bộ tham gia Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 753
- Quyết định của Ban Bí thư, số 246-QĐ/TW, ngày 20 tháng 7 năm 2009 thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo

- Chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa 755
- Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, số 247-QĐ/TW, ngày 21 tháng 7 năm 2009 về việc thành lập Tiểu ban Nhân sự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng 757
 - Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, số 249-QĐ/TW, ngày 21 tháng 7 năm 2009 về việc thành lập Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng 760
 - Kết luận của Bộ Chính trị, số 51-KL/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2009 về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW, ngày 12-1-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội 763
 - Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 261-TB/TW, ngày 24 tháng 7 năm 2009 về việc nâng cấp và chuyển Báo Người đại biểu nhân dân trực thuộc Văn phòng Quốc hội thành Báo Đại biểu nhân dân trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội 768
 - Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 262-TB/TW, ngày 24 tháng 7 năm 2009 về Ngày Điện ảnh Việt Nam 770
 - Quyết định của Ban Bí thư, số 250-QĐ/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2009 về việc bố trí cán bộ làm chuyên gia của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng “nông thôn mới” trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa 772
 - Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 263-TB/TW, ngày 31 tháng 7 năm 2009 về xây dựng Quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội và nghiên cứu lý luận chính trị 774
 - Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 264-TB/TW, ngày 31 tháng 7 năm 2009 về tổ chức cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” 776

- Quy định của Ban Bí thư, số 251-QĐ/TW, ngày 31 tháng 7 năm 2009 về chế độ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư 781
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 37-CT/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2009 về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng 788
- Quyết định của Ban Bí thư, số 252-QĐ/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2009 bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước 803
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 53-KL/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2009 về Đề án “An ninh lương thực quốc gia đến năm 2020” 805
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 265-TB/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2009 về Đại hội lần thứ VII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 809
- Quyết định của Ban Bí thư, số 253-QĐ/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2009 ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương với đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương 813
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 266-TB/TW, ngày 11 tháng 8 năm 2009 về Đề án “Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” 822
- Kết luận của Ban Bí thư, số 54-KL/TW, ngày 13 tháng 8 năm 2009 về việc lập quy hoạch đầu tư xây dựng mới Khách sạn Tây Hồ và đầu tư Dự án Nhà làm việc liên cơ quan tại số 105, 107 phố Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội 824
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 269-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2009 về chủ trương xây dựng Khu tưởng niệm đồng chí Võ Văn Kiệt tại tỉnh Vĩnh Long 827

- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 270-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2009 về chủ trương bảo tồn, tôn tạo di tích tại Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp 829
- Quyết định của Ban Bí thư, số 255-QĐ/TW, ngày 4 tháng 9 năm 2009 thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” 831
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 38-CT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 2009 về “Đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế trong tình hình mới” 835
- Quy định của Ban Bí thư, số 256-QĐ/TW, ngày 16 tháng 9 năm 2009 về việc xác định trình độ lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên đã học lý luận chính trị ở các cơ sở đào tạo ngoài hệ thống trường chính trị của Đảng hoặc đã học đại học chính trị chuyên ngành và sau đại học tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh 844
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 271-TB/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2009 về nội dung kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa XII; về các dự án luật trình Quốc hội xem xét tại kỳ họp thứ sáu và dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách 848
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 273-TB/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2009 về tình hình kinh tế - xã hội năm 2009 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 852
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 274-TB/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2009 về Đề án tăng cường năng lực điều tra xã hội học, nắm bắt dư luận xã hội 855
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 275-TB/TW, ngày 29 tháng 9 năm 2009 về “Chiến lược xây dựng và phát

- triển đội ngũ cán bộ tuyên giáo thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” 857
- Quy định của Bộ Chính trị, số 260-QĐ/TW, ngày 2 tháng 10 năm 2009 về việc thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ 859
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 5 tháng 10 năm 2009 870
- Báo cáo của Bộ Chính trị, số 193/TLHN, ngày 25 tháng 9 năm 2009 tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 (*Trình Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X*) 876
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 33-NQ/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2009 990
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 10 tháng 10 năm 2009 992
- Thông báo Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X 999
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 277-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2009 về các đề nghị của Tỉnh ủy Bình Định sau Hội thảo khoa học “Nguyễn Tất Thành ở Bình Định” 1006
- Quyết định của Ban Bí thư, số 262-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Tuyên giáo Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 1008
- Quyết định của Ban Bí thư, số 263-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy

- ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 1019
- Quyết định của Ban Bí thư, số 264-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 1029
- Quyết định của Ban Bí thư, số 265-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 1041
- Quyết định của Ban Bí thư, số 266-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 1051
- Quyết định của Ban Bí thư, số 267-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Bộ Biên tập Báo Nhân Dân về tuyên truyền và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng 1062
- Quyết định của Ban Bí thư, số 268-QĐ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2009 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng 1073
- Kết luận của Ban Bí thư, số 56-KL/TW, ngày 20 tháng 10 năm 2009 về tổ chức Đại hội Liên minh Hợp tác xã Việt Nam lần thứ IV, nhiệm kỳ 2010 - 2015 1084

- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 278-TB/TW, ngày 24 tháng 10 năm 2009 về việc tổng kết Chỉ thị 45-CT/TW, ngày 11-11-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) và công tác chuẩn bị Đại hội VI của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam 1088
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 279-TB/TW, ngày 26 tháng 10 năm 2009 về việc đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Lai Châu 1092
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 280-TB/TW, ngày 27 tháng 10 năm 2009 về Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam (2010 - 2020) 1095
- Quyết định của Ban Bí thư, số 271-QĐ/TW, ngày 27 tháng 10 năm 2009 về tập trung tài liệu, văn kiện, lập Phòng Lưu trữ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam 1097
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 281-TB/TW, ngày 29 tháng 10 năm 2009 về việc nhận Huân chương Vàng quốc gia của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào trao tặng cho quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam 1099
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 282-TB/TW, ngày 3 tháng 11 năm 2009 về Hội thảo nữ trí thức đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 1101
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 284-TB/TW, ngày 10 tháng 11 năm 2009 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật 1103
- Quyết định của Ban Bí thư, số 272-QĐ/TW, ngày 11 tháng 11 năm 2009 ban hành quy chế quan hệ phối hợp công tác giữa Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương 1105

- Kết luận của Ban Bí thư, số 59-KL/TW, ngày 25 tháng 11 năm 2009 về chế độ, chính sách phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ, công chức ngành kiểm tra Đảng 1118
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 286-TB/TW, ngày 25 tháng 11 năm 2009 về việc truy điệu và di dời hài cốt đồng chí Hà Huy Tập, cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam 1120
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 285-TB/TW, ngày 25 tháng 11 năm 2009 về đề nghị của các cựu tù chính trị Côn Đảo 1121
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 60-KL/TW, ngày 27 tháng 11 năm 2009 về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên (giai đoạn 2010 - 2020) 1123
- Quyết định của Ban Bí thư, số 273-QĐ/TW, ngày 27 tháng 11 năm 2009 về việc lập Ban Tổ chức Lễ truy điệu, di dời và an táng hài cốt đồng chí cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập 1133
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 287-TB/TW, ngày 30 tháng 11 năm 2009 về việc tổ chức Đại hội Hội Luật gia Việt Nam lần thứ XI 1135
- Kết luận của Ban Bí thư, số 61-KL/TW, ngày 3 tháng 12 năm 2009 về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020” 1138
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 288-TB/TW, ngày 4 tháng 12 năm 2009 về việc ban hành các quy định trong công tác chỉ đạo, quản lý các hoạt động xuất bản 1141
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 289-TB/TW, ngày 4 tháng 12 năm 2009 về xây dựng mô hình nhà xuất bản trước yêu cầu mới 1143

- Quyết định của Ban Bí thư, số 275-QĐ/TW, ngày 4 tháng 12 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14-12-2004 của Ban Bí thư (khóa IX) về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, mặt trận và các đoàn thể 1145
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 62-KL/TW, ngày 8 tháng 12 năm 2009 về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội 1151
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 291-TB/TW, ngày 8 tháng 12 năm 2009 về việc Báo Nhân Dân xuất bản ấn phẩm mới - báo *Thời Nay* 1160
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 292-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 2009 về việc giải quyết hậu quả chất độc hóa học do Mỹ tiến hành trong chiến tranh ở Việt Nam và công tác chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam; tổ chức hoạt động của Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam 1161
- Quyết định của Ban Bí thư, số 280-QĐ/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2009 thành lập Hội đồng Nghiệm thu các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh 1165
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 293-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2009 về Đề án quy định về quan hệ công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy 1167
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 294-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2009 về việc tổng kết Nghị quyết của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách

mạng mới và tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	1169
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 63-KL/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2009 về Báo cáo kết quả kiểm tra sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) “Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị”	1171
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 295-TB/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2009 về Dự án xuất bản bộ sách “Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ - văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh”	1184
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 296-TB/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc Tỉnh ủy Tây Ninh xin chủ trương đúc tượng và rước tượng Bác Hồ; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị dựng tượng Bác Hồ trong Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1186
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 297-TB/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2009 về đặt tên đường mang tên đồng chí Võ Văn Kiệt	1188
PHỤ LỤC	1189
- Tuyên bố chung Việt Nam - Nhật Bản về quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á	1191
- Tuyên bố chung Việt Nam - Lào	1197
- Tuyên bố chung Việt Nam - Niu Dilân	1205
- Tuyên bố chung Việt Nam - Ôxtrâylia	1210
- Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia	1215
- Diễn văn của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Lễ kỷ niệm 64 năm Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2-9 và 40 năm thực hiện <i>Di chúc</i> của Chủ tịch Hồ Chí Minh	1222

- Phát biểu của đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước tại Lễ kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 20 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân	1235
- Phát biểu của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội tại Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam và đón nhận Huân chương Sao Vàng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	1243
- Phát huy sức mạnh tổng hợp, nỗ lực phấn đấu ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội (bài viết của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ)	1249

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
PGS. TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH
TS. VŨ THỊ HƯƠNG
ThS. NGUYỄN DIỆU LINH
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: VŨ THỊ HƯƠNG
NGUYỄN DIỆU LINH

In 5.000 cuốn, khổ 15 x 22cm, tại.....
Giấy đăng ký xuất bản số:
Quyết định xuất bản số:
Mã số ISBN:
In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2017.